NGUYỄN MẠNH TUẤN

LINH ỨNG

Hành trình của kẻ siêu vô thần đến thế giới tâm linh

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

First News
Where there's a will - there's a way

LINH ỨNG

Tác giả: **Nguyễn Mạnh Tuấn**

Thể loại: **Tiểu thuyết Tâm linh**

Nhà xuất bản: **Dân Trí**

Phát hành: **FIRST NEWS**

Text: **Waka**

Ebook: **nguyenthanh-cuibap**

Dành cho cậu mợ và gia đình tôi với lời cảm ơn sâu sắc.
Cảm ơn em - vợ anh vì đã yêu anh, đã chịu đựng và đồng hành cùng anh suốt những năm tháng qua.
Cảm ơn những người bạn hữu đã không quản thời gian công sức động viên chúng tôi trên hành trình đầy gian nan này.
Cảm ơn những nhà ngoại cảm chân chính đã tận tâm tận lực để hành trình tìm người thân của chúng tôi ngắn lại.
Và đặc biệt, cảm ơn anh trai tôi và các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh vì đất nước này.
Anh Khôi ơi! Em cảm ơn anh vì anh đã trở về.
Nguyễn Mạnh Tuấn

LỜI GIỚI THIỆU

Một buổi sáng trong những ngày giãn cách, nhà văn Nguyễn Mạnh Tuấn gọi điện thoại cho tôi, ngỏ ý muốn đưa tôi đọc và xuất bản tác phẩm tâm đắc nhất của ông, chủ đề về tâm linh, mà ông vừa hoàn tất. Tôi hỏi:

- Vì sao ông chọn First News - Trí Việt để xuất bản?

Ông vào thẳng vấn đề:

- Ngành xuất bản và văn hóa đọc đã thực sự bước sang một trang mới, với hàng trăm đầu sách nổi bật xuất hiện mỗi tháng. Tôi tìm đến anh vì anh là người có khả năng tiếp cận bạn đọc và linh cảm về thời thế sát hơn tôi. Thêm nữa, tôi đã đọc và yêu mến nhiều đầu sách tâm linh đặc biệt đã được First News xuất bản, như *Hành Trình Về Phương Đông, Trở Về Từ Xứ Tuyết, Dấu Chân Trên Cát và Muôn Kiếp Nhân Sinh*. Tôi biết anh đã luôn dành nhiều nhiệt huyết cho những cuốn sách có giá trị mở mang đời sống tinh thần cho người dân Việt. Đây là cuốn sách tâm huyết nhất và cũng có thể là cuốn sách sau cùng trong sự nghiệp văn chương của tôi. Những câu chuyện trong sách đều có thật, liên quan đến những điều thiêng liêng nhất trong cuộc đời tôi. Khi đi qua những trải nghiệm kỳ lạ và sâu sắc này, tôi nhận ra rằng đây không còn là câu chuyện của cá nhân tôi mà nó sẽ rất cần thiết, hữu ích cho nhiều người Việt Nam. Chính vì vậy, tôi tin rằng cuốn sách sẽ được nhiều độc giả quan tâm và tranh luận sau khi đọc.

Về tuổi tác, nhà văn Nguyễn Mạnh Tuấn hơn tôi gần hai giáp, nhưng những truyện ngắn và tiểu thuyết của ông (đặc biệt là hai tác phẩm *Đứng Trước Biển* và *Cù Lao Tràm*) đã làm tôi bất ngờ ngay từ hồi còn là sinh viên. Thế nên, ngay lập tức tôi đề nghị ông gửi bản thảo cuốn sách

mới cho tôi.

Ngay buổi trưa hôm đó, bản thảo tác phẩm Linh Ứng được chuyển đến tận tay tôi. Nhìn tầm vóc của bản thảo, tôi biết chắc rằng cuốn sách tâm huyết này của ông sẽ có độ dày khác biệt. Vào thời điểm văn hóa đọc đang gặp nhiều thử thách khắc nghiệt, khiến nhiều người viết nản lòng, thì sức lao động của một nhà văn kỳ cựu, nổi tiếng, đã ngoài bảy mươi tuổi như ông thật đáng khâm phục.

Suốt khoảng thời gian sau đó, tôi đã không thể rời mắt khỏi những trang bản thảo Linh Ứng. Cuốn sách này đã vượt khỏi mọi sự tưởng tượng và hình dung của tôi và những người bạn về đề tài tâm linh, gọi hồn, tìm mộ liệt sĩ và ngoại cảm.

Khác với nhiều tác phẩm về đề tài tâm linh, tìm mộ liệt sĩ, Linh Ứng của nhà văn nổi tiếng Nguyễn Mạnh Tuấn mang tầm vóc đồ sộ của ký ức, lịch sử, văn hóa, tâm linh, tình người, tình đồng đội và mang triết lý nhân sinh sâu sắc. Nhân vật chính trong tác phẩm những tưởng là vợ chồng nhà văn Nguyễn Mạnh Tuấn trên hành trình tìm mộ của anh trai - liệt sĩ Nguyễn Minh Khôi. Nhưng càng đọc, tôi càng nhận ra, trong không gian đa chiều, chính người lính đã khuất tên Khôi mới là nhân vật trung tâm, với đầy đủ phẩm tính của một người hùng lý tưởng muốn hy sinh tất cả tuổi thanh xuân vì Tổ quốc, vì con người. Cuộc đời của người lính lãng mạn, kiêu hùng, đa cảm, tài hoa tên Khôi được kể đan xen giữa quá khứ và hiện tại hấp dẫn đến lạ lùng. Một Hà Nội hào hoa, sống động, đầy ắp nỗi niềm của quá khứ hiện lên trước mắt tôi chân thực đến mức như chính tôi được trải qua những ngày tháng khốc liệt nhưng luôn đầy ắp tình người đó. Với ngòi bút của một người đã đi qua ngót nghét tám mươi năm cuộc đời, chứng kiến tận mắt biết bao thăng trầm thời cuộc, Linh Ứng chắc chắn là tinh hoa để đời, với những khám phá tâm linh hiếm có của nhà văn Nguyễn Mạnh Tuấn.

Trong Linh Ứng, ta thấy những vết thương chiến tranh vẫn còn khắc sâu. Gần nửa thế kỷ đã trôi qua nhưng vẫn còn những người cha, người

mẹ, người vợ lặn lội đi tìm hài cốt, bóng dáng người thân. Có gia đình may mắn tìm được, có người thì đến lúc chết vẫn còn dặn dò con cháu phải tiếp tục đi tìm... Họ tìm bằng mọi cách, bám víu vào mọi hy vọng từ tư liệu quân đội, thông tin từ người dân, cho đến sự hỗ trợ của những nhà ngoại cảm qua sự giới thiệu của Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Tiềm năng Con người… Trong ma trận nhá nhem giữa thực - hư của tâm linh, ngoại cảm, chính sự linh thiêng của hương hồn các liệt sĩ đã dẫn lối cho người thân, để sau cùng tìm được di cốt của họ.

Tác phẩm không chỉ vén bức màn bí ẩn về những nhà ngoại cảm sở hữu những năng lực nằm ngoài sự lý giải của khoa học mà còn cho người đọc thấu hiểu sâu sắc nỗi đau của quá khứ để trân trọng hơn những khoảnh khắc bình yên quý giá của hiện tại và hướng tới một tương lai tốt đẹp hơn. Linh Ứng ly kỳ như một thước phim điện ảnh linh dị khiến tôi không thể buông xuống nửa chừng, nhưng sau tất cả, đó lại là một câu chuyện chân thành, sâu sắc, nhẹ nhàng, chạm vào tim tôi bằng những cảm xúc hiếm có của tình người. Mặc dù có những tình tiết sởn gai ốc, thậm chí khiến trái tim tôi thắt lại khi những bí mật được hé lộ, nhưng khi đọc tới những dòng cuối cùng, tôi vẫn cầm cuốn sách trên tay, không nỡ rời khỏi dòng chảy cảm xúc dữ dội của Linh Ứng. Tôi tin rằng tác phẩm đặc biệt này cần phải được lan toả sâu rộng vì những giá trị thiêng liêng, đẹp đẽ trong nội hàm câu chuyện. Và hơn hết, đây là câu chuyện hoàn toàn có thật.

Để tránh những nhận xét cảm tính, chủ quan, sau đó tôi đã nhờ những chuyên gia thông thạo, phù hợp với thể loại sách này đọc qua và cho nhận xét. Nhà văn Nguyễn Mạnh Tuấn vốn đã là nhà văn tên tuổi, nhưng Linh Ứng kể những câu chuyện hiện vẫn được coi là nhạy cảm, nên sẽ cần được cảm nhận, đánh giá một cách đa chiều từ những người đọc có kiến thức, thị hiếu khác nhau. Và bất ngờ, tôi đã nhận được sự hồi âm sớm hơn dự tính. Dù có những nhìn nhận khác nhau, nhưng tất cả đều đánh giá cao tác phẩm mới với sự đột phá này. Sau cùng, tôi rút

ra: *"Đây là tác phẩm đan xen rất chặt chẽ giữa đời và đạo, giữa cuộc sống hiện tại và quá khứ, nhưng vẫn hoàn toàn là chuyện nóng hổi của hôm nay. Tác phẩm có rất nhiều chuyện của cõi âm nhưng vẫn ngồn ngộn hơi thở thời sự của cõi dương".*

Tôi ủng hộ xuất bản Linh Ứng cũng vì lý do khích lệ các nhà khoa học chân chính đang nghiên cứu và khám phá thế giới tâm linh và cũng vì chính tâm nguyện của tôi khi theo đuổi con đường làm sách - đó là lan tỏa và đánh thức những hạt mầm yêu thương, sự trắc ẩn trong mỗi con người. Đặc biệt, trong giai đoạn Việt Nam và cả thế giới đang gồng mình chống lại đại dịch cùng nhiều biến cố, thiên tai khác, tôi muốn góp sức lưu giữ và truyền lại một câu chuyện về giá trị gia đình, khôi phục lý tưởng sống, lẽ trước sau, đạo làm người. Đồng thời, câu chuyện có thật này có thể cung cấp thêm nhiều bằng chứng cho sự tồn tại thế giới vô hình. Hiểu rằng vũ trụ bao la còn có bao điều bí ẩn, lớn lao mà chúng ta không thấy, không biết hay chưa đủ duyên để khám phá, có lẽ con người sẽ ý thức hơn về vị trí khiêm tốn của mình và ngưng hành động ngông cuồng, bất chấp hậu quả về sau. Hy vọng chúng ta có thể ngồi lại, ngẫm về sự ngắn ngủi, vô thường của kiếp người mà trân trọng từng cơ hội gieo duyên lành, tránh điều ác, chỉ để lại quả ngọt, không để lại nỗi đau. Có như vậy Việt Nam cũng như nhân loại mới có thể cùng vượt qua những u mê, hướng về điều tươi sáng.

- Nguyễn Văn Phước

Sáng lập First News Trí Việt

Câu chuyện kỳ lạ chưa từng xảy ra

Đây là câu chuyện hoàn toàn có thật, về việc vợ chồng tôi trong lúc cấp bách đã nhờ một nhà ngoại cảm chưa quen biết gọi hồn để tìm người anh ruột tôi là Nguyễn Minh Khôi, sinh năm 1942, quê quán Lập Chí, Minh Trí, Kim Anh, Vĩnh Phúc (nay là Sóc Sơn, Hà Nội), hy sinh ngày 12-3-1970, tại Mặt trận miền Đông Nam Bộ (theo giấy báo tử số 818 AP/VP, ngày 15-6-1977, Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh Vĩnh Phú), sau bốn mươi năm không tìm thấy hài cốt. Thật bất ngờ, hồn anh đã hiện về - linh ứng. Đây là một trải nghiệm ly kỳ mà tôi không sao giải thích được bằng tư duy hiểu biết

thông thường, nên tôi quyết định thuật lại, để vài chục hoặc vài trăm năm sau, khi khoa học về sự huyền bí của con người phát triển ở tầm cao hơn, có thể sẽ sáng tỏ việc: Cuộc sống của mỗi người chúng ta trên cõi trần gian này phải chăng có sự can thiệp, sắp xếp vô hình của thế giới tâm linh, nhằm tận cùng cân bằng đạo lý giữa con người với con người, giữa đời và đạo, giữa sống và chết, giữa xác và hồn?

THẦY LƯ

Tháng Mười năm 2009.

Vợ chồng tôi bay từ Sài Gòn ra Hà Nội. Sau đó, chúng tôi tiếp tục đi Hà Nam cùng với chị ruột tôi - Nguyễn Thị Minh Tâm, sinh năm 1936, giảng viên khoa Địa lý trường Đại học Nông nghiệp 2, hiện đã nghỉ hưu. Đích đến của chúng tôi là nhà thầy ngoại cảm Nguyễn Văn Lư. Chúng tôi tìm đến thầy Lư qua sự giới thiệu và kết nối của Phó Giáo sư, Tiến sĩ Bùi Tiến Quý, Viện trưởng Viện Khoa học Hình sự, Bộ Công an, một chuyên gia nghiên cứu lâu năm về tiềm năng bí ẩn của con người. Chuyến đi này xuất phát từ một sự cố bất thành thô thiển trong vụ nhờ tìm hài cốt anh tôi với một nhà ngoại cảm khác, khiến tôi nghĩ sẵn tiện thì đi thêm một lần nữa để xem thực chất của việc tìm hài cốt liệt sĩ bằng phương pháp ngoại cảm là gì? Phải chăng cũng chỉ là một loại trò ảo thuật? Thế nên, mục đích tìm được hài cốt anh tôi trong chuyến đi chỉ chiếm mười phần trăm hy vọng.

Chiếc taxi màu xanh của hãng Mai Linh chở chúng tôi xuất phát từ Hà Nội lúc bảy giờ. Đường cao tốc Pháp Vân – Cầu Giẽ từ Hà Nội về hướng Nam Định rộng rãi, thông thoáng, nhưng do tắc nghẽn ở đoạn nội thành, nên hơn mười giờ chúng tôi mới đến đường bê tông rẽ phải vào thôn Đồng Mật, xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng, Hà Nam, cách Hà Nội không xa.

Từ đường trục bê tông xuyên xã, rẽ trái vào một đường đất dọc bờ tre, đi khoảng hơn trăm mét thì đến nhà thầy Lư. Trước cổng nhà là khoảng đất rộng, có gần chục chiếc xe hơi biển số Hà Nội và các tỉnh đậu nối đuôi nhau. Bên trong là bãi giữ xe gắn máy và mấy cụm bàn ghế cóc nép dưới bóng dãy cây xoan do bà con trong làng bày ra cho khách hoặc cánh lái xe nghỉ chân, uống nước, hút thuốc. Trước cổng có mấy bác xe

ôm ngồi trên xe tán gẫu, chờ đón khách. Không khí làng quê ở chốn hội tụ nho nhỏ này khá yên ả. Chẳng ai tỏ ra ngạc nhiên khi thấy có thêm đám khách lạ là chúng tôi.

Gia đình thầy Lư ở ngôi nhà ngói lớn, khá khang trang, có lẽ chỉ mới xây hoặc sửa vài năm gần đây. Trước nhà là sân gạch rộng trải suốt từ cổng dọc theo một hàng cây vào thẳng dãy nhà ngang cũ kỹ, có lẽ trước là nhà ở chính, nay dùng làm nhà phụ. Trời đang cuối thu, cái nắng về trưa hơi lóa mắt nhưng vẫn còn dễ chịu. Khác hẳn không khí rộn rịp ngoài cổng, trong sân vắng vẻ, không một bóng người. Một phụ nữ đứng tuổi, dáng vẻ chân quê, không rõ là khách hay người nhà, từ trong dãy nhà phụ bước ra. Chỉ nhìn là biết chúng tôi khách đường xa, người phụ nữ nhanh nhảu khoát tay về phía gian nhà mới:

- Mọi người lên hết trên điện rồi.

Vợ tôi hỏi:

- Có đông không chị?

Người phụ nữ trả lời:

- Ngày nào cũng chật điện.

Tôi bắt đầu lo ngại việc mình đến trễ có thể khiến việc hôm nay không thành. Khi giới thiệu chúng tôi đến đây, Tiến sĩ Bùi Tiến Quý có nói: "Tôi đã gọi điện cho cậu Lư để lưu ý về trường hợp của anh, nhưng anh vẫn cứ phải đến sớm, vì cậu ấy rất đông khách. Nhiều khi hôm nay đăng ký nhưng mấy ngày sau mới đến lượt".

Chúng tôi chỉ còn đúng một ngày ở Hà Nội. Vé khứ hồi chuyến bay vào Sài Gòn lúc bảy giờ sáng ngày mai đã đặt rồi. Nếu trong hôm nay vụ gọi hồn từ thầy Lư không thành, chắc chắn chúng tôi sẽ không ra thêm lần nữa. Không phải chúng tôi không có thì giờ hay sợ tốn kém mà là việc tìm đến ông thầy ngoại cảm này không phải mục đích chính của chuyến ra Hà Nội.

Thầy Lư chỉ là một thanh niên khoảng hai mươi chín, ba mươi tuổi, mặc áo sơ mi trắng dài tay, quần ka ki màu ghi cũ, vóc người cao, thô,

nhanh nhẹn, mặt vuông, lông mày đậm, trừ đôi mắt sáng có phần sắc sảo thì còn lại là thần thái của người chân phương, chất phác.

Lúc chúng tôi đến, ông thầy trẻ đã ngồi trước bàn thờ trong gian thờ thông thoáng, miệng lẩm nhẩm những lời cầu khấn. Bàn thờ thấp, rộng, bằng gỗ mộc, không chạm trổ cầu kỳ như thường thấy ở những đền chùa, nơi thờ phụng truyền thống. Tượng Phật Bà Quan Âm được đặt ở giữa, phía trước đặt khay trái cây lớn, xung quanh là các ngọn nến điện và nến sáp. Bát nhang trên bàn thờ không thắp nhiều nhang, đèn sáng vừa đủ, gian thờ khá chật, nhưng cũng đủ để gần trăm người ngồi chen chúc trên sàn gạch men không thấy ngột ngạt hay cảm thấy không khí quá âm u, huyền bí.

Người ở đây đến từ tứ xứ, tất cả đều tìm đến nhờ cậy ông thầy cầu hồn, tìm mộ người thân là liệt sĩ, những người hy sinh trong hoạt động chống Pháp hay chống Mỹ, hài cốt thất lạc từ lâu. Hầu hết họ đều mang vẻ chân thành, giản dị…

Có ba người đang ngồi đối diện với thầy Lư, gồm hai phụ nữ, một người khoảng ngoài bảy mươi tuổi, người kia cỡ bốn mươi tuổi và một người đàn ông có vẻ là chồng người phụ nữ trẻ. Trong khi hai phụ nữ mang nét mặt thành kính, đôi mắt rưng rưng, vẻ vừa nơm nớp vừa hy vọng, miệng liên tục lẩm bẩm: “Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật…”, thì người đàn ông lại ra vẻ lạnh lùng, miễn cưỡng, mắt nhìn thầy Lư đầy ý săm soi. Không khí trong điện trầm mặc, căng thẳng, thời gian như ngừng trôi. Nhiều gương mặt thành tâm đến gần như mê muội.

Chị Tâm, người đã vài lần cùng bạn đến số 1 Đông Tác - Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Tiềm năng Con người để dự những buổi cầu hồn, tỏ ra hiểu biết, khẽ khọt vào tai tôi:

- Ông thầy đang gọi hồn cho người thân của ba người kia.

Cuộc gọi hồn không có vẻ gì là sớm kết thúc, ấy là mới chỉ một gia đình, trong khi người chờ có đến hàng trăm… Trong bầu không khí linh thiêng, trước thánh thần, người với người đều bình đẳng, bất cứ sự vụ

lợi nào cũng là thiếu tự trọng, nhưng nghĩ đến việc ngày mai phải bay sớm vào Sài Gòn, không còn có cơ hội trở ra, tôi đẩy sự sốt ruột sang vợ bằng cái bấm tay ngầm. Vợ tôi hiểu ý, xích đến bên người phụ nữ đứng tuổi ngồi cạnh thầy Lư, có vẻ là người phụ lễ, thì thầm:

- Xin lỗi. Nhờ chị nói với thầy, chúng tôi được ông Bùi Tiến Quý giới thiệu…

Người phụ nữ không cần nghe hết câu, đã nói nhỏ:

- Thầy đã hẹn với hồn rồi.

Tôi thở phào. Vậy là chúng tôi không đến nỗi phải chờ đến mai.

Đúng lúc đó, thầy Lư mở mắt, nói với ba người ngồi trước mặt:

- Hồn liệt sĩ Trần Văn Đăng đã về nhưng đang giận, nên nhất định không gặp các người.

Người phụ nữ lớn tuổi tái mặt:

- Thưa thầy, vì sao ạ?

Thầy Lư đáp:

- Tôi đã dặn, trước khi đi phải thắp nhang trên bàn thờ, sao bà không làm?

- Thưa… thưa thầy, vì… mấy năm nay, tôi ở Thanh Hóa với con gái và con rể để trông cháu ngoại, trong khi bàn thờ chồng nằm ở nhà tôi, tận Tuyên Quang. Tôi tuổi cao lại bệnh yếu, không về được, nên có nhờ cậu em ở trên đó thắp nhang giúp…

Nói đến đó, người phụ nữ đầm đìa nước mắt:

- Mình ơi! Mình tha lỗi cho tôi… Con nó có nói đưa tôi về Tuyên Quang thắp nhang cho mình như thầy dặn, nhưng sợ cháu ở nhà không ai trông, lại cũng sợ tốn tiền của con…

Người con gái gắt:

- Chuyện đã rồi, u đừng khóc nữa!

Rồi chị quay sang hỏi thầy Lư:

- Thưa thầy, có cách nào cho u tôi và tôi gặp lại được thầy tôi không?

Người đàn ông, rõ ra là chồng người phụ nữ trẻ, lúc này mới cung

kính với thầy Lư:

- Thưa! Tất cả đều lỗi tại tôi… Thú thật với thầy, do chỉ miễn cưỡng chiều vợ và mẹ vợ, nên từ nhà ở Thanh Hóa ra đây, tôi đã không nhiệt tình. Giờ thấy thầy chỉ ngồi đây mà biết mẹ vợ tôi không thắp nhang ở bàn thờ trên Tuyên Quang, tôi biết mình sai. Tôi xin lỗi thầy… và xin thầy có cách nào giúp mẹ và vợ tôi gặp hồn, rồi giúp tìm được hài cốt thầy tôi, chúng tôi xin đội ơn thầy suốt đời.

Thầy Lư nói:

- Muốn gặp lại hồn, bà vẫn phải thắp nhang trên bàn thờ và vẫn gặp tại đây. Còn chuyện hài cốt thì rằm tháng tới, khi nào liệt sĩ về nói địa điểm, tôi sẽ gọi điện báo cho bà, không cần phải đến đây nữa.

Vợ chồng tôi đưa mắt nhìn nhau. Chiều tối hôm qua, suýt nữa chúng tôi đã không thực hiện theo lời Tiến sĩ Bùi Tiến Quý. Trước đó, ông gọi điện báo thầy Lư đồng ý tiếp chúng tôi và dặn thêm như tiện miệng: "Trước khi đi, nhớ thắp nhang trên bàn thờ gia tộc". Nguyên nhà cũ của gia đình tôi ở trên khu An Dương, bên ngoài đê Yên Phụ, nơi đặt bàn thờ gia tộc, hiện do cô em gái và gia đình một cậu em ở, trong khi mỗi lần ra Hà Nội, chúng tôi thường ở khách sạn số 1 Lê Thạch, cạnh vườn hoa Chí Linh, gần Hồ Hoàn Kiếm. Suốt từ chiều đến tối hôm trước, do mải gặp gỡ bạn bè, lúc nhớ ra vụ thắp nhang ở bàn thờ để hôm sau đi Hà Nam, thì trời đã muộn. Nghĩ đến phải đi từ Hồ Hoàn Kiếm lên tận khu An Dương khoảng bốn, năm cây số, đường phố quanh co đông chật, tôi bảo vợ: "Ông Quý chỉ nói để quan trọng hóa vụ gặp nhà ngoại cảm, chứ hai bên chưa gặp nhau, mình có thắp nhang ở Hà Nội hay không cũng chẳng dính líu gì tới vụ gọi hồn tận Hà Nam, giờ phải nghỉ ngơi lấy sức, sáng mai còn dậy sớm để đi...". Vợ tôi thoạt đầu đồng tình, nhưng sau áy náy: "Theo em, chuyện tâm linh, nhiều người nói không dính thì thôi, chứ đã dính vào mà coi thường có khi bị quả báo...". Lúc đó khoảng hơn mười giờ tối, dù đã lên giường chuẩn bị ngủ, chúng tôi lại ngồi dậy thay đồ, gọi xuống phòng trực, nhờ nhân viên khách sạn gọi giúp chiếc taxi...

- Ông Khôi… Liệt sĩ Nguyễn Minh Khôi…

Người phụ nữ phụ lễ vừa nhìn quanh, vừa nhắc lại:

- Liệt sĩ Nguyễn Minh Khôi…

Vài người trong phòng thấy không ai đáp lại, liền xướng theo:

- Nguyễn Minh Khôi!

- Người nhà liệt sĩ Nguyễn Minh Khôi đến chưa?

Trong gian điện thờ yên tĩnh, đầy không khí tín ngưỡng, sao vợ chồng tôi và chị Tâm phải nghe nhắc tên Nguyễn Minh Khôi mấy lần, mới cùng giật nảy mình? Rất có thể vì lúc đó chúng tôi quá chăm chú vào việc ông thầy tiếp xúc với hồn liệt sĩ Trần Văn Đăng, chồng của người phụ nữ ở Tuyên Quang. Nhưng cũng có thể dù đã cố giữ tỉnh táo, chúng tôi vẫn đang bị một ảnh hưởng vô hình lôi kéo vào một cõi khác tự lúc nào…

- Thưa! Tôi là em ông Khôi.

Tôi cùng vợ và chị Tâm đến ngồi trước thầy Lư.

Ông thầy tay lần tràng hạt, đôi mắt dường như đang dại đi:

- Hồn đang về rồi đấy. Ảnh ông Khôi trên bàn thờ không chụp lúc tại ngũ mà chụp lúc thiếu niên, không chụp thẳng mà hơi nghiêng, đúng không?

Tôi thanh minh:

- Khi gia đình nhận được giấy báo tử, trong nhà không có tấm ảnh nào của anh ấy mặc quân phục để đưa lên bàn thờ, đành phóng tấm ảnh hồi học trung học.

Vợ tôi hỏi khẽ:

- Chúng tôi có nhìn thấy và nói chuyện được với hồn không ạ?

Ông thầy:

- Việc này thuộc về hồn. Tin thì được gặp. Không tin thì không gặp.

Sau đó, thần sắc ông thầy trắng bệch, như đã thoát vào cõi khác:

- Ông Khôi còn đứng xa, chưa rõ, nhưng thân phụ ông ấy thì rõ, tóc cụ húi cao, áo sơ mi trắng dài tay, vạt cho trong quần, bế theo đứa cháu

ngoại chừng một tuổi.

Tôi vội nói:

- Xin lỗi thầy! Các cháu ngoại của bố tôi đều còn sống.

Ông thầy vẫn như trong mộng du:

- Tôi không nói mà hồn nói. Cụ thông gia cũng có đây rồi.

Chị Tâm hỏi:

- Cụ thông gia nào ạ?

Ông thầy:

- Cụ này có ba con trai, ba con gái. Một người con gái tên Dung…

Tôi nói:

- Trong họ bên vợ tôi có mấy người tên Dung…

- Bà Dung này có chồng tên Liên… Người con gái lớn là bà Thanh lấy ông Tuấn, em liệt sĩ Khôi, đang ngồi đây, còn một người nữa tên Vân, có chồng tên Dật. Ông thông gia đang mặc đồ bộ rộng màu gụ.

Vợ tôi, Hà Phương, tên thật là Đỗ Thị Thanh. Độ chính xác của thông tin khiến chúng tôi cùng sởn gai ốc, đưa mắt cho nhau. Chị Tâm thì tái mặt, lặng đi như người bị điểm huyệt, khiến tôi phải nắm cánh tay chị để trấn an. Thấy thầy Lư ngồi im như đang lắng nghe ai nói chuyện, tôi bồi hồi:

- Thầy có cách nào cho chúng tôi nhìn thấy hoặc trò chuyện được với các hồn?

Vợ tôi đế thêm vào:

- Tối qua, chúng tôi đã thành kính thắp nhang trên bàn thờ, khấn Trời Phật Thánh Thần phù hộ…

Phải chừng nửa phút, thầy Lư mới như tỉnh ra, nói với chúng tôi:

- Lúc đầu, tôi đã nói rồi. Tin thì nhìn thấy và nghe thấy, không tin thì không thấy gì hết. Hiện cả ba người đã đến đây nhưng cùng đang không tin nên các hồn không nhập. Bây giờ hãy nghe tôi nói lại lời của hồn. Ông Khôi mất vào giữa năm 1970, ngày tháng nào thì vì ông ở xa, tôi nghe không rõ, trong trận đánh kéo dài nhiều ngày, khi quân Mỹ và Việt

Nam Cộng hòa tấn công vào căn cứ quân Giải phóng, trong đó có bệnh xá, nơi ông Khôi và nhiều thương binh đang điều trị, tại một khu rừng ở Svay Rieng, Campuchia, giáp biên giới Việt Nam.

Tôi cắt ngang:

- Xin lỗi thầy, theo giấy báo tử thì anh tôi hy sinh ở mặt trận miền Đông Nam Bộ, tức không dính gì đến Campuchia.

Mặt thầy Lư vẫn không biến sắc:

- Đây là những điều hồn nói chứ không phải tôi. Trước chiến dịch 1970, ông Khôi nằm trong số người ưu tú, được lựa chọn ra Bắc để đào tạo phục vụ cho cuộc chiến lâu dài. Đoàn này đi nửa đường thì bị địch tập kích. Một số hy sinh. Một số khác, trong đó có ông Khôi, bị thương. Ông Khôi bị mảnh đạn làm dập xương ống chân, được đưa vào điều trị tại bệnh xá ở Svay Rieng, thuộc căn cứ của Mặt trận Giải phóng tỉnh Phước Long di tản sang. Tại đây, ông gặp người vợ tên Minh, là y tá của bệnh xá, chăm sóc…

Chị Tâm thì thầm vào tai tôi:

- Khôi làm gì có vợ?

Quá nhiều thông tin chính xác đến kinh ngạc từ thầy Lư trước đó khiến tôi quyết định kiềm chế mọi phản ứng thắc mắc, đồng thời cũng e nếu tôi vội vàng thể hiện sự thiếu niềm tin sẽ làm ông thầy phân tâm, nên tôi nói lại với chị:

- Những gì cậu ta nói sai, để về nhà hãy bàn.

Thầy Lư dường như không để ý đến việc chị em tôi trao đổi với nhau, tiếp tục nói:

- Trong chiến dịch 1970, bệnh xá trong rừng bị máy bay trực thăng địch tấn công, khiến nhiều người hy sinh, trong đó có liệt sĩ Khôi và người vợ y tá.

Chị Tâm và vợ tôi bật khóc.

- Những người chết đều được chôn riêng trong rừng, gần bệnh xá. Sau giải phóng, năm 1982, hài cốt của hai mươi bảy người này đã được

bốc về Việt Nam, an táng tại những nghĩa trang liệt sĩ trong nước, nhưng cụ thể ở đâu, ông Khôi nói đến rằm tháng Giêng âm lịch sang năm mới nói được.

Chị Tâm nôn nóng:

- Sao lâu thế ạ?

- Ông Khôi chỉ nói vậy. Ông còn bảo, muốn biết tin sớm hơn thì về tìm gặp người tên Toản, còn khi đến nơi yên nghỉ của ông, nhớ nhờ người tên Thắng đón ngõ.

Cả chị Tâm lẫn vợ tôi cùng định thắc mắc, nhưng tôi kịp ra hiệu cả hai kiềm chế, rồi hỏi thầy Lư:

- Khoảng lối nào của tháng Giêng thì tôi gọi được cho thầy? Bây giờ đang tháng Mười dương lịch, còn những gần bốn tháng nữa, sợ thầy nhiều việc không nhớ.

Thầy Lư nói:

- Tôi không nhớ, nhưng hồn đã hẹn thì không bao giờ quên. Khi nào ông Khôi báo, tôi sẽ gọi cho ông bà.

Im một lúc, thầy Lư hỏi:

- Khi nói chuyện, ông Khôi có mấy lần nhắc về một người tên Hùng hay Phùng... Trong gia đình hay dòng tộc có ai tên Hùng hay Phùng?

Tôi đáp:

- Trong hai họ nội và ngoại của tôi có bốn người tên Hùng, một ông chú bên nội tên Phùng, cậu em vợ tôi cũng tên Hùng, nhưng có chuyện gì ạ?

Thầy Lư:

- Tôi nghe vậy thì hỏi vậy, chứ ông Khôi cũng không nói chuyện gì.

Ba chị em rời nhà thầy Lư, không ai nói với ai lời nào, bởi nhiều cảm xúc lẫn lộn. Cậu thanh niên lái taxi đưa chúng tôi từ Hà Nội đã đón sẵn ngoài cổng. Xe chuyển bánh, đi được một đoạn trên đường làng, chị Tâm bỗng khan giọng:

- Chắc phải tìm một chỗ ngồi nghỉ, chứ chị ngạt thở quá.

Vợ tôi nói:

- Trước khi đi, chị đã uống thuốc trợ tim rồi mà.

Chị Tâm thều thào:

- Tim thì ổn, nhưng ông thầy cứ như ma xó, nói vanh vách quá nhiều chuyện chỉ riêng trong nhà mình biết, khiến chị bị sốc…

Cậu lái trẻ suốt đường đi từ Hà Nội, sớm trở thành thân quen, nhanh nhảu:

- Cháu sẽ đưa hai bà và ông vào một quán ngay đầu làng. Tiếng là quán nhà quê nhưng cũng có máy lạnh và đủ các loại nước giải khát cao cấp, lẫn các em tiếp viên trẻ đẹp ngực to, mông nở, không khác gì thủ đô. Từ ngày đô thị hóa làng quê để trở thành chuẩn nông thôn mới, ở Hà Nội có bao nhiêu tốt, xấu, nhà quê cháu cũng có đủ.

Ba chị em vào phòng riêng trong quán, gọi nước xong, chị Tâm mới nói:

- Ngay từ đầu, nghe thầy Lư nói đến đứa cháu ngoại khoảng một tuổi cũng hiện về, chị đã sởn gai ốc. Vụ đứa con đầu chưa đầy một tuổi của chị mất vì bệnh từ năm 1959, lứa các em khi ấy còn quá nhỏ không biết, còn chị đã quên lâu rồi, sao ông thầy lại biết?

Vợ tôi bồi hồi:

- Thầy em lúc mất được mặc bộ pijama màu gụ, rồi nhà có ba chị em tên Thanh, Vân, Dung, "bà Dung có chồng tên Liên", cậu ta cũng biết? Giờ nhắc lại chi tiết này, em vẫn rùng mình.

- Lại còn bức ảnh Khôi đặt trên bàn thờ chụp lúc tuổi thiếu niên nữa chứ.

- Đây là điều kỳ lạ không thể giải thích bằng tư duy thông thường, nhưng anh ta cũng nói sai không ít. Ví dụ, giấy báo tử ghi rõ anh Khôi hy sinh ở mặt trận miền Đông Nam Bộ, anh ta lại khẳng định mất ở Svay Rieng, Campuchia và anh Khôi rõ ràng không có vợ.

Vợ tôi nói:

- Hai lần cậu ấy nói rõ vợ là y tá, tên Minh.

- Cũng có trường hợp thương binh được y tá ở bệnh xá trong chiến trường chăm sóc, rồi yêu và lấy nhau, nhưng trường hợp của anh Khôi, cậu Lư nói rõ là "gặp vợ" ở bệnh xá, tức là anh ấy đã có người vợ này từ ngoài Bắc.

Chị Tâm nói thêm:

- Nếu tìm Khôi phải nhờ người tên Thắng đón ngõ. Cậu ta biết đến cả Đỗ Tất Thắng, con cậu Lợi thì đáng sợ thật. (Cậu Lợi ở đây là Giáo sư Tiến sĩ Dược học Đỗ Tất Lợi, cậu ruột tôi). Nhưng Thắng bị tai biến mạch máu não, nằm liệt giường mấy năm nay, làm sao đón ngõ được?

Vợ tôi giải thích với chị Tâm:

- Vụ muốn tìm hiểu sớm về anh Khôi phải gặp một người tên Toản, thì em và anh Tuấn đã gặp anh này ở Huế, do nhà văn Nguyễn Quang Hà giới thiệu. Anh Toản và anh Hà cùng sư đoàn Mai Siu, Hà Bắc với anh Khôi, nhưng cả hai đều nhầm khi tin chắc anh Khôi hy sinh ở Huế.

Chị Tâm ngậm ngùi:

- Cứ cho ông thầy này có khả năng siêu phàm trong nhiều chuyện, thì mộ cậu Khôi hiện ở đâu, hôm nay vẫn chưa biết. Cái chính là để bốn chục năm, xương cốt của Khôi có khi đã thành đất, giờ mình mới đi tìm, thì chỉ tìm để quan tâm, chứ không có lấy một phần nghìn tia hy vọng.

Sự thất vọng của chị Tâm, khiến tôi buộc phải thanh minh:

- Không phải đến hôm nay bọn em mới tìm. Cuối năm 1975, từ khi vào Sài Gòn, bọn em đã nhờ nhà văn Vũ Thị Hồng, bạn cùng khóa Đại học Tổng hợp Hà Nội với Hà Phương vợ em đây. Hồng khi đó đang là đại tá, phụ trách phụ nữ toàn quân, cũng đang ở Sài Gòn. Hồng nhiệt tình sang bộ phận phụ trách vấn đề thương binh liệt sĩ Bộ Quốc phòng tìm tung tích anh Khôi. Cuối cùng được trả lời: "Danh sách liệt sĩ thông báo về địa phương thì có tên, nhưng không có nơi an táng". Năm 1982, hồi em làm việc ở Hãng phim Thành phố Hồ Chí Minh, có chuyển thể truyện ký *Người chăn bò ở hoàng cung* của Trung tướng Tư lệnh Quân đoàn 4 sang kịch bản phim *Cơn lốc đen* (đạo diễn Thụy Vân, Khánh Dư). Nhân

lần hợp tác này, em nhờ tướng Bùi Cát Vũ giúp tìm anh Khôi. Ông ấy gọi hẳn một đại tá trợ lý tới để giao việc. Sáu tháng sau, viên đại tá nhiệt tình này cũng trả lời như Vũ Thị Hồng. Các vụ tìm kiếm hài cốt liệt sĩ sau chiến tranh, nhất là cuộc chiến tranh Việt Nam, không giống bất cứ đất nước nào trên thế giới, đều dựa trên nguyên tắc là càng nhiều manh mối càng dễ tìm, nhưng trường hợp anh Khôi, mọi hồ sơ, tài liệu, tư liệu, nhân chứng từ đơn vị tới nhân thân đều quá ít.

Vợ tôi nói:

- Không lẽ ở nhà không có bất cứ thư từ, giấy tờ gì của anh ấy?

Chị Tâm quay sang tôi:

- Tuấn không kể gì về hoàn cảnh nhà mình cho Phương à? Khôi từ lúc còn thiếu niên đã sớm có máu hoạt động phong trào, trong người có một giọt nhiệt tình cũng chia hết cho thiên hạ, không giữ lại phần mình cái gì. Từ năm 1954, khi quân Pháp thất bại, miền Bắc được giải phóng, Khôi quá mê những người cộng sản và lý tưởng Chủ nghĩa Xã hội, nên đã quyết định bỏ học đi Thanh niên Xung phong, làm đường tận trên rừng núi Lào Cai, để từng bước vô sản hóa, theo gương những lãnh tụ cộng sản tiền bối như Hồ Chí Minh, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Ngô Gia Tự, Hoàng Văn Thụ,... - những người xuất thân tầng lớp trung lưu, có học, nhưng cùng dấn thân vào đời sống thợ thuyền, chấp nhận vào tù, ra tội, hy sinh vì cách mạng giải phóng dân tộc. Mấy năm kham khổ trên rừng, Khôi không viết một lá thư về nhà, không nghỉ phép, thậm chí Tết cũng ở lại trực chiến tại đơn vị, nhường người khác về ăn Tết, khiến cậu[1*] phải bảo chị lên tận Lào Cai thăm. Gặp Khôi, Khôi còn vui vẻ giải thích: "Đã phấn đấu làm người cộng sản chân chính thì phải biết nhường quyền lợi cho người khác, gạt bỏ hết cái riêng để vì cái chung". Sau này xung phong đi bộ đội vào chiến trường miền Nam, Khôi không mấy khi viết thư về nhà cũng trên nguyên tắc quyết dẹp hết chuyện cá nhân sang một bên. Thế nên trong nhà, những vật lưu niệm của Khôi từ thời học sinh còn ở Hà Nội thì có, chứ những thư từ, kỷ vật thời thoát ly

để "vô sản hóa" và "thép đã tôi trong lửa đỏ và nước lạnh" thì rất ít…

[1] Cậu là cách gọi bố, cha ở một vài địa phương.*

Chị Tâm bỗng nghẹn ngào:

- Nhưng nếu có nhiều hơn thì bây giờ cũng chẳng còn gì, vì đêm hai mươi hai tháng Mười Hai năm 1972, Mỹ dùng B52 rải thảm Hà Nội, trong đó có khu An Dương, nhà mình trúng một quả bom, biến thành một hố bom. May các em Vinh, Hiển, Linh, Kính, Cẩn ở trong hầm cách xa nhà nên chỉ bị thương, nhưng tài sản mất sạch.

Vợ tôi nói với tôi:

- Bây giờ, mình liên hệ với các báo Thiếu niên Tiền phong, Tiền phong, Nhân dân… mà anh ấy cộng tác trước khi vào chiến trường, có khi tìm được những bài viết và truyện ngắn của anh ấy vào thời điểm trước năm 1967.

Chị Tâm thoáng giật mình:

- À xin lỗi! Phương nói chị mới sực nhớ, vì chuyện này đã quá lâu, mà chị tuổi già nên trí nhớ cũng kém… Vào khoảng trước Tết Âm lịch năm 1969, khi chị và anh Nghiệp từ khu sơ tán của trường Đại học Nông nghiệp 2 ở Việt Yên, Hà Bắc về Hà Nội, xem cậu và cô (nhà tôi gọi mẹ kế là cô) chuẩn bị ăn Tết thế nào, nhưng cậu và cô cùng sơ tán về quê Phúc Yên, nhà trên An Dương chỉ có Kính, nó trao cho chị gói giấy dầu bạc phếch, bọc năm cuốn nhật ký của Khôi, bây giờ chị vẫn giữ ở nhà.

Tôi sửng sốt:

- Sao bây giờ chị mới nói? Từ năm 1969 đến giờ, tuy hai chị em mỗi người một nơi nhưng có phải ít gặp nhau đâu?

- Chị đã nhận là quên rồi mà.

- Chị có đọc không?

- Cả năm cuốn đều loại sổ lịch của báo Tiền phong và Nhân dân tặng cộng tác viên, cùng khổ 13 x 20 centimét, hai cuốn bìa nâu, ba cuốn bìa đen, chất liệu nhựa của bìa đều khô bạc và cong cứng bởi quá cũ kỹ. Khi nhận từ Kính, chị mừng đến bủn rủn người, run tay giở gói giấy ra ngay

tức thì. Nhưng do là giấy dầu, nằm trong ba lô trên đường từ chiến trường ra, không rõ vì thời gian hay bị quăng quật trong mưa nắng mà các nếp gấp đã chảy dính vào nhau. Kính phải hơ nóng trên bếp điện rồi dùng dao lách từng chút, mới mở hết nếp dính của giấy dầu, thấy được năm cuốn nhật ký ẩm ướt, các trang đều dính vào nhau, trang nào vừa nương nhẹ, vừa ráng mở được ra thì chữ bên trong cũng nhòe nhoẹt. Khôi viết bằng bút máy, có trang viết bằng bút chì, các chữ đều nhỏ li ti, các dòng sít nhau, có lẽ để tiết kiệm giấy, cố đọc thì cũng vừa đọc, vừa đoán. Kính kể, người mang gói quà quý giá này về bị cụt một tay, hư một mắt, tên là Lê Đức Thảo. Anh ấy ở trong đoàn thương binh đang trên đường được đưa ra miền Bắc điều trị, theo đường phía Tây Trường Sơn dọc biên giới Campuchia qua Lào. Lúc nghỉ ở một bệnh xá trong rừng, trước khi qua ngã ba biên giới, thì gặp anh Khôi đang điều trị ở đấy. Hai người nhận ra đồng hương Hà Nội, cùng ở miền Đông Nam Bộ, nhưng Khôi ở bộ đội chủ lực, còn anh này là bộ đội địa phương. Trước khi chia tay, Khôi có nhờ anh ấy mang gói nhật ký đến gia đình mình… Từ lúc nhận đến lúc anh ấy đến nhà mình mất hơn ba tháng, vì đường đi đầy mưa nắng, bom đạn, ra đến miền Bắc, anh ấy còn phải nằm điều trị ở quân y viện mất cả tháng…

Tôi nói:

- Anh Thảo này gặp anh Khôi ở một bệnh xá trong rừng bên Campuchia, thời điểm cuối năm 1969, thì thông tin cậu Lư nói anh Khôi mất giữa năm 1970, tại một bệnh xá trong rừng ở Svay Rieng, Campuchia là có cơ sở.

Vợ tôi nói:

- Như vậy giấy báo tử ghi anh ấy hy sinh tại mặt trận miền Đông Nam Bộ là sai? Có khi phải viết như vậy vì vấn đề quốc tế chăng?

Tôi lờ chi tiết này, rồi nói với chị Tâm:

- Về Hà Nội, chị phải đưa ngay cho em năm cuốn nhật ký này. Nếu những manh mối ở chiến trường của anh Khôi nằm trong đó, thì vụ tìm

hài cốt anh ấy có khi không cần đến nhà cậu Lư.

Vợ chồng tôi về khách sạn số 1 Lê Thạch, khoảng bảy giờ tối, chị Tâm được Phạm Kim Cương, con trai chị chở đến, đưa tôi năm cuốn sổ mà chị Tâm gọi là nhật ký của anh Khôi. Năm cuốn sổ được chị trang trọng đặt trong một hộp gỗ sơn mài, phần nắp khảm trai hình Tháp Rùa giữa muôn cánh hoa đào. Cũng có thể do cất quá kỹ như vậy nên kỷ vật này ít nằm trong bộ nhớ của chị.

Mở hộp gỗ, cầm từng cuốn nhật ký trong tay, tôi bần thần, chết lặng trong nỗi đau nhớ người anh đã mất. Rồi cảm xúc xốn xang được thấy tận mắt, cầm tận tay kỷ vật của người anh nhường chỗ cho sự háo hức muốn xem ngay những trang nhật ký viết gì.

Mặc dù hai vợ chồng cùng được dạy dỗ trong nền giáo dục siêu vô thần và vẫn tỉnh táo trong vụ tiếp xúc với ông thầy ngoại cảm đất Hà Nam, nhưng ảnh hưởng của vụ gọi hồn vẫn khiến chúng tôi có những ám ảnh rờn rợn… Căn phòng khách sạn chúng tôi ở trông ra một khuôn viên đầy cây cổ thụ, mỗi lần gió thổi qua là những lá cành đủ mọi hình thù lại đung đưa, kèm theo những tiếng lào xào run rẩy, chúng tôi phải kéo kín tấm rèm cửa sổ và vẫn để nguyên tất cả đèn sáng trong phòng.

Sau khi mẹ con chị Tâm về, vợ chồng tôi, mỗi người cầm một cuốn nhật ký định đọc.

Bỗng vợ tôi nói:

- Từ vụ đi Hà Nam gặp cậu Lư mà chị Tâm nhớ ra mấy cuốn nhật ký của anh Khôi để quên quá lâu trong tủ, có khi là dẫn dắt của tâm linh, để em thắp nhang khấn anh Khôi rồi hãy đọc.

- Mình làm gì có nhang?

- Để em xuống phòng tiếp tân, hỏi mấy cô trực đêm.

Vợ tôi bấm thang máy xuống phòng trực, chỉ chừng năm phút là mang lên bao nhang Thiên Hương còn nguyên tem, lấy làm thú vị:

- Em vừa hỏi là có ngay. Phải ra Hà Nội mới thấy anh và em có lẽ là những người vô thần cuối cùng.

Hai vợ chồng, mỗi người cầm ba cây nhang cháy đỏ ra ban công. Tôi hỏi:

- Hướng về đâu bây giờ?

Vợ tôi nói:

- Anh hướng ra Hồ Hoàn Kiếm nhờ thần Kim Quy và vua Lê Lợi phù hộ, còn em hướng ra vườn hoa Chí Linh khấn vua Lý Thái Tổ.

Tôi bật cười nhẹ. Từ khi quyết liệt trong vụ tìm anh Khôi, vợ chồng tôi cứ dần dần bị dẫn vào những phong tục tâm linh mà trước đây với chúng tôi là hoàn toàn xa lạ. Thắp nhang, khấn vái xong, chúng tôi mới trở vào phòng, mỗi người cầm một cuốn nhật ký của anh Khôi.

Vợ tôi hí hửng khi cầm cuốn đầu tiên, tuy vẫn là giấy cũ, chữ mờ, nhưng dễ nhận ra những trang lưu bút này, người viết là những tên tuổi như nhạc sĩ Phong Nhã, Phạm Tuyên, Hoàng Vân; các họa sĩ Mai Long, Nguyễn Sáng, Tạ Thúc Bình; các nhà báo Thép Mới, Cửu Thọ… Một số trang anh Khôi viết chữ đậm cho những hình minh họa, cũng đọc được. Còn tất cả các trang khác trong cả năm cuốn sổ, vừa do ảnh hưởng thời gian vừa cũng do gian nan đời lính, lúc mưa nắng trên đường hành quân, lúc quăng quật trong bom đạn chiến trường, nên đều chuyển sang màu vàng ố, có trang giòn mục, có trang cháy sém. Chữ viết đều nhỏ li ti. Hầu hết các trang viết bằng mực xanh của bút máy đều đã nhòe mờ. Một số trang được viết bằng bút chì, chỉ mờ chứ không nhòe, nhưng vừa đọc vừa đoán cũng không nổi. Hai vợ chồng chỉ có cách lựa ra cuốn dễ đọc hơn, rồi vừa đọc, vừa tranh cãi để hiểu từng chữ, từng câu đến mệt đờ cả mắt. Cuối cùng là bất lực và rút ra kết luận: Chỉ có cách về Sài Gòn, tìm những người chuyên đọc các văn bản và sách cũ, nhờ phục hồi lại, may ra mới đọc được.

Suốt ngày đi Hà Nam đã mệt, tối về còn cố “soi” mấy cuốn nhật ký, tìm, đoán từng phần đời trên những dòng chữ mờ nhòa của ông anh, thành ra kiệt sức, hai vợ chồng cùng ngủ thiếp lúc nào không biết.

Tôi được đánh thức khi đang ngồi ngủ gục ở chiếc ghế đá bên bờ Hồ

Hoàn Kiếm. Đó là chỗ có gốc cây sung già ngả cả thân lẫn cành ra mặt hồ, phía đường Đinh Tiên Hoàng, nhìn qua Tháp Rùa, bờ bên kia là đường Lê Thái Tổ, nơi có ngôi nhà tôi ở trước đây.

Tôi lơ mơ nhận ra đang đứng trước mặt là vợ tôi, cô nhân viên trực ca đêm và cậu nhân viên bảo vệ của khách sạn.

Vợ tôi lớn tiếng:

- Sao đang đêm anh lại ra đây ngồi? Ra từ lúc nào mà không cho em biết?

Phải định tâm một lúc, tôi mới nói:

- Anh cũng không rõ tại sao mình lại ra ngồi đây.

Cô nhân viên trực nói:

- Lúc mười một giờ bốn lăm phút, chú và sếp Hòa bước ra từ thang máy, rồi đi qua nhà hàng ở lối cửa bên khách sạn, cháu tưởng anh Hòa rủ chú đi uống cà phê khuya.

Cậu nhân viên bảo vệ nói thêm:

- Cháu lại thấy chú từ bên khách sạn qua, không phải đi với anh Hòa mà đi với anh Khải, trưởng ban bảo vệ, không vào nhà hàng mà đi thẳng ra cổng, rẽ trái về hướng bờ hồ. Cháu nói: "Đi dạo bờ hồ vào giữa đêm thì tuyệt vời". Anh Khải còn cười: "Mày thích thì đi luôn với anh".

Cô nhân viên lộ vẻ hoang mang:

- Sau khi cô Phương xuống hỏi, cháu chột dạ gọi điện cho anh Hòa. Anh ấy nói, từ tối đến giờ, anh ấy vẫn ở trên phòng, không hề có chuyện đi đâu với khách.

Cậu nhân viên bảo vệ sốt sắng thêm vào:

- Cháu chạy lên phòng anh Khải. Hóa ra anh ấy vẫn đang ngủ ở giường.

Khi chúng tôi từ Hồ Hoàn Kiếm trở về, cậu Hòa, Phó giám đốc khách sạn, khoảng ngoài bốn mươi tuổi, biết chuyện xảy ra nên xuống đón chúng tôi ở cổng bên đường Lê Thạch. Trước mặt hai nhân viên, cậu ta tỏ ra như không có gì nghiêm trọng, thậm chí còn vui vẻ đưa chúng tôi

về tận phòng.

Khi cùng ngồi ở xa lông, cậu mới hỏi tôi:

- Thật sự ai trong khách sạn đã đưa chú qua mặt nhân viên trực và bảo vệ ra khỏi cổng vậy?

Lúc đó, tôi chưa hoàn toàn ý thức về điều kỳ lạ đã xảy ra với mình. Ngồi với Hòa, dần dần tĩnh trí, tôi cố nhớ. Đầu tiên còn lờ mờ, sau nhận thức mỗi lúc một rõ nét. Tôi nhớ ra mình đang ngủ thì dường như có người vỗ vai, đánh thức. Tôi lờ đờ mở mắt, thấy đứng bên giường, ngay cạnh mình là anh Khôi. Anh mặc quần soọc xanh, áo thun ba lỗ trắng, trên ngực trái in một nhánh tre có hai chiếc lá, bên trên có hai chữ "TRE VIỆT" cùng màu lá mạ. Và anh đang cười với tôi:

- Dậy. Thằng Vinh đang chờ ngoài cổng rồi.

Tôi, mười hai tuổi, đang ở nhà cũ của gia đình cách đây mấy chục năm, trên đường Lê Thái Tổ. Nhanh như chớp, tôi bật dậy, tụt xuống giường, chạy theo anh ra khỏi nhà, rồi ra cổng, thấy thằng Vinh (Nguyễn Thế Vinh), em kế tôi, còn đang ngái ngủ. Ba anh em cùng chạy giữa đường nhựa vắng, dưới những dải đèn đêm yên tĩnh quanh bờ Hồ Hoàn Kiếm đầy hoa và cây xanh, theo hướng nhà Thủy Tạ, Đinh Tiên Hoàng, Hàng Khay, rồi về Lý Thái Tổ. Thằng Vinh chạy được hai vòng đủ quy định của anh Khôi thì rẽ vào nhà, tranh thủ ngủ tiếp vài chục phút đến lúc bố tôi đánh thức, dậy ăn sáng rồi đi học. Còn tôi chạy thêm một vòng, rẽ lên chiếc ghế đá bên bờ hồ, cạnh gốc đa cổ thụ, ngồi nghỉ, chờ anh Khôi chạy hết mười vòng. Rõ ràng đó là chiếc ghế đá trông thẳng ra Tháp Rùa bên đường Lê Thái Tổ, trước cửa nhà. Không rõ tại sao, khi vợ tôi và hai nhân viên khách sạn ra tìm lại là chiếc ghế đá bên đường Đinh Tiên Hoàng, cạnh gốc sung già.

Nghe tôi kể lại vụ tập chạy cùng với anh Khôi và thằng Vinh, cậu Hòa tỏ ra thông hiểu:

- Thế là chú bị mộng du rồi.

Vợ tôi thắc mắc:

- Không lẽ cả cô nhân viên trực lẫn cậu bảo vệ cũng bị mộng du khi để anh Tuấn ra khỏi khách sạn?

Cậu Hòa cười:

- Lúc đó là giữa đêm, nên hai cô cậu này sáng tác ra cho nhẹ tội, chứ có khi chúng nó cũng đang ngủ. Ở đây thỉnh thoảng vẫn có khách đi chơi khuya, ra khỏi khách sạn hoặc về ngoài giờ quy định, còn nhân viên trực thì ngủ gà, ngủ gật.

Vợ tôi nhẹ nhàng:

- Có lẽ do quá mải đọc nhật ký của anh Khôi nên anh bị ám thị cả vào trong giấc ngủ.

Những giải thích của Hòa và suy luận của vợ tôi hoàn toàn hợp với hoàn cảnh, sự việc cũng không có gì nghiêm trọng nên mọi chuyện đều có thể cho qua nhẹ nhàng. Sau khi tiễn Hòa ra khỏi phòng, tôi lên giường, vừa ngả lưng là tiếp tục ngủ thiếp đi. Bởi hiện tượng mộng du nghĩ cho cùng cũng là chuyện bình thường, tôi từng đọc và nghe về nó rất nhiều.

NIỀM TIN NHEN NHÓM

Tháng Bảy năm 2009.

Vợ chồng tôi đón người đàn bà có khả năng ngoại cảm từ Hòa Bình về nhà mình ở Sài Gòn để nhờ giúp tìm mộ anh Khôi. Cuộc hẹn này là do sự dẫn dắt tình cờ qua lời truyền miệng đầy hấp dẫn của những người họ hàng bên vợ ngoài Thanh Hóa.

Nguyên tháng trước, cậu Đỗ Mạnh Hùng, chủ một xí nghiệp in, em ruột vợ tôi từ Sài Gòn ra Thanh Hóa dự đám rước hài cốt ông bác ruột Đỗ Văn Lãng, mai táng ở Lương Sơn, Hòa Bình từ năm 1959 về khu mộ của gia đình ở Thạch Thành, Thanh Hóa. Hùng kể, đại lễ được tổ chức linh đình, trang trọng, tập trung đầy đủ các chi, ngành, từ thế hệ các cụ xuống đến thế hệ bốn đời con cháu phiêu bạt khắp đất nước, đông nhất vẫn là Thanh Hóa và quê gốc Vụ Bản, Nam Định. Lễ còn mời được cả lãnh đạo địa phương đến dự, tuyên bố lý do và rước một đoàn các nhà sư chùa Phúc Tự lớn nhất Thạch Thành đến tụng kinh chiêu hồn…

Tôi hỏi:

- Hòa Bình đi Thanh Hóa không xa, đường sá lại thuận lợi, sao từ năm 1959 đến nay mới đưa về?

Hùng nói:

- Bây giờ đường sá mới rộng rãi, tàu xe thuận tiện, rồi kinh tế nhiều nhà khá giả hơn, chứ hồi đó làng xã nào cũng cùng kiệt, rối bời bởi chiến tranh, ly tán. Đó là chưa kể những gia đình như nhà mình được vận động đi khai hoang trên vùng kinh tế mới Lương Sơn, Hòa Bình. Ngay năm đầu, bác Lãng đã bị sốt rét ác tính, dẫn đến phù rữa gan, thời gian nằm bệnh viện nhiều hơn ở nhà. Bệnh viện này cách xa khu làng mới gần hai chục cây số, toàn nhà tranh vách liếp, được cất dựng vội

vàng ngay cạnh bìa rừng, nguyên là nhánh của bệnh xá huyện được tách ra. Bệnh nhân chết vì bệnh, nếu không có người thân hoặc không có điều kiện đưa về nhà, đều chôn ngay ở bãi hoang gần đó. Bác Lãng sau khi mất cũng được chôn ở đây. Quan tài của tất cả người chết đều là gỗ tạp tự đóng sơ sài, mộ chỉ đắp đất, đánh dấu qua loa. Mấy năm đầu còn nhớ. Lâu dần, số mộ nhiều lên, việc chôn cất tiện đâu chôn đấy. Sang thời kỳ Mỹ ném bom miền Bắc, việc chăm sóc được chăng hay chớ, lại không người quản lý, các ngôi mộ bị lẫn lộn hoặc mất dấu. Mộ bác Lãng thì ngay cả những người đào huyệt chôn bác cũng không nhớ, bây giờ mới bốc là nhờ có nhà ngoại cảm tìm giúp.

Vợ tôi kể thêm:

- Năm 1976, khi em từ chiến trường miền Nam ra, thầy có đưa em lên Hòa Bình thăm và thắp nhang cho bác Lãng. Đó là một nghĩa địa tự phát, các phần mộ nằm lộn xộn, trải dài trên thoải đồi trọc đất đỏ rộng vài héc-ta, bị bỏ hoang lâu ngày. Cỏ tranh, sim, dương xỉ mọc tràn lan. Lấp ló trong đám cây dại là những ngôi mộ đất vô chủ, chỉ được đánh dấu bằng những tảng đá ong hoặc đá vôi. Nhiều ngôi mộ đã được bốc đi để lại những hố sâu nham nhở, trông tiêu điều lắm. Ở phần cao nhất của thoải đồi có một ngôi miếu, diện tích hơn hai chục mét vuông, mái ngói vẩy cá cũ kỹ vỡ thủng lỗ chỗ, tường vách loang lổ, mốc meo. Cạnh bên là cây si già rễ rủ sum suê, gốc to cả người ôm. Nơi đó còn có gần chục cây xoan đang mùa hoa trắng, chắc do khoảnh đất quanh miếu là nơi có dấu ấn tâm linh, thờ cúng, nên cây cối còn sống sót. Thầy giải thích rằng từ hồi Mỹ ném bom, bệnh viện tỉnh sơ tán lên nhập chung với bệnh xá của khu kinh tế mới, người chết vì bệnh, người chết vì bom đạn Mỹ, mộ phần ở đây tăng nhanh. Nhiều người còn nhìn thấy đêm đêm ở nghĩa địa có hồn ma tụ về chập chờn, kêu khóc ai oán. Dân kinh tế mới, nhiều người mắc những chứng bệnh kỳ lạ, bệnh viện không sao chữa được. Mọi người bàn nhau mời thầy pháp về cúng. Thầy pháp cúng xong rồi bảo rằng do nhiều mộ bị mất dấu, bị lẫn lộn, người sống thờ cúng nhầm,

các vong hồn bất an, phẫn nộ, vì vậy phải xây cái miếu để thờ cúng. Thế là người góp công, kẻ góp của, dựng cái miếu kia. Từ đó, ai lên thắp nhang cho người chết đều khấn trước ở miếu… Sau giải phóng, từ năm 1990 trở đi, bắt đầu xuất hiện các nhà ngoại cảm, khơi rộ phong trào nhờ những người này tìm các mộ liệt sĩ, mộ thất lạc ở khắp nước, lan đến cả Thanh Hóa, Hòa Bình. Thế là nghĩa địa đang yên ả liên tục bị đào xới. Ai gặp thầy bà giỏi, tìm trúng mộ, thì hỉ hả đưa hài cốt người thân về gần nhà hoặc về quê. Ai gặp thầy bà dở, tìm không trúng mộ thì đào đâu bỏ đấy. Do đào lên mà không lấp, giờ nó mới hoang phế thế này.

Tôi hỏi Hùng:

- Sao cậu lại tin vụ nhà ngoại cảm gọi hồn?

Hùng nói:

- Chuyện này, thoạt đầu nghe mấy ông chú ngoài Thanh Hóa vào kể rằng bà này đã tìm được mộ bác Lãng, em cũng cho là chuyện hoang đường. Nhưng họ tộc có chuyện lớn, mình là con cháu thì phải ra thôi... Em đã tận mắt chứng kiến bà ấy làm lễ gọi hồn. Bác Lãng hiện về nhập vào cái Uyên, mười tám tuổi, cháu dâu bác ấy, chuyện quá khứ, hiện tại trong nhà, nói ra vanh vách. Cái Uyên mang giọng bác Lãng, chỉ vào em: "Thằng Hùng con ông Ấu cũng từ Sài Gòn ra hả? Bố cháu mới ngồi uống rượu với bác tối qua. Ơn trời, nhờ ăn ở phúc đức nên xuống dưới này, mấy anh em được sống cạnh nhau. Bố cháu than rằng nhà có sáu đứa con, được con Thanh kéo hết vào trong Nam. Con Thanh, con Vân, con Dung, thằng Lợi và cháu thì ổn, nhưng thằng Thắng tính tình ba ngang nên còn lận đận…". Nghe đến đó, em bủn rủn cả người. Lúc bác Lãng mất năm 1959, hai miền Nam - Bắc vẫn chia cắt, làm sao bác ấy biết chị em mình vào hết trong Nam sau 1975? Không tin không được.

Tôi hỏi:

- Bà ta tìm đúng mộ bác Lãng?

- Từ năm 1959 đến nay đã hơn năm mươi năm, cả mấy cái đinh sắt đóng ở quan tài cũng đã mủn vào đất. Xương cốt đều chỉ còn những

mảnh vụn sẫm màu hơn so với đất. Nhưng chiếc khóa thắt lưng lính mạ kền mà bác Lãng xin của người em vợ từng đi lính cho Tây, tuy han xỉn, nhưng vẫn còn nguyên hình thù. Cặp kính lão có phần gọng sắt đã mủn, nhưng hai mắt thủy tinh, rửa sạch, những người già cùng thời với bác đều nhận đúng là mắt kính của bác ấy. Mấy nhà khác có người thân đã được chôn cất khoảng dưới hai chục năm, được bà này tìm mộ trước bác Lãng, còn thấy đúng quan tài và nhiều hiện vật chôn theo xác. Người của các gia đình tìm được mộ người thân vái bà này hơn vái thánh. Anh chị có quyết định nhờ bà ấy tìm mộ anh Khôi hay không tùy anh chị, nhưng theo em, cứ mời bà ấy vào. Tìm được mộ thì hên cho nhà mình, còn vì lý do nào đó không tìm được thì riêng việc bà ấy gọi được hồn anh Khôi về để anh em gặp nhau trò chuyện cũng là vô giá.

Vợ tôi gọi điện thoại cho anh Nhiên, con cả bác Lãng, bố chồng Uyên, nguyên là bộ đội thời kháng Pháp, một người nổi tiếng hiểu biết và từng trải trong họ, để hỏi kỹ về vụ bà thầy nọ. Anh dành cả giờ kể kỹ về từng chi tiết vụ tìm mộ bố mình. Sợ chúng tôi không tin, anh còn lý luận: “Ngoại cảm là lĩnh vực khoa học về năng lực phi thường ở một số người có khả năng đặc biệt mà ngày nay chưa thể giải thích bằng kiến thức khoa học thông thường. Trong lúc mọi khám phá về họ chưa có kết quả thỏa đáng, chúng ta vẫn nên tin và thừa nhận thành quả của họ”. Anh Nhiên còn khoe, anh với nhà ngoại cảm này đã trở nên thân thiết. Nếu chúng tôi cần bà ta giúp, anh sẽ nói bà ta ưu tiên, chứ hiện giờ, thân nhân liệt sĩ ở mấy tỉnh ngoài Bắc tìm đến bà ta nhiều không đếm xuể.

Máu quyết tâm tìm anh Khôi đã lắng dần trong chúng tôi nay lại nổi lên. Hai vợ chồng bàn bạc rồi quyết định chính thức nhờ anh Nhiên giới thiệu bà thầy nọ.

Hơn chục năm qua, chúng tôi đã nghe truyền miệng, đọc báo chí, xem truyền hình về việc các nhà ngoại cảm có tên tuổi, địa chỉ hẳn hoi, tìm được những ngôi mộ thất lạc của người này người khác, toàn người thật, chuyện thật, hầu hết là các liệt sĩ và nhân vật nổi tiếng. Nhưng

chúng tôi đồng thời cũng được nghe, đọc không ít dư luận và bài viết phủ nhận giới ngoại cảm, từ những vụ tìm hài cốt liệt sĩ thất bại hoặc tìm thấy nhưng mang thử AND không đúng, thậm chí còn bị lừa đảo.

Khoảng năm 2003, một đài truyền hình địa phương nhờ tôi viết kịch bản phim tài liệu phóng sự về nhà ngoại cảm Năm Y. Thành tích tìm được hàng trăm mộ liệt sĩ của bà này được thể hiện bằng mấy trăm trang tư liệu và hình ảnh mà đạo diễn đưa tôi nghiên cứu trước, kèm theo đủ thứ thư cảm ơn của thân nhân liệt sĩ và cả những chứng nhận, bằng khen của các cấp chính quyền, đoàn thể. Tôi nhận lời hợp tác ngay, vì cũng muốn nhân cơ hội nhờ bà Năm tìm hài cốt ông anh. Nhưng tôi bàn với đạo diễn, trước hết, để tôi trong vai người nhờ bà ấy tìm anh tôi. Rồi trước đám đông vài chục thân nhân từ nhiều nơi đang hướng về bà Năm chờ gọi hồn liệt sĩ trong cả cuộc chiến tranh chống Pháp lẫn chống Mỹ tại một ngôi nhà tôn nóng nực ngoại vi Thành phố Biên Hòa, bà Năm gọi được hồn của anh tôi về nhập vào bà. Bà đang nói giọng vùng quê Thái Bình đột ngột chuyển sang tiếng xứ Nghệ, đòi tôi đưa cho bà ống điếu thuốc lào và que đóm châm lửa, rồi bà hút sòng sọc, ngửa mặt nhả khói lên trần. Sau đó, bà nói những chuyện về gia đình tôi hồi ở ngoài Bắc, toàn chuyện không bao giờ có… Vụ hợp tác làm phim tất nhiên không thành. Sau này, bà Năm thanh minh với đạo diễn, do tôi không có niềm tin, nên anh Khôi đã cử người khác về quậy.

Tôi kể lại chuyện trên, không phải để phủ nhận vụ tìm hài cốt người thân bằng khả năng của các nhà ngoại cảm, mà chỉ để nói rằng hai vợ chồng tôi cùng trong tình trạng tỉnh táo khi quyết định nhờ anh Nhiên giới thiệu bà thầy nọ.

Chuyến bay hạ cánh lúc tám giờ ba mươi phút theo lời hẹn đón của bà thầy. Vợ chồng tôi đã có mặt ở sân bay Tân Sơn Nhất từ bảy giờ ba mươi phút, mặc dù nhà tôi năm đó đang ở Trương Quốc Dung, Phú Nhuận, vào sân bay chỉ mười phút đi xe hơi. Ở Việt Nam, ra đến sân bay, người có ý thụ hưởng phương tiện giao thông sang trọng này, nhìn bề

ngoài là thấy sang ngay, còn với những người coi đi máy bay như đi chợ thì lại rất hồn nhiên với vẻ ngoài nhếch nhác, bình dân. Bà thầy nhà ngoại cảm thuộc kiểu người nào? Chúng tôi không biết, vì thế hai vợ chồng đã phân vân không ít khi chờ đón bà ta ở cửa dành cho hành khách rời sân bay.

"Tôi là Tư Bông. Tôi sẽ mặc áo ngoài màu jean nhạt, quần tây màu nâu bạc… Anh chị chuẩn bị sẵn trái cây như mình vẫn cúng đầu tháng, ngày rằm. Nhớ trước khi làm lễ phải cho tôi biết những nét chính về liệt sĩ Khôi, như tên tuổi, hòm thư, đơn vị, quê quán, nơi mất, ngày mất... cứ viết ra giấy cho chắc ăn", đó là lời bà thầy Tư Bông nói qua điện thoại với vợ tôi.

Năm ấy, áo jean xanh nhạt mặc ngoài để chống nắng khi đi đường đang là thời trang phổ biến của các bà, các cô Sài Gòn, nên vợ chồng tôi hình dung người mình đón chắc hẳn có vóc dáng thành thị, còn một người mà ai nói đến cũng kính trọng gọi là "bà thầy", chúng tôi đoán ít nhất cũng khoảng bốn mươi lăm đến năm mươi tuổi. Đúng ra, rủ cậu Hùng cùng đi sẽ khỏi cần pha nhận diện rắc rối này. Nhưng do Hùng phải đi công tác nhiều ngày ở Bình Thuận, không về được, nên ra sân bay chỉ có vợ chồng tôi.

Máy bay hạ cánh xuống sân bay Tân Sơn Nhất đúng tám giờ ba mươi phút.

Vợ chồng tôi cùng rời hàng ghế dành cho khách ngồi chờ, len lách vào đám đông, ngóng về phía hai dãy cửa mở rộng của ga đến. "Kia rồi!" - một người phụ nữ khoảng bốn mươi lăm đến năm mươi tuổi, áo ngoài "jean xanh nhạt", quần tây nâu bạc, mặt trang điểm nhẹ toát lên vẻ sang ngầm, trông rất "thầy". Vợ tôi vội lách qua hàng rào di động ngăn cách giữa người ra và người đón, đến đỡ chiếc va ly nhỏ trông khá sang trọng mà bà khách đang kéo theo:

- Xin lỗi! Bà là nhà ngoại cảm Tư Bông?

Bà khách thoáng ngơ ngác:

- Tôi không phải tên Bông.

Trong lúc vợ tôi tiếp cận người phụ nữ này, tôi cũng đón hai phụ nữ khác trong trang phục tương tự, nhưng đều "bé cái nhầm".

Các chuyến bay hạ cánh lúc chín giờ ba mươi phút, rồi mười giờ, mười giờ ba mươi phút, tình hình cũng không khác. Khi buộc phải tính đến chuyện ra về, tôi sực nhớ ra:

- Mình có số điện thoại của bà ta, tại sao không gọi?

- Từ chuyến chín giờ ba mươi không thấy bà ta, em đã gọi anh Nhiên ngoài Thanh Hóa. Anh Nhiên nói: "Giao dịch với giới ngoại cảm, mọi kết quả chính xác đều nằm ở niềm tin, họ dặn thế nào, cứ thế mà theo. Nếu mình nghi ngờ, khi thất bại đều là lỗi tại mình".

- Mình đang tin tuyệt đối nên mới đến sớm và chờ đến bây giờ. Theo anh, em cứ gọi điện thoại đại đi.

Vợ tôi nể chồng nhiều hơn là sợ mất niềm tin mà hỏng việc, nên miễn cưỡng lấy điện thoại ra bấm.

- A lô! Xin lỗi, có phải máy của bà Tư Bông?

- Chị là ai thế ạ?

- Tôi là Thanh, được bác Nhiên ở Thanh Hóa giới thiệu đón bà ở sân bay, nhờ bà giúp tìm mộ người anh chồng…

Giọng người đàn bà trong máy như trút được gánh nặng:

- Trời ơi! Em chờ chị suốt từ lúc xuống sân bay.

- Hiện bà đang ở đâu?

- Em đang đứng ở cột số mười một tại hàng hiên bên ngoài cửa lớn nhà ga.

- Rồi. Vợ chồng tôi sẽ ra đón bà ngay.

Vừa cúp máy, vợ tôi liền nói:

- Vậy mà suốt từ sáng, mình cứ chửi oan thằng VietJet.

Chúng tôi hấp tấp len lỏi trong dòng hành khách mới xuống từ chuyến bay trưa ra cửa nhà ga, đi dọc hàng hiên cũng chật ních những người đứng xếp hàng chờ xe đón. Từ cột thứ mười, ngoài khu vực dành

cho khách chờ xe, mới vãn người. Chúng tôi nhìn quanh cả khu vực ấy cũng không thấy ai có vẻ là người mình chờ đón.

Vợ tôi dừng lại gần một phụ nữ độ chừng ba mươi lăm tuổi, gương mặt khô đanh, tóc thưa mỏng, nhuộm màu râu ngô, nước da dạn dày mưa nắng của người vất vả. Đúng quần tây nâu bạc rồi, nhưng chị ta mặc áo thun trắng mới tinh, trên ngực áo in lá cờ Mỹ và dòng chữ HELLO USA. Chị ta đang ngồi bệt ngay lề của lối đi, mải mê nói điện thoại. Tôi chau mày có ý chưa hiểu thì vợ tôi chỉ vào chiếc áo "Jean xanh nhạt" vắt trên tay kéo chiếc va ly nhựa nhỏ đặt ngay cạnh người phụ nữ. Nếu không nhầm, tôi đã chặn hỏi người này từ chuyến bay hạ cánh lúc tám giờ ba mươi phút. Chúng tôi cùng đến trước mặt người phụ nữ. Chị ta vẫn đang nói điện thoại bằng giọng miền Trung:

- Bây giờ công an phá vụ này nhiều lắm, em cứ cho địa chỉ, chị sẽ tự đến, chứ cho em biết chỗ chị, khác nào chỉ điểm cho công an… Em đừng nghĩ vậy. Chị nhận lời gặp em là chị tin em rồi, nhưng nghề của chị không phải ai cũng tin nên chị vẫn phải phòng xa.

Vợ tôi chờ người phụ nữ nói chuyện điện thoại xong, mới hỏi:

- Xin lỗi! Chị có phải Tư Bông!

Người phụ nữ giật mình, đứng phắt dậy, nhìn vợ tôi bằng ánh mắt đề phòng:

- Cô là…

- Tôi là Thanh…

Ánh mắt nghi ngờ của người phụ nữ dịu đi:

- Em… à… con chờ cô suốt từ tám rưỡi đến giờ. Số điện thoại của cô, con có ghi trong máy nhưng lại không ghi tên, nên không nhớ. Con gọi ra Thanh Hóa hỏi nhưng không ai bắt máy…

Tôi nói:

- Tôi có hỏi chị, lúc chị vừa ra khỏi cửa nhà ga…

Chị ta thoáng lặng đi, rồi nhìn kỹ mặt tôi:

- Con nhớ rồi. Lúc đó, con còn đang ngơ ngác, thì chú hỏi: "Chị là Hà

Thị Bông?". Mặt chú như công an… Con chỉ quen nghe mọi người gọi là Tư Bông hay Bông… Đã một lần có người vừa hỏi đủ họ tên, con thưa đúng, là bị bắt ngay, nên khi nghe chú hỏi, con phải chối.

Vợ chồng tôi cùng bật cười về sự thật thà của bà thầy, thực ra chỉ là cô thầy.

- Bây giờ chuyện cũ bỏ qua. Cũng muộn rồi, chúng tôi đưa chị về nhà, mọi thứ trái cây, hương nhang, chúng tôi đã chuẩn bị đủ, để chị làm lễ gọi hồn anh tôi, vì theo chị làm trước mười hai giờ vẫn được.

- Dạ! Con có nói vậy.

Vợ tôi nói:

- Làm lễ xong, chúng tôi sẽ mời chị đi ăn cơm.

- Con cảm ơn cô chú. Nhưng trước khi vào đây, con cũng nhận lời một cuộc gặp khác ở Củ Chi vào giờ này nên con phải đi ngay bây giờ. Còn việc của cô chú không may đã bị trễ, xin khất đến sáng mai, con sẽ đến tận nhà cô chú.

Đúng lúc đó, một người đàn ông nhỏ con, gương mặt ngăm ngăm sương gió, tuổi ngoài bốn chục, có vẻ là người chạy xe ôm, cưỡi chiếc xe gắn máy Yamaha sơn đỏ đời cũ, lượn tới, đậu xịch ở lề hè.

- Có người đến đón, con phải đi ngay bây giờ, cô chú thông cảm.

Chị ta nói nhanh rồi ngồi lên yên sau của chiếc xe gắn máy. Người đàn ông vừa rồ máy định cho xe chuyển bánh, thì chị ta nói: "Khoan đã". Vẫn ngồi trên xe, chị ta nói với vào:

- Cô chú đã chuẩn bị những thông tin về liệt sĩ chưa. Nếu có thì đưa con, để sáng mai đến gọi hồn con không mất thì giờ tìm hiểu.

Tôi vội vàng lấy từ trong túi áo trước ngực một tờ giấy khổ A4 gập tư đưa cho chị ta. Trong đó có ghi những thông tin cơ bản của anh tôi: Họ, tên, ngày sinh, quê quán, chức vụ, đơn vị… như một bản lý lịch trích ngang, kèm theo một bản photocopy giấy báo tử của Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh Vĩnh Phú.

Nhìn theo bóng Tư Bông ngồi sau xe gắn máy khuất dần vào lối rẽ

đầy xe cộ theo hướng ra khỏi sân bay, vợ chồng tôi cùng thoáng mừng, vì cuối cùng cánh cửa tìm hài cốt ông anh thất lạc sau bốn mươi năm cũng được mở ra, nhưng cùng lúc cũng thấy hụt hẫng khi cuộc gặp gỡ rõ ràng là không trọn vẹn.

Ngồi trên taxi ra về, trạng thái hụt hẫng khiến chúng tôi không ai nói với ai lời nào.

Lúc rời xe vào nhà, vợ tôi mới như xả bức xúc:

- Em thấy cô thầy này có vẻ dân hàng chợ quá?

Tôi nói toạc:

- Anh cũng thấy không thiện cảm. Về nhân tướng học, cô ta có dáng tiểu nhân, không trung thực, không đàng hoàng.

Tôi ngừng một chút rồi nắn lại:

- Mình với nhau thì nói vậy, chứ cũng có thể do anh với em cùng sống quá lâu trong nền giáo dục và tư tưởng vô thần, nên chưa quen, chưa nhìn nhận đúng về những người thuộc thế giới tâm linh. Sáng mai, cô ta đến làm lễ gọi hồn, mọi chuyện sẽ rõ ra…

Vợ tôi vẫn chưa an tâm:

- Mình có nhiều bạn thông hiểu về kinh dịch, tử vi, thuyết âm dương ngũ hành… Sáng mai, nên mời tất cả đến kiểm chứng.

Tôi bảo:

- Không cần. Thứ nhất, đây là chuyện riêng nhà mình, cho nhiều người biết, dễ mang tiếng nhà văn, nhà báo mà mê tín dị đoan. Thứ hai, nếu cô thầy này biết người lạ có mặt là các thầy tử vi lại bảo mình không tin, chuyện không thành, cô ta sẽ đổ lỗi tại mình.

Đến bữa cơm trưa, vợ chồng tôi dù rất sốt ruột, nhưng cũng cùng né tránh, không bàn đến cô thầy nọ. Miếng ăn từ nhai đến nuốt của hai vợ chồng cùng miễn cưỡng, lòng dạ chẳng ra băn khoăn, cũng chẳng ra hy vọng…

Điện thoại di động của vợ tôi bỗng reo bản nhạc Tình đất đỏ miền Đông của Trần Long Ẩn. Vợ tôi vội buông bát đũa, cầm điện thoại:

- A lô!

- Con là Tư Bông đây cô.

- Ồ! Xin chào!

Vợ tôi đưa mắt cho tôi và mở loa ngoài điện thoại:

- Chị đang ở đâu?

- Con đang ở Củ Chi. Nhân gọi hồn liệt sĩ cho gia đình ở đây, con cũng gọi luôn hồn bác Khôi. Bác ấy về nói hy sinh ngày mười hai tháng Ba năm 1970, ở Huế.

Vợ tôi ngạc nhiên:

- Bản photocopy giấy báo tử chúng tôi đưa cho chị ghi rõ hy sinh ở mặt trận miền Đông Nam Bộ mà.

Giọng Tư Bông rất thản nhiên:

- Giấy báo tử bây giờ ghi sai nhiều lắm.

Tôi nói với Tư Bông:

- Ngay bây giờ, chúng tôi chạy lên Củ Chi để nghe chị nói rõ về sự khác nhau này.

- Con không nói mà hồn nói. Giờ cô chú không tin, con cũng không thể nói khác hồn.

Vợ tôi đành dịu giọng với Tư Bông:

- Thôi. Ngày mai đến nhà chúng tôi làm lễ gọi hồn, nhờ chị hỏi kỹ lại anh Khôi chuyện này.

Tư Bông đáp:

- Vì đã gặp được bác Khôi nên ngày mai con không cần thiết phải đến nhà cô chú. Cô chú chịu khó chờ một hoặc hai tuần. Bác Khôi ở cõi âm là người có chức sắc lớn, nên bận họp hành đối phó nhiều chuyện, khi nào rảnh bác ấy báo con, con sẽ hẹn cô chú ra Huế.

Vợ tôi nói:

- Nhưng đồ lễ, chúng tôi đã chuẩn bị và cũng nhang khói từ hôm qua rồi.

- Ấy, con quên. Đồ lễ cô chú cứ để nguyên trên bàn thờ, hằng ngày

nhớ thắp nhang hai lần vào sáng sớm và buổi tối, cho đến khi con hẹn ra Huế. Con chào cô chú.

Vợ chồng tôi cùng chưng hửng. Hai sự chưng hửng rất khác nhau, vì việc tìm hài cốt anh tôi, từ lâu hai vợ chồng đã có ít nhiều suy nghĩ khác biệt. Vợ tôi quen nhìn nhận những chuyện tình cảm bằng cảm xúc. Dù anh Khôi là anh chồng và chỉ được biết qua tấm hình đen trắng cũ chụp lúc anh mười lăm tuổi, nhưng kể từ khi lấy tôi, vợ tôi luôn có cảm giác thôi thúc rằng phải tìm bằng được mộ của anh Khôi. Có thể đó là tâm lý thường tình của phụ nữ. Cũng có thể vợ tôi từng ở chiến trường những năm khốc liệt nhất của chiến tranh nên quen coi anh tôi như một đồng đội. Cũng có thể vì nghĩ rằng việc để hài cốt, vong hồn một người thân trong cảnh không nơi cư ngụ là điều không phải đạo nên vợ tôi ăn không ngon, ngủ không yên… Còn tôi, không phải không thương anh mình, nhưng trước sau tôi vẫn quen nhìn sự việc theo lý trí. Việc Tư Bông khẳng định hài cốt anh tôi hiện ở Huế, sai lạc trăm phần trăm với giấy báo tử, khiến tôi có ngay nhận định có thể mình đang gặp một nhà ngoại cảm đáng ngờ. Nhưng nếu nói ngay điều này với vợ, người đang rất quyết tâm theo đuổi cuộc kiếm tìm, thì rất dễ "đụng chạm", nên trưa hôm đó dù mất ngủ, tôi cũng không nói gì. Hiểu tính tôi, mỗi khi đột nhiên không bàn bạc gì là biết tôi có mâu thuẫn trong lòng, vì thế vợ tôi cũng làm thinh suốt buổi trưa.

Đầu giờ chiều, trước khi đến nơi làm việc ở tòa soạn báo Phụ nữ Thành phố, vợ tôi mới hỏi:

- Anh có định ra Huế sau khi Tư Bông báo không?

Tôi hỏi:

- Ý em thế nào?

Vợ tôi im giây lát, rồi mới dè dặt:

- Thực tế cũng có không ít trường hợp giấy báo tử sai. Nên theo em, đã trót theo, ta cứ theo đến cùng, để chuyện thành hay không cũng rõ ra, còn hơn cứ bán tín bán nghi rồi nuôi mãi áy náy trong lòng.

Tôi nói:

- Nếu thế, anh quyết định quên cô thầy ngoại cảm dỏm này đi, không cần bán tín bán nghi gì.

- Anh thấy cô ta quá trẻ chứ gì?

- Việc một người ở độ tuổi như cô ta thông hiểu thế giới tâm linh không khiến anh băn khoăn lắm. Cái chính là thần thái, hành xử của cô ta thuộc kiểu gần chợ, xa trường... Em có để ý đôi mắt cô ta khi nói chuyện không bao giờ dám nhìn thẳng vào người đang tiếp xúc, trông rất lén lút, không đàng hoàng…

- Vậy anh giải thích thế nào việc ở Nam Định, Thanh Hóa, Hòa Bình cô ta tìm trúng mộ cho hàng trăm người, không có ai nghi ngờ, thậm chí, còn tin cô ta như thánh sống.

Thấy tôi ngồi im, vợ tôi nói thêm:

- Không chỉ những người chất phác, ít học tin cô ấy mà có cả lãnh đạo chính quyền, trí thức cao cấp… Anh Nhiên con bác Lãng đâu phải là người dễ bị qua mặt… Theo em, thế giới tâm linh có những đặc điểm đặc thù, mình muốn hiểu nó thì phải chấp nhận thay đổi những tư duy cũ.

Tôi đuối lý, đương nhiên vợ tôi chưa chắc đã đúng, nhưng vẫn có lý của cô ấy. Nếu đúng anh Khôi hy sinh ở Huế thì cách tốt nhất là cứ phải ra đó kiểm tra. Tôi lục tung bộ nhớ tìm cho ra những người quen đang ở Huế. Nếu phải ra Huế theo Tư Bông thì có "thổ công" hỗ trợ vẫn hơn bắt đầu ở nơi lạ nước, lạ cái. Mấy chục năm trong nghề viết văn, viết báo, làm phim đã đưa tôi đi khắp ngóc ngách các huyện tỉnh miền Nam, kể cả cao nguyên đến hải đảo, nhưng một nơi rất cần đến và rất muốn đến là Huế lại chưa bao giờ đặt chân đến…

Và tôi bỗng nhớ đến Nguyễn Quang Hà. Hà trạc tuổi tôi, là lính bộ binh, hồi chiến tranh tham gia chiến đấu ở chiến trường miền Trung, rồi trở thành nhà văn khá nổi tiếng với các tiểu thuyết về cuộc chiến mà anh từng trải. Chúng tôi biết và quý nhau qua văn, nhưng thân nhau do

hồi năm 1982 có ba tháng cùng tham gia trại viết do Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức ở Vũng Tàu. Đây là trại viết đã đẻ ra hàng loạt các tiểu thuyết, tập truyện ngắn, tập thơ, trường ca đầu tiên sau chiến tranh, gắn với các tên tuổi: Nhật Tuấn, Nguyễn Nhật Ánh, Trần Mạnh Hảo, Đào Hiếu, Lý Lan ở Sài Gòn; Hoàng Minh Tường ở Hà Nội; Nguyễn Quang Thân, Chu Văn Mười ở Hải Phòng; Dạ Ngân ở Hậu Giang… Từ Huế vào, có Nguyễn Quang Hà, Trần Thùy Mai… Tác phẩm nào cũng có người thích thì khen, kẻ không thích thì chê... Giá trị của mỗi tác phẩm hãy để cho thời gian thẩm định, còn người tứ xứ chúng tôi cùng lao động tử tế thì ở lâu cũng thành thân quý.

Tôi quyết định gọi điện thoại cho Nguyễn Quang Hà, hiện đang là Chủ tịch Hội Văn nghệ Thừa Thiên Huế. Hà nhấc máy ngay:

- Hình như Tuấn hả?

- Nhớ nhanh thế?

- Nhờ trời, sức khỏe thì già nhưng trí nhớ vẫn tốt. Hồi ở Vũng Tàu, ông hứa thế nào cũng ra Huế chơi, vậy mà mất tăm mất tích… Có chuyện gì mà đột nhiên ông nhớ đến tôi thế?

- Xin lỗi vì bạn bè mà lúc cần nhờ vả mới nhớ đến nhau. Tôi đang có chuyện hệ trọng rất cần ông giúp.

- Nói đi.

- Ông anh ruột tôi là bộ đội vào chiến trường năm 1967, giấy báo tử ghi "Hy sinh ở mặt trận miền Đông Nam Bộ", nhưng hài cốt thất lạc. Vừa rồi, tôi nhờ một nhà ngoại cảm tìm giùm, bà ta lại nói anh tôi mất ở Huế…

- Khoan đã…

Dường như chuyện liên quan đến chiến tranh và đồng đội đụng chạm vào điểm nhạy cảm nên giọng của Hà hơi khan đi:

- Giấy báo tử có ghi số hòm thư, chức vụ, tên đơn vị anh của ông không?

Tôi vội mở ngăn kéo, lục tung, cuối cùng tìm được tờ giấy báo tử, rồi

nói với Hà:

- Giấy báo tử chỉ ghi: Họ tên, năm sinh, nguyên quán, cấp bậc hạ sĩ, chức vụ chiến sĩ, thuộc MTP, ngày hy sinh, tại mặt trận miền Đông Nam Bộ, đã mai táng tại nghĩa trang mặt trận.

Hà thở hắt:

- "Nghĩa trang mặt trận" thì bố đứa nào biết ở đâu… Trước khi anh của ông đi B, ông có biết đơn vị anh ấy đóng ở đâu không?

- Tôi có đến thăm anh ấy ở Mai Siu, Hà Bắc, tiễn anh ấy vào Nam năm 1967.

Hà reo lên:

- Trời! Thế thì cùng sư đoàn với tôi. Tôi cũng vào Nam năm 1967... Đây là sư đoàn đặc công huấn luyện đặc biệt cho riêng miền Nam. Năm ấy, tôi làm trợ lý ở sư đoàn bộ, quen biết nhiều lính ở các đơn vị trực thuộc, để tôi suy nghĩ lại xem có biết ai tên Khôi không, vì đã bốn chục năm rồi.

Dù thông tin chưa đủ thì cả tấn ưu tư trong lòng tôi cũng đã nhẹ bẫng đi:

- Anh Khôi và ông cùng ở Mai Siu, Hà Bắc, mà ông lại ở chiến trường Huế thì khả năng anh Khôi ở Huế như nhà ngoại cảm nói là có cơ sở?

- Khoan đã. Cùng sư đoàn Mai Siu vào Nam, F1, E2, D3 ở Huế lúc trước có năm thằng, lần lượt chết mất ba vì bệnh, giờ còn hai, là thằng Nguyễn Quốc Toản và thằng Vũ Hoài Sơn. Nếu ông Khôi ở Huế là cùng tiểu đoàn với hai thằng này, chắc chắn chúng nó nhớ.

- Trời ơi! Trời phù hộ đã khiến tôi gặp ông.

- Bây giờ tôi sẽ liên hệ ngay. Nếu được, chắc chiều chúng nó sẽ gọi điện cho ông.

Tôi mừng rỡ:

- Vô cùng cảm ơn ông.

- Ơn huệ gì… Đồng đội là máu thịt… Không biết thì thôi, biết mà không giúp thì không đáng là con nhà lính.

Ngắt chuyện với Nguyễn Quang Hà, tôi lao lên bàn thờ trên lầu, thắp nhang cho anh Khôi và cảm ơn trời đất phù hộ, theo đúng lời dặn của Tư Bông. Thắp nhang xong, tôi mới gọi điện cho vợ, phấn chấn kể lại cuộc nói chuyện với Nguyễn Quang Hà, rồi nói thêm:

- Có thể mình đã nghi nhầm và nhìn sai về Tư Bông.

Vợ tôi nói:

- Em đã bảo mà, nhìn nhận về những người thuộc thế giới tâm linh thì có khi mọi giá trị thông thường đều bị đảo ngược, nên mình phải thay đổi tư duy khi đánh giá về họ.

Cuối buổi chiều, Nguyễn Quốc Toản, bạn của Nguyễn Quang Hà gọi điện thoại cho tôi từ Huế, giọng vừa thân mật, vừa suồng sã, rất đậm chất lính:

- Tôi là Toản. Toản Sếu. Vừa đổi ca về thì thằng Hà bảo tôi gọi điện ngay cho ông.

- Ồ! Rất vui được làm quen với ông.

- Thôi, đừng khách sáo con cáo. Ông gặp tôi là đúng chỗ tìm anh ông rồi… Ông là em ruột thằng Khôi hả? Nguyễn Lê Khôi, cùng tiểu đoàn nhưng khác đại đội, dân Hưng Yên… Tôi và nó thân thiết như anh em từ ngày cùng nhập ngũ.

Sợ Toản mất hứng, tôi dè dặt đính chính:

- Anh tôi là Nguyễn Minh Khôi, dân Hà Nội.

Giọng Toản không bớt đi chút nào nhiệt tình:

- À, thế thì Khôi khác. Tiểu đoàn tôi có hai Khôi. Khôi Hà Nội ở đại đội Năm, Nguyễn Huy Khôi, nhưng điều này không quan trọng, vì có khi tôi nhớ nhầm, cũng có khi do lúc vào Nam, phần lớn lính mình đều thay đổi họ tên, địa chỉ, quê quán, để giấu địch vụ miền Bắc chi viện cho miền Nam. Thằng Nguyễn Quang Hà khi vào Nam đổi tên là Lê Hà Nam, còn tôi là Nguyễn Hải Đoàn, sau giải phóng mới lấy lại tên cũ Nguyễn Quốc Toản.

Tôi vẫn thận trọng:

- Ông có cách nào kiểm tra lại cái tên Huy Khôi không?

- Để tối nay thằng Sơn từ Hà Nội vào, tôi sẽ hỏi nó. Nhưng chín mươi phần trăm Huy Khôi là Minh Khôi, anh ông rồi. Một triệu thằng lính có thể có tới mười, hai mươi thằng tên Khôi. Một triệu dân Hà Nội cũng có thể có chục người tên Khôi, nhưng cùng Hà Nội, cùng đi lính, cùng xuất phát từ Mai Siu, cùng đi B vào Nam thì có hai thằng trùng tên lại là nhiều. Ông tin tôi đi. Vấn đề còn lại là ông nên ra Huế trước mùa mưa, để bọn tôi giúp ông tìm hài cốt anh ông.

Tôi muốn trăm phần trăm, trong khi Toản lạc quan hết cỡ cũng chỉ chín mươi phần trăm, chưa thể tạo ra niềm tin hoàn hảo trong quyết định ra Huế, nhưng sự nhiệt huyết và tận tâm hết mực của Nguyễn Quang Hà và Nguyễn Quốc Toản khiến tôi chỉ muốn bay ra Huế tức thì để gặp và ôm lấy họ.

Vợ chồng tôi xuống sân bay Phú Bài lúc giữa trưa. Sân bay nhỏ, các chuyến bay không nhiều, nên nhà ga thanh vắng, vài trăm hành khách cùng chuyến với chúng tôi, người ba lô, kẻ xách cặp hoặc kéo va ly đủ loại, từ máy bay ra cửa nhà ga cũng không làm sân bay sầm uất hơn. Chúng tôi ra Huế trước ngày hẹn với Tư Bông ba ngày, với mục đích gặp Nguyễn Quang Hà, Toản và Sơn trước, vừa dành thời gian làm quen với địa hình, địa vật ở đây, rồi đúng hẹn mới tiếp xúc với Tư Bông. Sau khi không còn gì lấn cấn, sẽ gọi điện báo cho chị cả Nguyễn Thị Minh Tâm, vợ chồng Nguyễn Thế Vinh, em ruột tôi, từ Hà Nội vào, rồi kêu thêm Nguyễn Tuấn Phúc, con trai tôi, đích tôn của dòng họ Nguyễn Hữu, từ Sài Gòn ra… Việc tìm và đưa hài cốt anh tôi sau hơn bốn chục năm thất lạc về quê Minh Trí, Kim Anh, Phúc Yên (nay là Sóc Sơn, Hà Nội) phải có đầy đủ các gương mặt trọng yếu của gia đình.

Thấy chúng tôi ra đến cửa nhà ga, mấy người lái taxi đang chờ khách vội bước lại đón đầu.

- Ông bà về đâu?

- Cô chú đi du lịch phải không?

Vợ tôi chọn người lái xe khoảng sáu mươi tuổi, để ria con kiến, vẻ lanh lẹ, cởi mở. Kinh nghiệm của tôi là khi đến một nơi xa lạ, những người lớn tuổi thường có độ tin cậy cao hơn. Khi xe chuyển bánh về hướng nội thành, vợ tôi nói:

- Chúng tôi ra Huế có công chuyện mấy ngày. Bác có thể giới thiệu cho chúng tôi một khách sạn tốt loại trung bình, ở trung tâm để tiện đi lại.

Người lái xe vui vẻ:

- Ông bà an tâm. Tôi lái xe ở sân bay hơn ba chục năm, chỉ nhìn khách cũng biết ở khách sạn nào hợp rồi.

Tôi cười:

- Chúng tôi đang tính ở khách sạn năm sao đấy.

Người lái xe cười theo:

- Tôi sẽ đưa ông bà đến đúng khách sạn năm sao.

Đường từ sân bay về nội thành, chúng tôi lần đầu tiên được ngắm Huế qua ô kính cửa xe. Vùng đất mới đương nhiên gây cho chúng tôi những xúc động bồi hồi. Một Huế cũ kỹ, dường như ít thay đổi, hay nói chính xác hơn, có thể thấy sự thay đổi không đến mức khiến cái mới và cái cũ xung đột nhau như nhiều thành phố khác. Sự bình lặng của Huế cho tôi cảm giác an tâm, vì Huế không sầm uất như Sài Gòn, cũng không chen chúc như Hà Nội, không khiến người ở lâu cũng như người mới tới cứ luôn phải cố gắng động não để thích nghi.

Vào đến trung tâm, rẽ vào một phố nhỏ, mật độ dân cư bắt đầu đông hơn, có cả bóng người nước ngoài, và xe cộ trên đường cũng nhiều hơn. Con phố có vẻ như là phố Tây ba lô, như Phạm Ngũ Lão ở Sài Gòn hay Bát Đàn ở Hà Nội, vẻ sang trọng được điểm tô nhờ các khách sạn nhỏ, nhà trọ mới xây, thu hút được nhiều khách thập phương.

Chiếc taxi dừng lại trước khách sạn năm tầng mới xây, kính cường lực mười hai ly phía mặt tiền chiếm tỷ lệ hơi nhiều, nhưng cấu trúc tân cổ giao duyên hài hòa về màu sắc đường nét vừa đủ hợp với sự sang

ngầm ở dãy phố. Dưới tên khách sạn bằng chữ nhựa nổi, ghép đèn màu là ba ngôi sao mạ vàng bóng sáng dưới nắng hè.

Người lái taxi:

- Hy vọng tôi không chọn nhầm chỗ cho ông bà.

Tôi nói đùa lại:

- Bác đánh giá chúng tôi quá cao. Lẽ ra chúng tôi chỉ ở loại nửa sao thôi.

Một nam tiếp tân, khoảng ngoài hai mươi, mặc đồng phục của khách sạn, vừa thấy xe dừng ở trước cửa đã tươi cười ra mở cửa định đỡ hành lý của chúng tôi nhưng người lái xe đã nhanh nhảu làm việc đó trước.

Lúc trả tiền xe và chia tay, vợ tôi nói:

- Những ngày ở đây, chúng tôi chắc chắn sẽ còn nhờ bác.

Người taxi bất ngờ đứng nghiêm, vui vẻ đưa bàn tay lên trán chào kiểu quân sự: "Sẵn sàng phục vụ quý khách!", rồi bác ta đưa tôi tấm danh thiếp có tên Lê Văn Quý, kèm số điện thoại, địa chỉ.

Cậu nhân viên tiếp tân ở khách sạn giải thích:

- Ngày xưa, bác ấy là lính đấy.

Nhận phòng xong, chúng tôi vội cất hành lý, cởi nới áo quần cho thoáng, nghĩ lại chặng đường dài từ lúc xuất phát đến giờ, hai vợ chồng thở phào vì rốt cuộc cũng được nghỉ ngơi thật sự. Lúc nghĩ đến người taxi tên Quý, chúng tôi mới sực nhớ cậu nhân viên khách sạn nói bác ta là lính, nhưng không biết lính Việt Cộng hay Việt Nam Cộng hòa.

Rồi tôi gọi điện cho Nguyễn Quang Hà, báo chúng tôi đã ra Huế để anh thu xếp cho chúng tôi gặp Nguyễn Quốc Toản và Vũ Hoài Sơn. Hai người đồng chí "chín mươi phần trăm" ở cùng trung đoàn với anh Khôi.

ANH KHÔI

Năm 1952 – 1955.

Anh Khôi sinh năm 1942, tuổi con ngựa, còn tôi sinh đúng năm hai triệu dân Việt chết đói, năm 1945, tuổi con gà. Nhà tôi ở đường Trần Nhật Duật, ngay mặt tiền, nhìn thẳng ra đê sông Hồng, nằm giữa đoạn từ chân cầu Long Biên đến "cột đồng hồ". Anh Khôi và tôi học cùng trường tiểu học Đỗ Hữu Vị, theo tên một đại úy quân đội Pháp, được vinh danh vì là người Việt Nam đầu tiên lái máy bay. Khi tôi vừa cắp sách đến trường, học năm đầu tiên cấp tiểu học là lớp Năm thì anh Khôi đang học lớp Nhì. Khi đó vẫn là thời Pháp thuộc, học sinh học theo hệ mười hai năm thay vì hệ mười năm sau như dưới chế độ mới sau này. Lớp Năm của tôi tương đương lớp một hệ mười năm, còn lớp cuối cấp tiểu học hệ mười hai năm gọi là lớp Nhất. Trường chúng tôi nằm ở góc đường Cửa Bắc giao với Nguyễn Trường Tộ, gần chợ Châu Long và nhà máy điện Yên Phụ. So với trường Nguyễn Công Trứ nằm cùng con đường, gần với phố Hàng Than, được xây sau nên to đẹp hơn, thì trường Đỗ Hữu Vị chỉ là ngôi trường khiêm tốn. Có lẽ do trường nhỏ, chỉ vài trăm học sinh, nên thầy với trò và giữa các học trò với nhau đều gần gũi, chỉ học một năm là quen tên, thuộc mặt nhau hết.

Nhà tôi cách trường chừng hơn hai cây số, nhưng đến trường có nhiều đường. Từ nhà đi khoảng hai trăm mét đến chân cầu Long Biên phía sang Gia Lâm, theo dọc đê Yên Phụ đến nhà máy điện rẽ xuống Cửa Bắc, đi thẳng là đến trường. Nếu đi hết phố Hàng Đậu, đến tháp nước đầu vườn hoa rồi đi lối Hàng Than rẽ vào Nguyễn Trường Tộ hay đi lối Quán Thánh, con đường song song với Nguyễn Trường Tộ, đều đụng Cửa Bắc, cũng đến trường. Chưa kể ba trục đường Yên Phụ, Quán

Thánh, Nguyễn Trường Tộ có đủ các đường ngang bàn cờ Yên Ninh, Hàng Bún... mà chúng tôi vẫn thường cao hứng rẽ ngang rẽ dọc, đi cách nào thì cuối cùng cũng đến cổng trường. Sở dĩ phải nói có phần dài dòng về những con đường đến trường của chúng tôi thời đó là vì đến nay, Hà Nội hiện đại của thế kỷ hai mươi mốt đã có rất nhiều thay đổi. Nữa là vì, tôi cũng đã quá cái tuổi thất thập cổ lai hy, những thăng trầm được mất trong cuộc đời nhiều khôn kể, có nhớ có quên, nhưng riêng ký ức về những con đường đến trường cùng anh Khôi, khi tôi chỉ là thằng bé bảy tuổi, lớp Năm, còn anh Khôi mười tuổi, lớp Nhì, thì dường như mãi mãi không bao giờ phai nhạt.

Thời đó, chúng tôi học buổi sáng, nên mỗi ngày đều phải dậy sớm để đến trường đúng giờ. Bố tôi làm việc cho nhà in và xuất bản tư nhân T&X ở đường Lê Thái Tổ, con đường hai làn có hàng me già tuyệt đẹp, bên bờ Hồ Hoàn Kiếm. Từ nhà đến nơi bố tôi làm việc, đi xe đạp thong thả chỉ mất hai mươi phút, nhưng là người cần mẫn với công việc, ông luôn có mặt ở nhà in lúc sáu giờ, vì vậy ông thường dậy từ năm giờ, rồi đánh thức mấy anh em chúng tôi dậy theo. Anh Khôi lúc nào cũng vui vẻ, tôi thì miễn cưỡng, còn thằng Vinh, kém tôi hai tuổi, thì không sáng nào không nhăn nhó. Ăn sáng thường là cơm rang đủ kiểu chế biến, do mẹ kế, mà chúng tôi gọi là cô, nấu nướng. Sau, bà liên tục sinh các em thì do người giúp việc tên Hình, người cùng quê Chèm Vẽ[2*] với bà, lo liệu bữa sáng.

[2] Chèm và Vẽ là tên hai ngôi làng cũ thuộc phường Đông Ngạc ngày nay.*

Ăn sáng xong, bố tôi mở cửa. Hồi đó, ở Hà Nội, các nhà mặt tiền chỉ mới bắt đầu sử dụng loại cửa sắt kéo, đa số vẫn là cửa gỗ, loại bốn hoặc nhiều tấm ván dài, lùa vào các rãnh trên và dưới khung gỗ, muốn mở rộng nhiều hay ít, tùy ở việc gỡ bớt hay lắp thêm các tấm ván. Tối đến, trước khi đi ngủ thì lắp hết các tấm ván vào, đặt thanh gỗ to vào các khuông sắt, rồi móc thêm ổ khóa. Để anh Khôi và tôi đi học, bố tôi đi

làm, chỉ cần gỡ hai tấm ván là có thể ra khỏi nhà. Trước khi đi, bao giờ bố cũng nhắc anh tôi: "Đi đường nhớ trông em cẩn thận". Rồi ông ngồi lên xe đạp, đi về hướng cột đồng hồ, Lý Thái Tổ.

Anh Khôi "dạ" với bố rất mềm, nhưng không bao giờ đi ngay. Lúc anh nói quên thứ này, phải vào nhà lấy, lúc lại bảo đau bụng, phải chạy đi ị. Ban đầu, tôi cho là ngẫu nhiên, nhưng sự lặp đi lặp lại nhiều lần các "sự cố", thì đầu óc còn lơ mơ của thằng bé đang học vỡ lòng như tôi cũng biết anh cố ý chờ bạn. Do sợ bố biết cái tội đi không đến nơi về không đến chốn, còn đàn đúm với bạn trên đường, nên anh vờ đóng kịch là con ngoan.

Bạn cùng lớp với anh là Danh Hùng. Nhà anh Hùng ở trong ngõ Tư Đường, một ngõ cụt, rộng, nhà thưa, cách nhà tôi chừng chục ngôi nhà về hướng cột đồng hồ. Nhà Hùng ở cuối ngõ, là ngôi biệt thự nhỏ hai tầng, kiểu cũ, xung quanh có vườn, phía trước là mấy cây bưởi và những chậu cây cảnh, phía sau có trồng cau và ổi. Ở Hà Nội năm đó, nhà như vậy thuộc loại nhà giàu. Bố anh Hùng là võ sư Danh Quỳnh, sống kín đáo, ít giao lưu, nhưng cả phố đều biết tiếng. Bố tôi và ông cũng là chỗ quen biết và quý trọng nhau, nhưng khi biết anh Khôi và anh Hùng học cùng lớp, bố tôi lại cấm anh chơi với Hùng. Không phải chỉ một lần mà nhiều lần. Bố không nói tại sao, hay chỉ nói riêng với anh Khôi, nên tôi hoàn toàn không biết lý do. Tôi chỉ biết bố rất nghiêm khắc với việc ngăn cấm này. Tôi còn biết, dù bị cấm, anh Khôi vẫn cứ chơi, thậm chí còn rất thân thiết anh Danh Hùng.

Ngoài ngôi nhà ở ngõ Tư Đường, ông Danh Quỳnh còn mở võ đường Nhu Việt trên đường Lý Thái Tổ, gần Ấu Trĩ Viên (Nhà Văn hóa Thiếu nhi bây giờ). Chiều nào, anh Khôi và anh Hùng cũng tập ở đây, sau, cả hai cùng lên đai làm phụ huấn luyện và có tiền thù lao. Anh về đưa tiền cho bố nhưng bố tôi bảo: "Giữ lấy mà mua sách vở". Ông còn nói thêm: "Sớm biết làm ra tiền là tốt, nhưng không được xao nhãng việc học hành". Đến bây giờ, việc bố tôi cấm anh Khôi chơi với anh Hùng nhưng

lại làm ngơ việc anh tập và kiếm tiền ở võ đường Nhu Việt vẫn là điều không sáng tỏ. Hồi bé, có thể do nhìn nhận mọi chuyện hồn nhiên và đơn sơ, không để tâm giải thích, nên tôi chỉ nghĩ có thể bố tôi không biết võ đường này là của ông Danh Quỳnh, vì anh Khôi giấu giếm. Lớn lên, mọi chuyện cũng đã trôi qua, nên tôi không còn để ý.

Anh Danh Hùng đi học rất đúng giờ nhưng thường trễ hơn anh Khôi và tôi chừng mười lăm phút. Anh không đi một mình mà đi với em gái là Danh Huyền, cùng lớp với tôi. Huyền nhỏ như con chim chích. Cùng bảy tuổi, nhưng Huyền chỉ cao nhỉnh hơn tai tôi một chút.

Sáu giờ sáng, trời còn u ám, vì đèn điện đường những năm đó ở Hà Nội đã ít lại đỏ quạch như mắt người thiếu ngủ. Dân hàng phố chưa mở cửa nhưng người tứ xứ đã sớm xuất hiện. Người tới kẻ lui đa số là dân ngoại thành. Rồi hàng hóa, rau quả, khuân vác gánh gồng, vận chuyển bắt đầu tấp nập, nhưng cũng không ồn ào huyên náo như khi trời sáng hẳn. Phía trước mặt phố, bên kia đường, suốt dải đất chân đê là bến xe khách liên tỉnh. Sau lưng phố, xuyên qua những ngõ ngang chật hẹp, là lối thông sang hai chợ lớn Bắc Qua và chợ Đồng Xuân, bốn mùa mưa nắng đều hội tụ dân kẻ chợ đến sớm về muộn mà ngày nay quen gọi là "địa bàn phức tạp". Vậy mà trên lối đó, lũ trẻ ranh chúng tôi vẫn sáng sớm cắp sách đến trường, trưa cắp cặp về, không một bóng phụ huynh kè kè đưa đón như những năm dưới chế độ mới, cho rằng trẻ con không thể tự lo cho mình.

Sáng sáng, chờ anh em Hùng, Huyền đến, cả bốn sẽ cùng đi đến dốc đầu cầu Long Biên, cũng là đầu Hàng Đậu. Anh Khôi đưa cặp cho tôi, còn Danh Hùng đưa cặp cho Huyền, sau đó, cả hai cởi chiếc áo đồng phục sơ mi trắng cộc tay, vắt lên vai hai đứa em. Thấy mình không phải cái giá áo di động, tôi bảo:

- Để bọn em cho áo vào trong cặp.

Anh Khôi nghiêm mặt:

- Cho vào cặp rồi đến trưởng bỏ ra nó nhàu nát, mặc vào để thầy giáo

mắng à?

Khi chỉ còn mặc chiếc may ô[3*] trắng, ngực trái in chữ "TRE VIỆT" bên trên nhành lá tre, thay đôi dép quai hậu bằng đôi giày bata, hai ông anh cùng chạy theo đường Yên Phụ về hướng nhà máy điện.

[3] Phiên âm từ tiếng Pháp maillot de corps, là loại áo lót mỏng, thường là màu trắng, mặc trong cùng để thấm mồ hôi và giảm cọ xát với lớp vải cứng mặc ngoài. Bắt đầu xuất hiện từ thế kỷ 20, từng có thời áo may ô là dấu hiệu của người khá giả.*

Hồi đầu, tôi xin:

- Cho bọn em chạy với.

Anh Khôi bảo:

- Hai đứa cùng nhóc con làm sao chạy kịp các anh.

Huyền nói:

- Em chạy được.

Anh Khôi kiên quyết:

- Chạy được thì cũng đổ hết mực ra cặp.

Hồi đó, chỉ học sinh lớp Nhất mới được dùng bút máy, còn từ lớp Nhì trở xuống, viết chữ phải có nét, toàn dùng loại bút chấm mực nên trong cặp đứa nào cũng kèm theo lọ mực, chưa kể tôi và Huyền, mỗi đứa mang hai cặp, thành ra hai lọ mực.

Anh Hùng thì nhẹ nhàng:

- Bao giờ hai đứa lên lớp Nhì, anh sẽ cho chạy cùng.

Lời ngọt lọt tai, chưa kể cả hai đứa đều ngô nghê, không nghĩ ra mình lên lớp Nhì thì hai ông anh đã lên trung học, còn đâu cùng trường mà chạy.

Sáng nào cũng chỉ có tôi và Huyền trên đường. Mỗi đứa ôm hai cái cặp, vai vắt chiếc áo của hai ông anh, lủi thủi đi dọc hè Hàng Đậu. Là hàng xóm của nhau, có hai anh thân nhau, lại học cùng lớp, đi học cùng giờ nhưng tôi vẫn lủi thủi chỉ bởi tôi nghĩ đi học cùng với con gái sẽ bị bớt đi phần nam tính trước các bạn trai cùng lớp. Còn Huyền không biết

nghĩ gì nhưng suốt mấy năm cùng đến trường ở bậc tiểu học luôn làm như không hề có tôi bên cạnh, thỉnh thoảng có mở miệng thì toàn lườm với nguýt.

Dù không được chạy theo anh Khôi và Danh Hùng nhưng tôi cũng biết suốt từ cầu Long Biên dọc đường Yên Phụ rẽ vào Cửa Bắc rồi đến trường đều có các bạn của các anh, nhà ở Châu Long, Ngũ Xã, Cửa Bắc, đứng đầu là anh Huy Lạc, đón đầu nhập cuộc. Tất cả đều quần soọc xanh, áo may ô TRE VIỆT, giày bata. Danh Hùng chạy trước, Huy Lạc chạy giữa, anh Khôi khóa đuôi. Vừa chạy vừa đồng thanh hô: "Việt Nam! Trẻ trẻ trẻ!".

Việc chỉ lớp Nhì, lớp Nhất, là những học sinh lớn, được chạy là chuyện hoàn toàn hợp lý, vì đường chạy dài, thời gian tập hợp và chạy có hạn và tất cả lại phải có mặt ở trường trước trống báo hiệu tập trung vào học. Chưa kể mỗi tuần có một ngày thứ Bảy, hội chạy dậy sớm hơn, không rẽ vào đường Cửa Bắc, mà chạy thẳng xuống đường Cổ Ngư (sau là đường Thanh Niên), rẽ vào đường Quán Thánh rồi mới vòng về trường, xa gấp đôi đường cũ, học sinh lớp bé theo không nổi. Nhưng quan trọng nhất là sinh hoạt này do anh Khôi, anh Danh Hùng và Huy Lạc tự phát, không do nhà trường tổ chức, nên vẫn phải giữ ý, sợ bị nhà trường cấm đoán.

Chính vì vậy, hai đứa giá áo di động và xách cặp chuyên nghiệp cho hai anh là tôi và Huyền dù có tâm trạng thế nào cũng cứ phải đến cổng trường đúng hẹn để trao cặp và áo cho các anh. Hoàn thành nhiệm vụ bất đắc dĩ xong, hai đứa lì lì lườm nhau một cái, rồi đường ai nấy đi, để khi vào lớp, Huyền nhỏ nhắn và học giỏi nhất lớp ngồi đầu bàn trên một cách kênh kiệu, còn tôi to xác và sức học trung bình thì ngồi đuôi bàn cuối đầy cam phận.

Trường tôi, mỗi sáng thứ Hai đều có buổi tập hợp toàn trường, trang trọng làm lễ chào cờ. Trước khi làm lễ, thầy hiệu trưởng đọc tên năm học sinh danh dự của toàn trường lên đứng ở bục cao dưới chân cột cờ.

Sau đó, hai học sinh trong số năm người được vinh dự đứng kéo cờ. Đầu tháng, số học sinh danh dự được tuyên dương lên đến con số mười. Hai trong số này vinh dự được kéo cờ, trong khi toàn trường đồng thanh hát Quốc ca.

Anh Khôi và Huyền gần như thường xuyên có mặt trong số năm và mười học sinh danh dự đó, cũng không ít lần, hai người cùng được kéo cờ. Mỗi lần thấy người thân trên bục danh dự trước toàn trường, tôi sung sướng rộn rạo, nhưng cũng thật kỳ lạ, chưa bao giờ tôi coi cả hai là thần tượng. Việc anh Khôi bắt tôi xách cặp, mang áo và không cho nhập hội tập chạy đã khiến sự ấm ức trong tôi luôn lớn hơn sự khâm phục. Còn Huyền? Phải phục một đứa con gái giỏi hơn mình không phải là việc dễ dàng với một "đấng nam nhi", chưa kể cả lớp có sáu mươi học sinh, đội tuyển bóng đá đứng đầu khối chỉ có mười một đứa, trong đó có tôi, vậy mà chưa bao giờ tôi thấy nó đứng xem tôi thi đấu.

Nhưng tôi lại hết sức khâm phục, thậm chí là sùng bái anh Danh Hùng. Tôi luôn ngầm tự hào anh Khôi được là bạn thân thiết với anh. Anh Hùng mảnh người nhưng thuộc nhóm cao vượt hơn so với các bạn đồng lứa, cao hơn cả anh Khôi. Dù cùng bậc cuối tiểu học, hầu hết các bạn đều vẫn mang dáng vẻ của lứa thiếu niên thì anh Hùng đã sớm có phong thái người lớn: chững chạc, nhanh nhẹn, gương mặt của anh có nét hơi lai Tây, hao hao giống mấy nhân vật cao bồi trong các phim Mỹ mà tôi rất mê. Bóng đá, bóng rổ, bóng bàn anh đều chơi xuất sắc và luôn là thủ lĩnh của đám đông. Ở trường, tôi chưa bao giờ thấy anh đứng một mình, dù là trước giờ học, trong giờ ra chơi hay đến lúc tan học. Quanh anh lúc nào cũng ít thì có một nhóm, đông hơn thì hàng chục người tán gẫu, chơi đùa hay cùng làm việc gì đó. Khi đang chơi với các bạn cùng lớp, anh đi qua thấy tôi, anh vẫy: "Tuấn lại đây anh bảo…", là tôi đã sướng rơn, tự hào với đám bạn vì được quen với Danh Hùng. Anh cũng thuộc nhóm học giỏi. Có lần tôi hỏi anh Khôi: "Sao anh Danh Hùng không được lên bục danh dự những ngày chào cờ?". Anh Khôi trả lời:

“Danh Hùng học như chơi nên điểm cao không đều, nhưng anh ấy là người giỏi nhất lớp đấy”. “Còn anh thì sao?”, tôi hỏi. Anh Khôi nói: “Tính điểm, anh thuộc nhóm ba người giỏi nhất lớp, nhưng anh giỏi là nhờ cố gắng và chăm chỉ”.

Anh Khôi còn người bạn thân nữa mà tôi cũng coi như thần tượng là anh Huy Lạc. Anh Lạc cùng tuổi anh Khôi và anh Danh Hùng, cả ba từng học chung lớp Năm, nhưng rồi anh Lạc phải học lại lớp Ba trong khi anh Khôi và anh Hùng lên lớp Nhì nên hiện anh Lạc kém một lớp. Trái với anh Hùng cao vượt, anh Lạc nhỏ con, nhanh như sóc, tự đặt cho mình biệt danh Robin Hood, vì anh có gương mặt và mái tóc hao hao nhân vật tướng cướp này. Đã vậy, anh lại kiếm đâu được chiếc mũ dạ nâu, chóp nhọn, vành trước chụp xuống mắt, vành sau bẻ ngược, giống hệt trong bộ phim *Tướng cướp rừng xanh* dựa theo tiểu thuyết của Alexandre Dumas. Anh Lạc cầm đầu nhóm bóng đá sân trường. Nhà ở phố Châu Long giáp với làng đúc đồng Ngũ Xã, rất gần với trường, nên anh tập hợp được khá nhiều bạn ở cả các lớp khác, hễ có dịp là bày gôn đá bóng ở trong trường. Sân trường không rộng lại có các gốc bàng, bóng cũng chỉ là loại bóng quần vợt mà người lớn đánh trụi lông thải ra, nhưng trận đấu nào cũng máu lửa, khán giả đông dần theo số học sinh đến trường. Khán giả ôm cặp vây kín quanh sân cũng máu lửa hò reo cổ vũ cho đến khi trống điểm báo xếp hàng vào lớp. Tôi cũng có máu bóng đá, nhưng nhà ở xa, chỉ đến trường vào giữa trận đấu. Dù chuyên làm khán giả nhưng tôi cũng thuộc lòng tên từng cầu thủ, ai tên gì, học lớp nào. Trong mọi trận đấu, anh Lạc luôn là ngôi sao sáng nhất. Anh dắt bóng, phá bóng, sút vào gôn đều vô cùng đẹp mắt, đạt tới độ điêu luyện, nên mỗi lần bóng đến chân anh là cả sân trường hò reo trầm trồ. Về mặt tỏa sáng và gây ấn tượng mãnh liệt với người hâm mộ, anh Huy Lạc có phần vượt trội hơn anh Danh Hùng, mặc dù trong chuyện học hành, anh cũng nổi tiếng là không giỏi.

Đi bên cạnh Danh Hùng và Huy Lạc, anh Khôi của tôi luôn khiêm tốn

về mặt hình thức. Vì thật ra việc học giỏi ở trường chỉ có giá trị cao với các thầy cô giáo và những học sinh lấy thành tích học giỏi làm đích, trong khi những học sinh nổi trội về cá tính và những hoạt động phong trào, hoạt động văn thể mới thực sự có sức hút.

Vậy mà đùng một cái, anh Khôi bị đuổi học. Quá trình dẫn đến công bố quyết định kỷ luật này thế nào tôi không biết. Anh Khôi cũng giấu. Chỉ đến khi bố tôi được mời đến trường nhận thông báo của thầy hiệu trưởng, sau đó, anh bị bắt nằm sấp trên giường, lãnh trận đòn như mưa bởi cây phất trần từ tay bố tôi trút xuống, tôi mới biết anh bị kết tội tổ chức băng trộm cắp ở cả hai trường Đỗ Hữu Vị và Nguyễn Công Trứ. Sự vụ vỡ ra khi anh bị bắt quả tang tham gia một vụ ăn cắp tại bến Phà Đen. Toàn những chuyện tôi không sao tin được.

Hồi nhỏ, sống và lớn lên ở dãy phố bên bờ sông Hồng nhưng tôi không biết bến Phà Đen ở đâu. Khi xảy ra vụ anh Khôi, tôi hỏi chị Tâm, chị cũng chỉ biết hình như là bến phà nằm ở khúc giữa Viện Viễn Đông Bác cổ (nay là Viện Bảo tàng Lịch sử) và Vĩnh Tuy. Tôi lại hỏi Vĩnh Tuy ở đâu, chị nói không biết. Đến năm lớp mười ở trường Chu Văn An, trong giờ ngoại khóa, tôi mới nghe cô Mai dạy sử nói về lịch sử hình thành cầu Long Biên. Trước khi có cầu, việc qua lại sông Hồng là bằng cầu tạm, cầu thô sơ vào mùa nước cạn, thời gian còn lại chủ yếu đi đò ngang. Hàng hóa nông sản ở các tỉnh miền núi, đồng bằng Bắc Bộ xuôi ngược chở về Hà Nội đều cập bến ở hai bến phà lớn là Phà Chèm và Phà Đen. Từ khi có cầu Long Biên, những chuyến đò ngang bớt đi nhưng Phà Chèm và Phà Đen vẫn có nhiều người và hàng hóa qua lại.

Lúc xảy ra vụ anh Khôi, tôi vẫn đang học lớp Năm. Trước khi nghe thầy Quảng, hiệu phó phụ trách giám thị nhà trường, công bố kỷ luật anh Khôi trước toàn trường trong giờ chào cờ, tôi hoàn toàn không biết chuyện gì đã xảy ra với anh vì thời gian đó, ở nhà anh không có biểu hiện gì khác thường.

Giờ tan học, vừa nghe tiếng trống, tôi đã lao sang lớp anh. Gặp anh

Danh Hùng, tôi nói :

- Em sang tìm anh Khôi.

- Anh Khôi vừa về rồi.

Tôi hỏi:

- Chiều nào anh Khôi và anh cũng đi tập Judo ở Nhu Việt, sao có chuyện trộm cắp ở Phà Đen?

Anh Hùng:

- Đây là chuyện người lớn. Em lo là đúng nhưng chỉ cần em tin anh Khôi không phạm tội là được. Anh hỏi em, em có tin anh của em trộm cắp không?

Vừa lúc đó, Huyền cũng có mặt. Thường thì, khi tan học anh Khôi với tôi rất hiếm khi đi cùng, vì anh luôn có bạn bè xúm xít, tôi cũng đi với mấy đứa cùng lớp nhưng đến đầu hàng Đậu chỉ còn một mình. Ngược lại, Huyền và anh Hùng, giá nào cũng anh em song đôi về tận nhà.

Huyền tức tối lên tiếng với vẻ quả quyết:

- Em tin anh Khôi không trộm cắp.

Tôi nói nhỏ:

- Em không tin.

- Thế thì anh nói để hai đứa nghe nhé. Trong nhà nào cũng có chuyện con cái bị bố mẹ đánh oan, mắng oan đúng không? Thế thì ở trường cũng có học trò bị xử oan. Chuyện này, anh và anh Khôi sẽ tìm cách thanh minh, nhưng phải từ từ.

Tôi rầu rĩ:

- Nhưng anh Khôi bị nghỉ học từ ngày mai rồi còn đâu.

Huyền nói với anh Hùng:

- Hay anh về nói với bố, để bố đến trường nói với thầy hiệu trưởng?

Hùng gắt:

- Chuyện này anh cấm em được tiết lộ cho bố mẹ đấy.

Về đến cửa nhà, tôi thấy chị Tâm ngồi ở bàn nước bên trong vừa học bài vừa trông hàng. Nhà tôi, ngoài việc bố hằng ngày đến nhà in và xuất

bản T&X làm việc, còn mở cửa hàng tạp hóa và đại lý bán lẻ nước mắm cho hãng nước mắm Chuông Vàng để mẹ kế trông coi. Cơ ngơi của cửa hàng nhà tôi chỉ vào hàng trung bình khá so với hãng nước mắm Vạn Vân hùng mạnh cùng phố. Ngoài giờ đến trường, khi nào rảnh chị Tâm thường ra ngồi trông cửa hàng. Vừa thấy chị, tôi lao ngay đến, thì thầm:

- Anh Khôi về chưa?

- Chưa.

- Hôm nay, anh ấy bị đuổi học.

- Chị biết rồi.

- Còn bố?

- Bố cũng biết rồi. Thứ Hai tuần trước, thầy hiệu trưởng mời bố đến trường thông báo. Bố chỉ cho chị biết và dặn giấu cả cô.

Chị bỗng sụt sịt chấm nước mắt:

- Nhưng bố đánh Khôi đau lắm… Rất là đau… Chị rất thương Khôi… Không đời nào chị tin Khôi cũng như các em phạm cái tội ấy…

Chị lại khóc thành tiếng:

- Nhà mình, các ông nội, ông ngoại luôn dạy con cháu rằng dù chết đói chết khát cũng không bao giờ ăn trộm, ăn cắp…

Vừa lúc đó, anh Khôi cắp cặp về đến cửa, chị Tâm nói nhanh:

- Em nhớ đừng cho thêm bất cứ ai trong nhà biết, cũng đừng lộ với Khôi chị vừa kể với em, vì Khôi vẫn tưởng chị chưa biết.

Anh Khôi bước vào nhà thấy chị Tâm và tôi nên lập tức thay ngay nét mặt căng thẳng bằng nụ cười vui vẻ, anh hỏi tôi:

- Sao hôm nay em về sớm vậy?

Tôi nói:

- Anh Hùng bảo anh còn về trước em.

Anh Khôi chột dạ:

- Anh Hùng nói gì nữa không?

- Không ạ.

- Lớp em, các bạn có ai nói gì về anh không?

- Không ạ.

Tất nhiên tôi nói dối. Và tôi quên ngay lời chị Tâm:

- Có phải anh bị bố đánh về tội bị đuổi học?

Thấy anh làm thinh, tôi nói thêm:

- Chị Tâm vừa kể...

Lúc này, tôi mới thấy cánh tay phải để trần của anh có hai vết lằn rớm máu. Trong gia đình, bố tôi là người ít nói. Những chuyện người lớn và chuyện ngoài xã hội, ông không bao giờ nói trước mặt các con. Chuyện ở nơi làm việc, ông cũng không bao giờ nói ở nhà, kể cả với mẹ kế. Sau này, mẹ kế còn sinh cho ông năm người con nữa. Trong nhà, lúc đầy đủ luôn có chín chị em, bố tôi không bao giờ dạy chúng tôi bằng những lời lẽ đạo lý, những câu chuyện đối nhân xử thế, học hành, chí hướng. Ông quan niệm, cha mẹ cứ sống gương mẫu thì các con sẽ tự ý thức noi theo. Chuyện anh chị em chúng tôi học hành, ông chỉ để ý các con có trách nhiệm với việc học hay không. Nếu chúng tôi bị điểm kém, ông không gằn hắt như thể con mình là đứa dốt nát, nhưng khi chúng tôi được điểm giỏi, ông cũng không khen ngợi như con mình là thiên tài. Chỉ có hai tội mà ông tuyệt đối nghiêm khắc với con cái là tội dối trá và tội thất hứa. Hai tội này, nhẹ thì bị mắng còn trên mức nhẹ thì bị nằm sấp xuống giường đánh bằng chổi phất trần. Để răn đe anh chị em chúng tôi, cả lúc vui lẫn lúc giận, ông vẫn hay chỉ vào cái phất trần treo trên tường:

- Đã là con người, ai cũng có lúc đúng, lúc sai, lúc công bằng, lúc thiên vị, nhưng cái phất trần không phải là người, nên đứa nào có tội là nó đánh. Tội nhiều đánh nhiều, tội ít đánh ít…

Chúng tôi chỉ ngồi im thin thít, mặc dù vẫn có thể cãi lại: “Cái phất trần không thể đánh được ai, nếu bố không cầm nó”. Nhà tôi có chín chị em: ba gái, sáu trai. Bố tôi không bao giờ đánh con gái. Anh Khôi không bao giờ bị đánh, vì anh là con lớn, lại là cháu đích tôn dòng họ nội Nguyễn Hữu ở Lập Chí, Minh Trí, Kim Anh, Phúc Yên. Trong nhà, anh thật sự là tấm gương toàn diện về cả lối sinh hoạt và tư cách. Họ hàng

gần xa, bạn bè của bố đến chơi, ai cũng khen anh là bản sao của bố, chưa kể ở trường anh luôn có thành tích học tập giỏi. Ba đứa em trai lứa tuổi lít nhít con mẹ kế, tôi và thằng Vinh nghịch thế nào thì chúng cũng nghịch như vậy, nhưng có lẽ sợ bà buồn nên bố tôi chỉ mắng chứ không đánh. Cuối cùng, người bị đánh nhiều nhất chỉ còn tôi và thằng Vinh. Nhưng ngay thằng Vinh cũng không bao giờ bị đánh quá tay. Hai đứa cùng bị ba roi thì không có gì để nói bố không công bằng, nhưng nghe tiếng roi quất vào mông thằng em nhẹ hơn, tôi cũng biết bố thương nó nhiều hơn. Đánh con xong, bố tôi thường vào phòng, ngồi thừ hàng giờ, rồi vào lúc khác, bố thường lẩm bẩm một mình, có lẽ đang nói với linh hồn mẹ tôi: "Thằng Vinh mới một tuổi mẹ đã mất…". Có hôm, nghe được lời bố, chị tôi nói: "Thằng Vinh một tuổi thì thằng Tuấn cũng mới ba tuổi…". Bố tôi không nói gì.

Đây là lần đầu tiên, anh Khôi bị đánh, lại là đánh rất đau. Hai vết lằn đỏ bầm ở cánh tay có lẽ do bị đánh ở mông quá đau, anh đưa tay đỡ. Tôi hỏi:

- Sao anh không thanh minh?

Anh nói:

- Bố đánh là đúng.

Anh im lặng một chút rồi ứa nước mắt nói với cả chị Tâm:

- Bố không đánh về việc bị kỷ luật ở trường mà đánh về tội nói dối… Bố vẫn nghĩ em đi tập Judo ở Nhu Việt, trong khi chiều nào em cũng ra Phà Đen.

Nghe đến đấy, tôi hiểu ra phần nào câu chuyện, liền quẳng cặp, phóng ra khỏi nhà. Nghe chị Tâm và anh Khôi lớn tiếng gọi lại, tôi vẫn bất chấp. Tôi chạy sang ngõ Tư Đường đến nhà Danh Huyền. Bác Danh Quỳnh và bố tôi là chỗ quen biết lâu năm. Anh Khôi và anh Hùng chơi với nhau như hình với bóng. Tôi với Huyền học cùng lớp. Nhà Huyền thì tôi cũng biết đến độ coi đó là một nơi quen thuộc nhưng chưa bao giờ bước chân vào. Việc này có thể do tính tôi nhút nhát, cũng có thể là vì thứ tự trọng,

khách sáo truyền thống có từ lúc lọt lòng của người Hà Nội.

Tôi chưa nhấn chuông, Huyền đã từ trong nhà chạy ra:

- Anh Khôi về chưa?

- Rồi.

Tôi đáp cụt lủn, vì tôi đứng lù lù trước mặt, nó lại hỏi anh Khôi. Huyền nói lớn vào trong nhà:

- Anh Hùng! Anh Khôi về rồi.

Nó quay sang tôi, vồn vã nhưng cũng cụt lủn:

- Vào đi.

Tôi nói:

- Tớ chỉ gặp anh Hùng.

Anh Hùng đang quần đùi, ở trần, bước ra nói:

- Bố anh bảo em vào.

Tôi sợ đến phát run. Nhà tôi đã quá quen với tập quán và nghiêm luật chuyện người lớn và trẻ con là hai thế giới khác biệt, nếu không được người lớn là bố tôi cho phép, thì khi thấy người lớn nói chuyện phải tránh xa. Và bố tôi cũng tuyệt đối không nói với người ngoài chuyện trong nhà. Tuy nhiên, tôi cũng dè dặt bước theo anh.

Nhà anh Hùng có kết cấu rất khác với nhà tôi. Trong khi nhà tôi là mặt phố, cấu trúc đồng bộ với các nhà khác theo kiểu nhà ống, bề ngang khoảng ba đến năm mét, sâu trên dưới hai mươi mét, thì nhà anh Hùng thuộc khu nhà được xây độc lập từ các vườn cây chia ra, nên có bề ngang rộng, phòng khách bên ngoài kê xa lông thông liền với phòng ăn, bên trong là nhà bếp. Hình như sắp vào bữa ăn trưa nên cả nhà đều đang ở phòng khách.

Nhà anh Hùng có bốn anh em. Trên anh Hùng là anh Danh Hoàng đang là sinh viên Đại học Y khoa. Dưới anh Hùng là Danh Vũ, đang học trường tiểu học Hàng Cót. Huyền là út cũng là con gái duy nhất. Lúc tôi vào, cả anh Danh Hoàng, Danh Hùng, Danh Vũ đều đang quần đùi, ở trần. Đó là điều khác với nhà tôi. Có lẽ do nhà tôi nhiều con gái, nên con

trai không bao giờ ở trần trong nhà.

Thấy tôi vào, bác Danh Quỳnh từ trên lầu đi xuống. Anh Danh Hoàng và Danh Vũ ý tứ đi vào phòng ăn, chỉ còn bác Danh Quỳnh, anh Hùng, Huyền và tôi ngồi ghế ở xa lông.

Bác Quỳnh hỏi:

- Bố cháu đánh anh Khôi đau lắm phải không?

- Dạ… Cháu sang nhờ anh Hùng qua xin với bố cháu cho anh Khôi.

Bác Quỳnh nói:

- Chuyện anh Khôi con bị đuổi học, bác biết rồi. Thằng Lạc, bạn của Hùng và Khôi, cũng vừa ở đây về. Không ăn cắp mà bị bố đánh và bị trường đuổi học thì đúng là oan, nhưng nói dối đi tập võ để ra Phà Đen thì đánh không oan.

Tôi xị mặt như chính mình bị kết tội. Bác Quỳnh nói tiếp:

- Một đứa nói dối tội đã nặng, lại còn rủ nhau cả đám thông đồng nói dối, tội càng nặng hơn. Không chỉ anh Khôi con mà thằng Hùng cũng cùng cầm đầu. Cháu hỏi anh Hùng xem, bác có đánh anh ấy không?

Anh Danh Hùng lặng lẽ cúi đầu. Huyền vội nói leo:

- Bố chỉ tát một cái.

Chẳng rõ Huyền muốn bênh anh hay so sánh vậy là để bênh bố mình.

Bác Quỳnh nói tiếp:

- Một cái tát hay mười cái tát, đánh bằng roi hay mắng bằng lời cũng không quan trọng, quan trọng là người bị đánh, mắng nhận biết mình sai thế nào. Người không biết đúng sai bị đánh một trăm roi vẫn trơ ra, rồi chứng nào tật ấy và căm thù người dạy mình, thì bao nhiêu roi cũng vô ích. Còn người biết lỗi, dù chỉ nghe mắng một câu cũng thấy đau đớn ê chề, có ý thức sửa mình, nhớ và biết ơn người dạy mình, thì dù bị mắng oan, đánh oan cũng chỉ là chuyện nhỏ.

Tôi không phục câu: “Người có ý thức sửa mình, nhớ và biết ơn người dạy mình thì dù bị mắng oan, đánh oan cũng là chuyện nhỏ”. Có thể người lớn đã từng trải sẽ như vậy, chứ với trẻ con chúng tôi, bị mắng

oan, đánh oan luôn là chuyện lớn. Chỉ có điều trẻ con chóng quên và khi biết lấy cái thương yêu từ người lớn dành cho mình trừ đi những nỗi oan ức, thì thấy tình thương vẫn lớn, nỗi oan ức sẽ dần tan biến. Nghĩ vậy, nhưng tôi không cãi lại.

Nhưng Huyền cãi. Dám cãi lại người lớn cũng là chỗ nhà Huyền khác nhà tôi:

- Không ăn cắp mà bị đánh, bị đuổi học oan thì khó quên lắm.

Bác Danh Quỳnh vẫn dịu giọng:

- Nuôi mãi nỗi ấm ức trong lòng, đến phụ cả những người yêu thương mình thì sẽ khổ suốt đời. Con hãy nhớ lời này của bố, bây giờ chưa hiểu thì lớn lên con sẽ hiểu.

Một phụ nữ dáng vẻ đài cát, mặc đồ bộ sa tanh trắng muốt, hai vạt trước có thêu hoa, từ trên lầu đi xuống. Tôi đoán là mẹ Huyền, nên đứng dậy, khoanh tay, lễ phép:

- Bác ạ.

Bác Quỳnh nói:

- Đây là bác gái. Còn đây là em thằng Khôi.

Lúc bác gái còn ở trên cầu thang, do hơi khuất sáng, tôi không nhìn rõ mặt, nhưng khi bác đến bên chiếc ghế xa lông mà bác Quỳnh đang ngồi, tôi thoáng sững sờ bởi gương mặt đẹp nhưng phấn son quá đậm. Tôi nhận ra Huyền giống mẹ nhiều. Những năm ấy ở Hà Nội, phụ nữ có ý thức làm đẹp bằng phấn son chưa nhiều. Tầng lớp khá giả thì chỉ ngày lễ, ngày tết, ngày hội, các bà, các cô mới trang điểm nhẹ nhàng nhằm nâng thêm những ưu điểm và khắc phục những nhược điểm trên gương mặt hoặc để tương xứng với trang phục. Các bà, các cô trang điểm quá đậm như bác Quỳnh gái thường bị định kiến là thuộc phường me Tây… Tôi lờ mờ hiểu ra nguyên nhân bố tôi rất thân với bác Quỳnh, nhưng luôn khéo léo nhắc anh em tôi, nhất là với chị Tâm, không giao du với nhà bác có lẽ là do bác gái hoàn toàn trái ngược với thẩm mỹ, văn hóa truyền thống ở gia đình tôi.

Bác Danh Quỳnh chỉ chiếc ghế bên cạnh, nói với vợ:

- Mình ngồi đi.

Rồi ông nói với tôi:

- Bác với bố cháu giống nhau ở chỗ tuyệt đối nghiêm khắc với tội nói dối, nhưng khác ở chỗ, hễ là chuyện dính đến danh dự gia đình thì không ai được giấu ai.

Bác Quỳnh gái nhìn tôi đăm đăm rồi nói với bác trai:

- Sao hai anh em không giống nhau? Thằng Khôi thì sáng sủa thông minh, còn thằng này có tướng to đầu mà tồ, tóc rễ tre, răng thì hô, môi thì cong…

Bác nheo mắt với tôi:

- Con Huyền nói cháu học cũng thường đúng không? Phải nhớ học tập bố cháu và anh Khôi, đã sống trên đời mà không giỏi thì suốt đời nghèo khổ.

Dù bác nhìn nhận cũng đúng, nhưng với tôi, thuốc đắng không dã tật và sự thật mãi mãi mất lòng, tôi nóng bừng mặt, đưa ánh mắt mang hình viên đạn về phía Huyền.

Huyền vội nói với mẹ:

- Con kể với mẹ, Tuấn là em anh Khôi, lẽ ra cũng phải xuất sắc như anh ấy, chứ chưa bao giờ chê Tuấn học thường.

Anh Danh Hùng cũng bênh tôi:

- Mới học lớp Năm, lớp Tư, chưa thể đánh giá đúng được. Con lên lớp Nhì, lớp Nhất mới giỏi, chứ từ lớp Ba trở xuống còn có môn phải thi lại mới được lên lớp.

Bác Quỳnh gái bật cười:

- Mới chê một chút, đã bênh bạn chằm chặp. Bác xin lỗi vậy nhé!

Rời nhà anh Hùng, trên đường trở về, tôi nhẹ nhõm đi ít nhiều khi hiểu ra thật hư vụ anh Khôi, nhưng lẫn lộn trong tôi còn có cảm xúc lạ lùng khi lần đầu tiên chứng kiến không khí thoải mái giữa người lớn và trẻ con trong nhà anh Hùng. Nhà tôi, bố tôi cũng coi là dễ tính khi để các

con tự lo học, tự lo chơi, nhưng đối với chuyện nề nếp, gia phong, thì trẻ con tuyệt đối không được lấn sân.

Chuyện anh Khôi bị đuổi học về tội trộm cắp ở bến Phà Đen, sau khi gặp anh Danh Hùng, tôi mới biết ngọn nguồn và hiểu tại sao anh Lạc lại lấy biệt danh là Robin Hood.

Từ năm tôi học lớp Năm, ở trường, lớp nào cũng thỉnh thoảng có những vụ học sinh bị mất cắp. Người bị móc túi mất tiền ăn quà sáng. Người bị mất com pa, hộp bút màu, bút máy... Thậm chí, mất giày, mất mũ… khi mải chơi đùa. Những người bán hàng rong trước cổng trường như táo dầm, thịt bò khô, kẹo kéo… cũng bị mất tiền một cách bí hiểm. Có hai thầy giáo còn mất cả xe đạp. Nhà trường giao hẳn cho thầy Quảng giám thị theo dõi, rồi báo cả cảnh sát vào trường điều tra, nhưng kết luận cuối cùng là thủ phạm không phải học sinh trong trường.

Tôi và bạn bè trong lớp ban đầu không bận tâm về chuyện thủ phạm các vụ mất cắp là ai, chỉ thấy tình huống mất cắp thường ly kỳ, bí hiểm và dần dần nhận ra một điểm chung là người bị mất cắp thường thuộc loại "đáng ghét" thì trong lòng đều lấy làm thú vị. Và dù chẳng có bằng chứng nào, dần dần các bạn cũng đồn đại, thần công lý có lẽ là Robin Hood Huy Lạc. Thu Hằng lớp Nhì B, sáng đi học cãi nhau với bạn cùng lớp là Bích Thủy, chị ta chửi bạn: "Bố mẹ mày là đồ khố rách áo ôm mới đẻ ra mày". Lập tức, giờ ra chơi, cây bút Paker trong cặp chị ta không cánh mà bay. Minh Tiến lớp Nhất C đánh bạn hộc máu mũi chỉ vì trong giờ kiểm tra toán bạn không cho anh ta quay cóp. Lúc tan học, anh ta khóc ầm vì xe đạp để trong nhà xe bị vặt mất chuông và đèn. Thầy Giản dạy đạo đức, trong giờ học dùng thước đánh một học sinh lằn má, lúc ra về phát hiện mất xe đạp. Thầy Quảng giám thị báo cảnh sát vào điều tra, thấy chỗ để xe có rơi quyển sách giáo khoa Toán lớp Nhì, dán nhãn tên Lê Văn Thụy, lớp Nhì C, liền kết tội cho Thụy. Thụy là thành viên nhóm Tre Việt, mấy hôm trước cay cú chuyện ăn thua trong trận bóng đá giữa hai lớp, đã đánh nhau với Lạc. Anh ta một mực kêu oan.

Chuyện này đụng đến lòng tự ái của anh Khôi và anh Danh Hùng, vì thành viên Tre Việt không thể ăn cắp. Anh và anh Hùng tìm cách điều tra và xác định thủ phạm cả vụ lấy xe lẫn bày hiện trường giả để đổ tội cho Thụy chính là Lạc, chưa kể quanh Lạc có cả một băng mười hai đứa ở các lớp khác nhau. Nhưng do không đủ bằng chứng, nên Lạc thề sống, thề chết chối phăng.

Sau đó anh Khôi và anh Hùng bày binh bố trận, bắt quả tang Lạc và đàn em trèo tường từ bên trường, leo sang nhà một ông cảnh sát ở kế bên, lấy trộm khẩu súng lục ném xuống hố ga ở trường, chỉ vì ông ta tịch thu quả bóng đám Lạc đá qua nhà, làm vỡ kính cửa sổ.

Lạc chịu leo tường trả lại khẩu súng, cũng lặng lẽ mang chiếc xe đạp của thầy Giản để về chỗ cũ, nhưng nhất định không nhận mình sai. Anh nói anh và các bạn học tập tướng cướp Robin Hood thế thiên hành đạo, lấy cắp và phá phách là để trừng trị bọn xấu. Tiền và những thứ anh lấy được của "bọn giàu, bọn xấu" đều chia cho các bạn tốt, bạn nghèo, chứ không bao giờ giữ làm của riêng.

Hai lý sự khác nhau, dẫn đến phải dùng quả đấm. Cuối cùng đi đến thỏa thuận hai băng Tre Việt và Robin Hood sẽ hợp nhất, rồi buổi chiều cùng đi làm thêm để gây quỹ giúp các bạn nghèo. Một trong những nơi đó là Phà Đen. Thực ra, thời gian này chỉ còn cái tên Phà, chứ không còn những chuyến phà, nhưng vẫn tấp nập trên bến dưới thuyền. Những người qua sông không muốn đi bằng cầu Long Biên vẫn có những chuyến đò ngang, đò dọc. Hàng hóa từ các tỉnh Hải Dương, Hưng Yên, Thái Bình, Nam Định, mấy tỉnh miền núi ngược xuôi về Hà Nội, rồi hàng hóa từ Hà Nội tỏa đi nếu tiện đường thủy thì vẫn tập kết ở Phà Đen. Vì vậy ở đây vẫn thu hút nhiều lao động bốc vác, vận chuyển thuê.

Anh Khôi là người đầu têu, đã lên tận Phà Đen liên hệ. Một người cai có biệt hiệu Châu Khòm ở đó đồng ý nhận đám học trò lít nhít ở tuổi mới hơn mười vào làm việc. Khi khuân gạch từ trên bờ xuống thuyền, khi bốc các bao gạo, ngũ cốc từ thuyền lên bờ… Ai sai gì thì làm đó. Tất

cả đều làm vào buổi chiều từ một giờ rưỡi đến khoảng bốn giờ rưỡi. Làm được bao nhiêu, đám Hùng, Khôi và các bạn băng Tre Việt không lấy một xu, giao hết cho Lạc để Lạc phân phối cho các bạn nghèo do anh chọn. Ban đầu mọi chuyện tốt đẹp, ở trường, các vụ mất cắp cũng chấm dứt. Nhưng sau, Lạc phát hiện Châu Khòm nhận tiền công của khách thuê theo đơn giá khoán, nhưng chia lại cho anh em theo giờ công, với giá trị chỉ bằng một nửa so với những lao động người lớn, liền nói với anh Khôi. Anh Khôi thắc mắc với Châu Khòm. Ông này nói: "Để chúng mày làm, tao phải nghe bao nhiêu lời chửi là cho chúng mày cướp cơm chim[4*], giờ lại trả công cho chúng mày bằng người lớn để tao bị cắt cổ à?". Anh Khôi thấy Châu Khòm có lý, vì từ những năm 1949 - 1950, người từ các vùng chiến sự ở quê chạy ra thành phố tìm việc như ruồi, hễ lúc nào có việc là tranh nhau, thậm chí đánh chém nhau để giành mối, kiếm từng đồng, từng hào.

[4] Cơm rất ít ỏi, đây là cách ví von chỉ thứ gì đó vô cùng ít, chẳng đáng là bao nhưng lại có giá trị nuôi sống.*

Khôi và Hùng lặng lẽ đi tìm mối khác, nhưng làm ở nội thành thì người lớn sẽ biết, làm ở ngoại thành thì xa… Cuối cùng vẫn không đâu hơn Phà Đen. Anh Khôi về năn nỉ Châu Khòm, được ông này nhân nhượng nâng tiền công lên chút đỉnh, rồi anh gặp anh Lạc kể lại mọi chuyện, khuyên anh Lạc thông cảm. Lạc nghe xong chỉ cười. Từ đấy Châu Khòm thường xuyên mất cắp. Tiền để trong túi quần sau mất. Tiền cất trong két cũng mất, mang về gửi vợ cất kỹ dưới đầu giường cũng không cánh mà bay. Người ông ta nghi không ai khác chính là anh Khôi. Ông ta báo cảnh sát. Viên cảnh sát lặng lẽ điều tra, bắt quả tang lúc anh Khôi đang đưa tiền cho Lạc. Kiểm tra số tiền Lạc đang giữ thì có một số tờ trùng với số sê-ri được Châu Khòm đánh dấu. Viên cảnh sát lại đến trường tìm hiểu, được nhà trường cho biết ở trường cũng có nhiều lần mất cắp, mất trộm. Ban đầu có nghi cho Lạc, nhưng không bằng chứng. Viên cảnh sát suy luận Lạc là bạn Khôi, nếu không phải Lạc thì chỉ có

Khôi. Thế là trăm tội được đổ lên đầu anh Khôi, mặc dù tất cả những người biết anh đều không ai tin. Nhưng luật là luật. Đã mất cắp, nhất định phải có kẻ cắp, cần phải có thủ phạm mang ra trừng phạt để giữ uy tín của trường, răn đe những kẻ còn trong bóng tối, chấm dứt các vụ mất cắp trong trường. Vậy là anh Khôi thành vật tế thần do kết luận của cảnh sát.

Sáng hôm sau, anh Khôi đã bị đuổi nên không đi học, tôi đến trường một mình. Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ, nên anh Hùng cũng nghỉ học. Màn tập chạy đương nhiên cũng không có. Lần đầu tiên trong đời, đi học không phải ấm ức xách cặp cho ông anh, lẽ ra phải nhẹ nhõm, nhưng hóa ra rất nặng nề, rất đơn độc. Chưa bao giờ tôi lại mong có Huyền cùng đi như hôm đó. Bố tôi mở cửa cho tôi ra nhưng ông không dắt theo xe đạp.

- Hôm nay, bố không đi làm ạ?

Mặt bố tôi rầu rầu:

- Bố đi làm muộn.

Tối hôm qua, bác Quỳnh và anh Hùng sang nhà tôi. Những người lớn nói chuyện với nhau thế nào thì tôi không rõ, chỉ thấy sau khi bác Quỳnh và anh Hùng về, bố tôi ngồi nói chuyện với anh Khôi rất lâu. Có lẽ cuộc gặp gỡ này đã khiến bố tôi mệt mỏi.

Tôi cố ý đứng chần chừ ở gốc bàng trên lề hè trước cửa, để chờ Huyền đến cùng đi. Huyền cũng chỉ xách một chiếc cặp. Vẫn chẳng đứa nào nói với đứa nào một câu nhưng lần đầu tiên hai đứa đi sóng đôi. Đến cổng trường, lại đứa nào đi đường nấy như chưa hề quen nhau. Mọi khi đến trường, việc đầu tiên tôi làm là hòa vào với các bạn để chơi đùa, nhưng hôm ấy tôi chỉ lủi thủi một mình ở trước dãy chuồng xí, gần bậc thềm lối lên lớp đầu hồi của tòa nhà chính hai tầng. Rồi tiếng trống tập trung vào lớp nổi lên lúc nào tôi cũng không hay. Chỉ đến lúc Huyền chạy ra gọi, tôi mới giật mình theo Huyền vào lớp. Thầy Tạo trang trọng khăn đóng áo dài, đã đứng trên bục giảng. Các bạn còn chưa ngồi xuống

sau khi đứng chào thầy. Tôi rất sợ hãi. Mọi khi học sinh vào lớp trễ là bị phạt đứng khoanh tay ở cửa lớp mười phút, nên tôi khoanh tay trước thầy:

- Con xin lỗi.

Thay vì tuyên phạt, thầy chỉ nói nhẹ nhàng:

- Con về chỗ đi.

Sau đó, thầy nói với cả lớp:

- Hôm nay, thầy bận họp với Ban Giám hiệu, nên các em được nghỉ học hai tiết đầu. Em Huyền trưởng lớp sẽ thay mặt thầy điều hành các em sinh hoạt văn nghệ.

Cả lớp phấn khởi hò reo. Học sinh thời nào cũng vậy, rõ ràng cắp sách đến trường là để học, nhưng hễ được nghỉ để chơi thì đứa nào cũng thích. Vậy mà khi tiếng reo mừng của các bạn vừa dứt, tôi lại òa khóc. Cả lớp hướng cả về tôi, không hiểu chuyện gì xảy ra.

Thầy Tạo liền đi xuống bàn tôi, nhỏ nhẹ:

- Nín đi. Hôm nay, nếu mệt, thầy cho em về nhà nghỉ.

Tôi cố bình tĩnh, không còn khóc to mà chỉ sụt sịt:

- Thưa thầy! Em không mệt.

Thầy khoác vai tôi, rồi nói thêm:

- Thầy tin anh Khôi con vô tội. Thầy tin con cháu nhà Mai Lĩnh không thể mắc tội đạo đức. Hôm nay, thầy cho lớp nghỉ hai tiết để thầy thanh minh cho anh con tại cuộc họp Ban Giám hiệu.

Tôi lại nức nở, chỉ muốn nói: “Em đã biết sự thật về vụ anh của em. Em rất muốn nói với thầy, nhưng em không dám nên mới khóc”, nhưng rốt cuộc cũng chỉ im lặng.

Hóa ra sáng hôm đó, cuộc họp ngoài Ban Giám hiệu và thầy Tạo còn có cả bác Quỳnh, bố tôi, ông Châu Khòm, viên cảnh sát điều tra để đánh giá về trường hợp của anh Khôi. Người lớn nói chuyện với nhau thế nào tôi không biết. Bố tôi và anh Khôi cũng không kể.

Sáng hôm sau, anh Khôi lại cùng tôi đi học bình thường. Hai anh em

vẫn nấn ná bên gốc bàng, chờ anh em Hùng, Huyền đến, cùng đi đến đầu cầu Long Biên. Tôi và Huyền lại làm mắc áo di động và còng lưng xách thêm một chiếc cặp không phải của mình, để hai ông anh quần soọc, áo may ô Tre Việt, chạy theo đường Yên Phụ, còn tôi và Huyền lặng lẽ đứa trước đứa sau đến trường bằng đường Hàng Đậu.

Đến sáng thứ Hai, một chuyện chưa từng có tiền lệ xảy ra, khiến cả trường kinh ngạc. Đó là giờ chào cờ thứ hai đầu tháng, mười học sinh xuất sắc được thầy hiệu trưởng đọc tên lên đứng trên bục danh dự dưới chân cột cờ, trước học sinh toàn trường, vẫn có anh Khôi và Huyền. Hai người được vinh dự kéo cờ cũng là anh Khôi và Huyền.

Sau nghi thức chào cờ, tôi bỗng thấy bác Danh Quỳnh đứng bên thầy hiệu trưởng. Không biết bác đến trường lúc nào. Hai người trao đổi điều gì đó, hình như thầy hiệu trưởng muốn mời bác cùng lên bục nhưng bác có ý từ chối. Cuối cùng, bác đứng bên dưới, một mình thầy hiệu trưởng lên trước bục, công khai xin lỗi anh Khôi và gia đình vì đã có sự hiểu lầm khi đánh giá và thi hành kỷ luật sai với anh. Suốt buổi học hôm đó, lòng tôi vừa nhẹ lại vừa nặng. Nhẹ vì mọi nỗi lo cho anh giờ biến mất trong tiếng vỗ tay của toàn trường dành cho anh. Còn nặng, vì tôi biết với anh, một người trọng danh dự đến mức quyết liệt, thì lời xin lỗi vinh quang như hôm nay cũng không rửa sạch được nỗi đau anh phải chịu đựng mấy ngày qua nên tôi thấy thương anh vô hạn. Sau này tôi mới biết, sáng hôm ấy bố tôi và bác Quỳnh cùng được Ban Giám hiệu nhà trường mời có mặt để nhận lời xin lỗi nhưng bố tôi đã không đến.

Trước mặt con phố nhà tôi, sau bến xe và con đê là Bến Nứa. Theo lời bố tối, tên này có từ thời trước khi có con đê. Nơi đây tập kết đủ thứ bè mảng gỗ, tre, nứa từ núi rừng Tây Bắc, Việt Bắc tràn về, nhiều khi chiếm tới một phần ba chiều ngang mặt sông, còn tên bãi là Phúc Xá. Nước sông Hồng mùa cạn cũng như mùa lũ đều cuồn cuộn đỏ ngầu, không mấy sạch sẽ. Những chỗ có xoáy ngầm dưới đáy bè rất nguy hiểm, vậy mà bọn trẻ con trong phố chúng tôi khi cao hứng vẫn từng tốp rủ nhau

ra bơi. Bố tôi tuyệt đối cấm. Nhưng với bọn trẻ hiếu động, kể cả ở những gia đình "kỷ luật" như nhà tôi, những gì càng nguy hiểm, càng cấm đoán thì càng hấp dẫn, nên những chiều bố tôi đi làm chưa về, anh Khôi vẫn rủ chúng tôi và mấy đứa cùng phố vượt đê Phúc Xá ra tận các mép bè bơi lội. Từ lần bị bố tôi bắt quả tang, đánh cho một trận, anh mời ngừng vụ tắm sông. Nhưng hôm được nhà trường minh oan, không có đám trẻ cùng phố rủ rê, anh lại bất ngờ bảo tôi:

- Ra sông đi.

Tôi bảo:

- Bố vẫn đang giận anh.

- Anh muốn ra sông để rửa sạch mọi chuyện.

Thế là tôi cùng thằng Vinh lon ton đi theo anh. Ra đến lề bè gỗ, anh chọn chỗ sâu nhất, nước chảy mạnh và xoáy nhất, cắm đầu lao xuống mặt sông, dũng mãnh bơi ngược dòng ra rất xa. Trong khi tôi và Vinh dù biết bơi cũng chỉ dám loanh quanh sát mép bè.

Sau khi bơi thỏa thê, anh khoan khoái, hét lớn: "A A A…", rồi bám vào thân gỗ lớn, trèo lên bè, chiếc quần đùi bị nước kéo tụt xuống lộ ra hai bên mông đầy vết roi, vết bầm đỏ tím - những vết rớm máu còn chưa kịp khô. Anh tưởng tôi không biết anh bị đánh nên vội kéo quần, rồi cười đầy khoan khoái:

- Hôm nay sông Hồng mát hơn mọi hôm.

Tôi đến ngồi cạnh anh:

- Mông anh vẫn đầy vết roi.

- Bơi mấy vòng là hết đau rồi.

- Bố có xin lỗi anh không?

Anh hơi trầm lại, im một lúc, rồi mới nói:

- Anh chỉ thấy rất thương bố. Người lớn có nhiều cách nhận lỗi mà không cần phải nói ra lời… Bố đã nhiều lần cấm anh em mình ra sông bơi, anh em mình vẫn cứ ra, có bao giờ mình nghĩ phải thú tội và xin lỗi bố? Năm nào ở sông cũng có trẻ chết đuối, nhỡ chuyện đó xảy ra với

mình thì sao? Mình có lỗi thì coi là bình thường, có khi còn tự hào, trong khi người lớn có lỗi, mình đòi xin lỗi là không công bằng.

Tôi, thằng bé còn chưa đến mười tuổi, hiểu ý anh một cách chậm chạp, hơi ngẩn ra.

Anh nói thêm:

- Nếu bị bố đánh mắng nặng nề, anh cũng vẫn thương bố.

Lúc tắm xong, ba anh em ra về, tôi thấy Danh Huyền đang ngồi với chị Tâm ở chiếc ghế chị vẫn ngồi trông hàng. Mặt tôi lập tức hằm hằm, tôi hỏi cộc lốc:

- Sang có chuyện gì?

- Mượn sách.

- Học sinh danh dự cũng phải mượn sách học sinh trung bình à?

- Thiếu thì mượn chứ sao?

- Tại sao chuyện anh Khôi, rõ ràng cậu biết trước mà lại giấu tớ?

Huyền nói:

- Tại cậu không hỏi.

Con gái là như thế. Mọi chuyện nặng nề rắc rối trong lòng con trai đều được chúng coi đơn giản. Còn bọn con trai chúng tôi rất có thể hay phức tạp hóa mọi chuyện nên tự làm mệt mình. Nhưng vài năm sau, khi lên học cấp hai, tôi lại rút ra kết luận, bọn con gái tầm mười một, mười hai tuổi đã rất khôn ngoan, trong khi con trai thì mười bốn, mười lăm tuổi vẫn rất "tồ".

Sau chuyện anh Khôi được thanh minh, nhà trường nhân nhượng chấp nhận yêu cầu của bác Quỳnh và bố tôi là giữ bí mật, không đuổi học Lạc và những học sinh trong băng Robin Hood. Lạc, anh Khôi và anh Hùng vẫn thân nhau. Tôi biết chuyện này kết thúc tốt đẹp như vậy là nhờ có sự tham gia của thầy Tạo, người thầy tuyệt vời của anh Khôi và tôi những năm học tiểu học. Chỉ sau này, khi lớn thêm vài tuổi, tôi mới được biết thầy Tạo là dân Phúc Yên, cũng là chỗ thân quen với ông ngoại và bố tôi hồi tuổi trẻ. Giữa năm 1946, quân Pháp tấn công lên Phúc Yên,

thầy Tạo đã đưa cả nhà tản cư vào ấp Mai Lĩnh, ở Lập Chí, Minh Trí, chỗ ông ngoại. Hai nhà ở chung hàng tháng trời trước khi cùng tản cư tiếp lên Thái Nguyên, thuộc chiến khu Việt Bắc. Mối quan hệ thân thiết với thầy Tạo chính là lý do vì sao nhà Trần Nhật Duật gần các trường lớn như Trần Nhật Duật, Nguyễn Công Trứ nhưng bố tôi lại gửi con học ở trường Đỗ Hữu Vị, vừa nhỏ vừa xa hơn.

"Tai nạn" đến với anh Khôi cũng là năm cuối bậc tiểu học, một năm học chắc chắn là biến động nhất đời anh. Bước lên bậc trung học, anh học tại trường Chu Văn An bên bờ Hồ Tây. Còn tôi lên lớp Tư, vẫn ở lại trường Đỗ Hữu Vị, trong một nền giáo dục dưới chế độ Xã hội chủ nghĩa, với nhiều thay đổi. Tên trường không thể giữ là Đỗ Hữu Vị mà phải đổi thành Yên Thành. Bởi vì, dù là người Việt Nam đầu tiên lái máy bay, ông Vị cũng đồng thời là đại úy quân đội Pháp. Hệ phổ thông mười hai năm thuộc "nền giáo dục nô dịch lạc hậu của nước Pháp xâm lược" được đổi thành hệ mười năm, cấp tiểu học gọi là cấp một, cấp trung học chia thành cấp hai và cấp ba. Lũ chúng tôi đang học lớp Tư, lẽ ra lên lớp ba, giờ không phải học cũng tót lên lớp bốn (tức lớp Nhì cũ). Đồng phục nam sơ mi trắng, quần soọc xanh và đồng phục nữ váy xanh là sản phẩm của chế độ thực dân tư sản, nay các chủ nhân tương lai của đất nước đến trường được ăn mặc tự do, khiến đứa nào cũng thích thú. Các thầy, cô và học sinh trước đây xưng hô "thầy, cô" với "các con", tạo cách biệt quá xa, là sản phẩm của chế độ phong kiến cổ hủ. Bây giờ, là "thầy, cô" với "các em", để gần nhau hơn. Lũ học trò nhóc chúng tôi cảm thấy mình bỗng nhiên như đã lớn hơn, đều vô tư thích thú với sự đổi thay. Các thầy trước đây lên lớp đều mặc com lê, giản đơn một chút thì mặc sơ mi trắng, thắt cà vạt, còn các cô đều mặc áo dài thì giờ đều đổi sang sơ mi tuềnh toàng, phổ biến nhất là loại áo đại cán, kiểu các nữ hồng quân Trung Quốc, để thể hiện tối đa phương châm giản dị của giai cấp công - nông. Thầy Tạo đáng kính của tôi và một số thầy lớn tuổi khác, sau ngày Hà Nội giải phóng ngày mười tháng Mười năm 1954, vẫn trang trọng

khăn đóng, áo dài khi đến trường. Còn các cô giáo lớn tuổi quá quen với việc mặc áo dài, đến chết vẫn không thể thay đổi truyền thống tôn sư của người Hà Nội xưa, cũng dần nghỉ cả.

DẤU VẾT Ở HUẾ

Tháng Bảy năm 2009.

Nhà văn Nguyễn Quang Hà hẹn chúng tôi ăn trưa ở quán Bình An: "Ra Huế mà không ăn cơm hến là chưa biết Huế". Anh nói thêm: "Tôi cũng đã kêu cả thằng Toản cùng sư đoàn Mai Siu với ông Khôi. Như vậy, vụ tìm hài cốt ông Khôi chắc cũng đơn giản thôi".

Vợ chồng tôi rời khách sạn bằng taxi. Chỉ vừa bấm điện thoại là từ đầu kia, người lái xe Lê Văn Quý đón chúng tôi ở sân bay, đã vui vẻ:

- Xin chào. Quý khách chờ năm phút là tôi có mặt ngay.

Đúng năm phút, ông Quý đã đến cửa khách sạn. Trên đường đi, ông nói:

- Cơm hến thì ăn ở quán Bình An là đúng rồi, nhưng những người quen ăn sang có khi không hợp.

- Tại sao?

- Vì ông chủ quán này dân Bắc. Đến ăn qua bữa thì được, còn ăn để thưởng thức hương vị Huế, phải chủ quán Huế.

- Người bạn tôi nói quán này rất nổi tiếng.

- Nó nổi tiếng nhờ vợ chồng ông chủ, chứ không bởi giá trị ẩm thực. Đây cũng là đặc điểm của xứ Huế mộng mơ. Người với người là bạn, người đến với nhau vì cái tình chứ không chỉ vì miếng ăn.

- Vợ chồng họ thế nào?

- Quý vị đến sẽ biết.

Chúng tôi đến một phố nhỏ bình dân, vắng xe cộ qua lại, quán ăn cũng thưa, không sang trọng, khoa trương, nhưng lề đường trước cửa quán nào cũng đầy xe gắn máy, xe hơi. Những nhân viên của quán, chỉ đứng ngoài hướng dẫn khách vào, chứ không mời mọc, săn đón với các

kiểu giành khách ở những phố ẩm thực sầm uất.

Chiếc taxi dừng trước quán Bình An. Một căn nhà ngói cấp bốn nằm sâu bên trong diện tích vườn có bề ngang chừng sáu mét. Khu ăn uống dành cho khách là phần đua ra từ hiên nhà đến tận cổng lợp mái tranh, cột kèo bằng tre, bàn ghế ăn cũng đều bằng tre. Khách ra vào, ngồi ăn đông chật, nhưng không ồn. Trời nóng. Các quạt gắn trên các cột tre quay vù vù.

Chúng tôi vừa đến cửa, Nguyễn Quang Hà đã từ trong quán bước ra:

- Chỗ chúng mình ở trong này cơ.

Nói rồi, anh quay sang nói với người đàn ông khoảng sáu mươi tuổi, đang niềm nở hướng dẫn khách vào bàn:

- Bình ơi! Khách đến rồi. Đây là bạn tôi, - rồi anh giới thiệu người tên Bình với chúng tôi, - đây là anh Bình, chủ quán.

Bình xởi lởi bắt tay chúng tôi:

- Xin mời. Xin mời. Quang Hà nói cần một nơi yên tĩnh, chúng tôi luôn có nơi yên tĩnh.

Anh đưa chúng tôi vào sâu trong nhà, qua căn bếp bên trong, lại thấy đua ra một mái tranh như kiểu nhà sàn, đi lên mấy bậc thang mới vào sàn nhà lát bằng tre. Ở đây dịu mát hẳn vì có mấy cây cau. Anh chủ quán hồ hởi giới thiệu "Nơi này chỉ dành riêng cho các chiến hữu".

Chúng tôi vừa lên sàn, kéo ghế ngồi thì nữ chủ quán, vợ của Bình, từ trong bếp đi ra tươi cười:

- Em chào các anh chị.

Nguyễn Quang Hà giới thiệu:

- Đây là Bội An, phu nhân của Bình, người trẻ mãi không già.

Tôi không thích câu nịnh khéo ấy, nhưng vẫn kín đáo để ý kỹ nữ chủ nhân.

Bội An nói giọng Huế đặc sệt:

- Anh Hà có kể với em về anh chị, nhưng bây giờ phải ăn đã. Em nói trước, cơm ở quán em, người quen thì khen nhưng người lạ có khi lại

chê đấy. Anh ăn như mọi khi hay đổi món?

Câu cuối cùng là chị hỏi Quang Hà. Quang Hà đáp gọn:

- Như mọi khi đi.

Bình bảo:

- Rượu cũng như mọi khi nhé?

Hà xua tay:

- Tuyệt đối không, vì lát nữa có thằng Toản. Thằng này, rượu vào thì ma đến. Vợ chồng cậu cũng ngồi với chúng tôi đấy.

- Nếu các vị ngồi được đến tối hôm nay vợ chồng tôi cũng sẽ ngồi đến tối với các vị. Chỉ mười phút là đủ món đấy.

Vợ chồng Bình - An rời khỏi nhà sàn, Hà nói:

- Chuyện vợ chồng này có thể kể thành một thiên tiểu thuyết. Thằng Bình là biệt động được cử vào thành ám sát đại tá thanh tra cảnh sát Phúc Nguyên. Để tiếp cận Phúc Nguyên, Bình làm quen với con gái ông ta là Bội An, trung úy lục quân, giảng dạy ở trường thiếu sinh quân Đà Lạt. Anh thấy Phúc Nguyên là một quan chức liêm chính, gia đình trí thức, con cái lương thiện. Những thông tin về tội ác của Phúc Nguyên là sai nên anh can ngăn vụ ám sát. Nhưng mệnh lệnh là mệnh lệnh, anh chỉ bắn Phúc Nguyên vào vai… Phát đạn ấy vẫn khiến anh ăn năn nên sau giải phóng, anh vào tận trại cải tạo, nơi Phúc Nguyên bị giam để xin lỗi. Anh gặp lại Bội An. Hai người đã yêu nhau từ trước… Cấp trên nói: "Nếu cưới sĩ quan chế độ cũ thì buộc phải giải ngũ…". Cuối cùng anh đã chọn Bội An. Gia đình ông Phúc Nguyên sau được xuất cảnh sang Mỹ theo diện HO, một mình Bội An ở lại. Mười lăm năm sau giải phóng là mười lăm năm đầy gian nan và bi kịch của đôi vợ chồng này, để đến hôm nay họ mới tạm được coi là bình an.

Tôi hỏi:

- Sao ông không viết về họ?

Hà nói:

- Tôi ở Huế từ năm 1967, đổ cả máu xương trên đất Huế, sinh con đẻ

cái cũng ở đây, nhưng chưa thấm đất Huế thì chưa thể viết hay về người Huế.

Toản từ ngoài quán vào nhà sàn một cách ồn ào:

- Xin lỗi vì đến trễ. - Anh nhìn vợ chồng tôi rồi nói luôn. - Khách Sài Gòn đây hả? À! Tôi phải báo cho ông Tuấn biết trước. Thằng Sơn đột xuất phải nằm lại ở Viêng Chăn điều trị mảnh đạn nằm trong đầu đau tái phát nên không về được, nhưng nó đảm bảo đại đội nó có người tên Khôi, dân Hà Nội, chỉ sai số ở chỗ hy sinh năm Mậu Thân 1968, trong khi rút khỏi Huế, chứ không phải năm 1970.

Tôi hỏi:

- Nhưng họ gì?

- Nó không nhớ họ. Trong đầu còn một mảnh đạn mà nó vẫn nhớ được tên và quê quán là quá tốt rồi.

Hai tiếp viên của quán bày cơm và thức ăn lên bàn. Vợ chồng Bình An cũng lên ngồi. Bình hỏi:

- Anh Hà nhìn những món này có gợi nhớ điều gì không?

Toản xua tay:

- Hà ngồi yên, để tao nói. Đây là những món ngày đầu tao, mày, thằng Hà đến ăn cơm ở nhà An. Mấy năm ấy, cực lắm… nhưng thiếu một món, và món này, do biết chắc sẽ thiếu, nên tao mang đến.

Toản rút trong người ra một chai rượu dẹt:

- Cơm hến đãi khách Sài Gòn mà thiếu cái này không khác gì ăn chay.

Bình thanh minh:

- Không phải thiếu mà là anh em tao cấm vận rượu với mày.

- Một ly thôi. Mỗi người một ly chúc cho thằng Tuấn sắp gặp anh nó. Tuấn đừng tự ái vì tao xưng hô mày tao với mày. Tao, thằng Hà, thằng Sơn cùng trung đoàn với anh Khôi của mày, mày là em thằng Khôi, cũng là em tao, nên xưng hô suồng sã như vậy cho thân mật.

Tôi cười:

- Không sao đâu.

Hà nói:

- Vụ xưng hô, Tuấn vui vẻ rồi thì thôi, nhưng rượu thì nhất định không được.

Toản cứ cầm ly, vừa rót rượu, vừa giả lả:

- Một ly thôi mà. Lính gặp nhau mà không cạn một ly thì không còn là lính.

Bình cười cười có ý nhân nhượng.

Tôi nói với Hà:

- Nhấp một ly nhỏ cho vui cũng được.

Hà nói:

- Nhưng tôi nói trước, chỉ uống nửa ly là nó thăng đấy.

Toản nói:

- À, hà hà… Xin báo tin buồn với mày, hôm rồi đi khám tổng quát, bác sĩ nói, vụ tâm thần, sống với ma nhiều hơn với người, tao mười phần thoát tám rồi.

Tôi hỏi:

- Tại sao lại buồn?

- Vì sống với ma thì đúng là bệnh. Có bệnh thì phải chữa. Nhưng ma toàn đồng đội, nên mình vô cùng an tâm, vô cùng hạnh phúc. Giờ khỏi bệnh nhưng mất an tâm, mất hạnh phúc, không buồn là gì?

Anh đưa mỗi người một ly rượu rồi nói:

- Trăm phần trăm, đúng một ly nhé?

Cả năm chúng tôi cùng nâng và cụng ly. Hà nói:

- Chúc mừng cuộc gặp gỡ với Phương, Tuấn. Chúc hai người sớm gặp anh Khôi!

Tất cả cùng cạn ly. Toản đang tươi cười bốc đồng, bỗng lờ đờ, rồi bật khóc:

- Tao xin lỗi… Tao xin lỗi... Tại chúng tao không biết mày đến…

Hà và Bình cùng vội nhào sang đỡ cho Toản khỏi ngã:

- Đã nói mà…

Tôi bảo:

- Có cần đưa đi cấp cứu không?

Hà cùng Bình đỡ Toản ra chiếc võng mắc ở hai cột nhà sàn:

- Không sao đâu. Thằng này cứ rượu vào là nó thăng đi gặp lại toàn đồng đội đã chết, điều trị mãi không khỏi… Bác sĩ từ Mỹ sang cũng chào thua… Chỉ có điều không hiểu được là mỗi lần như thế này, sau khi tỉnh lại, tim mạch, thần kinh nó ổn định hơn trước, lại sống lạc quan, không có mấy pha nhìn đâu cũng thấy bất công, bất mãn, chửi búa xua. Tụi này hay nói đùa nó sống với ma tốt hơn sống với người… Nó thuộc diện học sinh miền Nam tập kết, tốt nghiệp Đại học Bách khoa Hà Nội, được cử sang Tiệp Khắc học phó tiến sĩ về điện toán. Đang học, nghe tin cả nhà, gồm bố mẹ, hai người anh ở Huế đều bị chính quyền Sài Gòn giết hại, nó bỏ học, từ Tiệp về, nằng nặc đòi về Nam trả thù. Những trận đánh ác liệt nhất ở Khe Sanh, Đường 9 Nam Lào, Quảng Trị, đều có nó. Đến ba mươi tháng Tư năm 1975, khi đánh vào Sài Gòn, nó mới bị thương ở cầu Rạch Chiếc… Bây giờ, con cái lớn đều ăn nên làm ra, vợ cũng nghỉ hưu, còn nó, trong Nam, ngoài Bắc, ở bất cứ đâu, đồng đội hễ có ai ới thì xa mấy nó cũng góp mặt.

Bữa trưa hôm đó, Nguyễn Quang Hà nói nhiều. Anh dường như cố làm cho mọi người vui vẻ, nhưng không sao thoát được không khí gượng gạo, vì nằm ở võng, Toản cứ thường xuyên cười nói huyên thuyên, không rõ anh đang cười gì, nói gì.

Do sự cố của Toản, nên mọi sự chờ đợi những thông tin về anh Khôi ở anh cũng không có thêm.

Lúc chia tay, Hà nói:

- Ông bà cứ về khách sạn nghỉ. Khi nào nó tỉnh dậy, tôi sẽ gọi điện cho ông bà.

Ông Quý lại đến đón, đưa chúng tôi về khách sạn. Trên đường đi, ông nói:

- Chiều nay, quý khách định đi đâu, tôi sẽ đưa đi luôn. Huế rất nhiều

danh lam thắng cảnh, ở thấy thường, nhưng đi thì thấy tiếc đấy.

Tôi nói:

- Thực tình, vợ chồng tôi ra Huế mục đích chính là tìm hài cốt ông anh hy sinh ở Huế năm 1970. Nếu chưa tìm được thì chưa thể an tâm đi chơi chỗ này, chỗ khác.

Ông Quý hỏi:

- Ông ấy đánh ở mặt trận nào?

Vợ tôi nói:

- Chúng tôi không biết, nên đang nhờ một nhà ngoại cảm…

Ông Quý nói:

- Nhà ngoại cảm mấy năm nay ở đâu cũng gặp. Các vị tin là quyền của các vị, chứ tôi không tin… Tôi là lính nhưng lính chế độ cũ. Nếu họ mà thiêng, tôi đã bán nhà, nhờ họ tìm hàng trăm hài cốt anh em, họ hàng, bạn bè tôi chết trận từ Mậu Thân đến 1975 rồi.

- Còn vụ gọi hồn? - Vợ tôi hỏi.

- Gọi hồn chẳng qua là một dạng thôi miên. Tôi cũng vì tò mò, đã chứng kiến vài vụ. Người yếu bóng vía và cả tin thì sẽ sợ thật. Nguồn gốc ông bà, tổ tiên, quá khứ vị lai hiện hết ra miệng ông thầy, không sai một ly. Nhưng nếu tin có hồn thì phải tin có ma. Quý vị tin có ma không? Đã gặp ma bao giờ chưa? Tôi có hai đêm một ngày bị thương, bất tỉnh vì đạn cối Việt Cộng trong mùa hè đỏ lửa ở chiến trường Quảng Trị, lúc mở mắt tỉnh dậy, thấy xung quanh toàn xác chết. Đầu tiên, tôi nghĩ quanh mình toàn ma, sáng ra mới biết do sợ quá mà mình tưởng tượng.

Chúng tôi làm thinh, tránh tranh luận. Không phải vì muốn phản biện đúng sai, mà do thực tế, chúng tôi đang đi con đường ngược lại với những quan điểm và suy luận của ông Quý. Nếu bác ta đúng, có nghĩa mình phải bỏ cuộc trên chặng đường mình đã bước đi rồi, điều chúng tôi không muốn.

Chúng tôi chia tay với ông Quý ở cửa khách sạn và hẹn khi nào cần sẽ tiếp tục gọi.

Lúc lên phòng, vợ tôi nói:

- Thực ra, trước khi ra đây, anh và em cũng nghĩ như ông ta thôi.

Tôi nói:

- Đã ra đến đây rồi thì cứ lao về phía trước, không nên dao động.

- Tiếp theo làm gì?

Tôi nói:

- Việc tiếp xúc với ông Toản có chút trục trặc, nhưng cũng đủ rồi. Bây giờ, gọi điện thoại báo cho Tư Bông là mình đã ra Huế.

Vợ tôi bấm số điện thoại của Tư Bông. Nhà ngoại cảm đáp lại rất nhanh:

- Con đây. Cô chú đã ra Huế chưa?

Vợ tôi nói:

- Chúng tôi vừa ra.

- Con đang ở nhà nghỉ Hoa Hồng. Sáng nay, có công chuyện ngoài Quảng Trị, vừa về đến Huế… Cô chú cứ tìm khách sạn nghỉ ngơi, tối con sẽ gặp cô chú bàn về vụ bác Khôi.

Tôi thoáng giật mình, nhìn lên tấm biển nhà nghỉ Hoa Hồng ngay mặt tiền ngôi nhà hai tầng cũ kỹ bên kia đường, đối diện với khách sạn chúng tôi đang ở.

- Liệu có sự dàn xếp kín đáo khiến anh và em gặp ông Quý taxi ở sân bay, rồi ông ta đưa mình đến đúng chỗ Tư Bông?

- Em nghĩ chỉ là ngẫu nhiên thôi. - Vợ tôi nói, nhưng mắt vẫn hướng sang nhà nghỉ Hoa Hồng.

Đúng lúc đó, một chiếc Toyota Innova bảy chỗ dừng trước cửa nhà nghỉ. Người ngồi cạnh lái xe, mở cửa bước xuống chính là Tư Bông. Cô ta chủ động kéo cánh cửa hông phía sau, cho khách ra khỏi xe… Ba người phụ nữ, hai già, một trẻ vừa khóc, vừa la lối. Hai người đàn ông, một già, một trẻ xuống sau, khiêng một chiếc tiểu[5*] bọc kín bằng tấm bạt nhựa. Tư Bông và người lái xe đỡ chiếc tiểu, khiêng luôn vào nhà nghỉ.

[5] Tiểu là vật dùng trong các nghi thức cải táng, đựng hài cốt người đã khuất. Tiểu luôn đi cùng với quách, tiểu nằm trong, quách nằm ngoài, bảo vệ hài cốt. Tiểu và quách thường được làm bằng gỗ hoặc gốm.*

Vợ tôi nói:

- Chắc họ vừa đi tìm hài cốt về.

Tư Bông và người lái xe đi trở ra. Họ nói với mấy người cùng đi trên xe mấy câu, rồi lên xe đi tiếp.

Tôi nói với vợ:

- Không có sự kiểm chứng nào tốt bằng lúc này.

Vợ tôi nói:

- Tuy từ trên này nhìn qua đường hơi xa, nhưng em thấy hình như người lái chiếc Inova cùng đi với Tư Bông chính là người chạy chiếc xe gắn máy đón cô ta ở sân bay Tân Sơn Nhất.

Tôi nói:

- Anh lại không để ý.

Vợ chồng tôi xuống tầng trệt, rời khách sạn, sang đường, vào nhà nghỉ Hoa Hồng. Đây là một nhà nghỉ hoàn toàn bình dân, nguyên là nhà ở được sửa lại qua quýt để khai thác nguồn khách du lịch đang ngày một tăng ở xứ Huế. Mấy người khách trọ hiếu kỳ và nhân viên khách sạn đang xúm quanh những người vừa đi tìm hài cốt về. Họ cùng biết vụ này từ sáng và có ý chờ để thỏa chí tò mò. Ba phụ nữ, thì hai người lớn tuổi là vợ và em, còn người trẻ hơn, tuổi cũng ngoài bốn mươi, là con gái người đã khuất. Hai người đàn ông chỉ là họ hàng. Vào trong nhà, chỉ còn vợ người đã khuất khóc sụt sịt.

Một người đàn ông, có lẽ chủ nhà nghỉ, nói với bà:

- Bao nhiêu người đổ công đổ của mà không tìm được hài cốt người thân, bà chỉ đi một lần đã gặp là có phúc lớn. Tôi mừng cho bà, nhưng có chắc đây là chồng bà?

Người vợ như không nghe thấy gì. Người đàn ông họ hàng nói:

- Bà thầy này thiêng lắm, không tin không được. - Ông ta hỏi người

phụ nữ trẻ, - cái hộp nhôm đâu rồi?

Không chờ được trả lời, ông ta mở chiếc ba lô bạt, dưới chân người phụ nữ, lấy ra lon Guigoz móp méo, rồi mở nắp, lấy từng thứ trong hộp:

- Đây là viên đạn, đây là tấm thẻ bài có khắc họ tên, đơn vị, đây là cái lon trung sĩ, nát rồi, nhưng vết cháy xém hồi đi phép ở nhà vẫn còn…

Một nhân viên nhà nghỉ nói:

- Bộ đội quân giải phóng làm gì có lon.

Người đàn ông:

- Chú ấy là biệt động Việt Nam Cộng hòa mà.

Vợ chồng tôi lặng thinh trở về khách sạn. Khi chỉ còn hai người, vợ tôi hỏi:

- Anh thấy thế nào?

Tôi đáp:

- Như vậy, có khả năng việc Tư Bông tìm được hài cốt những người đã chết mấy chục năm là thật. Thông tin về anh Khôi từ Nguyễn Quang Hà và ông Toản chưa cụ thể, nhưng việc anh Khôi cùng sư đoàn ở Mai Siu, Hà Bắc, rồi cùng vào chiến trường Huế là đúng. Chín chục phần trăm giấy báo tử là sai… Chúng ta được sinh ra và được dạy dỗ trong một nền giáo dục duy vật và vô thần, nên có thể đã có những phản xạ nghi ngờ thái quá những trường hợp ngoại cảm như Tư Bông… Giải thích thế nào để tin họ thì khó, nhưng với thực tế đang diễn ra, có lẽ mình đành phải tin thôi.

Ngay tối hôm đó, tôi gọi điện ra Hà Nội báo tin cho vợ chồng chị Tâm, nhờ chị bảo vợ chồng Nguyễn Thế Vinh bay ngay vào Huế, và cũng nhờ nhân viên khách sạn đặt vé cho Nguyễn Tuấn Phúc, con trai tôi từ Sài Gòn bay ra.

Mọi việc xong xuôi, chúng tôi chuẩn bị sang nhà nghỉ Hoa Hồng gặp Tư Bông, thì Toản đến. Anh đi bằng chiếc xe gắn máy Honda 67 cũ kỹ.

Từ ngoài cửa, vừa thấy chúng tôi ở ghế xa lông, anh đã ồn ào:

- Thành thật xin lỗi ông bà về vụ trưa nay. Thằng Hà kiên quyết can,

nhưng tôi cứ uống, nên thay vì gặp người lại gặp ma… Từ khi bị thương ở cửa ngõ Sài Gòn, tôi bị hội chứng gặp ma, chữa cách nào cũng không hết… May mà toàn ma đồng đội là ma lành, chứ không phải ma Mỹ, ma lính Cộng hòa, hễ gặp nhau là bắn giết.

Tôi nói:

- Thực sự những thông tin của ông về anh tôi rất quý giá.

- Tôi đã nói gì đâu mà quý giá. Lúc tỉnh dậy ở quán vợ chồng Bình An, phải nghĩ mãi mới nhớ ra tại sao mình ở đây. Tôi lập tức về nhà tắm rửa, rồi chạy đến ông bà… Tính tôi là bạn bè, nhất là đồng đội nhờ cậy, mình không giúp được thì thôi, chứ đã giúp mà không đến nơi đến chốn là ăn không ngon, ngủ không yên. Bây giờ, hai vợ chồng định đi đâu?

Tôi nói:

- Định sang gặp cô thầy ngoại cảm bàn về vụ lễ gọi hồn. Rất tình cờ, cô ta lại ở nhà nghỉ ngay bên kia đường.

- Thế thì tôi cũng sang… Từ khi có phong trào tìm hài cốt liệt sĩ bằng ngoại cảm, các nhà ngoại cảm đủ loại đến Huế đông như ruồi. Tôi gặp họ, rồi họ cũng gặp tôi, không dưới hai chục người. Có loại thứ thiệt nhưng cũng có loại tay ngang ú ớ, phải nhờ những người trong cuộc như tôi hỗ trợ mới có kết quả.

Tôi lưỡng lự trước nhiệt tình của Toản:

- Rất cảm ơn nhiệt tình của ông, có điều, tôi chưa biết ý cô thầy này thế nào... Nhỡ đâu cô ta không muốn tiếp xúc với người lạ?

Vợ tôi cũng không muốn Toản cùng sang:

- Thấy anh, có thể cô ta nghĩ chúng tôi không tin thầy, nên cứ để chúng tôi gặp trước xem tình hình thế nào đã.

Đúng lúc đó, Tư Bông từ ngoài cửa đi vào. Vợ tôi liền nói:

- Vợ chồng tôi đang định sang bên ấy, nhưng lại có khách.

Toản vồn vã bắt tay Tư Bông:

- Xin chào thầy ngoại cảm… Xin lỗi, anh trông em quen quen, hình như chúng ta từng gặp ở đâu rồi.

Tư Bông thoáng lúng túng:

- Chắc chú nhầm với ai… Con mới ra Huế lần đầu...

Dường như sự có mặt của Toản, làm Tư Bông lóe lên ánh mắt cảnh giác. Cô ta nói với vợ chồng tôi:

- Con sang chỉ để nói sáng sớm mai, chắc khoảng năm giờ, cô chú cùng con đến chỗ bác Khôi để làm lễ gọi hồn.

Vợ tôi hỏi:

- Sao gấp thế?

Tư Bông trả lời:

- Hồn hẹn ngày giờ nào, con nói ngày giờ đó, chứ không phải con quyết định.

Toản chăm chăm nhìn kỹ Tư Bông, rồi nói với tôi:

- Mấy vụ tâm linh này, đã theo, phải theo đến cùng. Rồi thành hay không là chuyện khác, nếu không, sẽ quả báo nhãn tiền.

Tôi phân vân:

- Chúng tôi thì ngay sáng mai cũng được, nhưng vợ chồng tôi vừa gọi điện báo cậu em ruột từ Hà Nội bay vào và book vé cho thằng con từ Sài Gòn bay ra…, chị có thể hoãn lễ chậm lại một hoặc hai ngày được không?

- Việc này chắc khó… Thế giới tâm linh đã nói một là một, hai là hai, không thay đổi đột ngột như cõi trần mình.

Vợ tôi nói:

- Chị đã gọi được hồn, không lẽ không năn nỉ được hồn thông cảm? Chị cứ thử, tốn kém bao nhiêu chúng tôi cũng chịu.

Tư Bông suy nghĩ giây lát rồi nói:

- Cô chú đã quyết vậy, con sẽ ráng… Giờ con xin phép về thắp nhang để hẹn gặp hồn.

Không đợi chúng tôi nói lại, Tư Bông đi nhanh ra cửa.Vợ chồng tôi và Toản cùng ngồi lặng. Một lát, vợ tôi lên tiếng:

- Rõ ràng cô ta sang đây định nói chuyện nhiều nhưng thấy có người

lạ nên cô ta về liền.

Toản nói:

- Đánh giá những người làm nghề tâm linh khó lắm. Họ cứ chập chờn, chập chờn, lúc khôn, lúc dại… Mình suy xét bằng kinh nghiệm sống cõi trần, có khi trật lất… Vụ ông Khôi hy sinh ở Huế, tôi tin cô ta nói đúng, vì việc ông Khôi ở trung đoàn Mai Siu, dừng ở Huế cùng với tôi, thằng Sơn và thằng Hà là không phải bàn… - Ngưng một lúc, Toản nói tiếp. - Theo tôi, cẩn tắc vô áy náy, vụ làm lễ gọi hồn thì tùy hoàn cảnh, nhưng nếu bốc mộ để lấy hài cốt ở đâu thì phải báo cho Ủy ban Phường ở đấy… Đây không phải chỉ là luật pháp mà là chuyện trân trọng các liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc… Các Ủy ban Phường ở ngoài này được tin báo, họ còn tổ chức tang lễ rất chu đáo.

Chúng tôi xúc động nhìn Toản đầy cảm kích và không hề nghĩ anh từng bị điều trị hội chứng tâm thần.

Trước khi chia tay, Toản nói thêm:

- Hôm nào làm lễ gọi hồn, sớm hay muộn và ở bất cứ đâu trên đất Huế, ông bà phải "phôn" cho tôi, để tôi kéo thêm vài thằng đồng đội cũ đến gặp ông Khôi.

DÂN NGỤ CƯ

Năm 1954.

Sang niên khóa 1953 - 1954, anh Khôi chia tay bậc tiểu học để lên lớp đệ Thất trường trung học Chu Văn An, nằm trên đường Quán Thánh bên bờ Hồ Tây. Và năm này xảy ra một chuyện mà tôi nhớ đời. Nhân vật chính lại là anh Khôi.

Nguyên do từ việc Hà Nội ba mươi sáu phố phường, ngàn năm văn hiến vào những năm cuối thập niên 1950, với kiến trúc nhà ống, phố xá bàn cờ thiên về tự phát, vẫn giải quyết vấn đề chất thải từ con người đất Tràng An bằng "công nghệ" đổ thùng. Không rõ từ những năm nảo năm nào, có lẽ từ ngàn năm, mặt trước của các dãy phố kinh kỳ luôn ngựa xe như nước áo quần như nêm, đã có mặt sau là các dãy chuồng xí, diện tích từng căn khiêm tốn chừng một mét vuông, có đục lỗ ở sàn lửng, để người có nhu cầu ngồi lên hai hòn gạch xả thải xuống thùng gỗ, sau này là thùng tôn, ở dưới… Rồi đêm đêm, đội quân hàng ngàn ông bà nông dân chuyên đổ thùng, sẽ gánh những sọt hoặc thùng tro, từ các vùng ngoại thành: Thanh Trì, Thường Tín, Từ Liêm, Cổ Nhuế, Chèm, Vẽ… nườm nượp tiến vào nội đô. Họ âm thầm luồn lách đến từng chuồng xí, đổ chất thải từ các thùng vào đầy thùng hoặc sọt của mình, rồi gồng gánh trở về đồng ruộng, góp phần làm tươi tốt những cánh đồng lúa, ruộng rau, các vườn hoa đào, hoa cúc, hoa hồng, thược dược… Tuy nhiên, vào thời kỳ rối ren, "văn minh đổ thùng" cũng để lại nhiều hệ lụy, ít nhất là ở dãy phố nhà tôi.

Nhà tôi ở Trần Nhật Duật, lúc đầu là con đường vô danh, chỉ từ khi ngoài sông là bến đò cùng các bãi bè gỗ, tre, nứa thuận theo đường thủy, còn chân đê là bến xe tỏa đi khắp nơi, rồi từ khắp nơi tụ về, thuận cho

đường bộ và nhất là khi có cầu Long Biên, mới kéo theo sự hình thành khu phố có kiến trúc nhà ống này. Do ra đời sau các khu phố cổ ở trung tâm, nên nó có phần khang trang hiện đại hơn, với sự xuất hiện của nhiều nhà hai tầng có cải tiến. Phía sau dãy phố là một bãi đất trống cỡ chục ngàn mét vuông rồi mới đến chợ Bắc Qua và chợ Đồng Xuân bên phố Hàng Khoai, Hàng Giấy. Ban đầu bãi đất hoang chỉ để đám thanh niên và trẻ con ở các phố tụ tập, chiều mát rủ nhau ra chơi đùa, thả diều. Sau, mấy gia đình Hoa Kiều làm thêm sân bóng rổ. Khi lập ra đoàn Tre Việt, đám anh Khôi, Danh Hùng và anh Thanh Cường, con trai ông Tân trưởng khu, biến bãi đất này thành sân chơi bóng đá, bóng chuyền, rồi dựng khu tập xà đơn, xà kép, bày mấy khung gỗ treo thang dây, đu dây, mấy chiếc ghế tập tạ, để sáng sớm và chiều muộn nào cũng thu hút khá đông thanh thiếu niên và cả người lớn tuổi quanh khu vực đến tập luyện. Từ đấy sinh ra mấy xe bán nước giải khát, mấy gánh hàng rong, phục vụ đám dân chơi thể thao. Từ năm 1948 - 1949, chiến tranh bùng nổ ở gần khắp các tỉnh đồng bằng, lan rộng lên các tỉnh Tây Bắc, Việt Bắc, dân tản cư từ các vùng giao tranh tràn về Hà Nội. Bãi đất trống, tự phát dần thành khu dân cư nhà tôn, nhà lá với vài trăm hộ, ngay phía sau dãy phố nhà tôi. Số dân tứ chiếng[6*] này tiện đâu ở đó, đa số bám vào hai chợ Đồng Xuân, Bắc Qua, bến sông, bến xe... Họ làm đủ nghề, từ buôn thúng bán mẹt, đến khuân vác, làm thuê… Giai đoạn đầu, tình hình không quá xấu vì người ngụ cư còn ít và lành. Càng về sau, mèo già hóa cáo, tệ nạn xã hội phát sinh, đẻ ra cả dân giang hồ, trộm cắp, đĩ điếm… Khu nhà tôn bắt đầu xuất hiện những tay anh chị, thao túng đời sống cư dân, ảnh hưởng nhiều đến dân mặt phố.

[6] Từ cũ. "Tứ chiếng" là cách đọc chệch từ "tứ chính", gọi tắt của "tứ chính trấn", tức bốn kinh trấn quanh kinh đô Thăng Long, bao gồm: Nam Sơn, Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương. "Dân tứ chiếng" ban đầu dùng để chỉ những người thuộc bốn kinh trấn, có trình độ cao, phát triển hơn những nơi khác, về sau, cụm từ này chỉ những người từng trải, rày đây mai đó,*

như dân tứ xứ.

Giữa dãy phố mặt tiền và khu nhà tôn là các dãy chuồng xí. Trừ số ít nhà mới xây có nhà xí nằm trong nhà thì còn lại đều đi nhà xí công cộng, cách dãy nhà xây khoảng chục mét. Mỗi dãy chuồng xí có mười căn, chia đôi, năm căn nam, năm căn nữ riêng biệt. Khi khu nhà tôn chưa hình thành, các dãy chuồng xí không có vấn đề gì, vì tuy là công cộng nhưng người sử dụng lâu dần thành nếp. Việc dọn dẹp vệ sinh đã có những người đổ thùng giải quyết hằng đêm. Người trong phố hằng tháng đóng tiền dọn dẹp ở chỗ vợ ông Tân trưởng khu. Chỉ từ khi khu nhà tôn hình thành, ngày một đông và phức tạp, người ta ngang nhiên dùng chung dãy chuồng xí không phải của mình, mâu thuẫn giữa dân mặt phố và dân nhà tôn mới nổ ra. Những người nhà tôn nói họ ăn ít, đi ít, nên đóng tiền ít, thậm chí xù luôn. Chuồng xí có hố, nhưng họ bậy cả ra ngoài, bậy lung tung khắp bãi, khắp bờ đê. Tất cả các bóng đèn ở hai đầu chuồng xí, thay, bọc cách nào cũng biến mất. Các cửa gỗ của chuồng xí lần lượt không cánh mà bay, đến nỗi ai có nhu cầu vào chuồng xí đều phải mang theo mũ, hoặc nón để che. Phụ nữ muốn vào chuồng xí, phải rủ thêm người đi cùng để đứng ngoài canh chừng. Những người đổ thùng hiền lành, nhẫn nại có tiếng, nay phải dọn cực hơn mà tiền lại ít, họ chỉ đổ thùng mà không dọn vệ sinh nữa… Thế là cả khu vực sống trong mùi hôi thối. Khi gió từ sông Hồng thổi vào dãy phố, thì từ khu nhà tôn sang đến chợ Bắc Qua, chợ Đồng Xuân, Hàng Giấy lan sang cả đường Phùng Hưng đều bốc mùi thum thủm, ngột ngạt. Khi gió từ Hồ Tây, Hồ Trúc Bạch lãng mạn thổi sang thì cả dãy phố Trần Nhật Duật bốc mùi hôi hám, lan đến tận Ô Quan Chưởng, đầu Hàng Chiếu. Những vụ cãi nhau, đánh nhau mỗi ngày một nhiều bên các dãy nhà xí. Nhiều nhà có sáng kiến trồng cây hoa sữa thay cho cây bàng trên hè phố trước cửa để át đuổi mùi hôi. Chính sáng kiến này đã mở đầu cho phong trào trồng những hàng cây hoa sữa ở một số đường phố Hà Nội cùng cảnh ngộ, kèm theo tác dụng bất ngờ là tạo cảm hứng cho các nhà thơ và nhạc sĩ sáng tác những vần

thơ, bài ca lãng mạn và bất hủ về một Hà Nội thơm lừng mùi hoa sữa. Nhưng mỗi năm chỉ được mấy tháng, sau khi mùa hoa kết thúc, mùi ô nhiễm ở phố tôi vẫn "chứng nào tật ấy"…

Cho đến một ngày Chủ nhật trước Tết, mọi sự bỗng nhiên thay đổi. Ông Tân trưởng khu không rõ gặp gỡ dàn xếp thế nào nhưng rốt cuộc đã chia số các chuồng xí theo căn hộ. Kết quả, khu nhà tôn được mười ngăn mà vẫn lợi, còn dân mặt phố được bốn mươi ngăn mà vẫn thiệt. Từ nay, bên nào sẽ quản lý giữ gìn vệ sinh bên của mình. Ông Tân còn huy động tất cả các học sinh trung học ở khu phố, trong đó có anh Khôi, Danh Hùng và Thanh Cường, đi quét vôi, dọn vệ sinh, kẻ khẩu hiệu bằng sơn đỏ, trên mặt tường vôi trắng ở tất cả các chuồng xí. "Giữ gìn vệ sinh chung: Đại tiện đúng lỗ - Đại tiện xong nhớ đậy nắp – Bỏ giấy vào sọt – là có văn hóa". Dãy chuồng xí nào cũng được lắp ba bóng đèn tròn, có lưới bảo vệ. Chuồng nào cũng được lắp cửa gỗ mới sơn xanh lá cây, hàn chặt vào bản lề, có chốt cả trong lẫn ngoài. Dân chúng ở cả mặt phố lẫn khu nhà tôn đều hỉ hả.

Những ngày đầu, dân hàng phố đi qua khu nhà tôn ra chợ Bắc Qua, Đồng Xuân và dân nhà tôn đi qua khu nhà xí ra phố, đều chỉ thấy mùi sơn, mùi vôi, ai nấy đều nức nở khen ông Tân trưởng khu sáng suốt, chuyện quá đơn giản mà sao cả khu phố phải chịu đựng gần chục năm trời. Khi ông Tân đến từng nhà trả số tiền thừa từ các nhà tùy tâm đóng góp, với dân ở khu nhà tôn, ông chỉ tính có năm hào, ai nấy lại càng ngạc nhiên khi làm bao nhiêu việc chỉ tốn rất ít tiền.

Mọi chuyện xong xuôi, ông Tân sang nhà gặp bố tôi:

- Tôi qua để trả lại tiền thừa ông đóng góp vụ tu bổ lại các dãy chuồng xí và đại diện khu phố cảm ơn cháu Khôi. Đồng thời, bà con nhất trí thưởng cho cháu chút ít, hôm nay, tôi cũng đưa cháu luôn.

Bố tôi ngạc nhiên:

- Tôi thấy cháu nó cũng chỉ tham gia chung với mọi người thôi mà.. - rồi ông hướng vào trong nhà, gọi, - Khôi à! Có bác Tân sang chơi.

Anh Khôi từ nhà trong bước ra, lễ phép chào:

- Bác ạ.

Ông Tân nói:

- Cháu không nói gì với bố chuyện nhà xí trong khu à? Thực ra là ba đứa, thằng Hùng con ông Danh Quỳnh, thằng Cường con nhà tôi và thằng Khôi, mấy tháng nay vận động tôi ủng hộ chúng nó vụ này. Từ ý tưởng lẫn thực hành, vận động bà con đều từ thằng Khôi và thằng Hùng là chính, nhưng do còn ít tuổi nên hai đứa để thằng Cường nhà tôi ra mặt… Cháu giỏi đấy. Tôi không nói giỏi chuyện học hành vì cháu giỏi nổi tiếng ở trường rồi, mà giỏi ở khả năng hòa nhập và thu hút cộng đồng… Ông có thể tự hào có đứa con như cháu.

Anh Khôi ấp úng:

- Thực ra không có bác ủng hộ, không có anh Cường và Danh Hùng hợp tác, chuyện vừa rồi cũng không thành… Còn cháu nghĩ, mấy cái chuồng xí chỉ là góc khuất, chẳng là gì so với bề nổi cuộc sống nên chẳng ai để ý, chứ đã quan tâm, đều giải quyết được.

- Vấn đề là ở chỗ đó, các cháu đã giúp bác nhìn nhận đúng về những góc khuất đó. - Rồi ông quay sang nói với bố tôi. - Tôi đang tính xin trên quận bổ sung cháu Khôi vào ban điều hành của khu.

Rồi ông mở cuốn sổ, bên trong có kẹp một xấp tiền, lấy ra đếm, đưa bố tôi một xấp:

- Đây là tiền thừa của nhà…

Bố tôi cầm xấp tiền với vẻ ngần ngại. Anh Khôi thanh minh:

- Do bọn con thiếu kinh nghiệm, không biết tính và nhiều việc chúng con tự làm, không tính tiền công, nên dư khá nhiều.

Bố tôi đặt lại xấp tiền vào tay ông Tân:

- Coi như tôi đã nhận số tiền ông trả lại rồi, giờ xin ông cầm lấy để nghe tôi nói… Nếu ông không xuôi tai, thì tôi sẽ xin nhận lại tiền. Thú thật với ông, vụ mấy cái chuồng xí, tôi có biết và có đóng góp, nhưng cụ thể thế nào, hôm nay ông nói, tôi mới hay. Tiền thừa mang trả lại cũng

tốt thôi. Tiền rõ ràng đã làm nên sự thay đổi, nhưng nếp sống vẫn như cũ, con người vẫn người cũ, thì chẳng mấy chốc, các vị lại phải tiếp tục quyên tiền, mà tiền này càng về sau sẽ càng như gió vào nhà trống…

Ông Tân ngạc nhiên:

- Như vậy là ông phản đối cách làm của chúng tôi vừa rồi?

- Tôi không phản đối… Chuyện vừa rồi là tốt. Thậm chí rất tốt. Có thay đổi vẫn tốt hơn không… Tôi chỉ nói để không lấy lại tiền, vì chắc chắn sẽ có đợt quyên góp tiếp theo.

Ông Tân nói tiếp:

- Tôi hiểu ý ông rồi. Tôi nhận lại số tiền này… Đúng là thay đổi nếp sống không thể nào một sớm, một chiều. - Ông đưa mắt qua anh Khôi. - Còn cháu?

Anh Khôi nói:

- Về vụ tiền thưởng, cháu có nghe anh Cường và Danh Hùng nói. Cháu cảm ơn các bác rất nhiều, nhưng cháu muốn bác đưa số tiền này cho chị Hình.

Ông Tân hỏi:

- Hình nào?

- Chị Hình giúp việc cho nhà cháu.

Ông Tân ngạc nhiên:

- Sao lại dính chị Hình vào?

- Thưa! Những người đổ thùng cho nhà xí ở khu phố mình, đều quê ở Chèm, cùng làng, cùng xã với chị Hình, nên cháu nhờ chị ấy nói với họ đan những nắp đậy hố xí. Vì quen việc, tre lại của nhà, nên họ lấy giá rẻ hai hào một miếng, sau đóng thêm cái tay cầm, họ không đổi giá. Nhưng họ than với chị Hình họ bị lỗ, nên cháu muốn lấy tiền thưởng này bù cho họ, vì chắc chắn mình còn cần họ lâu dài.

Bố tôi nói:

- Tiền thưởng không chỉ riêng con. Con từ chối thì Cường và Danh Hùng cũng không nhận, trong khi các con xứng đáng được nhận. - Rồi

bố tôi quay sang nói với bác Tân. - Vụ bù lỗ cho mấy người đổ thùng, dân làng Chèm, ông để tôi giải quyết.

Ông Tân vui vẻ ra về rồi, bố tôi mới nói với anh Khôi:

- Con, Danh Hùng và Cường vừa làm được một việc tốt. Rất tốt. Nhưng các con và kể cả ông Tân đều biết một mà không biết hai. Con có biết cái hai ấy ở đâu không?

Anh Khôi ngước nhìn bố, rồi cúi đầu, nói nhỏ:

- Con không biết.

Bố tôi chậm rãi nói:

- Khu nhà tôn một trăm hai mươi hai hộ, hơn một ngàn người, hầu hết là dân bần cùng tứ chiếng, nhà quê mù chữ, thành phần bất hảo nhiều hơn lương thiện, cứ để yên, có thối thì cũng có nếp, mà quậy lên nhưng lực bất tòng tâm thì loạn.

Anh Khôi cãi:

- Thưa! Ai cũng nghĩ vậy, rồi cũng loạn.

- Con tin từ nay trở đi sẽ yên hay sao? Chưa kể những việc các con vừa làm là việc người lớn chứ không phải của những thằng bé mười bốn, mười lăm tuổi. - Dứt lời, bố tôi bỏ đi vào nhà trong.

Từ lúc ông Tân về, tôi ngồi làm bài ở bàn học phòng bên trong, nhưng tai vẫn nghe lỏm không sót một câu của người lớn. Lúc bố đi rồi, tôi mới ra ngồi cạnh anh Khôi:

- Bố nói anh sai à?

Anh Khôi lắc đầu:

- Bố chỉ lo xa thôi.

Anh không nói thêm, nhưng có vẻ buồn. Giữa lúc việc làm của anh bao nhiêu người khen ngợi, bố lại không hài lòng… Chứng kiến và vô cùng tự hào về việc làm của anh, tôi bỗng rất thương anh và phần nào nghĩ bố tôi đã bất công và khó tính với anh.

Nhưng rồi sự lo xa của bố tôi lại đúng.

Chỉ chừng một tuần sau vụ chỉnh trang lại các dãy chuồng xí, vào

buổi chiều, tôi đang ngồi làm bài trong nhà, bỗng nghe nhiều tiếng ồn ào huyên náo từ phía sau nhà. Tôi vội lao ra cửa sau, thấy đám đông hàng chục người cầm dao, cầm gậy la hét:

- Thằng Khôi đâu? Lôi cổ nó ra đây.

Chị Hình hớt hải từ dưới bếp chạy lên trước khi đám đông lao vào cửa, nói với tôi:

- Đóng cửa lại đi em.

Không đợi tôi kịp ra đến cửa, chị đã đóng sập và cài nhanh chiếc then bằng sắt.

Tôi sợ hãi hỏi:

- Chuyện gì thế chị?

- Chúng nó đã ăn cắp lại còn gây sự.

Cạnh nhà tôi là cửa hàng bán gạo của bà Hào. Nhà bà có bề ngang năm mét. Gạo bày bán cả phía trước lẫn phía sau cho dân mặt phố lẫn dân khu nhà tôn, nên bà chừa một lối đi hơn một mét, thông từ cửa trước xuống cửa sau. Khách đi dần thành quen nên người mặt phố đi chợ Bắc Qua, chợ Đồng Xuân và từ hai chợ này ra phố, cũng đi qua nhà bà.

Đám đông thấy cửa sau nhà tôi đóng sập, lập tức chạy qua cửa hàng gạo vòng sang mặt trước nhà tôi, tiếp tục hò hét:

- Thằng Khôi đâu? Thằng Khôi ra đây.

Anh Khôi chiều nào cũng đi tập ở Nhu Việt. Mẹ kế đang sinh em bé ở bệnh viện, chị Tâm ở trường. Nhà chỉ có chị Hình và tôi.

Chị Hình lúc từ dưới bếp lên thì hốt hoảng, nhưng khi đã yên trong nhà, phần nào bình tĩnh lại, nói vọng ra với đám đông:

- Chú Khôi không có nhà. - Rồi chị bảo tôi, - đã có chị, em đừng sợ.

Tôi nhận ra gã cầm đầu là Trúc "vổ", thuộc dân anh chị ở khu nhà tôn. Tay cầm con dao bầu, gã chỉ mặt chị Hình:

- Con Hình! Mày tưởng tao không biết mày là chó săn cho thằng Khôi hả? Mày nhìn tao đập ang nước mắm này để nói với thằng Khôi là tối nó

về, tao sẽ ra đập tiếp vào mặt nó.

Gã giơ sống dao đập vỡ ang nước mắm một trăm hai mươi lít, khiến nước mắm lênh láng, sực nức khắp nhà.

- Mày muốn tao đập ang nữa hay đập tủ tạp hóa này? - Trúc "vổ" tiếp tục giơ dao.

Chị Hình mặt cắt không còn giọt máu, vừa run lập cập, vừa ôm chặt lấy tôi. Một mụ đàn bà trong đám đông gào lên:

- Đập hết các thứ trong nhà nó đi.

Một tên thanh niên lập tức dùng gậy đập vỡ tan tấm kính trên mặt quầy tạp hóa.

Chị Hình bỗng vượt qua nỗi sợ hãi, chồm ra gào thét:

- Ối làng nước ơi! Chúng nó cướp nhà ông bà chủ tôi…

Gã Trúc "vổ" lao tới định bóp cổ chị Hình. Chị hung dữ, nhanh tay chụp cây kéo trên mặt bàn máy may sẵn sàng ăn thua đủ, khiến gã phải chùn lại.

Đúng lúc đó, từ ngoài đường, hàng chục người cũng tay dao, tay gậy, vừa hò hét, vừa lao vào tấn công đám người của khu nhà tôn:

- Đánh bỏ mẹ chúng nó đi.

- Đập chết quân ăn cướp đi.

Đám Trúc "vổ" bị bất ngờ và bị động, chống lại một cách yếu ớt. Do những người phía trước đã bỏ chạy, đám lọt vào nhà ùa ra cửa sau, tự ý mở cửa, thoát về khu nhà tôn, nhưng không kịp. Đồ đạc trong nhà bị mất, bị xô đổ, rơi vỡ khắp nơi. Có người từ ngoài đường hô lớn:

- Cảnh sát đến.

Sự hỗn loạn chững lại. Hàng chục cảnh sát xuất hiện với dùi cui trên tay, chặn cả cửa trước, lẫn cửa sau.

Ông Tân trưởng khu và viên trung úy cảnh sát từ bên ngoài phải lách đám đông mới vào được bàn nước vẫn dùng để tiếp khách trong nhà tôi.

Chị Hình khóc mếu:

- Thưa ông! Họ ăn cướp.

Ông Tân hỏi:

- Bà chủ đâu?

- Thưa! Bà chủ đi đẻ ở nhà hộ sinh. Nhà chỉ có con và cậu Tuấn.

Gã Trúc "vổ" lì lợm nói với ông Tân:

- Thưa ông trưởng khu! Chúng nó vu cho chúng tôi ăn cắp đồ.

Ông Tân gườm gườm nhìn Trúc:

- Tôi không lạ gì anh đâu.

Ông đưa mắt nhìn khắp lượt những người đứng trong nhà, rồi dừng lại trước một người đàn ông đứng tuổi, tay vẫn cầm con dao bầu:

- Anh cũng là người của Trúc "vổ" hả?

- Thưa ông trưởng khu! Chúng tôi là người làng chị Hình. Thấy tụi nó cướp nhà ông chủ, đánh đập chị Hình, chúng tôi kéo đến cứu.

Viên trung úy cảnh sát ghé tai ông Tân thì thầm.

Ông Tân lắc đầu, vẻ không đồng tình, rồi nói:

- Bắt giải hết lên đồn. Bắt hết.

Chiều tối, bố tôi, chị Tâm và anh Khôi về. Mặc dù chị Hình đã bỏ công thu dọn, lau rửa, nhưng nhà cửa vẫn tan hoang. Hai ang nước mắm một trăm hai mươi lít bị đập vỡ, mùi nước mắm vẫn nồng nặc khắp nhà, mấy dãy tủ bày hàng tạp hóa ngổn ngang kính vỡ, nhiều nhu yếu phẩm và văn phòng phẩm bị mất cắp…

Chị Hình đang lau nhà, thấy bố tôi về, ngồi sụp xuống khóc nức:

- Con xin lỗi. Tất cả đều lỗi tại con.

Bố tôi không nói không rằng, định đi sang nhà ông Tân, nhưng vừa đến cửa đã thấy ông Tân và anh Cường sang nhà. Chưa ngồi xuống chiếc ghế ở bàn nước, ông Tân đã nói:

- Lẽ ra chúng nó phá nhà tôi, nhưng có lẽ do tôi là trưởng khu, trong nhà có nhiều đàn ông, nên chúng nó phá nhà ông.

Chỉ có bố tôi và anh Khôi tiếp ông Tân và anh Cường. Chị Tâm cũng bị bố tôi bảo vào nhà trong, dù chị cũng gần như là quản lý chính của cửa hàng tạp hóa. Chị Hình và thằng oắt con là tôi đương nhiên bị gạt ra

ngoài. Nhưng sự việc quá lớn, kích thích trí tò mò quá mạnh, nên thay vì vào nhà trong học bài, tôi lẳng lặng leo lên gác xép, đưa mắt qua cửa ngăn hình bán nguyệt nhìn thẳng xuống bàn nước dưới nhà, nhìn rõ từng người, nghe rõ từng câu của những người ngồi dưới, mặc dù biết rõ trẻ con nghe lỏm chuyện người lớn là rất xấu.

Nguyên nhân sự cố xảy ra không ai ngờ rất đơn giản, từ cuộc "cách mạng" chuồng xí, sau khi giải quyết xong, hóa ra không ai không hả hê hài lòng. Việc sử dụng chuồng xí, dân cư khu mặt phố đã nhường hẳn cho khu nhà tôn một dãy do mình góp tiền xây dựng trước khi dân cư nhà tôn hình thành, rõ ràng là nhường nhịn và san sẻ. Chỉ có điều, để có người chú ý, bảo vệ, nhắc nhở những người sử dụng có ý thức giữ gìn vệ sinh chung, không để bị tháo cánh cửa, gỡ đèn, viết vẽ bậy lên tường, nhóm Cường, Hùng, Khôi lại chọn mấy người trong đoàn Tre Việt thường xuyên tập xà đơn, xà kép, chơi bóng chuyền, bóng rổ ở gần đó và yêu cầu bà con mỗi tháng góp bồi dưỡng tượng trưng cho mỗi người năm hào.

Tuy nhiên, ở khu nhà tôn lại có một thứ luật khác là luật giang hồ. Hóa ra khu nhà tôn ổ chuột hơn trăm hộ này có nhiều dạng anh chị. Anh chị của dân bốc vác, anh chị của dân trộm cắp, anh chị của gái mại dâm, anh chị ổ thuốc phiện… Anh chị phạm vi nào cai quản, bảo kê phạm vi đó và tôn trọng lẫn nhau thành thứ trật tự bất thành văn, chỉ khi nào phát sinh những vi phạm, cạnh tranh, mới xảy ra xung đột và thường được giải quyết êm thấm, nhanh gọn để tránh chính quyền can thiệp. Việc bảo kê các chuồng xí công cộng ở khu phố từ xưa đã do gia đình Trúc "vổ" cai quản bằng cách thu "tô" dân đổ thùng, tức là chúng trấn lại một phần tiền dân phố thù lao cho họ. Từ khi khu nhà xí sang sửa lại, các anh Cường, Khôi, Hùng không biết chuyện này, thay vì thuê đám Trúc "vổ", lại thuê nhóm Tre Việt trông coi, bảo vệ, đã khiến chúng tức tối ngầm. Mặt khác, khi trao đổi với đại diện các nhà mặt phố và nhà tôn, việc dành hẳn cho khu nhà tôn một dãy là quá tốt, không ai thắc

mắc. Nhưng đi vào thực tế, khi dãy chuồng xí thuộc khu nhà phố được ngăn riêng, còn chuồng xí khu nhà tôn nằm ngay lối đi, nên dân đi chợ Bắc Qua, dân bến xe ngoài phố cũng đều vô tư sử dụng, khiến giữ cách nào cũng tồi tệ hơn trước. Đám nhà tôn cho là các anh Cường, Khôi, Hùng chơi xỏ họ. Thế là trật tự mới chỉ được tôn trọng trong hơn một tuần, rồi tất cả lại như cũ… Dân nhà tôn không những không đi ở chuồng xí, mà còn phóng uế cả ra đường đi, các câu tục tĩu được viết đầy trên các tường bao vừa được quét vôi trắng đẹp. Đèn trên các nóc chuồng xí chỉ trong một đêm bị mất sạch, các cửa liên tục bị gỡ…

Và đỉnh điểm xảy ra từ vụ mất sạch những nắp đậy hố xí. Những nắp này, anh Khôi nhờ chị Hình nói những người đổ thùng ở quê chị đan bằng tre, đóng thêm tay cầm. Nhờ những nắp này, mùi hôi thối không bốc ra, cả khu mặt phố lẫn khu nhà tôn đều không còn phải chịu đựng mùi ô nhiễm nồng nặc. Khi những chiếc nắp này bỗng nhiên không cánh mà bay. Thay bao nhiêu mất bấy nhiêu. Nhóm Tre Việt tức giận, quyết tâm tìm ra thủ phạm và họ bắt được quả tang những đứa con nhà Trúc "vổ" chuyên lấy trộm những nắp này về làm củi đun. Họ báo cho chị Hình. Chị Hình và mấy người giúp việc xuống tận nhà Trúc "vổ", nghĩ rằng chỉ để nói cho nhà Trúc thôi đi, nhưng dường như Trúc "vổ" chỉ chờ cái cớ đó để gây ra vụ đập phá.

Sau khi nghe hiểu mọi chuyện, bố tôi hỏi ông Tân:

- Ý ông định giải quyết vụ này thế nào?

Ông Tân nói:

- Trước hết, chúng nó phá hỏng và trộm cắp của nhà ông thứ gì, bắt chúng nó phải bồi thường đủ hết. Vợ chồng thằng Trúc "vổ" và những đứa tham gia đập phá đang bị giam ở đồn cảnh sát đã nhận tội là nghe Việt Minh xúi giục, gây rối an ninh trật tự Hà Nội, sẽ cho đi hết luôn.

Bố tôi hỏi:

- Tại sao lại dính Việt Minh vào?

- Phủ Thủ hiến bây giờ sợ dân như sợ cọp, nên phải dính Việt Minh

vào thì họ mới để mình thẳng tay với bọn gây rối.

- Nhưng sự thật không phải như vậy?

Ông Tân nói:

- Việc đó đã có cảnh sát lo. Vừa đánh tuốt xác, chúng nó đã nhận hết.

Thấy bố tôi không nói gì, ông Tân nói thêm:

- Thực ra, khu nhà tôn này hầu hết là dân cư ngụ trái phép, chính quyền cho họ tồn tại lâu nay là vì lý do nhân đạo, chứ hai năm nay, đã có chủ trương dọn sạch khu ổ chuột chứa toàn tệ nạn xã hội này để chuyển chợ Bắc Qua sang… Vì vậy nhân cơ hội này, họ sẽ xóa sổ luôn khu nhà tôn.

Bố tôi hỏi:

- Bao giờ xóa?

- Dưới tâu, trên duyệt, chuẩn bị lực lượng, chuẩn bị đối phó với dư luận, xong đâu đấy, phải ngoài Tết sang năm. Chuẩn bị mới lâu chứ đã dẹp thì chỉ một tháng là xong.

Bố tôi nói:

- Tình hình này, chắc chắn Pháp thua ở Điện Biên Phủ. Giữa lúc chính trị, xã hội đang biến động từng ngày, tôi sợ dự tính dẹp khu nhà tôn của các ông là không thực tế.

- Sở Cảnh sát họ nói giữ yên Hà Nội cũng là củng cố hậu phương cho Điện Biên Phủ, nhưng đúng là cũng khó khi Điện Biên Phủ bị thất thủ… Vậy ý ông thế nào?

Bố tôi nói:

- Qua vụ này, tôi thấy may mà không ai chết, chứ có người chết rồi, cảnh sát mới đến thì ai chết người ấy thiệt. Bây giờ cũng không phải lúc phân biệt ai đúng, ai sai để xử lý theo pháp luật, vì tình hình đen trắng lẫn lộn này, có khi luật pháp thua luật rừng, nên theo tôi nên tìm cách giải hòa.

Anh Cường bất bình:

- Thưa bác! Mình đang thắng thế, không thể có chuyện giảng hòa với

bọn tội phạm đang ngồi tù.

Bố tôi nói:

- Tù một tuần, một tháng hay một năm, rồi vẫn phải thả họ ra thì sao? Có gì đảm bảo họ sẽ không trả thù? Không tiếp tục quấy rối mình? Các cụ ngày xưa đã nói "bán anh em xa, mua láng giềng gần", cứ cho là mình thua họ đi, thua để được an tâm, cũng là tránh voi chẳng xấu mặt nào.

Ông Tân:

- Tôi hiểu ý ông… Nhưng còn những thiệt hại của gia đình do chúng gây ra?

Bố tôi nói:

- Tôi đâu phải hạng giàu có đến mức không biết xót của, nhưng nếu phải chịu mất nhiều hơn để đổi lấy sự an tâm với hàng xóm láng giềng thì cũng không thiệt. Bây giờ muộn rồi, nên sáng mai, tôi muốn ông mất thì giờ cùng tôi lên đồn cảnh sát xin tha cho họ.

Ông Tân lặng đi một lúc, rồi nói chậm rãi:

- Có thể ông đã nhìn xa hơn tôi.

Bố tôi cười nhẹ:

- Ông quy tội họ là Việt Minh, lại bỏ tù họ, tôi sợ hiệp định Genève ký xong, Hà Nội vào tay Việt Minh là ông đã phong thánh cho bọn gây rối, không chừng còn dọn đường cho chúng được Việt Minh trọng dụng thật.

Ông Tân bật cười:

- Có khi thế thật.

Ông Tân và anh Cường về rồi, bố tôi mới quay sang anh Khôi:

- Con biết con sai ở đâu không?

Tôi lo lắng nhìn về chiếc phất trần treo ở cái đinh trên tường, lo sợ về một trận đòn nhừ tử mà bố tôi sẽ dành cho anh Khôi.

Thấy anh Khôi không trả lời, bố tôi hỏi lại:

- Con có biết mình sai ở đâu không?

Anh Khôi lí nhí:

- Sai ở chỗ không lường tới những sự việc xấu có thể xảy ra?

Bố tôi vẫn không hề to tiếng:

- Các con đã làm một việc tốt, nhưng việc tốt không đúng hoàn cảnh thì sẽ sinh ra loạn và gây ra hậu quả rất xấu. Thôi, đi học bài đi.

Tôi thở phào nhẹ nhõm. Nhưng mãi mãi về sau, tôi vẫn không hiểu vì sao hôm đó, bố tôi lại rất dịu dàng với anh Khôi.

Ngay chiều hôm sau, vợ chồng Trúc "vổ" và những kẻ đập phá nhà tôi được cảnh sát tha về. Bất ngờ, cũng tối hôm đó, ông ta dẫn đầu, đưa vợ, các con và hơn chục người lớn tuổi ở khu nhà tôn lên nhà tôi, quỳ lạy trước bố tôi cảm ơn và xin ông tha tội. Tại sao có chuyện này? Do cảnh sát bắt buộc, do ông Tân tác động hay do chính họ biết nghĩ? Tôi còn quá bé để hiểu trong khi bố tôi và anh Khôi chẳng bao giờ kể… Còn bây giờ đương nhiên đã hiểu ra, tôi không muốn nói như sự vuốt đuôi một kết thúc có hậu, điều mà ai cũng có thể hiểu.

Riêng lời bố tôi nói với ông Tân buổi tối ông sang nhà: "Tình hình này chắc chắn Pháp thua ở Điện Biên Phủ. Giữa lúc chính trị, xã hội đang biến động từng ngày, tôi sợ dự tính dẹp khu nhà tôn của các ông là không thực tế", đã đúng sớm hơn mọi dự tính. Ngày bảy tháng Năm năm 1954 quân Pháp đầu hàng ở Điện Biên Phủ, chịu rút hết quân khỏi Việt Nam. Ngày mười tháng Mười năm 1954, chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa từ chiến khu Việt Bắc trở về tiếp quản Hà Nội.Còn câu: "Ông quy tội họ là Việt Minh, lại bỏ tù họ, tôi sợ hiệp định Genève ký xong, Hà Nội vào tay Việt Minh là ông đã phong thánh cho bọn gây rối, không chừng còn dọn đường cho chúng được Việt Minh trọng dụng", tôi không có cơ hội kiểm chứng vì sau thời gian này, bố tôi bán nhà ở Trần Nhật Duật, dọn đến Lê Thái Tổ, bên bờ hồ Hoàn Kiếm ở nhà thuê, để tránh làm chủ tài sản lớn.

"Cuộc chiến" chuồng xí thời đổ thùng của Hà Nội không bao giờ được những người lớn trong nhà nhắc tới, và toàn dân phố Trần Nhật Duật chắc cũng quên từ lâu rồi. Nhưng tôi mãi mãi nhớ, chỉ bởi nó gắn chặt

với những kỷ niệm và tính cách luôn hướng về sự tốt đẹp ở cộng đồng của anh tôi.

NGÔI MỘ Ở HUẾ

Tháng Bảy năm 2009.

Từ Hà Nội, vợ chồng chị Tâm bận công chuyện không đi được, nên chỉ có vợ chồng Thế Vinh bay vào, còn con trai Tuấn Phúc của tôi cũng từ Sài Gòn bay ra. Tôi gọi điện cho Tư Bông:

- Người bên tôi ra Huế đủ rồi. Giờ tôi sang nhà nghỉ gặp chị bàn về vụ gọi hồn anh tôi được không?

- Vậy là tốt. Nhưng để con sang khách sạn. Cô chú đều lớn tuổi, đừng mất công sang con làm gì.

Ngay tức khắc, Tư Bông đã có mặt ở sảnh tiếp khách. Nhà ngoại cảm vẫn quần nâu cũ, nhưng áo mới tinh hở cổ, thuộc loại thời trang hàng chợ diêm dúa, gương mặt son phấn đậm và vụng, tươi tắn hơn hôm gặp chúng tôi ở Sài Gòn.

- Con chỉ gặp cô chú được mười phút, vì con có hẹn với một nhà khác cũng nhờ tìm hài cốt cho người cha bộ đội miền Bắc, hy sinh ở chiến trường Đà Nẵng.

Tôi hỏi:

- Cùng thời gian, chị tìm mộ cho nhiều người, liệu có bị nhầm lẫn?

- Với cõi âm thì không nghĩ như cõi dương mình được đâu, chú. Trên cõi dương, mình sống với đủ thứ phân biệt, giàu nghèo, già trẻ, tôn giáo, cộng sản, quốc gia, người trước, kẻ sau, người gần, người xa, nhưng ở cõi âm, tất cả đều như nhau. Con cứ thắp nhang cầu khấn gọi hồn, ai tiện thì đến trước, cũng có người mấy ngày mới hiện, nhưng không bao giờ lộn xộn.

- Chị gặp anh Khôi tôi chưa?

- Ở Sài Gòn, con đã gặp và bác ấy hẹn hôm nay, nhưng vì cô chú muốn

đổi ngày mai, nên con xin bác ấy vào sáng mai.

Tôi nói:

- Trước hết, chiều nay, vợ chồng tôi mời chị đi ăn cơm. Cùng ra Huế với cùng một công việc, chúng ta nên cùng đi ăn cơm cho tình nghĩa. Mặt khác, sáng mai, lúc làm lễ cầu hồn cũng sẽ có mặt cả mấy người đồng đội cùng trung đoàn với anh Khôi tới dự.

Mặt Tư Bông thoáng ngẩn ra:

- Làm sao cô chú biết họ là đồng đội của bác Khôi?

- Khi chị nói anh tôi hy sinh ở Huế, tôi tìm cách liên lạc với những người từng chiến đấu ở mặt trận này.

Tư Bông lại vui vẻ ngay:

- Nếu thế thì quá tốt rồi. Có mặt các bác ấy, chắc bác Khôi mừng lắm đó.

Tôi nói thêm:

- Các anh ấy sẽ làm việc với cả bên Thương binh Xã hội của Ủy ban Quận và Ủy ban Phường, nơi chúng ta làm lễ, để họ cử người xuống hỗ trợ việc đào xới và làm lễ tiễn đưa liệt sĩ. Chị cho biết địa điểm, để tôi báo cho các anh ấy.

- Nếu được sự giúp đỡ của chính quyền thì con đỡ nhiều và hồn bác Khôi chắc sẽ mát mẻ. Về chuyện địa điểm và chọn giờ gọi hồn, con phải chờ gặp bác ấy mới biết chính xác. Như vậy, để tối nay đi ăn cơm với cô chú con sẽ báo.

Chuông điện thoại của Tư Bông bỗng reo, cô vội rút điện thoại:

- A lô! Tôi hứa sẽ đến đúng giờ mà. Ở nhà chuẩn bị xong chưa? Rồi. Lái xe của tôi thuộc đường. - Tư Bông cúp máy, rồi nói với chúng tôi. - Giờ xin phép cô chú, con phải đi Đà Nẵng ngay bây giờ.

Tôi tiễn Tư Bông ra cửa, thấy chiếc Innova màu xám mà cô ta đi từ Quảng Trị về hôm trước đã đậu sẵn trước cửa khách sạn.

- Giờ mới đi Đà Nẵng liệu tối chị có về kịp không?

- Chú an tâm. Con đã nhận lời là không bao giờ sai hẹn.

Do tò mò, tôi cố tình tiễn Tư Bông ra tận xe.

Người đàn ông đứng tuổi đang ngồi bên tay lái vẫn là người đưa Tư Bông từ Quảng Trị về, và cũng chính là người chạy chiếc Yamaha cũ, đón Tư Bông ở sân bay Tân Sơn Nhất, Sài Gòn. Thấy tôi có vẻ để ý, anh ta miễn cưỡng mỉm cười, gật đầu chào. Nhìn ánh mắt anh ta tự nhiên tôi thoáng cảm giác không an tâm. Nhưng lúc quay vào, tôi lại gạt đi mối nghi ngờ, anh ta cũng chỉ là người lái xe.

Tối đến, vợ chồng tôi, vợ chồng Thế Vinh và Tuấn Phúc đi ăn cơm với Nguyễn Quang Hà và vợ chồng Quốc Toản.

- Hôm nay, cậu mà uống một giọt rượu hay bia, là tôi bỏ về đấy. - Quang Hà nói với Toản.

- Cậu không thấy tôi đi với bà xã à? Đời lính của tôi đánh nhau với đủ các loại lính Mỹ, Đại Hàn, Úc, Thái, không sợ bất cứ thằng nào, nhưng về nhà lại sợ vợ. Từ khi khám tổng quát, bác sĩ phán cấm uống rượu vì viên đạn vẫn nằm trong đầu, ở nhà, một giọt rượu vợ cũng không cho uống.

Vợ Toản cười khoan dung:

- Nhưng vẫn uống ở nhà bạn.

- Thì anh đã nói rồi. Anh chỉ uống chút xíu ở nhà những bạn từng là đồng đội, vì gặp những thằng còn sống lại nhớ những thằng đã chết.

Toản bỗng quay sang tôi:

- Này, sáng mai, không tính Nguyễn Quang Hà, đoàn của tôi sẽ có mười hai người. Bên Thương binh Xã hội thành phố, quận, phường đội cử ba tay lính trẻ, còn chín người thì có bốn người thuộc trung đoàn Mai Siu với ông Khôi. Trước có tới mười lăm thằng cơ, nhưng sáu thằng bệnh yếu không đi nổi, hai thằng bận đi làm kiếm sống, cùng nhờ tôi thắp giùm nén nhang. Năm thằng còn lại không cùng trung đoàn, không kêu cũng đòi đi. Chúng nó nói rằng không cùng trung đoàn, sư đoàn nhưng cùng đánh Mỹ.

Đã quá giờ hẹn, không thấy Tư Bông đến, tôi ra ngoài nhấn số điện thoại.

Giọng Tư Bông đáp ngay:

- Con đây chú. Con vô cùng xin lỗi cô chú. Vì bây giờ con vẫn đang trong lễ gọi hồn ở Đà Nẵng. Do hồn đã hiện trễ, lại nhất định không chịu rời nghĩa trang về quê, vì bao nhiêu năm quá quen với đồng đội ở đây. Vụ phát sinh này khiến con cũng không biết thế nào, nên vẫn phải ở lại. Đã nhiều lần con nói với cô chú người cõi âm không giống người dương mình.

Tôi phải lặng đi đến nửa phút, mới mở miệng:

- Còn vụ anh Khôi tôi?

- À… Con đã hẹn được với bác Khôi rồi. Như vậy năm giờ sáng sẽ bắt đầu làm lễ. Cô chú và con sẽ rời khách sạn lúc bốn giờ.

- Sao sớm thế? Chúng tôi vẫn chưa mua đồ cúng, lại nói với taxi đón khoảng sáu giờ. Bác ta cũng bao luôn cả cuốc ra Hà Nội. Nhưng quan trọng nhất là các đại diện của Thương binh Xã hội thành phố, quận, phường và các đồng đội của anh tôi làm sao có mặt lúc năm giờ được?

- Con cũng nghĩ đến những điều chú nói, nhưng giờ là do bác Khôi hẹn chứ không phải con. Đồ cúng con đã chuẩn bị đủ rồi. Mặt khác, việc khai mộ tối kỵ làm khi mặt trời đã lên. Về vụ taxi, ở Huế, chú hẹn nửa đêm cũng có người đi. Nhưng con có xe bảy chỗ, nhà chú năm người, cộng thêm con và người lái là bảy, chú việc gì phải thuê xe cho tốn tiền.

Tôi cố nén bực:

- Các khách sẽ tham dự thì sao?

- Con nghĩ chuyện này cũng đơn giản. Các bác là đồng đội bác Khôi đều ở tuổi nghỉ hưu, đa số nhàn rỗi, nếu nặng tình đồng đội thì dậy sớm, đi sớm mấy giờ cũng không sao. Còn mấy người ở Ủy ban họ có mặt cũng tốt mà không cũng chẳng sao, vì từng đi nhiều nơi, con biết, mình báo lý do trục trặc, không đi được, họ càng mừng.

Cô ta im một chút, rồi nói thêm:

- Cán bộ chính quyền bây giờ là thế hệ không dính đến chiến tranh nên họ vô cảm lắm, chú ơi.

Tôi chỉ còn cách thở dài, quay vào bàn ăn, ngồi với gia đình và bạn bè, nhưng không nuốt nổi miếng cơm. Đã vậy, còn phải cố nghĩ ra cách nói dối Nguyễn Quang Hà và vợ chồng Quốc Toản. Tất cả họ đều ở tuổi ngót bảy chục, sức khỏe đều không tốt, phải có mặt năm giờ sáng ở nghĩa trang, dù họ nhiệt tình, vợ chồng tôi cũng không nỡ. "Anh Khôi ơi, nếu sáng mai, đúng là anh hiện về, thiếu mặt những đồng đội của anh, em xin anh hãy tha lỗi".

Sáng hôm sau, ba rưỡi sáng Tư Bông từ nhà nghỉ đã gọi điện sang cho chúng tôi.

- Con phải gọi sớm, vì bốn giờ xuất phát là giờ đẹp, đến nơi còn phải sửa soạn mọi thứ, để đúng năm giờ làm lễ. Người dương mình sai hẹn tùm lum không sao, chứ người âm hay giận lắm.

Vợ chồng tôi, vợ chồng Vinh và Tuấn Phúc xuống tầng trệt, nhân viên khách sạn ra mở cửa, giúp xách đồ, đã thấy Tư Bông đứng bên ngoài. Chiếc Innova với người lái xe đứng tuổi quen thuộc đã chờ sẵn ở trước cửa.

Tư Bông tươi cười xách đỡ vợ tôi bó hoa lớn và túi đựng nhang:

- Con đã nói với chú tất cả đồ lễ, con lo rồi mà.

Vợ tôi nói:

- Chúng tôi không chỉ lo nhang, hoa cho anh Khôi mà còn cho các mộ khác trong nghĩa trang.

Tư Bông vẫn vui vẻ:

- Cô nói thế thì con chịu.

Đợi chúng tôi yên chỗ trên xe, Tư Bông mới lên ngồi cạnh người lái:

- Cô chú thấy chưa? Đúng năm giờ. Con canh giờ gọi sớm từ ba rưỡi là con rất có kinh nghiệm.

Trời bắt đầu mưa lâm râm. Đường phố Huế vắng lặng và rất thiếu sáng, thỉnh thoảng mới có chiếc xe hơi và xe gắn máy chạy trên đường. Tôi cố nhìn ra đường để thưởng thức xứ Huế vào giờ chưa thức giấc.

- Hôm qua, cô chú có tranh thủ đi tham quan các nơi ở cố đô Huế

không?

Vợ tôi nói:

- Vì phải đón vợ chồng cậu em, rồi đón con trai, sau đó, lại phải dành thời gian thanh minh vụ phát sinh đi quá sớm với mấy đồng đội của anh Khôi, nên chưa tham quan được đâu.

- Thế thì thật là tiếc. Vì đưa xong bác Khôi ra Hà Nội, cơ hội trở lại Huế của cô chú lại phải là lúc khác… Nhưng cũng có khi con lo hơi thừa, vì dân ở khách sạn ba sao như cô chú thiếu gì cơ hội đi chơi các nơi.

Chúng tôi cùng không nói gì. Vì càng đến gần thời điểm gặp anh Khôi, chúng tôi càng hồi hộp, không hào hứng nói chuyện.

Nhưng Tư Bông vẫn tiếp tục quay lại:

- À ! Như vậy, chú có hẹn lại giờ với mấy người của Ủy ban và các bác, các chú đồng đội bác Khôi?

Tôi miễn cưỡng:

- Tôi chỉ nói chúng ta buộc phải làm quá sớm vì còn phải đưa hài cốt ra Hà Nội trong ngày.

Tư Bông không giấu được vui mừng:

- Thế cũng được. Không chừng cũng do bác Khôi vì thương, không muốn đồng đội đã lớn tuổi phải dậy sớm vì mình, đã để chú nói thay bác.

Thực ra chuyện này, sau khi cân nhắc, tôi cũng thú thật với Nguyễn Quang Hà lúc ăn cơm.

Hà nghe xong, hơi trầm lại, rồi nói:

- Ông quyết định như vậy là đúng. Anh em có người ở ngoại thành đều lớn tuổi, có người còn thương tật và rất nghèo phải dậy sớm từ ba bốn giờ sáng đều không dễ. Tôi chỉ thương thằng Toản vì nó quá nhiệt tình. Nhưng có điều… Điều này, tôi thấy cần phải nói thêm, vì tính tôi hay lo xa, trước đây một số chuyện cũng từng xảy ra trong thực tế.

- Ông cứ nói.

- Ở Huế, cũng như ở quê tôi, rất nhiều vụ nhờ nhà ngoại cảm mà tìm

ra hài cốt người thân. Chính tôi từng kiểm chứng và không thể không tin. Nhưng cũng có nhiều trường hợp sai số khá lớn. Những trường hợp sai số ở Huế, thường từ các nhà ngoại cảm né tránh sự tham dự của chính quyền.

- Tôi hiểu ý ông rồi. - Tôi cảm kích nắm tay Hà.

- Tôi vẫn có niềm tin ông tìm được hài cốt ông Khôi, vì ông Khôi cùng trung đoàn với thằng Toản, thằng Sơn là chắc chắn, sai số có lẽ cũng ít xảy ra. Nhưng nếu nhà ngoại cảm này tránh sự tham gia của chính quyền và đồng đội ông Khôi vì lý do không đàng hoàng thì mình cảnh giác cũng không thừa. Mình đang là người cõi dương, trong khi chỉ mình cô ta liên lạc được với người cõi âm.

Về khách sạn, tôi cũng nói điều trên với vợ tôi và vợ chồng Thế Vinh.

Vợ tôi nói:

- Cô này đến nay chưa thấy có biểu hiện gì đáng ngờ, vì đúng là khai quật mộ chí người ta đều tránh làm ban ngày. Cứ cho là nhờ anh Nguyễn Quang Hà và anh Toản quen biết với các cấp chính quyền, nhưng trường hợp trong họ có người không tin chuyện ngoại cảm, ra lệnh cấm khai quật vì mê tín dị đoan thì sao? Nếu có gì đáng nghi ngại thì chính là thái độ bất thường của tay lái xe.

Thế Vinh nói:

- Vấn đề về tâm linh và khả năng ngoại cảm, nhà xuất bản Hồng Đức bên em có in một số cuốn có thông tin nghiên cứu từ người thật, việc thật. Và sự thật là ngay cả những nhà ngoại cảm xuất sắc nhất cũng có khi thất bại. Nên nếu cô này thất bại, mình cũng nên coi đó là chuyện thường, không nên vì thất bại mà nghi ngờ người ta lừa bịp.

Thu Hương, vợ Thế Vinh, nói:

- Khi nghe anh Tuấn gọi ra về vụ này, ngày nào vợ chồng em cũng thắp nhang trên bàn thờ các cụ. Trước khi chúng em đi, cái Nga con chị Tâm chạy sang nhà kể, mấy đêm liền nó đều ngủ mơ thấy chú Khôi về. Hai chú cháu nói chuyện với nhau hàng giờ. Căn cứ vào đấy, em nghĩ

chuyện này đáng tin cậy.

***

Ngồi ở hàng ghế sau xe, nhìn qua cửa kính mờ, tôi ráng nhận diện đường phố. Suốt ngày hôm qua, chúng tôi đã nhờ ông Quý lái taxi đưa đi qua những đường phố chính và những nơi là nghĩa trang hoặc có dính dáng tới nghĩa trang, để không bỡ ngỡ khi đi với Tư Bông. Nhưng do trời mưa, đường phố thiếu sáng, Huế vẫn chưa thực sự thức giấc, không sống động như ngày thường, nên không thể biết chiếc xe đang đưa chúng tôi đi hướng nào. Đến một khúc đường hơi cua vòng, Thế Vinh, người đã vào Huế vài lần, thốt lên:

- Đàn Nam Giao.

Tư Bông nói:

- Con chưa đi Huế, nên không biết đàn Nam Giao. Cả cố đô nữa, ai cũng nói là rất đẹp, là nhất định phải thăm khi đến Huế, con cũng không biết.

- Thế làm sao chị biết nơi chôn hài cốt bác Khôi? - Vợ tôi hỏi.

- Bác Khôi cho con biết nơi chôn, còn đường đến, con nhờ anh Năm lái xe đây đưa đến. Đồng hương của con ở đâu cũng có.

Thu Hương hỏi:

- Quê cô Tư ở đâu?

- Thưa! Con ở Phú Yên.

Thế Vinh hỏi dò:

- Cô làm nghề ngoại cảm lâu chưa?

- Thực ra, con không chọn nghề mà nghề chọn con… Ông nội con là bộ đội, hy sinh năm 1972 ở mặt trận Đường 9 Nam Lào. Sau giải phóng, được bên Thương binh Xã hội nói hài cốt đã quy tập về nghĩa trang Quảng Trị, nhưng nằm trong số những ngôi mộ vô danh. Mãi năm 1991, người ta đồn ở nghĩa trang liệt sĩ thị xã Phú Yên có ông thầy ngoại cảm từ Bắc vào tìm mộ liệt sĩ, chỉ đâu đúng đó. Ba con vội tìm đến, thấy ông ấy đang làm lễ, liền năn nỉ ông ấy về nhà gọi hồn, tìm mộ ông nội. Tất cả

họ hàng con cháu xa gần đều quy tụ trước bàn thờ. Con đang bệnh cũng được dìu ra, nhưng ngồi tít vòng ngoài, gần cửa. Vậy mà khi hồn hiện lên, ông nội nhập luôn vào con. Ông nói đang ở nghĩa trang liệt sĩ Quảng Trị, nhưng ông không muốn về, vì người cùng làng mình có bốn người nữa cũng ở đấy, nếu không đưa cả năm người về thì ông không chỉ mộ của ông. Bố con hỏi: "Người cùng làng là những ai?". Ông đọc vanh vách tên từng người. Mọi người có mặt đều sởn gai ốc. Hai trong bốn người đó, có hai người gia đình chưa nhận được giấy báo tử. Chú con là chủ tịch xã cũng có mặt, chú đứng ra xin lỗi và hứa sẽ đưa rước hết về quê một cách trang trọng, ông nội mới nói rõ tên người nào đang là mộ số bao nhiêu ở nghĩa trang liệt sĩ Quảng Trị. Sau lễ gọi hồn, tự nhiên ông thầy đến gặp con và nói: "Cô có căn làm nghề ngoại cảm, nếu thấy thích thì theo tôi". Từ đó, con theo thầy, nhập nghề.

- Thế là cô cũng hơn chục năm trong nghề? - Tôi nói.

- Dạ! Từ năm 1991 đến giờ, tính rộng cũng gần hai chục năm.

Thế Vinh hỏi:

- Có bao giờ tìm sai không?

- Cũng có, nhưng rất ít. Trường hợp sai hay nhầm thì cả thầy thật giỏi cũng không tránh khỏi, vì cõi âm là thế giới mênh mông, thầy giỏi đến đâu vẫn không thấu hết, chưa kể người âm rất hay hờn giận và thù dai. Mình chỉ không vừa ý chút chút là họ cũng làm khó, để mình mất uy tín, phải bỏ nghề. Nên gặp người cõi âm, mình không chỉ thật thà mà còn phải khéo nữa.

Im một lúc, Tư Bông nói thêm:

- Nhưng trên tất cả, mọi chuyện thành hay không đều trông vào sự phù hộ của Bồ Tát và các bề trên, mà muốn vậy, chúng con phải luôn lấy chân thiện làm gốc.

Cuối cùng người lái xe tên Năm cũng đưa chúng tôi tới đích. Mưa vừa tạnh.

Tư Bông nói:

- Các cô chú thấy chưa? Mình vừa dừng xe là mưa tạnh liền. Rõ ràng bác Khôi cũng thương các chú, các cô lặn lội từ Hà Nội vào, từ Sài Gòn ra Huế.

Người lái xe lẳng lặng mở cửa, đẩy ghế cho chúng tôi rời xe, rồi thản nhiên lên xe ngồi, vừa hút thuốc, vừa lấy điện thoại di động ra bấm.

Lúc xuống xe, chúng tôi mới nhận ra chiếc xe đã rời mặt phố và đường nhựa, rẽ vào con đường đất khá dài từ lúc nào, vì nhìn về hướng thành phố, chỉ thấy một vầng sáng mờ ảo, còn ở chính nghĩa trang, trời vẫn sâm sẩm, hơi sương chưa tan, khiến không gian có phần rờn rợn.

Đây là một nghĩa trang trên bãi đất rộng ở ngoại vi thành phố, không có cổng và tường rào bao quanh, mộ chí thưa thớt, lộn xộn, ít được chăm sóc, nên cỏ và cây dại mọc um tùm. Có bốn ông già gầy guộc, ăn mặc lam lũ, đều khoảng tuổi trên dưới sáu mươi, đã ngồi chờ sẵn ở gốc cây cuối con đường với đầy đủ cuốc xẻng. Chẳng ai buồn đứng dậy khi chúng tôi đến. Nhìn xa hơn vào trong nghĩa trang, có hai bóng người đang ngồi cắt cỏ, thấy xe đến, họ ngừng tay, ngẩng lên nhìn, rồi lại cắm cúi làm công việc của mình.

Tư Bông nói với chúng tôi về bốn người đang ngồi chờ:

- Đây là mấy chú dân địa phương, được con hẹn ra đây giúp mình đào chỗ chôn hài cốt bác Khôi.

Thế Vinh lấy thuốc lá ra châm hút, rồi mang bao thuốc đến mời từng người:

- Rất cảm ơn các bác đã nhiệt tình đến giúp gia đình tôi.

Bốn người lặng lẽ nhận thuốc, châm vào ngọn lửa từ bật lửa ga của Vinh, nhưng không ai đáp lại lời nào, dù chỉ hai tiếng cảm ơn. Tư Bông hướng vào vùng mộ chí trong nghĩa trang, vừa lẩm nhẩm khấn và vái về các hướng khác nhau, rồi nói với chúng tôi:

- Bây giờ chúng ta làm lễ cầu hồn trước. Khi nào hồn bác Khôi hiện về, chỉ chỗ nào, ta sẽ đào chỗ đó.

Chúng tôi cùng với Tư Bông ra xe lấy đồ lễ gồm trái cây các loại, các

bó nhang đủ loại lớn nhỏ, chân nến, các chén đĩa xôi chè, một con gà luộc, một chục lon bia 333 Sài Gòn, chục lon nước ngọt… Người lái xe tên Năm dửng dưng trước hoạt động của khách, vẫn thản nhiên ngồi vắt chân trên ghế lái, chăm chú bấm điện thoại di động. Tư Bông lấy từ trên xe xuống chiếc bàn gỗ gấp chân.

- Bàn này là bàn dã chiến, đi đâu con cũng mang theo, để hồn chỉ chỗ nào, con cũng đặt được. Bia thì có hồn không uống nên con phải chuẩn bị nước ngọt.

Vinh nói đùa:

- Hồn thèm rượu thì sao?

- Hôm trước gặp, con hỏi, Bác Khôi nói từ ngày vào chiến trường, bác không uống rượu, cũng không hút thuốc, nếu không, con đã mua cho bác chai rượu ngoại và một cây 555 rồi.

Tư Bông đặt chiếc bàn gấp về hướng mặt trời mọc, bày các đồ lễ lên, rồi nói:

- Đúng năm giờ, con sẽ làm lễ. Khi con làm lễ, các cô chú nhớ hướng vào bàn thờ nhắm mắt khấn liên tục "Nam Mô A Di Đà Phật", khấn càng to càng tốt, mà khấn nhẩm cũng không sao. Khi hồn về, sẽ nhập vào một trong số các cô, các chú.

- Nhập vào người ruột thịt gần nhất chứ? - Tôi hỏi.

- Không. Bác ấy sẽ nhập vào người có niềm tin nhất. Ruột thịt gần nhất mà không tin, hồn không bao giờ nhập, nhưng dâu, rể, thậm chí, người dưng có mặt trong lễ, có niềm tin, hồn cũng nhập.

Thế Vinh nhìn bộ đồ hàng chợ có phần diêm dúa của Tư Bông, nói đùa:

- Thầy có phải thay đồ trước khi làm lễ không?

- Không cần đâu chú. Cõi âm bây giờ đổi mới tư duy nhiều lắm. Ra ngoài Bắc, con cứ quần jean, áo thun mà làm lễ, hồn vẫn hiện. Mấy năm nay, trên cõi dương, lễ hội, lễ chùa, lễ gọi hồn, người giàu cũng như người nghèo, thi nhau ăn mặc sặc sỡ, xanh đỏ vàng lòe loẹt là hiểu rất

sai về cõi âm, nên thờ cúng tốn kém rất nhiều mà không thiêng.

Vợ chồng tôi đưa mắt cho nhau cùng thú vị với sự nhìn nhận ngồ ngộ này, khi mà áo quần cô thầy cũng không kém phần lòe loẹt.

Chờ đúng năm giờ, Tư Bông bắt đầu làm lễ. Chiếc bàn được đặt ở chỗ trũng trên bãi cỏ ướt sũng nước mưa. Sau khi quỳ, chắp tay vái tứ phương, cô cũng xếp chân ngồi phệt, dường như không để tâm mình đang thả mông giữa vũng nước. Cô thầy khấn gì chỉ mình cô biết, nhưng mặt cô mỗi lúc một đờ đẫn, bì bì như mất hồn…

Vợ chồng tôi, vợ chồng Vinh và cậu con tôi cùng quỳ gối, nhắm mắt miệng liên tục lẩm nhẩm "Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật…" một cách nghiêm túc và tràn trề hy vọng. Gần mười phút trôi qua. Chúng tôi sốt ruột như đã quỳ hàng giờ. Tư Bông bất ngờ mở mắt, quay lại chúng tôi:

- Hồn về rồi, nhưng các cô, chú không ai tin, nên bác Khôi không chịu nhập vào ai.

Chúng tôi cùng ngẩn ra. Có thể Tư Bông đã nói đúng. Chúng tôi chỉ hy vọng, chứ trong lòng cũng chưa thật tin, nhưng cũng có thể không đúng vì niềm tin không nhất thiết phải như đinh đóng cột. Một niềm tin kèm theo sự phản biện, khi thành sự thật, càng nâng cao giá trị… Nhưng khi chưa thành sự thật, vẫn là chưa tin. Tôi tự suy vấn rồi hỏi Tư Bông:

- Tóm lại chị sẽ giải quyết thế nào? Có phải làm lễ lại?

Tư Bông nói:

- Hồn giận nhưng vì thương các em từ Hà Nội, Sài Gòn lặn lội vào tận đây, nên trước khi đi, hồn vẫn chỉ chỗ chôn hài cốt.

Từ thất vọng bỗng chuyển sang hy vọng, mấy anh em chúng tôi cùng sáng mắt:

- Ở đâu?

- Chỗ nào?

- Ở trên kia. Hồn nói đã đánh dấu từ hôm gặp con ở Sài Gòn. Hồn muốn được đưa hài cốt về nghĩa trang liệt sĩ ở Minh Trí, Sóc Sơn, Hà

Nội.

Tôi nghi ngờ, hỏi vợ:

- Em đã cho cô ta biết sẽ đưa hài cốt về đâu chưa?

- Em chỉ nói với cô ta, tìm được hài cốt sẽ bàn với chị Tâm và chú Vinh nên đưa về quê hay đưa về nghĩa trang liệt sĩ ở Sài Gòn.

Vinh bảo:

- Vấn đề là cô ta có gặp anh Khôi hay không, chứ đã gặp rồi thì anh Khôi nói chứ không phải thầy nói.

Hương, vợ Vinh đã từng cùng chị Tâm dự mấy cuộc gọi hồn ở Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Tiềm năng Con người, tại số 1 Đông Tác, Hà Nội, tỏ ra hiểu biết:

- Ở cõi âm, tên các địa danh trên này sáp nhập hay đổi khác thế nào các vong cũng biết hết.

Chúng tôi trao đổi nhanh và cũng nói nhỏ để Tư Bông không nghe thấy, rồi theo Tư Bông giẫm đại lên đám cỏ và cây dại ướt sũng, đi lên phía trên nghĩa trang, nơi có hai người đang cắt cỏ.

Bốn người dân địa phương cũng lững thững vác cuốc xẻng lên theo.

Tư Bông đến một gò nhỏ đầy cỏ dại, thì đứng lại, đưa mắt nhìn quanh:

- Bác Khôi nói có một cây bông dừa đang ra bảy bông hoa tím và ba cái nụ, dưới gốc có một đầu đạn AK, do người chôn là người của ta, đặt lên để đánh dấu.

Chúng tôi cùng nhìn bao quát ra xung quanh, bấy giờ mới nhận ra trong mờ mịt màn sương, đây đó trên hoặc bên các ngôi mộ hoang dại, lác đác có đủ các loại hoa cỏ, hoa cúc, còn hoa dừa màu tím chắc chắn phải lẻ loi và dễ nhận… Chưa ai nhìn thấy gì. Vợ tôi và vợ Vinh xông xáo rẽ những đám cây dại ướt đầm đi lên cao hơn.

- Kia rồi! - Vợ Vinh reo lên.

Vinh, Tuấn Phúc và tôi cùng hùa bước theo. Đúng là có một cây bông dừa cách chỗ Tư Bông chỉ chừng chục mét, khuất sau mấy ngôi mộ do

đứng dưới nhìn lên, bị khuất nên không ai nhìn thấy.

Tuấn Phúc nhanh nhẩu đếm những bông hoa của cây bông dừa, rồi lạnh lùng nói:

- Đúng bảy bông và ba nụ.

Chúng tôi cùng lặng đi vì kinh ngạc.

Tư Bông áo quần ướt đầm, dẫn theo bốn người dân địa phương, vừa cười vừa đi lên:

- Chắc bác Khôi quý mến em dâu nên mới để cô nhìn thấy trước.

Vinh thận trọng nói nhỏ với tôi:

- Phải để ý xem chỗ đó là đất cũ hay đất mượn. Nếu đất mượn là cây mới trồng, cỏ thế nào cũng héo…

Tôi nói:

- Khẽ mồm thôi. Trước hết mình cứ phải tin đã.

Trong tôi, thật tình không muốn sự việc gặp thêm trắc trở.

Trước khi Tư Bông đến, Vinh cúi xuống cầm gốc cây nhấc thử, rồi dùng tay bới đất, thấy ngay một đầu đạn AK bị sét gỉ.

Mọi người cùng mừng rỡ:

- Đúng đây rồi.

- Anh Khôi quá thiêng.

Tư Bông nói:

- Bây giờ các cô chú kiểm tra kỹ xung quanh, coi có gì nghi vấn không tin thì nói, để con cho mấy chú đây đào.

Vinh ghé tai tôi nói thầm:

- Hoa, lá vẫn tươi. Có thể do trời mưa nên đất không rắn. Nhưng vẫn cứ phải tiếp tục để mắt, vì cảnh giác không bao giờ thừa.

Tôi nói với Tư Bông:

- Chị cho đào đi.

Tư Bông làm thủ tục thắp nhang, khấn vái rồi dùng một cây nhang cháy khoanh một hình vuông, mỗi chiều chừng một mét rưỡi quanh cây bông dừa.

Bốn người dân địa phương lẳng lặng theo dấu, dùng dao phát cây cỏ dại và dùng xẻng xén đất. Đất bị thấm nước mưa không rắn nhưng cũng không dễ đào, khiến tôi an tâm không phải đất mượn như Vinh lo xa.

Tư Bông nói:

- Chỗ này trước đây là nghĩa trang tế bần, chuyên chôn người nghèo và vô gia cư. Đơn vị bác Khôi tham gia đánh Huế hồi Mậu Thân 1968, bị địch bắt tra tấn, giam đến năm 1970 mới mất vì bệnh. Ở đây còn nhiều hài cốt bộ đội miền Bắc hy sinh hồi đó, được dân là những người nằm vùng chôn. Sau giải phóng, nhiều người đã được rước về, nhưng cũng nhiều người như bác Khôi còn bị thất lạc.

Trời sáng dần. Nắng bắt đầu hưng hửng. Một ông già đào đất đứng dưới hố, nói lên với Tư Bông:

- Gần một mét rồi. Hồi trước, không chôn xuống tận đất rắn thế này đâu.

- Cứ đào tiếp đi. Chỉ người dương mới nói dối, chứ hồn không nói sai đâu… Nếu mệt, các chú lên nghỉ một lúc. Trên xe, tôi có mang theo nước đấy.

Tư Bông gọi với ra phía chiếc xe đang đậu ở lề đường dưới chân nghĩa trang:

- Anh Năm à! Mang giùm em thùng nước suối lên cho mấy bác uống nghe.

Bốn người già đào đất kéo nhau lên khỏi hố, thì tay Năm tài xế cũng đang bê thùng nước suối Vĩnh Hảo đến.

Tư Bông nhắc:

- Đường trơn ướt, anh đi cẩn thận không té đấy.

Chúng tôi tế nhị lảng ra xa, nhìn ngắm quang cảnh khu vực nghĩa trang, để đám thợ được thoải mái nghỉ ngơi.

Tôi đi đến ông già đang cắt cỏ:

- Bác là người ở đây sao?

- Đến đời cháu nội tôi là thứ tư.

- Đây có phải nghĩa trang tế bần không?

- Nói vậy đúng nhưng cũng không đúng. Cả vùng này nguyên là đất của dòng họ ông Bảy Tuệ, đủ tên là Võ Minh Tuệ. Sau Mậu Thân 1968, hai bên đánh nhau ác liệt, dòng họ ông ấy theo Việt Nam Cộng hòa, chết rất nhiều, nên phần lớn chạy vào Sài Gòn lập nghiệp, mồ mả ở đây vì thế cũng lần lượt chuyển về quê gốc ở Khánh Hòa. Từ đó, khu này như đất vô chủ, tiện ai nấy chôn. Tuy là nghĩa trang tế bần, nhưng thỉnh thoảng vẫn có người chăm sóc. Chỉ sau giải phóng, mới thật sự bỏ hoang. Nhưng nghe nói sắp tới, nhà nước sẽ cho bốc hết hài cốt, để quy hoạch thành khu đền, chùa lớn, nhằm thu hút khách du lịch.

- Ông có thường thấy những nhà ngoại cảm đến đây tìm hài cốt liệt sĩ không?

- Người khác thì tôi không rõ, nhưng cô thầy này đến lần này là lần thứ ba.

Thế Vinh hỏi:

- Ở đây lâu, bác có thấy người ta chôn lính Việt Cộng ở nghĩa trang không?

- Nếu có chôn đều là chôn lén vào ban đêm, làm sao biết được.

Đúng lúc đó, người lái xe tên Năm kêu lên tiếng:

- Ối!

Chúng tôi giật mình, ngoảnh ra, thấy anh ta trượt chân ngã sấp xuống đám cây dại, thùng nước suối Vĩnh Hảo và túi ni lông đựng mấy chiếc bánh mì kẹp thịt văng ra bãi cỏ ướt.

Tôi và Vinh cùng chạy xuống đỡ anh ta dậy.

- Chú có sao không?

Tuấn Phúc lẳng lặng chạy xuống, nhặt mấy chiếc bánh mì cho lại vào túi ni lông, rồi bê thùng nước suối lên chỗ mấy người thợ đang ngồi.

Tư Bông từ phía đống đất vừa đào, la vọng về phía gã Năm:

- Em đã dặn rồi mà anh cứ hậu đậu.

Vinh rút hẳn chiếc khăn tay sạch trong túi quần, đưa cho Năm:

- Mặt chú dính đầy bùn rồi, chú lau đi. Có đau ở đâu không?

Gã Năm lạnh lùng nhận chiếc khăn từ Vinh, vừa lắc đầu vừa đáp gọn lỏn: "Không". Anh ta uể oải đứng dậy, dùng khăn vuốt qua loa những chỗ dơ ướt trên quần áo, rồi vứt chiếc khăn vào bụi cây, vừa chậm rãi theo triền dốc, xuống chỗ xe hơi đậu.

Những người đào huyệt ăn, uống xong, lại tiếp tục nhảy xuống hố đất.

Vinh bảo:

- Mình vẫn phải lên giám sát.

Chúng tôi chưa đi đến chỗ hố đất, đã nghe Tư Bông reo:

- Thấy rồi, các cô chú à! Thấy rồi!

Chúng tôi cùng mừng rỡ ùa lại. Tư Bông đang đứng dưới hố sâu chừng hơn một mét, huơ lên hình thù một chiếc quần không ra đen, không ra nâu, rách bươm, ướt sũng bùn đất, vừa giải thích:

- Lúc nghỉ giải lao, nước trên bờ tràn xuống, đất mềm ra, nên vừa móc đã thấy liền.

Tôi hỏi:

- Sao không phải quần bộ đội?

Tư Bông trả lời:

- Bác Khôi bị bắt làm tù binh nên phải mặc đồ tù chứ.

Cô ta lại lôi từ vũng bùn lên chiếc áo đen rách nát, có vẻ là áo kiểu bà ba:

- Cái áo nè. Đất ở đây bắt đầu màu đen là đến xương thịt của bác ấy.

Cô ta nói với hai người đào đất vừa nhảy xuống hố:

- Bắt đầu từ đây, hai chú chỉ dùng bay và dao. Đất màu đen là máu thịt lẫn vào, còn xương bốn chục năm cũng mủn chung vào đất, các chú nhớ nạo nhẹ, giữ được chút nào hay chút đó, vét hết vào túi ni lông… - Dứt lời, cô ta với tay cho người đào đất đứng trên bờ kéo lên. - Bây giờ, hai chú là em ruột bác Khôi, chịu khó đưa giùm con cái tiểu, trong lót lụa vàng, để đưa hài cốt bác Khôi vào…

Tuấn Phúc nói:

- Bố để con với chú Vinh khiêng.

Tư Bông lớn tiếng:

- Không được. Nếu bác Khôi có con thì người làm việc này là con bác, có vợ thì là vợ bác, nhưng chưa vợ con thì phải là anh em ruột, nếu không bác ấy giận, không muốn về quê là bọn con rất mệt.

Tôi và Vinh ra chỗ đặt bàn cúng, khiêng chiếc tiểu bằng gốm lại bờ huyệt. Vinh nói nhỏ:

- Trước lúc thợ nghỉ, rõ ràng trong huyệt không có nước.

Thật sự từ lúc thấy chiếc quần và chiếc áo cùng những nhuốm bùn đất đen như một phần thân thể của anh mình, sự xúc động chân thành khiến trong tôi không còn cảm giác nghi ngờ. Tôi bảo Vinh:

- Đến lúc này đừng nghi nữa. Lúc thợ nghỉ, nước mưa từ trên bờ có chảy xuống thật.

Chiếc tiểu được đặt ngay ngắn ở đầu huyệt, vợ tôi và Hương như bị những diễn biến đang xảy ra hớp hồn, tíu tít lót tấm lụa vàng mà Hương mua từ Hà Nội lót vào lòng tiểu, đổ cả chục cân chè Thái Nguyên vào đáy tiểu, rồi rắc hoa, đốt nhang, rót rượu. Miệng hai chị em liên tục:

- Nam Mô A Di Đà Phật! Nam Mô A Di Đà Phật…

Tư Bông khen nịnh:

- Cô Hương còn rành hơn cả chúng con. Đổ chè ướp sen vào tiểu thì hài cốt sẽ nhanh khô và thơm lâu.

Hai người đào đất ở dưới huyệt, người cạo từng chút đất, người thì hai tay mò mẫm tromg bùn, lúc đưa lên mẩu xương, lúc chìa ra chiếc răng hàm, lúc là chiếc khuy áo, lúc lại là lọn tóc.

Tư Bông đón lọn tóc, rũ rũ rồi vuốt sạch đất:

- Trời! Tóc đen bóng. Không biết bao nhiêu người phải chết trẻ trong chiến tranh.

Người thợ đào đất bỗng đưa lên một vật đầy bùn nhão:

- Cái gì đây?

Tư Bông bảo tôi:

- Chú cầm giùm con xem cái gì?

Tôi ngồi ngay bờ huyệt, gần người đào đất hơn, nên tiện tay nhận vật đó từ ông ta, rồi bóp cho bùn tuột ra.

- Hình như một lọ thuốc.

Tư Bông giục:

- Chú rửa đi! Chú rửa đi!

Tiện xô nước ở bên, tôi rửa sạch bùn đất bám quanh vật vừa nhận. Trong tay tôi là một lọ Penicillin có nắp đậy cao su màu vàng nhạt.

Vợ tôi reo:

- Anh mở ra coi trong có tờ giấy ghi tên người mất không? Hồi em ở chiến trường, lính ta hy sinh, rất phổ biến việc chôn theo lọ Penicillin trong có tờ giấy ghi tên tuổi, hòm thư, quê quán...

Vợ Vinh hồi hộp nói:

- Cầu trời đúng là bác Khôi.

Tôi run tay mở nắp lọ thuốc. Bên trong đúng là có tờ giấy cuộn như nửa điếu thuốc lá, chỉ cần dốc nhẹ là rơi ra. Tôi giở tờ giấy. Đó là loại giấy pơ-luya mỏng đã vàng ố, kích thước chỉ bằng hai đốt ngón tay, có mấy dòng chữ viết bằng mực bút bi xanh đã nhạt màu.

Thế Vinh xán lại bồi hồi đọc. Dòng chữ viết: *"Nguyễn Minh Khôi. Sinh 1942. Lập Chí, Minh Trí, Kim Anh, Vĩnh Phú. Mất 12-3-1970".*

Tôi và Vinh cùng ngẩn ngơ, chân tay bủn rủn trong cảm xúc ngạt thở trước một điều không dám tin nay đã thành sự thật. Vợ tôi và vợ Vinh cùng bật khóc nức nở. Riêng Tuấn Phúc vẫn có vẻ dửng dưng, khiến tôi thoáng khó chịu. Và dù không hề mê tín, cả vợ chồng tôi lẫn vợ chồng Vinh đều tin rằng thời điểm đó dường như anh Khôi, trong bộ đồ quân giải phóng cũng có hiện về từ một cõi xa xăm.

Tư Bông có vẻ cũng cùng cảm nhận nên ngậm ngùi nói:

- Hồn bác Khôi đúng là rất thiêng. Con tận mắt thấy bác ấy hiện về chọn đúng chú Tuấn để trao chiếc lọ.

THẦN TƯỢNG

Năm 1955.

Từ tháng Mười năm 1954, vì ở ngay đầu cầu Long Biên, một trong những cửa ngõ vào nội thành Hà Nội, có Bến Nứa là bến xe liên tỉnh, có hai chợ lớn Đồng Xuân, Bắc Qua, nên khu nhà tôi trở thành khu vực nhạy cảm và hội tụ nhiều biến động về đời sống và lịch sử Thủ đô.

Những ngày tháng này, người gốc nông thôn xuất hiện tràn ngập ở Hà Nội, và họ, các chàng trai trẻ mặc đồ bộ đội và các cô gái cắt tóc ngắn kiểu nữ Hồng quân trong các phim Liên Xô, mỗi tối đều có mặt ở các ngã tư làm nòng cốt, thu hút tuổi trẻ phố phường vào các điệu nhảy xòe Thái "sòn sòn sòn đô sòn…", "Dân Liên Xô vui hát trên đồng hoa…[7*]", múa sạp, hát vang các bài ca Đông phương hồng, Kết đoàn, Vì nhân dân quên mình, *Ca ngợi Hồ Chí Minh, Giải phóng Điện Biên*… Anh Khôi, chị Tâm và đám thanh niên trai gái cùng lứa ở phố quanh chân cầu như Trần Nhật Duật, Hàng Đậu, Hàng Khoai, Yên Phụ… cứ như cá gặp nước. Anh Khôi và Danh Hùng, sáng ra không còn tập chạy, hoạt động của hội Tre Việt cũng tự nhiên loãng đi, vì các anh bỗng nhiên được lôi cuốn vào sinh khí của các sinh hoạt thanh niên khu phố, đón mừng chiến thắng quân Pháp xâm lược và hòa bình cho đất nước. Rồi anh cũng nhanh chóng trở thành thủ lĩnh của phong trào. Chị Tâm là hoa khôi trường trung học Thăng Long, nổi tiếng nhờ mái tóc dài đen mượt, từng làm xao xuyến biết bao chàng trai trong trường, trong phố, cũng cắt xoẹt thành tóc ngang vai và ra đường chỉ mặc một loại áo thời trang "cán bộ", quần ka ki màu xanh rêu, giống các cô gái từ chiến khu về… Trên cột đèn, các đầu ngã tư đều được gắn các loa phóng thanh để sáng, trưa,

chiều, tối, cứ đúng giờ, là oang oang các tin tức về thành công, thắng lợi của cải cách ruộng đất, cải tạo tư sản, các tội ác của chính quyền Ngô Đình Diệm và âm mưu phá hoại Hiệp định Genève (1954) của đế quốc Mỹ, cũng như tràn ngập các ca khúc chiến thắng, ca ngợi Đảng, Hồ Chủ tịch, Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa.

[7] Bài hát "Mùa hoa nở" của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý.*

Ngày trước, các bà, các cô Hà Nội ra đường đều chỉnh trang áo dài thướt tha, đàn ông đến công sở không com lê, áo vét thì cũng áo quần thẳng thớm, cà vạt đàng hoàng. Bây giờ, mọi thứ đó đều trở thành lỗi thời, mọi người đều hướng tới những trang phục đơn giản, xuềnh xoàng cho hòa đồng với tầng lớp công nông. Mấy năm sau, kinh tế miền Bắc ngày một khó khăn, mỗi người lớn chỉ được tiêu chuẩn bốn mét vải, tiếp đến là giai đoạn Mỹ ném bom miền Bắc, mọi trang phục đều gần với màu ngụy trang. Những chiếc áo dài và bộ com lê mãi đến năm 1976, 1977, sau khi giải phóng miền Nam, mới hồi sinh trở lại.

Hè năm 1955, nhà tôi không còn ở đường Trần Nhật Duật mà chuyển về phố Lê Thái Tổ, đoạn nối với đầu Hàng Trống, ngay bên bờ Hồ Gươm. Bố tôi vẫn làm việc ở Nhà in và xuất bản T&X. Sang thời xã hội chủ nghĩa, không có xuất bản tư nhân, nên bảng hiệu lớn ở mặt tiền tòa nhà bỏ đi hai chữ "xuất bản". Từ chỗ ở đến chỗ làm, bố tôi chỉ đi bộ vài bước chân. Vì chuyển nhà và lên cấp hai, tôi không còn học ở Yên Thành, Cửa Bắc, mà học ở trường phổ thông cấp hai và cấp ba Hà Nội (nay là trường Việt Đức), trên đường Lý Thường Kiệt, khúc giữa hai đường Bà Triệu và Quang Trung, nên rất gần nhà. Không hiểu sao, trong giai đoạn này, bố tôi hay nhấn mạnh: "Mình đang làm thuê và ở nhà thuê". Sau này, khi anh em chúng tôi phải khai lý lịch hằng năm ở trường, tại mục "thành phần", chúng tôi hỏi, thì bố tôi nói:

- Ghi thành phần: "làm công".

Tôi nói:

- Thầy giáo bảo thành phần chỉ có: tư sản, tiểu tư sản, tiểu chủ, công

nhân, trung nông, bần nông, địa chủ… chứ không có thành phần: làm công. Nếu làm công thì phải ghi công nhân.

Bố tôi gắt:

- Ghi công nhân để người ta nói mình thấy người sang bắt quàng làm họ hả? Con cứ nói rằng bố em bảo ghi như thế.

Tôi nói vẫn không phục:

- Anh Khôi bảo nhà mình thành phần tư sản.

Bố tôi lại gắt:

- Ai dạy anh Khôi nói thế? Bố vẫn đang làm thuê ở nhà in, cửa hàng của cô thì dẹp rồi, ruộng đất ở quê cũng hiến hết, còn gì nữa mà nói tư sản?

Nhà về Lê Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, nhưng anh Khôi vẫn học ở trường trung học Chu Văn An. Lúc đầu, vẫn theo hệ mười hai năm của chế độ cũ, anh học lớp đệ Lục, nhưng sang chế độ mới, hệ mười năm, anh học lớp bảy, tức năm cuối cấp hai.

Nhà ở Lê Thái Tổ rộng thênh thang, nhiều phòng lớn nhỏ, tiện nghi hiện đại, nhưng thành viên gia đình cũng đông hơn, vì mẹ kế lần lượt sinh thêm năm em. Tôi và anh Khôi vẫn cùng học buổi sáng, nhưng anh em chỉ thấy nhau lúc sáng sớm khi cùng chạy bộ quanh Hồ Gươm. Tôi với thằng Vinh, hôm mặc may ô, hôm cởi trần, vì thằng mười tuổi, thằng chín tuổi cùng ở trần có khi hợp thời hơn mặc áo. Riêng anh Khôi vẫn chiếc may ô trắng có hàng chữ Tre Việt trên nhành lá tre bên ngực trái, không rõ anh vẫn lưu luyến thời Tre Việt, hay do hồi đó, áo may ô là của hiếm, bỏ đi thì tiếc. Trừ buổi tối và hai bữa cơm trưa, thời gian còn lại anh rất ít khi có mặt ở nhà.

Bộ tứ ngự lâm pháo thủ lập nên đoàn Tre Việt của anh tự tan rã. Anh Thanh Cường theo bố là ông Tân trưởng khu di cư vào Nam, sau đó, cả nhà sang Pháp. Anh Huy Lạc có bố là cán bộ Việt Minh về làm lớn, con cái đổi đời. Anh được chọn làm hạt giống đỏ, cử sang Quế Lâm, Trung Quốc đào tạo thành lực lượng kế thừa lâu dài trong tương lai. Riêng anh

Danh Hùng, học ở trường trung học Nguyễn Trãi, cùng phố Cửa Bắc với trường Yên Thành, thỉnh thoảng có đến nhà tôi gặp anh Khôi. Hai người hay kéo nhau ra bờ hồ trò chuyện, nhưng về sau, không thấy anh đến nữa.

Anh Khôi nhập cuộc chế độ mới rất nhanh, rất tâm huyết, rất nhiệt tình. Năm đầu ở Chu Văn An, tôi thấy anh được quàng khăn đỏ, rồi về nhà với chiếc phù hiệu hình chữ nhật màu trắng có hai vạch đỏ, gắn ở cánh tay áo bên trái. Tôi hỏi ý nghĩa, anh nói:

- Anh được bầu làm đội trưởng Đội Thiếu niên Tiền phong ở lớp.

Tôi hỏi:

- So với đoàn Tre Việt của anh thì thế nào?

Anh nói:

- Tre Việt gần một trăm thành viên, phạm vi hoạt động rộng hơn, trong khi đội lớp anh chỉ có mười sáu đội viên. Nhưng Tre Việt được lập ra do sự tự phát lãng mạn tiểu tư sản của một nhóm thanh niên thành phố, còn Đội Thiếu niên Tiền phong là hạt nhân và lực lượng kế thừa trong tương lai của Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân Việt Nam, mang giá trị và ý nghĩa lớn hơn rất nhiều.

Tôi nghe ù cả đầu, nhưng cũng mừng và khâm phục cái phù hiệu đội trưởng oai phong của anh. Sang năm sau, tôi càng khâm phục và tự hào về anh hơn khi chiếc phù hiệu đó được thêm một vạch đỏ nữa. Anh nói với tôi, anh được bầu làm liên đội trưởng khối lớp bảy và phụ trách văn thể liên Đội Thiếu niên toàn trường. Nhưng quan trọng hơn là trong Đại hội Thiếu niên toàn thành, có Bác Hồ và bác Trần Duy Hưng, chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố đến dự, anh được bắt tay cả hai bác.

Ngoài việc học, anh còn tham gia công tác Đội ở trường, ở Câu lạc bộ Thiếu nhi Thành phố, đó là lý do anh thường xuyên vắng nhà. Và nếu có nhà, thường là vào cuối buổi chiều và các Chủ nhật, anh hay rủ các bạn và mấy anh chị phụ trách câu lạc bộ về nhà, rồi kéo nhau ra bờ hồ chơi, vì câu lạc bộ ở đường Lý Thái Tổ, đi qua vườn hoa Chí Linh, vòng bờ Hồ

Gươm phía Hàng Khay là sang đến nhà tôi. Hai trong số những người phụ trách thường chơi thân với anh Khôi là anh Cửu Thọ và anh Quang Lộc, sau đều công tác ở Trung ương Đoàn, mà những năm theo nghề viết văn, tôi đều có giữ mối quan hệ.

Bất ngờ tiếp theo, một hôm anh Khôi mang về tờ báo Thiếu niên Tiền phong, trong đó có bài của anh in ngay trang nhất. Bài báo rất ngắn, chỉ chừng ba trăm chữ, có tựa đề: "Tôi đã xin lỗi bố". Nội dung bài báo hóm hỉnh, tóm tắt về cuộc cách mạng "chuồng xí" của anh, Danh Hùng và Thanh Cường ở Trần Nhật Duật. Rồi anh kết luận: "Khi cuộc 'cách mạng' thất bại, bố tôi chỉ nói: Các con làm những việc tốt, thậm chí rất tốt, mà không phù hợp hoàn cảnh thì sẽ thất bại như vậy. Còn tôi nghĩ tất cả đều do sự lãng mạn tiểu tư sản mà ra. Cái hoàn cảnh không phù hợp đó là do thiếu ánh sáng soi đường của giai cấp công nhân. Và tôi đã chân thành xin lỗi bố tôi".

Cả nhà đều vui sướng cùng ngắm nghía, đọc đi đọc lại bài báo. Hồi đó, cả miền Bắc chỉ có vài tờ báo, đều là của Nhà nước. Ai viết được một bài đăng trên báo là cả một sự kiện lớn, đằng này bài báo lại là của chính anh Khôi tôi.

Bố tôi lẽ ra phải là người cảm động nhất vì bài viết ca ngợi sự đúng đắn của ông trong sự kiện gay cấn nhất của gia đình, nhưng ông chỉ nói một cách điềm đạm:

- Bố không ngăn cản con viết lách, vì đây là truyền thống văn hóa nhà Mai Lĩnh của các ông bên ngoại con, nhưng đã chọn nó, thì con phải nhớ, đây là con đường vô cùng khắc nghiệt, rất dễ mang vạ vào thân, thành thì ít mà bại thì nhiều. Không ý thức được điều này, nên theo nghề khác.

Chị Tâm trầm trồ:

- Ở tuổi thiếu niên mà viết thế này là giỏi rồi… Viết về bố mình, lại chỉ là đề tài chuồng xí, mà được đăng trên trang nhất, chứng tỏ họ đánh giá thằng Khôi rất cao.

Anh Khôi nói:

- Con chỉ muốn thành quả đầu tiên trong việc viết là món quà tặng bố. Sau khi bài đăng thu được dư luận tốt, Ban Biên tập đánh giá con có năng khiếu phát hiện đề tài về vấn đề xã hội, giọng văn hóm hỉnh nhưng thiện chí, nên mời con làm cộng tác viên thường xuyên, sau đó, sẽ chọn con đi học một khóa đào tạo phóng viên.

Thật sự là tôi và thằng Vinh còn quá nhỏ nên không nhìn sự kiện sâu xa như bố và chị Tâm, mặc dù về lòng tự hào về anh ở chúng tôi chắc chắn phải lớn gấp mười bố và chị. Thằng Vinh mang tờ báo chạy đi khoe trẻ con khắp phố. Phố Lê Thái Tổ của tôi kéo dài từ nhà Thủy Tạ đến ngã tư Tràng Thi, Bà Triệu, nhưng nhà ở chỉ có từ khách sạn Phú Gia đến trụ sở Công an Quận Hoàn Kiếm (quen gọi là Đồn Công an Hàng Trống) với hơn chục gia đình gồm: hiệu may Tiến Thành, hiệu may Bùi Huy Xương, Kem Bốn Mùa, hiệu may Bùi Huy Nhượng, nhà chơi đồ cổ Đức Minh, tiệm chụp ảnh Phương Đông, nên Vinh chạy khoe xong chừng hai mươi phút đã về.

- Đứa nào cũng lé mắt. - Vinh hào hứng kể.

Tôi hỏi:

- Có cho chúng nó đọc không?

- Đời nào. Em bảo chúng nó muốn đọc thì phải đi mua.

Sau này, Vinh trở thành biên tập viên rồi chuyên viên lọc lõi ở hai nhà xuất bản lớn là Văn hóa Thông tin, rồi Hồng Đức, có lẽ nhờ có năng khiếu tuyên truyền và phát hành sách báo từ lúc là trẻ con.

Anh Khôi cùng những học sinh Hà Nội khác, những người chào đời vào các năm 1940 đến 1942, đã ở độ tuổi mười hai đến mười bốn vào năm 1954, là năm Hà Nội được Việt Minh giải phóng, thực dân Pháp chịu thua và rút quân. Các anh chị ấy đã uống bầu sữa của lòng yêu nước và Chủ nghĩa Xã hội như nắng hạn gặp mưa rào, đua nhau ngốn đủ thứ thực tế và lý thuyết của sự đổi mới, đua nhau rũ bỏ mọi nhiệt huyết lãng mạn, cùng mọi ngây thơ hồn nhiên, ấu trĩ, để có sự trưởng thành

vượt bậc. Trong khi lứa tôi và thằng Vinh, ngoài việc tự hào coi anh mình và các bạn anh là những thần tượng lớn, thì chỉ biết chơi và học. Sang chế độ mới, thầy cô giáo với học trò không còn xưng hô "thầy, con", không còn mấy nghiêm khắc như dưới chế độ thực dân, nên học cũng như là chơi. Trong khi anh Khôi tham gia đủ thứ công tác Đội, công tác xã hội mà học vẫn rất giỏi, thì tôi và thằng Vinh chỉ nhàng nhàng ở mức trung bình. Những năm lên cấp ba, khi chín mươi lăm phần trăm học sinh cả nước đều thuộc loại "giỏi và khá", chúng tôi mới chia tay được mức "trung bình", thằng Vinh lên được mức "khá", còn tôi là "trung bình khá".

Thời thực dân Pháp, anh Khôi đã giỏi hai ngoại ngữ Anh, Pháp. Sang chế độ mới, anh bỏ đi một, chọn Anh văn. Nhưng phe xã hội chủ nghĩa không có nước Anh, trong khi đất nước đang tràn ngập hơi thở chính trị, văn hóa thuộc các nước xã hội chủ nghĩa mà đỉnh cao là Liên Xô và Trung Quốc. Môn ngoại ngữ bậc trung học chỉ có tiếng Nga và tiếng Trung Quốc, anh chọn học tiếng Trung Quốc. Tôi hỏi: "Liên Xô vĩ đại hơn Trung Quốc, sao anh không chọn?", anh nói: "Tiếng Nga kiểu chữ khác nhưng vẫn gần với hệ La Tinh như Anh, Pháp nên anh tự học được". Từ đó, anh tìm mua và mượn cả núi sách tiếng Nga và Trung Quốc ngoài chương trình ở trường về học và đọc. Những dịp câu lạc bộ Thiếu nhi Thành phố tổ chức giao lưu với thiếu nhi các nước Liên Xô, Trung Quốc, chủ yếu là con cái các cán bộ đại sứ quán và chuyên gia công tác ở Việt Nam, thỉnh thoảng anh rủ được từng người hoặc một nhóm đi chơi Hồ Gươm, vào đền Ngọc Sơn, chùa Bà Đá, nhà thờ Lớn… rồi kéo nhau về nhà, khi uống trà, khi ăn kem, ăn trái cây. Những cuộc gặp gỡ đều vui vẻ. Thấy anh Khôi nói tiếng Nga, tiếng Trung một cách trôi chảy, hòa đồng với các trẻ Nga, Trung, chúng tôi và đám trẻ cùng phố đều phục sát đất.

Không chỉ sách học tiếng Nga, tiếng Trung, mà sách văn học Nga, Trung Quốc và một số nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu được dịch ra tiếng Việt cũng được anh săn về ùn ùn.

Ban đầu là những cuốn khổ nhỏ, in bằng giấy bản mà anh nói là sách quý, in từ trên chiến khu Việt Bắc như: *Tỉnh ủy bí mật, Một người chân chính, Cố hương, Nhật xuất*… và phải rất thân với các anh Cửu Thọ, Quang Lộc, anh Khôi mới mượn được. Từ khi được báo Thiếu niên Tiền phong chọn đi bồi dưỡng cộng tác viên, anh đọc thêm các cuốn: *Duy vật biện chứng, Duy vật lịch sử, Lê Nin tuyển tập, Mao Trạch Đông tuyển tập, Chuyên chính vô sản đỉnh cao của văn minh nhân loại…*

Đọc được cuốn nào thích thú, anh đều không giấu được cảm xúc. Ở trong nhà, bố tôi là một người dường như biết hết tâm tính, mọi sinh hoạt, học tập của các con, và nếu không có sự cố nào lớn, ông đều để các con thoải mái. Từ sau ngày miền Bắc được giải phóng, ông sống lặng lẽ, không còn mấy nghiêm khắc, cũng không đánh mắng khi các con có lỗi. Sau vụ "cách mạng" chuồng xí, tôi biết ông không mấy an tâm khi thấy anh Khôi hoạt động xã hội quá nhiều, nhưng ông cũng không nói gì. Nét mặt ông gần như thường xuyên ở trạng thái căng thẳng, lộ vẻ lo âu, rất ít khi cười đùa với con cái. Anh Khôi cũng biết chuyện và hiểu bố hơn chúng tôi, nên những niềm vui lớn lao có được ở xã hội hay ở trường, anh đều ý tứ, giữ đúng mực. Mẹ kế tôi chỉ là nội trợ thuần túy, hoàn toàn là người của gia đình, chỉ quan tâm gia đình và gia đình. Với bà, chỉ cần gia đình được đầy đủ, êm ấm thì chế độ nào cũng đều như nhau. Chị Tâm lúc này đang học Đại học Sư phạm Hà Nội, ít ở nhà. Dù rất thương yêu các em, nhưng chị sinh năm 1936, chênh với anh Khôi tới sáu tuổi, nên giữa chúng tôi cũng có khoảng cách. Sau thời gian ngắn cảm hứng cao độ, đùng đùng cắt tóc ngắn, mặc đồ đại cán nữ binh Trung Quốc, chị đã tĩnh tâm, nhưng cũng không thể trở lại truyền thống quá khứ, vì kinh tế đất nước thời gian này rơi vào tình cảnh cực kỳ khó khăn bởi các chính sách bao cấp. Tất cả, từ cái ăn lẫn cái mặc đều gói gọn trong chế độ tem phiếu, muốn mơ về thời áo dài thướt tha cũng không có cả tiền lẫn vải để may. Con gái tầng lớp nào cũng đều sống khiêm nhường để nổi trội trong chuẩn mực mới: "Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm

đang", nên hoa khôi một thời của trường Thăng Long chỉ chú tâm vào việc học hành, sống giản dị cả hình thức lẫn phong cách, để sau này ra trường được dạy ở Hà Nội, lấy chồng tử tế và sinh con. Nên anh Khôi muốn tung các niềm phấn khởi trong các phong trào xã hội mà anh đang gặt hái cho bà chị, người có đủ trình độ hiểu mình nhất trong nhà, cũng không mấy khi được chị đón nhận một cách tương xứng.

Tâm lý chung của những người trẻ đang hừng hực lý tưởng, ngoài cảm hứng hòa nhập vào xã hội đang cuồn cuộn biến động còn có cảm hứng lôi cuốn người khác giác ngộ theo mình. Nhìn khắp nhà, bố, mẹ kế, chị Tâm thì như tôi đã nói ở trên, còn tính từ dưới lên là năm đứa em đều lít nhít trong tuổi trứng gà, trứng vịt, chẳng hiểu biết gì. Cuối cùng, chỉ có tôi và Vinh, một thằng lớp năm, một thằng lớp bốn, được anh chọn để truyền cảm hứng. Hồi ở Trần Nhật Duật thì đọc Thủy hử, Tam quốc diễn nghĩa, Đông Chu liệt quốc, đọc lén Số đỏ, Giông tố, Làm đĩ, Bỉ vỏ…(do nhà xuất bản Mai Lĩnh của ông ngoại in, bố tôi còn giấu trong tủ, chỉ cho chị Tâm đọc tham khảo theo yêu cầu của trường trung học). Khi chuyển đến Lê Thái Tổ, chúng tôi bị anh ép ngốn Timur và đồng đội, Thép đã tôi thế đấy, Người mẹ, Thời thơ ấu, Sông Đông êm đềm, hoặc sách của Lỗ Tấn, Tào Ngu… Hai thằng ranh kính nể ông anh thần tượng hơn là yêu những cuốn văn chương dày cộp, toàn chuyện người lớn, uể oải ngốn sách văn học Nga, Trung Quốc. Không dừng ở đó, một hôm anh bảo: "Sách của các nhà văn hiện thực Pháp rất đáng đọc". Thì ra các nhà "học viện" và tuyên giáo nước ta, một lúc nào đó, hồi tâm về sự quá tả, đã sực tỉnh, cho tái bản hàng loạt sách của các nhà văn hiện thực Pháp cuối thế kỷ mười chín và lại truyền cho anh tôi và thế hệ cùng thời sự thay đổi. Thế là tôi và Vinh lại ngốn Victor Hugo, Balzac, Alexandre Dumas… theo định hướng áp đặt của ông anh thần tượng. Chúng tôi đọc ngay rồi cũng quên ngay, nhưng anh đọc, thấy câu nào hay, chương nào thích, anh đều ghi vào sổ tay. Ghi rồi vẫn chưa "đã", anh lại hào hứng nhồi vào tai hai thằng em. Anh đọc nhanh, nhiều, hiểu cũng nhanh và

nhiều, nhưng lại đem đổ hết vào bốn cái tai của hai thằng em non nớt chơi nhiều hơn học, thì quả là thiếu thực tế. Nhưng quy tắc nghiêm ngặt trong nhà của bố tôi là "cấp dưới phải phục tùng cấp trên", nên chúng tôi đành ngoan ngoãn nghe anh và gánh những gánh nặng quá sức. "Làm em anh Khôi không đứa nào được quyền dốt", hoặc, "Cầm một cuốn sách lên mà không đọc hết là tội lỗi", vân vân và vân vân. Anh thường tra tấn hai thằng em bằng những tuyên bố quyết liệt như vậy. Chỉ khi lên cấp ba, bắt đầu mê sách văn học, ham đọc và hiểu sâu những Con đường đau khổ, Chiến tranh và hòa bình, Sông Đông êm đềm, Đất vỡ hoang, Những người khốn khổ, Đỏ và đen, Tấn trò đời, Ba người lính ngự lâm… chúng tôi mới quý lối truyền cảm hứng bằng sức ép có phần thô bạo của anh.

Trên mặt bàn học và kệ sách của anh luôn dán những mảnh giấy nhỏ hình chữ nhật, ghi những câu danh ngôn mà anh yêu thích bằng mực đỏ, như: "Học, học nữa, học mãi (Lênin)", "Đoàn kết, đại đoàn kết - Thắng lợi, đại thắng lợi (Bác Hồ)", "Hạnh phúc của nhân loại là đấu tranh, đấu tranh và đấu tranh (Các Mác)"… Một hôm, tôi thấy trên bàn anh có dán thêm mảnh giấy viết mấy chữ in đậm: "C - S - C - N = C - C - V - S = Đ - K - H - Lê-nin". Tôi hỏi anh:

- Những chữ này nghĩa là gì?

Lúc này trong nhà chỉ có hai anh em, anh hùng hồn lớn tiếng:

- Đây là tuyên ngôn và dự báo vĩ đại nhất của Lênin về thiên đường tương lai của loài người: "Cộng sản chủ nghĩa là chuyên chính vô sản cộng điện khí hóa". Có tài liệu dịch là "Chính quyền Xô Viết cộng điện khí hóa", nhưng anh thấy "Chuyên chính vô sản" chính xác hơn.

Tôi nói:

- Tại sao lại phải viết tắt?

Anh thì thào:

- Trong phe xã hội chủ nghĩa, một số nước, đứng đầu là chủ nghĩa xét lại Nam Tư không tán thành chuyên chính vô sản.

Thấy mặt tôi thộn ra có vẻ không hiểu, anh nói thêm:

- Tuy chuyện đó ở tận Nam Tư, nhưng ngay nước mình cũng nhiều người không tán thành, trong đó có bố, nên anh phải viết tắt.

Thú thật, ngay cả khi nghe anh giải thích thêm như vậy, kèm theo niềm tự hào anh mình đã có những hiểu biết ở tầm thế giới, tôi cũng chỉ mười phần hiểu không tới một về "chủ nghĩa xét lại". Còn "chuyên chính vô sản" hay "Chính quyền Xô Viết", trong câu danh ngôn của Lênin, tôi cũng ù ù cạc cạc. Nhưng "điện khí hóa" thì Hà Nội đang trong thực tế mất điện liên tục với giải thích là do âm mưu phá hoại của địch trước khi rút đi, khiến thủ đô đói điện như đói cơm. Nên tôi nghĩ, nếu đủ điện thì chủ nghĩa cộng sản đúng là thiên đường thật.

Cho đến một hôm, tôi thấy anh Danh Hùng đến nhà. Anh Khôi rất mừng. Một người học Nguyễn Trãi, một người học Chu Văn An, hồi đầu, vẫn thỉnh thoảng gặp nhau, nhưng rồi bẵng đi một thời gian không thấy anh Hùng đến nữa. Nguyên nhân? Tôi không biết, mà cũng không hỏi. Giờ bỗng nhiên anh xuất hiện. Hai người vừa nói với nhau mấy câu, tôi thoáng thấy anh Khôi thất sắc, vội kéo anh Hùng ra bờ hồ, ngồi ở chiếc ghế đá trông thẳng ra Tháp Rùa. Tôi biết họ có chuyện lớn và anh Khôi không muốn cho tôi biết.

Cả tiếng sau, khi tôi vẫn ngồi làm bài ở bàn học, anh Khôi mới đưa anh Hùng vào. Anh Hùng tiến lại chỗ tôi, anh nói:

- Cho anh bắt tay em một cái.

Nói xong, anh rơm rớm nước mắt, ôm tôi rất chặt. Tôi hỏi:

- Có chuyện gì thế anh?

- Nhà anh chuyển về Nam Định nên anh cũng phải chuyển theo. Hôm nay, anh đến để tạm biệt anh Khôi và các em.

- Cả Huyền cũng đi ạ?

- Đương nhiên Huyền cũng đi, nhưng trước mắt, bố anh và anh đi trước. Sang năm, nhà cửa ổn định, cả nhà mới đi hết.

Anh Khôi và tôi tiễn anh Hùng ra tận cổng, nhìn anh đạp xe đi khuất

hẳn ngã tư Tràng Thi - Bà Triệu mới cùng quay vào. Khi chỉ còn hai anh em, thấy anh Khôi thái độ bồn chồn khác thường, tôi đoán chắc chắn không chỉ vì chuyện anh Hùng tạm biệt để đi Nam Định, nên gặng hỏi:

- Có phải anh Hùng có chuyện buồn?

Anh Khôi đáp qua loa:

- Phải rời Hà Nội về quê, chia tay với bao nhiêu bạn bè thì vui làm sao được.

Nhưng tôi không tin, bèn để ý theo dõi anh. Đến tối, sau khi cả nhà ăn cơm xong, chỉ còn mình bố tôi ngồi uống trà, anh Khôi liền xán đến:

- Bố có biết bác Danh Quỳnh bị bắt vì là gián điệp do Mỹ Diệm cài lại?

Mặt bố tôi không biến sắc:

- Ai nói cho con biết?

- Lúc chiều, Danh Hùng đến. Vì bác bị bắt nên anh Danh Hoàng bị đuổi khỏi bệnh viện Bạch Mai, Danh Hùng phải về quê.

Bố tôi ngồi im rất lâu, rồi mới nói:

- Bác Quỳnh không bao giờ là người như thế.

- Vậy tại sao bác bị bắt?

- Chỉ có thể bác ấy bị vu cáo, rồi bị bắt oan. Nhưng đây là chuyện người lớn, con không hiểu, đừng có tò mò.

- Con cũng không tin bác Quỳnh là gián điệp. Nhưng liệu việc bác bị bắt, có liên quan đến hồi bác Quỳnh gái kinh doanh nhà thổ để hợp tác với các quan chức quân đội Pháp?

Bố tôi bất ngờ quay sang tát anh Khôi một cái nổ đom đóm mắt:

- Ai bảo con bác Quỳnh gái kinh doanh nhà thổ?

- Cả phố Lý Thái Tổ đều nói dãy năm số nhà đó như vậy. Toàn đón khách Tây vào với đám gái điếm.

Bố tôi gay gắt:

- Cả phố, cả Hà Nội nói, con cũng nói theo hay sao?

- Chính bố cũng cấm chúng con đi qua chỗ đó.

Dường như thấy càng nói, ngôn ngữ càng bất đồng, bố tôi đã khoanh

tay bất lực, nhưng rồi lại cố nhẫn nại:

- Hồi đó, bố cấm con đi qua mấy cái bar đó và cũng không muốn các con gần gũi với bác Quỳnh gái là vì loại bar đó, loại nghề kinh doanh của bác Quỳnh gái rất xa lạ với văn hóa nhà mình. Quán bar, với người Việt đã là nghề kinh doanh tai tiếng, lại chỉ giao tiếp với khách dân chơi, càng tai tiếng hơn, còn thực hư nó ra sao, mình không biết, đừng vội miệt thị…

Anh Khôi ngồi im. Từ ngày dọn về Lê Thái Tổ, thật ra chính xác là từ vụ "cách mạng" chuồng xí ở Trần Nhật Duật, anh Khôi không bao giờ dám cãi lại bố. Còn bố tôi khó chịu, thậm chí, rất muốn ngăn cản anh tham gia các công tác đoàn thể và xã hội vốn chiếm quá nhiều thời gian học tập của anh, kèm theo những lo lắng, bất an sâu xa khác của ông, nhưng ông vẫn cố kiên trì, nhẫn nhịn. Đây là lần đầu tiên từ hồi hào khí đổi đời, anh tôi dám tranh cãi với bố và cũng lần đầu tiên từ sau ngày giải phóng, bố tôi bật tung cái vỏ âm thầm nhẫn nhịn để trút cơn giận dữ vào con trai. Nhưng đó là việc của hai người lớn. Còn với riêng tôi, thằng ranh nghe lỏm, lại phần nào thấy nhẹ nhõm. Hóa ra mấy quán bar chuyên tiếp khách Tây, trong đó có quán của bác Quỳnh gái bị gọi là nhà thổ. Mà nhà thổ thì tôi hiểu ngay là loại nhà chứa gái điếm, gái lầu xanh như trong Kim Vân Kiều, mà thỉnh thoảng theo anh Khôi đến trung tâm Judo Nhu Việt của bác Danh Quỳnh tôi vẫn đi qua. Nhận thức mới khiến tôi rùng mình. Bố bảo anh Khôi không biết thì đừng vội theo thiên hạ nói xấu người ta. Nhưng nếu quán bar của bác Quỳnh gái là nhà thổ thật thì sao? Vậy thì bác Quỳnh trai cũng rất có thể là gián điệp của Mỹ - Diệm? Đầu óc trẻ con non nớt của tôi suy luận vậy. Bởi khi bắt đầu học cấp hai, những nội dung giáo dục ở trường và tuyên truyền trên báo chí, cùng các loa phóng thanh khắp phố phường, đều dành rất nhiều thời lượng cho cuộc đấu tranh thống nhất đất nước và tố cáo âm mưu thâm độc chia cắt lâu dài đất nước của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm, nên thế hệ chúng tôi đều ít nhiều bị ảnh hưởng cái bệnh "nhìn

đâu cũng thấy địch". Nếu bác Quỳnh trai là gián điệp của Mỹ - Diệm thật thì sao? Nhớ lại dáng điệu thiểu não và gương mặt thất thần của Danh Hùng khi anh đến gặp anh Khôi, tôi bỗng thấy thương Danh Huyền.

Từ ngày về ở Lê Thái Tổ, tôi không gặp lại Huyền. Có lần cùng đám bạn lớp năm ở trường mới kéo nhau ra bãi Phúc Xá, mà chúng tôi gọi là sa mạc Sahara, đứng trên bờ đê nhìn xuống Trần Nhật Duật, nhớ nhà cũ quá, tất nhiên trong đó có cả nhà Huyền, tôi rủ mấy thằng bạn thân nhất là Trịnh Hữu Tân, Nguyễn Kim Đan và Nguyễn Mạnh Hùng (sau là nhà văn Hòa Vang), Phạm Văn Lân, rẽ xuống nhà cũ, rồi vào ngõ Tư Đường. Bốn thằng cùng hỏi: "Rẽ vào đó làm gì?", tôi bảo: "Tao nhớ những dãy chuồng xí công cộng. Mùi thơm ở đây dẫu đi khắp thế giới cũng không thể nào quên". Cả bọn cùng cười vang. Chúng tôi chỉ đi lướt qua nhà cũ của Huyền và sớm nhận ra nhà đã có chủ khác, chen chúc, chật chội, vì hình như có tới bốn, năm hộ ở chung.

Nhưng rồi trái đất vừa tròn vừa chật và một bất ngờ xảy ra. Sang năm lớp sáu, chừng khoảng một tuần sau ngày khai giảng, cô chủ nhiệm Lê Diễm Tuyết đưa vào lớp một nữ sinh mới. Tôi nhìn kỹ và giật bắn người, khi đó chính là Danh Huyền.

- Hôm nay, lớp 6A chúng ta có thêm học sinh mới Nguyễn Thị Danh Huyền, từ trường Sinh Từ chuyển qua.

Tôi ở dưới lớp nhìn lên, phải nhìn kỹ vì không tin ngay cô gái đó là Huyền, bởi nay Huyền cao lớn, khác hẳn hai năm trước, hồi cùng học ở trường Yên Thành. Còn Huyền đứng trước lớp, lại mới vào, đang lớ ngớ nên không nhìn thấy tôi. Năm sau là đã lên lớp bảy, bọn con trai chúng tôi mười bốn, mười lăm tuổi rồi mà vẫn còi cọc như đám suy dinh dưỡng, còn đám con gái chỉ mười hai, mười ba tuổi đã cao vọt, nở nang, nhìn lũ con trai dưới tầm con mắt.

Lúc ra chơi, thấy Huyền chưa quen ai, đứng lủi thủi ở hành lang, rất tội nghiệp. Mấy lần tôi cố ý lượn qua lượn lại, Huyền vẫn ngơ ngơ, tôi đành đứng trước mặt hỏi trống không:

- Sao anh Hùng nói nhà chuyển về Nam Định?

Huyền nói:

- Chỉ anh Hùng đi thôi.

- Sao lại về trường này?

- Nhà gần.

Tôi rất muốn hỏi: "Ở đâu?", nhưng rồi lại lái đi:

- Sao mặt buồn?

- Tại lạ.

Chúng tôi chỉ nói với nhau mấy câu trống không, cụt lủn. Huyền thì lạnh lùng, còn tôi thì vụng về. Lúc hết giờ ra chơi, trở về chỗ ngồi, tôi vẫn bị ám ảnh về đôi mắt đen sâu thẳm của Huyền hồi cùng học ở Yên Thành luôn lanh lợi và tự tin, giờ thay bằng nỗi buồn vu vơ, không để ý những gì quanh mình, không tỏ ra muốn hòa đồng cùng các bạn, kể cả bạn gái.

Nhưng chỉ sau một học kỳ, Huyền vượt lên, ở trong tốp học sinh giỏi nhất lớp, nổi tiếng toàn trường là học sinh không có điểm bốn ở các môn toán, lý, hóa. Môn văn, đứa nào được điểm năm coi như số độc đắc, vậy mà điểm này cũng gần như đậu thường xuyên ở các bài tập làm văn của Huyền với các thầy Thiện, cô Tuyết dạy văn, đều nổi tiếng khó tính. Hồi đó, chỉ những học sinh giỏi mới được làm trưởng, phó lớp, đội trưởng, đội phó đội Thiếu niên Tiền phong Việt Nam. Quá xuất sắc trong học tập, đầu học kỳ hai Huyền đã được cô Tuyết chọn làm lớp phó phụ trách học tập và thầy Bào, tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong toàn trường chọn làm đội phó Đội Thiếu niên Tiền phong của lớp. Đã vậy Huyền còn là "họa sĩ" chuyên trình bày báo tường của lớp. Tờ báo luôn được chấm giải cao trong các cuộc thi báo tường hằng năm ở trường. Tôi ngầm tự hào về người bạn từng là hàng xóm cũ, cùng học trường cũ, lớp cũ, nhưng hai đứa vẫn không thân thiết, vì từ bé tôi đã có cái tật cố hữu, dù rất thích những đứa con gái thông minh, nhưng với đứa quá giỏi tôi lại luôn có khoảng cách khá xa. Còn Huyền tại sao

không thích gần tôi thì chỉ có trời mới biết, tính cách của bọn con gái mới lớn mà.

Đoàn Thị Bảo là đội trưởng đội Thiếu niên của lớp, được bọn con trai trong lớp đặt biệt hiệu "Bảo Còi", vừa vì Bảo thuộc tạng người ít phát triển so với bọn con gái cùng lứa, vừa vì trong các buổi sinh hoạt Đội, cô bé luôn đeo chiếc còi lủng liểng trước ngực để huýt ra oai mỗi khi tập hợp thể thức Đội. Một hôm, Bảo Còi đến gặp tôi trong giờ ra chơi:

- Tuấn này! Cuối tháng này, ban chỉ huy Đội đã nhất trí kết nạp năm đội viên mới, trong đó có cậu, vì thời gian gần đây cậu có nhiều tiến bộ.

Tôi tưởng mình nghe nhầm. Những năm đó, được vào Đội, đi học được đeo khăn quàng đỏ, được tham gia những sinh hoạt riêng so với các bạn ngoài Đội là niềm vinh dự thiêng liêng. Vào Đội lúc đó cũng khó như vào Đảng hồi trước giải phóng miền Nam, nên những đứa có sức học chỉ trung bình, không có năng khiếu gì nổi bật, và ham nghịch ngợm như tôi chỉ đứng ngoài liếm mép, với tâm trạng của con cáo và chùm nho.

- Tớ tiến bộ những điểm nào?

- Ban chỉ huy Đội đã nhận xét tỉ mỉ từng người về những ưu điểm cần được phát huy và những nhược điểm còn tồn tại, rồi người bồi dưỡng cho cậu trước khi kết nạp sẽ trao đổi kỹ hơn. Mình còn đang là cảm tình Đội, khi nghe ưu điểm chớ có tự cao tự đại, còn nghe nhược điểm nhớ khiêm tốn tiếp thu, chớ có tự ái.

Tôi suýt nổi máu điên với hai câu giảng đạo của Bảo Còi, nhưng rồi vẫn kiềm chế được:

- Ai sẽ bồi dưỡng điều lệ Đội cho tớ?

Bảo nói:

- Sau khi cân nhắc và thảo luận kỹ, Ban chỉ huy Đội quyết định cử Nguyễn Thị Danh Huyền. Cậu còn một số nhược điểm trong học tập và đạo đức, nên phải cần một người vượt trội, tính cách nghiêm túc và thẳng thắn như Huyền mới có thể giúp cậu tiến bộ. Còn một thuận lợi

khác là cậu và Huyền từng ở cùng phố, học cùng lớp ở trường Yên Thành, hai đứa vừa tình bạn vừa là đồng chí, chắc chắn có thể nói ít, hiểu nhiều.

Tôi cố nuốt cơn nghẹn tự ái xuống bụng:

- Nói như cậu thì Huyền bồi dưỡng cho tớ là quá tốt, nhưng chẳng phải trong Ban chỉ huy Đội có thằng Lê Dưỡng Hạo, nó là con trai, lại cùng trong đội bóng đá của lớp với tớ, để nó bồi dưỡng tớ có phải còn tốt hơn không?

Tôi có cảm giác Bảo suýt đưa chiếc còi lên miệng thổi:

- Cậu chưa vào Đội mà đã có tư tưởng trọng nam khinh nữ hả? Xuất sắc toàn diện như cái Huyền mà cậu cũng khinh? May mà cậu nói với tớ, chứ đến tai đứa khác trong Ban chỉ huy Đội thì chuyện kết nạp cậu chắc chắn khất sang lớp bảy.

Tôi chỉ còn cách đứng im thin thít.

Bảo thấy Danh Huyền đang tư lự ở gốc bàng giữa sân, liền đưa còi lên miệng, huýt một hồi dài, khiến mấy chục đứa đang chơi đùa dưới sân đều ngoảnh lên nhìn. Tất nhiên, Bảo chỉ vẫy Huyền lên:

- Tớ đã trao đổi với Tuấn rồi. Bạn ấy rất vui vẻ khi nghe tớ nói cậu sẽ bồi dưỡng điều lệ Đội cho bạn ấy. Bây giờ hai đứa bắt tay nhau đi.

Bảo cầm tay tôi và tay Huyền đặt lên nhau, cười hì hì:

- Sao tay cả hai đứa cùng run thế? Cứ nghĩ người với người là bạn thì không có rào cản nào không thể vượt qua.

Những câu nói thân tình sặc mùi sách vở của Bảo cũng không xóa được ánh mắt lẫn sự hờ hững ở bàn tay Huyền, thứ truyền đạt ngôn ngữ sâu xa là trước đó Huyền đã không muốn là người bồi dưỡng cho tôi vào Đội. Chỉ có điều về nguyên nhân thật thì tôi đã hiểu rất sai.

Hôm đó là thứ Tư, Huyền bảo tôi:

- Theo quy định, tớ phải bồi dưỡng cho cậu ba buổi chiều, nhưng cậu thông minh, nên tớ chỉ gặp cậu một buổi chiều thứ Sáu thôi.

Được con gái khen thông minh, thằng nào không phổng mũi, nhưng

những đứa thông minh mà khen mình thông minh thì phải cảnh giác.

- Phải bồi dưỡng những gì? - Tôi hỏi.

- Điều lệ Đội và Năm điều Bác Hồ dạy. Không thể không học.

- Ở đâu?

- Ở trường không được vì có học sinh buổi chiều. Cậu đến nhà tớ thì không tiện, nên tớ sẽ đến nhà cậu. Được không?

- Cũng được. - Tôi ra vẻ miễn cưỡng nhưng thâm tâm lại thích. Có bạn gái đến nhà, làm sao không tự hào, nhất là với thằng Vinh, anh Khôi và chị Tâm.

Tôi hồi hộp tưởng tượng ra cuộc đón tiếp bạn gái suốt ngày thứ Năm và sáng thứ Sáu, nhưng đến chiều lại quên bẵng chuyện thiêng liêng được kết nạp vào Đội lẫn giờ hẹn đón Huyền đến nhà. Vì chiều hôm đó, đội bóng phố tôi, gồm đám trẻ Lê Thái Tổ và Hàng Trống đá với đội Hàng Khay - Bà Triệu (đứng đầu đội này là Lưu Mộng Hùng, học sinh trường Trưng Vương, sau là huấn luyện viên đội Công an Thành phố Hồ Chí Minh), tại "sân vận động" bãi cỏ rộng cạnh vườn hoa, bên bờ Hồ Gươm, góc Hàng Khay - Lê Thái Tổ.

Những ngày ấy, đám học sinh các trường cấp hai như Trưng Vương, Đoàn Kết, Quang Trung, Diên Hồng… tuy học khác trường nhưng nhà lại chỉ quanh hai quận Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, nên trong các cuộc thi đấu bóng đá vỉa hè và các bãi cỏ ở công viên đều nhẵn mặt nhau hết. Tan học sớm một tiếng, hẹn nhau đá một chầu đến giáp trưa mới về nhà. Buổi chiều, đi học nhóm, học tổ, chỉ ào chừng một giờ là lại kéo nhau đá bóng. Thậm chí, trời tối cũng chơi dưới các ánh đèn thiếu sáng. Các vỉa hè cạnh sân tòa án đường Lý Thường Kiệt, lề hè góc Xí nghiệp Ô tô 1 - 5, đối diện khách sạn Hòa Bình trên đường Trần Hưng Đạo, trước cửa ga Hàng Cỏ, trước cửa Nhà hát Lớn, sân quần vợt Quán Sứ của Tổng cục Đường sắt, các bãi cỏ quanh Hồ Gươm, Hồ Bảy Mẫu, Hồ Thiền Quang, đều nhẵn dấu chân chúng tôi. Sau này trưởng thành, trở thành những Tôn Thất Bách, Hoàng Vĩnh Giang, Hoàng Vĩnh Hồ, Lưu Mộng

Hùng, Vũ Công Lập, Nguyễn Kim Đan, Nguyễn Mạnh Hùng, Phạm Văn Lân… chúng tôi gặp lại nhau đều cười ha hả. Có khi nhờ những mảnh tự do hiếm hoi thời niên thiếu so với sự mất tự do tuổi trưởng thành mà chúng ta nên người. Thực ra, hồi đó, với công an bảo vệ trật tự trị an văn minh đô thị, việc đá bóng vỉa hè và bãi cỏ công viên cũng bị cấm, nhưng có lẽ chúng tôi đá quá hay nên các quý anh công an thường đứng xem và cổ vũ, chứ ít khi giải tán. Rồi chúng tôi lại cười ha ha bởi sự bất công này, khi chính mình lại cấm con cái đá bóng vỉa hè, bãi cỏ công viên và khi các ông con, bà con, đã học lên cấp hai, cấp ba, thậm chí, đại học, mình không đưa chúng đến tận trường và đón rước về tận nhà thì không an tâm.

Tan trận đấu, tôi cùng thằng Vinh, cứ quần đùi cởi trần, qua đường, về nhà và giật bắn người khi thấy Danh Huyền đang ngồi với anh Khôi ở ngay thềm cửa.

- Xin lỗi. (Hồi đó, hai từ "xin lỗi" và "cảm ơn" vẫn còn là văn hóa của người Hà Nội). Tớ quên mất… - Tôi lúng túng mặc vội chiếc áo may ô.

Huyền vui vẻ đứng dậy:

- Không sao. Anh Khôi nói để ra gọi cậu, nhưng tớ bảo thôi… Các cậu đang cay cú thắng thua, có về cũng mất hứng.

- Nhưng bây giờ muộn rồi.

Huyền đưa tôi cuốn *Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong* và nói:

- Cũng không sao. Cậu chịu khó học thuộc, nếu ngại học thuộc thì cũng đọc cho hết. Riêng năm điều Bác Hồ dạy và lời thề khi kết nạp phải học thuộc lòng.

- Chuyện này thì dễ, nhưng tớ ngại phải nói trước đám đông lắm.

Huyền cầm lại cuốn Điều lệ:

- Thế thì chỉ cần thuộc năm điều bác Hồ dạy, còn lời thề chỉ có một trong năm bạn thề, rồi mọi người hô theo, cậu không thuộc cũng được. Tớ về đây.

Huyền định đi ra cửa thì anh Khôi nghiêm mặt:

- Không được. Được kết nạp vào Đội là sự kiện thiêng liêng, là vinh dự, mơ ước của tất cả thiếu niên Việt Nam, mà điều lệ Đội, năm điều Bác Hồ dạy và lời thề không chỉ thuộc lòng mà còn phải ngấm trong máu thịt, em nhất định phải bắt nó học thuộc lòng. Lấy tư cách là Liên Đội trưởng Liên Đội Thiếu niên Tiền phong, anh yêu cầu em phải bắt thằng Tuấn thực hiện nghiêm túc chuyện này… Nếu trước giờ kết nạp, nó không thuộc thì đề nghị Ban chỉ huy Đội hoãn ngày kết nạp lại.

Huyền nói:

- Như thế em sẽ bị phê bình không hoàn thành nhiệm vụ. Em còn phải về nhà giúp mẹ em một số việc.

Anh Khôi lấy cuốn Điều lệ Đội từ tay Huyền:

- Vậy để anh ép nó học thuộc lòng. Trong hai ngày, nó không thuộc thì anh đá đít. Ở nhà anh có hàng chục cuốn, nhưng em mang đến đây để bồi dưỡng cho nó thì em viết vào đây mấy chữ "Danh Huyền gửi đội viên mới Nguyễn Mạnh Tuấn" cho nó chính danh.

Ánh mắt Huyền lộ rõ vẻ nhẹ nhõm, lấy ra chiếc bút máy Hồng Hà viết mấy chữ vào trang đầu của cuốn Điều lệ rồi đưa tôi:

- Đây! Hai ngày mà không thuộc là anh Khôi nói chuyện với cậu đấy nhé.

Anh Khôi tiễn Huyền ra cổng, rồi quay vào:

- Em coi thường chuyện vào Đội lỗi một, nhưng hẹn bạn gái đến nhà mà bỏ đi đá bóng là lỗi mười. Bố vẫn dạy: "Dối trá và sai hẹn là hai tội muốn học làm người đều phải tránh".

Dù không tin sai hẹn với bạn gái, lại cùng là nhóc con, tội lại nặng hơn dối trá, nhưng tôi vẫn đứng im.

Anh Khôi nói tiếp:

- Tối nay, sau khi ăn cơm xong anh sẽ ngồi kèm đến khi em thuộc hết Điều lệ Đội mới đi ngủ.

- Em sợ không thuộc nổi. Vẫn còn hai ngày…

- Nhưng anh không có thì giờ. Anh còn bài học ở trường, còn bao

nhiêu công tác Liên Đội, chưa kể rất nhiều việc ở Câu lạc bộ Thiếu niên Thành phố. Em không học kịp thì anh và em cùng thức suốt đêm. Thức suốt đêm mà học thuộc được Điều lệ Đội cũng là một thành tích và một kỷ niệm đẹp đáng ghi nhớ suốt đời.

Tối hôm đó, hai anh em thức gần suốt đêm. Thực ra, có lúc, tôi vừa đọc, vừa díp mắt, còn anh cũng ngáp ngắn ngáp dài. Sau, anh có sáng kiến học theo kiểu vấn đáp. Anh hỏi, tôi trả lời, gượng kéo dài sự tỉnh táo và dễ thuộc. Khi anh xác định đạt yêu cầu, cũng là lúc đồng hồ báo thức réo chuông, loa phóng thanh gắn trên chạc cây me ngoài đường phát oang oang bài thể dục buổi sáng báo hiệu đúng năm giờ, thằng Vinh được bố đánh thức, vừa dụi mắt, vừa chạy ra giục:

- Đến giờ chạy rồi.

Anh Khôi nói:

- Hôm nay nghỉ.

Rồi anh bảo tôi:

- Vào giường ngủ nửa giờ, lấy sức. - Vừa nói anh cầm chiếc đồng hồ báo thức trên bàn, vặn chuông báo thức. - Anh cũng phải chợp mắt một lúc.

Anh Khôi nằm xuống cạnh tôi, thấy thằng Vinh và thằng Hiển (con lớn mẹ kế) mặt ỉu xìu ở cửa như bánh đa ướt. Những ngày muốn ngủ trễ ít phút thì bị đánh thức, còn được một ngày hứng chạy, lại bị "thần tượng" bảo nghỉ thì làm sao vui được. Anh Khôi nằm chợp mắt thả lòng, lại nghĩ thương hai thằng chíp hôi, liền bật dậy:

- Tuấn cứ ngủ đi. Anh ra chạy với Vinh, Hiển rồi vào gọi em là vừa.

Đương nhiên, tôi lao ngay vào giường, ngủ say như chết. Khi tỉnh dậy, cắp sách đến trường, mới mang máng nhớ chuyện Huyền đến và chuyện cùng anh Khôi thức suốt đêm.

Nhà tôi ở khúc giữa đoạn khách sạn Phú Gia với trụ sở Công an Quận Hoàn Kiếm đầu ngã tư Hàng Khay, Tràng Thi, Bà Triệu. Một hàng me lâu năm nằm giữa con đường đôi mặt phố, vừa rợp mát, vừa làm sang con

đường. Xe cộ đi từ Hàng Trống và nhà Thủy Tạ xuống phải đi đường bên mặt phố, còn ngược lại thì đi bên mé khuôn viên bờ hồ.

Sáng sớm, từ bốn rưỡi đến sáu giờ, mùa hè cũng như mùa đông, già trẻ, lớn bé quanh khu Hồ Gươm có thói quen ra bờ hồ tập thể dục, tập chạy, đạp xe đạp... Một tập quán có sức thu hút tự nhiên, nên dù loa phóng thanh quanh hồ phát nhạc oang oang cũng không xáo trộn sự êm đềm của một nếp sống đẹp.

Một buổi sáng, anh Khôi, thằng Vinh và tôi đang chạy như mọi ngày. Tôi và anh Khôi luôn chạy trước, lúc đến đoạn từ khách sạn Phú Gia về gần đến nhà, đương nhiên là chạy phía mặt phố, anh bỗng lao vọt qua phần hè của hàng me giữa đường đôi, sang đường ngược chiều phía bên bờ hồ, đứng giữa đường dang tay, quát:

- Sao các anh đi trái đường?

Hóa ra anh sang chặn hai thanh niên quần cộc, áo may ô đang đạp hai xe đạp "cuộc". Hai người kia khoảng mười chín đến hai mươi tuổi, đều cao to gấp rưỡi anh Khôi, khinh khỉnh cùng dừng xe nhưng không xuống xe mà chỉ chống chân xuống đường:

- Mày muốn gì?

- Tôi muốn các anh không được đi ngược chiều.

- A! Thằng láo. Đường đang vắng, tao cứ đi việc gì đến mày?

Đúng lúc đó, thanh niên thứ ba cùng một hội đạp xe tới, dừng lại hỏi bạn:

- Chuyện gì thế?

- Thằng ranh này gây sự. Ngày nào chúng tao đi qua đây, công an cũng không nói gì… Tránh ra!

Anh Khôi bước tới, nắm ghi đông xe của anh ta:

- Yêu cầu các anh đi đúng luật giao thông.

Hàng chục người tập chạy và tập thể dục ở gần, thấy có to tiếng, liền xúm lại cùng lên tiếng:

- Em nó nói đúng thì phải nghe chứ.

- Mấy chú đi sai rõ ràng rồi còn gì?

- Mình là người lớn, sai thì phải sửa làm gương cho các em, lại còn ngang.

Gã thanh niên thứ ba sừng sộ, đẩy xe đạp ngã xuống đường, bước đến trước anh Khôi:

- Nó là trẻ con dám hỗn với người lớn có đúng luật không? Mày có bỏ tay ra khỏi xe bạn tao không? Không bỏ là tao đánh đấy.

- Các anh chịu đi đúng luật thì tôi bỏ. - Anh Khôi kiên quyết.

Cũng có mấy người can anh Khôi:

- Tránh voi chẳng xấu mặt nào, cháu tránh ra cho chúng nó đi.

- Luật với người có học chứ không luật với hạng vô học, cháu chớ có dây vào chúng nó.

Anh Khôi vẫn cứng rắn:

- Yêu cầu các anh đi đúng chiều.

Hai gã kia liền rời xe, vây anh Khôi vào giữa, mà anh thì quá nhỏ nhoi trước ba tên lực lưỡng. Một tên nói:

- Thằng này chó cậy gần nhà, phải dạy cho nó một bài học.

- Đ.M! Đúng chiều này. - Tên thanh niên vung tay tát thẳng cánh vào mặt anh Khôi.

Anh né tránh rất nhanh, bắt lấy cánh tay gã, giật theo đà đánh, vừa ngáng chân, vừa độn lưng, khiến cả người gã tung lên, ngã sấp, sống mũi đập trúng gân lề hè, máu văng tung tóe, gã cố chồm dậy mà không nổi.

Một tên trong bọn hoảng hốt kêu lên:

- Thằng này có võ. - Rồi gã vừa chạy vừa la lối. - Các anh công an ơi! Có thằng du côn đánh người.

Anh Khôi thấy tình trạng đối thủ như vậy thì tái mặt, phân bua với mọi người:

- Cháu không cố ý.

Tên bị thương và tên còn lại, chạy lại gốc me, mỗi tên vồ một cục đá định xông lại anh Khôi. Tôi và thằng Vinh cũng nhanh tay, mỗi đứa một

cục đá. Rất may nhiều người lớn đang tập ở gần xúm lại can. Chuyện xảy ra cách trụ sở công an quận chưa đầy trăm mét, nên công an cũng có mặt kịp thời. Tại hiện trường, kẻ có dấu tích bị đánh chỉ có tên thanh niên. Gã ôm cái mũi đầy máu kêu váng:

- Chúng em đang đi đường, không gây sự gì, tự nhiên thằng này chặn xe gây sự.

Tên bỏ chạy cũng quay lại chỉ mặt anh Khôi:

- Thằng này là trùm du côn phố Nhà Thờ.

Những người tập thể dục ở bờ hồ chứng kiến câu chuyện từ đầu, nhao nhao tham gia phân minh:

- Ba thằng này đi ngược chiều. Em này chỉ ra nhắc là chúng nó đã xông vào đánh.

- Ba thằng lớn vây đánh một thằng bé, bị thua không biết nhục lại còn già mồm vu vạ.

Công an có mặt là một viên trung úy trẻ, thái độ nhẹ nhàng:

- Bây giờ đúng sai thế nào, mời tất cả cũng về đồn giải quyết, không nên đôi co ngoài đường làm mất trật tự đường phố.

Anh Khôi có vẻ sợ về đồn, cố thanh minh với viên trung úy:

- Thực ra, em không cố ý.

Viên trung úy nhã nhặn:

- Không cố ý thì em cũng theo anh về đồn giải quyết. - Rồi anh nói với đám người vây quanh. - Để xử lý công bằng và khách quan, chúng tôi rất cần các nhân chứng. Trong bà con, ai chứng kiến từ đầu vụ này, sẵn sàng làm nhân chứng, chúng tôi cũng xin mời cùng về đồn, còn lại xin bà con giải tán giùm.

Viên trung úy giải anh Khôi và ba tên thanh niên về đồn kéo theo hàng chục người nhân chứng. Lúc qua cửa nhà tôi, tôi bảo Vinh:

- Em vào kể với bố đi.

Đám đông rẽ vào cổng trụ sở công an ở ngay góc đường. Sự ồn ào khiến hàng chục công an trong trụ sở cũng kéo ra cửa. Viên đại úy công

an vừa xuất hiện, hỏi trống không:

- Đứa nào đánh đứa nào?

Thằng vỡ mũi mếu máo, chỉ anh Khôi:

- Thưa, thằng du côn này đánh em.

Viên đại úy liền đứng chắn ngang, lừ lừ nâng cằm anh Khôi:

- Tao trông mày quen quen. Mày ở phố nào?

- Thưa! Lê Thái Tổ.

- À! Thế thì tao biết mày con nhà ai rồi.

Anh ta cao giọng nói với đám đông:

- Bây giờ những ai làm nhân chứng thì mời vào văn phòng, còn lại xin bà con giải tán.

Viên trung úy bước đến, nhỏ to với viên đại úy điều gì, sau đó, viên đại úy nói:

- Đồng chí để tôi giải quyết vụ này, vì chưa chắc chỉ là chuyện thanh niên mâu thuẫn ngoài đường đánh nhau mà có thể là âm mưu gây rối an ninh đường phố của địch.

Lúc đám đông giải tán, số công an hiếu kỳ cũng kéo nhau vào trong đồn, cổng trụ sở vắng hẳn, tôi và mấy đứa cùng phố nhảy lên, bám vào chấn song cửa sổ phòng thường trực nhìn vào, thấy chỉ còn viên trung úy ngồi ở bàn làm việc, anh Khôi và ba tên thanh niên cùng ngồi chung trên chiếc ghế gỗ dài đối diện, dường như họ đã hòa với nhau khi cả bốn cùng bật cười về chuyện gì đó. Thằng vỡ mũi thậm chí còn bắt tay anh Khôi khiến tôi tưởng mình nhìn nhầm.

Trong khi đó, viên đại úy làm việc xong với bảy nhân chứng, đang tươi cười tiễn họ ra cổng và nói:

- Em đó hành động như vậy là dũng cảm. Không có những thiếu niên có ý thức như em ấy thì công an chúng tôi ba đầu sáu tay cũng không ngăn được bọn coi thường pháp luật.

Một nhân chứng đứng tuổi nói:

- Các anh phải truy xem ba thằng lớn nguồn gốc ở đâu. Nếu là hạng

thanh niên hư hỏng thì phải tống hết chúng nó vào trại cải tạo.

Một nhân chứng khác:

- Cái loại đã vi phạm luật giao thông, người ta nhắc lại xông vào đánh thì phải mời cả bố mẹ nó đến để phạt.

Viên đại úy ôn tồn:

- Xin các bác an tâm. Nếu đúng chúng nó như các bác làm chứng thì chúng tôi sẽ không nương tay, để làm gương cho những đứa khác, vì bây giờ hiện tượng thanh niên thoái hóa biến chất ngày càng có dấu hiệu gia tăng.

Một chiếc xe hơi Volga màu đen từ đường Bà Triệu vào cua, rẽ thẳng vào cổng trụ sở công an. Một người đàn ông và một phụ nữ mặc áo đại cán, cùng cỡ tuổi ngoài bốn mươi, từ trong xe lao ra giữa lúc viên đại úy tiễn xong mấy người làm chứng đang định quay vào. Người đàn ông hỏi trống không:

- Thằng con tôi đâu?

Người phụ nữ hớt hải gào lên:

- Con tôi đâu?

Viên đại úy:

- Các đồng chí tìm ai ạ?

- Thằng con tôi, bị bọn du côn phố Hàng Trống - Nhà Thờ hành hung, chứ còn thằng nào?

Viên đại úy lễ phép:

- À à…Thưa! Em đang còn ngồi trong này. Mời hai đồng chí vào.

Vừa thấy thằng vỡ mũi, người phụ nữ chồm đến:

- Trời ơi là trời! Mẹ đã nói con bao nhiêu lần, Hồ Gươm buổi sáng chứa đầy những thành phần phức tạp, đừng có kéo nhau ra đấy tập tành nhưng con nhất định không nghe, để giờ ra nông nỗi này. Đâu, thằng nào đánh con?

Bà ta nhìn anh Khôi và chụp nhanh ngực áo anh:

- Mày đánh con tao phải không? Tao chỉ nhìn là biết ngay mày là hạng

du côn đầu đường xó chợ rồi.

Anh Khôi không nói lại, chỉ đứng dậy với tính chất phòng thủ.

Viên trung úy vội lao đến gỡ tay bà ta:

- Xin đồng chí bình tĩnh cho. Chúng tôi đã đưa các em về đây thì mọi việc đã có chúng tôi phân xử.

Hung hãn vậy, nhưng khi có can thiệp của viên trung úy, người đàn bà cũng chịu buông anh Khôi, tuy vẫn rít hai hàm răng, xỉa xói:

- Bà gặp mày ngoài đường, bà không đập cho mày mười chiếc guốc vào mặt, bà là con chó.

Người đàn ông điềm tĩnh hơn, nghiêm mặt với viên đại úy:

- Dù sự việc thế nào thì việc đầu tiên là phải đưa người bị thương đến bệnh viện, sao đồng chí không đưa?

Viên đại úy thoáng lúng túng:

- Thưa, lúc đầu chúng tôi định đưa, nhưng khi sơ cứu, y tá của đồn nói không cần thiết.

- Mũi sưng tấy thế kia mà không cần thiết? Nhỡ mất máu quá nhiều, nhỡ dập xương lá mía, nhỡ nhiễm trùng dẫn đến hoại thư thì sao? Chuyện một mạng người mà đồng chí để một y tá quyết định?

Người đàn bà gào lên:

- Không có bác sĩ bệnh viện chữa trị, không có Hội đồng y khoa giám định, các đồng chí định xử vụ này thế nào? Tha bổng tội phạm chắc?

Viên đại úy tái mặt:

- Thưa, đúng là chúng tôi có thiếu sót… Chúng tôi định lập biên bản xong mới xử lý như đồng chí nói.

- Vậy bây giờ tôi chỉ đạo để khắc phục ngay tức khắc thiếu sót của đồng chí nhé. Trước tiên phải đưa con tôi đến bệnh viện, còn thằng này chắc chắn thuộc băng du côn Hàng Trống - Nhà Thờ nổi tiếng cả Hà Nội, đồng chỉ muốn xử thế nào?

- Thưa đồng chí! Thằng này ở Lê Thái Tổ.

- Đồng chí ở Hà Nội bao nhiêu năm mà không hiểu Hàng Trống với Lê

Thái Tổ cùng một đường thẳng, nên đồn này ở Lê Thái Tổ nhưng người ta vẫn gọi là đồn Hàng Trống hả?

- Thưa, tôi mới chuyển công tác ra Hà Nội ba năm, nên chưa kịp để ý.

- Vậy bây giờ, tôi nói cho đồng chí để ý nhé. Hà Nội này bao nhiêu năm sống trong lòng địch là bấy nhiêu năm nhiễm độc chế độ thực dân tư bản, mà nơi nhiễm độc nhiều nhất là những khu phố nhà giàu như Hàng Trống, Lê Thái Tổ. Bề ngoài nó êm ả, nó sầm uất như là tốt đẹp, như là bình yên, nhưng sự thực nó đang là những con hổ dữ giả vờ ngủ, để hễ có cơ hội là vùng lên. Thế nên, quản lý nó, các đồng chí phải thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng, từng giây từng phút nắm chắc phương châm chuyên chính vô sản.

- Thưa, tôi hiểu ạ!

- Đồng chí có biết bọn Mỹ - Diệm thâm độc ở trong Nam đang có âm mưu lâu dài phá hoại thành trì xã hội chủ nghĩa của chúng ta bằng cách chia rẽ nội bộ, hạ thấp uy tín cán bộ cách mạng và tha hóa con em cán bộ, nhất là cán bộ cao cấp, để chúng ta mất thế hệ kế thừa? Những vụ đón đường đánh con cái cán bộ giữa ban ngày ban mặt như vụ này không đơn thuần chỉ là chuyện mấy đứa trẻ với nhau.

- Thưa! Tôi sẽ cố gắng nhìn vấn đề rộng hơn để giải quyết ạ.

- Bây giờ, tôi đưa thằng con tôi đến bệnh viện điều trị và giám định thương tích… Đừng quên Hà Nội đang hòa bình, nhưng cả nước vẫn thời chiến, chỉ mất cảnh giác một chút là thiên hạ đại loạn.

Bà vợ hung hăng lên tiếng:

- Con tôi bị làm sao vì chậm đưa cấp cứu bệnh viện, tôi sẽ kiện lên tận anh Trần Quốc Hoàn, Bộ trưởng Bộ Công an. - Rồi bà nói với thằng con, - theo mẹ ra xe…

Thấy thằng con vẫn tỏ ra uể oải, bà ta xấn lại xốc nách:

- Có đi được không? Nếu không đi nổi để mẹ gọi xe cấp cứu.

Thằng con cau có đứng phắt dậy, vùng vằng đi thẳng ra cổng, chui vào xe, đóng sập cửa. Hai thằng đi cùng hết nhìn viên đại úy, lại nhìn

người đàn ông:

- Chúng em cũng được về chứ ạ?

Viên đại úy lưỡng lự chưa quyết định thì người đàn ông đã lên tiếng:

- Hai đứa cũng cùng đến bệnh viện kiểm tra mức độ chấn động thần kinh để đưa luôn vào biên bản giám định y khoa. Cẩn thận không bao giờ thừa.

Hai thằng nhẹ nhõm hẳn, cùng lao vọt ra xe, trước sự chưng hửng của viên đại úy.

Trước khi ra khỏi phòng, người đàn ông nhìn anh Khôi, rồi nói với viên đại úy:

- Còn thằng kia, đồng chí cứ tống nó vào phòng giam, chờ kết luận của bệnh viện. Đối với hạng này mà mềm mỏng là có ngày mất chính quyền.

Chiếc Volga rời cổng trụ sở Công an quận, viên trung úy mới rời ghế ngồi, đến bên viên đại úy, thì thào:

- Anh tính thế nào?

- Đúng là chuyện tưởng bé lại xé ra to. - Viên đại úy thở hắt.

- Theo em, cũng thả thằng này ra… Lúc ngồi đây, chúng nó đã cười hòa với nhau rồi.

Viên đại úy đang khó xử, bỗng trừng mắt:

- Thả là thế nào? Gây rối trật tự là chúng nó, rồi hòa thuận cũng chúng nó thì công an là thừa à?

Anh ta hằm hằm ngồi vào chiếc ghế sau bàn làm việc, cầm cây bút và mở cuốn sổ trực ban, hất hàm hỏi anh Khôi:

- Họ, tên?

Anh Khôi nói:

- Nguyễn Minh Khôi, đội viên Đội Thiếu niên Tiền phong Việt Nam.

- Mày mang Đội Thiếu niên Tiền phong ra lòe tao hả?

Anh ta bỗng cau mày, khi sực chú ý vào hai chữ “Tre Việt” nổi bật trên ngực trái áo may ô của anh Khôi:

- Tre Việt là tổ chức nào? Mày nói mày là đội viên Đội Thiếu niên Tiền phong, nhưng da thịt mày lại là Tre Việt. Mới mấy tuổi ranh mà đã đỏ vỏ, đen lòng, thì lớn lên chỉ có làm giặc. Đội viên Thiếu niên Tiền phong mà đánh nhau ngoài đường, tội nặng gấp đôi, rõ chưa?

Anh Khôi đứng phắt dậy:

- Em không đánh nhau ngoài đường mà tụi nó xông vào đánh em, có nhiều người đã làm chứng. Nhưng em đề nghị anh không được xưng hô mày tao, vì em không phải tội phạm.

Viên đại úy hơi sững, rồi nhếch miệng cười mỉa:

- Chú em muốn anh gọi là đồng chí chắc?

- Anh gọi gì tùy anh nhưng không được xưng "tao, mày".

- Hừ! Con ông chủ T&X có khác…

- Bố em không phải ông chủ mà chỉ là người làm công.

- Rồi! Khai tiếp…

Viên đại úy chưa nói hết câu thì bố tôi và thằng Vinh đã từ ngoài vào. Tôi cũng nhân cơ hội buông lan can cửa sổ phòng trực ban vào theo, vừa nơm nớp sợ bị đuổi ra, nhưng viên trung úy lại bảo cả tôi lẫn thằng Vinh ngồi xuống chiếc ghế dài sau lưng bố tôi. Về sau, tôi mới biết sự ưu ái này là do anh vốn là "fan" hâm mộ những trận bóng đá vỉa hè và bãi cỏ mỗi chiều của bọn nhóc chúng tôi ngay xế trụ sở Công an.

Vừa vào phòng, bố tôi đã nói với viên đại úy:

- Thưa ông! Tôi là bố cháu Khôi.

Viên đại úy lãnh đạm:

- Tôi biết rồi. Chúng tôi với bác là hàng xóm, cách nhau có mấy nhà. Giờ tôi đề nghị bác đừng gọi chúng tôi là ông nữa. Chúng ta đang sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, công an chúng tôi là con đẻ của nhân dân, bác gọi tôi là anh được rồi.

- Xin ông thông cảm. Người Hà Nội chúng tôi từ lâu đã quen gọi những người giao tiếp lần đầu là ông, bà, để chứng tỏ lịch sự và tôn trọng, nếu muốn đổi, chắc cũng phải lâu mới đổi được.

Viên đại úy nhún vai:

- Tùy bác. Cần phải nhắc thì tôi nhắc để xác định với bác, chúng tôi là đầy tớ của nhân dân như lời Bác Hồ dạy, chứ không phải ông to, bà lớn của dân như dưới chế độ thực dân, phong kiến. Chắc bác đã biết nguyên nhân vì sao thằng con bác bị chúng tôi bắt về đây?

- Thưa! Trước khi đến đây, tôi có tìm hiểu. Cháu nó rất sai.

Viên đại úy nói với anh Khôi:

- Em nghe rõ bố em nói rồi chứ? Bây giờ, cách tốt nhất là em thành khẩn khai rõ và nhìn nhận mình đã sai thế nào? Nếu chân thành nhận lỗi, các anh sẽ tìm cách giảm nhẹ hình phạt, còn không, thẳng mực tàu đau lòng gỗ, các anh sẽ chuyển lên cấp thành phố giải quyết, đưa thông báo về trường… Nào, đầu đuôi câu chuyện thế nào?

Anh Khôi rất lì và bình tĩnh kể lại từ đầu vụ đụng độ. Viên trung úy tỏ ra lắng nghe và ghi chép tỉ mỉ, nhưng viên đại úy chỉ cầm bút nguệch ngoạc một cách thờ ơ và hỏi những câu vớ vẩn. Sau khi kể xong, anh Khôi ngồi lặng.

Viên đại úy chìa cho anh tờ biên bản. Lời kể của anh Khôi hàng chục phút, trong khi tờ biên bản chỉ có chừng chục dòng:

- Em đọc đi. Nếu không có gì thắc mắc thì ký vào.

Anh Khôi cầm tờ giấy, đọc thật kỹ, và ngạc nhiên:

- Em nói em không có lỗi, sao anh lại viết em nhận rõ sai trái và vô cùng hối hận?

Viên đại úy nhún vai:

- Chẳng có thằng tội phạm nào lại nhận lỗi ngay cả. Anh viết thế là để thả em ngay, chứ tống giam vài ngày, chờ em nhận lỗi cũng chẳng có gì sai?

- Bị tống giam một năm, em cũng không bao giờ nhận lỗi mà em không phạm.

Bố tôi liền cầm tờ biên bản, chăm chú đọc kỹ. Lặng đi một lúc khá lâu, ông mới chìa tờ biên bản và cầm cây bút dúi vào tay anh Khôi:

- Con ký đi. Nghe bố, con ký đi.

- Bị bắn chết con cũng không ký vào tội con không có.

- Nếu phải chết về chữ ký này thì bố sẽ chết trước, con có ký không?

Gan lì như Khôi mà nước mắt cũng chảy ròng ròng trên mặt, lăn cả xuống bàn. Cuối cùng anh run tay ký vào tờ biên bản ướt đẫm nước mắt.

Bố tôi còn phải ký thêm vào tờ cam đoan sẽ bồi thường toàn bộ chi phí bệnh viện cho thằng vỡ mũi.

Lúc bốn bố con cùng ra khỏi trụ sở Công an quận, anh Khôi lạnh lùng như tảng đá, tôi và thằng Vinh cùng khóc òa như chính mình phải chịu nỗi oan ức cao như núi dài như sông của anh Khôi.

Về đến nhà, tôi hình dung bố tôi sẽ phải đánh cho cả ba anh em chúng tôi một trận nhừ tử, nhưng bố tôi chỉ mệt mỏi buông người xuống phản và nói với anh Khôi:

- Nhất nhật tại tù, thiên thu tại ngoại… Chỉ cần bị tống giam một giờ trong đồn, không biết chuyện gì sẽ xảy ra, nên không có tội cũng cứ phải nhận để được ra ngoài, chứ bố hoàn toàn biết con bị oan… Bố bắt con phải ký là chính bố cũng bị oan, vì bố mang tiếng không biết dạy con.

Rồi ông nhỏ nhẹ nhắc lại vụ "cách mạng" chuồng xí ở Trần Nhật Duật:

- Con nhớ hồi ấy, bố nói gì với con? Những việc tốt, thậm chí, rất tốt, nhưng không đúng hoàn cảnh sẽ gây những hậu quả trái ngược, vậy nên đừng làm.

Anh Khôi ấm ức:

- Như vậy là phải làm ngơ trước những chuyện sai trái sao?

- Bố không khuyên con làm ngơ, mà phải biết lượng sức mình, nếu không sẽ thành Đông Ki-sốt đánh cối xay gió.

Anh Khôi không cãi lại, nhưng tôi biết anh vẫn chưa phục. Những ngày sau, tôi thấy tối nào anh cũng ngồi viết đến khuya. Tôi đoán anh viết báo. Sau thấy anh mua hàng xấp phong bì về, tôi tò mò hỏi:

- Anh mua phong bì làm gì?

- Anh viết đơn khiếu nại, gửi Bác Hồ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Chủ tịch Quốc hội Trường Chinh…

Tôi hồi hộp:

- Liệu các bác ấy có trả lời?

- Chắc chắn các bác sẽ đọc và trả lời. Anh biết các bác ấy bận rất nhiều việc lớn, nhưng một công dân, một đội viên Thiếu niên Tiền phong bị oan ức không phải việc nhỏ.

- Bố đã bảo những việc tốt không đúng hoàn cảnh thì đừng làm.

- Thế nào là không đúng hoàn cảnh? Mình là công dân nước Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa bị oan, thể hiện quyền kêu oan, tức là mình có niềm tin ở Đảng và Chính phủ, không kêu tức là không tin, hóa ra mình phản động à?

Không đủ lý sự để bàn về chuyện niềm tin, điều quá lớn lao so với hiểu biết của mình, tôi không tranh cãi, mà chỉ lo anh thất bại.

Không ngờ chỉ khoảng một tuần, sau khi hàng trăm lá đơn của anh gửi đi khắp nơi, lại có một nơi trả lời, là bác sĩ Trần Duy Hưng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Vào khoảng bốn giờ chiều, anh Khoa, thư ký riêng của bác sĩ Trần Duy Hưng mang thư của bác sĩ đến tận nhà gặp bố tôi. Rồi bố tôi gọi anh Khôi ra phòng khách. Cuộc gặp gỡ chỉ kéo dài chừng nửa giờ. Anh Khoa đưa anh Khôi bức thư viết rất ngắn của bác Trần Duy Hưng, chờ anh Khôi đọc xong, rồi nói:

- Trước khi đến đây, anh đã làm việc với bên Công an quận. Các đồng chí ấy nói em đã nhận lỗi và ký vào biên bản rồi, giờ tại sao lại khiếu nại?

Anh Khôi nói:

- Nếu không ký, các anh ấy tống em vào nhà giam… Nên em đã ký chữ "Khói" chứ không phải chữ "Minh Khôi" mà em vẫn ký.

Anh Khoa bật cười:

- Anh hiểu rồi. - Sau đó, anh nói với bố tôi. - Thư khiếu nại và kêu oan đến văn phòng chúng tôi thì nhiều, nhưng thư của em Khôi khiến bác sĩ

Chủ tịch chú ý và nói với tôi, "Đây là một cậu bé rất thông minh và cũng rất trong sáng, đồng chí xuống tận nơi tìm hiểu và giải quyết. Để những ngọn lửa nhiệt tình và trong sạch của tuổi trẻ bị dập tắt là chúng ta có tội". Giờ gặp em, tôi thấy Chủ tịch nhìn nhận đúng. Ông có thể tự hào về em Khôi.

Chiều hôm sau, cũng khoảng thời gian này, chính viên đại úy và trung úy Công an quận Hoàn Kiếm sang nhà xin gặp bố tôi và anh Khôi. Bố tôi thận trọng mời cả hai vào phòng khách, rồi bảo chị Tâm ra pha nước mời khách. Sự xuất hiện của chị, hoa khôi một thời của trường Thăng Long, làm cho không khí trong phòng dịu đi.

Họ sang xin lỗi vì có sự hiểu lầm. Rồi nói nhà tôi và bên Công an quận thực ra là hàng xóm láng giềng… Cả nhà tôi nhẹ nhõm. Cũng từ đó, viên đại úy tên Thỏa và viên trung úy tên Đông thường xuyên sang nhà tôi chơi, thân mật chủ yếu với bố tôi, anh Khôi và chị Tâm. Hai người còn nhận bố tôi là bố nuôi. Thì ra, nếu không bị bơm vào đầu đủ thứ lý thuyết thì người với người vẫn là "cây đời mãi xanh tươi". Nhưng tôi vẫn thắc mắc với anh Khôi:

- Như vậy Bác Hồ, bác Phạm Văn Đồng và bác Trường Chinh vẫn chưa trả lời?

Anh Khôi nói:

- Sao em ngốc thế? Chắc chắn các bác ấy có đọc và chỉ đạo, nên bác Trần Duy Hưng mới quan tâm.

Lá đơn khiếu nại của anh Khôi viết nội dung thế nào, tôi không biết, nhưng lá thư bác sĩ Trần Duy Hưng viết cho anh Khôi đã được anh giữ kỹ suốt nhiều năm sau, nội dung thư rất ngắn:

"Gửi cháu Nguyễn Minh Khôi. Việc của cháu, bác đã quan tâm và chỉ đạo giải quyết sớm theo đúng luật pháp, để cháu an tâm học tập và phấn đấu.

Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội: Trần Duy Hưng".

CHÂN TƯỚNG

Tháng Bảy năm 2009.

Đúng sáu giờ, chiếc Innova do tay Năm lái xe, mà hiện chúng tôi đã biết tên là Năm Được, chở chiếc tiểu bằng gốm đựng hài cốt anh Khôi, vợ chồng tôi, vợ chồng Vinh, Tuấn Phúc và Tư Bông rời nghĩa trang, theo con đường đất vẫn ướt mưa ra đến đường nhựa lớn, dẫn vào trung tâm thành phố. Nhưng thay vì rẽ phải, chiếc xe lại rẽ trái, ai cũng biết nếu về nội thành thì như vậy là đi đường vòng.

Tôi hỏi:

- Tại sao?

Tư Bông nói:

- Xe mình chở hài cốt phải đi một đường, về một đường, để hồn không biết đường trở lại. - Dường như thấy lý do không thật thuyết phục, cô ta nói thêm. - Với lại giờ đã bắt đầu giờ cao điểm, mình chọn đường vắng tuy xa nhưng lại nhanh và an toàn hơn.

Đường từ nghĩa trang về bắt đầu có xe cộ hoạt động, nhưng vẫn còn rất vắng, vậy mà dường như Năm Được vẫn cố ý đi vào những đường nhỏ, quanh co. Về đến khách sạn, tôi nhìn đồng hồ, nói với Tư Bông:

- Đằng nào cũng ăn trưa ở Huế rồi mới đi, tôi muốn gọi điện thoại cho mấy người bạn cùng trung đoàn Mai Siu với anh Khôi, báo việc bốc hài cốt đã xong và mời các anh ấy đến quán, ăn bữa cơm chia tay cho có trước có sau.

- Thế cũng được. - Tư Bông dễ dãi tán thành, song lại đổi ý ngay tức khắc. - Nhưng cô chú vừa trả phòng, vừa chờ đón các chú ấy, lại còn ăn cơm, con sợ không kịp, vì xe chạy một mạch từ Huế ra Hà Nội, mình anh Năm đi không nổi, nên đến Ninh Bình, nghỉ ăn tối, còn đổi lái... Kéo trễ

thêm một giờ ở Huế, con sợ không về kịp Sóc Sơn trước khi trời sáng… Giá nào mình cũng phải đặt bác Khôi vào huyệt nghĩa trang trước khi mặt trời mọc.

Chúng tôi không thể nào khác ý, vì chặng dài từ Huế ra Hà Nội bằng đường bộ chúng tôi mới trải nghiệm lần đầu, dù giàu trí tưởng tượng đến đâu, chúng tôi cũng không hình dung nổi. Thế là, về đến khách sạn, ai nấy vội vàng trả phòng. Vợ chồng tôi chia tay với Tuấn Phúc để cháu về Sài Gòn, còn vợ chồng Vinh bay trước về Hà Nội để báo cho chính quyền địa phương và họ hàng ở quê chuẩn bị đón hài cốt.

Vinh nói:

- Về phần hài cốt, có lọ Penicillin thì mình tin rồi, nhưng việc cô ta có ý tránh né chuyện đi đường, em vẫn đánh dấu hỏi.

Tôi nói:

- Đến bây giờ vẫn nghi nữa thì chẳng còn gì để tin. Mấy vụ tìm hài cốt bằng ngoại cảm, tuy không bị cấm nhưng vẫn không được công khai hợp pháp, nên việc họ tránh né có thể hiểu được.

Thế là chiếc Innova của Năm Được lầm lì, có Tư Bông ngồi cạnh, chở chiếc tiểu bọc lá cờ đỏ sao vàng đựng hài cốt anh Khôi trang trọng đặt ở băng ghế giữa, còn vợ chồng tôi ngồi băng ghế sau, rời khách sạn, tạm biệt thành phố Huế thẳng theo Quốc lộ 1 ra Bắc.

Trên đường đi, tôi gọi điện thoại cho Nguyễn Quang Hà và Quốc Toản báo vụ tìm hài cốt anh Khôi được tiến hành tốt đẹp. Lọ Penicillin có tên anh Khôi được tìm thấy trong mộ là bằng chứng tin cậy. Tôi cũng xin lỗi Hà và Toản, vì phải đi gấp ra Hà Nội kịp với giờ hẹn đón tiếp của họ hàng và chính quyền địa phương, nên không thể ghé gặp bạn bè nói lời cảm ơn. Nguyễn Quang Hà và Toản cùng chúc mừng vợ chồng tôi.

Trời về chiều dịu mát, xe chạy đến Thanh Hóa, vợ tôi nôn nao cảm xúc, nói với Tư Bông:

- Đây là nơi suốt một thời niên thiếu của tôi, nên mình ghé vào quán nào vừa ăn, vừa nghỉ chân, cho đỡ nhớ.

Tư Bông vui vẻ:

- Con cũng đói lắm rồi. Hóa ra cô quê Thanh Hóa, thế mà con cứ tưởng cô dân Sài Gòn… Thanh Hóa có nhiều chỗ ăn ngon. - Cô ta nói với Năm Được. - Anh vào hẳn trung tâm, thấy quán nào sang, ghé giùm em. - Nhưng xe đi được một đoạn, cô ta lại như sực nhớ. - À! Xin lỗi cô chú. Con quên là đã hẹn cậu lái xe đón con ở Ninh Bình để đổi lái cho anh Năm… Anh Năm à… Mình dừng ở Thanh Hóa có phiền không?

Lần đầu tiên, tôi thấy Năm Được mở miệng, làu bàu:

- Chỉ có cách gọi điện bảo thằng Ba nhảy xe đò từ Ninh Bình về đây.

Tư Bông thở dài:

- Nếu thế thì về đến Hà Nội quá trễ.

Tôi đưa mắt cho vợ, rồi nói với Tư Bông:

- Thôi, quên vụ ăn ở Thanh Hóa đi… Tất cả dồn cho việc đến đích Sóc Sơn đúng giờ.

Tư Bông quay lại nói với vợ tôi:

- Không phải con làm khó, nhưng xin cô thông cảm với con. Theo con, cô chú cứ đưa bác Khôi về Sóc Sơn đâu đấy, thừa thời gian thì cô chú trở lại Thanh Hóa, muốn chơi bao lâu cũng được.

Trời bắt đầu tối. Xe chạy hai chiều trên đường vãn dần, phải dùng đèn pha soi đường. Đi quá Thanh Hóa chừng hai chục cây số, đến một ngã ba. Đường rẽ trái có vẻ là tỉnh lộ men theo lườn đèo. Bên phải ngã ba là dải đất nâu khô cằn, dài, rộng chừng vài ngàn mét vuông, được hình thành có lẽ từ việc chặt phá dải rừng bạch đàn cằn cỗi phía sau, để mọc lên dãy hàng quán gồm mấy căn nửa nhà, nửa lán, mái tôn, mái tranh đan xen, tạm bợ, đèn điện tù mù, ôm dọc mặt tiền phía trước. Những căn rộng dùng làm nhà hàng. Còn lại là chỗ bơm sửa xe, quán giải khát… Trước cửa các hàng quán, một dãy những chiếc xe vận tải lớn, nhỏ và mấy người xe ôm đang tán gẫu, chờ khách. Không khí ngã ba lễnh loãng lọt giữa cảnh núi rừng ảm đạm khiến chúng tôi có cảm giác ngài ngại, nhưng đây dường như lại là chỗ quen thuộc của Năm Được và

Tư Bông.

Chiếc Innova lượn vào đậu trước một cửa hàng ăn. Tư Bông nói:

- Giờ cô chú xuống đây, vào rửa mặt mũi, rồi ăn cơm. Thằng Ba đón xe này chạy tiếp, nhưng do chờ lâu quá lại chạy đi công chuyện, chắc hơn giờ nữa mới quay lại. Vậy cô chú ăn uống, nghỉ ngơi thư thả rồi mới đi cũng có cái tốt.

Tôi nói:

- Hai người cùng đi suốt từ Huế, giờ cùng ăn với chúng tôi cho vui đi.

- Con cảm ơn cô chú, nhưng xin cô chú cứ tự nhiên. Đi thế này, bọn con không mấy khi ăn chung, để khách được thoải mái. Với lại hôm nay, xe chở hài cốt, bọn con cùng phải ăn chay, nên đã mua bánh chay từ Huế. Quán ở đây tuy sơ sài nhưng vừa ngon, vừa rẻ, bọn con mới dừng, chứ quá lên chục cây là thị trấn, cũng có nhiều nhà hàng, giờ này toàn đồ nguội, nhân viên nghỉ hết, biết cô chú Sài Gòn ra, nó chém mắc, mình ăn vào còn đau bụng.

Tư Bông chỉ vào bãi đất trống tối om nằm phía sau dãy quán, kế với dải rừng bạch đàn:

- Xe bọn con vào đậu trong kia, cô chú cần gì cứ nhấn điện thoại là bọn con ra liền.

Dứt lời, Tư Bông vào xe, đóng sập cửa. Chiếc xe lập tức chuyển bánh chạy vòng vào bãi đất. Qua ánh quét của đèn pha chiếc Innova, chúng tôi mới nhận ra sức sống thật của ngã ba này, không ít xe hơi bốn chỗ, xe gắn máy đậu đỗ và người tụ tập nhiều hơn hẳn ngoài mặt tiền, nhưng khung cảnh vẫn âm thầm và thiếu sáng.

Thực sự, chúng tôi rất miễn cưỡng khi bỗng nhiên bị bỏ lại bơ vơ trong cái quán tạm bợ. Nhưng vừa mệt, vừa đói, nên đành kéo ghế ngồi và gọi đồ ăn. Cơm nguội, xào nguội và canh cũng nguội… Người phục vụ là một phụ nữ phốp pháp khoảng bốn mươi tuổi, mặt dữ như bà chằng.

Tôi chặc lưỡi bảo vợ:

- Đã trót vào đây rồi, cứ nhắm mắt mà ăn cho qua đi…

Đang ăn, trời bỗng đổ mưa nhẹ. Vợ tôi đứng dậy:

- Có khi anh Khôi bị lạnh, để em ra đắp thêm tấm mền cho anh ấy.

Vợ tôi chỉ đi chừng nửa phút, đã hớt hải quay lại. Tôi hỏi:

- Chuyện gì thế?

Vợ tôi nói:

- Quá sức bậy bạ. Chúng nó đang làm tình trên xe.

- Chúng nó là ai? Xe nào?

- Còn xe nào nữa. Thằng Năm Được và con Tư Bông… Xe lại đang chở hài cốt anh mình.

- Em có nhìn nhầm không?

Tôi đứng phắt dậy, định ra ngay chỗ xe đậu. Vợ tôi nói:

- Nó không đậu chỗ cũ mà đưa xe vào trong rừng bạch đàn.

- Em cứ ở đây. Mình anh đi được rồi.

Đứng từ trong quán nhìn thì tối, còn ra bãi đất, đầy mùi thức ăn rẻ tiền: mực nướng, lạc rang, trứng vịt lộn… với mênh mông đủ thứ đèn dầu, đèn pin, có nơi chỉ thắp bằng mấy cây nhang, từ các mẹt, thùng bán lẻ thuốc lá, đồ nhậu, đủ loại ánh sáng lập lòe như một rừng ma trơi. Người mua cũng như kẻ bán đều lặng lẽ như ở chợ âm phủ. Tôi không khó nhận ngay ra hai chiếc Innova đậu cạnh nhau trong rừng bạch đàn.

- Anh Hai tìm mái tơ hả? - Tôi định đi tới hai chiếc xe thì một gã thanh niên bất thần hiện ngay trước mặt như một bóng ma.

- Tôi ra xe của tôi.

- Việc gì anh Hai phải ra xe. Ở đây có bãi đáp xịn như khách sạn ngàn sao, giá cũng rẻ như bèo. Anh cứ theo em, tất cả đảm bảo an toàn như nhà anh.

Một cô gái trẻ mặc đồ bộ, tất cả đều thả lỏng, cũng từ bóng tối lả lơi bước ra, quàng cổ tôi:

- Anh theo em.

Tôi dứt khoát tránh cả hai bằng cách quay nhanh trở lại quán, mượn chiếc đèn pin, bật sáng, rồi cùng vợ đi ngang bãi đất, ra thẳng rừng bạch

đàn. Cả dãy xe dài đủ loại đều đậu sâu trong hàng cây, cách nhau chừng một mét, đầu xe quay ra ngoài. Chúng tôi cùng đứng trước hai chiếc Innova. Tôi hỏi:

- Xe nào?

Vợ tôi lúng túng:

- Có lẽ xe này.

- Tại sao lại có lẽ?

- Vì còn cách mấy mét, vừa thấy chúng nó ở trong xe, ngay ghế Tư Bông ngồi cạnh lái xe, em về quán gọi anh ngay.

Hai chiếc Innova giống hệt nhau, đến tôi dân gốc trong nghề ô tô cũng không phân biệt được. Số xe của Năm Được, tôi không để ý từ đầu. Nhưng biển số xe Thành phố Hồ Chí Minh là năm mươi thì tôi biết. Tôi đi thẳng đến chiếc xe biển số 50B, soi đèn pin vào hàng ghế thứ hai, thấy chiếc tiểu phủ lụa đỏ đựng hài cốt anh Khôi vẫn nằm đúng chỗ, chiếc ghế phụ cạnh lái xe không có dấu hiệu thay đổi. Tôi nói với vợ:

- Em nhớ kỹ lại xem, lúc nãy ra đây, có một hay hai xe Innova?

Vợ tôi thiếu hẳn tự tin:

- Em không để ý một hay hai, nhưng rõ ràng em thấy tận mắt… Không lẽ lúc đó em bị ma ám?

- Không phải chuyện ma quỷ gì ở đây, mà là phải biết rõ, để không nghi oan cho họ.

- Thế thì có thể chuyện xảy ra ở chiếc xe bên cạnh, chứ không phải xe mình.

Tôi cũng thấy nhẹ lòng với cách giải thích thiên về tâm lý vì không muốn mối quan hệ với Tư Bông bị xấu đi.

Hai vợ chồng về lại quán cơm thì thấy Tư Bông đang ngồi ở bàn với một gã thanh niên gầy gò khoảng ngoài ba chục tuổi.

Tư Bông vội vui vẻ giới thiệu:

- Đây là chú Ba Đảo sẽ chạy tiếp cho mình về Hà Nội.

Tôi hỏi:

- Chú Năm đâu?

- Tiện có xe xuôi Sài Gòn, ảnh quá giang về luôn rồi.

Cũng như Năm Được, Ba Đảo lì lì, không chào không hỏi, không nói không rằng, lẳng lặng rời quán đi xuyên bãi đất về phía chiếc Innova đậu ở rặng bạch đàn, bật đèn kiểm tra, rồi nổ máy chạy lại đậu trước cửa quán.

Tư Bông nói:

- Mình đi được chưa ạ?

Vợ chồng tôi cùng lặng lẽ lên xe.

Lúc này đã quá nửa đêm, đường đầy sương lạnh và vắng. Ba Đảo cho xe chạy trên 100 km/giờ. Chỉ một lúc, Tư Bông đã thông thạo kéo chốt ngả lưng ghế, thoải mái duỗi người nằm thẳng cẳng, che tấm khăn lên mặt ngủ một cách say sưa.

Từ hàng ghế sau nhìn lên thấy chiếc ghế cạnh lái xe nay đã thành chiếc giường, với tư thế đang nằm ngửa của Tư Bông, rồi nhớ về nhận định ban đầu của tôi khi gặp ở Sài Gòn, rằng cô ta là kiểu người đàn bà không đàng hoàng, thì dù đã cố củng cố niềm tin ở một nhà ngoại cảm, tôi vẫn phải lăn tăn rằng rất có thể vợ tôi không nhìn nhầm vụ cô ta và Năm Được đã làm tình trên xe. Nếu đúng vậy thì chúng quá bậy bạ khi trên xe có hài cốt của anh tôi… Nhưng chuyện tìm thấy hài cốt của anh tôi là có thật. Không chỉ vợ chồng tôi mà cả vợ chồng Vinh cùng hết sức tỉnh táo cũng phải thừa nhận sự thật. Lọ Penicillin tìm thấy trong huyệt vẫn đang nằm trong túi áo ngực tôi. Hai xu hướng đánh giá về Tư Bông lặng lẽ giằng co trong đầu tôi, suốt dọc đường xuyên đêm… Rồi mệt quá, tôi cũng thiếp đi.

Khi nghe tiếng chuông điện thoại di động reo, tôi mới sực tỉnh. Thế Vinh gọi từ quê, chính xác là từ thôn Lập Chí, xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, Hà Nội (tên cũ là Kim Anh, Vĩnh Phúc).

- Xe ra đến đâu rồi?

Tôi đưa mắt nhìn quanh, thấy trời vẫn còn tối:

- Vừa qua khỏi cầu Thăng Long, sắp rẽ vào Phúc Yên. - Tôi nhìn đồng hồ, đã hơn năm giờ sáng. - Ở nhà thế nào rồi?

Vinh nói:

- Gia đình, họ hàng, đại diện chính quyền địa phương đã đông đủ từ bốn giờ ở khu mộ gia tộc. Anh bảo lái xe đi thẳng đến đấy. Chú Lương mời được cả hội các sư của chùa Đại Phúc đến tụng kinh gọi hồn.

Tôi nói:

- Ban đầu đã nhất trí để anh Khôi ở nghĩa trang liệt sĩ kia mà?

- Nhưng chú Lương và các cụ bàn đi tính lại, anh Khôi là đích tôn và trưởng dòng họ Nguyễn Hữu. Tham khảo thêm mấy ông thầy đều nói: "Để anh ấy ở nơi khác là hồn tiếp tục phiêu bạt, dòng họ sẽ gặp họa nhiều hơn phúc", nên quyết định không đưa anh ấy về nghĩa trang liệt sĩ. Lễ hạ huyệt diễn ra lúc bảy giờ sáng.

Tôi hỏi Tư Bông:

- Hạ huyệt lúc bảy giờ được không?

Tư Bông:

- Con đã nói rồi. Hạ huyệt trước khi mặt trời mọc thì hồn mới yên, còn làm lễ lúc nào cũng được.

Khu mộ gia tộc Nguyễn Hữu thuộc họ nội nhà tôi nằm trên một dải đồi nhỏ ở bên hông, khúc giữa làng, mé trong kề với khu dân cư, mé ngoài trông lên dãy núi Thằn Lằn, Tam Đảo, đến thời điểm đưa anh Khôi về an táng là đời thứ tư. Đời thứ nhất là thời cụ nội tôi, cụ Tổng Định: Nguyễn Hữu Định, từ Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội di dân lên Phúc Yên với ước mơ lập ấp dân trí, giàu nghèo bình đẳng. Hồi đó, dải đồi làm nghĩa trang này có lẽ xa làng. Sau nhiều chục năm, dân số đông lên, xóm làng nảy nở, nghĩa trang giờ nằm gần sát ngã ba trung tâm. Bởi vậy, chiếc xe chở hài cốt đi dọc con đường làng láng bê tông, vừa rẽ trái đã thấy đám đông cả trăm người tụ tập ở khu mộ gia tộc.

Họ nội nhà tôi ở vùng trung du, đất đỏ đá ong, lâu đời mấy cũng chỉ tản rộng rồi lan xa chứ không quần tụ đông đúc, nên bình thường làng

xóm vắng vẻ, nhưng hễ có dịp giỗ chạp, cưới xin, tang lễ, hội hè là đông kín đường làng, ngõ xóm. Gia đình tôi tuy sống ở Hà Nội từ đầu những năm 1930, khi bố tôi rời quê ra Hà Nội làm việc cho nhà xuất bản Mai Lĩnh của bên ngoại, nhưng tính trong gia tộc, bố tôi là con cả của ông cả, là đích tôn của dòng tộc, anh Khôi là con cả của bố tôi, là cháu đích tôn, giờ là liệt sĩ, hài cốt được rước từ miền Nam ra, cả họ hàng, gia tộc đều rất trân trọng.

Chính vì vậy, khi chiếc xe chở chúng tôi vừa xuất hiện ở đầu ngã ba, bà con họ hàng đã ùa tới vây quanh, khiến xe không sao đi tiếp… Những tiếng khóc, tiếng kêu tên anh Khôi huyên náo của vùng đồi:

- Khôi ơi là Khôi ơi! Sao hơn bốn mươi năm, bây giờ cháu mới về hả Khôi ơi là Khôi ơi!...

- Cháu tôi đâu! Cháu tôi đâu? Bao nhiêu năm nay, cháu tha phương mãi tận nơi nào, cháu ơi!

Do xe không đi tiếp được nên chiếc tiểu phủ quốc kỳ phải chuyển ra khỏi xe để bốn thanh niên mặc lễ phục quân đội khiêng dọc đường làng về khu mộ.

Vợ chồng tôi và Tư Bông đi theo phía sau chiếc tiểu.

Tư Bông thoáng sững lại khi thấy có bốn nhà sư mặc cà sa vàng đứng đón chiếc tiểu ở cổng nghĩa trang.

Tôi hỏi ông Lương, là ông chú kiêm quản lễ ở xã:

- Đặt hài cốt ở đâu?

Ông Lương chỉ vào chiếc bục gỗ mới đóng ở mảng sân chật phía trước các dãy mộ:

- Đặt ở đây, để các sư tụng kinh gọi hồn, rồi Ủy ban xã làm lễ tuyên dương liệt sĩ rồi mới đưa xuống huyệt.

Tôi nói:

- Nhưng cô thầy ngoại cảm bảo phải hạ huyệt lúc sáu giờ.

Ông Lương nhìn Tư Bông:

- Thầy là thầy ngoại cảm hả? Các sư ở đây xem giờ, nói bảy giờ mới

hạ huyệt thì ai đúng? - Thấy Tư Bông lúng túng, ông Lương cũng không làm khó. - Nếu làm ngay sáu giờ, không biết có kịp không? Mời thầy ra đây để trao đổi với các sư.

Tư Bông vội nói:

- Không cần đâu ạ. Nếu các sư đã chọn giờ rồi thì cứ theo giờ của các sư… Giờ rất quan trọng, nhưng cái chính là ở tâm và lời nguyện, các sư ở đây chắc đã tính hết rồi.

Tư Bông lùi lại không đi theo chiếc tiểu nữa. Vợ chồng tôi cũng đứng lại theo. Tôi hỏi:

- Giờ chị phải làm gì nữa?

- Từ đây đến lúc xong lễ, các sư và xã làm hết rồi… Như vậy, việc của con đến đây là xong.

- Thế thì chị vào nhà ông chú tôi uống nước, nghỉ ngơi, ăn trưa với gia đình chúng tôi rồi hãy về.

Tư Bông thoái thác:

- Chắc cô chú cho con về luôn. Trên đường về chỉ có lái xe là mệt, chứ xe chạy một khúc là con ngủ ngay ấy mà. Con vẫn còn mấy cuộc hẹn…

Biết không thể giữ Tư Bông lại được, vợ tôi nói:

- Nếu chị quyết đi, tụi tôi cũng không giữ được. - Vợ tôi liền mở xách tay. - Giờ chúng tôi thanh toán cho chị… Phải nói là chúng tôi vô cùng cảm kích chị đã giúp chúng tôi tìm được hài cốt anh tôi.

Tư Bông nói:

- Thực ra, con làm việc này không phải kiếm lợi mà giúp mọi người là chính… Ông trời thương cho con khả năng ngoại cảm, thì con phải có trách nhiệm giúp đời… Nên con chỉ xin cô chú mười triệu.

Tôi hỏi lại:

- Bao nhiêu?

- Thưa! Mười triệu.

Về vụ tiền công, thật ra chúng tôi muốn hỏi Tư Bông ngay từ đầu một cách sòng phẳng, để vừa dự tính chi phí, vừa là thước đo thăm dò tâm

lý, nhưng rồi, chúng tôi quyết định không hỏi vì tính tế nhị. Tuy nhiên, trong thâm tâm, chúng tôi cũng đã dự tính ít nhất cũng phải trả cô ta hai mươi triệu đồng. Vì thế, tôi buột miệng:

- Chị đi với chúng tôi gần một tuần mà.

Ánh mắt Tư Bông thoáng dao động như nhận ra sự hớ hênh của mình với con số mười triệu:

- Con lấy của người khác thế nào thì lấy của cô chú như vậy, nhưng nếu cô chú thương, cho thêm chút đỉnh, thì con cảm ơn.

Vợ tôi đưa thêm Tư Bông hai triệu đồng. Rồi cùng tôi chia tay Tư Bông, đi nhanh vào nghĩa trang.

Gặp Vinh ở trong nghĩa trang. Vinh hỏi:

- Sao Tư Bông không vào lo gọi hồn?

- Cô ta nói phần đó có các sư lo rồi, nên xin phép về sớm.

- Anh chị trả cô ta bao nhiêu?

- Cô ta đòi mười triệu đồng.

- Ở ngoài này, gọi hồn phải trên dưới hai chục triệu đồng. Tiền công thì thuận mua vừa bán, mình trả mười là xong rồi, nhưng tìm được hài cốt anh Khôi là vô giá, nên theo em, mình nên đưa cô ta thêm năm triệu đồng, tức là phần hồn, mình cũng hết nợ.

Vợ tôi thấy có lý, liền đi ngược ra chỗ chiếc Innova vẫn đỗ ở ngã ba. Nhưng chỉ một lúc, vợ tôi lại trở vào cùng với Tư Bông.

- Còn có chuyện gì nữa? - Tôi hỏi.

Tư Bông nói:

- Chuyện này, con định chờ cô chú về Sài Gòn mới nói, nhưng vừa rồi cô ra đưa con thêm năm triệu, con vô cùng cảm ơn, song cũng tiện vào nói luôn với cô chú.

- Chị cứ nói, đừng ngại.

- Nguyên vụ gọi hồn bác Khôi, từ Sài Gòn, ra Huế, con gọi và gặp bác ba lần. Nếu là người bình thường, vậy là xong rồi. Nhưng do cô chú quá tốt với con, nếu con giấu cô chú là con có tội, nên con phải nói sự thật là

hồn bác Khôi ở cõi âm nhiều năm nay vẫn bị một con quái vật nó khiến. Lúc bình thường thì không có chuyện gì, nhưng lúc bị khiến, bác ấy sẽ quậy, gây cho cô chú rất nhiều tai họa. Cô chú thử nghĩ xem, mấy chục năm qua, nhà mình có bị tai họa không? Nếu không, thì có thể vong báo sai.

Tôi không thể nghĩ ngay về những tai họa, nhưng thoáng chột dạ:

- Chị cứ nói tiếp. Chuyện tai họa phải bình tĩnh mới nghĩ đúng được.

- Chính vì những tai họa này sẽ ám cô chú suốt đời, nên muốn xóa thì phải gọi hồn bác Khôi về thêm lần nữa để đuổi con quái vật đi.

- Gọi hồn thế nào?

- Con sẽ làm tại bàn thờ bác Khôi ở Sài Gòn. Sau khi đuổi được quái vật đi, con đảm bảo các ông bà và bác Khôi từ nay sẽ phù hộ cô chú và gia đình ăn nên làm ra, quan lộc thuận lợi, tiền vào như nước.

Tôi suy nghĩ rồi nói:

- Hài cốt anh tôi đã tìm thấy và đưa được về quê là xong rồi. Nay bỗng nhiên chị nói phát sinh chuyện khác, khiến chúng tôi phải cân nhắc, nhưng thấy chị quá nhiệt tình... mà có thờ có thiêng, có kiêng có lành, nên chị cứ gọi hồn thêm lần nữa đi.

- Nhưng lần này là gọi hồn đuổi tà, xua quỷ, khác với ba lần trước. Con quỷ này lại là quỷ dữ, mấy chục năm qua nó đã là ông chủ của bác Khôi, muốn đuổi nó, phải dùng loại ngải thiêng của thầy bùa tận Thái Lan nhập về, tính ra khá mắc.

Tôi hỏi:

- Mắc là bao nhiêu?

- Thưa! Cả tuần qua, cô chú đã quá tốt với con, nên về tiền công, cô chú cho bao nhiêu cũng được mà không cho cũng không sao, con chỉ xin đúng số tiền con nhập ngải từ Thái Lan về là năm nghìn đô-la.

Tôi nói:

- Năm nghìn đô tương đương hơn trăm triệu tiền Việt. Đây là con số chúng tôi phải cân nhắc đấy.

- Ngải Thái thứ thiệt, đúng giá phải hơn sáu nghìn, nhưng do con quen, họ chỉ lấy giá gốc.

Vợ tôi nói:

- Quá mắc như thế, chắc bọn tôi không theo đâu.

- Việc này tùy cô chú. Con chỉ nghĩ con đã đưa được vong bác Khôi về đến đây rồi mà không làm tiếp việc giải vong bác khỏi xiềng xích quỷ dữ, bác ấy về quậy, nhà mình sẽ phải chịu những tai họa không đáng có.

Thấy vợ tôi định phản ứng, tôi đưa mắt ra hiệu làm thinh, rồi nói với Tư Bông:

- Nếu chúng tôi đồng ý, chị giải quyết thế nào?

- Cô chú tạm ứng trước ba nghìn để con về Sài Gòn lấy ngải. Khi cô chú về đến Sài Gòn, con sẽ đến nhà làm lễ ngay… Vong đã không cúng thì thôi, mà đã cúng, lại không theo đến cùng, nó phản lại thì tệ hại hơn.

Vợ tôi sợ tôi dễ dãi, vội đưa mắt ra hiệu. Tôi biết ý, nói:

- Việc gọi hồn lần thứ tư mà chị vừa nói, nếu tạm ứng vài trăm đô, bọn tôi có sẵn, nhưng tới ba nghìn đô thì không thể có ngay.

- Uy tín lớn như cô chú không lẽ không vay tạm ai ở ngoài này?

- Quyết vay thì cũng có thể vay được, nhưng vụ gọi hồn tốn kém như thế, vừa nghe đã theo ngay là vội vàng, nên bây giờ đang bận an táng anh Khôi, chị để chúng tôi về Sài Gòn, bình tĩnh cân nhắc, rồi sẽ gọi cho chị trong thời gian sớm nhất.

Tư Bông hơi ngẩn mặt, nhưng rồi sớm nhận ra sự việc không thể tiến xa hơn, liền chấp nhận:

- Vậy con về Sài Gòn nhận tạm ứng cũng được… Thực ra, con muốn làm sớm cũng vì cô chú, vì bác Khôi… Chuyện gọi hồn thuộc thế giới người âm chỉ con biết, chứ người dương cứ nghĩ như người dương thì không bao giờ gặp nhau, có khi chỉ gặp họa. Vậy con đi nghe, cô chú.

Nhìn chiếc Innova đi khuất khỏi ngã ba đường làng, vợ tôi nói:

- Em nghi mình bị lừa. Lúc ra đưa thêm năm triệu, em thấy cô ta ngồi trên xe đang nói chuyện điện thoại với Năm Được về chuyện tiền nong

và gọi hồn lần thứ tư… Lúc cô ta trở vào gặp anh, thấy anh có vẻ đồng tình, em lo quá.

Tôi nói:

- Lúc nghe đến năm nghìn đô, là một khoảng rất xa với mười triệu đồng, anh thấy ngay cô ta đã lộ ra là vừa tham vừa vụng, nhưng muốn sòng phẳng cũng phải khéo, mà cũng không nên đẩy sự việc đi quá xa vào lúc đông đảo cả họ và chính quyền địa phương đang tập trung vào lễ an táng…

Vợ tôi lo lắng:

- Nó gian vụ tiền nong, liệu có gian vụ hài cốt?

Tôi sững người như vừa bị điểm huyệt. Nếu vụ hài cốt bị lừa thì thật là kinh khủng, khi cả gia tộc lẫn chính quyền cùng bà con trong xã đang trân trọng, hết lòng cho buổi lễ đón rước và an táng… Đúng là từ khi gặp Tư Bông ở Sài Gòn đến suốt thời gian ở Huế, rồi buổi tối tại bãi xe giữa đường ở Ninh Bình, không ít lần trong chúng tôi đã có những nghi ngờ, nhưng rồi chính chúng tôi lại gạt những nghi ngờ đó đi. Tôi rùng mình lo sợ, không dám nghĩ đến đây là trò lừa… May sao, chính lúc đó, tôi sực nhớ ra lọ Penicillin trong túi áo ngực. Trong lọ rõ ràng có tờ giấy ghi tên, tuổi, quê quán, ngày mất của anh Khôi. Mọi chi tiết đều trùng với giấy báo tử. Không hẳn là thở phào, tôi nói với vợ:

- Anh nghĩ, cô ta thấy mình dễ dãi trong vụ thanh toán thì nảy lòng tham, chứ anh tin vụ hài cốt là thật.

Chúng tôi đi trở lại nghĩa trang gia tộc, nơi đang trang trọng diễn ra lễ cầu hồn anh Khôi do bốn nhà sư chùa Đại Phúc chủ trì. Và tuy đã tự trấn an với bằng chứng chắc chắn là lọ Penicillin, lòng dạ tôi vẫn ngổn ngang sự lo lắng. Nếu thật sự đúng là bị lừa thì sao? Tôi, một nhà văn, vợ tôi, một nhà báo, đều thuộc hàng bạc tóc trong nghề. Nguyễn Thế Vinh, một nhân vật thâm niên trong ngành xuất bản, thông thạo đủ loại sách đông tây kim cổ, trong đó không ít cuốn về tâm linh, ngoại cảm, còn Thu Hương, vợ Vinh, là kỹ sư hóa lâu năm tại nhà máy Cao su Sao Vàng nổi

tiếng, mà sao cả tin một cách kỳ lạ như thể cùng bị ma dẫn lối, quỷ đưa đường?

Về đến Sài Gòn, tức giận đến ăn không ngon, ngủ không yên, tôi lần hồi nhớ lại từng chi tiết suốt thời gian gặp Tư Bông. Rồi mang lọ Penicillin ra ngắm nghía, nghiền ngẫm. Chiếc lọ đã được rửa sạch từ hôm ở Huế, chất liệu thủy tinh trong suốt thì dẫu chôn cả trăm năm cũng không thể biến màu. Tôi dốc mảnh giấy được cuộn tròn trong lọ, rồi trải phẳng ra. Loại giấy pơ-luya và cả mấy dòng chữ đều có dấu hiệu phai bạc một cách hợp lý theo thời gian, nhưng nó có hợp lý với bốn chục năm hay không, thì tôi không thể biết, và bốn chục năm trong lọ, tờ giấy có mủn hay giòn ra ở mức nào, cũng ngoài hiểu biết của tôi. Còn dòng chữ trên tờ giấy: "Nguyễn Minh Khôi. Sinh năm 1942. Quê quán Lập Chí, Minh Trí, Kim Anh, Vĩnh Phú. Mất 13/2/1970…", tất cả đều đúng như giấy báo tử. Tôi nhắm mắt hình dung... Sự sai lệch bắt đầu từ giấy báo tử ghi anh Khôi hy sinh ở Mặt trận miền Đông Nam Bộ, trong khi Tư Bông khẳng định anh Khôi hy sinh ở Huế, khiến tôi gọi điện thoại ra Huế hỏi Nguyễn Quang Hà. Rồi từ Quang Hà, ra Quốc Toản và một số đồng đội cùng trung đoàn đóng ở Mai Siu, Hà Bắc với anh Khôi trước khi vào chiến trường miền Nam. Thông tin từ Quang Hà và Quốc Toản không thể sai vì chính tôi đã đến Mai Siu thăm anh Khôi trước ngày anh lên đường. Nếu vậy, Tư Bông nói anh Khôi ở Huế là đúng?

Tôi bần thần ngắm lại tờ giấy ghi tên anh Khôi lấy từ lọ Penicillin… Hai chữ "Vĩnh Phú" trên tờ giấy bỗng gợi cho tôi sự phân vân… và rồi tôi giật nảy người như bị điện giật. Tỉnh Vĩnh Phú nguyên từ ba tỉnh nhỏ sáp nhập lại. Ban đầu là Phúc Yên, sáp nhập với Vĩnh Yên, thành Vĩnh Phúc, sau này, Vĩnh Phúc sáp nhập tiếp với Phú Thọ thành Vĩnh Phú. Năm 1966, khi anh Khôi nhập ngũ, Vĩnh Phúc chưa nhập vào Phú Thọ, nên thế hệ anh Khôi khi khai quê quán đều ghi "Vĩnh Phúc". Còn khi viết thông tin về anh, đưa Tư Bông, tại sân bay Tân Sơn Nhất, tôi tiện tay ghi "Vĩnh Phú" là viết theo hiện tại. Tư Bông cũng "hồn nhiên" lặp lại đúng

như vậy trong tờ giấy bỏ trong lọ Penicillin. Thế là rõ. Tôi choáng váng. Mình đã bị lừa từ đầu tới cuối!

Chúng tôi về Sài Gòn chiều tối hôm trước, thì sáng sớm hôm sau, Tư Bông đã gọi điện thoại:

- Cô chú về Sài Gòn ổn chứ ạ?

- Nói chung là ổn.

- Con phải gọi sớm vì như con nói, phần hồn bác Khôi có điều chưa ổn, nên con lo trên đường về, cô chú gặp tai họa. Giờ nghe chú nói, con cũng mừng… Còn việc cầu hồn trừ tà quái vật cho bác Khôi, con đã chuẩn bị đầy đủ, sáng nay, con đến nhà cô chú luôn nhé?

Đúng ra phải vạch trần chân tướng cô ta, nhưng lòng tôi lúc đó rối như tơ vò, vì rõ ràng hài cốt anh tôi an táng tại nghĩa trang gia tộc ở quê là hài cốt giả, nhưng sẽ phải giải quyết thế nào? Nếu chỉ là đất không với mấy chiếc quần áo cũ, nhất định phải trình bày với chính quyền địa phương và thanh minh với dòng họ, nhưng sẽ nói bằng cách nào cho đỡ ê chề? Chưa biết chừng vẫn phải "tử tế" với Tư Bông cho đến khi hóa giải xong "sự cố" này. Tôi quyết định chọn phương án chưa "lộ bài".

- Thế này chị ạ! Chúng tôi rất cảm ơn về nhiệt tình của chị, nhưng về đây, tôi có trao đổi với mấy ông thầy quen biết từ lâu, họ nói cúng giải tà thì họ có thể cúng được, nên chúng tôi đã mời họ luôn, chị thông cảm nhé.

Giọng Tư Bông hơi hẫng:

- Cái đó tùy cô chú. Thầy quen có thể chi phí rẻ, nhưng tà độc như trường hợp bác Khôi, phải có ngải độc trị, không phải thầy nào cũng cúng được. Mà cúng không thành, tà nó phản, nhiều khi hại chết thảm cả nhà… Nhưng con chúc cô chú thuận lợi. Nếu có gì trục trặc, chú cứ gọi cho con, con sẽ đến liền.

- Nếu trục trặc, nhất định tôi sẽ gọi.

Tưởng chuyện đến đây chấm dứt, không ngờ sáng hôm sau, Tư Bông lại gọi:

- Ông thầy của chú đã đến chưa ạ?

- Ông ấy hẹn chúng tôi ngày mai.

- Trời! Sao lại ngày mai? Tuổi bác Khôi cúng hôm nay, lúc chín giờ là đẹp nhất, bất cứ giờ nào ngày mai vẫn là ngày, giờ kỵ… Sao ông thầy này kỳ vậy?

- Tôi sẽ hỏi lại ông thầy về chuyện này. Đây là ông thầy rất nổi tiếng…

- Con cũng quen biết nhiều ông thầy nổi tiếng, phần lớn họ suy luận thế giới tâm linh theo lối cổ, bây giờ đều sai hết, vì cõi âm bây giờ khác cõi âm ngày trước rất xa, chỉ thế hệ chúng con mới cập nhật được. Nếu từ chối kịp, con khuyên chú hãy từ chối… Vì mấy ngày đi với cô chú ra Huế, rồi ra Hà Nội, con được cô chú cư xử rất đẹp, lại thấy cô chú ăn ở phúc đức, rất chí tình với bác Khôi, nên con mới hết lòng vì cô chú, chứ cô chú đã chọn thầy khác thì việc của con coi như xong rồi.

- Muốn gì, tôi cũng phải trao đổi với ông thầy đang giúp tôi đã.

- Thưa! Chú cứ gặp ông ấy. Nếu chú không thay đổi quyết định, cũng không sao. Được nói hết những điều tình nghĩa và cảnh báo tai họa với chú là con không còn gì phải áy náy… À! Xin lỗi! Suýt nữa con quên. Cái bùa ngải mua từ mối của người Thái nhập về, nhờ con năn nỉ cô chú là chỗ tình nghĩa, họ hạ từ năm nghìn đô-la xuống bốn nghìn rưỡi, như vậy là quá rẻ…

- Rồi. Sau khi trao đổi xong với ông thầy, tôi sẽ gọi ngay cho chị.

Đương nhiên, không có chuyện tôi gọi điện lại cho Tư Bông. Còn cô ta có gọi cho tôi vài lần nữa, nhưng thấy số điện thoại quen, tôi tắt luôn máy. Dần dần cô ta hiểu ý, không gọi nữa. Mối quan hệ hai bên coi như không còn.

LỰA CHỌN CỦA ANH KHÔI

Năm 1955 – 1958.

Quan hệ giữa bố tôi và anh Khôi từ khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng, bề ngoài là yên bình và phải đạo, nhưng bên trong, dường như vẫn ẩn náu những sóng ngầm. Tôi biết bố tôi rất thương yêu anh, một thứ tình yêu nhẫn nại và thiên vị, không phải chỉ vì anh là con trai trưởng, là cháu đích tôn của dòng họ Nguyễn Hữu, vì thực tâm, bố tôi trân trọng dòng họ Đỗ Mai Lĩnh ở Xuân Mai, Phúc Yên bên mẹ tôi hơn. Cũng không phải anh Khôi luôn xuất sắc cả trong việc học hành lẫn quan hệ cộng đồng, vì riêng phần này, bố tôi không những không thích mà còn nhiều lo lắng về những biến động khôn lường. Lo lắng đấy, nhưng can ngăn thì không. Đối với những sơ sót của anh trong vụ lao động gây quỹ giúp bạn nghèo ở Phà Đen, vụ "cách mạng" chuồng xí ở Trần Nhật Duật, ông đều tỏ ra rộng lượng, mặc dù sau mỗi vụ, nỗi lo lắng về anh lại chồng chất cao hơn. Trong khi anh Khôi, có lẽ tin rằng mình đã rất hiểu bố nên không nghĩ tới những nỗi lo của bố. Khi sự lo lắng quá giới hạn thì sóng ngầm sẽ nổi lên thành bão.

Năm cuối cấp hai của anh Khôi, trường Chu Văn An của anh tổ chức cho học sinh đi lao động nhiều ngày ở nông trường An Khánh, Xuân Mai, Hòa Bình. Đây là nông trường của anh em bộ đội miền Nam tập kết ra Bắc sau hiệp định Genève 1954, chia cắt hai miền Nam Bắc. Những ngày sống và làm việc ở đây, anh Khôi, với bản tính quảng giao, chan hòa, luôn thu hút những người quanh mình, đã kết thân được với nhiều người… Sau đợt lao động này, các anh ở nông trường, vào những dịp chiều thứ Bảy, Chủ nhật, kéo nhau về Hà Nội, tụ tập ở Câu lạc bộ Thống Nhất, nằm ở góc đường Lê Thái Tổ, Hàng Trống, nơi dành riêng cho

những sinh hoạt, hội họp, của cán bộ, bộ đội miền Nam tập kết, cách nhà tôi chưa đầy trăm mét. Các anh đều thích kéo nhau về nhà tôi, coi anh Khôi là em kết nghĩa, còn bố tôi thì các anh nhận là bố nuôi. Họ còn nói vui nhà tôi là Câu lạc bộ Thống Nhất 2.

Những năm tháng đó, Hà Nội được gọi là vùng từng bị địch tạm chiếm. Cán bộ quản lý thành phố các cấp, các ngành, hầu hết từ chiến khu về, thường xuyên được nhắc nhở phải tuyệt đối đề cao cảnh giác để không bị "ăn đạn bọc đường". Còn học sinh từ lớp năm trở lên, mỗi đầu niên khóa đều phải khai lại lý lịch gia đình. Nhà nào có người làm việc hoặc dính líu ít nhiều đến chế độ cũ thì có cố giấu cũng không giấu được, còn nhà có người di cư vào Nam không ai biết thì sống để bụng, chết mang theo. Giờ, được sống giữa những người miền Nam thoải mái, phóng khoáng, nghĩ gì nói đó, kiểu một ngày sống bên nhau cũng là đồng hương, bố tôi như một người khác hẳn, tri âm gặp tri kỷ, ông cũng nghĩ gì nói đó, ôn lại những ngày tháng mình từng sống trong Nam, với các "đồng hương". Gia đình tôi ảnh hưởng rất nhiều từ nếp sống khắc kỷ và phải đạo bên gia tộc Mai Lĩnh của mẹ tôi, với gam màu chủ đạo là trầm và ít sôi động, nên ngày nào bố tôi vui là cả nhà đều vui. Chính những ngày bố tôi cởi mở cùng các khách từ nông trường, tôi - thằng bé luôn nghe hóng chuyện người lớn - mới biết bố từng làm báo và xuất bản ở Sài Gòn thời mặt trận Bình Dân mấy năm 1936 – 1939; cụ ngoại là Đỗ Văn Phong, nhân sĩ chống Pháp, vượt ngục ở Guyana về, sống rồi mất tại Bạc Liêu năm 1931; cậu ruột Đỗ Hữu Bảo là rể Bến Tre, bộ đội Việt Minh, hy sinh trong kháng chiến chống Pháp 1947; dì ruột Đỗ Thị Doanh làm dâu ở Sài Gòn từ năm 1941… Trước đó tôi chỉ biết chuyện ông bà ngoại, gia đình dì Diệu, cùng gần nửa gia tộc Mai Lĩnh đã di cư vào Nam năm 1954 đang ở Sài Gòn, điều mà hiển nhiên là bố tôi đã dặn có chết cũng phải giấu.

Trong số các khách nông trường Xuân Mai có trung tá Huỳnh Văn Dương, tức Bảy Dương. Anh là dân Sài Gòn - Gia Định ra Bắc tập kết, là

cấp phó phụ trách nông trường. Từ việc quý anh Khôi, đến việc biết bố tôi, hai bên trò chuyện mới vỡ ra bố anh cũng là dân làm báo ở Sài Gòn. Sau, anh Bảy được điều về Hà Nội, công tác tại Ban Tổ chức Trung ương, thường xuyên qua lại nhà tôi như người trong gia đình.

Một buổi tối, anh Bảy đến nhà gặp bố tôi. Sau đó, bố tôi gọi anh Khôi ra phòng khách.

- Những ngày qua, bố có nhờ anh Bảy lo một việc hệ trọng về tương lai của con. Vì không biết việc có thành hay không, nên bố vẫn giấu, không cho con biết. Nay việc đã xong, bố mới gọi con để báo tin mừng.

Anh Khôi nhìn anh Bảy:

- Chuyện gì thế ạ?

Bố tôi bảo anh Bảy:

- Con cho em biết đi.

Anh Bảy nói:

- Anh đã thu xếp xong các thủ tục để em nằm trong số một trăm học sinh Việt Nam xuất sắc được cử sang Liên Xô học vào tháng Sáu này. Đây là lứa được Trung ương chủ trương đưa đi đào tạo làm lực lượng kế thừa trong tương lai…

Anh Khôi:

- Thật là quá bất ngờ. Được đến quê hương cách mạng tháng Mười, cái nôi của cách mạng vô sản thế giới, thiên đường của chủ nghĩa xã hội, là mơ ước của bao nhiêu người.

- Như vậy, tháng Sáu này sẽ đi. Tức là ngay từ bây giờ, phải lo các thủ tục giấy tờ ở trường Chu Văn An, rồi cắt chuyển hộ khẩu, làm hộ chiếu xuất cảnh…

Anh Khôi đắn đo:

- Em biết phải rất thương em, anh mới dành được cho em cơ hội đi học này, nhưng em có ý kiến được không?

- Em cứ nói.

- Được đi học em rất mừng, nên để mất cơ hội này, em sẽ rất tiếc. Tuy

nhiên, em đang là một Đoàn viên Thanh niên Cứu quốc. Đất nước tuy hòa bình, nhưng vẫn hai miền chia cắt, kẻ thù Mỹ - Diệm vẫn ở bên kia bờ Bến Hải, trong khi miền Bắc đang vô vàn khó khăn về mọi mặt… nên em muốn nhường xuất đi này cho bạn khác… Em sẽ học vào lúc khác… Lúc đất nước cần tuổi trẻ hy sinh và cống hiến, mình lại không có mặt thì em không thể.

Bố tôi quá bất ngờ, gắt:

- Con tưởng đây là chuyện đùa chắc?

Anh Bảy vội xuê xoa:

- Con xin bố bình tĩnh. - Rồi anh tiếp tục nói với anh Khôi. - Em nói về hiện tại của đất nước thì rất đúng và anh càng quý em hơn. Nhưng tương lai thì sao? Nếu ngay từ bây giờ, chúng ta không chuẩn bị lực lượng cho tương lai, khi thống nhất đất nước mới lo thì Việt Nam sẽ tụt hậu so với thế giới.

Anh Khôi:

- Thiếu em thì vẫn có hàng vạn bạn khác giỏi hơn… Riêng phần em, em đang muốn phấn đấu để có những thứ mình đang thiếu.

- Thứ gì?

- Đó là "thép đã tôi trong lửa đỏ và nước lạnh".

Anh Bảy hơi lặng đi. Còn bàn tay đang đặt trên bàn của bố tôi run lên. Hai mắt ông tối lại.

Anh Bảy vẫn giữ giọng nhẫn nại:

- Anh cũng đọc Thép đã tôi thế đấy và cũng từng sống theo gương Paven. Anh cũng rút ra, mỗi người trẻ chúng ta cần phải sống với cuộc sống thực mà mình đang sống, chứ không phải sống như những khuôn mẫu trong các tiểu thuyết.

Anh Khôi giải thích:

- Em rất hiểu lời khuyên của anh, nhưng vì… vì đầu tháng trước, em đã lên Trung ương Đoàn ghi tên tham gia Đoàn Thanh niên Xung phong Hà Nội lên mở đường trên Lào Cai. - Thấy bố tôi và anh Bảy cùng sững

sờ, anh Khôi nói tiếp. - Như vậy, ngoài ý định phấn đấu, em còn đứng trước vấn đề danh dự.

Mặt bố tôi bừng bừng, nhưng ông không to tiếng:

- Sao chuyện lớn này, con không hỏi ý kiến bố?

- Vì con biết bố sẽ không đồng ý.

Anh Bảy khẽ lắc đầu:

- Sao em vội thế? Làm đường thì tìm đâu cũng ra hàng ngàn, thậm chí, hàng vạn người, nhưng những trí thức xuất sắc thì hàng vạn, thậm chí, hàng triệu người mới có một người.

Bố tôi không nén được tức giận:

- Ngay ngày mai, con phải lên Trung ương Đoàn xin rút tên.

Dứt lời, bố tôi đùng đùng bỏ ra ngoài sân. Trước khi ra khỏi phòng, ông còn quay lại chỉ mặt anh Khôi:

- Suốt thời gian qua, bố đã để cho con tự do vì nghĩ đó là thứ tự do hiểu biết, không ngờ lại là thứ tự do mù quáng.

Anh Bảy nói với anh Khôi:

- Bố em tức giận là đúng. Chuyện lớn này, dù biết bố không đồng tình cũng vẫn cứ phải trao đổi.

Anh Khôi ngậm ngùi:

- Em sẽ xin lỗi bố… Và em cũng xin lỗi vì đã từ chối nhiệt tình của anh. - Anh Khôi nghẹn ngào. - Thực ra, em cũng chưa ghi tên đi Thanh niên Xung phong ở Trung ương Đoàn… Trên tất cả, chỉ là em muốn đứng và đi trên đôi chân của mình, không phải dựa vào bất cứ ai.

Anh Bảy hơi ngẩn ra, rồi nói:

- Anh hiểu rồi. Chuyện này, anh sẽ nói chuyện riêng với em sau, để chúng ta cùng tìm ra mẫu số chung.

Rồi anh đi nhanh theo bố tôi ra sân. Không rõ hai người nói với nhau những chuyện gì, một lúc lâu sau bố quay vào, nét mặt bố tôi cũng dịu đi. Anh Khôi vẫn ngồi im ở bàn nước. Có lẽ cố ý chờ bố tôi vào để chịu trận.

Bố tôi ngồi xuống chiếc ghế đối diện:

- Lúc nãy, con nói con hiểu bố là hiểu thế nào?

- Bố là một tấm gương về sự hiểu biết và nhân cách, chúng con cần phải học tập rất nhiều.

Bố tôi cố dịu giọng:

- Thế là con biết một mà không biết mười. Con có biết tại sao năm 1955, tỉnh Phúc Yên có công văn mời bố về nhận lại ruộng đất ở Lập Chí từng bị Pháp chiếm làm vành đai trắng, nhưng bố đã làm văn bản hiến hết cho chính quyền, dù đó là đất ba đời nhà mình lập ấp làm nên, phải đổ bao nhiêu mồ hôi, sôi bao nhiêu nước mắt mới có không?

- Chuyện này con không biết.

- Nhưng con biết chuyện năm 1956 bố bán nhà ở Trần Nhật Duật để đi ở nhà thuê, trả môn bài kinh doanh tạp hóa của cô, trong khi thời buổi kinh tế ngày một khó khăn và đó là nguồn sống rất quan trọng của gia đình đông con như nhà mình không?

- Thưa, con biết.

- Nhưng chắc chắn con không biết tại sao. Bố không nói, làm sao con biết. Giờ bố nói để con rõ. Hồi ở chiến khu Việt Bắc những năm 1947 - 1949, bố ở Cục Quân dược, phụ trách việc thu mua và nhập dược liệu từ Quảng Tây, Vân Nam về cho xưởng chế biến thuốc của Bộ Quốc phòng, nên nhiều lần sang Trung Quốc, thời điểm Đảng Cộng sản Trung Quốc đang thắng thế trước Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch. Bố đã sớm thấy tấn bi kịch nặng nề về sự kỳ thị tầng lớp tư hữu tài sản.

Anh Khôi đã phần nào trấn tĩnh trước sự mềm mỏng của bố:

- Con nghe các anh tuyên huấn nói, ở Việt Nam, nếu có ảnh hưởng cũng chỉ nhất thời.

- Nhất thời là bao lâu? Cải cách ruộng đất, và bây giờ đang bắt đầu cải tạo tư sản... Chắc chắn cái nhất thời đó không chỉ diễn ra một ngày hay một tháng. Nhưng nếu chỉ một ngày, mà ngày ấy rơi trúng nhà mình thì sao?

Anh Khôi ngồi im.

- Bên Trung Quốc, con cái các gia đình không thuộc thành phần công, nông, cán bộ, đều không được vào đại học, mà lùa hết đến các vùng nông thôn, các công, nông trường để cải tạo lao động, nên nhìn vào tương lai các con, bố phải lo cứu từng đứa. Chị Tâm sắp tốt nghiệp Đại học Sư phạm, xấu nhất thì khi ra trường chỉ bị điều đi tỉnh xa, có thể khổ một chút, nhưng cũng coi như thoát. Còn con, được anh Bảy giúp qua Liên Xô, cũng coi là thoát thêm một đứa… Phải ba năm nữa mới đến thằng Tuấn, nhưng với điều kiện bố vẫn được an toàn. Con đừng quên vụ bố bỏ chiến khu về vùng địch vì gia đình đông con, nếu cho qua thì là chuyện nhỏ, nhưng cố ý tính tội, bố không phải là vô tội.

Anh Khôi tiếp tục ngồi im, nhưng nước mắt đầm đìa.

Không khí trong nhà tôi từ hôm đó hết sức nặng nề. Nhưng cũng từ hôm đó, chuyện anh đi Thanh niên Xung phong chỉ có anh bàn với bố, thỉnh thoảng có thêm chị Tâm và anh Bảy Dương, không diễn ra trước mặt trẻ con, nên tôi không biết thế nào. Chỉ biết cuối cùng anh Khôi vẫn đi.

Anh lên đường ở trụ sở Trung ương Đoàn Thanh niên Cứu quốc, 64 Bà Triệu, chỉ có chị Tâm, anh Bảy Dương và phút cuối cùng, người không ai ngờ là anh Bích cán bộ Ban Cải tạo Công Thương nghiệp thành phố, cán bộ miền Nam tập kết, cựu thành viên nông trường Xuân Mai, rất thân với bố tôi, đến tiễn. Tôi với thằng Vinh quá nhỏ để nhận thức đúng về giá trị cũng như có cảm xúc về sự ra đi của anh mình. Chỉ thấy anh rất kiên định về cuộc ra đi giàu sức mạnh lý tưởng, thì mình cũng ngầm đồng tình theo sinh khí của tâm lý thời thế. Chỉ đến năm tôi tốt nghiệp lớp mười, đến lượt tôi ra vùng mỏ Quảng Ninh, rồi Vinh vào Quảng Bình, kế Vinh là Hiển (con lớn của mẹ kế) vào Nghệ Tĩnh, đều là những nơi máy bay Mỹ ném bom ác liệt, hàng chục vạn tuổi trẻ cả nước thành "thép đã tôi trong lửa đỏ và nước lạnh", mới thấy thương anh vô hạn.

Đến năm 1962, khi tôi đang học lớp chín, còn Vinh học lớp tám, cùng trường Chu Văn An 3A, những linh cảm có tính dự báo của bố tôi về tai họa có thể đến với mình đã xảy ra, khi nhà in T&X, nơi ông đang làm việc, bị quốc hữu hóa bằng vụ án được dàn dựng một cách thô lậu. Năm đó, nhân dịp Tổng thống Indonesia Sukarno sang thăm Việt Nam, nhà in được Bộ Văn hóa đặt in vài trăm ngàn ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng thống Sukarno khổ lớn. Hà Nội năm đó, chỉ có hai nhà in có máy in tự động và offset, trong đó có T&X. Một kẻ giấu mặt trong nhà in, nhân người thợ trực máy đi chỗ khác, đã ném tàn thuốc lá vào li-tô cán màu, khiến vài trăm tấm ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh in ở thời điểm bị ném, nhòe một mắt. Do những tấm tiếp sau không sao, nên việc kiểm tra thành phẩm trước khi giao hàng, theo xác suất, lại không trúng những bức bị nhòe. Lúc ảnh phát hành ra thị trường mới bị phát hiện, thế là thành vụ án phản động. Bốn thợ máy chính, phụ, thuộc hai ca trực in, bị bắt giam. Thợ máy tên Phát, kẻ giấu mặt ném tàn thuốc theo chỉ đạo của tên Định, trưởng xưởng đúc, xếp chữ, kiêm thư ký Công đoàn, không ngờ sự việc dẫn đến hậu quả tệ hại cho đồng nghiệp, trong đó có anh vợ mình nên sau đó đã phát điên, phải đưa vào bệnh viện tâm thần Châu Quỳ, ở cho đến lúc chết. Bố tôi và ông Kình, nhân vật số một và số hai của T&X đương nhiên bị liên đới trách nhiệm. Ông Kình cũng bị bắt. Còn bố tôi, nhờ có thời gian tham gia kháng chiến, chỉ bị bàn giao chức giám đốc cho Định, xuống làm thợ đóng sách, chờ ý kiến chỉ đạo của cấp trên về phương án xử lý chính thức. Tuy nhiên, một lệnh khám nhà vẫn ban ra. Hàng ngàn cuốn sách của nhà xuất bản Mai Lĩnh thời kỳ hoàng kim những năm từ 1936 đến 1943, ông ngoại tôi di cư vào Nam không đưa đi được, bố tôi lưu giữ suốt nhiều năm như báu vật đã bị lôi ra. Đó là sách của các nhà văn: Vũ Trọng Phụng, Phạm Cao Củng, Đào Trinh Nhất, Lê Văn Trương…, các tác phẩm như Tắt đèn, Bước đường cùng, Vang bóng một thời… của Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Nguyễn Tuân, các nhà văn công thần tham gia kháng chiến, đang sống sờ sờ ở Hà Nội,

nhưng là sách in trong thời Pháp thuộc, đều bị bỏ chung một rọ là "văn hóa đồi trụy của chế độ cũ", và bị tịch thu. Đến gần sáu chục năm sau, khi vụ án bị quên đi, nhà xuất bản Mai Lĩnh được lịch sử văn hóa Việt Nam tôn vinh là một trong những địa chỉ vàng đầu tiên của ngành xuất bản Việt Nam, với khuynh hướng yêu nước tiến bộ, chuyên in tác phẩm của các nhà văn cũng yêu nước và tiến bộ, nhưng thời điểm đó, bố tôi, với mọi cố gắng để chứng tỏ mình chỉ là người làm thuê, vẫn tránh trời không khỏi nắng.

Còn tôi, tốt nghiệp lớp mười năm 1963, chỉ có con đường duy nhất gia nhập Đoàn Thanh niên Xung phong tháng Tám Thủ đô, chìm nổi trong nghề ô tô lâm nghiệp, khắp các tỉnh núi rừng miền Bắc, từ Quảng Ninh, Lạng Sơn, Sơn La, đến Quảng Bình, Quảng Trị, suốt thời kỳ chiến tranh chống Mỹ. Và dù không muốn theo bước anh Khôi, tôi cũng thành "thép đã tôi trong lửa đỏ và nước lạnh".

TRONG RỦI CÓ MAY

Tháng Mười năm 2009.

Vụ tìm hài cốt anh Khôi bị Tư Bông lừa, mất mười triệu, không để lại vấn vương nhiều, vì thu nhập thường xuyên của chúng tôi không khiến sự mất mát đó là chuyện lớn. Nỗi tự ái đắng họng vì mang tiếng nhà văn, nhà báo lại bị lừa một cách quá đơn giản, ban đầu khá sốc, cuối cùng cũng dịu đi, khi chúng tôi tìm được cách ngụy biện: do quá thiên về cảm xúc tìm anh Khôi bằng được mà phần tỉnh táo bị che mờ… Hai vợ chồng chỉ còn bận tâm về việc tìm cách nào dễ chịu nhất để thanh minh, xin lỗi gia tộc, họ hàng và chính quyền địa phương ở quê. Bỗng một hôm, vợ tôi nói:

- Chuyện hài cốt trong mộ anh Khôi rõ ràng là giả rồi… Nhưng nhỡ đó đúng là hài cốt thật, thì tức là hài cốt của người khác, phải làm sao?

Dù vô thần một trăm phần trăm, tôi cũng nghe như sét đánh ngang tai. Tôi tức giận phát run:

- Nếu đúng như vậy thì thật kinh khủng. Nếu là hài cốt người khác thì phải kiện con Tư Bông ra tòa.

Thời điểm đó, đọc sách báo, nghe truyền miệng về những vụ gọi hồn và khả năng liên lạc với những người cõi âm của các nhà ngoại cảm, rồi theo Tư Bông trong vụ gọi hồn anh Khôi, niềm tin của chúng tôi ở chuyện này, chỉ ở mức thiên hạ tin thì mình theo, vì quá nôn nóng trong vụ tìm hài cốt ông anh, chứ cơ sở thuyết phục lẫn bằng chứng tin cậy, hoàn toàn chưa đủ. Nhưng việc đưa hài cốt người ngoài về đất thiêng, nơi thờ phụng của gia tộc, không chỉ xúc phạm, lừa dối tổ tiên, gia tộc chúng tôi, mà còn xúc phạm cả gia đình, gia tộc của hài cốt đó, thì dẫu chưa tin lắm vào thế giới tâm linh, chúng tôi cũng hoảng sợ. Nếu gọi

điện cho Tư Bông làm lành, rồi hỏi về vụ thật, giả này, chắc chắn không hy vọng. Dễ gì tìm được câu trả lời thật thà ở ả siêu lừa đảo này.

Vợ tôi, chiều tối nào cũng thắp nhang trên bàn thờ xin lỗi các cụ tổ tiên, bố, hai mẹ và anh Khôi về vụ sai phạm này.

Tôi nói với vợ:

- Cầu trời trong mộ chỉ là đất, chứ không phải hài cốt người khác.

Chuyện ê chề này lẽ ra chỉ hai vợ chồng biết, rồi chôn sâu vào câm lặng, nhưng không đưa được cái mộ giả, nếu chứa hài cốt người khác, ra khỏi nghĩa trang gia tộc, thậm chí còn phải trả về chỗ cũ, thì vợ chồng tôi không thể ăn ngon, ngủ yên. Nghĩ đến chuyện phải tìm một nhà ngoại cảm khác để hóa giải, chúng tôi cùng rùng mình. Việc chọn Tư Bông, chúng tôi cũng đã cẩn thận tìm hiểu cả chục người trong cuộc, và từ đầu đến cuối, chúng tôi đều trên tinh thần phản biện và giám sát từng đường đi nước bước của ả, rốt cuộc lại thế này. Phương án tìm nhà ngoại cảm thứ hai bị gạt đi. Tôi sực nhớ trong những nhà văn, nghệ sĩ, bạn thân mình có một số hiểu biết và đeo đuổi chuyện tâm linh thuộc loại có hạng. Mấy chục năm chơi với nhau, vì bụt chùa nhà không thiêng, nên gặp nhau, bạn thì nói những chuyện này nghiêm túc, còn mình chỉ tán cho vui. Giờ tại sao không tham khảo? Hai vợ chồng ngồi trao đổi, duyệt lại "đội quân" sống đời nhập thánh này.

Năm 1979, tôi đón bố tôi từ Hà Nội vào Sài Gòn ở cùng. Bố tôi bảo: "Anh Khôi mất rồi, con là thứ, nay thành trưởng, thay anh Khôi là cháu đích tôn dòng họ Nguyễn Hữu, nên phải có bàn thờ". Khi đó, nhà tôi ở quận Phú Nhuận. Nhân nhà văn Lê Phương, tác giả tiểu thuyết *Thung Lũng Cô Tan* vang bóng một thời, một trong những trùm tử vi và kinh dịch đất Bắc, vào Sài Gòn công tác, tôi nhờ anh tìm chỗ và hướng đặt bàn thờ trong nhà. Tin thì ít mà theo phong tục thì nhiều.

Năm 1990, chúng tôi chuyển sang quận Gò Vấp, bàn thờ cũng chuyển theo, lại nhờ Thanh Vân, đàn em của họa sĩ Nguyễn Thị Hiền, gốc là nghệ sĩ múa đoàn Văn công Quân Giải phóng Miền Nam thời chiến tranh

chống Mỹ, nay là thầy tướng số có "thương hiệu", chuyên chọn ngày, chọn đất, xem chân tướng cho các chủ doanh nghiệp, các ông này bà kia thứ dữ. Cũng theo phong tục là chính, tin là phụ. Họa sĩ Nguyễn Thị Hiền kể rằng từ khi ông xã là nhà tâm linh học Lê Dưỡng Hạo (cũng là bạn học của tôi và Phạm Văn Lân) mất, cứ thắp nhang trước bàn thờ, là một con bướm trắng xuất hiện như hiện thân của anh Hạo, tạo đường dây cho Hiền liên lạc được với cõi âm…

Sửa nhà cũ, xây nhà mới, khai trương trường học, chúng tôi đều nhờ học giả Lê Khánh Trường xem ngày, đến cúng và đo từng khung cửa. Thiên hạ làm, mình cũng theo, chứ tin cũng mù mờ.

Người đẹp Hồng Quang, phu nhân Phạm Văn Lân, chủ nhà hàng, khách sạn Lotus, bạn học với tôi hồi trung học, là con chim sơn ca nổi tiếng trong đoàn Ca múa nhạc Trung ương suốt hai chục năm chiến tranh. Hòa bình lập lại, bỗng nhiên trở thành bà đồng, bỏ chục tỷ đồng ra xây đền Bảo Hà, thờ Đức Thánh Trần và ông Hoàng Bảy (danh tướng dưới trướng Trần Hưng Đạo, trấn ải phương Bắc), ở Lồ Ô, quận Thủ Đức, ngoại thành Sài Gòn. Bạn bè của Lân, Quang, trong đó có vợ chồng tôi cũng thành con nhang đệ tử, cũng mê mẩn xem Quang múa hát chầu văn và phán truyền, chia lộc, nhưng xem thánh Mẫu Thượng Ngàn nhập vào đồng là phụ mà hồi tưởng lại thời "Tiếng hát át tiếng bom" là chính.

Danh sách bạn bè sống đời "nhập thánh" khá dài. Ai sẽ là người kín miệng nhất? Cuối cùng, chúng tôi quyết định chọn nhà văn Nguyễn Nguyên Bảy, cũng là một thầy phong thủy nổi danh, mặc dù biết thừa đã tâm sự với các văn nghệ sĩ Việt Nam không khác gì tâm sự với toàn thế giới. Tôi bấm điện thoại gọi anh.

Hóa ra vợ chồng Nguyễn Nguyên Bảy, Lý Phương Liên đang ở Mỹ, thăm hai gia đình con trai và con gái.

- Xin chào đồng hương. - Bảy bắt máy với giọng vui vẻ.

- Tôi có việc muốn nhờ ông. Nhưng việc này là chuyện danh dự của chúng tôi, ông phải giữ bí mật, tuyệt đối không được lộ cho người thứ

hai, kể cả Phương Liên.

Giọng Nguyễn Nguyên Bảy phấn chấn như người lâu không được nói tiếng Việt:

- Yên tâm đi. Ông bà chọn tôi để giữ bí mật tuyệt đối là chính xác rồi. Nhưng ông đừng nói tiếp mà để tôi nói trước. Ông bà đang vừa bị lừa mất tiền nên mới cầu cứu tôi phải không?

Máy điện thoại của tôi đang mở loa ngoài, nên vợ tôi cũng nghe. Hai chúng tôi cùng kinh ngạc, nhưng vợ tôi vẫn chống chế:

- Anh nói đúng mà cũng không đúng. Đây là chuyện của bạn em chứ không phải của anh Tuấn và em. Chuyện mất tiền cũng sai vì do số tiền mất không lớn nên họ không tính là mất.

- Mất một xu cũng là mất. Ông bà nói tiếp đi.

Tôi nói:

- Nguyên thằng bạn tôi vốn tin vào chuyện tâm linh, có nhờ một nhà ngoại cảm tìm hài cốt ông anh hy sinh ở chiến trường miền Nam sau bốn mươi năm mất tích. Cuối cùng tìm được và đưa được hài cốt về an táng ở nghĩa trang ngoài quê miền Bắc. Mọi chuyện xong rồi, mới biết là nhầm. Theo ông, chuyện này nên xử lý thế nào?

Nguyễn Nguyên Bảy nói ngay:

- Chuyện lẫn lộn này, ông bà không phải là người đầu tiên nhờ tôi. Bản chất của sự việc là nhầm hay lừa, tôi không bàn. Đây là chuyện sai phạm nghiêm trọng về cả đạo lý, pháp lý lẫn tâm linh, nên ông hãy nói với thằng bạn mù quáng của ông là giá nào cũng phải công khai với gia đình, họ hàng, nếu chính quyền biết, cũng phải công khai với chính quyền, để bỏ ngôi mộ giả ấy đi. Đấy là trường hợp nếu trong mộ chỉ có đất và những lưu vật giả. Trường hợp là hài cốt người khác, sẽ hết sức phức tạp và vô cùng nghiêm trọng. Trả lại chỗ cũ thì không thể được, nhưng đưa đi chỗ khác thì đưa đi đâu, nếu không biết chủ của bộ hài cốt là ai? Đó là duy vật, còn duy tâm thì bạn ông bà tuy vô tình nhưng vẫn là phạm trọng tội.

Bỗng trong máy điện thoại có tiếng véo von, chúng tôi nhận ngay ra giọng Lý Phương Liên:

- Về tâm linh thì đây là chuyện rất nghiêm trọng, hậu quả khôn lường, anh không coi thường được đâu.

Vợ tôi càu nhàu với riêng tôi:

- Đã nói là không được lộ với ai, vậy mà ông ấy vẫn dính vợ vào.

Nguyễn Nguyên Bảy nói tiếp:

- Hóa giải vụ này thế nào, tôi có nói cách nào qua điện thoại thì ông và thằng bạn ngu của ông cũng không giải quyết được, nên chỉ có cách đợi tôi bay về. Nhưng bây giờ, ông hãy hỏi thằng bạn ông, đã biết chính xác bộ hài cốt đó là của người khác chưa? Cần phải biết chính xác vì có khi nó chỉ toàn đất, có khi là xương động vật…

Tôi lúng túng:

- Thực ra vụ hài cốt người khác mới chỉ là giả thiết…

Nguyễn Nguyên Bảy la lên:

- Trời ơi! Tôi nghi vụ này chẳng phải của thằng bạn nào mà của chính nhà ông lắm. Nhưng thôi, cứ cho là chuyện của bạn ông thì ngay hôm nay, ông bảo nó bay về quê, xin phép những người có trách nhiệm để khai quật mộ, mở nắp tiểu đựng hài cốt, nhờ thêm người có chuyên môn xác định chính xác xương cốt còn sót lại trong đó là gì. Sau đó, ông gọi lại cho tôi.

Trò chuyện với Nguyễn Nguyên Bảy xong, vợ chồng tôi cùng thẫn thờ. Vợ tôi lại càu nhàu:

- Ông nội này thất tín ngay từ đầu, liệu có tin được không? Đã dặn đi dặn lại đừng nói với ai.

Tôi cũng hậm hực vì việc đó, nhưng vẫn nói:

- Thực ra nhiệt tình và tư vấn của Nguyễn Nguyên Bảy cũng bổ ích. - Rồi tôi tự an ủi theo thuyết "thắng lợi tinh thần" của AQ trong truyện ngắn Lỗ Tấn. - Ở nước Mỹ xa xôi, thằng Việt Nam yêu nước nào cũng thèm nghe tiếng nói từ quê hương, có khi cha nội này cho cả con trai,

con gái, con dâu, con rể, lẫn cháu nội, cháu ngoại cùng nghe, thì giá trị tích cực nhiều hơn ý nghĩa tiêu cực, mình không nên chấp. Chưa kể bệnh "nghe hơi nồi chõ" kinh niên ở Việt Nam có lan rộng sang tận Mỹ thì cũng như muối bỏ biển, vì dân Mỹ nó cũng chẳng biết gì.

Thay vì bay về quê theo lời khuyên của Nguyễn Nguyên Bảy, vợ chồng tôi quyết định lặng lẽ bay ra Huế. Chuyến đi này, chúng tôi rủ thêm được Quang Sang, trung tá cảnh sát hình sự, chuyên viên khám nghiệm hiện trường, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, được đào tạo ở Đức. Sang thuộc nhóm bạn học thời trung học chơi với Thuận Ánh, con gái lớn của tôi. Khi biết chúng tôi đi Huế xem xét lại nơi đào "hài cốt" bác Khôi, Ánh đã giới thiệu bạn. Sang vui vẻ nhận lời. Để Sang có tư duy khách quan, chúng tôi giấu vụ chiếc lọ Penicillin. Tuy được đào tạo ở trời Tây, cậu ta vẫn dặn chúng tôi trước khi đi phải thắp nhang trên bàn thờ, cầu xin Trời Phật Thánh Thần, các linh hồn tổ tiên dòng họ và bác Khôi phù hộ. Tôi nói:

- Cháu là U40 mà cũng tin tâm linh?

Sang bảo:

- Có nhiều chuyện không đủ chứng lý, nhưng không tin không được, nên tốt nhất vẫn là "có thờ có thiêng"…

Chuyến ra Huế được thực hiện âm thầm. Chúng tôi cố ý không ở khách sạn cũ, không cho Nguyễn Quang Hà và Quốc Toản biết, cũng không tận dụng thổ công taxi Lê Văn Quý. Đường đi nước bước ở Huế, do chuyến đi trước vội vội vàng vàng, phần nhiều vào sáng sớm và tối nhập nhòe, nên không kịp ghi nhận địa hình, địa vật. Tôi chỉ nhớ chiếc Innova do Năm Được lái có đi qua đàn Nam Giao, nên quyết định chọn nơi đó làm điểm xuất phát.

Ngồi ở quán cà phê gần đàn Nam Giao, chưa biết lần hồi ra sao thì rất may, khi thử hỏi mấy người lớn tuổi ngồi bàn bên về vùng đất của dòng họ ông Bảy Tuệ, tức Võ Minh Tuệ, thì lại có người biết. Người đó còn nhiệt tình đi cùng xe để chỉ đường. Quang Sang đắc ý:

- Đang lo việc khó nhất là tìm đường, lại có quý nhân phù trợ. Có khi do hai bác thắp nhang từ ở nhà.

Hóa ra vùng đất dòng họ ông Bảy Tuệ chỉ cách đàn Nam Giao chừng bốn cây số nhưng Năm Được cố ý đi loanh quanh để chúng tôi mất phương hướng. Xe vừa dừng ở chân đồi, vợ chồng tôi đang lo tìm chỗ đặt trái cây, đồ lễ và thắp nhang, Sang đã đạp đám cây cỏ dại, lách theo khoảng trống giữa các hàng mộ chí lên đến huyệt đất mà Tư Bông đã thuê đám bốn người già gầy guộc đào lên. Huyệt đất rộng, một chiều chừng mét rưỡi, sâu hơn một mét, vẫn còn nguyên những dấu vết mới đào. Trời đang nắng gắt nên đất khô căng, dưới đáy huyệt có mấy hòn đá, hàng chục đầu đạn AK han gỉ, một túi ni lông đựng thứ bột màu đen và mấy thứ quần áo rách.

Sang bảo:

- Hai bác để cháu xuống. - Cậu ta nhảy nhẹ xuống hố, chuyển tất cả các thứ lên trên, rồi xem kỹ từng chút thành và đáy huyệt.

- Có thấy gì không?

Sang dùng hai tay vịn vách huyệt, nhảy lên trên, nói:

- Tất cả những thứ này không lẫn lộn gì với đất, mà đều từ ngoài mang vào. - Sang dốc túi ni lông đựng thứ bột màu đen còn lại không nhiều ra tay, vê, bóp, rồi đưa lên mũi ngửi. - Đây là bột than củi trộn với một ít vụn xương động vật, chắc chắn không phải xương người.

- Làm sao phân biệt được?

Sang nói:

- Xương người chôn bốn chục năm đã mủn thành đất thì chỉ có mùi đất, còn xương này vẫn đang có mùi tanh. Những đầu đạn cũ gỉ này đều mới được quăng vào, vì chất và màu gỉ này là do ở ngoài trời, chứ không phải ở trong đất.

Vợ chồng tôi kể cho Sang nghe từ đầu vụ khai quật. Đến chi tiết Năm Được mang thùng nước Vĩnh Hảo và túi bánh mì kẹp thịt lên cho thợ, bị té ngã, Sang chăm chú nghe, rồi thốt lên:

- Chính lúc này, nó vờ té để đánh lạc hướng chú ý của mọi người, rồi đưa đồ giả vào trong huyệt để lừa hai bác.

- Điều quan trọng nhất khiến hai bác phải mời cháu ra đây, là để xác định những thứ hai bác đưa về quê có phải hài cốt người khác không?

Sang quả quyết:

- Trăm phần trăm là không.

Nghe Sang nói, vợ chồng tôi cùng nhẹ nhõm như trút được gánh nặng ngàn cân trong người.

Hai vợ chồng từ Huế về được mấy ngày thì cậu Hùng, hớt hải đến nhà, Hùng kể:

- Nhà bác Hán ở Thanh Hóa cũng nhờ mụ Tư Bông tìm hài cốt con trai là anh Sở, lính hải quân hy sinh ở đảo Cồn Cỏ, được chôn ở nghĩa trang liệt sĩ Quảng Bình, nhưng năm 1972, nghĩa trang này trúng bom B52, bị đào xới, nhiều mộ bị mất dấu. Con mẹ Tư Bông được mời đến tìm, khi đưa hài cốt về Thanh Hóa, gia đình đem đi thử ADN, hóa ra không đúng… Một số nhà khác nhờ Tư Bông tìm mộ cũng xôn xao, nghi bị Tư Bông lừa.

Tôi thất thần:

- Vậy vụ bác Lãng ở Hòa Bình thì sao?

Hùng nói:

- Biết tin vụ anh Sở, em gọi điện ra Thanh Hóa, hỏi anh Nhiên. Anh ấy nói, chiếc khóa thắt lưng lính mạ kền ở trong quan tài thì không thể lộn với ai. Nhưng anh ấy cùng cả nhà cũng sẽ kiểm lại vụ này từ đầu… Nếu cần sẽ tìm cách đi thử ADN.

Chúng tôi thực sự bị sốc… Chuyện của mình như vết thương sắp lên da non, lập tức tấy lại. Cuộc chiến tranh đã trôi qua lâu rồi mà người thân của những người lính hy sinh trong cuộc chiến vẫn tiếp tục lặn lội khắp các vùng đất nước, lần tìm mọi manh mối, bấu víu từng tia hy vọng, cầu cạnh đến cả thế giới tâm linh, tốn kém không biết bao nhiêu công sức, tiền của, thời gian, để tìm cho được hài cốt ruột thịt của mình,

vậy mà, những kẻ như Tư Bông đã lợi dụng để lừa đảo, kiếm sống trên sự cả tin thiêng liêng của những người đáng được trân trọng… Lặng lẽ chịu đựng sẽ không khác gì tiếp tay cho loại người này. Tôi quyết định sẽ báo công an để Tư Bông và đồng bọn phải bị cơ quan pháp luật ngăn chặn, trừng phạt.

Vợ chồng tôi lập tức bay ra Hà Nội. Con đường ngắn nhất luôn là con đường quen biết. Nguyễn Dũng, hiệu trưởng trường Đại học Văn Lang, Sài Gòn, bạn học cũ thời cấp hai ở Hà Nội của tôi, giới thiệu cho tôi cậu em Nguyễn Dĩnh, đại tá, Cục phó Cục Cảnh sát Truy nã Tội phạm, Bộ Công an. Dĩnh nhiệt tình hẹn chúng tôi đến văn phòng của anh làm việc. Buổi chiều hôm chúng tôi ra, vợ chồng nhà văn Chu Lai, Vũ Thị Hồng biết tin, lại gặp trước. Tôi và Chu Lai cùng thuộc lứa nhà văn trẻ xuất hiện trên văn đàn thời đầu chiến tranh chống Mỹ, đến nay đều đã ngoài sáu chục, cùng còn viết, nên vẫn chơi bền với nhau. Còn Vũ Thị Hồng và vợ tôi cùng học khóa 12 Đại học Tổng hợp Hà Nội, cùng là phóng viên chiến trường, chỉ khác là Hồng vào Khu Năm, còn vợ tôi vào Nam Bộ. Sau chiến tranh, cả hai may mắn cùng còn sống.

Trong lúc ăn tối, Chu Lai hỏi:

- Ông ra làm việc với VTV?

Thời gian này, qua báo chí truyền thông, nhiều người biết tôi đang hợp tác với VTV làm hai phim truyền hình nhiều tập là *Huyền Sử Thiên Đô*, bộ phim về Lý Công Uẩn và phim *Thái Sư Trần Thủ Độ*, cho đại lễ kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội. Nên tôi đính chính:

- Tôi ra để đến Bộ Công an tố cáo một bọn tội phạm chuyên lừa đảo tìm hài cốt liệt sĩ bằng cái danh ngoại cảm.

Vợ chồng tôi thay nhau kể cho Vũ Thị Hồng và Chu Lai nghe về vụ lừa ngoạn mục của Tư Bông và Năm Được, cuối cùng là cuộc hẹn sáng mai với đại tá Nguyễn Dĩnh.

Nghe xong, Chu Lai ngẫm nghĩ, rồi nói:

- Ai xác định được hai đứa đó là tội phạm mà ông đã đến Cục Truy

nã?... Có một người, tôi mà nhờ chắc chắn sẽ giúp các vị một cách nhiệt tình nhất. Ông có quen Hữu Ước, báo Công an Nhân dân không?

- Chỉ biết chứ không quen.

- Ông đánh giá Hữu Ước thế nào?

- Trong giới văn chương, báo chí, tôi nghe tiếng xấu nhiều hơn tốt, nhưng coi đó là sự hoang dại của thói đời. Riêng tôi, chỉ thấy ai là người lao động có máu lửa, có hiệu quả, đều đáng được trân trọng.

Chu Lai nói tiếp:

- Ông nghĩ vậy thì ngay bây giờ, tôi gọi điện cho Hữu Ước. - Anh cầm điện thoại di động, nhấn số của nhà văn Hữu Ước, Tổng Biên tập báo Công an Nhân dân.

Sáng hôm sau, chúng tôi đến gặp nhà văn Hữu Ước ở tòa soạn báo. Anh mặc thường phục, mời chúng tôi ăn sáng bằng tô phở do chính "đầu bếp" tòa soạn nấu, rồi hỏi:

- Ăn được không?

Phở không hợp khẩu vị, nhưng chúng tôi cũng vẫn lịch sự khen ngon. Lúc cùng uống cà phê, anh Hữu Ước mới nói:

- Hôm qua, nghe ông Chu Lai nói, tôi đã gọi điện ngay cho Bùi Tiến Quý, Viện trưởng Viện Khoa học Hình sự của Bộ, vì dù vợ chồng ông có mang bằng chứng nào ra đây, vẫn phải có kết quả giám định thì mới triển khai điều tra, sau đó là màn truy bắt tội phạm. Bùi Tiến Quý hẹn trong sáng nay gặp vợ chồng ông, nên lát nữa ông bà nên sang gặp anh ta luôn. Bùi Tiến Quý là Phó Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học, bạn tôi, một người rất thông minh và nhiệt tình với bạn bè, ông bà có thể tin anh ta như tin tôi.

Thế là chúng tôi nhảy taxi sang luôn Viện Khoa học Hình sự, Bộ Công an. Trên đường đi, tôi dặn vợ:

- Rút kinh nghiệm vụ Tư Bông, mình phải thận trọng, đừng lộ quá nhiều thông tin, xem anh ta đánh giá sự việc thế nào. Nếu gặp một nhân vật quan liêu thì thà để bọn tội phạm hoành hành, còn hơn mất quá

nhiều thời gian vào việc đuổi hình bắt bóng.

Tiến sĩ Bùi Tiến Quý tiếp chúng tôi ở phòng Viện trưởng. Anh khoảng năm mươi tuổi, người dong dỏng, gương mặt trí thức, thông minh, đúng như Hữu Ước nói. Lẽ ra phải đi họp, vì hẹn tiếp chúng tôi, nên anh đi trễ.

Ngồi đối diện với anh ở bàn làm việc, tôi trình bày tóm tắt sự việc và cố ý giấu những thông tin có thể dễ bị suy diễn. Khi tôi chìa ra lọ penicillin, trong có cuộn giấy ghi những thông tin về anh Khôi và một túi ni lông nhỏ đựng những vụn đất đen, được hiểu là có lẫn vụn xương từ hài cốt anh Khôi đào ở nghĩa trang ngoại vi thành phố Huế, Bùi Tiến Quý vừa thoáng nhìn, đã cười:

- Một cái lọ bốn chục năm chôn dưới đất, thủy tinh có thể không mất màu, nhưng nắp cao su thì phải bạc và cứng. Chỉ nhìn nắp cao su vẫn nguyên màu thế này đã biết ngay bị lừa rồi.

Tôi nói:

- Sự việc xong xuôi chúng tôi mới biết. Nếu chỉ vợ chồng tôi là nạn nhân, mình bị hớ thì mình ráng chịu, nhưng hài cốt liệt sĩ là chuyện thiêng liêng, sau sự cố, chúng tôi tìm hiểu lại, mới biết trước chúng tôi, cô ta đã lừa một số người khác. Nếu không kịp thời ngăn chặn và trừng trị, cô ta sẽ còn lừa nhiều người nữa, nên tôi mới tìm đến anh, nhờ giám định những thứ này, để có bằng chứng pháp lý, khởi tố và truy bắt tội phạm.

Bùi Tiến Quý nói:

- Việc giám định để cơ quan có trách nhiệm truy bắt hay khởi tố tội phạm, với chúng tôi không khó khăn, tôi sẽ cho làm ngay. Khoảng hơn chục năm gần đây, xuất hiện những nhà ngoại cảm tuyên bố có thể gọi hồn, giao lưu với người cõi âm, và có những linh cảm hoặc nhìn nhận đúng về người, vật và những hiện tượng nằm ngoài khả năng nhận biết thông thường của đời sống. Trước đây, tất cả những chuyện này bị gọi chung là mê tín dị đoan, bị đả phá, thậm chí những người này còn bị bắt

đi cải tạo. Nhưng thực tế, không riêng Việt Nam mà cả các nước văn minh hàng đầu thế giới cũng phải thừa nhận thực tế có những người có thể giao tiếp với cõi âm, nên Bộ Quốc phòng và Bộ Công an đã lập ra hai viện khoa học, chuyên nghiên cứu về đề tài này. Số nhà ngoại cảm, nghe lan truyền, phóng đại, tưởng rất nhiều nhưng thực tế không nhiều đến mức không thể biết hết. Nói cách khác, ai có năng lực thực tế và ai lợi dụng lời đồn đại thì với trách nhiệm tìm hiểu và nghiên cứu, Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Tiềm năng Con người và bên chúng tôi đều biết cả. Nên cô Tư Bông này, chủ ý tìm thì cũng dễ gặp, nếu anh chị đã quyết.

- Chúng tôi quyết tìm, nhằm để cơ quan pháp luật ngăn chặn, không để cô ta tiếp tục đi lừa nhiều người khác.

- Thế thì chuyện đó coi như xong, chỉ cần tôi cung cấp cho anh chị kết quả giám định nữa thôi. Nhân cuộc gặp này, theo tôi, ta nên bàn thêm về việc anh chị có còn quyết tâm tìm hài cốt anh Nguyễn Minh Khôi hay không?

- Tất nhiên là vẫn muốn, nhưng giờ chúng tôi không tin có thể tìm được.

- Đặc điểm của các nhà ngoại cảm mà chúng tôi nghiên cứu: có người xuất thần bộc lộ khả năng, có người nhờ chuyên tâm nghiên cứu tìm tòi, có người thì khả năng chỉ xuất hiện một thời gian rồi mất… Mình là người có nhu cầu, thì điều quan trọng là phải tìm đúng người có năng lực thật sự. Nếu anh chị vẫn muốn tìm hài cốt anh Khôi, tôi sẽ giới thiệu một người. Anh chị đồng ý thì chúng tôi cũng coi như vụ này nằm trong nội dung hợp tác và nghiên cứu của Viện.

- Người đó hiện ở đâu?

- Cậu này là Nguyễn Văn Lư, ở Hà Nam. Chắc anh chị sẽ bất ngờ, cậu ta chỉ mới hai mươi chín tuổi.

Tiến sĩ Bùi Tiến Quý ghi cho chúng tôi địa chỉ và nói định đi vào ngày nào thì báo cho anh biết, để anh báo cho cậu Lư.

Tưởng ở ngay Hà Nội, chứ phải đi tận Hà Nam thì hoàn toàn nằm ngoài "chương trình" của chuyến ra Bắc. Chúng tôi đồng tình một cách xã giao.

Lúc về, vợ chồng bảo nhau, về Sài Gòn, đợi vụ Tư Bông nguội hẳn rồi tính sau. Chúng tôi không nghi ngờ gì nhiệt tình của Tiến sĩ Bùi Tiến Quý, mà do cú lừa ngoạn mục của Tư Bông đã khiến nhiệt tình chạy theo thế giới ngoại cảm của chúng tôi đã giảm đi rất nhiều. Nhưng khi đến nhà chị Tâm tạm biệt để hôm sau về Sài Gòn, chúng tôi kể lại chuyện gặp Tiến sĩ Bùi Tiến Quý, vừa nghe thì cả chị Tâm lẫn Nga, con gái chị đều nói nên đi Hà Nam, vì cả hai đều đã một lần chứng kiến lễ gọi hồn ở Đông Tác, Hà Nội, thuộc Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Tiềm năng Con người, và hồn được gọi đã hiện lên thật.

Thế là chúng tôi quyết định ở lại Hà Nội, gọi lại cho Tiến sĩ Bùi Tiến Quý. Chỉ một lát sau, Bùi Tiến Quý gọi lại cho chúng tôi, báo thầy Lư đã nhận lời gặp chúng tôi và dặn chúng tôi thắp nhang bàn thờ trước khi đi. Chị Tâm sẵn sàng cùng đi, còn Vinh bận công chuyện nên không đi.

Sáng sớm hôm sau. Từ khách sạn Lê Thạch, vợ tôi nhấc điện thoại nhờ nhân viên trực tiếp tân gọi giùm xe. Chỉ chừng mười phút sau, đã có chiếc Toyota màu xanh của hãng Mai Linh đến đón. Lái xe là một thanh niên khoảng hai mươi lăm tuổi, khá niềm nở:

- Hai bác định đi đâu ạ?

Vợ tôi nói:

- Đến cầu Kim Ngưu đón một người. Sau đó, đi tiếp Hà Nam…

- Ồ! Hà Nam là quê cháu. Hai bác về đâu ạ?

Vợ tôi lấy điện thoại di động, bật phím, rồi đọc địa chỉ vừa hiện trên màn hình:

- Thôn Đồng Mật, xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng, Hà Nam.

Cậu lái xe reo:

- Trời! Đúng thôn nhà cháu.

Vợ chồng tôi cùng sởn da gà vì sự trùng hợp ngẫu nhiên này. Vợ tôi

thì thầm:

- Liệu có phải do tối qua mình thắp nhang?

Tôi thiên về sự trùng hợp tình cờ, nhưng cũng không tin chắc, nên chỉ ngồi im.

Cái tên Hà Nam quen thuộc với chúng tôi nhiều nhất có lẽ chỉ ở câu thơ "Hà Nam danh giá nhất ông Cò" trong bài Ông Cò của Tú Xương mà chúng tôi từng phải học thuộc lòng từ năm đầu cấp hai. Sau đó, cũng có nghe tên đội bóng đá nữ Phong Phú, Hà Nam. Ngoài những cái đó ra thì khi chạy trên cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, nhìn sang hai bên đường, toàn cánh đồng lúa và thấp thoáng những rặng tre muôn thuở của làng xóm Việt Nam, thì người lạ như chúng tôi chẳng thể nào phân biệt Hà Nam với các tỉnh vùng quê Bắc Bộ khác nhau ở điểm nào. Trời nắng gắt. Đường cao tốc nườm nượp hai chiều xe. Cái mới mẻ của vùng đất lần đầu đặt chân, cộng với tâm lý bán tín bán nghi tìm đến nhà ngoại cảm nhờ tìm hài cốt anh mình, khiến chúng tôi bồi hồi. Chúng tôi im lặng trong cảm xúc, còn cậu lái xe chứng tỏ luôn biết "chăm sóc khách hàng":

- Quê cháu bây giờ phần lớn thanh niên bỏ làng lên thành phố, không chỉ vì nghèo mà ở thành phố sống thoải mái, có công ăn việc làm, kinh tế ổn định hơn… Chúng cháu có về quê cũng chỉ về vào dịp lễ hội, giỗ chạp, tết nhất… nên quê cháu bây giờ chỉ đông người già và trẻ con. Hai bác về thôn cháu, chắc đi lễ chùa?

Tôi hỏi:

- Cháu có biết nhà ông thầy ngoại cảm tên Lư?

- A! Cậu Lư. Cả vùng này, nói cậu Lư, ai chẳng biết. Chắc các bác đến nhờ cậu Lư tìm hài cốt người thân?

- Đại loại như vậy.

- Cháu sẽ đưa các bác đến tận nhà… Nhưng các bác có đăng ký trước không? Nếu hôm nay mới đến, có khi phải chờ mấy ngày, cháu sẽ giới thiệu nhà nghỉ để các bác nghỉ lại. Đảm bảo tương đương với nhà nghỉ ngoài phố.

Tôi hỏi dò:

- Ở cùng thôn, cháu thấy thầy Lư này có thiêng?

- Thiêng hay không cháu không biết, vì họ nhà cháu mồ mả yên ổn, nên chưa từng nhờ cậu ấy vụ gọi hồn, nhưng khách thập phương từ Nam ra Bắc, người từ nước ngoài về, cũng tìm đến, chắc cậu ấy là thứ thật. Phần nhà cháu chỉ biết cậu ấy vốn cũng bình thường như mọi người, nhưng mấy năm trước, tự nhiên một ngày mọi người đồn cậu ấy được thánh nhập, đòi gia đình lập điện thờ, từ đó, nói đâu trúng đấy, cứ như thánh thật.

Chị Tâm hỏi:

- Ở quê cháu, mọi người có tin không?

- Nói thật, lúc đầu mọi người không tin. Nhưng bây giờ phần lớn người già thì tin, còn bọn trẻ, trong đó có cháu, vẫn nghi ngờ. Không phải không tin cậu Lư, mà không tin chuyện tâm linh. Ví dụ, các cụ nói theo tâm linh thì "Ở hiền gặp lành", ở ác thì "ác giả ác báo", nhưng thực tế, người hiền có gặp lành không, hay càng lành càng khốn khổ khốn nạn? Còn bọn ác, đâu có bị ác giả ác báo? Có khi ông trời còn cho chúng nó sướng hơn mình.

Tôi nói:

- Cháu nói vậy, các bác đang đến tìm thầy Lư là dại à?

- Cháu đâu có ý vậy. Cháu chỉ nói những đứa không tin như cháu thì nghĩ vậy, còn những người tin như các bác và những người già ở quê cháu, có thể nghĩ ngược lại, vì các bác và các cụ ở hiền gặp lành thật.

Phải thừa nhận, đi đường dài, có một người lái xe biết "chăm sóc khách hàng" theo kiểu vô tư, tiện đâu nói đó như cậu này cũng khiến đường lạ thành quen, đường xa thành gần, nhưng ngồi từ ghế phía sau nhìn lên, ngắm kỹ cậu ta, dù chín mươi phần trăm tin việc cậu ta được nhân viên tiếp tân ở khách sạn gọi đến đón chúng tôi đi Hà Nam là hoàn toàn ngẫu nhiên, nhưng sự ngẫu nhiên đến mức cậu ta cùng huyện, cùng xã, cùng thôn với nhà ngoại cảm thì vẫn có mười phần trăm thuộc

về điều kỳ lạ, không dễ giải thích.

KIÊN ĐỊNH

Năm 1958.

Trước khi lên đường gia nhập đoàn Thanh niên Xung phong Hà Nội đi mở đường Quốc lộ mới xuyên rừng núi Lào Cai sang Trung Quốc, anh Khôi rủ tôi ra bờ Hồ Hoàn Kiếm. Xế cửa nhà tôi, đối diện nhà may Tiến Thành, phía bên bờ hồ, kề bãi cỏ khuôn viên rộng mà lũ trẻ phố tôi vẫn đá bóng, là cây đa cổ thụ, bóng mát xum xuê tỏa lên mái ki-ốt tao nhã hình lục giác. Ở đó là quán chuyên bán kem và nước giải khát, chiều tối nào cũng đông khách, phần lớn là lứa trẻ, còn ban ngày vắng vẻ, thỉnh thoảng mới có vài người khách vãng lai. Hà Nội mấy năm đầu hòa bình, cả thành phố đang cố chứng tỏ là thủ đô của người lao động, ai rong chơi trong giờ hành chính là lạc lõng với nhịp sống "mình vì mọi người và vì miền Nam ruột thịt". Anh Khôi đưa tôi ra bộ bàn ghế cóc đóng vụng về vì tình trạng thiếu gỗ, cạnh gốc đa, như hai kẻ rong chơi. Anh mua kem cho tôi ăn, còn anh uống nước chanh. Bình thường khi có tiền từ thù lao dạy võ ở Nhu Việt, nhuận bút ít ỏi ở báo Tiền phong, hay Thiếu niên Tiền phong, anh thường vui vẻ đãi tôi, thằng Vinh và mấy đứa em con mẹ kế ăn kem, nhưng lần này chỉ riêng tôi được ưu ái, còn nét mặt anh có vẻ quan trọng. Tôi đoán có thể anh đang xúc động trước khi đi xa nhưng hóa ra không phải. Anh hỏi tôi về Danh Huyền, điều mà lâu nay không thấy anh để tâm tới.

- Huyền hồi này thế nào? - Anh hỏi.

- Nó vẫn là một trong ba đứa học giỏi nhất lớp.

- Anh muốn hỏi về tâm lý kia?

Tôi như đứa học trò không thuộc bài. Tất cả những câu hỏi về tâm lý bọn con gái lúc đó đều quá sức đối với tôi. Vì những năm học cấp một,

cấp hai, thậm chí, lên cấp ba, bắt đầu tuổi thanh niên, tôi ham mê đá bóng và nghịch ngợm với bọn con trai hơn để ý bọn con gái. Nếu nói không biết trong lớp đứa nào đẹp, đứa nào xấu, đứa nào giỏi, đứa nào dốt, đứa nào mình thinh thích, đứa nào chỉ nhìn đã thấy ghét là nói dối, nhưng tất cả đều không lưu lại trong tôi chút bận tâm nào nhiều hơn những trận bóng đá, những trò tinh nghịch. Tôi với Huyền cũng vậy. Từ khi gặp lại nhau ở trường phổ thông cấp hai - ba Hà Nội, số của tôi giống như hồi tiểu học, vẫn bị ngồi bàn cuối góc trong, lý do là thầy Tám chủ nhiệm nói tôi "lười giơ tay phát biểu", còn Huyền vẫn luôn được ngồi bàn đầu, ngay cửa lớp. Mang tiếng là hai đứa từng học cùng lớp, từng gần nhà, cùng phố, rồi hồi lớp sáu, tôi còn được Huyền bồi dưỡng vào Đội Thiếu niên Tiền phong, nhưng càng về sau, Huyền càng xa cách. Đôi lúc đụng mặt trong giờ ra chơi hay ở cổng trường, trước sau như một, Huyền nếu không lạnh tanh như không quen biết thì cũng len lén lườm lườm. Nên khi nghe anh Khôi hỏi, tôi phải cố hết sức để nhìn nhận đúng về cô bạn cùng lớp.

- Em thấy cuối năm lớp sáu, sang lớp bảy, hình như nó buồn hơn.

- Em có biết tại sao không?

- Trước đây nó và Bảo Còi vẫn thay nhau đứng đầu lớp. Bây giờ đứng đầu lớp lại là thằng Hạo, nó có khi tụt xuống thứ sáu, thứ bảy, nên nó đau khổ.

- Nó còn vẽ báo tường?

- Vẫn. Cô Vinh dạy vẽ khen nó có năng khiếu hội họa, nhưng có lẽ do thất bại trong cuộc chạy đua đứng đầu lớp, nên nó vẽ dở hơn trước.

Anh Khôi lắc đầu:

- Hóa ra em chẳng hiểu gì về Huyền cả. Chuyện gia đình Huyền, nếu anh không đi Thanh niên Xung phong, anh vẫn sẽ giấu em, nhưng vì sắp đi, anh buộc phải cho em biết, nhưng em phải tuyệt đối giữ bí mật, không để lộ cho bất cứ ai, kể cả bố.

Tôi ngồi im với tia nghĩ chạy nhanh trong đầu, kiểm xem liệu mình có

giữ bí mật nổi không?

Anh Khôi nói chậm rãi:

- Thực ra hoàn cảnh của Huyền rất đáng thương. Năm ngoái, bác Danh Quỳnh, bố Huyền bị bắt về tội làm gián điệp cho Mỹ - Diệm.

- Em có nghe anh nói.

- Anh không tin. Không bao giờ tin bác ấy theo Mỹ - Diệm. Nhưng chuyện bị bắt là có thật. Vào tù, bác Quỳnh cố ý tạo bệnh, để được đưa ra bệnh viện Phủ Doãn điều trị. Từ đây, nhân sơ hở, bác ấy đã trốn khỏi bệnh viện, đưa anh Danh Hùng vượt tuyến vào Nam.

Tôi bủn rủn cả người, không muốn tin lời anh Khôi.

- Biết chuyện này, anh đã đến nhà bác Quỳnh. Nhà ở ngõ Tư Đường và phòng tập Judo Nhu Việt ở Lý Thái Tổ bị nhà nước tịch thu, bác Quỳnh gái cùng Danh Vũ và Huyền dọn về ở ngõ Liên Trì. Bác ấy kể bác trai muốn đưa cả nhà đi, nhưng bác ấy, anh Danh Hoàng và Huyền không đi. Bác kiên quyết không theo Mỹ - Diệm, phản bội Tổ quốc…

Tôi nói:

- Không đi là đúng.

- Nhưng sau khi bác Danh Quỳnh đi, anh Danh Hoàng đang là bác sĩ bệnh viện Bạch Mai, bị đuổi việc, còn bác Quỳnh gái đang dạy Đại học Sư phạm cũng bị cho nghỉ.

Tôi ngạc nhiên:

- Trước bố không cho bọn em sang nhà bác Danh Quỳnh vì bác gái mở nhà thổ. Sao giờ có chuyện bác ấy dạy Đại học Sư phạm?

Anh Khôi:

- Quán bar có vũ nữ chưa hẳn đã là nhà thổ. Bác Quỳnh gái nguyên là Giáo sư Anh văn, Pháp văn, từng dạy ở đại học và trường trung học Thăng Long, nhưng dưới chế độ thực dân Pháp, người trí thức, đặc biệt là nữ trí thức bị coi rẻ, phải làm thêm nghề khác để sống, nên bác ấy mở quán bar… Nay chế độ xã hội chủ nghĩa coi trọng trí thức, đã trả lại nghề dạy học cho bác ấy… Không ai ngờ lại có chuyện xấu xảy ra… Nhưng có

thể có điều gì ẩn khuất, chứ anh vẫn không tin người tử tế như bác Danh Quỳnh lại làm gián điệp, cũng như anh không tin anh Danh Hùng theo địch.

- Em cũng không tin.

- Đau xót nhất bây giờ là chuyện không tin nhưng có thật, và người đau xót hơn anh có lẽ là bác Quỳnh gái và Danh Huyền. Thực ra, gần hai năm qua, anh vẫn giấu mọi người, thường xuyên đến thăm bác, để bác bớt phần nào đơn độc khi bị xung quanh kỳ thị, nhưng bây giờ anh sắp đi rồi… Trước khi đi, anh phải nhờ hai người quan tâm giúp bác Quỳnh gái, một trong hai người đó là em.

Tôi sửng sốt:

- Em làm sao giúp được?

- Biết em giúp được, anh mới nhờ. Khi biết tin bác Quỳnh trai bị tai nạn, anh đến nhà, thấy bác gái và Huyền phải đi rửa bát cho hàng phở gần Hồ Ha-le để kiếm sống, anh về nói với chị Tâm. Chị Tâm có một tổ đan len xuất khẩu gồm mấy cô, mấy chị trong phố. Chị đồng ý chia hàng cho bác Quỳnh gái. Từ đó, anh vẫn lấy len từ chị Tâm đưa đến nhà bác ấy, rồi lấy áo đan xong về cho chị Tâm.

Tôi muốn ứa nước mắt:

- Sao em không biết?

- Quan hệ với những nhà có dính dáng đến chuyện chính trị đều nguy hiểm, rất dễ bị vạ lây, nên anh buộc phải giấu mọi người, kể cả bố. Giờ anh muốn em thay anh trong việc đưa len chỗ chị Tâm đến cho bác Quỳnh gái, sau đó, nhận áo về đưa chị Tâm.

Hà Nội những năm tháng này, hình như muốn tôn vinh các nghề lao động thủ công, trong đó có nghề đan len, nên khắp nơi các tổ đan len xuất khẩu hoạt động với khí thế bừng bừng. Nay bất ngờ được anh Khôi cho tham gia, dù chỉ là chân chạy hàng, làm sao tôi không thích.

- Việc này, em làm được nhưng sợ trước sau gì bố cũng biết.

- Có thể. Bố rất nghiêm khắc với hai tội dối trá và thất tín, nhưng nếu

làm việc tốt thì dù phạm hai tội kia, bố cũng không đánh. Vụ chuồng xí ở Trần Nhật Duật, bố có đánh anh đâu.

Thấy tôi ngồi im, anh Khôi nói tiếp:

- Người thứ hai anh nhờ là anh Bá Vân.

- Anh người gầy nhỏ vẫn hay đến nhà mình chơi?

- Anh ấy là họa sĩ nổi tiếng, hiện công tác ở báo Thiếu niên Tiền phong. Nhìn thấy trước hoàn cảnh Huyền, chắc chắn sẽ không có cửa vào đại học, nên anh đưa đến gặp anh Vân. Xem một số tranh của Huyền, anh ấy bảo không cần phải học đến lớp mười, tốt nghiệp xong lớp bảy thì thi luôn vào Trung cấp Mỹ thuật. Hệ trung cấp ít khắt khe về lý lịch. Học nghệ thuật lại có học bổng cao. Nếu được đào tạo kịp thời, chắc chắn Huyền sẽ thành một họa sĩ tài năng. Hôm nay, anh có hẹn anh ấy đến đây, để anh và em cùng anh ấy đến nhà Huyền, gặp cả bác Quỳnh gái nói rõ mọi chuyện.

- Sao giờ này anh ấy vẫn chưa đến?

- Có thể anh ấy bận nên đến trễ một chút, chứ bạn anh không bao giờ sai hẹn.

Được dịp giúp Huyền và bác Quỳnh gái, tôi cũng thích, nhưng so với việc "anh hùng cứu mỹ nhân" đầy trong phim Mỹ và tiểu thuyết dịch của nước ngoài mà anh Khôi bắt tôi đọc, thì rất kém hào hùng, nên chắc chắn cái máu thích khoe khoang của tôi không thể phát huy.

Tôi ăn hết cái kem thứ năm, anh Bá Vân vẫn chưa tới. Anh Khôi tỏ ra sốt ruột. Tôi quyết định hỏi anh về chuyện tôi muốn hỏi từ lâu, nhưng ngại mang tiếng lạc hậu, nên không dám:

- Tại sao được đi học Liên Xô, anh lại chọn đi Thanh niên Xung phong?

- Em đã đọc *Thép đã tôi thế đấy* rồi phải không?

- Em đọc từ năm ngoái.

Anh trở nên hào hứng:

- Tuổi trẻ Việt Nam ngày nay muốn trưởng thành, muốn trở thành

đại bàng trong bão táp, phải là "thép đã tôi trong lửa đỏ và nước lạnh". Liên bang Xô Viết Xã hội Chủ nghĩa hiện đang là thiên đường của nhân loại, là nơi ai cũng mơ ước được bước chân tới, nhưng giai đoạn "lửa đỏ và nước lạnh" bên họ đã qua lâu rồi. Đi Thanh niên Xung phong chắc chắn là gian khổ, nhưng anh sẽ đứng vững trên đôi chân của mình. Còn gì hạnh phúc hơn khi một, hai chục năm sau, Việt Nam mình cũng thành thiên đường như Liên Xô, và lại có bàn tay đóng góp của mình? Và hạnh phúc hơn nữa là lúc đó, anh sẽ là một thư ký thời đại, viết về những thành quả của đất nước mà mình là người trong cuộc? Ostrovsky, Maxim Gorky, Boris Polevoi… đều có tuổi trẻ tôi luyện trong lửa đỏ và nước lạnh mà trở thành những nhà văn hàng đầu Liên Xô.

Tôi còn quá nhỏ trước một ước mơ lớn của ông anh, nên chỉ thấy anh có lý, chỉ thấy anh quả thật đang là một thần tượng lớn với những khát vọng cống hiến cho đất nước và lý tưởng tốt đẹp. Những năm đó, không riêng anh, mà hầu hết thanh niên Hà Nội và tuổi trẻ miền Bắc đều lãng mạn và ào ạt muốn nhuốm mình trong "lửa đỏ và nước lạnh" vì Tổ quốc.

- Tại sao lại không nghĩ, nếu có điều kiện, xã hội ngày càng tốt đẹp thì mười năm nữa, nếu muốn, vẫn có thể đi Liên Xô học thành kỹ sư, bác sĩ, nhưng nếu những ngày đất nước còn đầy khó khăn, còn đang nước sôi lửa bỏng vì hậu quả chiến tranh, đang cần mình, mà mình không đóng góp thì mười năm sau, cơ hội đó không còn? - Anh Khôi nói thêm.

Cuối cùng anh Bá Vân gầy nhỏ, đầu đội mũ nồi đen, mặc chiếc áo ka ki đen đầy những vết sơn dầu xanh đỏ nhếch nhác, cũng đạp xe đến. Nhưng anh không đến một mình mà đi cùng một anh bạn. Hai người cùng dắt xe từ ngoài đường đôi vào chỗ anh Khôi và tôi ngồi.

Anh Khôi trách:

- Năm giờ mười lăm phút rồi.

- Tớ xin lỗi.

Anh Vân ngồi xuống chiếc ghế cóc, uống ừng ực hết cốc nước chanh của anh Khôi, rồi mới giới thiệu người bạn cùng đi:

- Đây là anh Hoàng Khiêm, phóng viên tạp chí Nghệ thuật và Đời sống. Vì đột xuất tớ phải tiếp anh ấy để trả lời phỏng vấn của tạp chí, nên vụ Danh Huyền chiều nay, phải khất đến hôm khác... Tương lai của bọn trẻ con để lỡ hẹn vài năm cũng không sao. - Rồi anh liến thoắng giới thiệu anh Khôi với Hoàng Khiêm. - Đây là Nguyễn Minh Khôi, tuổi trẻ nhưng tài cao, còn đang học lớp tám nhưng đã là cộng tác viên ruột của các báo Tiền phong và Thiếu niên Tiền phong... - Anh nói với Hoàng Khiêm. - Mình ngồi đây phỏng vấn được không anh? Ngay bên bờ Hồ Gươm thơ mộng...

Hoàng Khiêm gật đầu:

- Chỗ này quá đẹp. - Anh ta giơ máy ảnh lên vừa ngắm, vừa bấm liền mấy pô. - Tuyệt.

Bá Vân phấn chấn:

- Theo em, tiện đây, anh phỏng vấn luôn Nguyễn Minh Khôi, một nhân vật văn võ kiêm toàn, được chọn đi học Liên Xô, được chọn đào tạo thành phóng viên, nhưng bỏ hết, đi Thanh niên Xung phong để trở thành một Pavel Corsaghin[8*] của Việt Nam.

[8] Nhân vật chính trong tiểu thuyết Thép đã tôi thế đấy.*

Hoàng Khiêm trả lời nhạt nhẽo cho có lệ:

- Tuyệt vời. Nhất định tôi sẽ làm một bài phỏng vấn cho riêng cậu.

Tự biết mình là thừa, tôi nói với anh Khôi:

- Em về đây.

Anh Khôi nói nhỏ vào tai tôi:

- Em về nói với chị Tâm cho anh mấy đồng để anh trả tiền nước.

Tôi hiểu ý, nhưng vẫn hỏi thêm:

- Còn lời hẹn với bác Quỳnh và Huyền?

Anh Khôi lưỡng lự, rồi nói:

- Lát nữa ra đưa tiền cho anh, em chịu khó chạy đến nhà xin lỗi bác Quỳnh và Huyền giùm anh.

Trời ơi! Từ nhà tôi ở Lê Thái Tổ đến ngõ Liên Trì đâu có gần, nhất là

với đôi chân thằng bé lớp bảy… Sự hồn nhiên này của anh khiến tôi sực nhớ lại hồi tôi và Huyền cùng làm mắc áo di động và mang cặp cho hai ông anh tập chạy với đoàn Tre Việt ở trường Đỗ Hữu Vị. Thì ra chế độ nào thì trật tự anh em vẫn không thay đổi. Tuy nhiên, tôi vẫn đủ khôn để giữ cơn hậm hực chỉ nằm trong bụng: "Với bạn thì toàn nhường nhịn, nhưng với thằng em thì bắt nó phải nhường nhịn lại".

Trong thời gian anh Khôi đi vắng, tôi phải đi bộ từ nhà ở Lê Thái Tổ tới ngõ Liên Trì, xin phép bố đến nhà bạn học nhóm, ôm chiếc cặp nhét đầy những cuộn len đưa cho bác Quỳnh gái, rồi nhận lại những chiếc áo đan xong về cho chị Tâm. Sang năm lớp tám, hoạt động bí mật này mới chấm dứt, một phần vì chị Tâm tốt nghiệp đại học ra trường, được điều đi Bình Giang, Hải Dương dạy học, tổ đan len của chị phải giải thể. Còn một phần vì bác Quỳnh gái xin được vào làm nhân viên phục vụ bàn tại một cửa hàng ăn mậu dịch trên đường Nguyễn Thái Học. Tôi và Huyền cũng không còn dịp liên hệ hay gặp nhau để làm bộ không quen, rồi lười với nguýt vì tôi lên cấp ba, học ở trường Chu Văn An, quận Ba Đình, còn Huyền học trường Trung cấp Mỹ thuật ở quận Hoàn Kiếm.

LẦN THEO MANH MỐI

Tháng Mười năm 2009.

"Ông Khôi mất vào giữa năm 1970... trong trận đánh kéo dài nhiều ngày, khi quân Mỹ và Việt Nam Cộng hòa tấn công vào căn cứ quân Giải phóng, trong đó có bệnh xá, nơi ông Khôi và nhiều thương binh đang điều trị, tại một khu rừng ở Svay Rieng, Campuchia, giáp biên giới Việt Nam... Trước chiến dịch 1970, ông Khôi nằm trong số người ưu tú, được lựa chọn ra Bắc để đào tạo phục vụ cho cuộc chiến lâu dài. Đoàn này đi nửa đường thì bị địch tập kích. Một số hy sinh. Một số khác, trong đó có ông Khôi, bị thương. Ông Khôi bị mảnh đạn làm dập xương ống chân, được đưa vào điều trị tại bệnh xá ở Svay Rieng, thuộc căn cứ của Mặt trận Giải phóng tỉnh Phước Long di tản sang. Tại đây, ông gặp người vợ tên Minh, là y tá của bệnh xá, chăm sóc… Trong chiến dịch 1970, bệnh xá trong rừng bị máy bay trực thăng địch tấn công, khiến nhiều người hy sinh, trong đó có liệt sĩ Khôi và người vợ y tá... Những người chết đều được chôn riêng trong rừng, gần bệnh xá. Sau giải phóng, năm 1982, hài cốt của hai mươi bảy người này đã được bốc về Việt Nam, an táng tại các nghĩa trang liệt sĩ trong nước, nhưng cụ thể ở đâu, ông Khôi nói đến rằm tháng Giêng âm lịch sang năm mới nói được..."

Tôi đưa tay tắt phím máy ghi âm, rồi nói với cậu Hùng:

- Như vậy, so với giấy báo tử ghi: "Đã an táng tại nghĩa trang mặt trận" thì lời cậu Lư bớt mung lung hơn một chút. Nhưng tại sao hai mươi bảy người hy sinh cùng một thời điểm, cùng chôn một nơi, khi đưa hài cốt về Việt Nam lại "an táng tại các nghĩa trang" mà không phải một nơi?

Vợ tôi nói:

- Hôm ở điện cậu Lư, em có hỏi câu này, nhưng cậu ấy nói: “Hồn chỉ nói như vậy”.

Sau chuyến ra Hà Nội đầy bức xúc, khởi đầu là ý định tố cáo Tư Bông với cơ quan pháp luật, kết thúc lại là gặp Tiến sĩ Bùi Tiến Quý và nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Lư, chúng tôi trở về Sài Gòn, được cậu Hùng đến đưa tin, anh Nhiên từ Thanh Hóa gọi điện vào nói: “Đã lấy vụn xương của bác Lãng mang đi thử ADN, có kết quả đúng là hài cốt của bác. Chín người khác ở Thanh Hóa, Nam Định, Hòa Bình, nhờ Tư Bông gọi hồn, tìm hài cốt người thân mấy năm rồi, cũng đem thử ADN, chỉ có ba trường hợp sai”. Rồi mấy hôm sau, Tiến sĩ Bùi Tiến Quý lại gửi kết quả giám định mấy thứ đồ dỏm do Tư Bông khui từ ngôi mộ giả ở Huế, khiến chúng tôi tiến thoái lưỡng nan trước những thật giả lẫn lộn.

Khi mọi thứ cảm xúc trái chiều lắng đi, vợ chồng tôi mới gọi thêm cậu Hùng đến cùng nghe lại toàn bộ băng ghi âm cuộc tiếp xúc với cậu Lư tại điện thờ ở Hà Nam, để phân tích và nhìn nhận lại sự việc. Vụ Tư Bông là một bài học nhớ đời, nên lần này, dù có sự đảm bảo của Tiến sĩ Bùi Tiến Quý, thì thận trọng cũng không thừa.

Hùng kể:

- Hôm anh từ Hà Nội gọi điện vào, em lập tức tìm cách móc nối với bạn bè, người quen là các cựu binh chiến trường miền Đông Nam Bộ xem có ai biết về một bệnh xá dã chiến năm 1970 ở vùng rừng núi bên Campuchia, gần biên giới Việt Nam, thì không ai biết. Có người đoán có thể là bệnh xá dân sự, nhưng nghe không mấy thuyết phục, vì vùng chiến sự làm gì có dân. Còn vụ bốc hài cốt hai mươi bảy người từ một bệnh xá trong vùng rừng núi Campuchia về Việt Nam năm 1982, an táng tại các nghĩa trang, hôm nay, em mới nghe lần đầu. Những nghĩa trang nào? Thuộc tỉnh nào? Cách tốt nhất vẫn là tìm gặp được chính những người trong đội bốc hài cốt về. Để em đi mày mò lần nữa, nhưng chắc chắn sẽ mất nhiều thời gian.

Tôi nói:

- Tóm lại, thực tế nhất vẫn chờ đến rằm tháng Giêng sang năm như cậu Lư nói. Chơi với các nhà ngoại cảm không khác gì chơi ú tim. Cậu ta nói, bác Khôi hẹn, nhưng chỉ mình cậu ta tiếp xúc với hồn. Một chút bằng chứng để chúng ta tin hồn có về và hồn có nói điều này điều khác là hoàn toàn không có.

Hùng bảo:

- Nhưng việc lần đầu gặp nhau, lại chỉ biết bác Khôi qua họ tên, quê quán, ngày mất mà cậu ta nói được cả thầy em mặc đồ màu gụ, rồi tên chị Vân, chị Thanh là vợ anh Tuấn, chị Dung có chồng là Liên, đứa con đầu một tuổi của chị Tâm mất từ năm 1959… thì từ đâu?

Vợ tôi nói:

- Điều này đúng là kỳ lạ. Nhưng liệu... có thể nào cậu ta khiến chúng ta cùng nhìn nhận những chi tiết này từ thuật thôi miên, để đánh lạc hướng việc chính là chúng ta cần gặp anh Khôi đã không thành.

Tôi nói:

- Thì cậu ta đã nói cả anh lẫn em và chị Tâm cùng không tin nên hồn không gặp.

- Thoạt nghe câu này có vẻ có lý nhưng không phải thước đo, vì việc không thành chỉ vì không tin, đâu phải hết chuyện. Còn vụ cậu ta nói anh Khôi gặp vợ tên Minh ở bệnh xá trong rừng, trong khi anh Khôi chưa từng có vợ thì sao? Vụ muốn sớm tìm mộ phải gặp một người tên Toản và nhờ một người tên Thắng đón ngõ đều không chính xác.

Hùng nói:

- Sai thế thì hơi nhiều.

Vợ tôi quay sang tôi:

- Hay anh gọi điện thoại cho anh Bùi Tiến Quý nói về những thắc mắc của mình?

Tôi đã cầm điện thoại di động, định bấm số, nhưng rồi lại đặt xuống bàn:

- Có lẽ không nên. Nếu có sai lệch thì cũng không thể xử như trường hợp của Tư Bông, vì cậu Lư có sự bảo lãnh của anh Bùi Tiến Quý, mình bộc lộ sự nghi ngờ quá sớm là thiếu tế nhị với anh Quý. Trước mắt vẫn còn cuộc hẹn vào rằm tháng Giêng sang năm, cứ kiên nhẫn chờ xem. Qua những sự việc mình vừa trải qua, thông tin anh Khôi mất ở Huế từ Tư Bông coi như bị loại rồi. Thông tin cậu Lư quả quyết hài cốt của anh Khôi đã được bốc từ Campuchia về Việt Nam năm 1982 và chưa biết anh ấy được mai táng ở đâu, nhưng ở một trong những nghĩa trang liệt sĩ thuộc các tỉnh miền Đông Nam Bộ vẫn có khả năng là đúng.

Hùng hỏi:

- Anh tính đi tìm à?

Tôi nói:

- Nếu tin cậu Lư, mình chỉ việc ngồi chờ đến rằm tháng Giêng sang năm, nhưng rõ ràng mình chưa tin, vì vậy chúng ta sẽ tự đi tìm. Miền Đông Nam Bộ có một trăm nghĩa trang liệt sĩ thì mới tìm không xuể, chứ trên dưới hai chục cái, cứ cho là tìm hết chỉ mất hai tháng, hoàn toàn trong điều kiện của mình.

Vợ tôi hăng hái:

- Em tán thành. Từ đầu giải phóng, ý thức đi tìm anh Khôi của anh và em là có, nhưng phải nói là vì nhiều lý do chủ quan và khách quan, mình chưa quyết tâm cao, giờ chính từ vụ Tư Bông kích hoạt, mình mới có đà tìm anh ấy. Nay đã đi rồi thì đi đến cùng.

Hùng hỏi:

- Còn vụ truy nã con Tư Bông siêu lừa?

Tôi nói:

- Mình đã có đầy đủ bằng chứng pháp lý trong tay, nhưng đụng vào cơ quan luật pháp, không phải ngày một ngày hai là xong, nên cứ cho nó nợ đấy, để tập trung vào việc tìm anh Khôi đã.

Thế là vợ chồng tôi trưng dụng chiếc Toyota và cậu lái xe tên Thuần của công ty Hùng, lên đường. Đầu tiên, chúng tôi đến phòng Chính sách

của Quân đoàn 4 ở căn cứ Sóng Thần, rồi sang phòng Chính sách của Quân khu 7 ở Tân Sơn Nhất. Cái khó nhất ở trường hợp anh Khôi là ngoài tờ giấy báo tử và tấm bằng Gia đình Liệt sĩ, phần có thêm chỉ toàn lời khai của người thân trong gia đình: Họ, tên, ngày sinh, quê quán, hai địa chỉ hòm thư đơn vị dựa vào thư anh viết về, đều là khi còn ở miền Bắc. Thời gian từ năm 1967, anh vào chiến trường miền Nam, hoàn toàn không có thông tin lẫn thư từ. Tuy nhiên, tại hai phòng Chính sách Quân đoàn 4 và Quân khu 7, hai sĩ quan tiếp chúng tôi vẫn rất kiên nhẫn và nhiệt tình, dành cả buổi lục tung danh sách liệt sĩ khắp các chiến trường từ các kho tư liệu và tàng thư. Rốt cuộc cũng không tìm đâu ra tên Nguyễn Minh Khôi.

Thiếu tá Huỳnh Văn Đảnh công tác ở phòng Chính sách Quân khu 7 khuyên:

- Giấy báo tử ghi hy sinh ở mặt trận miền Đông Nam Bộ, thì không thể có chuyện hài cốt ở nơi khác, nhưng sau Mậu Thân 1968, rất nhiều đơn vị tạm chia nhỏ quân về các địa phương, tránh những trận phản kích lớn. Nếu trong các đồng chí đó có đồng chí Khôi, rồi hy sinh lúc ở địa phương, thì việc thống kê không hề đơn giản, nên khó tránh khỏi việc nhầm lẫn hoặc bỏ sót.

Trung tá Vũ Hữu Bằng ở phòng Chính sách Quân đoàn 4 thì nói:

- Các đồng chí thuộc diện đổi tên và quê quán trước khi vào chiến trường miền Nam để giữ bí mật việc miền Bắc đưa quân vào miền Nam, nếu hy sinh mà không có dấu vết gì trong hồ sơ gốc hoặc không có người làm chứng, đều khó tìm, như trường hợp đồng chí Khôi.

Cuối cùng, cả hai con người nhiệt tình đều khuyên chúng tôi:

- Hai bác nếu vẫn kiên trì đi tìm, thì hoặc cố gắng tìm cho được người từng cùng đơn vị với đồng chí Khôi, hoặc chịu khó đến các nghĩa trang liệt sĩ, vì ở nơi chôn cất cụ thể, trừ những mộ vô danh, còn lại đều là tên thật.

Tôi nói:

- Nhỡ anh tôi nằm trong số mộ vô danh?

Thiếu tá Huỳnh Văn Đảnh nói:

- Cũng có một số người không có bất cứ manh mối nào về người thân, đã nhờ các nhà ngoại cảm tìm giùm, hai bác nên thử xem, chỉ có điều, đây là lời khuyên của cá nhân tôi, đừng nói với ai.

Trung tá Vũ Hữu Bằng thì nói:

- Có một số thân nhân liệt sĩ đã đưa cả nhà ngoại cảm đến đây, sau đó, họ báo đã tìm được đúng mộ liệt sĩ. Tôi có địa chỉ và số điện thoại của họ đây, hai bác thử gặp họ để tìm hiểu thật hư. Nếu là thật thì theo tôi cũng là một cách để tìm đồng chí Khôi. Đồng chí ấy hy sinh từ năm 1970, giờ đã bốn mươi năm, càng để lâu sẽ càng khó tìm.

Mấy hôm sau, vợ chồng tôi quyết định đi đến từng nghĩa trang. Trước khi đi, chúng tôi tìm gặp và gọi điện thoại cho những bạn bè và người quen là cựu binh, từng tham gia hoặc hiểu biết những trận đánh diễn ra trong năm 1970 tại các tỉnh miền Đông Nam Bộ, để bắt đầu từ những nghĩa trang gần sát với thông tin ít ỏi về anh Khôi.

Đầu tiên là nghĩa trang Dầu Tiếng, Tây Ninh, rồi đến Bến Cát, Đồng Nai, trở về nghĩa trang Bình Dương, nghĩa trang liệt sĩ Thành phố Hồ Chí Minh, nghĩa trang Bến Dược, Củ Chi, cuối cùng là hai nghĩa trang Tân Biên và Tây Ninh. Những nghĩa trang liệt sĩ nhỏ thuộc huyện, thị xã, nằm trên đường đi, tiện hỏi thăm, rồi rẽ vào tìm, không thể nhớ hết.

Suốt hai tháng trời, từ đầu tháng Mười Một năm 2009 đến sát Tết Dương lịch, hai vợ chồng chỉ loanh quanh hết nghĩa trang này đến nghĩa trang khác. Nơi nào quy hoạch hoàn chỉnh, có bản đồ mộ chí và danh sách liệt sĩ trong hồ sơ, chỉ việc đọc hồ sơ. Ở những nơi chưa hoàn chỉnh hoặc hồ sơ lộn xộn, chúng tôi phải chia nhau phơi nắng ngoài nghĩa trang, đi đọc từng tấm bia trên hàng ngàn mộ chí. Có khi chúng tôi vừa đọc vừa khóc, bởi người chết quá nhiều, bởi hàng trăm ngàn lính hy sinh, hầu hết ở lứa tuổi mười tám đến ba mươi, quê quán khắp các vùng đất nước, nhiều nhất vẫn ở các tỉnh miền Bắc, là hàng trăm ngàn bậc bố

mẹ mất con, vợ mất chồng. Tại nghĩa trang Tân Biên, mấy trăm bộ hài cốt mới được đội quy tập chuyển từ Campuchia về, còn xếp chật các giá sắt trong kho lợp tôn, chật và nóng như hỏa lò. Khi đi phải đủ tuổi, đủ cân, mới được nhập ngũ, khi về chỉ còn một bọc ni lông màu xanh lá cây bạc, chừng hai đến ba kilôgam xương trộn đất, với tên viết sơ sài. Làm sao không phát khóc. Ở đâu chúng tôi cũng thấy các nghĩa trang được chính quyền và người dân chăm chút, trân trọng. Ở đâu chúng tôi cũng được những người quản trang giúp đỡ và chia sẻ. Ở đâu chúng tôi cũng gặp những người từ khắp nơi trong nước lặn lội đi tìm mộ người thân. Và ở đâu chúng tôi cũng thấy dấu chân của những nhà ngoại cảm. Nhưng vẫn không tìm thấy tên anh Khôi.

Khi chúng tôi gần như đã quyết định bỏ cuộc thì một buổi sáng, thiếu tá Huỳnh Văn Đảnh gọi điện thoại báo:

- Bên thu thập tư liệu liệt sĩ mới bổ sung danh sách hơn một ngàn người, bác có thể đến xem, may ra có thể gặp anh bác.

Chỉ hơn một giờ sau, vợ chồng tôi đã có mặt ở phòng Chính sách Quân khu 7. Và tưởng mình đến sớm nhất, không ngờ hơn chục người đã có mặt từ trước. Có người vừa khóc, vừa dò tìm người thân trên những nghĩa trang giấy. Chúng tôi mất ba ngày để đọc kỹ từng trang hồ sơ… Vợ tôi tìm thấy tên cả những bạn học hồi học cấp ba trường Lam Sơn, Thanh Hóa, cả bạn học thời Đại học Tổng hợp Hà Nội. Tôi tìm được bốn người tên Khôi: Nguyễn Lê Khôi - Hà Tĩnh, Trần Hoàng Khôi, Lê Văn Khôi - Hà Nội và Phạm Hữu Khôi - Hải Phòng. Không danh sách nào có Nguyễn Minh Khôi, Lập Chí, Minh Trí, Kim Anh, Vĩnh Phú.

Chia sẻ với nỗi thất vọng của chúng tôi, lúc tiễn chúng tôi về, thiếu tá Đảnh nói:

- Đầu tháng tới, bên sưu tầm tư liệu sẽ bổ sung danh sách khoảng hơn sáu ngàn liệt sĩ nữa, tôi sẽ lại báo hai bác. Hy vọng lần tới, hai bác sẽ gặp được đồng chí Khôi.

Chiều ngày hai mươi hai tháng Mười Hai năm 2009, sau khi từ phòng

Chính sách Quân khu 7 về, chúng tôi quyết định chấm dứt cuộc tìm kiếm anh Khôi ở các nghĩa trang liệt sĩ. Vợ tôi sắm một đĩa trái cây đặt lên bàn thờ, rồi hai vợ chồng cùng thắp nhang tạ lỗi với bố mẹ và anh Khôi.

- Kính thưa các cụ tổ tiên họ Nguyễn Hữu ở Lập Chí, Minh Trí, Kim Anh, Vĩnh Phúc, nay là Sóc Sơn, Hà Nội. Kính thưa cậu, mợ và cô. Hôm nay, ngày hai mươi hai tháng Mười Hai năm 2009, chúng con xin thắp nén nhang tưởng nhớ các cụ, và xin phép các cụ, cậu, mợ, cô được thưa chuyện với anh Khôi. Anh ạ! Suốt hai tháng qua, vợ chồng em đã đi rất nhiều nghĩa trang liệt sĩ ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ, quyết tìm bằng được anh, nhưng không gặp. Có thể con đường tìm anh ở các nghĩa trang liệt sĩ có điều gì đó bất cập, nên chúng em xin lỗi anh và quyết định dừng lại. Giờ chỉ còn cách trông chờ vào nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Lư với cuộc hẹn vào rằm tháng Giêng năm tới. Kính mong anh thông cảm với chúng em. Nguyễn Mạnh Tuấn và Đỗ Thị Thanh (Hà Phương).

Thắp nhang ở bàn thờ xong, hai vợ chồng còn ngồi chờ tàn nhang mới xuống dưới nhà thì con gái lớn Thuận Ánh từ nhà chồng gọi điện thoại về:

- Ba anh Hưng nói chiều nay bố mẹ không đến dự sinh nhật lần hai của ông, thì ông sẽ thân chinh đưa xe đến đón.

Tôi ngạc nhiên:

- Sáng bố đã gọi điện thoại xin lỗi ông ấy rồi mà.

- Nhưng bố mẹ không đi là ông đến đón thật đấy.

Thế là chúng tôi đành phải đi.

Nhà ông Vũ Văn Giã, thông gia với chúng tôi ở đường D2, quận Bình Thạnh, cùng gốc Bắc, là dân kỹ thuật công nghệ thông tin, nhập ngũ chiến đấu ở chiến trường miền Nam, trước khi nghỉ hưu là trưởng phòng kỹ thuật Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh. Còn vợ chồng tôi là dân văn nghệ, báo chí, vẫn hợp tác với đài truyền hình, nên về xã

giao thì mật thiết, nhưng để gọi là tri âm, tri kỷ, do hai nhà nhiều cái khác nhau, nên vẫn còn khoảng cách. Giỗ, Tết, ăn mừng bên nhà ông bà Giã cũng khác nhà tôi. Như ngày giỗ, nhà tôi mỗi năm chỉ chọn một trong hai ngày giỗ bố hoặc mẹ, đặt nhà hàng nấu và phục vụ, mời cả họ đến ăn, còn những ngày khác chỉ có vợ chồng con cái. Trong khi nhà ông Giã, một năm hàng chục ngày giỗ, ngày nào cũng họ hàng, con cháu kéo về đi chợ, nấu nướng, không khác gì đám giỗ nhà quê miền Bắc. Và khách mời những dịp này bao giờ cũng dứt khoát phải có đủ mặt đồng đội của ông thời vào sống ra chết ở chiến trường. Ngày hai mươi hai tháng Mười Hai hằng năm là ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam, ông luôn tổ chức tiệc lớn vì coi mình vẫn còn sống sau cuộc chiến là được sinh ra lần hai. Mấy lần trước vợ chồng tôi đều bận không dự được, ông vẫn có ý trách, còn lần này bận đi tìm anh Khôi.

Lúc chúng tôi đang ngồi chờ taxi đến đón, thì chuông điện thoại di động reo. Đọc số điện thoại nơi gọi hiển thị trên màn hình, tôi nhận ra Kính, con thứ ba của mẹ kế. Kính cũng đã ở tuổi ngoài sáu mươi, đang ở An Dương, Hà Nội, nơi đặt bàn thờ chính của gia đình.

- Chuyện gì thế?

- Chiều hôm qua, em sang nhà thằng Toản ăn giỗ… Anh còn nhớ thằng Toản, con ông bà Mộc không? Nhà mình ở C10 thì nhà nó ở C8. Em với nó học cùng lớp từ cấp một đến hết cấp ba, nên hồi đó, nó vẫn sang nhà mình chơi.

- Toản thì anh không nhớ. Thời kỳ anh ở An Dương đến nay đã hơn sáu mươi năm rồi. Nhưng có chuyện gì?

Kính kể:

- Vì được mời sang ăn giỗ, em sực nhớ mình đang giữ tấm ảnh nó, nên lục tìm mang sang tặng gia đình. Nguyên do, hôm trước khi đơn vị lên đường vào Nam, bọn em được về nhà mấy ngày, nó sang rủ em cùng đi chụp ảnh kỷ niệm. Ngoài ảnh hai đứa chụp chung, nó còn chụp riêng và tặng em một tấm mặc quân phục, khổ 12 x 19 centimét. Khi hai đứa

vừa chia tay, thì anh Thảo, thương binh từ chiến trường miền Nam ra điều trị thương tật, được anh Khôi nhờ mang năm cuốn nhật ký và lá thư anh Khôi viết kèm, đến nhà mình. Do thư không có phong bì đã nhàu nát, chữ bằng mực bút máy mờ nhòe, nên tiện có tấm ảnh thằng Toản tặng còn để trên bàn, em lật mặt sau, ghi lại số hòm thư còn đọc được từ lá thư của anh Khôi vào đó để nhớ, rồi chuyện lâu quá, quên khuấy. Giờ biết anh đang quyết tìm anh Khôi, em cung cấp cho anh số hòm thư của anh ấy mà em đã ghi lại.

Tôi quýnh quáng như có luồng điện chạy trong người, vì thông tin về anh Khôi đã đến ngay sau lúc chúng tôi thắp nhang trên bàn thờ anh:

- Chú đọc đi.

Kính chậm rãi đọc:

- 86.500YK.

Tôi hỏi thêm:

- Chú có hỏi anh Thảo gặp anh Khôi ở mặt trận nào không?

- Anh ấy nói anh ấy là bộ đội địa phương còn anh Khôi bên bộ đội chủ lực, cùng ở miền Đông Nam Bộ, nhưng tình cờ gặp nhau ở một bệnh xá trong rừng bên Campuchia.

Ngắt máy với Kính, tôi chìa cho vợ số hòm thư vừa ghi:

- Vẫn là thông tin người thương binh tên Thảo nhận năm cuốn nhật ký của anh Khôi ở bệnh xá bên Campuchia, nhưng thêm chi tiết hòm thư này.

Vợ tôi hỏi:

- Em thấy anh nói chuyện với Kính có nhắc đến tên Toản, là Toản nào?

- À! Cậu này là hàng xóm cùng lứa với Kính ở An Dương.

- Liệu có dính đến tên Toản mà cậu Lư nhắc tại điện thờ nhà cậu ấy ở Hà Nam?

Tôi hơi ngớ ra. Nhưng lại nói:

- Chắc chỉ là sự tình cờ trùng tên, chứ cậu Toản này với số hòm thư

Kính ghi mặt sau tấm ảnh đều không còn giá trị gì đến việc tìm anh Khôi, khi mình đã đi khắp các nghĩa trang rồi.

Chiếc taxi đến đón chúng tôi từ nhà, vừa dừng trước cổng nhà đang để mở thì vợ chồng ông Giã đã tươi cười ra đón. Ông Giã lớn hơn tôi năm tuổi, người thấp đậm nhưng chắc nịch, tướng tinh vẫn rất lính:

- Tôi đang chuẩn bị giận nếu ông bà không đến.

Tôi cũng tươi cười:

- Chúc mừng sinh nhật ông. - Thấy trong nhà khách khứa đầy đủ đã ngồi vào bàn ăn, tôi nói thêm. - Xin lỗi vì đến trễ.

Thuận Ánh đứng cùng bố mẹ chồng, thanh minh:

- Bố mẹ con vừa ở phòng Chính sách Quân khu 7 về.

Ông Giã ồn ào:

- Hai tháng trước, con Ánh cho tôi biết ông bà đang đi khắp các nghĩa trang liệt sĩ tìm ông anh… Từ ngày giải phóng, tôi đã giúp tìm hài cốt hàng trăm thằng đồng đội, nên rất có kinh nghiệm, tại sao ông bà không nhờ tôi?

- Tôi vẫn nghĩ ông là lính kỹ thuật...

- Nhưng năm tôi nhập ngũ, hàng vạn dân Bách khoa, Tổng hợp, Sư phạm, Giao thông, Xây dựng, Thủy lợi… vào chiến trường đều là lính chiến đấu hết… Muốn tìm tung tích liệt sĩ, trước tiên phải tìm đúng đầu mối. Thứ nhất là đơn vị, thứ hai là chiến trường, đánh ở đâu, trận nào, thời điểm nào, thứ ba là hòm thư. Hòm thư ở thời điểm nào rất quan trọng.

Tôi nói:

- Hòm thư gần nhất của anh Khôi thì tôi vừa mới biết.

Đưa vợ chồng tôi vào bàn ăn, trong khi tôi chào hỏi, bắt tay các vị khách đến trước, ông Giã vẫn không lạc đề:

- Là dân kỹ thuật nên hồi chiến tranh tôi thuộc lòng hơn hai trăm hòm thư. Bây giờ vừa lâu, vừa già, bị mai một, nhưng vẫn nhớ hơn trăm. Ông thử nói tên hòm thư ông anh, xem nó có nằm trong bộ nhớ của tôi

không?

Tôi nói:

- 86.500YK, được cậu em tôi ghi vào năm 1969.

Ông Giã lớn tiếng:

- Tôi lấy đầu ra đảm bảo đây là hòm thư của Sư đoàn 9, biệt danh Công trường 9 để giữ bí mật quân sự. Đến năm 1968, sư đoàn vẫn cắm ở biên giới Campuchia, vùng đầu nguồn sông Vàm Cỏ Đông, sau Mậu Thân, mới dạt sang Svay Rieng, Campuchia. Năm 1970, Mỹ ném bom rải thảm, còn lính Việt Nam Cộng hòa tràn sang, đánh với ta rất ác liệt… Kết quả, chúng thất bại thảm hại.

Vợ tôi nói với tôi:

- Cậu Lư cũng nói anh Khôi hy sinh ở Svay Rieng.

Ông Giã nghe được, hỏi:

- Cậu Lư là ai?

Tôi nói:

- Là một nhà ngoại cảm. Vừa rồi vợ chồng tôi ra Hà Nội để nhờ cậu ta…

Ông Giã lại ồn ào:

- Dẹp hết… Dẹp hết… Đừng có tin bất cứ loại thầy ngoại cảm nào! Nhiều người ở quê tôi, rồi người nhà mấy thằng cùng sư đoàn dắt thầy ngoại cảm vào đây tìm hài cốt người thân, gặp tôi, đều vớ vẩn hết. Bộ Tư lệnh Sư đoàn 9, hiện đóng ở căn cứ Đồng Dù, Củ Chi. Ông bà đã đến Đồng Dù chưa?

- Chúng tôi chỉ đến Bộ Tư lệnh Quân khu và Quân đoàn, chứ sư đoàn làm sao đi hết được.

- Nhưng sư đoàn, trung đoàn mới gần với từng người lính. Ông bà nghe tôi, cứ đến Đồng Dù… Tuy nhiên, cũng đừng lạc quan quá… Chiến tranh kiểu Việt Nam không giống ai, nên vấn đề liệt sĩ rất phức tạp, nhưng đã đúng hòm thư này năm 1969, thì chắc chắn anh ông là lính Sư đoàn 9. Ông bà cứ lên đấy tìm, có gì trục trặc, về đây, tôi sẽ tính tiếp.

Ngay sáng hôm sau, vợ chồng tôi lên căn cứ Đồng Dù. Từ thành phố theo hướng Quốc lộ đi Tây Ninh, qua thị trấn Hóc Môn một đoạn, rồi rẽ phải là tới. Cổng lớn căn cứ cũ của quân đội Việt Nam Cộng hòa được xây lại khá hoành tráng mang tên mới: Doanh trại Quân đội Nhân dân Việt Nam. Lái xe hơi chỉ dừng báo miệng với lính gác là cần barie sơn hai màu đỏ trắng được cất lên cho khách vào. Căn cứ rộng thênh thang với các đường trải nhựa ngang dọc giữa các dãy nhà cao tầng, những hàng xà cừ và phượng vĩ lâu năm dọc các con đường, khiến căn cứ như một thị trấn nghỉ dưỡng vùng trung du, hơn là một căn cứ quân sự.

Chúng tôi tìm đến tòa nhà ba tầng gần khu trung tâm, nơi làm việc của phòng Chính sách Sư đoàn. Tòa nhà lớn rộng, nhưng cả khách lẫn chủ đều thưa thớt.

Tiếp chúng tôi là trung tá Nguyễn Văn Thịnh, khoảng ba mươi lăm tuổi. Tức là năm 1975, khi chiến tranh chấm dứt, anh mới ra đời. Thịnh tỏ ra nhã nhặn và thân thiện, khi nghe chúng tôi trình bày mục đích cuộc đến thăm. Anh đưa chúng tôi vào phòng làm việc rộng, cũng chỉ có mình anh, mời ngồi và rót nước chè nóng ra tách:

- Mời hai bác. Với số hòm thư hai bác vừa nói thì khả năng bác Nguyễn Minh Khôi ở Sư 9 rất cao. Hai bác đến vào dịp này cũng có thuận lợi là những thông tin và tư liệu về các cá nhân chiến sĩ và đơn vị, những người còn sống hoặc hy sinh kể từ ngày thành lập sư đoàn đến nay đã được vi tính hóa, nên nếu đúng, phần mềm sẽ tìm thấy ngay.

- Hy vọng chúng tôi sẽ gặp may. - Tôi nói.

- Nhưng cái khó là ngoài số hòm thư chính xác, những thông tin còn lại, các bác vừa nói đều là truyền miệng, dù sự suy diễn rất logic nhưng cũng chỉ có giá trị tham khảo. Những thông tin này nếu đúng thì không có vấn đề gì, nhưng nếu chỉ sai một chút, lệch một ly là sẽ chệch đi hàng dặm. Đụng vào trường hợp này, sẽ không khác gì sa vào thiên la địa võng, mong hai bác cũng thông cảm.

- Đồng chí an tâm. Cuộc tìm kiếm này, lúc khởi đầu còn rối hơn cả lạc

vào thiên la địa võng. Nay đến đây, tìm chưa thấy nhưng gần như đã đúng mạch. Nếu có phát sinh thêm khó khăn cũng không đến nỗi mịt mù, chúng tôi chấp nhận được.

- Hai bác có thông thạo vi tính?

- Đại để chúng tôi cũng biết đọc, biết viết.

- Thế thì quá tốt. Mời hai bác đến ngồi với tôi bên bàn máy. - Trung tá Thịnh chủ động rời xa lông sang bàn đặt máy vi tính gần cửa sổ.

Vợ chồng tôi rời ghế theo Thịnh nhưng chưa nhập cuộc ngay, tôi nói:

- Khoan đã. Nhờ biết số hòm thư mà tìm đến đây là đúng rồi, nhưng tôi vẫn có điều thắc mắc.

Thịnh vừa khởi động máy vi tính, vừa hướng về tôi:

- Bác cứ nói.

Tôi trình bày:

- Trước khi đến đây, vợ chồng tôi đã ra Huế tìm ông anh vì có nguồn tin anh tôi hy sinh ngoài đó. Khi ra Huế, chúng tôi gặp một số người quen là cựu binh, từng chiến đấu ở mặt trận Huế, Quảng Trị, họ quả quyết anh Khôi cùng sư đoàn với họ, nên việc anh hy sinh ở Huế là hợp lý… Như vậy là mâu thuẫn với việc anh ấy vốn ở Sư đoàn 9 miền Đông Nam Bộ?

Trung tá Thịnh lắng nghe, rồi thận trọng hỏi:

- Liệu các cựu binh ở Huế có nhớ nhầm việc bác Khôi cùng sư đoàn? Bây giờ, sau gần nửa thế kỷ mới lần tìm lại quá khứ, nhiều bác đã lớn tuổi, trí nhớ có thể không còn tốt, không ít bác vì quá yêu thương người đã khuất, nên cứ nghĩ đó là người cùng đơn vị với mình.

- Tôi không nghĩ họ nhầm. Ban đầu, khi tôi hỏi, họ nói ngay anh Khôi cùng với họ thuộc sư đoàn tập huấn ở Mai Siu, Hà Bắc, trước khi vào Nam năm 1967. Cứ tạm cho là có sự nhầm lẫn. Thì cũng năm đó, chính tôi đã lên Mai Siu thăm anh tôi. Như vậy, có thể không hẳn là họ thật sự có biết nhau, nhưng việc cùng sư đoàn hay trung đoàn là có thật.

Trung tá Thịnh suy nghĩ một lúc, rồi nói:

- Năm 1967 đến 1975, tôi chưa ra đời, nhưng tôi nghĩ tư liệu về sư đoàn từng tập huấn ở Mai Siu, Hà Bắc trước khi vào chiến trường miền Nam năm 1967, phần mềm máy vi tính chắc chắn ghi nhận.

Thịnh thao tác vèo vèo trên bàn phím, chỉ vài phút, anh đã có "đáp số" hiện trên màn hình, rồi vừa đọc, vừa giải thích:

- Giữa năm 1967, sư đoàn Mai Siu, Hà Bắc, gồm ba trung đoàn, hành quân vào chiến trường miền Nam, tăng cường cho cuộc tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968. Một trung đoàn chỉ đến Huế, Quảng Trị. Một trung đoàn đi tiếp vào miền Đông Nam Bộ. Trung đoàn thứ ba xuống tận mặt trận miền Tây Nam Bộ. Như vậy, các cựu binh bác quen ở Huế nhớ bác Khôi cùng sư đoàn Mai Siu, Hà Bắc là đúng, nhưng họ nhầm ở chỗ khi cùng vào Nam, trung đoàn của họ dừng ở Huế, còn trung đoàn bác Khôi vào miền Đông Nam Bộ.

Một thanh niên ra đời trong hòa bình, cộng với sự thành thạo xử lý công nghệ thông tin hiện đại, đã phân tích về chiến tranh không kém một cựu binh từng trải, nên nỗi lo về một thế hệ trẻ không biết gì về các cuộc chiến thời cha ông có thể là thừa. Vợ chồng tôi cùng hài lòng:

- Như vậy là rõ rồi. Cảm ơn đồng chí.

Thịnh lại thành thạo lướt các ngón tay, thao tác trên bàn phím, vừa nói:

- Bây giờ sang chuyện tìm tiếp bác Khôi. Do họ và tên vừa nhiều, vừa hay trùng nhau, sẽ tìm mất thì giờ, nên ta bắt đầu tìm ở quê. Quê bác Khôi khi đi bộ đội khai ở đâu ạ?

Tôi nói:

- Lập Chí, Minh Trí, Kim Anh, Phúc Yên… hay Vĩnh Phúc, Vĩnh Phú cũng được.

Thịnh điều chỉnh con chuột và bàn phím. Trên màn hình hiện lên một loạt tên địa phương, anh cho trôi nhanh và dừng lại ở: Lập Chí, Minh Trí, Kim Anh, Phúc Yên…

- Bây giờ đến tên nhé. Tôi sẽ đọc, nhưng để khỏi sót, hai bác cũng đọc

cùng, nếu thấy tên Nguyễn Minh Khôi thì nói liền.

Hàng trăm cái tên lướt chậm trên màn hình.

Vợ tôi bật khóc:

- Chỉ một thôn mà cũng chết nhiều quá.

- Đến số 315 là hết.

Tôi nói:

- Vô lý. Quê đúng đến tận thôn thì phải có tên anh ấy chứ.

Thịnh vẫn nhã nhặn:

- Vậy tôi tua lại nhé. - Anh trở lại từ đầu mục danh sách các liệt sĩ thôn Lập Chí với tốc độ chậm hơn lần trước.

Tôi lại nói:

- Không lẽ anh ấy ở sư đoàn khác?

- Hai bác bình tĩnh đi. Còn mục tên nữa. Nếu tên không có thì có thể sơ sót do thống kê, chứ đúng hòm thư thì không thể nhầm sư đoàn.

Anh chỉnh con chuột và bàn phím sang mục Họ và tên, rồi ngừng ở cột tên: Khôi. An Văn Khôi, Bùi Hải Khôi, Chu Hồng Khôi, Hà Khôi… Nguyễn Đắc Khôi, Nguyễn Duy Khôi, Trần Hoàng Khôi, Mạc Khôi, Phạm Đức Khôi… Vũ Mai Khôi… Đến tên nào, Thịnh đọc to tên ấy. Đến Vũ Mai Khôi là hết, anh hạ giọng:

- Như vậy là không có. Không có Nguyễn Minh Khôi.

Vợ chồng tôi cùng choáng váng. Mọi niềm hy vọng được gìn giữ nuôi dưỡng ở nhà ông thông gia từ tối hôm trước tan tành như mây khói. Không tin ở sự thật cay đắng, tôi mở cuốn sổ kẹp tờ giấy báo tử lúc vào đã đưa cho Thịnh, vẫn để trên bàn:

- Vậy tại sao trong giấy báo tử vẫn có tên Nguyễn Minh Khôi?

Thịnh dường như quen với đủ thứ phản biện của các đối tượng đi tìm hài cốt thân nhân, cầm tờ giấy báo tử đọc lại, rồi nói:

- Trong giấy báo tử không ghi tên đơn vị… Đây chưa hẳn là sơ sót vì nhiều khi việc báo tử cũng phải đảm bảo bí mật quân sự. Rồi vì nhiều lý do, thông tin về liệt sĩ từ mặt trận tận trong Nam về đến Bộ Chỉ huy

Quân sự Vĩnh Phú để báo về gia đình cũng có những sơ sót…

Tôi thất vọng:

- Nói tóm lại, đến đây cũng thất bại… Nói thật với chú, trước khi đến đây, chúng tôi đã nhờ một nhà ngoại cảm tìm giúp, nhưng chưa tin mấy… Giờ đến đây rồi mới hiểu ra có khi vẫn phải trông ở họ.

Đôi mắt của Thịnh rất buồn:

- Hai bác có quen ai từng là đồng đội của bác Khôi?

- Anh ấy không đi bộ đội từ Hà Nội mà đi từ Hưng Yên. Trước khi anh ấy vào Nam, hai anh em gặp nhau đúng một lần, nên không quen ai cùng đơn vị anh ấy.

- Giờ hai bác cứ về, nhưng để lại cho tôi số điện thoại và địa chỉ. Tôi sẽ ráng tìm trong các cựu binh Sư 9 xem có ai biết bác Nguyễn Minh Khôi. Nếu có người biết thì sẽ ra manh mối. Nhưng tôi cũng nói trước, coi như còn nước còn tát, chứ cũng trông vào may rủi, vì những người cùng sư đoàn nay đều còn rất ít, cùng trung đoàn, tiểu đoàn, đại đội chắc chắn càng ít hơn.

Chúng tôi để số điện thoại và địa chỉ lại, rồi chia tay Thịnh ra về. Một chuyến đi thất vọng hoàn toàn.

Lúc ô tô rời khỏi cổng doanh trại, vợ tôi nói:

- Tình hình này, vụ cậu Lư có khi cũng không xong.

- Tại sao? - Tôi hỏi.

- Vì người tên Toản do cậu ấy nói cũng là vu vơ.

Điện thoại di động bỗng reo. Nhìn số điện thoại, tôi biết là trung tá Thịnh:

- A lô!

Thịnh nói:

- Để hai bác về, cháu như thấy mình có lỗi. - Anh đổi cách xưng hô từ "tôi" một cách chuyên nghiệp sang "cháu". - Có lỗi cả với bác Khôi. Cháu vừa hỏi, cảnh vệ nói hai bác vừa ra cổng. Nếu không phiền, cháu mời hai bác quay lại, chúng ta sẽ rà lại mục quê quán và tên liệt sĩ lần nữa.

Tôi nói:

- Chúng tôi và chú đã rà kỹ rồi mà.

- Nhưng nghĩ kỹ lại, cháu cũng vẫn tin bác Khôi nhất định ở Sư 9. Chúng ta sẽ rà thêm ở cột ngày sinh, cha mẹ…

Tôi liền bảo lái xe quay lại.

Vừa thấy chúng tôi rời xe, Thịnh đã ra đón. Chúng tôi cùng theo anh lên lại phòng làm việc ở lầu một.

Thịnh khởi động máy vi tính, rồi nói:

- Hai bác cùng cháu đọc kỹ nhé. Tên thì không thể có thêm Nguyễn Minh Khôi, nhưng còn cột tuổi, bố, mẹ…

Năm sinh của tất cả những người tên Khôi lần lượt trôi trên màn hình. Đến dòng "Nguyễn Duy Khôi, năm sinh 1942", tôi nói:

- Anh tôi sinh năm 1942.

- Giờ là cột quê quán.

Thịnh chỉnh sang cột quê quán. Trên màn hình hiện lên dòng chữ: Bắc Hồng, Thụy Hà, Đông Anh, Hà Nội.

Tôi lắc đầu:

- Không phải.

Thịnh lại chuyển sang dòng Phạm Quang Khôi, năm sinh 1942, nhưng cột quê quán lại là Vĩnh Bảo, Hải Phòng, và nói:

- Sinh năm 1942 chỉ có bốn người. - Anh chỉnh tiếp sang tên Khôi sinh 1942 khác.

Cùng lúc đó, từ trong vô thức ở tôi bỗng nảy ra cảm giác quen quen với hai tiếng "Thụy Hà". Tôi vội bảo Thịnh:

- Trở lại tên Nguyễn Duy Khôi đi.

Khi Thịnh chỉnh lại tên Nguyễn Duy Khôi, sinh năm 1942, quê quán Bắc Hồng, Thụy Hà, Đông Anh, Hà Nội, thì tôi nhớ ra, những ngày ở Trần Nhật Duật và Lê Thái Tổ, thỉnh thoảng trong năm, bố tôi có đưa chị Tâm và anh Khôi về Thụy Hà ăn giỗ. Thụy Hà ở đâu? Không biết. Bắc Hồng thì không nghe bao giờ, còn Đông Anh quá quen thuộc nhưng chưa bao

giờ nghĩ nó dính líu đến mình. Thịnh thấy tôi phân vân, liền nói:

- Nếu bác không nhớ, cháu thử chuyển sang cột cha, mẹ.

Miệng nói, tay anh chỉnh luôn cho màn hình hiện cột "Bố". Vừa thấy tên Nguyễn Hữu Lược, tim tôi muốn vỡ tung. Tiếp theo cột tên "Mẹ", hiện dòng chữ: Đỗ Thị Lộc. Tôi đứng phắt khỏi ghế, ôm chầm và nhấc bổng Thịnh lên, vừa cười ha hả như thằng điên:

- Đúng anh tôi rồi! Đúng anh tôi rồi.

Tôi xin lỗi Thịnh, rồi chạy ra ngoài hành lang, bấm điện thoại, gọi cho chị Tâm ở Hà Nội:

- Bọn em tìm thấy anh Khôi rồi.

Từ Hà Nội, chị Tâm cũng mừng rú:

- Vẫn nhờ thầy Lư à?

- Không. Theo hòm thư của anh Khôi do Kính viết mặt sau tấm ảnh thằng Toản. Từ hòm thư, bọn em tìm đến phòng Chính sách Sư đoàn 9, nhưng tên Nguyễn Minh Khôi không có… Cuối cùng lại là Nguyễn Duy Khôi, ở Bắc Hồng, Thụy Hà, Đông Anh, Hà Nội.

Chị Tâm sốt ruột:

- Bắc Hồng, Thụy Hà, Đông Anh là quê nội nhà mình. Còn Nguyễn Duy là họ gốc của gia tộc, từ trước thời cụ nội Nguyễn Hữu Định. Khi cụ nội lập ấp ở Phúc Yên, chi Nguyễn Hữu mới tách ra… Không biết vì sao Khôi nó phải đổi khác so với lý lịch gốc?

Việc vì sao, anh Khôi lại đổi tên và đổi cả quê so với lý lịch, mãi mãi chỉ nằm trong phỏng đoán. Nhưng chính điều này khiến chúng tôi hiểu ra, hồi mấy năm đầu giải phóng, chúng tôi nhờ nhà văn Vũ Thị Hồng, thậm chí, cả trung tướng Bùi Cát Vũ, Tư lệnh Quân đoàn 4, tìm liệt sĩ Nguyễn Minh Khôi, đã không thể tìm ra.

Tôi trở vào phòng đúng lúc mọi thông tin về anh Khôi hiện rõ trên màn hình: *"Nguyễn Duy Khôi, sinh năm 1942, quê quán Thụy Hà, Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam. Chức vụ: B trưởng. Nhập ngũ năm 1967 tại Hưng Yên. Đơn vị: C3. D4. E2. F9. Hy sinh:*

23/5/1970, tại Svay Rieng, Campuchia. Đã quy tập hài cốt về nghĩa trang liệt sĩ trong nước năm 1982".

Vợ tôi đang hỏi Thịnh:

- Tại sao giấy báo tử lại ghi ngày mất mười hai tháng Ba năm 1970?

Thịnh nói:

- Chuyện này đôi khi vẫn có thể xảy ra, vì một đằng là thông báo ngay tại chiến trường, còn một đằng sau khi chiến dịch kết thúc mới báo cáo kiểm lại quân số, chỉ cần một bên sơ sót là ra hai ngày khác nhau.

Tôi lại hỏi:

- Hài cốt được đưa về Việt Nam thì ở nghĩa trang nào?

Thịnh nói:

- Các trường hợp hoàn tất khai quật hài cốt, rồi di chuyển từ A đến B đều có biên bản ghi rõ thời gian, địa điểm. Những trường hợp còn nằm trong dự tính di chuyển, hoặc di chuyển đến địa điểm mới nhưng nơi đó chưa hoàn tất việc tiếp nhận hay mai táng, hoặc vẫn còn trục trặc về tên tuổi, quê quán, đơn vị, thì trong biên bản tạm bỏ trống nơi đến, nên chưa được cập nhật vào đây.

- Vậy chúng tôi sẽ tìm anh tôi ở đâu?

Thịnh nói:

- Đội quy tập hài cốt liệt sĩ ở Svay Rieng, Campuchia do Tỉnh Đội Tây Ninh phụ trách, hai bác chịu khó đến văn phòng Tỉnh Đội Tây Ninh hỏi, chắc chắn họ sẽ biết.

Khi chia tay, trung tá Thịnh tiễn chúng tôi xuống tận thềm tam cấp lối lên cầu thang tầng trệt, rồi cùng ra tận xe hơi. Tôi vào xe rồi, vẫn thấy vợ tôi đứng nhỏ to với Thịnh một lúc mới lên xe.

- Em còn hỏi thêm chuyện gì?

Xe chạy một đoạn, vợ tôi mới miễn cưỡng nói:

- Em đưa năm triệu, nhưng cậu ấy nhất định không nhận.

Tôi nóng mặt:

- Có phải chuyện gì cũng thanh toán bằng tiền đâu.

Vợ tôi nói:

- Mình phiền cậu ta suốt từ tám rưỡi sáng đến gần hết buổi chiều. Thông tin về anh Khôi hôm nay là vô giá, trong khi gần hai tháng nay, anh và em đi khắp các nghĩa trang, riêng tiền xăng, tiền ở khách sạn và tiền ăn, đã hơn hai chục triệu, chưa kể vụ bị con Tư Bông lừa ra Huế, nay bồi dưỡng cho cậu ta năm triệu còn là ít… - Rồi vợ tôi nói thêm. - Cái mệt mỏi nhất của đời sống hôm nay là không biết nên đánh giá con người thế nào?

Rời căn cứ Đồng Dù, chúng tôi đi ngược lên Tây Ninh. Ở Tỉnh Đội Tây Ninh, đã cuối giờ làm việc nhưng chúng tôi cũng được viên thiếu tá trực ban đón tiếp một cách tôn trọng. Anh cho biết từ nay đến Tết, các đội quy tập hài cốt liệt sĩ đều ở cả bên Campuchia để cố gắng đưa hài cốt các liệt sĩ về trước Tết, nên phải đợi đến sau Tết chúng tôi mới có thể gặp những người phụ trách. Anh cũng cho chúng tôi biết tên sĩ quan phụ trách và số điện thoại, để có thể liên lạc trước khi lên gặp.

Trên đường từ Tây Ninh về Sài Gòn, trời bắt đầu xâm xẩm. Suốt một ngày đi đường và giao tiếp toàn những việc căng thẳng, tiêu hao khá nhiều sức lực tuổi thất thập cổ lai hy của hai vợ chồng, nhưng có lẽ sự mệt mỏi bã bời lại nằm ở chỗ, sau những thông tin vô giá về anh Khôi, kết cục vẫn là chưa biết hài cốt anh hiện ở đâu, nên thay cho niềm vui mừng bột phát vẫn là sự trầm lại khi nghĩ về anh. Cuối cùng thì mơ ước được trở thành đảng viên Đảng Cộng sản của anh cũng đạt được. Và bao nhiêu năm phấn đấu cật lực ở Thanh niên Xung phong, rồi đoàn Khảo sát Thủy Lợi, giỏi và xuất sắc đến đâu, vẫn chỉ là cấp phó, thì sau cùng anh đã là cấp trưởng: Trung đội trưởng.

Cái giá mà anh tôi phải trả cho cái đích phấn đấu ấy liệu có quá đắt?

Tôi bỗng nhớ đến một câu trong tác phẩm văn học nào đó, mà anh Khôi bắt tôi đọc, đại ý: “Nếu nhìn vào kết quả, không có cái giá hy sinh nào không đắt, nhưng nhìn vào hành trình thì mọi hy sinh vì lý tưởng không bao giờ vô ích”. Nhớ vậy, mà hiểu anh, nhưng trong tôi vẫn buồn.

Suốt chặng đường dài, không thấy tôi nói gì, vợ tôi bỗng hỏi:

- Từ số hòm thư Kính ghi sau bức ảnh của Toản, mình tìm ra chính xác đơn vị, ngày mất và nơi mất của anh Khôi. Như vậy, cậu Toản này với cậu Toản do cậu Lư nói không phải tình cờ?

- Nếu không tình cờ đến nhà ông Giã thì mọi chuyện vẫn mù mịt...

Miệng nói vậy, nhưng lòng tôi vẫn phải thầm thừa nhận lời cậu Lư, "Muốn tìm liệt sĩ Khôi phải nhớ gặp một người tên Toản", không hề vô tình.

KHÔNG BIẾT MỚI SỢ

Tháng Tám năm 1963.

Trong ba niên khóa từ 1962 đến 1965, lứa học sinh cuối năm cấp hai và cấp ba phổ thông tại ba thành phố lớn Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, từng là vùng quân Pháp tạm chiếm, đều sục sôi trong đại chiến dịch tuyên truyền, cổ động của các cơ quan báo chí, truyền thông, tuyên huấn. Các cơ quan, đoàn thể từ trung ương xuống địa phương vận động hết công suất cổ vũ tuổi trẻ xung phong lên các tỉnh vùng núi rừng heo hút, làm giàu cho Tổ quốc. Đồng thời các trường đại học, cao đẳng, trung cấp hạn chế tuyển sinh tới mức tối đa và công bố kết quả thi đậu chậm lại ba tháng. Các cơ quan, xí nghiệp, công trường được lệnh không nhận thêm biên chế để lứa thanh niên học sinh tốt nghiệp lớp bảy và lớp mười xong chỉ có một con đường…

Tôi tốt nghiệp lớp mười, niên khóa 1962 - 1963, tại trường Chu Văn An 3A Hà Nội. Và là một trong tám ngàn thanh niên Hà Nội thuộc Đoàn Thanh niên Xung phong tháng Tám Thủ đô năm đó đã rời Hà Nội tỏa đi khắp các công trường, nông trường, diêm trường các tỉnh biên giới, miền núi, miền biển.

Tuy sự ra đi này là vì không thể có con đường thứ hai, nhưng nếu nói không có chút tự nguyện nào, cũng là thiếu trung thực. Đặc điểm của tuổi trẻ chúng tôi những năm đó là trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng hy vọng về một tương lai phía trước tốt đẹp. Người Hà Nội những năm đó cũng hy vọng như tuổi trẻ Hà Nội, và với sự nhẫn nại phi thường, đã vượt qua được những năm tháng gian nan mà bây giờ nhìn lại, phải rùng mình, tự thấy mình là những anh hùng. Tôi và nhiều bạn cũng tự nguyện ra đi với niềm tin sau ba năm sẽ về học đại học.

Anh Khôi được chị Tâm báo cho biết là tôi sẽ đi Thanh niên Xung phong, liền phá lệ, từ Lào Cai về Hà Nội gặp tôi. Nói phá lệ là do trước khi rời Hà Nội, anh có lời thề, không thành công trong sự nghiệp, sẽ không bước chân về Hà Nội. Nhưng như thế nào là thành công? Thành một thần tượng như Pavel trong tiểu thuyết *Thép đã tôi thế đấy?* Một nhà văn nổi tiếng hay một thủ lĩnh phong trào thanh niên? Anh không nói, mà tôi cũng không chú ý nên không hỏi. Chỉ biết đã coi anh như thần tượng, tôi luôn tin những gì anh muốn phấn đấu, ắt sẽ đạt được.

Năm tôi học lớp mười, còn Vinh học lớp chín, vì tai họa gia đình nên cậu ruột tôi là Giáo sư Tiến sĩ Đỗ Tất Lợi mang chúng tôi về nhà cậu ở 44 Hàng Chuối. Khoảng bảy giờ, sau bữa cơm tối ở nhà cậu Lợi, anh Khôi về, không vào nhà mà đứng ngoài cổng, gọi tôi ra. Thấy anh vẫn mặc nguyên bộ quần áo bảo hộ lao động loại vải Liên Xô màu xanh đen bạc màu rẻ tiền, tôi nói:

- Anh vào đi.

Anh bảo:

- Anh chỉ tranh thủ về gặp em thôi.

Tôi nói:

- Cậu Lợi đang có nhà.

Anh nói:

- Anh không muốn vào.

Tưởng anh ngại vì đang mặc bộ quần áo tuềnh toàng, đầy mùi mồ hôi, tôi nói:

- Thanh niên Hà Nội bây giờ quần áo bảo hộ lao động đang là mốt.

Anh nhếch miệng:

- Đang chỉ là thằng phu làm đường vô danh, nên anh không muốn gặp ai.

Tôi sực nhớ đến lời thề của anh với các bạn cùng lứa: “Nếu cuộc ra đi không thành công, sẽ không bước chân về Hà Nội”. Nên tôi nói:

- Sao lại là phu? Anh đang là Thanh niên Xung phong kia mà?

Anh cười nhạt:

- Lúc đầu, anh theo gương những người cộng sản tiền bối như Bác Hồ, Lê Hồng Phong, Trần Phú, Hoàng Văn Thụ đã tự vô sản hóa bằng cách từ bỏ tầng lớp trung lưu, hòa mình vào tầng lớp cần lao, để làm cuộc cách mạng đấu tranh giai cấp, xây dựng một xã hội thiên đường, không có người bóc lột người. Bác Hồ, mười bảy tuổi bắt đầu con đường vô sản hóa bằng việc xuống tàu Tây làm phụ bếp, anh đi Thanh niên Xung phong là vô sản hóa trong hoàn cảnh đất nước đuổi xong thực dân Pháp, là sướng hơn thời mất nước của các bậc tiền bối. Nhưng năm năm làm đường ở Lào Cai, anh nhận ra khí chất của lý tưởng cộng sản trong mình và thực chất lao động chân tay của anh phu lục lộ, chưa chắc đã phụ thuộc vào năng lực và sự phấn đấu của mình. Nên anh quyết định về gặp em, chỉ để giúp em nhận thức nhanh hơn mọi vấn đề giữa thực tế cuộc sống và lý tưởng mà em sắp trải qua. Vì nếu thiếu kinh nghiệm sống, em sẽ sớm thất vọng, không những phải trả giá đắt mà còn có thể thất bại thảm hại ngay từ những ngày đầu.

Thực ra, thời điểm đó, tên tuổi anh Khôi đang nổi như cồn trên mặt báo Tiền phong của Trung ương Đoàn. Nguyên do, anh bị tai nạn trong một vụ nổ mìn phá đá làm đường trên Lào Cai, được đưa về Hà Nội điều trị dài ngày, kết hợp học Trung cấp Thủy lợi. Những ngày ở Hà Nội, anh có đến trường Đoàn ở Chèm, từ đó, phát hiện hơn một trăm thành viên Thanh niên Xung phong từ lứa làm đường sắt Hà Nội - Mục Nam Quan những năm 1954, 1955 đến lứa đầu những năm 1960 ở khắp các tỉnh, vì nhiều lý do, tụ về trường Chèm ăn dầm nằm dề, đấu tranh đòi chế độ này khác. Anh dành thời gian tìm hiểu và đưa lên báo Tiền phong bài "Hầm trú ẩn của những kẻ đào ngũ". Bài báo lập tức tạo ra cơn bão dư luận, với rất nhiều bài hưởng ứng, phê phán những kẻ ở "hầm trú ẩn" trong một thời gian dài, kết quả hầu hết số này chịu trở về đơn vị công tác. Anh Khôi được coi là người dũng cảm dám đấu tranh trước những hiện tượng tiêu cực của một bộ phận thanh niên thiếu niềm tin ở tương

lai và giác ngộ được họ. Nên tôi nghĩ chủ đề chính hai anh em gặp nhau, sẽ là sự nổi tiếng của anh và nội dung bài báo nọ. Nhưng hóa ra anh không đụng chạm gì đến bài báo.

- Đi vào thực tế đời sống, sẽ có nhiều thứ trái ngược hoàn toàn với những tưởng tượng lãng mạn về lý tưởng, về ước mơ, thì em cũng phải hết sức bình tĩnh và sáng suốt nghĩ rằng mọi chuyện xấu chỉ là nhất thời.

Thấy anh định đi ngược đường Hàng Chuối về phía Tăng Bạt Hổ, tôi hỏi:

- Anh định đi đâu?

Anh nói:

- Vì phải nói chuyện dài, nên anh đưa em đến nhà bạn anh. Tối nay, anh ấy nhường nhà cho anh. Anh em mình nói chuyện suốt đêm cũng được.

Đến đường Hàn Thuyên, rẽ phải một đoạn, anh dừng trước cánh cửa sắt nhỏ của một ngôi biệt thự hai tầng rêu phong, cũ kỹ, kiến trúc kiểu Pháp cổ, các phòng đều có đèn được dùng một cách tiết kiệm, không đủ hắt sáng ra mảng vườn bao quanh, nên vùng cổng tối om. Anh Khôi dường như quen thuộc với ngôi nhà, thò tay vào bên trong kéo chốt, mở cánh cổng, bước vào trước.

- Vào đi. - Anh giục tôi.

Tôi hỏi:

- Sao không vào cổng chính?

Anh nói:

- Nhà này sau giải phóng được chia cho nhiều hộ. Do dùng chung cổng lớn phiền phức nên họ khóa lại để chỉ đi cổng nhỏ.

Bạn anh không ở phần nhà chính biệt thự mà ở tầng hầm. Tầng hầm này lại chia đôi cho hai hộ, nên có hai lối vào khác nhau, rẽ theo lề hè ôm hai bên hông biệt thự. Người đón chúng tôi trong căn hầm rất thiếu sáng, chỉ rộng chừng mười hai mét vuông, là họa sĩ gầy nhỏ Bá Vân. Ở

trong hầm nóng nực nhưng anh vẫn mặc chiếc áo khoác ngoài bất ly thân bằng ka ki đen dài đến gối, cũ kỹ, nhếch nhác, đầy những vết màu vẽ sơn dầu, như mọi lần đến nhà tôi. Anh Khôi chơi thân thiết với anh Bá Vân mấy năm nay, từ khi anh có bài đăng ở báo Thiếu niên Tiền phong. Bá Vân thuộc biên chế của Sở Văn hóa Thông tin Hà Nội chuyên vẽ áp phích quảng cáo và thiết kế mỹ thuật cho các đoàn nghệ thuật Hà Nội, nhưng cũng là họa sĩ minh họa chính cho báo Thiếu niên Tiền phong. Đôi khi tôi cũng thấy tên anh minh họa cho các báo khác như Văn nghệ, Thời mới, Hà Nội mới. Gia đình anh gốc Hải Phòng, bố là họa sĩ, hy sinh hồi kháng chiến chống Pháp, mẹ lấy chồng khác, có con riêng, nên tốt nghiệp xong Trung cấp Mỹ thuật, anh ở lại Hà Nội. Do quan hệ rộng rãi, được nhiều người yêu quý, nên anh luôn lấy bạn làm gia đình. Trong số bạn đó có anh Khôi. Anh Khôi thỉnh thoảng vẫn dẫn anh về nhà ăn cơm, nên từ lâu, anh cũng coi nhà tôi như gia đình…

Vừa thấy tôi, anh Bá Vân đã nói:

- Lần đầu tiên mày đến nhà anh hả? Thực ra, đây không phải nhà anh mà là nhà ông anh họ. Ông ấy đột xuất được cử đi chiến trường miền Nam, nên phải đưa bà vợ và hai đứa con về quê, còn cái nhà này nhờ anh ở trông hộ, nhưng anh ở ba năm đến quen hơi rồi, vẫn chưa thấy anh ấy ra.

Không chờ tôi mở miệng, anh Bá Vân nói với anh Khôi:

- Ông ra ngoài sân, tôi trao đổi mấy câu.

Anh Khôi theo ra. Không rõ hai người nói với nhau những gì. Chỉ chừng nửa phút, anh Bá Vân lại bước vào, nói với tôi:

- Anh giao nhà này cho hai anh em tâm sự, cứ tự do như nhà mình. Sáng chờ anh về, cùng đi ăn sáng, rồi muốn đi đâu hãy đi.

Đã đi vài bước ra cửa, anh lại dừng lại:

- Này, anh dặn trước, nhà anh bừa bộn hơn cả chuồng lợn, nhưng nó như thế nào cứ để nguyên như vậy, cấm dọn dẹp, rõ chưa?

Anh Vân vừa đi khuất, anh Khôi cởi luôn bộ quần áo bảo hộ lao động

quăng ra giường, chỉ còn ở trần, mặc độc chiếc quần đùi. Rồi bảo tôi:

- Em cũng quần đùi, cởi trần cho mát.

Tôi thoáng ngạc nhiên. Hồi ở Trần Nhật Duật và Lê Thái Tổ, chỉ khi tập chạy quanh Hồ Hoàn Kiếm vào sáng sớm, tôi với thằng Vinh mới được cởi trần, còn mọi tình huống ở nhà, việc ở trần mới chỉ trong ý muốn, anh đã nghiêm mặt dập tắt: "Nên nhớ nhà mình là nhà có nề nếp".

Lúc chỉ còn hai anh em ở lại, tôi mới trấn tĩnh nhìn nhận nơi mình đang ngồi. Căn phòng chỉ có một chiếc giường mộc cá nhân, loại giường đóng bằng loại gỗ rẻ tiền theo kiểu tiết kiệm ở các khu tập thể, phần trên dát giường trải tấm chiếu hoa rách một mảng ở giữa, một chiếc bàn làm việc cũng là loại bàn mộc sản xuất hàng loạt cho các cơ quan Nhà nước, trên bày ngổn ngang sách vở, giấy bút, bản vẽ, gạt tàn đầy những mẩu thuốc thừa, một chiếc điếu cày… Do căn hầm quá chật, không đủ chỗ đặt ghế, nên chiếc bàn được kê sát với giường, để dùng giường thay ghế. Ngoài hai đồ vật coi như chủ thể căn phòng, còn lại khắp nơi là khung tranh, ghế cóc, giá vẽ, giá quần áo. Ngoài cửa hầm, phần mặt tường áp trần, có hai cửa sổ hình bán nguyệt với các chấn song sắt to bằng đốt ngón tay, không biết vì lý do gì, đều được chủ nhà đóng kín bằng loại ván gỗ bao bì còn in hình nhãn sữa hộp "Con Chim", sàn nhà thì đầy các loại giấy vụn… Một chiếc quạt tai voi hiệu Liên Xô cũ kỹ, quay vù vù mà trong nhà vẫn nóng.

Thấy tôi đưa mắt nhìn quanh, anh Khôi đoán tôi muốn dọn dẹp, liền nhắc:

- Anh Vân bảo đừng dọn dẹp, thì em không được đụng vào bất cứ thứ gì.

Anh nhặt dưới sàn lát gạch mộc lên, đưa tôi xem tờ vỏ bao thuốc lá Tam Đảo được vuốt phẳng, mặt trong vẽ bằng bút chì hình cô gái khỏa thân, vú rất to, hai bàn tay đang cài bông hoa đại lên mái tóc dài:

- Đây cũng là một tác phẩm nghệ thuật. Nó được vứt dưới đất cũng

mang ý nghĩa nghệ thuật, do không hiểu ngôn ngữ cao siêu của hội họa nên nhiều người hay nghĩ cạn.

Tôi bảo:

- Em chỉ thấy ở đây nóng quá. Nếu ở suốt đêm, buồn đái hay buồn ỉa sẽ đi ở đâu?

- À... Giờ hơi nóng một tí, nhưng tối ngủ sẽ mở cửa ra, vì trộm cắp từ ngày giải phóng biến hết rồi. Mà nếu thằng trộm nào lọt vào, chỉ thấy mỗi cái quạt tai voi đáng giá, nó cũng không dám lấy. Vì lấy là mất điện, mình sẽ biết ngay.

Tôi cố giấu một tiếng thở dài, vì tôi có cái tật hễ hơi nóng là không sao ngủ được.

Anh Khôi nói tiếp:

- Nếu đi đái thì ra vườn. Vườn tối, không ai nhìn thấy đâu mà sợ. Còn ị thì chỗ vườn áp tường nhà bên cạnh có dãy nhà lợp tôn xi măng, vừa là nhà tắm, sàn giặt giũ, rửa bát, vừa nhà xí công cộng của khu nhà...

Tôi ngạc nhiên:

- Nhà biệt thự thì các tầng phải có buồng tắm, nhà xí chứ?

- Ngày xưa chắc chắn là có, nhưng từ ngày giải phóng, hai tầng trên chia cho bốn hộ toàn nhà văn và cán bộ cấp Vụ, Cục của Bộ Văn hóa. Ban đầu ít người, không có chuyện gì. Sau thêm con cháu, bố mẹ nên các nhà tắm, nhà xí dùng chung, bị hư, tắc, lẽ ra phải sửa chữa thì lại được cơi nới thành chỗ ở. Trong khi vườn rộng không biết để làm gì, thế là ngăn ra biến thành buồng tắm và nhà xí công cộng. Anh có viết hẳn một bài báo về văn hóa biệt thự, nói rõ: biến biệt thự thành nhà tập thể chia cho nhiều hộ là sự thụt lùi về sở hữu và văn hóa.

- Người ta có đăng không?

- Họ trả lời cảm ơn sự cộng tác, nhưng đăng vào thời điểm này không thích hợp. Từ ngày nhà mình bị tai họa, mỗi khi về Hà Nội họp cộng tác viên các báo, anh vẫn về đây với anh Bá Vân, nhưng mỗi lần tắm rửa, đi ị, mấy bà trên biệt thự, người thì nói bóng gió, người nói toạc: nhà xí ở

đây không dành cho người ngoài, nên cứ xuống ga Hàng Cỏ là anh vào khu vệ sinh công cộng dành cho hành khách, dúi hai hào cho tay bảo vệ, giải quyết hết chuyện ỉa đái, tắm rửa, rồi mới về đây.

Anh Khôi ra ngoài vườn tè một bãi, rồi vào hầm:

- Bây giờ anh nói với em về chủ đề Thanh niên Xung phong mà em sắp bước chân vào nhé.

Tôi tỏ ra chú ý lắng nghe, nhưng thâm tâm mất đi khá nhiều hào hứng, vì pha tè ngay ngoài vườn và pha dúi hai hào để giải quyết mọi chuyện ở khu vệ sinh ga Hàng Cỏ rồi mới về đây, đã khiến anh, một thần tượng lớn, hay nói chính xác hơn, một thần tượng người Hà Nội ở anh, đối với tôi, sứt mẻ đi ít nhiều. Trong khi anh đang rất hào hùng truyền cảm hứng sang tôi:

- Khi đã quyết định dấn thân vào môi trường Thanh niên Xung phong, môi trường của "thép đã tôi trong lửa đỏ và nước lạnh", hầu hết thanh niên thành phố chúng ta đều chỉ nghĩ phía trước sẽ là sự gian khổ, sự cực nhọc của lao động chân tay giữa nắng hè gay gắt, sự đầm mình giữa mưa dầm, gió bấc, là sự ăn uống thiếu thốn giữa núi rừng heo hút… Thực tế, những thử thách khắc nghiệt đó, chỉ cần quyết tâm vừa phải là vượt qua được… Điều khó vượt qua nhất, cũng là điều không ngờ nhất chính là quan hệ giữa người với người. Dù anh giỏi đến đâu, nhiệt huyết đến đâu, trình độ chuyên môn và văn hóa cao đến đâu, nhưng không phải Đảng viên, sẽ không bao giờ có chỗ cho anh ở vị trí dù chỉ là tổ trưởng, đội trưởng. Đoàn trưởng Đoàn Thanh niên Xung phong của anh là một trung úy bộ đội chuyển ngành, trình độ văn hóa lớp bốn. Còn đội trưởng, tổ trưởng, văn hóa từ biết đọc, biết viết đến lớp bốn là chuyện bình thường.

- Người Hà Nội của mình đâu?

- Dân Hà Nội, Hải Phòng chỉ chiếm ba mươi phần trăm. Hai người của Thành đoàn Hà Nội và Hải Phòng lên giao quân xong, rút luôn về thành phố. Khi biên chế, dân thành phố không được tập trung về một đội, một

tổ, mà đều bị chia lẻ ra để khỏi tụ tập thành phe cánh. Dân Hà Nội, Hải Phòng đa số tốt nghiệp lớp bảy và lớp mười. Anh và những bạn lớp bảy, sau giờ làm việc, muốn học bổ túc văn hóa cấp ba thì phải đi bộ ra thị xã Lào Cai cách đó mười bốn cây số. Anh nghĩ ra cách ăn cơm chiều xong, những người đi học thêm, mặc quần đùi, áo may ô, đeo ba lô, cùng chạy nhẹ trên đường, đến trường mới mặc quần áo vào lớp. Một bạn từng ở đoàn Tre Việt, đề nghị gọi tên nhóm là Tre Việt. Thấy vui, ai nấy đồng tình. Đoàn trưởng là dân Thanh Hóa, lập tức bắt anh nghỉ ba ngày làm kiểm điểm vì âm mưu lập phe cánh ly khai. Một bạn anh làm bài thơ trên báo tường, về tình yêu với cô gái người Thái xinh đẹp là nhân viên bưu điện, mà cậu ta quen biết do Chủ nhật nào cũng ra bưu điện gửi thư về cho người yêu ở Hà Nội. Tay tổ chức của đoàn đi điều tra biết cô gái Thái có chồng là bộ đội biên phòng, thế là tác giả bài thơ bị kết tội hủ hóa, ngoại tình, vi phạm chính sách dân tộc, bị kỷ luật đuổi về địa phương. Phải rất khó khăn các anh mới giải thích cho lãnh đạo đoàn hiểu thơ tình không phải là thực tế, vụ kỷ luật vẫn chỉ giảm không đuổi về địa phương, nhưng tội hủ hóa, ngoại tình, vi phạm chính sách dân tộc vẫn bị ghi vào lý lịch. Chưa hết, anh trung thực khai trong lý lịch biết bốn ngoại ngữ: Anh, Pháp, Nga, Trung. Ở công trường, phần đường sá có chuyên gia cố vấn Trung Quốc, phần làm cầu, có chuyên gia cố vấn Liên Xô. Mỗi khi chuyên gia xuống đơn vị, phiên dịch chỉ có một người, trình độ rất kém, nên những giao tiếp công việc hằng ngày, chính mấy người phiên dịch vẫn nhờ anh nói giúp phần anh ta không hiểu và không nói được, vì thế anh thành chỗ thân quen với các chuyên gia cả Nga lẫn Trung Quốc. Những cuộc họp bàn chính thức, họ đều yêu cầu "đồng chí Khôi" có mặt, để phiên dịch chính xác nội dung trao đổi, nhưng đoàn trưởng và bí thư Đảng ủy nhất định không cho, chỉ vì cho rằng loại biết cả tiếng của bọn tư bản, thực dân Anh, Pháp, là dân Hà Nội, không phải Đảng viên, thì không đủ tin cậy để cho tiếp xúc với người nước ngoài.

- Nghe anh kể, em bắt đầu thấy sợ.

- Không biết mới sợ. Biết rồi, sẽ có cách tránh, không việc gì phải sợ. Tránh bằng cách nào? Thứ nhất là luôn làm tốt mọi nhiệm vụ, thứ hai là nhẫn nại chịu đựng mọi chuyện kỳ thị về địa phương, thành phần, trình độ và đặc biệt, đã là dân thành phố, thì đừng bộc lộ sự nổi trội, tức là phải giả lành như cừu... Em chỉ đi có bốn năm, rồi trở về học đại học?

- Thủ tướng nói ba năm.

- Anh đã sống trong gian khổ được năm năm mà vẫn còn tiếp tục kéo dài cho tới khi đến đích… Ba năm tính ra là dài, nhưng với tuổi trẻ hết mình vì lý tưởng, chỉ trôi vèo một cái là hết.

- Nhưng sống nhẫn nhục như anh nói liệu có mang tiếng là hèn?

- Em đánh cờ tướng, có lúc tiến, lúc thoái, lúc thắng, lúc thua. Đá bóng cũng lúc tấn công, lúc phòng ngự, cũng có thắng, có thua. Nếu biết dùng thất bại làm mẹ thành công, thì nhẫn nại cũng là hành trình đi đến thắng lợi. Chứ cứ khăng khăng tiến lên phía trước nghĩ đó là hành động anh hùng, trung thực, thẳng thắn, có khi chết không kịp ngáp.

- Em hiểu rồi.

Những bài học từ anh, sau này, tôi nhập cuộc ở ngành lâm nghiệp Quảng Ninh, ban đầu là thợ máy khoan hố trồng rừng, sau là thợ sửa ô tô, mới thấm thía hết. Chứ lúc nghe anh nói, tôi như kẻ chưa đói, lại phải ăn vội ăn vàng, đã không ngon miệng, lại không tiêu hóa hết. Chưa kể, lúc đó cũng đã muộn, chiều lại đi đá bóng, nên phần cuối tâm sự của anh, tôi phải cố gượng để giấu những cái ngáp ngắn ngáp dài, nên nghe câu được, câu không.

Đến lúc díp mắt lại, chìm vào cơn buồn ngủ, tôi chỉ còn lờ mờ nhận thấy hình như anh Bá Vân gầy nhỏ và một người nữa, hình như là Danh Huyền, bước vào hầm.

Bá Vân nói:

- Ra vườn ngồi tiện hơn.

Danh Huyền hỏi:

- Tuấn nó còn thức không?

- Có đá đít nó cũng vẫn ngủ say như chết.

Huyền thì thào:

- Vậy thì ngồi trong này, chứ ở ngoài vườn, nhỡ người trong nhà trông thấy…

Đúng tôi ngủ say như chết thật, nên không rõ ba hay hai người ngồi nói chuyện và nói những chuyện gì. Sáng ra, khi tôi thức giấc, chỉ thấy mỗi mình trong hầm. Trên bàn, anh Khôi để lại gói xôi ngô và tờ lịch viết mấy chữ: "Anh phải dậy sớm để kịp chuyến tàu lên đơn vị trước giờ làm việc. Chúc em lên đường thuận lợi. Anh. Nguyễn Minh Khôi". Tôi ngồi ngẩn ngơ một lúc, vừa ngấu nghiến ăn gói xôi, vừa cho rằng vụ Danh Huyền có mặt trong hầm tối qua, có lẽ mình ngủ mơ.

HỒN ĐANG ĐỨNG CẠNH MỘ

Tháng Hai năm 2010.

Theo đúng hẹn từ cuộc gặp tháng Mười từ năm trước tại Hà Nam, thầy Lư sẽ báo chúng tôi biết địa điểm an táng hài cốt anh Khôi vào ngày mười lăm tháng Giêng âm lịch bằng điện thoại. Nên ngay từ đầu tháng Giêng, chúng tôi đã thành lập xong một đoàn sẵn sàng lên đường, gồm hai vợ chồng tôi, cô Vân nguyên là giáo viên dạy sử và cậu Hùng, cùng là em vợ tôi. Ngoài ra, tôi rủ thêm chị Chín Nguyện là trưởng phòng kế toán tài vụ cùng Hãng phim Thành phố Hồ Chí Minh, nơi tôi từng làm việc. Chín Nguyện dân gốc miền Đông Nam Bộ, hồi chống Mỹ, sống ở nhiều vùng căn cứ trong rừng. Sau chiến tranh, việc tìm hài cốt đồng đội được nhiều cơ quan tiến hành, ban đầu, chị được mời tham gia với tư cách người trong cuộc, nhưng sau, các đoàn tìm kiếm hài cốt, phát hiện ra khả năng đặc biệt của chị là cứ đến gần nơi chôn liệt sĩ, trong bán kính khoảng một ngàn mét, dù không còn dấu vết nào, chị đều đi đúng hướng và chỉ đúng nơi chôn cất. Tôi gọi điện mời, chị nói: "Tôi chỉ tìm được những người từng chung đơn vị, cùng sống và chiến đấu, chứ không tìm được người lạ". Tuy nhiên, chị cũng nhận lời "đi cho vui". Chúng tôi cũng đặt thuê một xe mười hai chỗ ngồi của công ty du lịch Sao Mai quen biết. Người lái xe tên Tý đã đứng tuổi, từng nhiều lần đưa chúng tôi đi xa với nhiều công việc từ Nam ra Bắc…

Đến mười bảy giờ ngày mười bốn tháng Giêng, không thấy thầy Lư liên hệ. Đã một lần thất bại từ thầy ngoại cảm Tư Bông, chúng tôi bắt đầu nghi ngờ.

Cậu Hùng đến nhà tôi từ sáng để chờ, sốt ruột:

- Hay anh gọi điện cho ông Bùi Tiến Quý?

Vợ tôi nói:

- Nếu thế, cứ gọi thẳng cho cậu Lư.

Tôi bảo:

- Mình mà hỏi là tỏ ý nghi ngờ, sau có chuyện trục trặc, họ sẽ đổ tại mình không tin. Cứ chờ đến sáng mai, không có tin thì hủy vụ này. Coi như sự im lặng từ mình là thước đo độ tin cậy với nhà ngoại cảm.

Đúng hai mươi giờ, vào lúc chúng tôi không còn trông đợi, thì thầy Lư gọi điện:

- Hai bác đã chuẩn bị đi tìm liệt sĩ Khôi như tôi hẹn?

Tôi mừng quýnh, nhưng vẫn hỏi:

- Tại sao cậu báo muộn?

- Bác Khôi gọi lúc nào, tôi gọi cho bác lúc đó. Nhưng vẫn trong ngày rằm mà.

- Vậy mọi thứ đã xong xuôi, sẵn sàng lên đường rồi.

- Sáng mai, đúng chín giờ, hai bác có mặt ở nghĩa trang liệt sĩ Phước Long. Đồ lễ, nhớ mua đủ những thứ tôi dặn và nhớ tìm người tên Thắng đón ngõ.

- Đồ lễ, chúng tôi mua đủ rồi, nhưng… Chú Thắng là con cậu ruột tôi ở Hà Nội, đang bị tai biến mạch máu não không thể đi được.

- Tôi chỉ nói lại lời bác Khôi, sau này việc thuận hay không cũng từ bác ấy. Hai bác nhớ có mặt đúng giờ. - Dứt lời, thầy Lư cúp máy luôn.

Chúng tôi vừa rất mừng, nhưng cũng vừa băn khoăn: Tại sao lại là Phước Long? Suốt gần hai tháng hồi trước Tết, vợ chồng tôi đi khắp nghĩa trang liệt sĩ các tỉnh miền Đông Nam Bộ, nhưng không lên Phước Long vì theo nhiều cựu binh được chúng tôi hỏi thì trọng điểm giao tranh ác liệt nhất ở biên giới Campuchia - Việt Nam, năm 1970, là Tây Ninh và mấy tỉnh lân cận, trong khi Phước Long lại dịch rất xa lên phía Bắc, giáp Tây Nguyên… Việc nữa khiến chúng tôi lấn cấn vẫn là người đón ngõ tên Thắng theo thầy Lư dặn, không cách nào đáp ứng…

Đúng lúc đó, điện thoại di động của vợ tôi reo. Người gọi điện là Tý,

lái xe của công ty du lịch Sao Mai:

- Em phải gọi điện gấp để xin lỗi cô vì ngày mai, công ty có việc cần đi, nên em rất tiếc không đi được với cô chú. Em sẽ cử một cậu khác đi thay em, cô chú thông cảm...

Vì đi xa, lại lên vùng đất lạ, cần lái xe quen biết, thông thổ như Tý, giờ anh ta lại thay bằng người lạ, chưa kể phải thay lái xe vào phút cuối cùng cũng là điềm xui, nên chúng tôi bỏ luôn ý định thuê xe Sao Mai. Khi nói điều này với Hùng, cậu giải quyết rất nhanh:

- Nếu vậy, lấy xe bên công ty em, để thằng Thắng lái.

Thắng là em ruột kế Hùng, nhiều năm lái xe ở ngoài Bắc, mới nghỉ hưu mấy năm nay, hiện ở gần nhà tôi. Chúng tôi cùng giật mình: Cuối cùng người đón ngõ đưa chúng tôi đi Phước Long vẫn là Thắng như cậu Lư nói, chỉ có điều Thắng này không mảy may liên quan gì đến anh Khôi. Nên tôi thận trọng hỏi:

- Cậu ấy có rành đường mấy tỉnh Đông Nam Bộ?

Hùng nói:

- Giao thông mấy tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Phước Long… bây giờ đơn giản, đường sá chục năm nay, được quy hoạch mở rộng đều dễ đi, nhưng trên xe đã có bản đồ định vị, mình cứ đi là đến.

Sáng hôm sau, để kịp đến nghĩa trang liệt sĩ Phước Long đúng chín giờ, từ lúc năm giờ sáng Thắng đã lái xe chở Hùng đến nhà đón vợ chồng tôi, về Phú Nhuận đón cô Vân, đi tiếp đến đầu đường hầm Thủ Thiêm, đường hầm qua sông Sài Gòn, đón chị Chín Nguyện đã hẹn trước.

Lúc tám giờ bốn mươi lăm phút, chúng tôi đến bùng binh Thành phố Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, cách Sài Gòn cỡ một trăm ba mươi kilômét. Tiếng nữ hướng dẫn viên trong màn hình bản đồ định vị ngọt ngào: “Hiện quý khách đang ở bùng binh ngã tư Quốc lộ 13 và Thành phố Đồng Xoài. Xin quý khách rẽ trái, theo đường vào trung tâm thành phố, đi thẳng năm kilômét nữa đến nghĩa trang liệt sĩ Phước Long”.

Cậu Thắng lần đầu tiên đi đường này, không rõ thiếu tin tưởng ở bản đồ định vị hay do quá cẩn thận, vẫn dừng xe bên đường, hỏi một ông lớn tuổi chạy xe ôm, đang ngồi trên xe chờ khách ngay lề hè:

- Bác làm ơn cho hỏi nghĩa trang liệt sĩ Phước Long đi hướng nào?

Người được hỏi rất kiệm lời:

- Đi thẳng.

Theo tay chỉ của ông, chúng tôi chạy thêm năm cây số, nhưng nơi đến, nằm bên phải đường lại là một nghĩa trang hoành tráng, với tấm biển lớn "Nghĩa Trang Liệt Sĩ Đồng Xoài" chạy suốt chiều ngang phía trên hai trụ cổng bê tông. Thắng xuống xe, hỏi người quản trang:

- Tại sao chúng tôi hỏi thăm, người ta lại nói đây là nghĩa trang Phước Long?

Người quản trang giải thích:

- Ngày trước, đây gọi là Phước Long nhưng đổi thành Đồng Xoài lâu rồi, mà những người từ các tỉnh miền Bắc vào vẫn nhầm với tên cũ. Do đa số người tìm đều là thân nhân liệt sĩ nên người ta đồn sự nhầm lẫn này do vong hồn các liệt sĩ muốn thử lòng người thân, vì để họ tha phương lưu lạc mấy chục năm mới chịu đi tìm. Nhưng cũng có người, từ sự nhầm lẫn này, do vong báo, lại tìm trúng hài cốt liệt sĩ ở đây, nên họ nói, chính quyền đặt tên sai chứ họ không sai.

Lúc này đã chín giờ, đúng lời hẹn của thầy Lư. Và thực sự, chúng tôi đang đứng ở nghĩa trang Đồng Xoài, với băn khoăn: Lẽ nào tên Phước Long là của riêng thế giới tâm linh?

Tôi bấm điện thoại di động gọi thầy Lư:

- Chúng tôi đã đến nghĩa trang liệt sĩ Phước Long đúng giờ, theo hướng dẫn của bản đồ định vị, nhưng lại là nghĩa trang liệt sĩ Đồng Xoài.

Thầy Lư nói:

- Không phải chỗ hai bác đang đứng, mà đi tiếp hơn bốn chục cây số nữa. Còn một nghĩa trang Phước Long khác.

Thắng tiếp tục cho xe đi. Vừa đi, vừa hỏi thăm người bên đường, vì

không còn tín nhiệm sự hướng dẫn của bản đồ định vị. Đến thị trấn Phước Bình, rẽ phải chừng hai cây số, tính từ bùng binh ngã tư Quốc lộ 13 và Thành phố Đồng Xoài, chúng tôi đã đi thêm bốn mươi ba kilômét. Mặt tiền bên phải đường hiện ra một nghĩa trang lớn, với tường lửng hơn một mét, bên trên rào bằng chấn song sắt, có đầu hoa văn nhọn, chạy dài hàng trăm mét dọc theo đường lớn. Cổng nghĩa trang được xây đơn giản nhưng đồ sộ. Bên trên, suốt chiều ngang trụ cổng tam quan là tấm biển lớn: Nghĩa Trang Liệt Sĩ Phước Long.

Nhưng đã chín giờ bốn mươi phút. Trời đang giữa trưa. Nắng hun nóng nền đất đỏ ba-dan, lại thiếu gió, tạo ra bầu không khí khô gắt, rất khó chịu.

Chúng tôi thận trọng dừng xe bên ngoài, rồi gọi điện thoại cho thầy Lư.

Giọng thầy Lư đều đều:

- Chính là nghĩa trang này. Cho xe vào, đặt lễ lên đài tưởng niệm, thắp nhang, khấn xin Trời, Phật và hương hồn các liệt sĩ phù hộ, rồi gọi điện… À… Xin lỗi! Do hai bác sai hẹn gần một giờ, trời lại đang nắng chói, mọi vật đều mờ nhòa, khó nhìn nhận, nên để đến hai giờ chiều, khi trời mát và có mưa, bác lại gọi điện cho tôi.

Chị Chín Nguyện nói nhỏ với tôi:

- Nói với ông ấy, ở xứ này bốn giờ chiều vẫn chưa hết nắng gắt, và đang giữa mùa khô, không thể có mưa.

Tôi chưa kịp nói, phía thầy Lư đã có tín hiệu tắt máy, đành an ủi Chín Nguyện:

- Miền Bắc bây giờ vẫn đang lạnh và mưa phùn, nên cậu ta tưởng miền Nam cũng vậy… Không sao đâu. Đến hai giờ, trời đất vẫn loãng nhòa, cậu ta sẽ hẹn trễ hơn, mình càng nhiều thời gian.

Ngồi trên xe nhìn vào nghĩa trang rộng mênh mông, chỉ thấy vài người đi thăm mộ, mấy người đang cắt cỏ, còn phía bên phải cổng là dãy nhà ngói cấp bốn, có lẽ dành cho những người quản lý nghĩa trang, nơi

tiếp khách hoặc nhà kho, không có một bóng người.

Cậu Thắng phải xuống xe, tự đẩy rộng cánh cổng sắt lớn, để đưa xe vào đậu trước đài tưởng niệm xây trang trọng theo khuôn mẫu chung phổ biến ở hầu hết các nghĩa trang liệt sĩ khắp trong nước.

Trước khi xuống xe, tôi dặn mọi người:

- Vì vụ tìm hài cốt bằng ngoại cảm vẫn chưa được pháp luật thừa nhận, nên nếu có ai hỏi, nhớ nói mình đến tham quan và thắp nhang cho các liệt sĩ, để tránh rắc rối.

Một ông già gầy gò, râu tóc bạc phơ khoảng ngoài bảy mươi, nhưng còn nhanh nhẹn, từ trong dãy nhà ngói cấp bốn, bước ra, đi đến xe chúng tôi.

Tôi vội xuống xe, bắt tay ông ta:

- Bác là quản trang ở đây?

Ông già nói:

- Quản trang là Tư Quảng. Tôi là Mười Khang, hàng xóm ở gần đây, vẫn sang nghĩa trang giúp việc vặt. Hôm nay, chú ấy về tỉnh họp cả ngày, nên nhờ tôi sang coi giùm. Các chú từ đâu đến?

- Chúng tôi từ Sài Gòn lên. Lúc đến đây, nhìn vào trong thấy không có người, nên chúng tôi xin lỗi bác vì đã tự ý mở cổng để vào.

Ông Mười xuề xòa:

- Không sao đâu. Nghĩa trang này, quản trang đi vắng, tôi mới đóng cổng, chứ mọi khi vẫn mở cổng tự do. Khách thập phương đến đây để thăm viếng mồ mả liệt sĩ, chứ có làm gì đâu mà phải giữ.

- Cảm ơn bác đã thông cảm.

- Các chú, các bác tận Sài Gòn lên, lạ đất, lạ nước, nhưng cứ tự nhiên, có gì cần giúp đỡ, cứ nói tôi. Việc nào giúp được, tôi sẽ giúp, việc nào không giúp được, tôi sẽ kêu người làm, vì dân trên này hiếu khách lắm. Còn lúc về, nếu thấy tôi, thì để tôi đóng cổng, không thấy tôi, nhớ đóng cổng giùm.

Dứt lời ông Mười lại đi nhanh về dãy nhà ngói cấp bốn.

Nghĩa trang liệt sĩ Phước Long là vuông đất rộng khoảng bốn héc-ta, từ cổng vào là đường nhựa rộng khoảng ba mươi mét, chạy thẳng tới đài tưởng niệm ở trung tâm nghĩa trang. Hai bên đường phía trước đài là hai mảng mộ phần chính của nghĩa trang, mỗi bên hơn sáu trăm ngôi mộ, được ốp gạch men màu mận chín. Mỗi ngôi mộ cách nhau chừng gang tay. Mỗi hàng mộ cách nhau chừng một mét rưỡi. Nền của hai mảng này đều láng xi măng dày, nên rất quang đãng, sạch sẽ. Trên mỗi mộ đều đặt một bát nhang, và phía đầu gắn tấm đá hoa cương đen khắc tên liệt sĩ, năm sinh, quê quán, tên đơn vị, chức vụ, ngày hy sinh... Khá nhiều mộ, trên tấm đá chỉ ghi mấy chữ khô khan: "Liệt sĩ chưa biết tên". Mỗi mộ đều có một bình sứ trắng cùng kích cỡ, cao khoảng bốn mươi centimét, cắm những nhành hoa giấy, ở một số ngôi mộ, có lẽ mới có người đến thăm, bình hoa được cắm thêm hoa còn tươi, đặt trên mặt mộ, còn hầu hết đều đặt ở nền xi măng, khoảng trống giữa hai ngôi mộ. Hỏi mấy người cắt cỏ ở gần, được họ giải thích vì đặt trên mặt mộ, mỗi lần gió to, các bình bị đổ, vỡ nhiều, nên phải để xuống dưới, những ngày lễ, tết hoặc hội hè mới đưa lên.

Theo lời thầy Lư, chúng tôi đặt lễ và thắp nhang ở đài tưởng niệm. Do phải chờ đến tận hai giờ chiều mới làm tiếp, chúng tôi quyết định chia nhau đi thắp nhang khoảng trên một ngàn bốn trăm ngôi mộ ở cả bốn mảng chính của nghĩa trang. Đồng thời, tôi cũng gọi điện cho Tiến sĩ Bùi Tiến Quý.

- Xin báo anh biết, đúng hẹn, tối mười bốn tháng Giêng âm lịch, thầy Lư đã gọi điện cho chúng tôi. Hiện hai bên đang liên thông bằng điện thoại để cậu ấy chỉ mộ anh Khôi ở nghĩa trang Phước Long.

- Ồ! Thế thì tốt rồi. Có gì vướng mắc, anh cứ gọi cho tôi.

Tôi nói:

- Tôi có đọc báo và nghe kể về vụ các nhà ngoại cảm chỉ dùng điện thoại từ xa có thể chỉ đúng nơi chôn hài cốt, nhưng chính mình chứng kiến thì vẫn khó tin… Có điều này, tôi muốn tò mò hỏi anh, cậu Lư này

đã từng sống hay vào miền Nam nhiều lần?

- Theo tôi biết, chỉ có một lần duy nhất, cậu ấy vào Sóc Trăng khoảng một tuần, dự một đại lễ cầu hồn bên Phật giáo.

- Tôi phải hỏi điều này vì mấy tỉnh miền Đông Nam Bộ, hồi đầu giải phóng khi đi viết về ngành cao su, tôi có thời gian thâm nhập thực tế, nên hiểu biết ít nhiều. Đến hôm nay đi lại thấy quá nhiều thay đổi, chính mình cũng bỡ ngỡ, sao cậu Lư tỏ ra rất rành địa bàn Bình Phước, Phước Long?

- Đấy chính là cái lạ từ những nhà ngoại cảm mà có khi chính họ cũng không giải thích được ở góc độ vật lý.

Nói chuyện với Tiến sĩ Bùi Tiến Quý xong, tôi quay ra cùng mọi người đi thắp nhang cho các ngôi mộ. Ở hàng thứ tư cổng vào, góc xa mảng vuông mộ bên trái đài tưởng niệm, từ hàng đầu vào, giữa ngôi mộ thứ năm và thứ sáu, không hiểu sao, cậu Thắng trong lúc đi qua, đi lại, đụng đổ bình hoa đến ba lần. Lần thứ ba, còn mẻ một miếng nhỏ ở miệng bình. Cô Vân thấy vậy, lớn tiếng mắng Thắng là hậu đậu. Đến chị Chín Nguyện khi thắp nhang ở giữa hàng mộ, lúc đi trở ra, cũng đụng đổ đúng bình hoa này.

Rồi cô Vân do thắp hết nhang, phải đi lại, xin Thắng chia bớt nhang để thắp tiếp chỗ khác, cũng đụng đổ chính bình hoa ấy, phải thốt lên:

- Hình như cái bình hoa này có ma?

Chị Chín Nguyện nói đùa:

- Dám ngôi ấy chính là mộ anh Khôi.

Nhưng rồi mọi người cũng cho qua vì cùng mải tập trung vào việc thắp nhang cho quá nhiều ngôi mộ, dưới cái nắng gay gắt, ai nấy đều thở hổn hển, mồ hôi nhễ nhại.

Đúng hai giờ chiều, trời đang nắng rực, bỗng mát dịu đột ngột, rồi rộ xuống những hạt mưa rây, điều rất ít có giữa mùa khô ở miền Đông Nam Bộ, tôi gọi điện thoại báo tin cho thầy Lư:

- Chúng tôi đã đặt lễ và thắp nhang ở đài tưởng niệm rồi.

Thầy Lư bảo:

- Hôm trước, tôi có bảo hai bác, trước khi đi, phải tìm người tên Thắng đón ngõ?

Tôi nói:

- Tôi đoán cậu muốn nói là Đỗ Tất Thắng ở Hà Nội, nhưng cậu em họ tôi đang bệnh, nằm ngồi tại chỗ. Đi cùng chúng tôi hiện có cậu Thắng, em vợ tôi, là lái xe cho đoàn.

Thầy Lư nói:

- Chính là Thắng này đấy. Bây giờ, bác ra cổng, rồi đi từ cổng thẳng hướng về đài tưởng niệm. Đi chậm thôi. Lúc nào tôi bảo dừng thì dừng lại.

Tôi vừa làm theo lời thầy, vừa nghe điện thoại.

- Dừng lại. Phía tay trái, vừa đúng đầu hàng mảng mộ bên trái, đúng không?

- Đúng.

- Tính từ đài tưởng niệm trở ra là đầu hàng cuối của mảng mộ bên trái?

- Đúng.

- Vậy bác đi dọc đến hết hàng mộ này đi.

Tôi cùng cả đoàn đi đến hết hàng mộ thì dừng lại.

Lời thầy Lư tiếp tục:

- Hàng này, từ mộ thứ sáu trở đi có mười chín ngôi mộ vô danh.

Tôi ra hiệu cho Hùng đi trở lại, đếm số mộ trên mặt bia đá đen có khắc dòng chữ "Liệt sĩ chưa biết tên".

Cậu Hùng nhanh nhảu nghe theo, rồi nói:

- Đúng mười chín.

Thầy Lư nói:

- Hàng thứ hai đi ngược lên, không có mộ vô danh.

Cậu Hùng đi lướt đến tận đầu hàng mộ, rồi quay lại vẫy tay, ý nói đúng.

Thầy Lư lại nói:

- Hàng thứ ba, hai mộ vô danh ở đầu và thứ chín. Đúng không?

Tôi nói:

- Đúng.

- Hàng thứ tư. Hai mộ đầu có tên, kế đến bốn mộ vô danh. Mộ liệt sĩ Nguyễn Minh Khôi là thứ ba trong số mộ vô danh. Đó… bác Khôi đang đứng ngay cạnh mộ, cách xa chục mét có cả người vợ y tá tên là Minh… Tôi có dặn khi hóa vàng nhớ mua bộ đồ phụ nữ cho bác Minh?

Vợ tôi nói:

- Thưa, chúng tôi có mua.

- Tại sao thiếu đôi giày?

- Thưa! Ở chợ Sài Gòn không có giày của nữ, lúc lên đây, ở chợ, cũng không có, nên chúng tôi mua đôi dép cao gót.

Thầy Lư phàn nàn:

- Đi ở rừng làm sao dùng dép cao gót? Bây giờ, bác Minh đã đứng cạnh bác Khôi. Bác hỏi người tên Thắng có nhìn thấy không?

Cô Vân và chị Chín Nguyện cùng nói:

- Thấy hai cái bóng lờ mờ.

Cậu Thắng nói:

- Có một người đàn ông, một người đàn bà, nhưng chỉ thoáng qua thôi.

Vợ chồng tôi và cậu Hùng tuyệt nhiên không thấy bất cứ hiện tượng khác thường nào. Nhưng chúng tôi cùng sởn cả da gà khi ngôi mộ này chính là ngôi thứ năm từ ngoài vào, chiếc bình sứ cắm hoa giấy, bị bể một miếng nhỏ ở miệng đặt khoảng giữa mộ thứ năm và thứ sáu, vẫn ở chỗ lúc sáng chia nhau đi thắp nhang tất cả các ngôi mộ khắp nghĩa trang, ba lần Thắng đụng đổ, còn cô Vân và chị Chín Nguyện, mỗi người đụng đổ một lần. Giờ chỉ có ba người đụng bình hoa nhìn thấy hồn.

Tôi rất muốn hỏi: Tại sao không phải vợ chồng tôi mà là cậu Thắng, sau đó, là cô Vân và chị Chín Nguyện nhìn thấy anh Khôi? Nhưng do quá

xúc động và mải cố tìm hình ảnh anh Khôi, nên chưa kịp hỏi, thầy Lư đã nói:

- Bác Khôi có nói đến một người tên Hùng mà bác Tuấn biết, cũng đang ở Phước Long. Chi tiết này, tôi nghe không rõ lắm. Bác Tuấn thử nhớ hoặc tìm hiểu thêm người tên Hùng này là ai? Còn việc tìm bác Khôi của tôi đến đây là xong.

Dứt lời, thầy cúp máy một cách lạnh lùng. Tôi bấm máy gọi lại thầy để hỏi rõ thêm về người tên Hùng, và nói lời cảm ơn, cùng việc hậu tạ, nhưng trước sau, máy phía thầy Lư chỉ có một tín hiệu bận. Tôi bần thần, trong họ hàng ruột thịt nhà vợ chồng tôi, có mấy người tên Hùng, nhưng người tên Hùng đang ở Phước Long như cậu Lư nói thì chắc chắn không có ai, nên có thể coi như thêm một sự "sai số" thỉnh thoảng vẫn có ở nhà ngoại cảm, như Tiến sĩ Bùi Tiến Quý từng giải thích.

Vợ tôi nói:

- Chi tiết cậu Thắng, cô Vân và chị Chín Nguyện nhìn thấy hai hồn, chứng tỏ cậu Lư nói chị Minh y tá có quan hệ với anh Khôi là đúng. Mình chỉ nên đánh dấu hỏi ở chỗ, theo cậu Lư, họ là vợ chồng, trong khi anh Khôi chưa có vợ. Còn vụ cậu Lư nhắc anh nhớ một người tên Hùng, mình cũng quan tâm ở mức như trường hợp cậu ấy nói về chị Minh. Điều quan trọng nhất ở đây là mình đã tìm thấy anh Khôi.

Ròng rã hơn bốn mươi năm, rốt cuộc chúng tôi cũng đã tìm thấy anh. Vợ tôi xúc động đến bật khóc, còn tôi, bồi hồi như đã trút được phần nào gánh nặng đeo mang mấy mươi năm trời, tôi làm thinh, chìm trong vô vàn cảm xúc. Chúng tôi ở lại với anh đến hơn bốn giờ chiều. Sau đó, chúng tôi chào ông Mười Khang, rời nghĩa trang, trở về Sài Gòn, vẫn theo lối Quốc lộ 13. Đến bùng binh ngã tư Thành phố Đồng Xoài, vẫn ấm ức vụ tổng đài bản đồ định vị và người xe ôm chỉ sai nghĩa trang Đồng Xoài thành nghĩa trang Phước Long, tôi bảo Thắng cho xe đi quá bùng binh chừng hai cây số rồi quay lại. Từ màn hình tổng đài định vị, tiếng nữ phát thanh viên ngọt ngào: "Quý khách còn cách nghĩa trang liệt sĩ

Phước Long bốn mươi bảy kilômét. Cần phải đi tiếp bốn mươi lăm cây số, đến ngã ba thị trấn Phước Bình, rẽ phải, đi thêm hai cây số, sẽ đến nghĩa trang liệt sĩ Phước Long, nằm ngay mặt tiền đường bên phải".

Cả sáu người trên xe không một ai nghe nhầm, lần này tổng đài đã chỉ đúng. Suốt chặng đường dài hơn trăm rưỡi cây số từ Đồng Xoài trở về, chúng tôi bàn cãi dai dẳng về sự nhầm lẫn này. Do biết rất rõ tiếng trả lời trên bản đồ định vị là phần mềm đã được ghi âm sẵn, có gọi hỏi tổng đài cũng chẳng giải quyết được gì, nên tạm kết luận, đây là điều không thể giải thích. Còn theo luận điểm tâm linh vẫn được truyền miệng trong dân gian thì như lời người quản trang ở nghĩa trang Đồng Xoài nói, có khi vong các liệt sĩ, trong đó có anh Khôi, muốn thử lòng chúng tôi, vì đã để các anh lưu lạc quá lâu…

Mấy năm sau, năm nào chúng tôi cũng lên thăm anh Khôi từ một đến ba lần. Ngày giỗ hai mươi ba tháng Năm là nhất định, hai ngày kia là Tết Âm lịch và ngày Thương binh Liệt sĩ hai mươi bảy tháng Bảy. Do đi nhiều, quen nhiều, hỏi thăm nhiều hơn, chúng tôi được biết thêm, ngày trước hai huyện Phước Long và Đồng Xoài cùng trong địa phận Bình Phước, chỉ có một nghĩa trang liệt sĩ cấp tỉnh ở thị xã Đồng Xoài, lấy tên Phước Long. Sau Phước Long phát triển lớn, xây một nghĩa trang liệt sĩ khác, lấy tên địa phương mình là Phước Long 2, còn nghĩa trang trước là Phước Long 1. Sau nữa, thị xã Đồng Xoài phát triển lớn mạnh, việc cùng tên, khác số, gây ra nhiều phiền phức, Phước Long 1 được đổi thành Nghĩa trang Liệt sĩ Đồng Xoài, còn Nghĩa trang Liệt sĩ Phước Long 2, cắt con số 2. Chính sự thay đi, đổi lại về mặt hành chính này, khiến cả bản đồ định vị ở phần mềm trên xe hơi, thuộc loại hiện đại nhất thế giới, cũng cập nhật không kịp, nên sinh ra sự nhầm lẫn. Cách giải thích này, về tình tiết chưa chắc đã đúng trăm phần trăm, nhưng tôi cũng ghi lại, để nói thêm rằng những suy diễn dân gian về tâm linh trong chuyện này cũng có thể nhầm lẫn.

LÝ TƯỞNG VÀ TƯƠNG LAI

Năm 1965.

Những năm tháng phải sống xa nhà, xa Hà Nội, điều sợ hãi nhất với tôi là Tết. Tôi ra Quảng Ninh vào ngày mười lăm tháng Tám năm 1963. Cùng là đoàn Thanh niên Xung phong tháng Tám Thủ Đô, nhưng hàng chục đoàn khác nhau đều từ một trăm đến vài trăm người, được chia về các nông, lâm trường, công trường giao thông, công trường muối… của từng tỉnh miền núi, miền biển. Đoàn chúng tôi chỉ có mười lăm học sinh của mấy trường Chu Văn An, Trưng Vương, Đoàn Kết của Hà Nội, học nghề cơ giới trồng rừng, đóng tại trạm cơ giới Dốc Đỏ, Đông Triều, thuộc Ty Lâm nghiệp Quảng Ninh. Tết đến, toàn trạm gần trăm thợ thuyền biến hết về quê. Các bạn cùng đoàn đều về nhà. Riêng tôi, về Hà Nội thì không còn nhà, ở lại trạm thì bơ vơ. Tôi nghĩ đến anh Khôi cũng đang bơ vơ ở Hưng Yên. Khi đại lộ thông Trung Quốc trên Lào Cai làm xong, đoàn Thanh niên Xung phong giải thể, mỗi người đi một nơi, anh được phân về Đội 5, thuộc đoàn Khảo sát Tổng cục Thủy lợi, trước vào tận Nghệ An, sau chuyển ra đóng ở ngoại vi thị xã Hưng Yên.

Sáng hai mươi chín Tết. Trời mùa đông lạnh buốt. Tôi đạp chiếc xe cuốc Liên Xô, từ Dốc Đỏ, Quảng Ninh về Hải Phòng, rồi từ Hải Phòng về Hưng Yên. Sau đó, vừa đi vừa hỏi, mới đến một bến đò, trên bến dưới thuyền, nhưng vắng vẻ, có lẽ do sắp đến Tết. Hóa ra Đội khảo sát 5 của anh Khôi, mà anh là đội phó, ở trên một chiếc thuyền. Tôi đứng trên bờ gọi với xuống.

- Anh Khôi à?

Trong lòng thuyền có ba người mặc áo bông to sụ, đang đánh bài. Một người thò đầu ra:

- Khôi có khách đang ở trên bờ, ra nhà trọ mà tìm.

Tôi vừa quay lên thì kinh ngạc không nói được lên lời, khi thấy anh Khôi, tay xách một bị cói, đang cùng Danh Huyền và anh Bá Vân trên đường sắp rẽ xuống bến.

Anh Khôi vui vẻ:

- Em đến lúc nào?

Danh Huyền hai má ửng hồng, không rõ nhờ lạnh giá mùa đông, hay do cũng bất ngờ khi thấy tôi, nhưng cũng gượng cười:

- Tuấn bây giờ cao lớn hơn cả anh Khôi.

Anh Bá Vân bắt chặt tay tôi:

- Trông mày như thợ mỏ rồi. Bắt đầu chào chị dâu tương lai đi là vừa.

Thấy tôi ngơ ngác, anh nói thêm:

- Mày chưa biết anh mày với Danh Huyền yêu nhau lâu rồi hả?

Anh Khôi đưa Danh Huyền, Bá Vân và tôi xuống thuyền, lớn tiếng với đám ba người đang đánh bài trong lòng thuyền:

- Ba thằng biến đi đâu thì đi, hôm nay tao có khách. - Rồi anh chỉ vào tôi. - Đây là thằng Tuấn, em ruột tao, Thanh niên Xung phong ở Quảng Ninh về.

Chờ ba người trong thuyền lên bờ xong, anh mới cùng chúng tôi chui vào khoang. Ngoài trời đang nắng chói, nhưng trong khoang hơi tối. Anh Khôi vừa thắp cây đèn măng sông treo lên mái thuyền, khiến khoang thuyền sáng bừng, vừa nói với tôi:

- Hiện tại, anh và Huyền yêu nhau như Pavel với Tonya trong Thép đã tôi thế đấy, còn tình bạn giữa anh với anh Bá Vân như Dương Lễ với Lưu Bình, nên anh phải treo cây đèn này để chứng tỏ tình yêu của anh với Huyền và tình bạn của anh với anh Bá Vân luôn trong sáng như ban ngày.

Danh Huyền nhìn tôi:

- Tuấn có bị bất ngờ?

- Quá bất ngờ.

- Vậy từ nay, Tuấn phải gọi tớ là chị đấy.

- Cũng tốt chứ sao.

"Cũng tốt" có nghĩa là miễn cưỡng. Có một chị dâu tuy chỉ bằng tuổi mình, nhưng xinh đẹp, học giỏi là tốt, nhưng giữa lúc phong trào "Ba khoan" - khoan yêu, khoan cưới, khoan đẻ - rầm rộ và nghiêm ngặt như luật pháp, mà Huyền, mới mười sáu tuổi, đang ngồi ở giảng đường trường Trung cấp Mỹ thuật, đã yêu, tôi phải thêm chữ "cũng" để chứng tỏ mình vẫn khách quan.

Anh Khôi cuộn chiếc chiếu hoa cũ mà trước đó ba người thợ ngồi đánh bài, trải một chiếc chiếu hoa mới xuống lòng thuyền:

- Chiếu này chỉ khi tiếp cấp trên, đoàn trưởng, mới trải, nhưng đội trưởng về quê ăn Tết, nên chủ vắng nhà, gà mọc đuôi tôm, mang ra trải để tiếp bạn Hà Nội.

Rồi anh đặt chiếc túi cói lên giữa chiếu, một chai rượu nhỏ loại một phần ba lít, một cái bánh chưng, một khoanh giò lụa và mấy bọc đồ ăn đều gói bằng lá chuối:

- Hôm nay, coi như ăn Tết sớm, vừa đón thằng Tuấn, vừa chia tay để Bá Vân và Danh Huyền về Hà Nội.

Danh Huyền dường như quen thuộc với con thuyền, ra đuôi thuyền, lật ván sạp, bóc bánh chưng, lấy ra một lô bát, đĩa, đũa, thìa, bày ra chiếu, rồi trút các bọc thịt gà luộc, lòng lợn, rau sống ra các đĩa.

Anh Bá Vân gầy nhỏ vẫn đội chiếc mũ nồi đen, đánh chiếc áo khoác ka ki đen dài, đầy các vết thuốc màu, khoanh chân bằng tròn, mở nút chai rượu, hít hà:

- Đúng quốc lủi làng Vân đây. - Anh lần lượt rót đầy hai chiếc chén gốm nhỏ vẫn dùng uống trà, đặt trước mình và anh Khôi. Đến chén thứ ba, anh đưa Huyền. - Từ hôm đến đây, em nhất định không uống, nhưng hôm nay dứt khoát phải cạn chén với Khôi, để bõ công anh đạp xe từ Hà Nội chở em lên đây.

Huyền nhận chén rượu:

- Dù đã nói chưa bao giờ uống rượu, nhưng anh kể công thì em nhận, nhưng nói trước, chỉ nhấp môi thôi đấy.

Bá Vân rót và đưa tôi một chén:

- Mày cũng phải uống để chúc mừng anh mày và chị dâu tương lai.

Lòng thuyền khi vào phải chui, khi đứng phải cúi, nhưng ngồi cũng thoáng. Diện tích đáy khoang rộng chừng ba mét, dài năm mét, có hai dãy cửa sổ hai bên, kề ngay mặt sông, vừa tầm mắt nhìn rộng ra cảnh quan trên bến, dưới thuyền, vừa dân dã, vừa lãng mạn.

Hóa ra Danh Huyền và Bá Vân đã ở Hưng Yên với anh Khôi ba ngày. Ban ngày, anh Khôi đưa bạn đi chơi trên sông, thăm danh lam thắng cảnh, đến nhà người quen, vì anh ở đâu cũng quen thân rất rộng. Tối đến, anh Khôi ngủ dưới thuyền với ba người trong đội, còn Bá Vân và Huyền ngủ nhà trọ trên phố. Chiều nay, Bá Vân và Huyền phải về Hà Nội, để có mặt ở nhà trước ngày ba mươi Tết.

Ở chơi với nhau ba ngày, dường như có chuyện gì, họ đã nói hết với nhau, nên bữa ăn, chỉ có anh Bá Vân sẵn chất nghệ sĩ ngấm trong máu, rượu vào lời ra, say sưa độc thoại:

- Xét về lý tưởng, mày đẹp hơn tao trăm lần. Xét về sự trong sáng, mày cũng hơn tao ngàn lần. Nhưng sống mà không có chút thực tế nào như mày, thì tương lai của mày chỉ bằng một phần trăm so với tao. Tại sao hàng ngàn thằng mong đi học Liên Xô, thiên đường của Chủ nghĩa Xã hội mà không được, mày được đi lại không đi? Tại sao được chọn đi học đào tạo thành phóng viên báo Tiền phong, mày lại yêu cái nơi khỉ ho cò gáy ở Lào Cai, còn bây giờ ở cái đáy thuyền này, mày không khác gì Hỗn Giang Long Lý Tuấn trong Lương Sơn Bạc?

Anh Khôi kiên quyết không nhấp một ngụm rượu, chỉ cười:

- Khôn, dại ở đời là chuyện vô cùng. Hiện tao đang rất bằng lòng với những gì mình có, nên tao đã giao hẹn không nói những chuyện đó trước mặt thằng mới vào đời là thằng Tuấn rồi mà.

Anh Bá Vân càng cao giọng:

- Tao cứ nói. Và sẽ nói hết, vì không phải lúc nào tao với mày cũng có thể gặp nhau. Mà gặp nhau, không phải lúc nào cũng nói hết được với nhau. Hiện mày đang là cán bộ trung cấp khảo sát thủy lợi, đội phó cái đội gồm mười một thằng ở khu vực Hưng Yên. Mày đi từ năm 1958 đến 1965, bảy năm trời, với một thằng năng lực trung bình, tiến như vậy là quá chậm. Mày lại là thằng xuất sắc, chỉ tiến có thế, thực chất là thụt lùi. Mày đang phấn đấu trở thành "thép đã tôi trong lửa đỏ và nước lạnh", là đại bàng tung cánh trong bão táp. Nhưng nếu lửa thực ra không đỏ và nước thực ra không lạnh thì sao? Nhỡ bầu trời mày tưởng là bão táp, hóa ra không có gió mà toàn sương mù thì mày sẽ là con dơi, chứ không thể thành đại bàng?

Anh Khôi vẫn điềm tĩnh:

- Đời một con người rất dài, mày mang cái nhất thời để so sánh với cái lâu dài thì sẽ không bao giờ gặp nhau.

Bá Vân uống cạn chén rượu thứ ba:

- Nhất thời và lâu dài có thể có nhiều chỗ không gặp nhau, nhưng kết quả thì chỉ có một. Thằng Huy Lạc học cùng lớp với mày và thằng Danh Hùng ở Đỗ Hữu Vị, là ai, mày quá rõ. Sau giải phóng, bố nó từ chiến khu về, đưa nó đi học Trung Quốc, giờ nó về làm đoàn trưởng Đoàn Khảo sát Thủy lợi, thành sếp của mày. Còn Danh Huyền chỉ mất có hai năm học Trung cấp Mỹ thuật, nay đã là một họa sĩ nổi tiếng. Nếu đi đường này, nó chắc chắn cũng đang Thanh niên Xung phong như thằng Tuấn. Ai dám bảo Huy Lạc và Danh Huyền không phải hai con đại bàng? Đó là hai kết quả không cần tranh luận, đúng không? Huyền! Em nói đi… Ba ngày ở đây, em đã thấy hết, nên em cần nói thẳng là thằng Khôi đang đi sai đường.

Danh Huyền:

- Em lại nghĩ khác anh. Chính nhờ anh Khôi khuyên nhủ, gần như bắt ép em thi vào Trung cấp Mỹ thuật, nên giờ em mới thấy mình đi đúng đường… Vì vậy, em không tin anh Khôi đã định hướng đúng cho người

khác, lại có thể lựa chọn sai cho chính mình.

- Em đang yêu nó nên nghĩ vậy, chứ hai đứa lấy nhau, anh đánh cá em nghĩ khác.

Anh quay qua anh Khôi:

- Mày nghe tao đi. Người có tài, muốn phát huy hết tài năng, cần phải biết tạo thế và lực. Vị trí hiện tại của mày thế không có, mà lực cũng không, thì làm sao phát huy? Tài năng bị hạn chế thì cống hiến cũng hạn chế, mà cống hiến bị hạn chế thì giá trị con người mình luôn thấp hơn thiên hạ, thậm chí, thấp hơn cả những kẻ bất tài.

Trong lúc Bá Vân và anh Khôi tranh luận, tôi hỏi Danh Huyền:

- Tớ biết anh Khôi nhờ anh Bá Vân bồi dưỡng cho cậu để thi Trung cấp Mỹ thuật, nhưng vẫn không ngờ cậu thành họa sĩ thật.

Huyền nói:

- Anh Khôi bảo tớ không có cửa vào đại học nhưng có cửa vào trung cấp, mà trung cấp mỹ thuật là hợp. Tớ chỉ là đứa vẽ chơi, nhưng chiều anh ấy thì tớ nghe theo, chứ tớ vẫn ghi tên thi vào khoa Toán, Đại học Tổng hợp. Kết quả điểm thi thuộc hàng thủ khoa, vẫn bị đánh trượt. Như vậy, anh Khôi lo xa là đúng.

Tôi đắn đo một chút, rồi hỏi:

- Chuyện này qua lâu rồi, nhưng tớ vẫn muốn biết. Tối hôm trước khi lên đường đi Thanh niên Xung phong, tớ có đến nhà anh Bá Vân, ngủ với anh Khôi. Trong lúc đang lơ mơ, hình như tớ thấy cậu đến, nhưng rồi tớ lại không tin.

Huyền bật cười:

- Hôm đó, anh Khôi nói có đá vào đít cậu cũng không dậy. Hóa ra cậu vẫn thức à? Thực ra, tớ và anh Khôi không hẹn hò gì. Tớ cũng không biết anh ấy về. Nhưng anh Bá Vân thương bạn, đến tận nhà, chở tớ đến gặp anh Khôi, còn anh ấy đến ngủ nhà bạn. Tớ và anh Khôi ngồi với nhau suốt đêm, trong khi cậu nằm trên giường vẫn ngáy o o. Sáng sớm hôm sau, tớ tiễn anh ấy ra ga Hàng Cỏ.

- Cậu yêu anh tớ cũng tốt thôi. Nhưng cậu hiện là một họa sĩ nổi tiếng, trong khi anh Khôi, tiếng là cán bộ trung cấp, thực chất vẫn đang lang bạt như một công nhân.

- Cậu nói thế là chưa hiểu anh Khôi. Anh ấy rất có tài, nhưng không chỉ phấn đấu để phát huy tài năng cao nhất ở lĩnh vực chuyên môn mà còn phấn đấu để đạt tới phẩm chất của một người cộng sản chân chính. Con đường này, với những người thành phần công nông thì thuận lợi, nhưng với những người tầng lớp trên, nhiều khi như đội đá vá trời… Nhưng anh Khôi cũng xác định trước, đội đá mà chẳng vá được trời, thì sự quyết liệt đi tới đích cũng có giá trị hơn những kết quả dễ dàng! Anh Khôi và anh Vân khác nhau ở chỗ này, nên có cãi nhau suốt đời cũng không bao giờ đến đích.

- Nếu anh Khôi không thành công thì sao?

- Điều quan trọng là tớ vẫn sẽ yêu anh suốt đời, kể cả khi anh ấy thất bại.

Chiều hôm đó, sau khi ăn xong, Huyền dọn dẹp các thứ, rửa bát đũa, xếp gọn vào chỗ cũ. Rồi Huyền hỏi:

- Còn bánh chưng và thức ăn thừa để đâu?

Anh Khôi nói:

- Em cứ để ở mâm, mang ra mũi thuyền, cho ba cậu trực Tết với anh về ăn. Nhưng nhớ lấy lồng bàn đậy lại, không có chuột đấy.

Tôi hỏi:

- Trên thuyền cũng có chuột?

- Thiên đường cũng có chuột nữa là trên thuyền.

Anh Bá Vân ngấm rượu, cười khằng khặc:

- Đáng lẽ mày phải nói chính xác hơn: Thiên đường thì chuột cống, còn dưới thuyền chỉ có chuột nhắt.

Anh Khôi mượn xe đạp của tôi chở Huyền, cùng anh Bá Vân, đạp xe rời bến đò.

Bá Vân ngồi trên chiếc đi-a-măng, loại xe đạp đắt nhất thời đó, nói

nửa đùa, nửa thật với anh Khôi:

- Tao nói thế nào mày cũng cãi, nhưng sự thật vẫn là sự thật, khi đi làm bảy, tám năm trời mà mày vẫn không có nổi chiếc xe đạp Thống Nhất để chở người yêu.

Anh Khôi cười lành:

- Mày có nói nặng hơn, tao cũng không thay đổi đâu.

Anh Khôi nói chỉ tiễn Huyền một đoạn, rồi về ngay. Mãi gần sáng, trời vẫn đầy sương mù, cái lạnh và gió buốt từ mặt sông khiến suốt đêm tôi phải co quắp cuốn chặt trong tấm chăn bông cũ mới ngủ nổi. Khi nghe tiếng người ở những thuyền bên gọi nhau í ới, tôi lờ đờ thức dậy theo. Một lúc, mới thấy anh Khôi lò dò xuống thuyền.

- Sao anh về muộn vậy?

- Vì đường xa, trời tối, ngày sắp Tết rất vắng, anh Bá Vân đã yếu, lại uống nhiều rượu, đi với Huyền không an toàn, nên anh chở Huyền về tận Hà Nội luôn.

Thấy tôi vẫn nằm, anh ngả lưng xuống cạnh tôi:

- Do đang gió mùa Đông Bắc, lúc đi thì xuôi, lúc về bị ngược gió, nên anh cũng hơi mệt.

Tôi nói:

- Vậy anh tranh thủ ngủ đi. Trời còn tối, em nằm thêm một tiếng nữa cũng được.

- Mệt thì mệt thật, nhưng chắc không ngủ được. Suốt dọc đường từ Hà Nội về đây, anh toàn nghĩ đến những lời của anh Bá Vân.

- Mấy thằng Hà Nội cùng đi với em ra Quảng Ninh, ban đầu hừng hực khí thế, về sau, cũng cùng một giọng như anh Bá Vân. Em chỉ nghĩ mỗi người một hoàn cảnh khác nhau, em có nghĩ như chúng nó, cũng không chắc có kết quả như anh ấy nói.

Anh Khôi thở dài:

- Nhưng có thể anh ấy nói đúng đấy. Nếu đi học Liên Xô hay đi học khóa đào tạo phóng viên, anh sẽ có địa vị xã hội khác, sẽ có điều kiện

cống hiến cho đất nước nhiều hơn là anh cán bộ khảo sát thủy lợi quèn.

- Anh có hối hận không?

- Lời của anh Bá Vân khiến anh phải suy nghĩ chứ không hối hận. Sống làm người không thể không biết suy nghĩ hơn thiệt, nhưng chỉ nghĩ đến lợi ích của mình trước khi nghĩ đến lợi ích người khác và lợi ích của cộng đồng, của đất nước là bản chất của tầng lớp tiểu tư sản. Anh đã chọn con đường làm người cộng sản, chịu hy sinh quyền lợi của mình vì người khác, vì đất nước, thì chẳng việc gì phải hối tiếc. Nhưng khi anh Bá Vân nói về tình yêu của anh với Huyền, thì anh phải tách khỏi cái chung, để nghĩ về cái riêng, đó là gia đình… Gia đình mình sẽ như thế nào trong tương lai? Tuy chưa hình dung ra, nhưng anh chắc chắn sẽ không thể hy sinh cho cái chung mãi mãi.

Tôi nói:

- Tất cả những gì em trải qua ở Quảng Ninh đều đúng với tâm sự của anh với em trong đêm mà hai anh em mình ngủ ở nhà anh Bá Vân, trước ngày em lên đường rời Hà Nội, nên em hết sức kính phục anh khi anh đã ở được tới bảy năm. Đoàn em có mười lăm đứa thì bốn đứa gia đình khá giả đã bỏ về, chấp nhận sống không hộ khẩu, không tem phiếu gạo, thực phẩm. Năm đứa lý lịch gia đình tùy cấp độ tốt, ở từ một đến ba năm, được cho về thi đại học đúng như lời hứa. Còn sáu đứa, trong đó có em, năm nào cũng đạt Chiến sĩ Thi đua nhưng đường về vẫn xa thăm thẳm…

Anh Khôi trầm giọng kể:

- Trong tiểu thuyết Trên bờ sông hoang vắng của Boris Polevoi, nhân vật Pavel Vasilyevich, sĩ quan Hồng quân chuyển ngành, được lãnh đạo tỉnh cử về một Xô viết huyện công tác. Anh phản đối đường lối kinh tế tập thể hóa một cách máy móc, khiến toàn huyện từ một vùng kinh tế nông nghiệp trù phú, biến thành các nông trang khô cằn, nghèo đói, những nông dân giỏi đều bỏ làng đi tứ xứ và bất cứ ai phê phán sai lầm, đều bị quy là phản động, bị xử tù tội. Vasilyevich cũng không ngoại lệ. Anh bị kỳ thị, bị vu cáo, rồi tù tội, bị đày lên tận Siberi quanh năm băng

tuyết. Trong nhà tù, anh vẫn vững chắc một niềm tin, kiên nhẫn viết đề án kinh tế tân tiến nhất cho huyện, gửi lên các cấp tỉnh và trung ương, cho đến khi các cấp trên và quần chúng hiểu ra sự đúng đắn của anh. Không những cả huyện mà cả tỉnh và nhiều nơi khác thực hiện theo đề án của anh đều thành công. Khi được minh oan thì tóc anh đã bạc, gia đình tan nát, nhưng anh vẫn vui mừng vì chân lý cuối cùng cũng sáng tỏ. Niềm tin của anh vào lý tưởng cộng sản tuy phải trả giá đắt nhưng tinh thần cộng sản trong anh vẫn bất diệt.

Nói đến đây, anh nhìn đồng hồ đeo tay, rồi giật mình, ngồi dậy:

- Đến giờ, anh phải nấu cơm, để hai anh em ăn suốt ngày.

Tôi bảo:

- Hôm nay là ba mươi Tết. Với lại đồ ăn hôm qua vẫn còn nhiều.

- Ồ! Mệt quá nên anh quên béng đi mất. Nhưng đã dậy rồi thì vẫn cứ nấu. Bánh chưng và thịt gà thừa ở mâm ngoài mũi thuyền, để ba đứa cùng trực về ăn cho có mùi vị Tết. Tiếng là xung phong ở lại trực, chứ chúng nó cũng đều không gia đình.

Anh chui ra khỏi khoang, vừa lúi húi vo gạo dưới đuôi thuyền vừa nói:

- Hôm nay, thiên hạ ăn cỗ bàn ngày cuối năm, còn anh với em ăn Tết với Danh Huyền và anh Bá Vân chiều qua rồi, nên sáng nay, mình ăn cơm với rau lang luộc chấm tương bần, cà pháo muối và tép rang, nhưng anh đảm bảo ngon hơn cỗ ngày Tết… Ở Quảng Ninh, em có uống rượu?

- Khu vực quanh trạm cơ giới của em là các bản người Hoa, người Dao, và các làng dân kinh tế mới từ miền xuôi lên, chuyện nấu và uống rượu là tập quán của người sống chung với rừng núi, nên thợ thuyền ở trạm chịu ảnh hưởng, nhiều người uống theo, nhưng đám thanh niên Hà Nội bọn em không đứa nào uống.

Anh Khôi lấy trong sạp ra bình nhôm Trung Quốc sứt sẹo, cũ kỹ, màu rêu nhạt, giơ tôi xem:

- Đây cũng là rượu làng Vân, anh phải giấu để uống dần.

Tôi hỏi:

- Tại sao có anh Bá Vân anh không mang ra, lại phải đi mua?

Anh nói:

- Bình này đang đầy một lít, trong khi Bá Vân là con sâu rượu, để bạn vừa uống, vừa can là thiếu tế nhị, nhưng cho anh ấy uống thoải mái thì sức đâu đạp xe chở Huyền về tận Hà Nội, nên anh phải mua cái chai chỉ có một phần ba lít. Hồi đoàn Thanh niên Xung phong của anh đóng trên rừng núi Lào Cai, làm đường chung với các đơn vị bộ đội, dân công, có cả Thanh niên Xung phong Trung Quốc sang. Những đêm mùa đông rét run, cần uống rượu cho nóng người, ấm bụng, rồi những ngày mùa hè nóng nực, do lao động quá mệt, cần uống rượu cho lại sức, bọn anh cũng muốn thử. Nhưng vừa phải tôn trọng kỷ luật vừa nghĩ mình là dân Hà Nội, phải sống cao cả, không cuốn hút theo những cám dỗ tầm thường bởi rượu chè, bài bạc, nói tục, chọc ghẹo gái theo lối bình dân, nên các anh kiên quyết không uống. Và chỉ riêng chuyện không uống rượu như dân địa phương, cũng bị phê phán lên bờ xuống ruộng là không hòa mình vào quần chúng, chưa gột rửa được tác phong kiêu ngạo tiểu tư sản, là dấu vết của chủ nghĩa thực dân vẫn còn. Đến khi chuyển sang đoàn khảo sát thủy lợi, chỉ sống chung với dân chuyên lưu động, nay đây mai đó, phần lớn ở những nơi thâm sơn cùng cốc, lúc nào nhiều nhất là hai chục thằng, còn phần lớn chỉ từ năm đến mười, không chốn nương thân. Nơi nào gần khu dân cư và đóng quân lâu như ở Hưng Yên hiện nay thì liên hệ được ở nhờ nhà dân, là hạnh phúc nhất, còn với những vùng khỉ ho cò gáy, chỉ có cách dựng lều, dựng lán tạm bợ, cả tháng không thấy một bóng người. Tối đến, mấy thằng phải uống rượu với nhau làm vui, rồi không biết từ lúc nào, cái nghề đi lưu động của anh, đến đâu cũng phải nhờ vào dân, và làng bản nào cũng đầy phụ nữ, người già, nên nếu không có tí rượu với dân và không biết tán gái, lấy lòng người già thì đừng mong có kết quả dân vận. - Vừa nói, anh vừa

mở nắp bình, ngửa cổ uống một ngụm, rồi đưa tôi. - Em thử đi. Chưa uống bao giờ thì nhấp một chút. Lúc nào ăn hãy tăng tốc. Uống rượu với thức ăn, dễ uống hơn. Nhưng nhớ uống cho biết và để hòa đồng, chứ đừng uống để nghiện thì sẽ làm nô lệ cho ma men.

Nể anh, tôi rót một chút rượu ra chén, vừa nhắm một chút, thấy đắng, mặt đã nóng bừng, cố gắng hết sức mới không bật ho hắt ra.

- Đúng là rượu ngon thật. - Tất nhiên, tôi nói dối.

Hai anh em đang ăn, anh đột nhiên hỏi tôi:

- Đám Thanh niên Xung phong Hà Nội lứa em rất nhiều con gái, ở các nông, lâm trường cũng không thiếu, em đã dính dáng đến chuyện yêu đương chưa?

Tôi nói:

- Hiện em chỉ phấn đấu để đi học đại học. Còn chuyện đó em chưa quan tâm.

- Cả một chút xao xuyến hay dự tính cũng không?

- Xao xuyến thì không, nhưng dự tính thì có. - Đắn đo một chút, tôi thật thà thổ lộ. - Em thích một người vợ to khỏe, cao từ một mét sáu mươi đến một mét sáu lăm.

Anh Khôi ngạc nhiên:

- Sao cao thế?

- Vì em cao một mét bảy. Hồi đi học, ở trong lớp, đứa nào cao một mét sáu mươi trở lên và chơi thể thao, em đều thích, nhưng chúng nó toàn lớn tuổi hơn em.

- Còn tâm hồn?

- Đến bây giờ, tâm hồn mình còn chưa định hình thì làm sao để ý đến tâm hồn bọn con gái. Nhưng em muốn sau này, vợ em đẻ cho em mười một thằng con trai, để lập một đội bóng đá, mà em sẽ làm huấn luyện viên.

Anh Khôi bật cười:

- Phụ nữ to khỏe bây giờ chỉ có ở nhà quê.

- Em nhất định chỉ lấy dân Hà Nội. Nhưng đó chỉ là ước mơ. Nhất định em phải có một nghề vững chắc, vị trí xã hội ổn định, mới nghĩ đến chuyện yêu đương và xây dựng gia đình.

Anh Khôi trầm ngâm một lúc, rồi nói:

- Nếu đi theo tiếng gọi tình yêu, anh và Huyền lấy nhau và sẽ có một gia đình đầm ấm.

- Em cũng nghĩ thế.

- Nhưng hai đứa lý lịch cùng có vấn đề, có thể sẽ không có tương lai. Mà tương lai mù mịt thì hạnh phúc, nếu có, cũng không mấy ngọt ngào.

- Huyền có nghĩ như anh?

- Huyền nói, "chỉ sợ vì chuyện kỳ thị lý lịch, anh và em không dám yêu và lấy nhau, chứ đã dám yêu và dám lấy, thì chẳng có gì phải sợ không có tương lai". Tương lai của Huyền là một gia đình ấm cúng, trong khi tương lai của anh là cả một sự nghiệp và lý tưởng lớn.

Đúng lúc đó, từ trên bờ có tiếng phụ nữ gọi xuống:

- Anh Khôi! Anh Khôi ơi?

Anh Khôi vội bỏ bát đũa, nhìn lên bờ, rồi nói với tôi:

- Đây là hai đứa ở đội tuyển điền kinh học sinh của tỉnh do anh tham gia huấn luyện. Để anh ra mời chúng nó xuống thuyền cho em làm quen. Con gái Hưng Yên tuy không cao một mét sáu mươi trở lên nhưng rất xinh.

Anh chui ra khỏi khoang, gọi:

- Hai em xuống đây đã.

Đứng trên bờ là hai cô gái, một mặc áo len đỏ tuyền, một mặc áo len xanh lam có những vạch vàng phía trước, cùng đứng bên chiếc xe đạp nữ Thống Nhất màu nâu sáng, đúng là cùng khá xinh nhưng không cao.

- Anh quên hôm nay ngày gì à? - Cô gái áo đỏ hét xuống.

- Mấy hôm trước, anh đã nói với thầy Tám là anh có bạn từ Hà Nội đến. Còn hôm nay có thằng em từ Quảng Ninh về, nên mọi chuyện của đội, anh xin vắng rồi mà.

- Nếu thế, rủ luôn em anh đi.

Cô gái áo xanh nói tiếp:

- Toàn đội tập với nhau cả năm trời, được dịp Tết chụp ảnh chung làm kỷ niệm, lại vắng anh, ai cũng không chịu. Anh mà không đi, chúng em sẽ kéo cả đội đến đây đấy.

Anh Khôi đành chui vào khoang, nói với tôi:

- Hay em đi cùng với anh. Hội này, đều học sinh lớp chín, lớp mười, toàn dân thể thao, trẻ trung và vui lắm.

Tôi đành theo anh Khôi rời thuyền lên bờ. Trời rét như cắt, gió mùa đông bắc thổi mạnh, anh Khôi và tôi cùng chỉ mặc bên trong chiếc áo dệt kim Đông Xuân, còn bên ngoài là bộ đồ bảo hộ lao động, áo blu dông và chiếc quần rộng thùng thình, hai đầu gối và hai mông là miếng độn như những miếng vá lớn, cùng loại vải sợi gỗ rẻ tiền, đồng màu xanh sẫm. Bộ quần áo chẳng đẹp và cũng chẳng sang, khi hàng triệu bộ đồ bảo hộ lao động cả nước cùng giống nhau, nhưng nhiều người thuộc thế hệ chúng tôi vẫn thích mặc, cả khi đi dự lễ cưới lẫn lúc cần trang trọng, chỉ vì đó là thứ trang phục duy nhất chứng tỏ mình là "công dân" nhà nước. Tuy nhiên, khi hai anh em lên bờ, đứng bên hai cô gái trẻ đẹp, áo len màu rực rỡ, anh Khôi và tôi với bộ đồ "công dân" nhà nước chẳng khác gì hai con quạ đứng cạnh hai con công. Cũng phải nói những năm đó, con gái miền Bắc cần phải vô cùng cảm ơn các mùa đông khắc nghiệt đã ban cho họ có cơ hội mặc những chiếc áo len tự đan với đủ màu, đủ kiểu, chứ hết đông sang hè, với mỗi năm tiêu chuẩn bốn mét vải, các mậu dịch lại chỉ bán duy nhất mỗi đợt một màu, phụ nữ cả nước lập tức chấp chới khắp nơi một mốt "màu mậu dịch". Trong khi tôi lúng túng thì anh Khôi lại hồn nhiên như mình đang là chim ưng tung cánh, giới thiệu hai cô gái với tôi và ngược lại:

- Đây là Vành Khuyên, còn đây là Thu An trong đội tuyển điền kinh học sinh của tỉnh, còn đây là Tuấn, em ruột anh, thuộc đoàn Thanh niên Xung phong tháng Tám Thủ Đô đang ở vùng mỏ Quảng Ninh, về đây ăn

Tết với anh.

Anh cố ý nhấn mạnh mấy tiếng "Đoàn Thanh niên Xung phong tháng Tám Thủ Đô" và "vùng mỏ Quảng Ninh" trong khi tôi ở ngành lâm nghiệp, để nâng thêm giá trị thằng em, nhưng chẳng mấy tác dụng khi Vành Khuyên, cô gái áo đỏ, nói ráo hoảnh:

- Sao hai anh em không giống nhau?

Tôi rất ghét những ai so sánh như vậy, vì biết chắc họ sẽ giống như bác Quỳnh gái, mẹ của Danh Huyền, nói tôi xấu xí hơn anh Khôi. May quá Thu An lại nói:

- Em thấy mũi hai anh rất giống nhau.

Còn tôi, vốn là dân cơ khí, chỉ liếc một cái đã phát hiện ra biển số đăng ký gắn ở khung chiếc xe đạp Thống Nhất nữ mà hai cô bé đang đi chính là chiếc xe của anh Khôi. Nhưng tôi lờ đi.

Anh Khôi dắt chiếc xe Sputnik của tôi đang dựa ở gốc cây phượng bên bờ, xuống đường:

- Bây giờ xuất phát nhé.

Vành Khuyên thấy tôi chuẩn bị ngồi lên sau xe anh Khôi, thì nói:

- Anh chở anh Tuấn à?

Anh Khôi hỏi:

- Em muốn Tuấn chở anh?

Vành Khuyên:

- Hai nam, hai nữ cùng đi, tại sao không phải là anh chở em, còn anh Tuấn chở An? Từ đây đến trường gần chục cây số chứ có gần đâu.

Thu An cười:

- Mày thích được anh Khôi chở thì tự thú từ đầu, lại còn quanh co, lý do lý trấu.

Anh Khôi:

- Nhưng Vành Khuyên nói có lý. Gần chục cây số, các anh là con trai phải phục vụ các em là đúng. Tuấn chở Thu An đi.

Vành Khuyên hớn hở ngồi tót lên sau xe anh Khôi, hồn nhiên vòng

tay ôm eo anh. Hồi đó, ngay con gái Hà Nội nổi tiếng dày dạn, ngồi sau xe cũng chưa có lối văn minh dạng hai chân hai bên, ôm bạn trai ngồi trước như Vành Khuyên. Trong khi Thu An ngồi sau xe tôi, chỉ níu ngón tay vào sau yên xe và cách tôi một khoảng xa đến nỗi tôi có cảm giác mình đang chở bao gạo chứ không phải chở người.

Vừa lên xe, Thu An đã xởi lởi như quen thân tôi từ lâu:

- Anh biết không, thực ra, thầy Tám đã nói anh Khôi xin vắng mặt có lý do chính đáng là để tiếp anh từ Quảng Ninh về, nhưng cái Vành Khuyên nó quá mê anh Khôi nên rủ em đến để lừa anh ấy đi. Ở lớp em, nó có biệt danh là Thị Màu.

- Tức là hạng lẳng lơ?

- Từ khi đóng vai Thị Màu trong vở chèo "Quan Âm Thị Kính" ở đội văn nghệ của trường, nó trở nên nổi tiếng, nhưng nhiều người nói do bị hồn Thị Màu nhập vào, nên đang là đứa hiền lành đoan chính, bỗng nhiên nó mang luôn tính cách Thị Màu, cứ thích đứa con trai nào là không giấu được ai. Anh nhìn nó đang áp mặt vào lưng anh Khôi đấu hót, khiến người đi đường cũng cau mặt kìa…

Tôi nói:

- Vành Khuyên có biết anh Khôi đã có người yêu?

- Biết thừa. Mấy ngày chị Danh Huyền và anh Bá Vân lên đây, khi anh Khôi bận công việc ở đội khảo sát, chính nó đưa hai người đi thăm danh lam thắng cảnh Hưng Yên. Em bảo nó: "Mày nên rút lui đi?", nó bảo: "Tại sao phải rút, khi tao trẻ đẹp hơn? Chưa kể trong tình yêu, thứ nhất cự ly, thứ nhì mặt dày, cả hai tiêu chuẩn ấy, tao đều hơn bà Huyền".

Chặng đường từ bến đò đến trường phổ thông cấp ba thị xã của Khuyên và An gần mười kilômét, Khuyên cố ý điều anh Khôi đi lúc nhanh hơn, lúc chậm hơn tôi, cho hai xe luôn cách nhau một khoảng xa, để cô tự do trò chuyện. Tôi cũng thích như thế để khai thác triệt để Thu An mau mồm, ruột để ngoài da, về những điều tôi chưa biết về ông anh mình.

Hóa ra từ ngày đội Khảo sát Thủy lợi 5 mà anh Khôi là đội phó về đóng ở thị xã Hưng Yên, một sáng sớm tập chạy, anh gặp thầy Tám, giáo viên dạy thể dục thể thao ở trường phổ thông cấp ba thị xã. Thầy Tám là dân Hưng Yên, nhưng hồi nhỏ lại học tiểu học ở trường Nguyễn Công Trứ, Hà Nội, có thời gian tham gia đoàn Tre Việt của anh Khôi. Sau khi học hết cấp hai, Tám thi vào Trung cấp Sư phạm Thể dục Thể thao. Ra trường, được về quê Hưng Yên dạy đúng ngành nghề. Gặp anh Khôi, như cá gặp nước. Cả hai gây dựng nên phong trào tuổi trẻ tập chạy buổi sáng ở thị xã. Cùng thời gian này, Bộ Giáo dục và Tổng cục Thể dục Thể thao chuẩn bị tổ chức Đại hội Thể dục Thể thao Học sinh Toàn quốc lần thứ nhất. Thông báo được gửi về tỉnh. Do phong trào thể dục thể thao toàn tỉnh còn yếu, kinh phí lại yếu hơn, nên chỉ chọn một trường có phong trào tốt để đầu tư và đại diện. Kết quả, trường của thầy Tám được chấm. Nhân có anh Khôi quá nhiều kinh nghiệm gây dựng phong trào, thầy đã mời anh làm trợ lý. Cả đội có tất cả bốn mươi tuyển thủ, chủ yếu là các môn điền kinh như chạy các cự ly ngắn, dài, trung bình, nhảy xa, nhảy cao, ném tạ… Vì tất cả vẫn phải đảm bảo việc học hành, nên thời gian tập chủ yếu là sáng sớm, chiều muộn và các ngày Chủ nhật, đều là thời gian phù hợp với anh Khôi, vì anh cũng không thể bỏ việc ở đoàn khảo sát. Thu An kể:

- Vành Khuyên lúc đầu không chú ý đến đội tuyển vì nó thích văn nghệ hơn. Từ lúc gặp anh Khôi, nó như bị tiếng sét ái tình, tìm mọi cách xin được tập, nhưng đều bị thầy Tám từ chối. Nó rủ em đến tận bến đò gặp anh Khôi. Em dặn trước nó: “Anh ấy dân Hà Nội, mày đừng có giở trò Thị Màu ra đấy”. Nó bảo: “Mày không phải dạy tao. Nếu giảng đạo đức, tao cũng tôn vinh Thị Kính, nhưng trong lòng dạ thì Phật cũng thích Thị Màu. Dân Hà Nội cũng thế thôi”. Hóa ra nó nói đúng. Anh Khôi vừa thấy nó đã bảo: “Đứng thẳng lên xem”. Nó đứng thẳng. Anh ấy lại bảo: “Chạy thử một trăm mét xem”. Nó chạy thử. Anh ấy nhìn ngực nó thở, rồi nói với em: “Tại sao bây giờ em mới đưa bạn ấy đến gặp anh?

Chỉ nhìn đôi chân dài của Vành Khuyên, anh cũng biết bạn ấy sinh ra để cho điền kinh rồi". Em hỏi: "Sao thầy Tám lại từ chối nó?", Vành Khuyên nói: "Thầy ấy bảo chỉ nhìn mắt em, thầy đã thấy em thiếu ý chí. Theo nghiệp thể thao mà thiếu ý chí, chỉ nên làm khán giả". Nó bảo với anh Khôi: "Tài năng thuộc về trò, còn ý chí thuộc về thầy, nên em bảo cái An đưa em đến gặp anh, để nhờ anh rèn luyện ý chí". Nó bây giờ là tuyển thủ chạy một trăm mét và nhảy xa, thành tích trong luyện tập đều gần sát với kỷ lục quốc gia. Em với nó còn cùng học Judo với anh Khôi. Em học vì truyền thống gia đình. Ông nội, bố em đều là con nhà võ. Còn nó, anh Khôi dạy bay lên trời thì chắc nó cũng xin theo học.

- Theo em, lý do gì Vành Khuyên nó mê anh Khôi?

- Lý do ấy à? Con Vành Khuyên chắc chắn có lý do riêng của nó, còn em quý anh Khôi vì thấy anh ấy sống thoải mái và giàu lòng thương người. Bố em quen anh Khôi trước khi anh ấy đến trường huấn luyện đội tuyển điền kinh. Một lần lên Hà Nội thăm người bạn trước cùng đơn vị hồi chống Pháp, lúc về, mới biết chiếc xe đạp đã khóa cẩn thận dựng ở ngoài cửa bị kẻ gian lấy mất. Về nhà, bố em tiếc của, chửi dân Hà Nội mấy ngày liền. Anh Khôi đến chơi thấy vậy, tặng luôn chiếc xe Thống Nhất của mình. Chiếc xe anh đang chở em chính là xe của anh ấy. Bố em nhất định không nhận. Anh ấy nói: "Cháu ở dưới thuyền là chính. Đi đo đạc hay công tác ở gần có xe đạp công, đi xa có xe ô tô của đội. Xe cháu để dưới thuyền thì vướng, còn để trên bờ lại phải nhờ người trông, nên coi như cháu nhờ chú đi hộ". Bố em nói: "Thời buổi đi làm mấy năm để dành mới mua được chiếc xe đạp, muốn mua một chiếc lốp hay chiếc líp, phải đăng ký cả năm mới đến lượt, mà nó cho mình chiếc xe nhẹ như không. Cái nhẹ như không ấy là cái tình vô giá". Bố và mẹ em đều muốn gả chị em cho anh ấy, nhưng anh ấy nói, đã có chị Huyền rồi. Em kể chuyện này để anh thấy đến bố mẹ em còn mê anh ấy thì con Vành Khuyên mê chẳng có gì là lạ.

Tôi nói đùa:

- Em có mê anh ấy không?

- Em ấy à? Trước sau như một, em quyết tâm thực hiện đúng chủ trương "Ba khoan" của Đảng và Nhà nước, để dành nhiều thời gian và tâm sức xây dựng Chủ nghĩa Xã hội tươi đẹp. Hí hí hí... Mấy chị cùng phố với em nói đùa: "Muốn được như vậy, phải luyện cách nhìn bọn đàn ông, con trai như củ khoai, củ ráy". - Thu An vừa nói vừa cười khúc khích.

Cuối cùng, chúng tôi cũng đến trường. Thấy anh Khôi và Vành Khuyên dừng xe ở cổng, cả đội tuyển hơn bốn chục người trong đó có cả thầy Tám từ sân trường ùa ra. Tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy tất cả đều mặc võ phục Judo trắng tuyền, tất cả đều thắt lưng màu đỏ. Vành Khuyên cười rạng rỡ:

- Anh Khôi bất ngờ chưa?

Thầy Tám thấy anh Khôi, tỏ ra thông cảm khi Vành Khuyên và Thu An đến trễ:

- Hai em vào thay đồ đi.

Anh Khôi nói với thầy Tám:

- Tôi chỉ đưa anh có bốn bộ võ phục. Anh lấy đâu ra nhiều thế?

Thầy Tám ngạc nhiên:

- Danh Huyền không nói với anh à? Về Hà Nội, ngay tối qua, cô ấy đã nhờ người anh họ chạy xe khách Hà Nội – Hưng Yên, chở lên đây tặng đội tuyển một trăm bộ. Trong thư gửi kèm, cô ấy nói: "Sau khi võ đường Nhu Việt của bố giải tán, võ phục mới của võ sinh tồn trong kho, không biết làm gì, nên gửi tặng đội tuyển, cho các em dùng để tập luyện". Nhưng thấy toàn đồ mới, vải tốt, trong khi đội tuyển xin mãi, cả trường lẫn Ty đều nói phải chờ tỉnh duyệt mới có kinh phí may đồng phục cho đội tuyển, tôi liền trao đổi với các anh ấy, trước mắt cứ dùng mấy bộ Judo này, vừa sang, vừa đẹp. Các anh ấy đồng ý, nhưng phải thay thắt lưng đen bằng thắt lưng đỏ, để giữ bản sắc dân tộc.

Anh Khôi vui vẻ:

- Đúng là cái khó ló cái khôn, - rồi anh bảo tôi, - em cũng vào mặc một bộ, chụp ảnh chung với đội tuyển của trường làm kỷ niệm.

Vành Khuyên với Thu An đã thay đồ xong nhanh như chớp, xúng xính chạy ra sân hòa vào các bạn. Hai người thợ ảnh ngoài thị xã được mời vào chụp ảnh tất bật ngược xuôi phục vụ yêu cầu làm duyên, làm dáng của các ngôi sao thể thao tương lai của đất nhãn lồng Hưng Yên. Người thích chụp riêng, người thích chụp đôi, người thích chụp cả đội…

Khi anh Khôi mặc xong bộ võ phục trở ra cũng là lúc chiếc xe com-măng-ca chở bốn sĩ quan công an chạy thẳng vào cổng. Họ cùng lạnh lùng rời khỏi xe. Thầy Tám nhạy cảm thấy sự khác thường, chủ động ra gặp họ:

- Các đồng chí có chuyện gì?

Viên đại úy, cấp bậc cao nhất trong bốn người, nghiêm giọng nói:

- Chúng tôi cần gặp anh Nguyễn Minh Khôi.

Anh Khôi bước tới:

- Thưa! Tôi đây.

- Ai cho phép anh tổ chức dạy môn võ của phát xít Nhật ở trường?

Thầy Tám sửng sốt:

- Hình như các đồng chí có sự nhầm lẫn. Ở đây chỉ có các thành viên đội tuyển điền kinh học sinh của tỉnh. Và tôi là người chịu trách nhiệm chính chứ không phải anh Khôi.

Viên đại úy mỉa mai:

- Anh giấu đầu thì cũng phải cố mà giấu cả đuôi chứ. Anh nghĩ chúng tôi dân Hưng Yên nhà quê nên không biết bộ đồ đội tuyển các anh đang mặc của nước nào hả? Điền kinh mà mặc đồ võ thế kia để thi vật chắc?

Thầy Tám lắc đầu:

- Khổ quá. Đây vẫn là sự hiểu lầm. Nguyên nhân chỉ là tỉnh chưa duyệt kinh phí để may đồng phục cho đội tuyển, nhân có một mạnh thường quân tặng đội tuyển bộ đồ này để tập, tôi có xin ý kiến các anh lãnh đạo Ty và hiệu trưởng cho các em mặc tạm, trước mắt hôm nay để

chụp ảnh kỷ niệm, nhân ngày Tết.

Viên đại úy cau có:

- Mạnh thường quân này là anh Khôi?

Vành Khuyên đứng cạnh thầy Tám, lớn tiếng:

- Anh Khôi chỉ có bốn bộ, số còn lại là của người khác.

Đám học sinh nhân cơ hội cũng nhao nhao:

- Chúng em mặc chỉ để chụp ảnh thôi.

- Nước Nhật đâu còn là phát xít.

Viên đại úy hạ giọng, nói với thầy Tám:

- Chúng tôi chỉ định đến mời anh Khôi về Ty nói chuyện về việc tổ chức dạy võ Nhật không giấy phép, nhưng anh đứng ra nhận trách nhiệm thì chúng tôi mời cả anh về Ty luôn. Ở đây đôi co trước mặt quần chúng, rất dễ gây hiểu lầm về thiện chí của công an nhân dân chúng tôi. - Anh ta như muốn làm lành với anh Khôi. - Mời anh theo chúng tôi. Nếu anh chứng minh được mình vô can, chúng tôi sẽ thành thật xin lỗi, rồi chở anh về tận nhà.

Đám học sinh lại nhao nhao:

- Ở đây chẳng có ai dạy võ cả.

- Thầy và anh Khôi đừng đi.

Vành Khuyên đáo để, xông đến trước mặt viên đại úy:

- Ai bảo các anh võ Nhật đeo thắt lưng đỏ? Muốn bắt người vì lý do gì thì nói thẳng ra. Nếu không rõ ràng, thầy và anh Khôi nhất định không đi.

Viên đại úy hóa ra biết Vành Khuyên:

- Em không nên nóng nảy. Việc đi hay không thuộc về thầy giáo em và anh Khôi. Tốt nhất em nên khuyên các bạn tôn trọng luật pháp. - Anh ta quay qua hỏi anh Khôi. - Anh có định đi không?

Thấy đám học sinh vẫn bất bình định tiếp tục phản ứng, anh Khôi bình tĩnh, nói với các em:

- Chắc có sự hiểu lầm gì đó trong chuyện này. Anh và thầy Tám lên

làm việc với các đồng chí ấy xong, sẽ về thôi, các em an tâm đi. - Rồi anh nói với viên đại úy. - Các anh cho chúng tôi vào thay bộ đồ khác.

Viên đại úy:

- Đúng ra các anh phải mặc bộ đồ trái phép này để giữ nguyên bằng chứng, nhưng thôi… tôi chấp nhận linh động. Có điều trước khi thay phải cho thợ ảnh chụp, để chúng tôi lưu hồ sơ. - Anh ta nói với hai người thợ ảnh vẫn đứng trong đám đông. - Chụp hai anh này mỗi người ba kiểu.

Anh Khôi cười nhạt, chịu đứng để chụp ảnh, rồi tranh thủ lúc thợ chụp thầy Tám, anh đến bên tôi:

- Em lấy xe về Hà Nội gặp anh Lạc, nói anh ấy lên ngay Hưng Yên cứu anh.

Tôi lo lắng khi nghe hai tiếng "cứu anh":

- Thực ra là chuyện gì?

- Họ bắt lỗi về vụ tập võ chỉ là chuyện vớ vẩn, nhưng sự việc rất không bình thường này do đâu, vẫn chưa đoán được, nên anh phải cầu cứu anh Lạc.

- Anh Lạc có đáng tin cậy?

- Anh Lạc hiện là đoàn trưởng Đoàn Khảo sát Thủy lợi, tức cấp trên của anh. Tuy anh và anh ấy có những bất đồng về tính cách, nhưng anh ấy vẫn sẵn sàng xả thân vì bạn.

- Việc đang khẩn cấp, em ra bưu điện gọi điện cho anh ấy sẽ nhanh hơn đạp xe về tận Hà Nội.

- Không được. Việc này nhất định phải gặp nói trực tiếp. Vì dính đến chuyện bắt bớ, không có gì đảm bảo em ra bưu điện sẽ không bị công an theo dõi và nghe trộm. Gặp được anh Lạc, em nhớ nói kỹ mọi chuyện.

Nghe anh Khôi nói xong, tôi như bắt đầu nhập cuộc vào một vụ trinh thám ly kỳ. Lúc anh Khôi và thầy Tám lên xe công an, nhân lúc đám học sinh chú ý nhìn theo xe, tôi lập tức rời cổng trường, mắt trước mắt sau, lấy xe đạp phóng vọt ra đường.

SỰ DẪN DẮT MÀU NHIỆM

Năm 2010.

Chuyến đi lên nghĩa trang liệt sĩ Phước Long vào rằm tháng Giêng, tìm được mộ anh Khôi nhờ tư vấn của Tiến sĩ Bùi Tiến Quý và hướng dẫn của nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Lư, lúc ở hiện trường, do bị cuốn vào cảm xúc tâm linh và sự háo hức hướng về anh Khôi, mọi thắc mắc phát sinh đều bị coi là nhỏ, nhưng về Sài Gòn vài ngày, thật bình tâm lại, những thắc mắc được thu nhỏ kia lại phình to lên. Điều này thực ra không có gì khó hiểu. Chúng tôi vốn được sinh ra, rồi sống trong một nền giáo dục và nền tảng xã hội vô thần, nay phải tin ngay những điều thuộc thế giới tâm linh, một thế giới đang chỉ có nhận thức một chiều, không thể dễ dàng. Và phần quan trọng nhất, nếu đúng là mộ anh Khôi, làm sao có đủ cơ sở pháp lý để phòng Thương binh Xã hội Tỉnh Bình Phước, nơi quản lý nghĩa trang liệt sĩ Phước Long, chịu làm thủ tục thừa nhận, khi mà luật pháp còn chưa hợp pháp hóa việc tìm mộ liệt sĩ bằng phương pháp ngoại cảm?

Bởi thế, chúng tôi quyết định họp "Hội đồng gia đình" để có một quyết định sáng suốt hơn về việc tìm thấy hài cốt anh Khôi. Bắt đầu thâm nhập vào thế giới tâm linh bằng những bước đi chập chững, càng đi, càng thấy đây là chuyện không thể coi thường.

"Hội đồng gia đình" chúng tôi, gồm vợ chồng tôi, vợ chồng Vân, Dật (Nhà văn Dương Trọng Dật, nguyên Tổng Biên tập báo Sài Gòn Giải phóng, sau là Chủ nhiệm Khoa Quan hệ Công chúng, trường Đại học Văn Lang), cậu Hùng, các con Thuận Ánh cùng chồng là Việt Hưng, Minh Trí cùng chồng là Vĩnh Phúc, và cậu con út Tuấn Phúc. Trước khi bắt đầu họp bàn, cả nhà cùng lên lầu bốn, đứng trước bàn thờ gia tộc, trong đó

đương nhiên có hình ảnh anh Khôi, thắp nhang và cầu xin sự linh ứng.

Tiếp theo, Hà Phương, vợ tôi, tường thuật tóm tắt hành trình đi tìm anh Khôi, khởi đầu từ vụ vợ chồng tôi bị Tư Bông lừa ra Huế vào tháng Chín năm 2009 và kết thúc là tìm thấy mộ anh Khôi ở nghĩa trang liệt sĩ Phước Long, nhờ nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Lư.

Trong khi thế hệ già tham gia một cách trầm tĩnh và cẩn trọng, thì thế hệ trẻ gồm ba con gái, trai, và hai rể lại sôi nổi, vui vẻ, như thể cuộc sống hằng ngày của chúng vốn đều đều bằng lặng, nay bỗng nhiên nảy sinh một đề tài lạ, kích thích nên cảm hứng thú vị.

Tuấn Phúc, đang theo học khoa Đạo diễn, Đại học Điện ảnh Hà Nội, nói:

- Chú Bùi Tiến Quý nói thầy Lư vào miền Nam đúng một lần và ngắn ngày trong dịp đi Sóc Trăng dự đại lễ cầu hồn bên Phật giáo, nên không thể rành rẽ Phước Long, một tỉnh miền Đông Nam Bộ. Nhưng hoàn toàn có thể suy luận, từ tháng Mười năm ngoái, bố mẹ đi Hà Nam gặp thầy Lư, đến rằm tháng Giêng âm lịch năm nay mới có câu trả lời, là thời gian quá đủ để thầy Lư vào nghĩa trang Phước Long, thu xếp được mọi sự chính xác về mộ bác Khôi, như bố mẹ đã nghe… Theo con, chân lý nào cũng phải có chứng minh. Mọi kết quả không có chứng minh đều không nên vội tin.

Cô Vân nói:

- Hai bóng vong của bác Khôi và người phụ nữ tên Minh, thầy Lư nói là vợ bác ấy, chính mắt dì, cô Chín Nguyện và cậu Thắng trông thấy là chứng minh rồi còn gì?

Minh Trí nói:

- Theo logic tâm linh, bố mẹ cháu là người gần bác Khôi nhất, phải trông thấy. Dì Vân và cậu Thắng là em vợ, cô Chín Nguyện là bạn của bố mà trông thấy, có thể chỉ là tâm lý, chứ không hẳn tâm linh?

Cậu Hùng:

- Vụ đụng cái bình hoa ở chính ngôi mộ thầy Lư chỉ từ xa, nếu một lần

và một người đụng là ngẫu nhiên, nhưng cậu Thắng đụng tới ba lần, còn chị Vân và cô Chín Nguyện đụng mỗi người một lần, không thể là ngẫu nhiên.

Việt Hưng, kỹ sư công nghệ thông tin, rể lớn, nói:

- Nếu bình hoa đặt trên mặt mộ bị đụng phải thì chỉ hai lần cũng đủ chứng minh do vong bác Khôi khiến, nhưng nó được đặt giữa hai ngôi mộ, tức là giữa lối đi, mà theo bố mẹ kể, mọi người đã chia nhau đi thắp nhang cho hơn một ngàn bốn trăm ngôi mộ, thì việc nhiều người vấp phải một lọ hoa vẫn có thể coi là chuyện bình thường, nhưng lọ hoa bị vấp này trùng với lời nhận định từ Hà Nam của thầy Lư thì không phải ngẫu nhiên.

Cô Vân thừa nhận ngay:

- Đúng là không hề ngẫu nhiên. Vì bình hoa này lúc đi thắp nhang, dì cố ý tránh, nhưng vẫn cứ đụng.

Vĩnh Phúc, rể nhỏ, kiến trúc sư, nói:

- Con tin thế giới tâm linh là có thật, nhưng do thật giả lẫn lộn, rồi người giỏi, người dở trong những thầy ngoại cảm cũng là chuyện có thật. Với những kết quả rõ ràng, không nhất thiết phải đòi hỏi chứng minh, nhưng với những sai số cũng rõ ràng như bố vừa nêu, vẫn nên kiểm tra lại.

Nhà văn Dương Trọng Dật, người đã mất nhiều năm đi tìm mộ anh trai Dương Trọng Chử, bộ đội trung đoàn 320 miền Bắc, hy sinh cùng tháng Năm năm 1970 với anh Khôi, trong cùng chiến dịch đối đầu khốc liệt với lính Việt Nam Cộng hòa và lính Mỹ tại Svay Rieng, Campuchia, được chính những đồng đội còn sống, từng chôn cất anh và hơn trăm đồng đội hy sinh, sau đó, trực tiếp tham gia đội tìm kiếm hài cốt. Nhưng do mặt trận bị bom đạn Mỹ cày xới nhiều lần, thời gian quá lâu, địa hình, địa vật thay đổi, nơi chôn cất lại ở vùng sình lầy, nên khai quật lên chỉ còn đất đen cùng những mủn xương vụn nên người thân chỉ còn cách mang đất về an táng tại nghĩa trang quê nhà. Riêng Dương Trọng

Dật đưa "anh Chử" về Nghĩa trang Liệt sĩ Thành phố Hồ Chí Minh. Dật góp ý:

- Theo tôi, đã nhờ tới thế giới tâm linh để tìm kiếm hài cốt người thân mất tích, nếu có đủ cơ sở chứng minh thì quá tốt, nhưng nếu vẫn còn những điều nghi ngờ, chưa hẳn do thiếu cơ sở chứng minh một cách khoa học, mình đã vội bác bỏ cũng không nên. Logic thuộc thế giới tâm linh có nhiều điều nằm ngoài tư duy thông thường. Ví dụ, thầy Lư này nói, muốn sớm biết rõ bác Khôi, phải tìm người tên Toản và đi đến mộ bác Khôi phải có người tên Thắng đón ngõ, thoạt đầu do không tin, nên chẳng ai để ý, nhưng kết cục lại từ cả hai người này mới ra anh Khôi. Đây là điều không thể nào chứng minh được.

Vợ tôi nói:

- Về cơ bản, chuyện này mình không tin cũng không được, nhưng tin ngay, cũng miễn cưỡng. Anh Khôi rõ ràng không có vợ, nhưng thầy Lư, ít nhất hai lần khẳng định, tại bệnh xá ở Svay Rieng, anh Khôi gặp vợ là y tá Minh. Một dấu hỏi lớn nữa là thầy Lư hai lần nói về một người tên Hùng hay Phùng, bạn anh Khôi, mà anh Tuấn biết, hiện cũng ở Phước Long, trong khi anh Tuấn không hề liên quan đến người này.

Thuận Ánh, biên tập viên chương trình Thời sự Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh, phát biểu:

- Sự sai số còn ở cả chỗ giấy báo tử từ Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh Vĩnh Phú gửi về gia đình ghi ngày mất của bác Khôi là mười hai tháng Ba năm 1970, trong khi tại hồ sơ lưu trữ của Sư đoàn 9, căn cứ Đồng Dù, lại ghi ngày hai mươi ba tháng Năm năm 1970. Cứ cho nhầm lẫn này do hoàn cảnh chiến tranh, thì việc làm thủ tục để phòng Thương binh Xã hội Bình Phước hợp thức hóa hài cốt bác Khôi, chắc chắn sẽ trục trặc. Theo con, dù việc tìm được bác Khôi hay không, tìm trúng hay không trúng, thì từ trước đến nay, nhà mình cũng đã thờ bác rồi, nên việc bác ấy ở nghĩa trang Phước Long, tin hay không tin, quyết định thuộc về bố mẹ. Nếu bố mẹ tin bác ở đó, thì chúng con theo. Nhỡ thực tế, không phải bác

ấy mà nhầm một liệt sĩ khác, thì người đó cũng xứng đáng được chúng ta thờ cúng, chắc bác Khôi cũng sẽ thông cảm.

Cuối cùng, "Hội đồng" quyết định sẽ trở lên nghĩa trang Phước Long lần nữa, làm việc với ban quản lý nghĩa trang, sau đó, đến phòng Thương binh Xã hội Tỉnh Bình Phước, tường trình toàn bộ việc tìm được mộ anh Khôi và đề nghị cho gia đình được mở nắp mộ, lấy một phần hài cốt đưa về Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra ADN. Đó là một quyết định hợp lý, nên ngay tuần sau, tuy vợ tôi còn mệt, hai vợ chồng vẫn thuê xe đi Bình Phước.

Chúng tôi trở lại nghĩa trang liệt sĩ Phước Long vào trúng ngày các trường Phổ thông Trung học của tỉnh tổ chức cho mấy trăm học sinh, đồng phục áo trắng, quần hoặc váy xanh đi cắm trại và sinh hoạt ngoài trời, dọn sạch cỏ và cây dại trong nghĩa trang, cắm hoa, thắp nhang trên đài tưởng niệm và các phần mộ. Những bình hoa để giữa khoảng cách các ngôi mộ được đặt hết lên mặt mộ, phía trước các tấm bia.

Xe vừa chạy vào cổng sắt mở rộng, chúng tôi đã gặp quản trang là người đàn ông nhỏ con, khắc khổ, khoảng ngoài năm mươi tuổi, mặc bộ quân phục xanh lá cây bạc cũ, đứng chắn, vẫy xe dừng lại:

- Các đồng chí ở cơ quan nào?

Tôi xuống xe, nói với ông ta:

- Hôm trước, tôi có lên đây tìm mộ ông anh, nhưng chú đi vắng… - Tôi chỉ về hướng mộ anh Khôi ở góc cuối mảng nghĩa trang, bên trái đài tưởng niệm do thầy Lư chỉ định.

- À… Hôm đó, các đồng chí vừa đi khỏi, tôi cũng về.

- Hôm nay, chúng tôi lên gặp chú để bàn về việc nhận mộ anh tôi. Tôi là Tuấn… Còn chú… Xin lỗi! Chú tên gì?

Người quản trang vui vẻ:

- Tôi là Tư Quảng.

Ông ta chỉ chỗ cho xe đậu, rồi mời chúng tôi vào phòng tiếp khách ở dãy nhà ngói cấp bốn bên phải cổng ra vào, niềm nở, pha trà, rót nước:

- Mời các đồng chí… Ngôi mộ người anh liệt sĩ mà các đồng chí tìm được, do bên quân đội hay trên phòng Thương binh Xã hội tỉnh chỉ xuống?

Tôi mở cặp, rút ra tờ đơn tường trình, đưa ông ta:

- Đây là tờ đơn chúng tôi gửi chú và phòng Thương binh Xã hội tỉnh. Trong đơn, tôi nói rõ việc tìm được mộ anh tôi là nhờ một nhà ngoại cảm nổi tiếng do Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Tiềm năng Con người giới thiệu. (Đây cũng là nơi Tiến sĩ Bùi Tiến Quý làm việc, nhưng tên nó ít nhạy cảm hơn: Viện Khoa học Hình sự Bộ Công an).

Ông Tư Quảng nói:

- Nếu vậy, tôi phải nói ngay. Vì pháp luật không thừa nhận việc tìm hài cốt liệt sĩ bằng khả năng ngoại cảm, nên tất cả các trường hợp tìm thấy theo cách này, phòng Thương binh Xã hội tỉnh đều không nhận giải quyết.

- Trường hợp ngôi mộ anh tôi, được nhà ngoại cảm chỉ định có độ chính xác rất cao.

- Nói thật với anh chị… Tìm mộ liệt sĩ thất lạc từ hồi chống Pháp, chống Mỹ là việc thiêng liêng cần phải được ủng hộ tối đa. Về cá nhân, không chỉ tôi mà nhiều người trên phòng Thương binh Xã hội, thậm chí, một số anh, chị lãnh đạo tỉnh cũng từng chứng kiến và tin ở nhiều trường hợp tìm mộ bằng ngoại cảm, nên hồi đầu, mấy anh ấy cũng chỉ đạo linh động với bà con, nhưng về sau, quá nhiều chuyện phức tạp xảy ra. Số tìm mộ sai, chỉ mộ lộn do nhà ngoại cảm yếu kém nhiều hơn, rồi không ít những vụ ngoại cảm lừa, sinh ra kiện tụng, rồi đưa cả lên báo chí, truyền thông gây hậu quả xấu, nên mấy anh ấy mới siết lại nguyên tắc.

Vợ chồng tôi đưa mắt cho nhau. Rồi tôi nói với Tư Quảng:

- Nói thật với chú, trước khi được nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Lư chỉ lên đây, chúng tôi cũng bị một nhà ngoại cảm lừa ra tận Huế để tìm mộ ông anh.

Tư Quảng:

- Tên hắn là gì?

Tôi nói:

- Đó là một phụ nữ. Nhưng chuyện qua rồi, xin không nói tên, vì sau khi tìm được ông anh, tôi đã bỏ ý định tố cáo.

- Tôi muốn biết, để giúp người khác tránh, nếu như cô ta cũng đến nghĩa trang này. Hơn chục năm nay, từ khi có phong trào tìm mộ liệt sĩ bằng ngoại cảm, tháng nào ở đây cũng tiếp thân nhân liệt sĩ cùng các nhà ngoại cảm, đa số từ ngoài Bắc vào.

Tôi đắn đo giây lát, rồi nói:

- Cô ta xưng tên Tư Bông.

Tư Quảng thốt lên:

- Trời! Tưởng ai. Con nhỏ này cỡ ba mươi lăm tuổi, tóc râu ngô, nói giọng dân Phú Yên?

Vợ tôi nói:

- Cô ta có nói nhà ở ngoài Phú Yên.

- Hồi đầu giải phóng, nhà nó đúng là ở ngoài Phú Yên, nhưng cả làng đi kinh tế mới vào đây lâu rồi… Nhà nó ngay ngã ba, cách đây hơn cây số, rẽ vào.

Trăm phần trăm gặp lại "cố nhân", vợ tôi vẫn nghi ngờ, ghé tai tôi:

- Liệu có chuyện trùng tên?

Đúng là chúng tôi đang đứng trước một chuyện gần như hoang đường. Bắt đầu từ việc nghe mấy người bà con bên vợ ở Nam Định, Thanh Hóa, mách bằng điện thoại về việc nhờ một nhà ngoại cảm tên Tư Bông làm lễ gọi hồn, tìm được mộ thất lạc của bác Lãng trưởng họ chôn ở Lương Sơn, Hòa Bình từ năm 1959. Tin ở sự kiện này, cũng qua điện thoại, chúng tôi mời bằng được Tư Bông vào Sài Gòn gọi hồn tìm mộ anh Khôi… Kết quả nhận được là một vụ gọi hồn giả, lừa cả nhà mất công ra tận Huế, kèm theo sự biến mất của thủ phạm. Vậy từ ma lực vô hình nào đã sắp xếp chúng tôi gặp lại Tư Bông ở tận Phước Long, Bình

Phước. Và nơi an táng hài cốt anh Khôi cũng chính là nơi cư ngụ của ả.

Thấy hai vợ chồng tôi cùng sững sờ, Tư Quảng nói:

- Mấy năm nay, tôi có nghe người này, người khác nói nó lừa nhiều người trong các vụ tìm mộ, nhưng chỉ là tin đồn, giờ rõ ra sự thật… Nó lừa anh chị nhiều không?

Không muốn sự việc đi xa hơn, tôi nói nhẹ đi:

- Chúng tôi bị lừa do cô ta chỉ sai anh tôi hy sinh ở Huế, chứ tiền nong, không đáng kể. Chú biết rõ về cô ta?

- Tôi còn thuộc lòng đằng khác. Nó là thứ tư, con ông bà Mười Tiềm nuôi bò, do tính "man man" nên học hành dở dang, không làm việc gì đến nơi đến chốn. Năm mười chín, hai mươi tuổi, ông bà ấy vẫn chỉ giao nó đi cắt cỏ cho bò. Lúc nó mười ba, mười bốn tuổi, tôi về quản trang ở đây, đã thấy nó hằng ngày vẫn vào nghĩa trang cắt cỏ. Con này còn có cái tật dễ dãi chuyện trai gái. Ngủ với ai thì nó giấu, nhưng nạo thai lần nào là khoe cả xóm đều biết. Cách đây tám năm, ở chính nghĩa trang này, có một gia đình ở Thanh Hóa, đưa ông thầy Giá từ ngoài Bắc vào làm lễ gọi hồn, tìm mộ người thân. Hồn hẹn hai tuần mới gặp, nên gia đình phải ở khu nhà tiếp khách của nghĩa trang chờ. Thời gian trống này, nhiều người trong vùng, nghe tin, đến nhờ, thầy Giá đều giúp và đều tìm trúng mộ. Mỗi lần có gọi hồn, con Tư đều mê mẩn, bỏ cả cắt cỏ bò đứng coi suốt buổi. Hóa ra thầy Giá nhận diện ra thần tướng nó từ ngày đầu. Thầy hỏi nó có thích học nghề không? Vậy là nó theo thầy từ đó và dần dần cũng chỉ đâu trúng đó, tiếng nổi như cồn. Rồi nó theo luôn ông thầy ra Bắc, đi chỉ mộ khắp nơi… Chỉ một, hai năm gần đây mới nghe đồn nó lừa đảo, chỉ bậy. Nay có anh chị là nạn nhân, tôi đưa luôn vào nhà nó, ba mặt một lời, rồi kêu cả công an… Lừa tiền bạc tội một thì lừa chuyện thân thế liệt sĩ là tội mười, nhất định phải để luật pháp xử nó.

Không muốn dây thêm vào sự rắc rối, nhất là khi đã chấp nhận cho qua vụ bị lừa, tôi nói với Tư Quảng:

- Rất cảm ơn sự quan tâm của chú. Do việc biết Tư Bông ở ngay đây

quá bất ngờ, nên cần cân nhắc kỹ khi quyết định gặp lại cô ta, vì vậy, để lần lên sau, sẽ nhờ chú đưa đến nhà. Hôm nay, chúng tôi lên, chỉ trình bày về vụ đi tìm hôm trước, cùng những yêu cầu tiếp theo. Giờ nghe chú nói, kết quả tìm mộ liệt sĩ bằng ngoại cảm, không được ở đây thừa nhận, chúng tôi đành phải đi tiếp lên phòng Thương binh Xã hội tỉnh, hy vọng các anh trên đó linh động.

- Anh chị muốn lên, cứ lên. Nhưng do nhiều người trường hợp như anh chị đã lên rồi, không được giải quyết, nên tôi nói chỉ để anh chị khỏi mất công thôi.

- Chúng tôi vẫn quyết đi vì vong linh anh tôi, còn nước còn tát, chứ không trách gì chú.

Tôi mở cặp, đặt lên bàn tấm đá hoa cương đen cùng loại đá và kích thước với những tấm bia gắn trên các mộ chí, đã được khắc lõm, sơn chữ vàng: "Nguyễn Duy Khôi. Sinh năm 1942. Quê quán: Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội. Nhập ngũ 1967. Đơn vị: C3. D4. E2. F9. Chức vụ B trưởng. Hy sinh: 23-5-1970".

Tôi trình bày:

- Đây là nội dung chúng tôi ghi nhận chính xác từ hồ sơ liệt sĩ được lưu trữ ở Bộ Tư lệnh Sư đoàn 9 ngày gần nhất. Tuy mộ anh tôi chưa phải chính xác trăm phần trăm về mặt pháp lý, nhưng hôm trước lên đây, chúng tôi đã chính thức thực hiện lễ gọi hồn và anh tôi đã hiện về. Như vậy từ tâm linh đến pháp lý chỉ còn khoảng ngắn ngủi, nên mong chú linh động, cho chúng tôi làm lễ đặt tấm bia này lên mộ anh tôi. Sau này, nếu không đúng, hoặc dứt khoát không được thừa nhận, chúng tôi sẽ xin lỗi vong hồn trong mộ, bỏ tấm bia đi.

Tư Quảng lặng đi một lúc, rồi nói:

- Tôi hiểu tấm lòng của anh chị với liệt sĩ Khôi, nhưng tôi cam đoan trên phòng Thương binh Xã hội tỉnh sẽ không giải quyết.

Tôi nói:

- Nếu tôi lên các cấp cao hơn xin được mở nắp mộ đem vụn xương

hài cốt đi thử ADN thì sao?

Tư Quảng nói:

- Ở đây đã có mấy trường hợp nhận mộ, rồi mới đem thử ADN, đều trúng, chưa trường hợp nào còn nghi ngờ lại được nhận mộ để đưa đi thử… Nhưng thôi, tôi có ý kiến thế này. Anh chị cứ để tấm bia này ở đây. Sáng mai, tôi lên hỏi ý kiến phòng Thương binh Xã hội trước, rồi thông báo bằng điện thoại cho anh chị. Vì anh chị có lên cũng phải để hôm khác. Tấm bia này tôi tạm cất đi, chứ đặt sớm lên mộ, nếu đúng trong mộ có hài cốt bác Khôi thì mọi sự tốt đẹp, nhưng nhỡ là người khác, dù đặt tạm, cả hai liệt sĩ sẽ cùng tủi thân. Rất không nên.

Chúng tôi đành chấp nhận phương án của Tư Quảng. Tuy nhiên, vẫn ra ngôi mộ thầy Lư chỉ, đặt lễ, thắp nhang. Hai vợ chồng cùng quỳ trước mộ, vừa vái, vừa nói lời xin lỗi anh Khôi.

Trong khói nhang nghi ngút, vợ tôi bỗng rùng mình, ngẩng đầu, ngơ ngác nhìn quanh. Tôi hỏi:

- Chuyện gì thế?

Vợ tôi nói:

- Hình như em nhìn thấy con Tư Bông?

Theo hướng nhìn của vợ tôi, tôi chỉ thấy cách xa nơi chúng tôi làm lễ khoảng ba mươi mét, phía bãi đất trống hướng tường rào bên trái nghĩa trang, có hai người phụ nữ cắt cỏ, một người ngồi, còn người kia đang đứng sửa lại nón, chiếc áo mặc ngoài để chống nắng của cô ta có vẻ quen quen… Nhìn kỹ hơn, trong nắng gắt chói chang, hình ảnh họ có vẻ như nhòa đi… Tôi nói:

- Chỉ có hai người cắt cỏ.

Vợ tôi:

- Có lẽ do nắng lóa nên em tưởng tượng ra cô ta.

Lúc về, xe ra khỏi cổng, đã rẽ trái hướng thị trấn Phước Bình, để bắt vào Quốc lộ 13 về Sài Gòn, việc vợ tôi nhìn thấy bóng Tư Bông khi làm lễ ở mộ, chợt trở lại trong đầu, khiến tôi chột dạ. Tôi đổi ý định, bảo cậu

Thuận lái xe:

- Cháu quay xe lại đi, - rồi nói với vợ, - chúng ta sẽ đến nhà Tư Bông.

Vợ tôi ngạc nhiên:

- Mình đã nói cho qua rồi mà.

- Cho qua, không có nghĩa mình không đi đến cùng để biết hết chân tướng cô ta.

- Ông Tư Quảng cũng chưa chỉ rõ nhà… Theo em, nên rẽ vào nghĩa trang, rủ ông ta cùng đi cho an toàn.

Tôi nói:

- Không cần. Trên này thưa dân, cứ đến ngã ba, hỏi là biết.

Xe chúng tôi chạy lên dốc, quá nghĩa trang Phước Long chừng hơn một cây số, đến ngã ba nằm chơ vơ giữa vùng đồi hoang không một bóng cây cối, có lối rẽ theo con đường đất đỏ chạy vào chân dãy núi đất khá xa ở bên trong. Góc ngã ba, ngay cạnh đường, có một cái lán tranh nhỏ chừng sáu mét vuông, không vách. Một ông chạy xe ôm ngồi ở chiếc ghế cóc, bên chiếc xe gắn máy chờ khách và một ông già, thợ sửa xe, đang lúi húi vá ruột xe, bên thùng đồ. Chúng tôi dừng xe, hỏi:

- Hai bác cho hỏi thăm nhà cô Tư Bông?

Ông bác chạy xe ôm liếc vào biển số xe để biết chúng tôi từ đâu tới:

- Chắc các bác từ Sài Gòn lên nhờ nó tìm mộ, nhưng nó hết hơi rồi.

Vợ tôi nói:

- Chúng tôi chỉ ghé chơi thôi.

- Thế thì chạy thẳng đến khi đụng ba nhà vườn. Nhòm thấy nhà nào nuôi nhiều bò, của Mười Thiềm, thì có nó.

Chúng tôi cảm ơn, cho xe theo đường đất đỏ chạy cỡ hai cây số vào tận chân núi, thấy ba ngôi nhà tôn nằm ẩn trong vườn cà phê, nhưng dễ nhận ra nhà ở giữa nuôi bò, vì chuồng bò chừng chục con nằm ngay sát lề đường.

Xe vừa dừng trước hai trụ cổng đặt đầy những bát nhang đang cháy, chúng tôi thấy ngay một phụ nữ bụng bầu khá lớn đang bốc rơm thả vào

máng cho mấy con bò trong chuồng. Không khó nhận ra người phụ nữ đó chính là Tư Bông, bởi mái tóc râu ngô không lẫn đi đâu được. Rồi nhìn cái bụng bầu sắp đến tháng đẻ của cô ta, từ hôm đi Huế vào tháng Chín năm ngoái, đến nay đã bảy, tám tháng, thì việc vợ tôi nhìn thấy gã Năm Được và cô ta làm tình trên chiếc Innova ở Ninh Bình mà tôi cố không tin, là có thật.

Lúc chúng tôi xuống xe, đi vào cổng, Tư Bông mới nhận ra. Sự sợ hãi khiến cô ta nhợt nhạt, run rẩy, buông rơi mớ cỏ rơm trên tay, vịn tay vào cột chuồng để khỏi khuỵu bệt xuống thềm, nước tiểu tuôn đầy chân, ướt đẫm chiếc váy bầu, khiến vợ tôi phải bước lại đỡ:

- Đừng sợ. Chúng tôi chỉ ghé thăm cô thôi.

Tư Bông vẫn không hết sợ hãi, lắp bắp:

- Làm... làm sao cô chú biết con ở đây?

Tôi nói:

- Chúng tôi đi công chuyện trên này, tình cờ nghe có người nói về cô nên mới biết.

- Con xin cô chú đừng báo công an bắt con.

Khi trấn tĩnh được phần nào, Tư Bông xin phép đi thay đồ, rồi tiếp chúng tôi ở bàn nước mộc mạc ngăn với bên ngoài ngôi nhà tôn nền đất sơ sài, chật chội. Khắp nhà, từ chiếc bàn thờ nhỏ tự đóng, áp tường, phía trong bàn nước, đến các cửa sổ, cửa ra vào và thềm nhà đều đặt bát nhang đang cháy, khiến trong nhà âm u và ngàn ngạt mùi khói.

- Xin lỗi cô chú. Con ở đây với vợ chồng thằng em. Vợ chồng nó cùng đang ở trong rẫy, tối mới về, ở đây chỉ có nước giếng khoan. Để con kêu ngoài quán mang cà phê mời cô chú. Quán ở trong xóm gần đây, chỉ vài phút là nó mang ra liền.

Tôi xua tay:

- Không cần đâu. Chúng tôi chỉ ghé vào một lúc rồi đi ngay.

Vợ tôi hỏi:

- Tháng mấy thì cô sinh?

Cô ta bỗng bật khóc:

- Thưa! Theo bệnh viện thì tháng sau… Nhưng mà con sợ lắm… Hu hu… Con bỏ nghề rồi mà sao các vong nó vẫn theo… Vụ lừa cô chú ra Huế, con có tội lớn, nhưng thực ra không phải từ con… Từ khi vào nghề, con theo thầy Giá bốn năm, rồi thầy cho tách ra làm riêng năm năm. Nhờ có bề trên thường xuyên phù hộ, lấy việc giúp đời làm gốc, nên con hành nghề thuận lợi. Về sau, hình như bề trên có chuyện buồn về con, không thương như trước. Rồi có khi có cả chuyện các vong thù giận, nên việc gọi hồn, chỉ mộ không còn linh như trước. Con đang hoang mang chưa rõ tại sao thì gặp anh Năm Được.

Tôi hỏi:

- Anh ta là người ở đâu?

- Thưa! Con cũng không biết. Con và anh ấy chỉ liên lạc với nhau bằng điện thoại khi nào cần… Trong dịp một gia đình từ dưới miền Tây lên nhờ con gọi hồn tìm mộ liệt sĩ hy sinh ở Củ Chi, thời chống Mỹ, cần thuê xe để di chuyển, con gặp được anh Năm, thành quen nhau. Anh ấy nhiệt tình và cũng hiểu biết chuyện tâm linh, nên đôi khi con gặp khó khăn, anh ấy có những góp ý con thấy hợp, từ đó, mỗi lần có việc cần, con đều kêu anh ấy.

Vợ tôi nói:

- Nghĩa là từ anh ta, cô bắt đầu con đường tội lỗi?

- Thưa! Không hẳn như vậy. Từ khi hành nghề, con luôn ghi nhớ lời thầy Giá: “Đây là việc làm thiện, phúc, Trời Phật đã chọn ban cho mình chức phận, thì phải lấy thiện, phúc làm gốc, xa rời cái đạo ấy, để vô đạo, trục lợi thì nghề hết thiêng”. Nhưng từ ngày gặp anh Năm, nghe anh tư vấn, con kiếm được nhiều tiền hơn, nhiều người nhờ vả hơn, thế là con xa rời lời thầy Giá lúc nào không biết. Vụ bác Khôi, khi nhận từ cô chú, con gọi hồn mấy lần mà không thấy bác ấy hiện. Con có gọi điện ra Hà Nội hỏi thầy Giá. Thầy nói: “Tên người, quê quán, ngày mất sai, nên hồn không hiện”. Con lại hỏi: “Vậy có cách nào?”. Thầy lại nói: “Phải hỏi lại

thân chủ cho rõ thêm và phải là thầy cao tay". Con đem chuyện này hỏi anh Năm. Anh ấy mới bày ra cách đưa cô chú ra Huế khai quật mộ giả… Vụ này, con chỉ xin cô chú có mười triệu, nhưng anh ấy nói con ngu, vì cô chú là đại gia, nên bảo con phải đòi năm nghìn đô-la.

Tôi hỏi:

- Có phải vì chuyện này, cô bỏ nghề?

- Thưa, không. Sau vụ này, con còn nhận hàng chục vụ khác, trong đó có vụ lên tận Sơn La. Hôm đó, trời mưa, đường trơn vắng, phải bật đèn và chạy chậm mới đi được. Đang xuống dốc, vào cua, anh Năm bỗng giật mình. Con hỏi: "Sao thế?". Anh ấy nói: "Hình như có vong theo suốt từ lúc rời thị xã". Con vừa ngoảnh lại chưa kịp thấy gì thì chiếc xe lao xuống vực. Khi tỉnh dậy, con thấy mình ở trong bệnh viện tỉnh. Không biết có phải do Trời Phật còn thương nên con chỉ bị xây xát mặt mũi và gãy hai xương sườn, còn anh Năm không qua khỏi. Lúc hấp hối, thấy con đến bên, anh ấy mấp máy miệng: "Em nhớ khấn xin các vong tha cho anh". Kể từ vụ đó, con sợ quá, nên quyết định bỏ nghề. Nhưng không biết các vong có buông tha mình không? Con sợ nhất là vong nó ám vào đứa con trong bụng, nên tuy ẩn dật ở đây, con vẫn đêm ngày thắp nhang sám hối và xin Trời, Phật, vong linh tha thứ.

Chúng tôi rời nhà Tư Bông trong tâm trạng nặng nề. Lúc rẽ từ đường đất đỏ ra đường nhựa lớn, trên đường qua thị trấn Phước Bình, cậu Thuận lái xe nói:

- Con mẹ này lẽ ra phải báo công an tống đi trại cải tạo, vậy mà khi chúc nó mẹ tròn con vuông, cô còn cho nó năm triệu là quá lãng phí.

Vợ tôi nói với tôi, đương nhiên với cả cậu Thuận:

- Không phải chỉ vì cô ta sắp sinh đẻ, mà còn vì nếu không bắt đầu từ vụ lừa của cô ta, sẽ không có vụ anh với em bay ra Hà Nội tìm đến Bộ Công an tố cáo, từ đó mới dẫn đến gặp Tiến sĩ Bùi Tiến Quý và cậu Lư để lên nghĩa trang Phước Long gặp anh Khôi.

Tôi nói:

- Có thể đã có sự dẫn dắt kỳ lạ. Nhưng vẫn phải thử ADN mới biết chính xác trăm phần trăm.

Vợ tôi nói:

- Nếu đúng trăm phần trăm thì ai là người đã sắp xếp cho Tư Bông đến với mình? Thầy Lư hay anh Khôi?

CON CHIM ƯNG TRÊN ĐỈNH NÚI CAO

Năm 1966. Ngày Tết và những ngày tiếp theo.

Do hốt hoảng vụ anh Khôi bị bắt, kèm theo ám ảnh bị công an theo dõi, trời lại đang gió mùa đông bắc, nên tôi đạp xe như điên trong giá lạnh cho nóng người, mười một giờ mười lăm đã về đến Hà Nội, kịp có mặt ở cổng Tổng cục Thủy lợi trước giờ nghỉ trưa. Nhưng bác bảo vệ nói:

- Ông Lạc vừa về nhà cách đây ba mươi phút.

Theo địa chỉ anh Khôi nói, tôi lại phóng đến nhà anh Huy Lạc ở khu tập thể Kim Liên. Mấy năm đó, khu tập thể Kim Liên ở góc ngã tư đường Nam Bộ và Đại Cồ Việt, phía bên kia đường xe lửa Bắc - Nam, là công trình kiến trúc mới đầy tự hào, mở đầu cho mô hình dân cư đô thị Xã hội Chủ nghĩa, chỉ ưu tiên dành cho các chuyên gia Liên Xô, Trung Quốc và gia đình cán bộ trung, cao cấp. Thực tình, gần đến lúc gặp anh Lạc, cảm xúc nôn nóng tiếp xúc với vị cứu tinh của ông anh trong tôi giảm đi nhiều. Hồi cùng học ở tiểu học Đỗ Hữu Vị, anh Lạc và anh Danh Hùng thân với anh Khôi đều là thần tượng của tôi. Cái biệt danh "Tướng cướp rừng xanh Robin Hood", chuyên lấy của kẻ giàu chia cho người nghèo, khi còn được bạn bè trong trường úp úp mở mở chỉ vào Lạc, tôi vẫn thầm hâm mộ, nhưng khi biết chính xác nhiều vụ trộm cắp, dù nạn nhân là những người đáng bị trừng phạt, đều do Lạc cầm đầu, tôi không còn nhìn anh như trước. Nhưng đỉnh điểm mà tôi và cả anh Khôi coi rẻ Lạc, là sau khi có bằng Phó Tiến sĩ từ Trung Quốc, anh đã bỏ Kim Hà, giáo viên trường Trưng Vương, người yêu cũ từ hồi học cấp ba, để lấy Linh Xuân, cô gái cùng học ở Trung Quốc, con gái một Thứ trưởng, khiến Hà quá uất ức, ra cầu Thê Húc nhảy xuống Hồ Hoàn Kiếm tự tử. May có

người phát hiện cứu kịp. Từ chuyện này, anh Khôi không bao giờ nhắc đến Lạc với tôi. Việc Lạc đang là đoàn trưởng Đoàn Khảo sát Thủy lợi, lúc bảo tôi về Hà Nội gặp Lạc, anh Khôi nói ra, tôi mới biết.

Vợ chồng Lạc ở một căn hộ loại ba mươi mét vuông, trên tầng hai. Tôi dè dặt chưa kịp gõ cửa, thì cửa đã mở và Lạc xuất hiện. Trời mùa đông, nhưng có lẽ đang giữa trưa, nên anh vẫn quần đùi, áo may ô, tay đang cầm chiếc đũa cả còn dính cơm:

- Hình như Tuấn hả? Nghe tiếng chân dừng ở cửa, anh lại tưởng chị về. Em vẫn còn ở Quảng Ninh hả? Vào đi. Anh đang nấu cơm. Trưa nào cũng phải ăn cắp của Nhà nước nửa giờ, để về lo cơm trưa. Cách mạng Văn hóa bên Trung Quốc nó đấu tranh bình đẳng giới quá đà, phụ nữ được đặt lên ngai vàng, còn đàn ông đi làm về, lo chợ búa, rồi cắm đầu vào bếp. Anh lấy chị hồi cùng học bên ấy. Hôm nào, lỡ để vợ nấu cơm, nhà bên nó tố cáo, lập tức bị nhà trường lôi ra kiểm thảo vỡ mặt về tội đẩy phụ nữ trở về chế độ phong kiến, tư bản. Nhưng lâu dần thấy được hầu vợ cũng trở thành niềm vui… Em ngồi đi. Chai nước lọc trên bàn, em tự rót mà uống. Anh đang bận chỉnh cái bếp mạt cưa, cho cơm khỏi cháy...

Anh nói một hơi không để tôi kịp đáp, sau đó biến vào ngăn bếp khá chật bên hông phòng khách. Nhưng rồi anh lại quay ra ngay:

- Anh xin lỗi quên chưa hỏi, em đến gặp anh có chuyện gì?

Tôi nói:

- Anh Khôi ở Hưng Yên bị công an bắt, nên anh ấy bảo em về báo cho anh tìm cách cứu anh ấy.

- Thảo nào… Chờ anh một chút…

Anh lại quay nhanh vào bếp. Giải quyết xong với nồi cơm, anh trở ra, kéo ghế ngồi đối diện với tôi, nét mặt rất bình thản:

- Em kể hết cho anh thực hư câu chuyện thế nào?

Đã bớt hẳn hứng thú trước khi đến, giờ lại không mấy hy vọng vào một ông lớn đoàn trưởng quá xuề xòa với quần đùi, áo may ô, lo việc

bếp núc, tôi kể lại vụ tai nạn của anh Khôi một cách ngắn gọn và sơ sài.

Huy Lạc đang chăm chú nghe, đột nhiên đưa ngón tay trỏ lên miệng, ra hiệu tôi im lặng, rồi nhỏ giọng:

- Chị về. - Anh vừa vội đứng dậy, vừa nói tiếp. - Nghe em kể, anh biết hết chuyện rồi. Nếu chị có hỏi, em tuyệt đối đừng nói thêm gì về anh Khôi, vì đây không phải chuyện đàn bà.

Rồi anh tươi cười ra mở cửa:

- Sao em về muộn? - Anh xun xoe đỡ cái giỏ đan bằng những sợi cói nhiều màu của Trung Quốc, đựng đủ thứ thực phẩm mậu dịch từ tay vợ. - Vô cùng cảm ơn em. Để em phải đi chợ thế này, nếu còn ở Trung Quốc là anh bị kiểm thảo về tội kéo lùi phụ nữ xã hội chủ nghĩa về chế độ phong kiến, tư bản đấy.

Chị vợ Lạc cau có:

- Một tuần, loại phiếu xanh nhà mình, nó bán có một ngày, không mua hôm nay, để mai vứt sọt rác à? Mọi khi chìa tem phiếu, mấy đứa nhân viên quen, cắt vèo một cái, rồi giao hàng là xong. Hôm nay sắp Tết, có thanh tra, chúng nó đều cố ý chậm như rùa, rồi tem phiếu ưu tiên cũng phải xếp hàng như tem phiếu thường, tức lộn cả ruột.

Vợ Lạc đã gầy lại còn cao tới một mét sáu mươi lăm. Phía trước, ngực bình đẳng với bụng. Phía sau, mông bình đẳng với lưng. Gái Hà Nội những ngày gần Tết đang cảm ơn mùa Đông vì rét mướt chính là dịp áo len, áo sợi đủ kiểu, đủ màu khoe sắc, thì phu nhân ông đoàn trưởng khảo sát thủy lợi, vẫn hiên ngang trong bộ đồ đại cán ka ki Trung Quốc dày và thô, như cách tự giới thiệu mình là hạt giống đỏ, từ nước ngoài trở về, khiến chị càng như cây sào di động.

Sau khi xả bớt cơn tức tối về mấy cô nhân viên mậu dịch, chị mới nhìn thấy tôi ngồi bên bàn nước, liền cụt lủn hỏi chồng:

- Ai thế?

Lạc cười xuề xòa giới thiệu vợ với tôi:

- Đây là chị Linh Xuân, bà xã anh. Chị Xuân cùng làm Phó Tiến sĩ với

anh ở Trung Quốc, hiện là Viện phó Viện Khoa học Xã hội. - Rồi anh nói với vợ về tôi. - Đây là thằng Tuấn, kỹ sư cơ khí ngoài mỏ Quảng Ninh, em anh Nguyễn Minh Khôi, vừa từ chỗ anh Khôi ở Hưng Yên về.

Linh Xuân vẫn không nhẹ nhõm hơn:

- Anh cứ quần đùi, áo may ô thế này mà tiếp khách? Em đã nói anh bao nhiêu lần. Mà anh cũng quên trời đang lạnh à?

- Ôi dào, nó đến bất ngờ, hơn nữa nó là thằng em. Hồi học tiểu học, những ngày trời mưa, anh với nó, còn cùng cởi truồng đá bóng ở sân trường… Bây giờ thế này, trưa nay, thằng Tuấn sẽ ăn cơm với vợ chồng mình. Ăn xong, anh với nó đi Hưng Yên luôn.

- Việc gì mà gấp thế?

- Chiều nay, Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên xuống làm việc với đoàn khảo sát, nên các anh ấy muốn lãnh đạo cao nhất của đoàn là anh phải có mặt. Cơm và thức ăn, anh nấu xong rồi, nếu em còn mệt, không bưng bày ra bàn được thì anh bưng luôn. Nhưng giờ, anh phải gọi điện mượn bố chiếc Volga để giải quyết khâu oai với đám nhà quê Hưng Yên. Ăn xong, em lấy cho thằng Tuấn bộ đại cán hồi anh làm tốt nghiệp ở Trung Quốc, để nó thay bộ bảo hộ lao động đang mặc đi.

Tôi nói:

- Anh đừng bận tâm… Em mặc đồ này quen rồi.

Anh Lạc nói nhỏ vừa đủ cho tôi nghe:

- Đó là em quen làm thợ. Còn đi với anh thì phải tập quen làm quan, rõ chưa?

Ăn cơm xong, anh và tôi xuống dưới nhà, ra chiếc xe Volga đen bóng, đã đậu chờ sẵn ở cửa chính tòa nhà bốn tầng.

Chị Linh Xuân lạnh lùng tiễn chúng tôi xuống tận xe. Chờ tôi vào xe trước, chị mới ngoắc chồng đứng lại:

- Bí thư Tỉnh ủy đến đoàn, thì chỉ cần một cú điện thoại về đây là đủ. Thằng Tuấn chẳng dính gì đến đoàn khảo sát, mà phải đạp xe từ Hưng Yên về tận Hà Nội, rõ ràng không bình thường.

Lạc sừng mặt:

- Em nghi anh dối trá hả?

- Em chẳng nghi ngờ, cũng chẳng tò mò chuyện riêng của anh. Nhưng em phải nhắc, dù yêu quý anh Khôi đến đâu, anh cũng đừng quên đường đi của cả anh lẫn em là một con đường dài, đừng vì chuyện nhất thời của người khác mà làm ngắn đường đi của mình lại.

- Rồi! Bài này em dạy nhiều rồi. Còn gì nữa không?

- Anh mượn xe của bố, thì cũng nhớ giữ gìn cho bố.

- Em lạ thật. Xe của bố, chính bố em không lo, em lại lo thay là thế nào? Thôi, lên tranh thủ ngủ trưa để lấy sức, chiều còn dẫn dắt cái Viện Khoa học Xã hội toàn học giả ăn thật của em đi đúng hướng.

Lạc không giấu được bực tức, vào xe ngồi cạnh tôi rồi đóng sầm cửa, lúc xe chuyển bánh, anh hỏi:

- Lúc chị nói với anh mấy câu ở ngoài xe, em có nghe thấy gì?

Tất nhiên là nghe hết, nhưng tôi nói:

- Ngoài đường đang ồn, chị lại nói nhỏ, nên em không nghe thấy.

- Anh dặn em một điều, khi yêu và lấy vợ, đừng bao giờ chọn những đứa thông minh quá, vì mình chưa nghĩ, chưa nói, nó đã biết mình định nghĩ gì, nói gì, thì nó là xiềng xích chứ không phải người yêu hay người vợ. Suốt bữa cơm, anh với em chẳng nói chuyện gì về anh Khôi, vậy mà, nó cũng đoán được anh lên Hưng Yên về chuyện anh Khôi, làm anh mất cả hứng.

Xe rẽ sang phố khác, dường như nhẹ bớt cơn bực tức, anh mở khóa chiếc túi du lịch màu mè đầy chữ Trung Quốc, lấy ra chiếc máy ảnh, đưa cho tôi và nói:

- Em đeo cái máy ảnh này vào.

- Để làm gì?

- Lúc nào cần làm gì, anh sẽ nói. Nên nhớ, đi với anh Lạc sẽ không có cái gì mang theo là thừa cả.

Xe không đi thẳng lên cầu Long Biên, sang Gia Lâm, để đi Hưng Yên,

mà còn rẽ vào văn phòng Tổng cục Thủy lợi, để anh Lạc ghé cơ quan chừng nửa giờ. Lúc trở ra, vào xe, anh không còn ngồi cạnh tôi ở băng ghế sau mà vào ghế trước, cạnh người lái xe, nói như ra lệnh:

- Bây giờ đến Hưng Yên, ghé vào Ty Công an.

Tôi nói với anh Lạc:

- Anh nhớ cho em xuống trước ở đội khảo sát.

- Làm gì có chuyện ấy. Anh bảo em thay đồ đại cán và mang máy ảnh là đi với anh thành một đoàn của Tổng cục Thủy lợi, tư thế sẽ khác với việc anh đi một mình đến gặp đám công an.

- Em đâu phải người Tổng cục Thủy lợi?

- Đó là việc của anh. Sẽ không có thằng công an nào kiểm tra giấy tờ của em đâu mà lo.

- Nhưng anh đừng giới thiệu em không đúng sự thật. Lúc ở Hà Nội, anh nói em là kỹ sư cơ khí vùng mỏ Quảng Ninh, đến bây giờ em vẫn chưa hết sởn gai gà.

Lạc bật cười khoái chí:

- Ha ha ha… Điều này thì em và anh Khôi giống nhau như đúc. Đã khôn ngoan thì đừng thật thà, vì mang cái sau trừ cái trước, hiệu số sẽ bằng không, nhiều trường hợp còn bằng âm. Tại sao anh giới thiệu em là kỹ sư cơ khí với chị Xuân? Vì chị ấy là Phó Tiến sĩ, Viện phó Viện Khoa học Xã hội, con gái Thứ trưởng Bộ Ngoại thương, con nhà danh gia vọng tộc, anh là chồng mà bố mẹ thuộc hàng cu ly, chị ấy cũng coi như rơm rác, nên anh nói em là thợ trồng rừng hay Thanh niên Xung phong, liệu chị ấy có ngồi cùng bàn ăn cơm với em? Đây là nghệ thuật đối nhân xử thế. Với những người quan hệ lâu dài, sống chết mình cũng phải lấy sự trung thực làm gốc, còn với quan hệ chốc lát, dối trá một chút để mua lấy sự vui vẻ, chẳng có ai đánh thuế đạo đức cả. Sau hôm nay, chắc chắn chẳng có cơ hội nào em gặp lại, để chị ấy có dịp kiểm chứng em là thằng thợ hay thằng kỹ sư, để lột mặt nạ anh là thằng bốc phét. Còn mười năm sau, gặp lại, nhỡ em lên Tổng Giám đốc Công ty Than Quảng Ninh thì

sao? Thì chị em chỉ có phục anh sát đất là hồi đó đã có con mắt tinh đời, dự báo đúng về tương lai của thằng em. Đúng không? Ha ha ha…

Bắt đầu đi vào thị xã Hưng Yên, anh với tay dúi bao thuốc lá Thăng Long bạc vào túi áo ngực bác lái xe:

- Lái xe cho quan lớn, phải hút Thăng Long. Hôm nay, cũng biểu diễn khâu oai như mọi lần, ông anh nhớ tự biên, tự diễn cho đẹp nhé.

Bác lái xe hóm hỉnh:

- Yên tâm. Đi với tôi, thiên hạ sẽ tin chắc chú phải ngang Bộ trưởng, chứ không phải Thứ trưởng như bố vợ chú đâu.

Lạc lại khoái trá cười lớn, nói với tôi:

- Em thấy không? Đã đi với anh Lạc, sẽ không có cái gì thừa cả.

Cuối cùng chiếc Volga cũng đến cổng Ty Công an Hưng Yên. Xe của khách lẽ ra chờ ngoài cổng, nhưng bác lái xe cứ lao thẳng, sát thanh barie mới dừng, bấm còi giục giã.

Viên hạ sĩ quan cảnh sát trực cổng, bước ra, giọng hách dịch:

- Xe của khách đậu ngoài bãi kia.

Bác lái xe hạ kính, hách lại:

- Chú em nhìn kỹ xem xe của ai?

Viên hạ sĩ thoáng lưỡng lự, rồi lùi lại, trân trọng nâng cần barie cho xe chạy qua cổng.

Lạc cười khoái trá:

- Nó tưởng xe của Bộ trưởng Bộ Công an. Em đã thấy tại sao tiêu chuẩn đoàn trưởng của anh là xe Moskvitch, anh lại phải mượn chiếc Volga của bố vợ chưa?

Chiếc xe sang trọng vừa dừng ở thềm tòa nhà trụ sở Ty Công an tỉnh thì chính đại tá Trưởng ty Vũ Cang và hai thiếu tá từ cửa chính tòa nhà niềm nở ra đón. Vị đại tá thoáng ngạc nhiên khi thấy chúng tôi chỉ có hai người và nhân vật chính là Lạc lại quá trẻ.

Lạc dường như cũng nhận ra điều đó, nên thanh minh ngay trong lúc vui vẻ bắt tay chủ nhà:

- Chuyện này phải xin lỗi các đồng chí trước, vì lẽ ra trưởng đoàn là đồng chí Phụng Tổng cục phó, nhưng phút cuối cùng phải tiếp Thủ tướng Phạm Văn Đồng sang làm việc đột xuất, nên đồng chí Phụng ủy nhiệm cho tôi đi. - Rồi anh chỉ vào tôi. - Đây là đồng chí Tuấn, phóng viên báo Nhân dân, do đồng chí Phụng mời đi theo đoàn.

Tôi bủn rủn cả người, nhưng cũng tròn vai, gượng cười khi bắt tay đại tá Trưởng Ty.

Ông Vũ Cang mời anh Lạc và tôi vào phòng, đồng thời nói với hai thiếu tá cùng ông ra đón chúng tôi:

- Các đồng chí đi làm việc được rồi.

Trong phòng, chúng tôi được mời ngồi xa lông, nhưng thái độ của Vũ Cang lạnh nhạt, khác hẳn lúc ra đón.

Anh Lạc mở đầu trước:

- Chúng tôi được đồng chí Tổng cục trưởng cử đến làm việc với các đồng chí về việc đồng chí Khôi, cán bộ Tổng cục, bị các đồng chí bắt giữ.

Được Lạc đưa mắt, tôi hiểu ý, lập tức giở sổ ra ghi chép.

Vũ Cang nói:

- Việc này, chúng tôi thực hiện đúng luật. Anh Khôi không phải người Hưng Yên, lợi dụng việc tỉnh lập đội tuyển học sinh đi thi đấu đại hội Thể dục Thể thao Học sinh Toàn quốc, đã đội lốt đội tuyển này, tổ chức luyện tập võ thuật trái phép.

Ông ta đưa ra một xấp, hàng chục tấm ảnh, các học sinh đội tuyển điền kinh, mặc võ phục Judo, khổ 12 x 19 centimét, mới chụp lúc sáng ở sân trường:

- Đây là bằng chứng không thể chối cãi. Trong khi cả nước, các phong trào luyện tập võ nghệ, cổ vũ thanh niên đam mê bạo lực đều bị cấm, anh Khôi vì động cơ gì lại tổ chức trái phép cho các em học sinh, đang ở tuổi trong sáng, học môn võ của nước Nhật phát xít?

Lạc tỏ ra hết sức nhã nhặn:

- Trước khi cử tôi đi, lãnh đạo Tổng cục có tìm hiểu kỹ về điều đồng

chí vừa nói và khẳng định trong chuyện này, các đồng chí đã có sự nhìn nhận hơi vội vàng. Hôm nay, đồng chí nói về luật, thì theo lệnh của đồng chí Tổng cục trưởng, tôi cũng chỉ nói về luật. Thứ nhất, việc cấm phong trào luyện tập võ thuật đã giải tỏa mấy năm nay. Ở Hà Nội, Hải Phòng, các câu lạc bộ quyền Anh, võ dân tộc như vật, quyền thuật, đã được mở lại, thậm chí còn tổ chức thi đấu. Môn quyền Anh của nước Anh, ta không nên vì thế mà suy diễn không được theo, vì Anh là nước đế quốc tư bản.

Vũ Cang:

- Không phải cái gì Hà Nội, Hải Phòng có, các tỉnh khác đều phải có. Hà Nội có Nhân văn Giai phẩm và tư sản mại bản, Hưng Yên cũng theo thì miền Bắc này loạn.

Lạc vẫn tiếp tục mềm mỏng:

- Thưa! Tôi chỉ đang nói về luật, hiện nay việc tổ chức luyện tập võ thuật không còn bị cấm. Cũng về luật, người chịu trách nhiệm pháp lý về tổ chức đội tuyển là thầy Tám, cao hơn nữa là đồng chí hiệu trưởng, cao hơn nữa đồng chí Trưởng Ty Giáo dục tỉnh, đồng chí Khôi chỉ được thầy Tám mời làm trợ lý huấn luyện. Tại sao chỉ mình đồng chí Khôi bị bắt?

Ông Vũ Cang thoáng lúng túng, nhưng vẫn cứng rắn:

- Vì anh Khôi là người trực tiếp huấn luyện các em.

- Nội dung huấn luyện đều được các cấp trên duyệt và thực hiện công khai là các môn điền kinh. Và lúc đầu, đồng chí nói: "Đồng chí Khôi không phải dân Hưng Yên". Rất đúng. Đồng chí Khôi là cán bộ của Tổng cục Thủy lợi, tiện đây, tôi xin giới thiệu thêm, đồng chí ấy còn là cộng tác viên của các báo Tiền phong, Nhân dân, hộ khẩu của đồng chí ấy ở Hà Nội. Các đồng chí bắt một cán bộ nhà nước, lại là người địa phương khác, không hề có một thông báo nào cho cơ quan chủ quản và địa phương người ta cư trú…? Nếu vụ này, đồng chí Tuấn đưa lên báo Nhân dân thì sao?

Ông Vũ Cang tái mặt:

- Những điều đồng chí vừa nói, nằm ngoài chức năng tranh luận và trả lời của tôi, vì chỉ đạo vụ bắt này là đồng chí Vạc, Phó Chủ tịch tỉnh. Nếu có thắc mắc gì, các đồng chí sang bên Ủy ban tỉnh, gặp trực tiếp đồng chí ấy.

Lạc nói:

- Chúng tôi nhất định sẽ sang, nhưng tôi yêu cầu đồng chỉ thả tự do cho đồng chí Khôi.

- Việc này cũng do đồng chí Vạc quyết định.

Lúc đứng dậy chia tay, Trưởng Ty Vũ Cang lưỡng lự vài giây để chọn cách cư xử, cuối cùng, ông vẫn tiễn chúng tôi ra tận chiếc Volga. Lúc bắt tay tôi, ông nói:

- Việc đưa tin lên báo Nhân dân, các đồng chí cũng nên trao đổi với đồng chí Vạc, vì chuyện bắt giữ anh Khôi là ý đồng chí ấy.

Khi cùng ngồi lên xe, Lạc nói:

- Thấy vai trò nhà báo của em giá trị chưa? Chỉ mới làm động tác giả chấm chấm, phẩy phẩy mấy phát vào sổ, ông ta đã thọt dái lên cổ, đùn trách nhiệm sang Phó Chủ tịch tỉnh.

- Đúng là em chẳng viết câu nào ra câu nào, vì chỉ lo ngay ngáy ông ta bất ngờ đòi xem thẻ nhà báo.

- Em phải nhớ đã ngồi xe Volga và đi cùng anh Lạc, thì lên thiên đường hay xuống địa ngục, cũng không đứa nào dám hỏi xem giấy tờ.

- Bây giờ mình sang Ủy ban tỉnh chứ ạ?

- Đất có Thổ công, sông có Hà bá. Giờ mình trở về trường phổ thông cấp ba, tìm một quán nước chè ngồi nghỉ, ngắm gái Hưng Yên, rồi vào trường tìm thầy, cô nào thân thế hỏi xem có quen ai giúp được mình gặp cha Vạc, Phó Chủ tịch tỉnh nhanh nhất. Chứ đi đường đăng ký ở văn phòng, nó hẹn ngày mai, ngày kia hay lấy lý do lý trấu tránh tiếp, thì anh Khôi em một ngày ở tù bằng thiên thu tại ngoại.

Chiếc Volga chạy đến trường phổ thông cấp ba thị xã. Lạc vào quán nước chè xập xệ xế cổng trường, còn tôi đi thẳng vào cổng. Sân trường

đang vắng tanh, vắng ngắt, hình như do hậu quả việc anh Khôi và thầy Tám bị bắt.

Tôi hỏi bác bảo vệ già:

- Các thầy cô giáo và học sinh đội tuyển đi đâu hết rồi bác?

- Sau khi chú Khôi và thầy Tám bị bắt, thầy hiệu trưởng tạm đình chỉ mọi hoạt động của đội tuyển, chờ trên Ty về thanh tra.

- Thầy Tám được thả rồi mà?

- Chỉ tạm tha, chờ kết luận điều tra chứ chưa phải vô tội. Hóa ra thằng Khôi là gián điệp Mỹ - Diệm được cài vào Hưng Yên truyền bá môn võ phát xít Nhật, nhằm đầu độc thế hệ trẻ Hưng Yên.

Tôi chán ngán quay trở ra, định sang đường, cũng là lúc Thu An dừng xe đạp trước chiếc Volga đậu trước quán nước.

- Em đi đâu vậy?

Nhìn thấy tôi, Thu An vẫn còn thở hổn hển:

- Trời ơi! Anh mặc như chuyên gia Trung Quốc thế này, em suýt không nhận ra… Em vừa phải đạp hết hơi từ Ty Công an về đây, vừa đi, vừa hỏi người dọc đường, có thấy chiếc Volga đen đi hướng nào để tìm các anh, mệt muốn chết.

- Nhưng có chuyện gì?

Tôi đưa Thu An vào quán nước, giới thiệu với Lạc. Rồi cùng Lạc nghe Thu An kể:

- Anh Khôi và thầy Tám bị bắt được một lúc, thì bố cái Vành Khuyên cũng cho người của Ủy ban đến trường bắt Vành Khuyên về nhà, vì mấy anh công an đến bắt anh Khôi báo cho bố nó biết cái Khuyên dám chống đối công an.

Lạc ngắt lời Thu An:

- Khoan đã. Bố Vành Khuyên làm gì?

- Bố nó là Phó Chủ tịch tỉnh.

- Có phải ông Vạc?

- Thưa, đúng ạ. Nhà nó toàn tên chim. Bố nó tên Vạc, mẹ nó tên Én,

chị nó là Vàng Anh, anh nó là Hồng Ưng, còn nó Vành Khuyên.

- Rồi. Em kể tiếp đi.

Thu An sôi nổi:

- Lúc đầu giờ chiều, bên Ty Công an lại gọi điện cho bác Vạc nói, sẽ có đoàn lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi từ Hà Nội lên Hưng Yên làm việc về vụ bắt anh Khôi, bác ấy mới mắng Vành Khuyên: "Mày thấy cái máu Thị Màu lăng nhăng của mày làm mệt sang cả bố mày chưa?". Lúc xe của các anh đến Ty Công an, bên đó cũng báo cho bác Vạc. Mẹ nó biết chuyện, mới nhờ em đi tìm anh bằng được để bác ấy gặp.

Lạc hỏi:

- Gặp làm gì?

- Em cũng không biết. Nhưng bác ấy cũng phản đối việc để công an bắt anh Khôi và thầy Tám.

Lạc hỏi:

- Bà Én làm gì?

- Mẹ bạn ấy làm cửa hàng trưởng cửa hàng Bách hóa Tổng hợp thị xã.

Lạc lại hỏi:

- Vành Khuyên với anh Khôi quan hệ thế nào?

- Nó rất yêu anh Khôi, trong khi anh Khôi đã có chị Danh Huyền ở Hà Nội…

- Bây giờ, em đưa anh đi gặp bà Én được không?

- Bác ấy nói, biết anh ở đâu, bác ấy sẽ tới gặp, nhưng em đưa anh đến bác ấy cũng được.

Tôi nói nhỏ với Lạc:

- Theo em, mình cứ đến Ủy ban tỉnh gặp thẳng ông Vạc. Bà Én chỉ là dân bán hàng mậu dịch.

Lạc cũng nói nhỏ:

- Em đừng có coi thường. Bán hàng mậu dịch ở đâu bây giờ cũng đều là vua không ngai. Hóa ra chuyện anh Khôi em có mùi vị trai gái, mình tìm cách gỡ bằng con đường luật pháp, có khi sai cửa.

Anh quay sang bảo Thu An:

- Em gửi xe trong trường, rồi đi cùng các anh.

Thu An đầy tự hào khi được lên ngồi trên chiếc Volga sang trọng, chỉ đường cho chúng tôi đi ngoằn ngoèo trong các đường phố chật, rồi dừng trước cửa hàng mậu dịch tổng hợp ở ngã tư trung tâm thị xã, là dãy nhà một tầng cấp bốn, có lẽ mới xây dựng vài năm, vì mái ngói, tường vôi, bảng hiệu, vẫn chưa kịp nhuốm màu thời gian. Bên trong cửa hàng rộng thênh thang, hàng hóa lèo tèo, người mua cũng lèo tèo. Người bán là các nữ nhân viên có già, có trẻ, đồng phục sơ mi màu trứng sáo, quần lụa đen cũ kỹ, cũng lèo tèo nhàn hạ. Vào đến hành lang rộng trước một gian phòng mà bên trên cánh cửa đang đóng kín có tấm biển "Cửa hàng trưởng", mới thấy chen chúc hàng trăm người, tay cầm các loại sổ, đứng ngồi căng thẳng và nhẫn nại, hình như chờ để được vào duyệt hàng. Chúng tôi được bác nhân viên bảo vệ già, mặc đồ bộ đội cũ, khẽ khàng mở cửa, đưa vào phòng. Một phụ nữ khoảng năm mươi tuổi, áo đại cán ka ki, gương mặt, ánh mắt, còn vương vấn đôi nét đa tình của thời tuổi trẻ, đang tươi cười với một ông khách già, cũng đa tình không kém:

- Duyệt cho anh lần này là linh động liều, nói đúng ra là vượt rào, là trái nguyên tắc, nhưng tôn trọng chuyện có đi có lại tình nghĩa truyền thống giữa bách hóa và lương thực, em mới ký cho anh.

Gã đàn ông thay vì nhận tờ phiếu vừa được bà Én ký đưa qua, lại cầm cả bàn tay bà, và đẩy khéo tấm phong bì bên dưới:

- Anh phải đích thân sang đây là em biết tình nghĩa của anh với em đến đâu rồi.

Lúc ông khách đứng dậy, đi khuất ra cửa, bà Én mới như thấy Lạc và tôi, liền tắt nụ cười, trừng mắt với bác bảo vệ:

- Hàng trăm lần, tôi nói với anh, tuyệt đối không được đưa khách quen vào duyệt ngang, sao anh vẫn như điếc không sợ súng? Đừng tưởng là thương binh thời chống Pháp, lại do Bí thư Tỉnh ủy giới thiệu

mà tôi không dám cho anh nghỉ việc đâu nhé.

Ông già cựu chiến binh nhẫn nhục, lom khom đến tận bàn làm việc của bà cửa hàng trưởng, thì thầm. Đúng lúc đó, Thu An không rõ tại sao lại vào trễ, từ ngoài lách vào:

- Cháu đưa anh Lạc ở Tổng cục Thủy lợi, là lãnh đạo của anh Khôi đến gặp bác.

Đôi mắt sắc như dao cau của bà vua không ngai lập tức biến thành mắt bồ câu hiền dịu:

- Ồ! Mời hai đồng chí ngồi.

Bà ta lại mắng bác bảo vệ:

- Hôm nay là ngày duyệt hàng, không tiếp khách khác. Anh đưa khách khác vào thì phải báo tôi trước, dặn mãi rồi chứ có phải không dặn đâu.

- Thưa! Tôi xin rút kinh nghiệm ạ. - Bác bảo vệ già khúm núm lết chân đi lùi ra khỏi phòng.

"Vua không ngai" quay sang Thu An:

- Bác tiếp hai đồng chí Tổng cục là chuyện người lớn, nên cháu về được rồi.

Chờ Thu An rời khỏi phòng, bà Én lại tươi cười với khách:

- Sao lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi trẻ thế? Đồng chí nào là Tổng cục phó?

Lạc nói:

- Thưa! Phút cuối cùng, đồng chí Tổng cục phó bận tiếp Thủ tướng, nên cử tôi đại diện. Vả lại, thủ trưởng của tôi có nói, chuyện đồng chí Khôi, nếu gặp đúng người thông hiểu luật pháp thì không phức tạp.

- Thủ trưởng đồng chí nói đúng đấy. Hai đồng chí… Mà thôi, hai đồng chí đều ở tuổi em tôi, nên xưng chị em cho nó thân mật. Người có thể giải quyết êm vụ này là chị, chứ không phải ông Vạc Phó Chủ tịch tỉnh, ông xã chị, mà các chú đang đăng ký xin gặp đâu.

Lạc làm bộ mừng rỡ:

- Thưa! Nếu vậy thì quá tốt.

- Bây giờ chị hỏi hai chú, thằng Khôi phạm tội gì mà bị bắt?

Lạc nói:

- Ở bên Ty Công an, chúng tôi được đồng chí Trưởng Ty nói đồng chí Khôi đã tổ chức dạy võ trái phép.

- Dạy võ trái phép thì xử phạt rồi giải tán chứ sao lại bắt người? Mà bắt thì bắt thầy hiệu trưởng, sao lại bắt thằng làm thuê? Nhưng tội thằng Khôi là tội khác, nếu quy đúng tội này và chị là chánh án thì chị xử nó tù chung thân.

- Thưa! Đồng chí Khôi thực ra phạm tội gì?

- Nó có người yêu sắp cưới ở Hà Nội, nhưng vẫn lừa tình con Vành Khuyên, con gái chị. Hai đứa không vợ chồng, mà đã ngủ với nhau không biết bao nhiêu lần thì tội gì?

Lạc thấy tôi nóng mặt, liền bấm tôi bình tĩnh, rồi nói với bà Én:

- Chị có bằng chứng về chuyện này?

- Bằng chứng đầy trong giấy trắng mực đen chứ không phải vu cáo mồm như thời cải cách ruộng đất. Con Khuyên thì lười chảy thây, chưa bao giờ dậy sớm tập thể dục lấy một buổi, lại chỉ ham văn nghệ, văn gừng. Từ khi mê thằng Khôi, nó xin vào đội tuyển thể thao của tỉnh, thầy Tám phụ trách đội tuyển đã từ chối, đuổi về, nhưng thằng Khôi lại kiểm tra thân thể, chân dài, chân ngắn, rồi tán tỉnh nhận nó. Thế là hai đứa dính nhau. Thằng Khôi là trai Hà Nội bị nhiễm độc chế độ thực dân, còn con Khuyên là gái Hưng Yên mới lớn, hơ hớ như nhãn lồng bóc vỏ, làm gì có chuyện nó chỉ kiểm tra bằng mắt.

Lạc hỏi:

- Chuyện này ở trường có biết?

- Trường biết hay không, chị không cần biết, nhưng nó tự viết hết trong nhật ký, thì phải là chuyện thật. Tày trời hơn, con Khuyên còn mong có chửa, để cả thị xã Hưng Yên biết, rồi phạt vạ chuyện tình của nó như Thị Màu với thằng Nô trong Quan Âm Thị Kính. Phải ngủ với nhau bao nhiêu lần nó mới ước như thế?

- Chị có trực tiếp đọc nhật ký của Vành Khuyên?

- Chị không đọc, nhưng thằng Hồng Ưng, anh con Khuyên, là trung úy Công an Văn hóa của Ty Công an, nghi con Khuyên với thằng Khôi quan hệ bất chính, đã lục ngăn kéo con Khuyên, tìm đọc cuốn nhật ký, thuật lại cho anh chị. Nó thuộc lứa sĩ quan được đào tạo bài bản ở Trung Quốc, không thể hiểu sai chữ nghĩa của đứa học sinh lớp mười, chưa kể nó cũng rất thương em, nên không có chuyện nói xấu.

- Thái độ của anh nhà thế nào?

- Anh ấy là cán bộ thuộc diện được lựa chọn kế cận vì khóa tới, cả Bí thư lẫn Chủ tịch tỉnh đều quá tuổi nghỉ hưu. Vậy mà khi cả nước đang rầm rộ phong trào "Ba khoan", thì con gái mình mới lớp mười đã yêu, lại còn khoe trong nhật ký "ăn cơm trước kẻng". Năm ngoái, con Vàng Anh, chị con Khuyên, học năm thứ tư, khoa Văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội, cũng vì yêu một thằng cùng lớp mà suýt bị đuổi khỏi trường, anh chị phải lên tận Hà Nội thu xếp, cuối cùng phải cho thằng kia đi bộ đội, chuyện mới tạm yên, không bay về Hưng Yên. Giờ lại là chuyện tày trời của con em, xảy ra trên chính quê hương mình thì tương lai của bố và mẹ nó ra sao? Không dạy được con thì làm sao đứng đầu thiên hạ?

- Xin lỗi chị. Vậy anh chị có hỏi Vành Khuyên về những điều em ấy ghi trong nhật ký?

- Bố nó tức giận, quên mình là cán bộ, đảng viên, đánh cho nó mấy cái tát nổ đom đóm mắt. Nhưng đời nào nó nhận. Con Thị Màu trong chế độ phong kiến thối nát, cả làng bắt vạ, còn đổ tội oan cho Thị Kính, bây giờ đạo đức mới văn minh hơn đạo đức cũ, không lẽ để chúng nó tự hào trở lại thời Quan Âm Thị Kính.

Lạc từ tốn thở nhẹ:

- Nghe chị nói, tôi vỡ ra nhiều chuyện. Bây giờ, chị có hướng giải quyết chuyện này thế nào?

- Rất may, con Vành Khuyên mới thấy kinh, nên chuyện có chửa tai tiếng sẽ không xảy ra. Nếu bình thường, tức là thằng Khôi lý lịch trong

sạch thì quan điểm của chị rất thoáng. Thằng Khôi chỉ cần dứt bỏ con bé sắp cưới ở Hà Nội. Hai đứa vẫn ở đội tuyển thể thao tỉnh, vẫn cứ võ vẽ bình thường như không có gì xảy ra. Trong khi phong trào "Ba khoan" vẫn còn thì phải tránh hú hí một thời gian, ít nhất để con Vành Khuyên học xong đại học mới tính. Đấy là lối thoát đẹp nhất mà anh chị cùng thương cả hai đứa mới lấy khoan hồng làm gốc.

Lạc cười nịnh:

- Anh chị đúng là sáng suốt và độ lượng.

- Nhưng hôm rồi, anh sai thằng Hồng Ưng về Hà Nội điều tra xem thằng Khôi có nằm trong âm mưu làm hư hỏng con em cán bộ của bọn Mỹ - Diệm không, mới biết bố thằng Khôi là Nguyễn Hữu Lược, em ruột trùm Văn nhân Giai phẩm Nguyễn Hữu Đang… Với vết đen này, anh chị có thương con Khuyên đến mấy mà để nó dính vào thằng Khôi thì cả nhà cũng đen theo, nên phương án cuối cùng và tốt nhất là phải bằng mọi giá tách chúng nó ra.

Lạc nhếch miệng:

- Vì thế, đồng chí Khôi bị bắt.

- Chị không nói thằng Khôi bị bắt là đúng hay sai, vì nếu được xử, chị xử nó tù chung thân vì tội hại đời con gái chị, nhưng chị vẫn không tán thành việc bắt nó. Vì thế, chị mới gặp chú trước khi để chú gặp anh. Dân thương nghiệp của chị cứ lấy thương lượng đi trước thì mọi chuyện giải quyết bao giờ cũng nhanh.

- Vậy ý chị thế nào?

- Thằng Khôi không còn chỗ ở đội tuyển, nhưng nó vẫn ở Hưng Yên thì chẳng có gì đảm bảo chúng nó không dính lại với nhau, nên nếu chú điều nó khỏi Hưng Yên, chị sẽ nói anh bảo bên công an thả nó ngay chiều nay.

Lạc hỏi:

- Anh Cang, Trưởng Ty Công an trao đổi với tôi, toàn nói về luật khi quyết định bắt đồng chí Khôi, nay chị bảo họ sẽ thả đồng chí ấy ngay

chiều nay thì căn cứ vào luật nào?

- Luật cấp dưới phải phục tùng cấp trên, chứ còn luật nào? Không lẽ Trưởng Ty cao hơn Phó Chủ tịch?

Lạc cười mỉm:

- Như vậy, có thể hiểu là chị Én cao hơn anh Vạc?

Bà cửa hàng trưởng khoái chí, cười khanh khách:

- Cứ cho là anh ấy sợ vợ mà nghe chị, thì cũng đúng đường lối của Đảng luôn đề cao phụ nữ, chứ có gì sai đâu. Tóm lại, chú có điều được thằng Khôi về Hà Nội hay đi tỉnh khác không? Nếu chú lấy lý do, nó là đứa không thể thay thế ở đội khảo sát, tức là giải quyết bằng tình cảm giữa tôi và chú không có cửa, thì mời chú đi gặp anh Vạc giải quyết về lý. Nhưng tôi nói trước, Phó Chủ tịch tỉnh mỗi tháng có hàng trăm cuộc họp. Anh ấy chỉ hẹn tuần sau mới tiếp chú thì thằng Khôi sẽ ở trong trại giam ít nhất một tuần. Chưa kể anh ấy nói: "Bắt là đúng luật", thì không biết nó sẽ ngồi tù đến khi nào.

Lạc vẫn nhã nhặn:

- Nói thật với chị, muốn chuyển đồng chí Khôi về Hà Nội hay đi tỉnh khác, phải có ý kiến của Vụ Tổ chức Tổng cục. Nếu họ đồng ý, cũng không thể làm trong thời gian ngắn. Còn muốn làm ngay để đồng chí Khôi được thả ngay, trong phạm vi quyền hạn của tôi, chỉ có cách điều đồng chí ấy đi đội ở Khoái Châu, kèm theo cam đoan không dính dáng gì đến em Vành Khuyên nữa. Đồng chí Khôi là người nổi tiếng trọng danh dự, khi đã cam đoan, chắc chắn đồng chí ấy sẽ cắt đứt quan hệ.

- Trai gái đã mê nhau rồi thì danh dự cá nhân, thậm chí, danh dự gia đình, gia tộc, Tổ quốc cũng chẳng là con tép gì. Chuyện Mỵ Châu, Trọng Thủy còn rành rành ra đấy. Nhưng thôi, chú điều nó đi Khoái Châu cũng được.

- Chị có cần tôi viết giấy cam đoan?

- Không cần. Với tướng mạo và cách giao tiếp của chú, dân thương nghiệp chúng tôi chỉ nhìn là biết chú thuộc loại nói được và làm được,

không nuốt lời. Trong chiều nay, hai chú ngồi Volga đến trại giam là đón được thằng Khôi.

Rời cửa hàng Bách hóa Tổng hợp, trên đường đến trại giam ở ngoại vi thị xã Hưng Yên, tôi nói với Lạc:

- Từ nhà, em đã nói với anh không hề có chuyện anh Khôi yêu con bé Vành Khuyên, rồi chuyện bố em, Nguyễn Hữu Lược là em ruột ông Nguyễn Hữu Đang Nhân văn Giai phẩm, hoàn toàn bịa đặt…

Lạc ngắt lời:

- Em không cần nói anh cũng biết hai điều trên đều sai, cũng như ở bên Ty Công an, cha Trưởng Ty bắt người sai, vẫn khăng khăng đúng luật, nhưng thanh minh chuyện trai gái cho anh em cũng như tranh cãi về luật ở Ty Công an, chỉ mất thì giờ, chẳng bao giờ có kết quả. Trong khi đích của mình là phải cứu anh Khôi ra khỏi trại giam càng sớm càng tốt. Anh em được thả tự do, đương nhiên là vô tội, thì mình nhường cho họ quyền nghĩ sai, làm sai cũng chẳng thua lỗ gì. Anh đã từng nói với em, đối với những hạng người chỉ gặp gỡ nhất thời thì hiệu quả quan trọng hơn đạo lý.

Trại giam của Ty Công an Hưng Yên ở cách trung tâm thị xã chừng hơn chục cây số. Từ Quốc lộ, rẽ theo con đường đất chạy giữa hai rặng xà cừ, khoảng năm trăm mét, đến trại giam nằm trên diện tích khá rộng, giữa cánh đồng đã qua mùa gặt chỉ còn trơ những gốc rạ. Đây có lẽ từng là trại lính hay trạm giam cũ thời Pháp tạm chiếm, có tường bao xây cao cỡ hai mét rưỡi, bên trên là hàng rào dây thép gai giăng theo lối cuộn tròn, cũ kỹ, mốc meo, ngày xưa thế nào thì nay vẫn nguyên như vậy.

Xe đến cổng trại giam, Lạc nói với tôi:

- Em lại đeo máy ảnh, tiếp tục đóng vai phóng viên báo Nhân dân cho anh. - Thấy tôi tái mặt, anh nói thêm, - yên tâm đi, không ai dám hỏi thẻ nhà báo đâu mà sợ… Gặp anh Khôi, em phải nhớ mặt lạnh, như không quen biết đấy.

Chiếc Volga đen sang trọng dừng trước cổng. Bác lái xe nhấn một

tiếng còi. Anh công an trẻ vẫn đứng im trong vọng gác, nghiêm mặt nhìn ra xe, vẻ chờ đợi khách nhập gia phải tùy tục.

Bác lái hơi chùn, bảo Lạc:

- Chắc mình phải xuống xuất trình giấy tờ.

Lạc nói:

- Thế nào nó cũng phải ra đây.

Cuối cùng người công an đành phải rời vọng gác, đến bên cửa xe, chưa kịp hỏi, Lạc đã hạ kính cửa, nói lạnh lùng:

- Khi làm việc trên Ty, anh đã hẹn với thủ trưởng Đoán của em rồi.

Người công an như hiểu ra, ngoan ngoãn trở lại bốt gác nâng cần barie cho chiếc xe chạy thẳng vào cổng. Lạc cười, nói với bác lái xe và tôi:

- Thấy chưa? Muốn oai cũng phải biết cách.

Tôi hỏi:

- Làm sao anh biết tên trưởng trại giam là Đoán?

- Trung tá Nguyễn Văn Đoán, bốn mươi hai tuổi, quê ở Hải Dương, vợ là Xoan, dân Hưng Yên, y tá bệnh viện tỉnh. Cả hai đều là bộ đội từ đầu kháng chiến, nhưng bố Xoan là thầy cúng, nên đường thăng tiến cả hai cùng lận đận, chứ như người khác, Đoán phải là cấp tướng. Còn tại sao anh biết hả? Tại vì anh luôn nắm vững phương châm chiến lược trong đối nhân xử thế: “Biết địch, biết ta, trăm trận, trăm thắng”.

Vào bên trong trại giam, tôi rất ngạc nhiên khi trên sân đất rộng, râm mát dưới tán lớn của hàng chục cây xà cừ của trại, đang đông đúc một cách khác thường. Hàng trăm người già, người trẻ, phụ nữ, trẻ em, người tụm năm tụm ba, kẻ đi dạo. Nhiều người ngồi rải rác ở bậc thềm dưới mấy dãy nhà tôn, nhà lá, đều loại nhà cấp bốn, có nhiều gian ngăn cách. Số mặc áo sọc xanh nâu của tù nhân rất ít so với đa số mặc thường phục bình dân, tiện gì mặc nấy. Ở giữa sân là một sân bóng chuyền, với đám đông vây quanh làm khán giả nồng nhiệt, đang cổ vũ cho trận dấu giữa đội tù nhân mặc nguyên quần áo sọc và đối thủ quần đùi, áo may ô

màu vàng nhạt, trên ngực in phù hiệu công an.

Không rõ từ giá trị của chiếc xe Volga hay do người gác cổng báo trước một cách trân trọng, mà xe chúng tôi vừa qua cổng trước sự trầm trồ chú ý của các tù nhân, thì từ cửa dãy nhà văn phòng trại giam, đã xuất hiện trung tá Nguyễn Văn Đoán niềm nở ra tận thềm đứng đón, đưa Lạc và tôi vào phòng của ông ta. Rồi chính ông ta pha ấm nước chè mời khách.

- Các đồng chí thưởng thức đi. Chè Hưng Yên trồng ngay vườn trại giam, nhưng tôi đảm bảo ngon thơm hơn chè Thái Nguyên.

Lạc nhấp một ngụm nước chè:

- Trại giam của mình sao hôm nay đông vui vậy?

Trung tá Đoán nói:

- À! Đông là vì ngoài tù nhân chịu án, còn rất nhiều các đối tượng thuộc diện có thể gây mất an ninh trật tự xã hội trong dịp Tết Nguyên Đán, như đám buôn bán tem phiếu, cờ bạc, rượu lậu, gạo lậu, thanh niên trai, gái bị địa phương xếp loại hư hỏng, tù hình sự đã cải tạo về, những đối tượng chế độ cũ, bị nghi có vấn đề chính trị… đều phải gom về đây, sau Tết tình hình yên mới thả. Còn vui vì từ nay đến Tết, tù nhân vẫn là con người, nên cũng phải tổ chức cho họ được vui Tết.

Lạc nói:

- Đồng chí Khôi của chúng tôi có thuộc diện này?

- Cậu Khôi là diện khác. Trước khi các đồng chí đến đây mấy phút, tôi nhận được điện thoại của đồng chí Cang Trưởng Ty, nói phải thả ngay cậu ấy. Nhưng tôi phản đối: “Bắt ngay cũng các anh bắt, rồi thả ngay cũng các anh thả, toàn lệnh mồm, thế thì trại giam của chúng tôi là chuồng lợn nhà các anh à?”. Anh ta nói: “Đây là lệnh của Phó Chủ tịch tỉnh”. Tôi bảo: “Lệnh của Chủ tịch nước cũng phải có giấy tờ, phải đúng thủ tục, nếu không chém đầu, tôi cũng không thả. Tôi cũng công thần đánh Pháp, Đảng viên từ hồi Cách mạng tháng Tám, chứ đâu phải hạng mới chập chững vào nghề”.

Ông Đoán nhìn thẳng vào mặt tôi:

- Là phóng viên báo Đảng, đồng chí có dám viết những điều tôi đang nói không? Lúc đưa thằng Khôi về đây, tôi đã gọi điện, nói với anh Cang: "Các anh bắt nhầm rồi". Anh ta nói: "Tôi có đủ bằng chứng nó là người được CIA cài lên Hưng Yên để đánh phá ta, bắt đầu từ con em cán bộ và phong trào thể dục thể thao của tỉnh, anh dám nói bắt nhầm thì cứ viết tường trình phản đối, rồi lãnh đạo Ty sẽ làm việc riêng với anh về vấn đề lập trường". Tôi chưa kịp viết thì chính anh ta bắt tôi phải thả.

Lạc nói:

- Là người quản lý đồng chí Khôi, tôi cũng bất ngờ khi được nghe đồng chí ấy bị kết tội là người của CIA.

- Trước khi nghe cậu ấy là CIA, tôi đã tin chắc cậu ấy bị bắt oan. Khi cậu ấy bị đưa về đây, còn đang trong đám đứng ở hành lang, chờ thủ tục tiếp nhận, thì ngoài sân có mấy thằng dân anh chị trong đám tù có án, chọc ghẹo, bóp vú đứa con gái thuộc diện tập trung. Đứa con gái la lối kêu cứu nhưng không ai dám can thiệp, thì cậu Khôi từ văn phòng nhảy ra. Bọn kia xúm lại, bắt cậu Khôi phải xin lỗi và bò chui qua háng cả bọn. Khôi không chịu. Cả bọn xúm vào đánh. Một mình Khôi đánh lại, hơn chục đứa ngã lăn lộn. Những người có mặt ở sân chứng kiến đều hoan hô Khôi. Bất ngờ hơn là thằng cầm đầu đám anh chị mặt bê bết máu chịu quỳ lạy xin lỗi và tôn Khôi làm đại ca, khiến cả bọn quỳ theo. Chứng kiến chuyện này, tôi mới chú ý đọc biên bản và lệnh bắt cậu ấy. Rất may thằng cháu, con bà chị ruột tôi là học trò của thầy Tám, cũng ở trong đội tuyển điền kinh học sinh của tỉnh. Vụ dạy võ chỉ có bốn em tự phát tập riêng với Khôi, còn vụ cả đội mặc đồ võ Judo, chẳng qua do tỉnh nghèo, không mua được đồng phục thi đấu cho các em, tiện có người tặng thì chỉ mặc để chụp ảnh. Việc này, thầy Tám đã xin ý kiến hiệu trưởng và lãnh đạo Ty Giáo dục. Để tránh bị hiểu lầm, thầy đã thay thắt lưng đen bằng thắt lưng đỏ, chưa kể lệnh cấm phong trào tập luyện và thi đấu võ thuật đã bỏ từ mấy năm nay, đến đứa "võ lòng" về luật, cũng biết vụ này

chẳng ai phạm pháp, vậy mà vẫn bắt người ta.

Lạc nói:

- Trước khi đến đây, tôi rất lo sẽ phải mất nhiều thì giờ trình bày và thuyết phục đồng chí về nỗi oan của đồng chí Khôi, nay rất mừng là đồng chí đã hiểu rõ mọi chuyện. Giờ xin đồng chí cho chúng tôi gặp đồng chí Khôi, rồi được đón đồng chí ấy về.

Trung tá Đoán:

- Gặp thì không có vấn đề gì, nhưng thả ngay, chắc chắn không được.

- Nếu chỉ là vấn đề thủ tục với lãnh đạo Ty, tôi sẽ gọi điện thoại cho đồng chí Cang.

- Chỉ khúc mắc với lãnh đạo Ty, tôi cũng linh động được, nhưng đây là chuyện chúng tôi đang cần cậu Khôi, ít nhất là đến qua Tết. Còn lâu dài thì tôi muốn các đồng chí nhường đồng chí Khôi chuyển công tác sang bên công an chúng tôi. Mấy năm nay, ngành công an tỉnh đang mỏi mắt tìm huấn luyện viên võ thuật giỏi về huấn luyện cho anh em mà chưa có. Về với chúng tôi, cậu ấy sẽ được đãi ngộ xứng đáng… Tôi không biết bên Thủy lợi các đồng chí dùng người thế nào, nhưng để một huấn luyện viên võ thuật thuộc loại "vạn người mới có một" đi đo đạc thủy lợi, một việc tìm đâu cũng có người, là vô cùng lãng phí tài năng.

- Thưa anh, trong lĩnh vực khảo sát thủy lợi, đồng chí Khôi cũng là một chuyên gia giỏi, thuộc loại "vạn người mới có một".

- Nhưng tôi chưa nói hết. Vì tình hình tù nhân đông đột xuất, cán bộ chiến sĩ trại giam lại quá ít, nên tôi đề xuất với lãnh đạo Ty phương án cho tù nhân bầu bộ phận tự quản, để hỗ trợ chúng tôi việc quản lý tù nhân. Ngay đầu giờ chiều nay, họ đã nhất loạt bầu cậu Khôi. Cậu ấy vừa là cán bộ nhà nước, lại thực ra chẳng tội tình gì. Trước khi bầu, chúng tôi đã nói đủ điều thuyết phục lãnh đạo Ty, làm công tác tư tưởng với anh chị em trong đơn vị và toàn thể tù nhân. Kết quả bầu, tôi cũng báo cáo và được lãnh đạo đồng ý. Giờ thả ngay cậu ta, thì uy tín của tôi chui xuống đất à?

Đúng lúc đó, anh Khôi được một nữ trung úy công an trẻ đẹp, đưa từ ngoài hành lang vào phòng. Anh sững sờ khi thấy tôi và anh Lạc. Anh Lạc vội ngầm đưa tay bấm đùi tôi, khi thấy tôi có vẻ muốn lao đến ôm chầm ông anh. Rồi trước con mắt săm soi nhà nghề của trung tá Đoán, anh Lạc cố ý cười vui, đứng dậy bắt tay anh Khôi:

- Xin chào đồng chí trưởng ban tự quản trại giam. - Anh chỉ vào tôi. - Nhân có đồng chí Tuấn phóng viên báo Nhân dân đi thực tế viết về ngành khảo sát thủy lợi, tôi mời đi cùng, để đồng chí ấy biết cán bộ ngành mình đủ thứ gian nan thế nào.

Anh Khôi hiểu ý chỉ bắt nhẹ tay tôi như với người mới gặp lần đầu:

- Chào đồng chí.

Trung tá Đoán ý tứ đứng dậy:

- Theo nguyên tắc, tù nhân chỉ được gặp người thân trong đúng một giờ, dưới sự giám sát của quản giáo. Nay tôi linh động để các đồng chí gặp trong hai giờ, nhưng sự giám sát của quản giáo thì không bỏ được, nên các đồng chí không được nói gì ra ngoài về quy định giao tiếp của trại giam. - Ông ta nhìn tôi. - Còn đồng chí nhà báo về viết những gì tốt đẹp, có tính xây dựng về chúng tôi thì tha hồ, nhưng viết phê bình, phê phán mà không thông qua chúng tôi là tôi sẽ kiện.

Lạc xuề xòa:

- Đồng chí an tâm. Lần đầu tiên trong đời, tôi gặp một sĩ quan công an công bằng và sáng suốt như đồng chí, nên cậu ấy về viết sai, tôi sẽ kiện, chứ không phải chờ đến lượt đồng chí.

Trước khi ra khỏi phòng, trung tá Đoán nói với anh Khôi:

- Đừng có quên những gì cậu đã thỏa thuận với tôi đấy.

- Dạ! Tôi nhớ ạ.

Trong phòng chỉ còn anh Khôi, Lạc, tôi và nữ trung úy công an. Lạc nói với anh Khôi:

- Đến giờ này, cậu đã biết vì sao bị bắt chưa?

- Đây là chuyện hết sức vô lý. Ngay tối nay, tôi sẽ viết đơn khiếu nại

lên tận Chủ tịch nước và Thủ tướng.

- Thôi! Thôi! Tôi xin ông. Hồi cậu đánh nhau ở bờ Hồ Hoàn Kiếm, bị công an quận bắt oan, viết đơn kiện, được Chủ tịch Hà Nội Trần Duy Hưng can thiệp, vì lúc đó cả Hà Nội chỉ có một đơn kiện của cậu, còn bây giờ, cả nước có hàng vạn đơn kiện, đến lượt cậu được đèn trời soi xét thì đã mất hàng năm trong tù. Trưa nay, vừa nghe thằng Tuấn về Hà Nội báo tin, tôi đã phải bỏ cả việc, bỏ cả vợ, lao ngay lên Hưng Yên để cứu cậu. Lý do tại sao cậu bị bắt, rồi tại sao được thả, thằng Tuấn sẽ kể kỹ. Còn tôi, chơi với cậu từ hồi cùng đái dầm ở lớp vỡ lòng đến nay, chưa bao giờ không đánh giá cao về cậu, thậm chí, còn thừa nhận cậu luôn tốt và giỏi hơn tôi, nhưng tôi vẫn phải có lời khuyên: Biển, sông, hồ, ao đều có nước nhưng nước nào cá ấy. Mình hiểu điều đó thì sẽ biết cách thích nghi, mà không hiểu, thì là dẫu cá mập hay cá voi cũng chết ngáp trong ao.

Anh Khôi cười khinh khỉnh:

- Thế lý tưởng xã hội chủ nghĩa sẽ xây dựng nên một thế giới người với người bình đẳng, với tất cả đều là bầu trời và biển cả thì sao?

Anh Lạc cố bình tĩnh:

- Trời ơi là trời! Đang ngồi trong trại giam mà tranh cãi về lý tưởng xã hội chủ nghĩa thì đúng là lạc đề. Bây giờ, tôi hỏi cậu chuyện ngay sát sườn. Từ ngày đội khảo sát của cậu đóng ở Hưng Yên, cậu có dạy cho mấy đứa con gái ở đây viết nhật ký?

- Sao cậu lại lái sang chuyện này? Mấy em trên phố, cả con gái lẫn con trai, rồi các em ở hội chạy thể dục buổi sáng, thỉnh thoảng xuống thuyền chơi, biết tôi hằng ngày viết nhật ký, có nhờ tôi hướng dẫn cách viết, nhưng chuyện này bình thường và lành mạnh chứ có sao đâu?

- Tôi cũng coi là bình thường và lành mạnh, nhưng ở đây, có người coi viết nhật ký là nọc độc của văn hóa tiểu tư sản Hà Nội thì sao? Người ta đang vận động xây dựng hình tượng con người mới, mỗi người có bao nhiêu tâm sự, khát vọng đều phải thật thà mở lòng với các đồng chí,

đồng đội, để được góp ý, cùng trở thành một tập thể mạnh, cậu lại dạy chúng nó co vào chủ nghĩa cá nhân, giấu hết tâm sự, khát vọng vào mấy tờ giấy trong sổ tay. Một đứa trong đội tuyển điền kinh học sinh của tỉnh được cậu dạy thế nào mà nó tương vào nhật ký là cậu ngắm đôi chân dài và ngực của nó đầy say đắm, rồi kể cậu và nó yêu nhau đến mức nó chỉ mong có chửa, để chuyện yêu đương và thành vợ chồng được công khai với cả tỉnh…

Nữ trung úy công an trẻ đẹp lập tức chen ngang:

- Đề nghị anh không được nói dung tục về phụ nữ trong giao tiếp với phạm nhân.

- À! Tôi thành thật xin lỗi đồng chí, vì trót quên đang ở trong trại giam.

Rồi anh Lạc nói tiếp với anh Khôi:

- Tôi và cậu cùng dân Hà Nội ngàn năm văn vật, khi nói về phụ nữ, ngực vẫn gọi là ngực, chân dài vẫn là chân dài, chửa là chửa, nhưng ở Hưng Yên, nói huych toẹt ra như vậy lại là dung tục. Mà người đang dạy mình là một đồng chí nữ trung úy công an rất trẻ đẹp, khiến mình không sai nhưng vẫn phải xin lỗi. Rõ ràng là rừng nào, cọp ấy.

- Cậu nói vậy, tôi hiểu. Nhưng em nào đã viết vào nhật ký điều bịa đặt tôi và em ấy yêu nhau?

- Rồi thằng Tuấn sẽ kể hết với cậu. Tôi nói sơ qua ở đây, chỉ để cậu thấy, làm việc tốt mà không thích hợp hoàn cảnh, phải lãnh tai họa, trước tiên là lỗi tại mình. Ở Hưng Yên chưa có phong trào dạy võ, cậu lại mang võ ra dạy, bọn thanh niên trai gái chưa biết viết nhật ký là gì, cậu lại dạy chúng nó viết… Sang thế kỷ thứ hai mươi mốt, học sinh từ lớp một trở lên của cả Hưng Yên đều tập võ thuật và viết nhật ký, liệu có ai nhớ dựng tượng Nguyễn Minh Khôi, người khơi mào phong trào võ thuật và viết nhật ký của tỉnh, đã vào tù vì cầm đèn chạy trước ô tô?

- Tôi đã nói hiểu rồi mà.

- Cậu hiểu rồi, tôi sẽ không nói thêm. Vấn đề còn lại là lẽ ra ngay bây

giờ tôi và thằng Tuấn đón cậu ra xe, đưa cậu về với tự do, nhưng gặp bất ngờ là cậu lại được bầu làm trưởng ban tự quản tù nhân của trại giam, nên quả bóng tự do bây giờ đang ở chân cậu. Lát nữa gặp trung tá trưởng trại giam, cậu phải bằng mọi giá dứt khoát từ chối cái chức danh tai họa từ trên trời bỗng nhiên rơi vào tay mình này, thì chúng tôi sẽ chờ thêm một lúc để đón cậu về.

Tôi nói thêm:

- Có được một người lãnh đạo trại giam hiểu biết và thông cảm như anh Đoán là quá tốt, nhưng ra khỏi đây sớm lúc nào hay lúc đó thì còn tốt hơn, em thấy anh nên nghe anh Lạc.

Anh Khôi cười nhẹ, không rõ ra ý gì:

- Nếu tính từ khi lăn lộn với gian khổ ở Thanh niên Xung phong trên Lào Cai từ 1958, rồi đủ thứ gian nan lưu động khắp tứ xứ trong ngành khảo sát thủy lợi, dù cố gắng phấn đấu đến đâu cũng chỉ làm cấp phó: tổ phó, rồi đội phó, thì so với vào tù, chưa đến một ngày đã được bầu và được chọn làm trưởng ban tự quản với số tù ngót một ngàn, thì nơi đây có vẻ công bằng và cũng là một bước tiến xa với tớ.

Lạc cố nén bực tức:

- Sẽ có lúc tôi và cậu tranh luận về chuyện này. Tôi là thằng đoàn trưởng mà không sao đưa nổi cậu lên đội trưởng cũng coi là một thất bại. Còn hôm nay, từ đây ra cổng trại giam để đến với tự do chỉ chưa đầy trăm mét, không phải là lúc cậu so sánh một cách chua chát như thế.

- Nếu nói với cậu và thằng Tuấn, tôi muốn ở lại đây ít nhất là qua Tết, cho đến khi số tù tập trung có thời hạn được thả, cậu có ủng hộ không?

Câu trước, tôi còn nghi anh Khôi nói đùa, nhưng câu sau, nhìn nét mặt anh, tôi sững sờ vì biết anh nói thật.

Lạc thì chưa tin vào điều đó:

- Cậu đang nói đùa hay nói thật?

- Hỏi như vậy là cậu chưa hiểu tôi. Tôi hoàn toàn có thể nói thẳng với trung tá Đoán xin thôi làm trưởng ban tự quản vì những lý do hợp lý và

ông ấy cũng sẽ để tôi đi. Đúng là tự do công dân của tôi đang ở cách cổng trại giam chưa đầy trăm mét, nhưng tự do tư tưởng của tôi chưa bao giờ mất trong đầu. Ước mơ lớn nhất của tôi là trở thành một Ostrovsky Việt Nam, viết về một thế hệ trẻ "thép đã tôi trong lửa đỏ và nước lạnh" Việt Nam. Muốn vậy, phải dám chìm ngập mình trong cả tầng lớp dưới đáy, mà ở trại giam này, tôi đã thấy từ mỗi người đều lồ lộ một số phận, mà chắc chắn sẽ là những nhân vật đầy sinh động trong các tác phẩm tương lai của tôi. Pavel cũng từng ở tù. Tôi cần ở đây để đấu tranh về việc chỉ vì sợ dân làm mất an ninh mà tùy tiện lùa bắt người ta vào trại giam để đề phòng là vi phạm pháp luật.

Như vậy là anh đã đẩy ước mơ trở thành nhà văn lên trên ước mơ phấn đấu trở thành người cộng sản như Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hoàng Văn Thụ… Tôi định bụng nhất định sẽ hỏi anh điều này vào lúc thích hợp. Còn anh Lạc lặng đi, không nói gì. Tôi đoán anh đang nghĩ cách kiên trì thuyết phục anh Khôi bỏ ý định mà tôi tin chắc trên đời không có ai lựa chọn. Nhưng bất ngờ anh lại nói:

- Nếu cậu quyết trở thành Ostrovsky Việt Nam thì tôi tôn trọng sự lựa chọn của cậu. Chỉ xin cậu lưu ý, những con đường vươn tới đỉnh cao về tài năng, nhất là tài năng nghệ thuật, đều gian nan, khắc nghiệt gấp trăm lần những con đường khát vọng khác. Tuy nhiên, nếu không đi thì không biết có đến hay không. Còn đi mà không đến thì cái giá phải trả sẽ vô cùng đắt.

- Tôi đã chuẩn bị tinh thần nếu phải đón nhận cái giá đó.

- Tôi hiểu và chúc cậu thành công. Còn bây giờ là chuyện thực tế trong tù. Ý tôi nói là chuyện ăn uống, ngủ nghê thế nào?

- Chỗ ngủ thì ngủ chung một sạp bằng dát tre đan, một phòng khoảng năm chục người. Còn ăn thì cơm độn ngô. Thịt, cá đương nhiên là thiếu, nhưng so với thời phá đá làm đường trên rừng núi Lào Cai, vào mùa mưa lũ, phải hàng tháng cơm trộn ngô, khoai, với muối mà vẫn ăn ngon lành, thì ở đây chưa tới mức ấy.

Lạc ứa nước mắt đứng dậy, ôm chặt anh Khôi một lúc, mới rời ra:

- Cậu muốn ở trong tù bao lâu cũng được, nhưng lúc ra, cậu phải đi Đội 2 ở Khoái Châu, còn vì sao, thằng Tuấn sẽ nói cho cậu biết.

Anh Khôi cũng ôm chặt tôi:

- Cuối năm nay, em hết hạn ba năm ở Thanh niên Xung phong, anh chúc em không bao giờ mất niềm tin và vào được Đại học Bách khoa như mong ước.

Rời trại giam Hưng Yên, anh Lạc còn phải đưa tôi về Hà Nội để lấy xe đạp. Ngồi trên xe, hai anh em chỉ toàn nói nhát gừng những câu không đầu không đuôi, vì mỗi người một cảm xúc khác nhau về việc cuối cùng anh Khôi vẫn ở lại trong tù. Cuối cùng anh Lạc thở dài nói:

- Dân chưa phạm tội, đã bắt giam trước để đề phòng, rõ ràng là vi phạm pháp luật, nhưng châu chấu làm sao đá được xe. Anh rất muốn can, nhưng cái con trung úy nó đứng lù lù ngay cạnh, mà có can, chắc chắn anh em cũng không nghe.

Về đến nhà anh Lạc ở khu tập thể Kim Liên, trời vừa tối và gió mùa đông bắc thổi buốt lạnh. Anh Lạc nói:

- Lên nhà anh ăn cơm, tối ngủ lại, sáng mai hãy đi Quảng Ninh.

Tôi nói dối:

- Giờ em phải lên thăm mẹ kế và mấy đứa em trên An Dương.

Lúc tiễn tôi dắt xe rời khu nhà tập thể ra đường, anh Lạc nắm tay tôi:

- Để anh Khôi ở lại trại giam là một chuyện buồn, nhưng anh em vẫn là con chim ưng trên đỉnh núi cao trong truyện ngắn của Maxim Gorky. Anh đang khôn ngoan và thành đạt hơn, nhưng không bằng anh ấy.

Chia tay với anh Lạc, tôi không lên An Dương. Hà Nội thân yêu của tôi vẫn đầy người thân, nhưng tôi không thiết gặp ai. Tôi đang muốn đơn độc để chuyện đời của anh Khôi thấm đẫm vào từng mạch máu, đường gân, thớ thịt của mình. Tôi lầm lũi đạp chiếc xe cuốc Sputnik trong gió lạnh và mưa phùn, qua cầu Long Biên, rồi lại qua Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, từ Thủy Nguyên tắt lối cầu Đá Bạc sang Uông Bí, Quảng

Ninh, gần hai trăm kilômét, mà nơi đến là trạm cơ giới trồng rừng Dốc Đỏ, Đông Triều, theo đúng lời khuyên của anh Khôi: “Không bao giờ để mất niềm tin”. Và tôi không thể ngờ với niềm tin ấy tôi đã ở Thanh niên Xung phong tới mười hai năm suốt thời chiến tranh, chứ không phải ba năm. Vậy mà vẫn còn ngắn hơn đường đi của anh tôi.

QUÝ NHÂN PHÙ TRỢ

Năm 2010.

Từ nghĩa trang liệt sĩ Phước Long về Sài Gòn được hai tuần, tôi nhận được điện thoại của ông Tư Quảng, quản trang:

- Tôi đã làm việc với mấy chú trên phòng Thương binh Xã hội tỉnh, đưa cả đơn và tường trình của bác. Tôi cũng nói rất kỹ về việc tìm thấy mộ liệt sĩ Khôi do nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Lư, thuộc Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Tiềm năng Con người ngoài Hà Nội và Viện Khoa học Hình sự, Bộ Công an giới thiệu. Các chú ấy vẫn nói: "Về pháp lý, việc tìm mộ bằng ngoại cảm chưa được thừa nhận, thì mọi trường hợp đều không thể giải quyết". Như vậy, vụ mở mộ, lấy vụn xương đi thử ADN và cả vụ gắn tạm tấm bia tên liệt sĩ Nguyễn Duy Khôi lên mộ cũng không được.

Sự việc đến đây, có cầu cứu Tiến sĩ Bùi Tiến Quý hay nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Lư cũng không giải quyết được gì, vì luật là luật. Tuy thất vọng, chúng tôi cũng không thể trách phán quyết khô khan của phòng Thương binh Xã hội Tỉnh Bình Phước. Những nhìn nhận của thầy Lư về anh Khôi có nhiều điều chính xác đến kỳ lạ, nhưng cơ sở chứng minh không đủ, chưa kể vẫn có những khoảng trống sai số. Tóm lại, trọng lượng của năng lực ngoại cảm chưa thể thuyết phục được cơ quan pháp luật. Giữa lúc đó, một số báo chí và truyền hình lại có các phóng sự tường trình và lên án việc tìm mộ liệt sĩ bằng ngoại cảm thực chất là lừa đảo.

Vợ chồng tôi rơi vào thế tiến thoái lưỡng nan. Tuy nhiên, khi bình tĩnh phân tích mọi chuyện thật kỹ, mười phần, chúng tôi tin tới bảy, tám, mộ anh Khôi đã được chỉ đúng. Bảy, tám không thể là mười, nhưng so

với việc suốt bốn mươi năm từ lúc anh hy sinh vào năm 1970, chúng tôi tìm khắp nơi, không biết mộ ở đâu, hài cốt được đưa về quê an táng lại là hài cốt giả, thì việc được nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Lư xác định mộ anh ở nghĩa trang liệt sĩ Phước Long, vẫn còn hơn tình cảnh "vô gia cư" trước đây. Trên thực tế, chính quyền chưa ghi nhận ngôi mộ có hài cốt anh Khôi, nhưng cũng không ngăn cản chúng tôi thực hiện việc thờ cúng. Vì nghĩ có cũng còn hơn không, nếu có sự sai số, vong linh anh Khôi và đồng đội cũng sẽ thông cảm, lượng thứ, nên chúng tôi quyết định vẫn coi ngôi mộ này là nhà của anh. Mấy ngày đầu, nhìn nhận này có phần gượng ép về tâm lý, nhưng lâu dần, cảm giác đó mất đi, những nghi ngại về những nhận định còn sai của thầy Nguyễn Văn Lư cũng nhỏ dần…

Thấm thoắt, đã đến ngày hai mươi ba tháng Năm, ngày mất của anh Khôi theo ghi nhận ở phòng lưu trữ Sư đoàn 9 ở căn cứ Đồng Dù, mà chúng tôi chọn làm ngày giỗ, thay vì những năm trước đây, giỗ anh vào ngày mười hai tháng Ba, theo giấy báo tử của Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh Vĩnh Phú. Đây là giỗ đầu tính theo ngày hai mươi ba tháng Năm, nên chúng tôi quyết định sẽ làm giỗ ngay tại mộ anh, trên nghĩa trang liệt sĩ Phước Long.

Cần nói lại, vợ chồng tôi và đa số lứa tuổi cùng thế hệ, trưởng thành dưới mái trường miền Bắc xã hội chủ nghĩa, sự tôn trọng, hòa nhập vào các phong tục, tập quán, lễ giáo thuộc truyền thống tâm linh như giỗ chạp, hội hè, lễ nghi, tết nhất… trong gia đình, gia tộc, họ hàng, xã hội, tôn giáo… khác với thế hệ trước ở chỗ, một đằng là tin, còn một đằng là theo. Các cụ tin mà theo, còn mình theo nhưng không tin. Chỉ bắt đầu từ việc tìm kiếm hài cốt anh Khôi, sự quan tâm của chúng tôi đến thế giới tâm linh mới nâng cấp dần. Một trong những hệ quả đó là lần giỗ anh Khôi này, chúng tôi quyết định mời thầy. Nhưng thầy nào? Thầy lạ thì sợ gặp thêm một Tư Bông, không cẩn thận, còn mang tiếng nhà văn, nhà báo mà mê tín dị đoan. Còn thầy quen, vẫn dịch giả uyên bác Lê Khánh

Trường, nhà văn Nguyễn Nguyên Bảy, nhà thơ Đinh Trần Toán, sau cùng là cô em Thanh Vân (đàn em của họa sĩ Nguyễn Thị Hiền). Ai thiêng hơn ai? Đã vậy toàn loại cá tính mạnh, nhờ người này, không nhờ người kia, có khi lại có người giận, mất tình bạn bè…

Vợ tôi bàn:

- Chuyện tâm linh, anh với em đều ú ớ nên mình làm bốn phiếu kín đặt lên bàn thờ, rồi cùng thắp nhang cầu khấn. Các cụ và anh Khôi chọn ai, sẽ khiến mình nhặt đúng lá phiếu ghi tên người đó. Như vậy, đối với cả cõi âm lẫn cõi dương đều rất dân chủ.

Tôi đồng ý. Để đỡ phải đấu tranh bình đẳng giới, dẫn đến mất đoàn kết giữa hai vợ chồng, sau khi thắp nhang và cầu khấn linh hồn các cụ tổ tiên, bố mẹ và anh Khôi, tôi nhường cho vợ nhặt một trong bốn lá phiếu gập tư đặt trên chiếc đĩa sứ cổ mang từ bàn thờ tổ tận Vĩnh Phúc vào.

Lá phiếu được mở ra ghi tên: Thanh Vân. Một cái tên chúng tôi đưa vào để cân bằng âm dương, chứ cùng không mong đợi. Thâm tâm tôi muốn các cụ chọn Lê Khánh Trường hoặc Đinh Trần Toán, còn vợ tôi do yêu thơ Lý Phương Liên từ thời sinh viên, lại thích ứng cử viên chồng chị là Nguyễn Nguyên Bảy. Tôi buột miệng:

- Chứng tỏ người cõi âm cũng thích gái đẹp.

Vợ tôi sợ đến tái mặt:

- Anh phải thắp nhang xin lỗi các cụ ngay. Nói đùa không đúng lúc gì cả.

Tôi cầm điện thoại di động, nhấn số của Thanh Vân.

- Em chào anh. - Tiếng cựu diễn viên múa đoàn Văn công Giải phóng thời chiến tranh chống Mỹ, thánh thót.

- Anh chị định nhờ em chọn ngày, để hai vợ chồng đi du lịch?

- Để em xem nào…

Vân im vài giây, rồi nói:

- Không đúng. Anh chị đang có việc dính đến bàn thờ.

Vợ chồng tôi đưa mắt cho nhau. Rồi tôi nói rõ việc nhờ vả.

Vân vui vẻ nói luôn:

- Em đang có công chuyện ở Hà Nội. Nhưng sẽ về trước ngày giỗ anh Khôi một ngày. Vì anh Khôi cũng là đồng đội của em mà.

Sáng hai mươi hai tháng Năm, theo đúng hẹn, Vân có mặt ở nhà tôi, làm lễ cầu khấn sự phù hộ của tổ tiên, ông bà, cha mẹ tôi và anh Khôi. Thời gian hành lễ kéo dài chưa đầy một giờ. Sau đó, cô nói:

- Sáng mai, anh chị xuất phát từ nhà đúng tám giờ. Buổi chiều, không được rời nghĩa trang trước ba giờ.

Tôi nói:

- Từ nhà lên nghĩa trang liệt sĩ Phước Long một trăm bảy mươi hai kilômét, hai lần trước đều phải xuất phát từ sáu giờ, để tránh tắc xe ở các ngã tư đường cao tốc, mà hơn chín giờ mới lên đến nơi. Xong việc, phải quá trưa. Chiều về, đường tắc, tối mịt mới về đến nhà, nên thời gian em đưa ra, chắc chắn anh chị sẽ rất bị động.

Vân nói:

- Em không có khái niệm về những việc sẽ diễn ra trên đường cũng như ở nghĩa trang, mà chỉ xác định thời gian anh chị làm giỗ anh Khôi ở nghĩa trang, sẽ có hai quý nhân phù trợ. Anh chị đến và đi sai giờ sẽ lỡ cơ hội này.

Dính dáng đến tâm linh, đã mời thầy mà không theo, đã theo mà không tin, việc không thành, lỗi luôn luôn tại mình. Vụ Tư Bông, rồi đến vụ Nguyễn Văn Lư đã cho chúng tôi quá nhiều kinh nghiệm.

Sáng hôm sau, mãi tám giờ, chiếc Mercedes mười sáu chỗ chúng tôi thuê của công ty du lịch Sao Mai quen thuộc, mới bắt đầu xuất phát từ nhà ở Gò Vấp. Mọi khi vào giờ này, đoạn xa lộ Đại Hàn bắt vào Quốc lộ 13 là giờ cao điểm của các loại xe container và xe tải nặng, thường xuyên bị tắc, tự nhiên hôm nay thông thoáng hẳn, nhưng vẫn phải đến mười giờ rưỡi chúng tôi mới đến nghĩa trang liệt sĩ Phước Long.

Giữa tháng Năm dương lịch, vùng trung du đất đỏ ba-dan đang ở cuối mùa khô nhưng chưa bắt đầu mùa mưa, nắng nóng hơn bốn mươi

độ C, khiến bầu không khí nổi vân như hun lửa. Khu vực ngoài cổng nghĩa trang vẫn còn nguyên dãy cờ, hoa và tấm băng rôn lớn nền đỏ với dòng chữ "Nhiệt liệt chào mừng 35 năm ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam và thống nhất đất nước 1975 – 2010" được trang hoàng từ tháng Tư. Toàn bộ bên trong nghĩa trang, từ đài tưởng niệm ở trung tâm, tỏa ra các đường bê tông nhựa ngang dọc, các hàng cây hai bên đường đều rực rỡ cờ hoa, băng rôn khẩu hiệu nhớ ơn các liệt sĩ hy sinh vì nước. Các bình sứ cắm hoa ngày thường vẫn đặt ở khoảng giữa các ngôi mộ, đều được thay hoa tươi, đặt lên mặt mộ, khiến hàng ngàn ngôi mộ ở hai mảng chính nghĩa trang mênh mông một rừng hoa, nhiều bát nhang được thắp trong buổi sáng, vẫn nghi ngút khói.

Đoàn chúng tôi gồm vợ chồng tôi, vợ chồng Vân, Dương Trọng Dật, cháu Trang (cháu ruột Dật, công tác ở báo Sài Gòn Giải phóng), cậu Hùng, chị Chín Nguyện, đầy đủ mặt ba con trai, gái và hai con rể của vợ chồng tôi. Lúc chúng tôi xuống xe bên trong cổng, ông Tư Quảng nhận ra người quen, niềm nở từ trong phòng tiếp khách của nghĩa trang ra đón.

- Sao các anh chị lên trễ vậy?

Tôi thanh minh rằng bị kẹt xe cho qua chuyện, rồi nói tiếp với Tư Quảng:

- Như đã gọi điện trước với chú, tuy còn vướng mấy thủ tục pháp lý, khiến mộ anh tôi chưa được chính danh, nhưng vẫn tin ở nhà ngoại cảm, nên hôm nay, chúng tôi sẽ làm giỗ anh tôi tại đây.

Tư Quảng nói:

- Nếu chỉ làm giỗ thì không chỉ tôi mà mấy chú bên Thương binh Xã hội tỉnh cũng đều thông cảm. Các anh chị cứ đặt lễ lên ngôi mộ nhà ngoại cảm chỉ. Người cõi âm khác người cõi dương mình. Bác Khôi nếu không ở đấy cũng vẫn đón nhận được tấm lòng của anh chị.

Tôi nói:

- Rất cảm ơn sự thông cảm của chú. Còn việc ăn uống, chúng tôi đã chuẩn bị đủ từ Sài Gòn mang lên, sau khi làm lễ xong, chúng tôi sẽ trải

bạt bên dưới bóng mát hàng cây sao dọc tường rào… mời chú dự bữa cơm gia đình với chúng tôi cho vui.

Tư Quảng nói:

- Đất trên này là đất hút nóng, còn cây thì cao, nhìn tán vậy, tưởng mát, thực ra cũng nóng không khác ngoài trời, các anh chị dân thành phố, chịu không nổi đâu. Theo tôi, làm lễ xong, mọi người cứ dọn cơm vào dãy nhà tiếp tân. Trong đó cũng rộng thoáng, lại có nhiều quạt, muốn ngồi bao lâu cũng được.

Mấy người già có ý xuôi xuôi nhưng đám trẻ không tán thành:

- Đã mất công rời thành phố lên với núi rừng thiên nhiên, lại vào trong nhà ngồi ăn thì mất giá trị.

- Nóng mấy, mình vẫn phải ngồi ngay cạnh mộ cùng ăn với bác Khôi và đồng đội, nếu không, các bác ấy sẽ buồn.

- Chúng con thấy ăn ngoài trời nóng một chút nhưng vui hơn.

Cô Vân nói:

- Có khi thắp nhang, bày lễ lên mộ, làm lễ xong, Trời Phật thương cho râm mát lại, thì đỡ phải tranh cãi trong nhà hay ngoài trời.

Tôi bảo đám trẻ:

- Nhất trí. Bây giờ điều không phải tranh cãi là các con ra xe, chia đồ lễ, hoa và nhang làm hai phần, một phần bày lên đài tưởng niệm, phần còn lại sẽ bày lên mộ bác Khôi và những mộ lân cận.

Đám trẻ cùng ra mở cửa xe. Đúng lúc đó, từ khu mộ phía sau dãy nhà tiếp tân dội ra tiếng phụ nữ gào khóc: “Ối con ơi là con ơi! Con giận gì bố mẹ, giận gì vợ con, mà đến hôm nay, sau mấy chục năm, con mới cho bố mẹ gặp con. Ới con ơi là con ơi!”. “Anh ơi là anh ơi! Đến hôm nay, em và hai con mới vào được với anh đây này”.

Chúng tôi cùng đứng lặng trong ngơ ngác, hướng về phía tiếng khóc, do khuất dãy nhà tiếp tân nên không thấy người. Ông Tư Quảng giải thích:

- Đó là gia đình từ Thái Bình, nhờ được nhà ngoại cảm vào tìm mộ

con, đưa về quê an táng.

Dương Trọng Dật nói:

- Nếu vậy, mình mang nhang, lễ sang chia sẻ với họ. Mình làm giỗ trễ một chút cũng không sao.

Đoàn chúng tôi đi vòng qua dãy nhà tiếp tân, sang khu mộ kế cận. Khu này cũng có hơn sáu trăm ngôi mộ. Mộ của liệt sĩ người Thái Bình vừa được khai quật nằm ở gần cuối hàng sau cùng, nên chúng tôi phải đi gần trăm mét dưới trời nắng gắt và giữa các hàng mộ tràn ngập các bình hoa tươi. Trên đường đi, vợ tôi kín đáo níu tay tôi, nói nhỏ:

- Nhân cơ hội có nhà ngoại cảm ở đây, mình thử nhờ ông ta chỉ mộ anh Khôi để kiểm tra chéo chỉ định của cậu Lư.

- Nhỡ ông ta ngoại cảm dỏm như Tư Bông thì sao?

Cảnh giác cùng mình vậy, nhưng tôi vẫn đến cạnh Tư Quảng hỏi:

- Xin lỗi! Chú có biết nhà ngoại cảm giúp gia đình tìm mộ bên kia tên gì?

Tư Quảng nói:

- Trong đơn của gia đình xin bốc và đưa hài cốt liệt sĩ về quê nói nhà ngoại cảm này tên Lê Văn Hòa.

Mấy năm qua, đọc trên các báo, rồi nghe truyền miệng, tôi biết và nhớ tên nhiều nhà ngoại cảm, nhưng chưa bao giờ nghe đến Lê Văn Hòa. Tôi hỏi Tư Quảng:

- Chú đã nghe tên ông này bao giờ chưa?

- Chưa. Nhưng nhiều năm ở đây, do được gặp nhiều nhà ngoại cảm, nên nhìn tướng, tôi thấy ông thầy này tin cậy được.

Chỉ nhìn tướng mà đoán thì cũng rất mù mờ. Tôi không hỏi thêm, mà định bấm máy hỏi Tiến sĩ Bùi Tiến Quý để biết hơn về nhân vật Lê Văn Hòa, nhưng lại bỏ ý định, vì chúng tôi đã đến quá gần gia đình liệt sĩ người Thái Bình.

Toán của họ có chừng hơn chục người đang đứng dưới trời nắng như thiêu đốt, quây quanh chiếc tiểu sành màu nâu bám đầy đất đỏ, được

đặt giữa lá quốc kỳ lớn trải trên nền bê tông của nghĩa trang. Phía trước ngôi mộ được khai quật, gạch ống, gạch men vỡ lẫn với đất được đào lên chất thành đống quanh miệng huyệt. Bên trên là tấm bia đá đen hình chữ nhật cùng khổ 18 x 24 centimét như các tấm bia gắn trên các mộ. Những chữ vàng trên mặt bia còn mới tinh, có lẽ vừa sơn lại nhân kỷ niệm ba mươi lăm năm ngày miền Nam giải phóng: "Đỗ Văn Trường, sinh năm 1948, quê quán Thái Thụy, Thái Bình, hy sinh: 1974…". Không khó để nhận ra ai là thân nhân liệt sĩ, vì những người này đều chít khăn trắng trên đầu. Một bà già tóc bạc phơ, khoảng ngoài bảy mươi tuổi, hai phụ nữ ít tuổi hơn: một người ngoài năm mươi tuổi, người kia khoảng hơn ba mươi tuổi, một trung tá mặc quân phục đeo quân hàm hải quân trạc tuổi bốn mươi, một trung úy khoảng dưới ba mươi tuổi, quân hàm xanh lá cây của bộ đội biên phòng. Năm người còn lại không chít khăn tang, đều mặc quân phục và còn trẻ. Một người khác khoảng ngoài năm mươi tuổi, mặc thường phục, đang dùng tay phân loại những thứ trong lòng tiểu, đứng cách vài mét nhìn vào chỉ thấy toàn đất đen.

Thấy ông Tư Quảng đưa chúng tôi đến, mấy người phụ nữ đều ngừng khóc, còn viên trung tá chủ động đón trước:

- Chào các bác. Hôm nay, các bác cũng đến thăm liệt sĩ?

Ông Tư Quảng giới thiệu chúng tôi:

- Các bác này từ Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng cũng đều dân Bắc. - Ông chỉ vào những người đang chuyển mộ. - Còn mấy bác này mới từ Thái Bình vào.

Viên trung tá:

- Chúng tôi vào được đây và tìm đúng mộ anh tôi đều nhờ vào nhà ngoại cảm Lê Văn Hòa.

Lúc đó, ông Hòa mới chậm rãi đứng dậy, bắt tay chúng tôi:

- Chào các bác.

Viên trung tá nhiệt tình thái quá:

- Xin lỗi! Tôi quên chưa hỏi thăm các bác đã tìm thấy mộ liệt sĩ chưa?

Nếu chưa, tiện có thầy Hòa đây, nhờ thầy chỉ luôn.

Tôi nói:

- Chúng tôi chỉ biết chắc anh tôi được quy tập ở nghĩa trang này, nhưng là mộ nào, vẫn còn chờ kết quả kiểm tra ở đội quy tập.

- Ồ! Nếu vậy, nhờ thầy Hòa giúp luôn đi. Đúng ra, thầy không cần phải vào, vì mộ nằm ở đâu, trong tiểu có những gì, khi gọi hồn thầy đã nói đủ ở Hà Nội. Hôm nay, mở ra thấy tất cả đều đúng, nhưng chúng tôi vẫn cố mời thầy cùng đi, vì chúng tôi lần đầu kéo nhau vào miền Nam, vừa bỡ ngỡ lại cũng vừa chưa thật tin lắm. Nay thay mặt cả nhà, tôi thành thật xin lỗi thầy.

Ông Hòa cười chất phác:

- Thực ra những thứ trong tiểu, tôi nhìn nhận được đều do liệt sĩ giúp thấy, chứ tôi cũng người trần, mắt thịt, chẳng tài cán gì.

Người phụ nữ khoảng ngoài năm mươi tuổi nói:

- Lúc thầy nhặt chiếc lược và chiếc nhẫn từ trong tiểu ra, em rụng rời chân tay. Đúng là anh nhà em rồi. Vì hôm cưới, anh Tráng bạn anh ấy bên pháo cao xạ tặng đôi lược và đôi nhẫn do chính tay anh ấy làm từ mảnh vụn máy bay Mỹ bị bắn rơi. Hôm lên đường vào Nam, anh nhà em chia đôi, mỗi đứa một chiếc, rồi nói rằng nếu hai đứa cùng giữ được thì nhất định anh sẽ còn sống trở về. - Chị lại bật khóc. - Anh ơi là anh. Đến hôm nay, anh và em vẫn giữ được, sao em vẫn mất anh? Hu hu hu...

Nhìn chiếc lược chị cài trên búi tóc đen dày và chiếc nhẫn đeo ở ngón áp út, rồi cũng chiếc lược và chiếc nhẫn cùng loại đen xỉn, đặt ở chiếc khăn tay, cùng mấy thứ đầu đạn, mấy chiếc răng đen xỉn, khóa thắt lưng đã rỉ mục, chúng tôi không cầm được nước mắt.

Viên trung tá lần lượt giới thiệu người thân của mình:

- Đây là chị Thoa, vợ của anh tôi. Anh hy sinh năm 1974 khi giải phóng Phước Long. Đây là mẹ tôi. Còn bố tôi là liệt sĩ thời chống Pháp, hy sinh năm 1954 ở Điện Biên Phủ. - Rồi anh cầm tay người phụ nữ ít tuổi nhất. - Đây là cháu My, con dâu của anh chị tôi, chồng cháu hy sinh

năm 1979 khi đánh quân Tàu xâm lược ở biên giới phía Bắc. Cả nhà tôi, ba đời là lính. Thằng này..., - anh chỉ vào cậu trung úy trẻ măng, - con trai tôi, lính biên phòng ở Hà Giang, còn tôi lính hải quân... Chiến tranh biên giới và biển Đông xảy ra, chắc chắn cha con tôi cùng có mặt... Còn năm em này là quân của tỉnh đội Bình Phước cử đi cùng giúp chúng tôi.

Dương Trọng Dật nói với viên trung tá:

- Gia đình chúng tôi, trừ mấy cháu sinh ra sau chiến tranh, còn lại đều là lính. Các liệt sĩ ở nghĩa trang này đều là đồng đội, nên chúng tôi muốn được cùng làm lễ với gia đình và tiễn anh Đỗ Văn Trường về quê.

Trong lúc thành viên hai nhà thân mật, tôi đến bên thầy Hòa:

- Xin lỗi thầy, vừa rồi tôi đã không nói thật về anh tôi. Thực ra, hôm trước, chúng tôi đã nhờ một nhà ngoại cảm khác chỉ được mộ ông anh rồi. Hôm nay, chúng tôi lên làm giỗ. Trong vụ này, nếu không tin hẳn, chúng tôi đã không lên làm giỗ... Chẳng qua là vẫn còn một số điều lăn tăn...

Thầy Hòa cười nhẹ:

- Tóm lại, các bác muốn nhờ tôi để kiểm tra chéo chứ gì?

Bị điểm trúng tim đen, tôi không nói lại được lời nào.

- Không sao đâu. Nghề ngoại cảm của chúng tôi, ngoài việc liên lạc với thế giới tâm linh, còn có việc hệ trọng không kém là làm cho những người đến với thế giới tâm linh tin mình. Nghề của chúng tôi có cái khó là dù kết quả hiển nhiên đến đâu, nhưng không chứng minh được bằng suy luận thông thường thì chưa xây dựng được niềm tin, nên việc các vị muốn kiểm tra chéo, tôi cũng cho là bình thường.

- Nếu thầy thông cảm được như vậy thì quá tốt. Ngày nào thầy có thể giúp chúng tôi?

- Giúp xong gia đình này, tôi cũng cùng họ đưa hài cốt bay ra Hà Nội trong chiều nay, nên tôi chỉ có thể giúp các bác ngay sau khi làm lễ cho liệt sĩ Đỗ Văn Trường xong.

- Vậy thầy có cần cung cấp thông tin về anh tôi ngay bây giờ?

- Bác đọc đi.

Thời điểm đó, anh Khôi có hai dòng thông tin. Một là theo giấy báo tử của Bộ Chỉ huy Quân sự Tỉnh Vĩnh Phúc: "Nguyễn Minh Khôi, sinh năm 1942. Quê quán: Lập Chí, Minh Trí, Kim Anh, Vĩnh Phúc. Hy sinh ngày 12/3/1970, tại Mặt trận miền Đông Nam Bộ". Hai là theo hồ sơ lưu trữ ở phòng Chính sách Sư đoàn 9, căn cứ Đồng Dù, Củ Chi: "Nguyễn Duy Khôi, sinh năm 1942. Quê quán: Thụy Hà, Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội. Hy sinh ngày 23/5/1970 tại Svay Rieng, Campuchia". Xét về mặt văn bản, trừ năm sinh trùng nhau, tất cả phần còn lại như của hai người khác nhau hoàn toàn. Nhưng từ nguồn thông tin thứ nhất, nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Lư lại tìm ra anh Nguyễn Minh Khôi, trùng với Nguyễn Duy Khôi của nguồn thông tin thứ hai, ở nghĩa trang Phước Long. Trong đầu bỗng nảy ra sự tính toán rất nhanh, tất nhiên cũng từ động cơ muốn kiểm tra chéo, tôi đã cung cấp cho thầy Hòa thông tin thứ hai.

- Thầy có cần tôi ghi ra giấy?

- Không cần. Tôi nhớ được. Khi đến đây, các bác đã đặt lễ và thắp nhang ở đài tưởng niệm chưa?

- Chúng tôi vừa mới đến, nên chưa kịp làm gì.

- Vậy các bác lên đài tưởng niệm làm việc đó đi. Khi khấn nhớ xin các liệt sĩ và bác Khôi phù hộ.

Rồi ông khoát tay bao quát cả vùng nghĩa trang rộng mênh mông đang rừng rực dưới nắng trưa:

- Thắp nhang ở đài xong, các bác tìm bất cứ chỗ nào trong nghĩa trang, ngồi quây quần như nghỉ uống nước, xong việc bên này, tôi sẽ sang giúp các bác tìm bác Khôi.

Thầy Hòa trở lại với gia đình quê Thái Bình, chúng tôi cũng không đi tìm chỗ ngồi nghỉ theo ý ông, mà ở lại cùng gia đình này làm lễ đưa chiếc tiểu có bọc lá cờ đỏ sao vàng từ huyệt mộ cũ ra dưới chân đài tưởng niệm, để đúng giờ thầy đã chọn, đưa lên xe chờ chở ra Bắc. Xong việc này, chúng tôi mới chọn cụm những cây sao cao vút, có bóng mát ít

ỏi bên trái cổng nghĩa trang, vừa tiện ngay cạnh đường, vừa vì đó là bãi đất trơn duy nhất có thể trải tấm bạt để nhiều người ngồi chung, còn đất ở những nơi khác, bao quanh khu mộ đều lởm chởm những gốc cỏ tranh. Loại cỏ này, không rõ do hoang dại tự nhiên hay người quản trang cho những nhà nuôi bò vào trồng để cắt nuôi bò, rồi do phải dọn dẹp làm đẹp nghĩa trang để chào mừng ba mươi lăm năm Giải phóng miền Nam, người ta đã cắt và đốt trụi từ mấy tháng trước, giờ các gốc cỏ cứng đâm lên tua tủa như chông nhọn.

Chúng tôi ngồi nghỉ uống nước được một lúc thì thầy Hòa đến. Tôi hỏi:

- Ngồi vòng tròn thế này được chưa, thầy?

Ông đưa mắt nhìn từng người:

- Cảm ơn. Được rồi. Giờ các vị cùng nhắm mắt lại, miệng hay bụng nhớ khấn liên tục mấy tiếng Nam Mô A Di Đà Phật. Tôi sẽ đi vòng quanh, đưa tay trên đầu từng vị và gọi hồn bác Khôi. Nếu bác ấy không về, là tại tôi không hợp. Bác ấy về mà không nhập vào ai, tức là bác ấy không nằm ở nghĩa trang này. Còn bác ấy nhập vào ai, người đó sẽ không còn là mình, mà là bác Khôi. Bác ấy đứng dậy, đi đến chỉ mộ nào, đó đích thị là nhà bác ấy.

Hưng, con rể lớn, nói thầm cho riêng tôi nghe thấy:

- Cứ như chuyện hoang đường.

Thầy Hòa chắc chắn không thể nghe được câu này, nhưng bất ngờ thầy nhìn thẳng vào Hưng:

- Anh đứng dậy đi. Anh không tin mà ngồi đây, bác Khôi về biết, bác ấy giận là hỏng hết việc.

Hưng ngượng nghịu chưa muốn đứng dậy, khiến tôi phải giục:

- Con ra đi.

Ông Tư Quảng lúc đó cũng vừa đi đến, biết chuyện, nói thêm vào:

- Vong về mà giận là bỏ đi luôn đấy.

Chờ Hưng ra ngoài vòng, thầy Hòa nói tiếp:

- Tất cả nhớ nhắm mắt lại. Tôi bắt đầu rồi đó.

Tôi nhắm mắt nhưng thực ra vẫn ti hí để theo dõi nhất cử nhất động của ông thầy, thấy ông cùng nhắm mắt, có vẻ là nhắm thật, miệng lẩm nhẩm thành tiếng như đọc kinh, nhưng không rõ tiếng gì… Nhưng nếu là nhắm mắt thật, sao ông ta lại di chuyển chính xác từ người này sang người khác và giơ bàn tay đúng trên đỉnh đầu từng người? Với đám trẻ, ông gần như chỉ lướt qua vài giây. Cậu Hùng, Dương Trọng Dật thì lâu hơn một chút. Đến tôi, ông nói:

- Bác mở mắt ra đi. Bác tuy là em ruột, nhưng vong không chọn bác đâu.

- Tại sao?

- Tôi cũng không biết. Bác Khôi đã về rồi và không chọn bác.

Tôi đành mở mắt nhưng rất ngượng, đành tự giải thích, có lẽ do mình thiếu trung thực khi vẫn ti hí mắt.

Thầy Hòa giữ tay phía trên đầu vợ tôi lâu nhất. Nhìn gương mặt thành khẩn đến có phần mê muội của vợ, tôi có niềm tin, anh tôi sẽ nhập vào. Nhưng rồi, thầy Hòa lại chuyển sang cô Vân, vợ Dương Trọng Dật.

Lúc này, cả thầy Hòa, ông Tư Quảng và cả đoàn chúng tôi, ai nấy đều mồ hôi mồ kê nhễ nhại, lưng áo, ngực áo ướt đầm, nhưng do cùng bị thu hút tâm trí vào vụ gọi hồn, nên không thấy bức bối bởi cái nắng nóng hầm hập muốn cháy cả da mặt.

Mặt, mắt cô Vân bỗng tự nhiên dại đi. Thoạt tiên là đầu, sau thì cả người cùng lắc lư. Bàn tay thầy Hòa đưa dần lên cao. Cô Vân đang ở tuổi ngót bảy mươi nhưng đứng bật dậy như thanh niên, loạng choạng rời khỏi tấm bạt trải trên đất.

Thầy Hòa rút tay lại và mở mắt:

- Bác Khôi đi chỉ mộ rồi đấy.

Sợ Vân bị ngã, tôi vội đứng dậy đỡ lưng cô:

- Để tôi đi theo.

Nhưng vừa bước ra ngoài tấm bạt, chân tôi đau tóe máu, khi giẫm phải những gốc cỏ tranh nhọn sắc như dao, đành phải buông Vân ra. Do trước khi vào ngồi tấm bạt, mọi người đều bỏ giày, dép bên ngoài, việc theo Vân đột ngột nên tôi không kịp xỏ giày. Riêng cháu Trang đi dép lê, tiện xỏ vào nên kịp bước theo, đỡ một bên tay Vân.

Còn tất cả đều hồi hộp đến cứng người từ lúc cô Vân rời tấm bạt vì không rõ cô sẽ đi tới đâu. Bước chân của cô chệnh choạng, lờ quờ, như người mù mất phương hướng, dường như phải nhờ Trang đỡ mới khỏi ngã.

Thầy Hòa bình tĩnh nói:

- Bác ấy đi loạng choạng vậy, nhưng không ai đỡ thì cũng không ngã đâu.

Cô Vân không đi thẳng từ bãi đất vào đầu khu vực các dãy mộ, mà theo đường đất đỏ đầy gốc cỏ tranh, chạy giữa hàng cây sao và khu các dãy mộ.

Tôi thốt lên:

- Sao đi lạc đường rồi?

Thầy Hòa nói:

- Mộ bác Khôi ở đây là chắc chắn rồi. Vong không đi sai đâu.

Cô Vân đi đến cuối khu vực các ngôi mộ, mới rẽ ngang vào nền bê tông cao hơn mặt đất chừng hai mươi centimét. Đây là góc giao nhau giữa hai con đường thuộc lề bên trong và cuối khu mộ. Vân cứ thế đi theo lề dọc, qua một hàng, hai hàng, hết hàng thứ ba, cô rẽ vào khoảng giữa hàng ba và hàng tư, đến ngôi thứ năm - chính ngôi mộ nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Lư chỉ - thì ngồi sụp, ngã sấp, hai tay dang ra ôm lấy ngôi mộ, rồi bất tỉnh. Cháu Trang sợ hãi nhìn về hướng chúng tôi đang ngồi tít ngoài cổng, la lối:

- Bác Vân bị ngất. - Trang bật khóc. - Các bác ơi! Bác Vân bị ngất rồi.

Lúc ấy chúng tôi mới như bừng tỉnh, cùng nhau xỏ giày, xỏ dép chạy đến chỗ mộ anh Khôi, thì Vân đã nhỏm dậy, ngơ ngác nhìn mọi người và

hỏi chồng:

- Sao em lại ở đây?

Dương Trọng Dật hỏi:

- Em có cảm giác gì khi đi từ bãi đất tận ngoài cổng vào đây?

- Em không biết. Em chỉ thấy tai mình ù ù và hình như có ai đó bảo đi theo. - Bỗng cô nhìn xuống chân. - Ối trời! Sao chân em đầy máu thế này?

Đúng là hai bàn chân trần của Vân đầy những vết máu do các gốc cỏ tranh đâm nát.

Vợ tôi ngồi xuống, lấy một xấp khăn giấy lau vết thương cho Vân:

- Tại sao đi suốt từ ngoài cổng và toàn giẫm lên gốc cỏ tranh sắc nhọn, Vân không có cảm giác gì?

Vân vẫn ngơ ngác:

- Em không biết. Nếu đau, em làm sao đi nổi.

Chúng tôi cũng cùng kinh ngạc, khi với khoảng cách gần trăm mét nền đất đỏ, không chỉ toàn gốc cỏ tranh mà còn nóng bỏng bởi nắng hun suốt từ sáng, làm sao bàn chân của người cả đời giày dép ở thành phố lại có thể đi liền một mạch?

Trời lúc đó bỗng nhiên râm mát lại, bởi những đám mây xám ùn ùn kéo che khuất mặt trời.

Mọi người được thoát khỏi nắng nóng, cùng reo:

- Chắc do bác Khôi và hương hồn các liệt sĩ phù hộ.

Tôi nói:

- Do có chuyện thầy Hòa chỉ đúng mộ bác Khôi mà cậu Nguyễn Văn Lư đã chỉ, một chuyện lạ kỳ, nhưng không tin không được, nên lát nữa, nếu nắng lên trở lại gay gắt hơn, chúng ta cũng làm lễ và ăn luôn tại mộ, coi như ăn chung với bác Khôi và các đồng đội của bác.

Mọi người đều vui vẻ tán thành. Tôi quay ra, nói với ông Tư Quảng:

- Chú cũng dự luôn với chúng tôi cho vui.

Vừa lúc đó, những người trong gia đình liệt sĩ Đỗ Văn Trường, đứng

đầu là viên trung tá, cũng từ khu mộ đối diện kéo sang. Bằng giọng chân thành, tôi nói với thầy Hòa và họ:

- Thành thật cảm ơn thầy Hòa đã giúp chúng tôi, cũng cảm ơn gia đình, nhờ các vị mời thầy Hòa vào đây, mà chúng tôi được thầy giúp tìm đúng mộ của anh tôi. Nói thật chính xác là thầy đã giúp chúng tôi xác nhận trăm phần trăm nhà anh tôi đang ở đây. Gia đình chúng tôi đã chuẩn bị cơm cúng từ Sài Gòn, và bây giờ hơn một giờ, chắc tất cả cùng đói, xin mời thầy Hòa và gia đình cùng sang cả bên này ăn bữa, trước lạ sau quen, vì liệt sĩ của hai nhà đã là anh em, từng ở chung với nhau mấy chục năm.

Viên trung tá bước lại nắm tay tôi:

- Em vô cùng cảm ơn bác và tất cả các bác, các anh chị và các cháu. Thật là tiếc khi bữa cơm giỗ bác Khôi này cũng là bữa cơm kết nghĩa nhưng chúng em sang đây, trước hết là mừng cho các bác đã tìm đúng anh mình, sau nữa cũng chào các bác, để đón thầy Hòa về, vì chính thầy đã chọn đúng một giờ xe chở hài cốt anh em phải chuyển bánh về Bắc. Người dương mình, giờ cao su thế nào cũng xuề xòa cho qua, nhưng người âm, như thầy Hòa đã nói, thì một phút cũng không được sai.

Cuối cùng bữa cơm giỗ ngoài trời chỉ có người của gia đình chúng tôi và ông Tư Quảng. Và cái nắng nóng khắc nghiệt của miền trung du đất đỏ không hiểu sao không quay trở lại.

Tôi hỏi ông Tư Quảng:

- Liệu có thể do tâm linh các liệt sĩ phù hộ?

Ông Tư Quảng nói:

- Tôi ở nghĩa trang này hơn hai chục năm, nhiều đêm nghe tiếng chân bộ đội hành quân, có đêm nghe tiếng hát, tiếng cười, cả tiếng khóc, tiếng đám nhậu. Tôi thức giấc và mang đèn pin đi soi, chẳng thấy gì. Lúc đầu nghĩ là mình ngủ mê. Sau quyết thức suốt đêm, từ cửa sổ nhìn ra, thấy toàn lính trẻ anh em mình. Tôi báo cáo lên trên. Mấy ảnh nói, tôi thương binh nên có dấu hiệu tâm thần, liền thay người khác về. Người này ở

lâu, rồi cũng thấy như tôi, nhất định xin nghỉ. Lại thay. Thay tới ba người, không ai trụ nổi, lại phải đưa tôi về. Còn mưa nắng thất thường ở đây, không theo quy luật thông thường đã ngấm vào máu dân đất đỏ trung du vùng này, thì ai quanh đây cũng biết. Suốt mấy chục năm nay, vào ba ngày Thương binh Liệt sĩ, Quốc khánh và ba mươi tháng Tư thống nhất Bắc Nam, luôn luôn là những ngày nắng đẹp. Còn những ngày ở nghĩa trang có cuộc giao lưu giữa thân nhân và các vong linh liệt sĩ thật xúc động, tôi phải nói rõ là thật và xúc động, thì thế nào trời đang mưa cũng tạnh, mà đang nắng cũng đổ mưa. Như hôm nay, rõ ràng đang nắng nóng muốn chết, vậy mà bỗng nhiên có mây đen và mát đến tận bây giờ. Tôi kể lại, có người bảo từ tâm linh liệt sĩ, nhưng nhiều người lại nói thằng Tư Quảng ở lâu với người chết nên mê tín dị đoan.

Tôi hỏi:

- Tại sao chúng tôi xin mở mộ lấy vụn xương đi thử ADN không được, trong khi mộ liệt sĩ Đỗ Văn Trường cũng nhờ nhà ngoại cảm tìm, lại được thừa nhận và cho chuyển hài cốt về quê?

- À… Hai trường hợp khác nhau. Bác Trường là bộ đội chủ lực bổ sung cho địa phương, đánh giải phóng Phước Long năm 1974. Sau trận đánh, bác ấy và những đồng đội hy sinh được chôn tạm trong rừng cao su, đến năm 1978, khi quy tập về mảng bên đó, thì số hài cốt vì lý do nào đấy bị nhầm, lộn hoặc thành vô danh, rất ít. Còn mảng bên này, các liệt sĩ, trong đó có bác Khôi, hy sinh từ năm 1970 ở Campuchia, nhưng mãi đến năm 1982, khi bên bạn ổn định và tích cực hợp tác, mình mới tổ chức các đội quy tập lớn, rước các liệt sĩ về. Hài cốt mười mấy, hai mươi năm trong lòng đất, hầu hết chỉ còn xương vụn. Rồi hồ sơ, giấy tờ thất lạc, địa hình thay đổi, người trong cuộc phần lớn hy sinh hoặc giải ngũ, nên số bị nhầm lộn và vô danh rất nhiều, được an táng ở mảng bên này. Bác Trường được Thương binh Xã hội tỉnh đồng ý cho nhà ngoại cảm tham dự, không phải do được ưu tiên gì, mà do đây là ngôi mộ vô danh nhưng hai nhà đều nhận của mình. Nhà kia ở Nam Định, do hai

người là đồng đội của liệt sĩ chỉ. Hai bên gặp nhau tranh cãi mất mấy năm, đến mức gả cả con cho nhau vẫn chưa ngã ngũ, cuối cùng nhà ngoại cảm Lê Văn Hòa tham gia, khiến cán cân nghiêng về một phía, nhà bên Nam Định mới chịu. Cái thằng thiếu úy bộ đội biên phòng, là cháu ruột bác Trường, chính là con rể nhà bên Nam Định.

Nghe Tư Quảng kể mà miếng cơm nghẹn trong họng, chúng tôi chỉ muốn khóc.

Vợ tôi hỏi:

- Trường hợp anh tôi vừa được thầy Hòa gọi hồn, chỉ đúng mộ mà thầy Nguyễn Văn Lư đã chỉ, chú cũng chứng kiến thì sao?

- Tôi sẽ báo cáo toàn bộ sự việc lên Thương binh Xã hội tỉnh, hy vọng mấy chú trên ấy sẽ linh động.

Im một lúc, ông Tư Quảng nói tiếp:

- Nói thật là ở nghĩa trang này, tận mắt thấy bao nhiêu là chuyện không thể nào tin trong các quan hệ giữa hương hồn các liệt sĩ với thân nhân, nhưng rồi không tin không được… Như cô Vân đây, bây giờ đưa cô ấy mười triệu đồng, bảo đi chân đất từ đây ra cổng, tôi đố cô ấy đi được.

Bữa cơm giỗ thân mật giữa gia đình tôi với anh Khôi và đồng đội của anh kết thúc lúc gần hai giờ thì nắng nóng bắt đầu trở lại. Cơm no, rượu say, cái mệt bởi đường xa bây giờ mới ngấm, chưa kể ai nấy đều mất giấc ngủ trưa, bắt đầu nhớ nhà với máy lạnh, phòng kín. Tôi bảo:

- Mình đốt vàng mã, dọn dẹp "chiến trường", tạm biệt anh Khôi và đồng đội, rồi lên xe được rồi.

Vợ tôi nói:

- Thanh Vân nó nói, không được về trước ba giờ, vì mình sẽ có hai quý nhân phù trợ.

Tôi bảo:

- Ông thầy Hòa là một, còn ông Tư Quảng hứa sẽ thuyết phục được Thương binh Xã hội tỉnh ủng hộ mình, không là hai à?

Dương Trọng Dật:

- Việc làm của Tư Quảng đúng là hai, nhưng nếu chặt chẽ về chữ nghĩa, đó là trách nhiệm của ông ấy, chứ không đúng nghĩa quý nhân phù trợ như ông Hòa.

Tranh cãi sôi nổi một hồi, dẫn đến kết luận, sau khi hóa vàng và dọn dẹp xong, tất cả giải tán, tự do tìm chỗ nghỉ, ngủ trong nghĩa trang, đúng ba giờ, nếu không có quý nhân xuất hiện thì coi như ông Tư Quảng chính là người thứ hai, còn nếu có quý nhân xuất hiện, tội gì mình không thụ hưởng sự sắp xếp của thần linh qua miệng "Vân Bói".

Đúng ba giờ chiều, trời đang nắng gay gắt bỗng râm lại. Hai chiếc xe, một chiếc Toyota bảy chỗ mang biển số đỏ quân đội và chiếc Mercedes loại xe cấp cứu của bệnh viện, màu trắng, in logo chữ thập đỏ bên cánh cửa, nối đuôi nhau chạy vào cổng nghĩa trang. Hơn chục người cả đàn ông, đàn bà mặc thường phục, quân phục, trên hai xe ùa xuống. Từ cửa hậu xe cấp cứu, mấy người mặc quân phục lần lượt đỡ ra khỏi xe hai chiếc xe lăn. Ngồi trên chiếc thứ nhất là một bà lão, còn trên chiếc thứ hai là một ông lão, râu tóc bạc trắng, mặc bộ quân phục mới, lon trung úy, trên ngực trái đeo đầy huân chương các loại, cùng trong khoảng tám mươi tuổi. Mấy người phụ nữ từ hai xe, vừa đặt chân xuống đất, đã lập tức khóc òa.

Ông Tư Quảng từ trong dãy nhà tiếp tân tất tả chạy ra. Một số người trên xe và ông đã biết nhau. Họ tay bắt mặt mừng. Tư Quảng có vẻ muốn mời tất cả vào phòng tiếp tân. Nhưng ông già ngồi trên xe lăn la lối bằng tiếng Nam Bộ rặt:

- Không nước nôi gì hết. Tất cả theo tôi ra mộ.

Tư Quảng vội đến trước ông già:

- Con chào chú Mười. Chú còn nhận ra con?

- Mày là Tư Quảng? Tao ở Phú Quốc nhưng cũng biết tin mày chết vì đạn Tàu ở biên giới phía Bắc. Sao giờ còn ở đây?

- Số con còn sống lâu mà chú. Mời chú và mọi người vào phòng tiếp tân nghỉ ngơi uống miếng nước đã.

- Bao nhiêu năm, mới trở lại đây, tao chưa kịp chào đồng đội, mày đã bắt tao uống nước là cái thứ gì? Ra mộ trước đã.

Chiếc xe lăn được đẩy rẽ ra hướng các ngôi mộ. Ông già hào hứng, nói tiếp:

- So với hồi năm 1982, đưa đợt hài cốt đầu tiên về đây, giờ quá nhiều thay đổi, nhưng ai nằm đâu, tôi vẫn nhớ như in. - Rồi ông bật khóc như đứa trẻ. - Xin anh em tha lỗi cho thằng Mười Cao bất trung. Chỉ vì tôi tàn tật, bệnh yếu mà mấy chục năm nay, tôi không một lần trở lại.

Một số người chịu xúc cảm lan truyền, bật khóc theo. Chiếc xe lăn được hai người lính trẻ đẩy lên phía trước theo tay chỉ của người lính già. Vì đường hẹp, cả đoàn xếp thành hàng theo chiếc xe đi dọc lề bê tông dãy mộ cuối cùng, vuông góc với mộ anh Khôi.

Sự ồn ào của những người khách mới khiến đám gia đình chúng tôi, đang nghỉ, ngủ ở những chỗ khuất và có bóng mát khắp nghĩa trang, đều tụ về dãy nhà tiếp tân.

Tư Quảng nói với tôi:

- Ông già đó là Mười Cao, từng trong đội quy tập hài cốt liệt sĩ đầu tiên hồi đầu giải phóng, của tỉnh đội Phước Long, chuyên đưa hài cốt anh em mình hy sinh ở Campuchia về nước. Trong đoàn có cả người của tỉnh đội, quân khu và Thương binh Xã hội tỉnh.

Ông Mười Cao đưa mọi người đi hết dãy mộ cuối cùng:

- Dãy này có mười chín ngôi vô danh đều đưa từ Campuchia về.

Khi cả đoàn theo ông rẽ phải, ngược lên đến hàng thứ ba, ông nói:

- Dừng lại, rẽ vào ngôi thứ tư. Chính là nhà của Phan Văn Dự.

Mọi người cùng đi đến ngôi mộ ông Mười nói.

Viên đại úy đi cùng, đọc tấm bia bằng đá đen gắn trên đầu mộ, rồi nói:

- Chú ơi! Như chúng tôi đã nói ở quân khu, trong hồ sơ lưu trữ, đây là mộ của liệt sĩ Phan Văn Cừ, sinh năm 1943, quê quán Thanh Hóa chứ không phải Hà Tĩnh.

Ông Mười lớn tiếng:

- Tại sao Dự thành Cừ, Hà Tĩnh thành Thanh Hóa, tôi không cần biết. Chỉ biết chính tay tôi chôn, với giấy tờ kèm theo ghi rõ ràng Phan Văn Dự, sinh năm 1943, quê quán Hà Tĩnh, mất ngày hai mươi ba tháng Năm năm 1970. Toàn bộ cụm này, liệt sĩ là quân địa phương, họ tên gì, quê quán ở đâu, mất ngày nào, thậm chí, trong mộ chôn theo những vật gì, tôi thuộc hết. - Ông chỉ vào ngôi mộ có tấm bia Phan Văn Cừ. - Trong tiểu đựng hài cốt đồng chí Dự, do chôn ở chỗ khô nên các xương ống chân, xương đùi, một ít xương sống, xương hàm thì mủn, nhưng răng vẫn chưa xỉn. Đặc biệt, tôi còn chôn theo cả cái bình toong Trung Quốc, khẩu K54 và hai lọ Penicillin không nắp. Tại sao các mộ khác có một, mộ này có hai thì không biết. Giờ các đồng chí đào lên, mở nắp tiểu, không thấy những thứ tôi vừa kể, tôi xin các vong liệt sĩ quật chết tôi ngay tại đây vì tôi nhớ sai, nói xạo.

Bà mẹ liệt sĩ Dự vẫn ngồi trên xe lăn, năn nỉ:

- Bác ấy đã thề độc như thế rồi, xin các chú cứ thực hiện như đã bàn ở nhà. Nếu bác ấy nhớ sai thì cả nhà tôi cũng xin chịu lỗi cùng bác ấy.

Mấy sĩ quan quân đội đi cùng đoàn tách ra hội ý với nhau vì rõ ràng họ gặp phải trường hợp khó xử.

Ông Tư Quảng kể với tôi:

- Mộ này vào ngày Thương binh Liệt sĩ hai mươi bảy tháng Bảy và ba mươi Tết Nguyên Đán vẫn có mấy người đồng đội và một cặp vợ chồng ở Đồng Nai, nói là cháu của liệt sĩ Phan Văn Cừ lên thắp nhang.

Tranh thủ lúc mấy sĩ quan quân đội và người của Thương binh Xã hội tỉnh hội ý, tôi đến bên chiếc xe lăn, bắt tay ông Mười Cao:

- Chào bác! Tôi là em trai liệt sĩ hy sinh ở Svay Rieng. Hôm nay là ngày mất của anh ấy, chúng tôi lên làm giỗ, rất may được gặp bác là người đã tham gia đưa hài cốt anh tôi từ Campuchia về. Cả gia đình chúng tôi xin vô cùng cảm ơn bác và đơn vị đã làm được một việc vô giá.

Ông Mười nắm chặt hai tay tôi:

- Trước hết tôi mừng cho liệt sĩ và cả gia đình, nhưng chú nói cảm ơn tôi là tôi giận đấy. Các đồng đội từng cùng vào sinh ra tử với tôi ở chiến trường hy sinh, tôi may mắn còn sống mà không đưa được bạn về quê thì tôi là cái loại gì?

- Vậy, thành thật xin lỗi bác. Bác không cho nói cảm ơn, thì chúng tôi vẫn là người chịu ơn. Tiện đây cũng xin bác nói kỹ hơn một chút về việc quy tập hài cốt các liệt sĩ từ Svay Rieng về Việt Nam được không?

- Nhưng anh chú tên gì?

- Anh tôi tên Nguyễn Minh Khôi.

Ông Mười Cao reo:

- Đồng chí Khôi thương binh ở bệnh xá thì tôi biết. Nguyễn Minh Khôi, dân Hà Nội, lính Sư đoàn 9, bộ đội chủ lực miền Đông Nam Bộ, trên đường ra Bắc học tập thì bị thương phải ghé vào bệnh xá điều trị.

- Bác cũng là người của bệnh xá?

- Không. Tôi thuộc lính tỉnh đội. Khi Mỹ tấn công, tỉnh đội cử đại đội tôi xuống bảo vệ bệnh xá và giúp di tản thương binh vào địa điểm an toàn. Khi cùng chiến đấu, tôi mới quen người của bệnh xá, trong đó có đồng chí Khôi. Đồng chí ấy đang điều trị vết thương dập chân, nhưng chiến đấu rất sung. Biết nhau mới được ba ngày thì đồng chí ấy hy sinh.

- Vậy tại sao về đây anh ấy lại nằm trong số những mộ vô danh? Chúng tôi biết được anh ấy là nhờ nhà ngoại cảm.

Ông Mười Cao không có vẻ gì là ngạc nhiên:

- À! Vụ này vướng ngay từ khi chúng tôi sang bốc hài cốt. Lúc khai quật từng ngôi mộ, người nào cũng được chôn theo một lọ Penicillin ghi tên tuổi, đơn vị, nhưng một số chỉ ghi số thứ tự và chữ viết tắt. Thì ra những người được ghi tên tuổi rõ ràng là những người thuộc biên chế bệnh xá hoặc lính địa phương, biết thông tin chính xác, còn thương binh thuộc bộ đội chủ lực như đồng chí Khôi, hoặc những cá nhân, đơn vị hành quân qua, thấy địch đến là đánh rồi hy sinh, chỉ có cách đánh số, để tìm hiểu sau. Nhưng rồi có thể đồng chí làm việc này cũng hy sinh,

rồi chiến tranh xáo trộn, rồi thời gian quá lâu, hồ sơ mai một, thế là đành phải ghi các liệt sĩ này là "chưa biết tên". Nhưng trường hợp đồng chí Khôi, nhà ngoại cảm chỉ vậy là đúng đấy.

Vợ tôi lúc đó cũng đi đến:

- Theo bác, việc quy tập hài cốt liệt sĩ từ Campuchia về, liệu có bị bỏ sót?

- Ở trong nước mới có vụ bỏ sót, vì giai đoạn những năm đầu là chiến tranh du kích và các trận đánh nhỏ ở khắp nơi, liệt sĩ cũng chôn khắp nơi, nên nhiều và phức tạp khi tìm kiếm. Còn liệt sĩ ở Campuchia, chủ yếu trong chiến dịch Mỹ - Việt Nam Cộng hòa tổng tấn công mấy tháng mùa khô năm 1970, suốt dọc các tỉnh biên giới miền Đông Nam Bộ, lan sang cả Svay Rieng, Campuchia. Nhưng sau khi thua, chúng cũng rút sạch, nên việc chôn cất liệt sĩ tương đối tập trung. Việc tìm kiếm chỉ khó khăn vì thời gian trôi qua, nhiều dấu tích bị mất, rồi địa hình, địa vật thay đổi, cùng với thời bọn diệt chủng Pôn Pốt gây hấn, chứ không có vụ bỏ sót. Thậm chí, lính Việt Nam Cộng hòa chết, chúng nó rút vội, bỏ xác lại, chúng tôi cũng hốt về nước an táng hết.

Vợ tôi hỏi với phản xạ của dân làm báo:

- An táng ở đâu?

- Tất nhiên không thể để chung trong nghĩa trang liệt sĩ mình rồi. Đưa họ đi chôn là mấy anh em tiểu đội khác, nhưng ở rừng cao su gần đây thôi. Chuyến tôi đi, đưa về năm hài cốt lính máy bay trực thăng Việt Nam Cộng hòa. Chính tôi cùng đồng chí Khôi và mấy đồng chí đội bảo vệ bệnh xá bắn cháy mấy chiếc khi chúng nó rà sát bắn rocket xuống bệnh xá hồi tháng Năm năm 1970. Nhưng khi biết năm lính trực thăng này được chôn ở đấy, trung tá Đảnh, đội trưởng đội quy tập của chúng tôi nói: "Lúc đánh nhau là kẻ thù, nhưng khi chết, họ cũng là đồng hương với mình…". Chúng tôi đều đồng tình. Bây giờ, hơn bốn mươi năm, tất cả có lẽ đều thành đất, lính ta còn được quy tập vào nghĩa trang liệt sĩ, người vô danh cũng được thăm viếng, còn những người như họ dù được

đưa về nước thì nơi chôn cũng vô danh…

Các sĩ quan thuộc Quân khu 7, tỉnh đội Bình Phước và cán bộ Thương binh Xã hội tỉnh hội ý xong trong nhà tiếp tân của nghĩa trang, cùng nhau trở lại ngôi mộ liệt sĩ gắn tấm bia tên Phan Văn Cừ.

Viên trung tá nói với ông Mười Cao và gia đình liệt sĩ:

- Sau khi hội ý với nhau, rồi xin ý kiến của lãnh đạo quân khu, lãnh đạo tỉnh đội và Thương binh Xã hội tỉnh, chúng tôi đồng ý thực hiện yêu cầu của gia đình và chú Mười Cao là sẽ mở ngôi mộ này. Vụ này, xin gia đình và chú Mười thông cảm, không phải vì chúng tôi làm khó, mà vì trí nhớ của đồng chí chưa phải là bằng chứng vững chắc, trong khi mộ này, theo ghi nhận của quản trang, hàng năm vẫn có người thân của đồng chí Phan Văn Cừ đến thăm viếng.

Ông Mười Cao nói:

- Rồi rồi. Thông cảm rồi… Lẽ ra các đồng chí phải sớm hiểu, tôi đi xe lăn từ Phú Quốc đến đây, cứ cho là trí nhớ tồi, còn mẹ già của đồng chí Dự, nếu không có tâm linh của con trai chỉ dẫn, thì không việc gì đi xe lăn từ Hà Tĩnh vào đây gặp con… Nhưng đã nói thông cảm rồi, các đồng chí đừng lăn tăn nữa… Lát nữa mở mộ lên, không có bình toong Trung Quốc, hai lọ Penicillin và khẩu K54, tôi sẽ xin các liệt sĩ nghĩa trang Phước Long này mở phiên tòa tử hình Mười Cao ngay tại đây vì tội nói xạo.

Phần cảm xúc của ông Mười ở mấy lời cuối đúng là của người già, nhưng các đại diện quân khu, tỉnh đội, Thương binh Liệt sĩ tỉnh cũng thông cảm ngược, cùng mỉm cười đưa mắt cho nhau.

Ông Tư Quảng thông thạo với việc làm lễ mở nắp mộ, phát nhang cho mọi người, cùng tất cả làm lễ xin phép các vong linh liệt sĩ, hai liệt sĩ Phan Văn Dự và Phan Văn Cừ để mở nắp mộ.

Đoàn gia đình nhà tôi cũng xúm quanh ngôi mộ.

Khi nắp tiểu được mở ra. Chỉ thấy nửa phần tiểu phía dưới toàn một loại đất mùn chỗ nâu, chỗ đen.

Tư Quảng giải thích:

- Do đất trên này khô nóng nên hài cốt đều như vậy.

Ai đó trong đám đông nói:

- Sao không thấy xương như một số mộ khác?

Một người khác nói:

- Hơn bốn chục năm làm gì còn.

Ông Mười Cao vẫn ngồi trên xe lăn, lặng thinh và chăm chú nhìn vào lòng tiểu suốt từ lúc nắp tiểu được mở ra, rồi chỉ vào chỗ đất hơi lồi lên ở phần cuối miệng tiểu:

- Bới chỗ đất lồi lên coi nào.

Người lính trẻ trực tiếp mở nắp tiểu, vục tay vào chỗ đất lồi. Mọi người còn đang nín thở hồi hộp, thì anh giơ lên chiếc bình toong han rỉ, bám đầy đất.

Ông Mười Cao hào hứng quả quyết:

- Dưới bình toong còn khẩu K54 và hai lọ penicillin nữa.

Giữa lúc mọi người cùng reo vừa mừng vừa kinh ngạc thì bà mẹ già của liệt sĩ Phan Văn Dự ngất xỉu.

- Cấp cứu! Đưa mẹ đi cấp cứu.

Chính bà mẹ gần chín chục tuổi này, suốt từ giữa năm 1975, khi đất nước vừa hòa bình, đã cùng con dâu không biết bao nhiêu lần vào Nam, ra Bắc, đi gõ cửa khắp nơi, cuối cùng người ta bảo chỉ còn một cách cố gắng tìm được đồng đội hay người từng tham gia quy tập hài cốt những liệt sĩ ở trạm giao liên PL12 hoặc bệnh xá căn cứ của tỉnh, may ra bắt được manh mối. Người con dâu dần luống tuổi phát bệnh không đi nổi, một mình bà với thằng cháu vẫn đi. Lại đi khắp nơi tìm bằng được những đồng đội của con. Đa số đã qua đời, nhiều người không còn nhớ, nhiều người hoàn toàn không biết, nhưng rồi người nọ mách người kia, bà tìm ra được Mười Cao đang ở tận đảo Phú Quốc. Ông Mười Cao đã ở tuổi gần đất, xa trời, phải ngồi xe lăn, không lý gì từ chối giúp đỡ bà mẹ Hà Tĩnh cũng phải ngồi xe lăn đến nhờ vả mình, để cùng đi đến một kết

thúc có hậu nhưng đẫm nước mắt bên hài cốt đứa con liệt sĩ.

Cuối cùng, xe chúng tôi rời nghĩa trang Phước Long lúc ba giờ ba mươi lăm phút. Khi về đến Đồng Xoài, thì điện thoại reo. Tôi nhận ra số máy của ông Tư Quảng:

- A lô!

- Vì bận vào vụ gia đình liệt sĩ Phan Văn Dự, nên phải chờ ổn rồi, tôi mới làm việc với chú An phòng Thương binh Xã hội tỉnh về vụ của bác Khôi. Báo cho hai bác và gia đình tin mừng, chú An nói: "Việc này vẫn phải có ý kiến và quyết định của cấp trên, nhưng để thân nhân các liệt sĩ phải chờ đợi một ngày, mình có lỗi một năm", nên đồng chí ấy đồng ý cho hai bác gắn bia tên bác Nguyễn Duy Khôi lên mộ. Bước tiếp theo là nạp tên bác ấy vào hồ sơ lưu, chú ấy sẽ lo. Như vậy, sau khi xong thủ tục pháp lý, các bác có thể mở nắp mộ lấy vụn xương đi thử ADN, rồi đưa bác Khôi về quê, nếu muốn.

Tôi nói lời cảm ơn ông Tư Quảng. Rồi lặng đi. Không vui cũng không buồn, vì cả hai cảm xúc đó đều bị nghẹn nơi cổ. Cần gì phải mở nắp mộ, cần gì phải thử AND, khi mọi chuyện đã rõ ràng và tất cả đều chỉ còn là đất.

Vợ tôi nói:

- Ngày giỗ anh Khôi như vậy là có một kết thúc đẹp. Không biết có phải do các cụ tổ tiên và anh Khôi phù hộ? Ít nhất thì Thanh Vân nó nói đúng về hai quý nhân phù trợ, khi ngoài nhà ngoại cảm Lê Văn Hòa, có thêm người thứ hai là ông An nào đó ở phòng Thương binh Xã hội tỉnh Bình Phước.

Dương Trọng Dật ngồi cạnh, nói thêm vào:

- Nếu thế phải nói là ba quý nhân, vì bây giờ, tôi thêm ông Tư Quảng.

Bọn trẻ ngồi trong xe cười phá. Tuấn Phúc, thằng út của tôi hóm hỉnh:

- Thánh cũng có lúc nói sai nữa là cô Thanh Vân.

Do rời Phước Long trễ, trên đường lại bị tắc xe suốt dọc xa lộ Đại

Hàn, nên hơn tám giờ tối chúng tôi mới về đến nhà ở Gò Vấp, Sài Gòn. Dù cùng mệt nhừ, chúng tôi cũng lên bàn thờ thắp nhang cảm ơn các cụ tổ tiên, bố mẹ và anh Khôi đã phù hộ nên ngày giỗ của anh được trọn vẹn với nhiều may mắn. Rồi tôi gọi điện cảm ơn Thanh Vân.

Vân "bói" cười:

- Em đã nói anh Khôi là đồng đội, anh không nhờ, em cũng làm, nên anh nói cảm ơn, em không nhận đâu. Nhưng vụ em nói hai quý nhân phù trợ thì thế nào?

Tôi kể sơ sơ lại chuyện xảy ở nghĩa trang, rồi nói vui:

- Anh chị thừa nhận em nói đúng, nhưng anh Dương Trọng Dật nói là ba chứ không phải hai.

Vân nói trong tiếng cười nhẹ:

- Anh chị nói hai, anh Dật nói ba, nhưng vẫn cùng không trúng một người. Mà thôi, em là thầy bói nói sai cũng là chuyện thường. Điều quan trọng, anh chị và gia đình có một ngày giỗ anh Khôi tốt đẹp là em mừng rồi.

Câu nói và tiếng cười nhẹ như gió thoảng của Thanh Vân, tôi nghe rồi cũng quên đi.

Đêm hôm đó, sau suốt một ngày vừa đi vừa về gần bốn trăm kilômét kèm theo bữa ăn giỗ ngoài trời tiêu hao khá nhiều sinh lực tuổi già, nên chúng tôi ngủ không còn biết trời đất.

Quá nửa đêm, dường như có người đứng đầu giường đánh thức tôi dậy. Thật khó khăn tôi mới mở được mắt, và giật mình nhổm dậy, ngơ ngác nhìn quanh. Người đứng ở đầu giường biến mất. Vợ tôi nằm bên vẫn đang ngủ ngon lành. Tôi nghĩ mình đã ngủ mơ.

Nhưng từ lúc đó, tôi không sao ngủ tiếp được. Từng chi tiết diễn ra ở nghĩa trang liệt sĩ Phước Long được phục hiện như cuốn phim quay chậm. Những diễn biến liên quan đến hài cốt anh Khôi lẽ ra phải được ghi nhận nhiều cảm xúc khó quên, thì hình ảnh bà mẹ hơn chín mươi tuổi từ Hà Tĩnh và ông Mười Cao, cựu chiến binh râu tóc bạc phơ, từ Phú

Quốc, cùng ngồi xe lăn, lúc ở bên ngôi mộ liệt sĩ còn trong tranh cãi, ai nằm trong đó, lại ám ảnh sâu nặng hơn trong đầu tôi… Sau đó, từng lời sôi sục của ông Mười về những liên quan đến anh Khôi, vẫn rành rọt: "... Đồng chí Khôi thương binh ở bệnh xá thì tôi biết. Nguyễn Minh Khôi, dân Hà Nội, lính Sư đoàn 9, bộ đội chủ lực, miền Đông Nam Bộ, trên đường ra Bắc học tập thì bị thương phải ghé vào bệnh xá điều trị... Khi cùng chiến đấu, tôi mới quen người của bệnh xá, trong đó có đồng chí Khôi. Đồng chí ấy đang điều trị vết thương dập chân, nhưng chiến đấu rất sung. Chúng tôi biết nhau được ba ngày thì đồng chí ấy hy sinh... Thậm chí, lính Việt Nam Cộng hòa chết, chúng nó rút vội, bỏ xác lại, chúng tôi cũng hốt về nước an táng hết.... Tất nhiên không thể để chung trong nghĩa trang liệt sĩ mình rồi. Đưa họ đi chôn là mấy anh em tiểu đội khác, nhưng ở rừng cao su gần đây thôi. Chuyến tôi đi, đưa về năm hài cốt lính máy bay trực thăng Việt Nam Cộng hòa. Chính tôi cùng đồng chí Khôi và mấy đồng chí đội bảo vệ bệnh xá bắn cháy mấy chiếc khi chúng nó rà sát bắn rocket xuống bệnh xá hồi tháng Năm năm 1970. Nhưng khi biết năm lính trực thăng này được chôn ở đấy, trung tá Đảnh, đội trưởng đội quy tập của chúng tôi nói: 'Lúc đánh nhau là kẻ thù, nhưng khi chết, họ cũng là đồng hương với mình…', chúng tôi đều đồng tình. Bây giờ, hơn bốn mươi năm, tất cả có lẽ đều thành đất, lính ta còn được quy tập vào nghĩa trang liệt sĩ, người vô danh cũng được thăm viếng, còn những người như họ dù được đưa về nước thì nơi chôn cũng vô danh…".

Nhớ đến đây, tôi bỗng giật bắn người, tại sao lúc ở nghĩa trang tôi không chú ý đến chi tiết này. Rồi tôi nhớ lại lời của Thanh Vân nói trong tiếng cười nhẹ: "Anh chị nói hai, anh Dật nói ba, nhưng vẫn cùng không trúng một người. Nhưng thôi, em thầy bói nói sai cũng là chuyện thường. Điều quan trọng anh chị và gia đình đã có một ngày giỗ anh Khôi tốt đẹp là em mừng rồi".

Người thứ hai là "quý nhân phù trợ" mà Thanh Vân nói, tôi và Dương

Trọng Dật cùng nhìn nhận sai, có thể là ông Mười Cao. Sự phù trợ từ ông, tuy không trực tiếp vào việc tìm hài cốt anh Khôi, nhưng giúp chúng tôi xác định ngôi mộ do cậu Lư chỉ chính xác là của anh, và từ đây lại có sợi dây liên hệ từ xa thẳm của ký ức đã mù mờ bởi thời gian và quá nhiều biến động đời sống… Như vậy, cái bóng trắng đánh thức tôi dậy giữa đêm hôm khuya khoắt không phải giấc mơ, vì chính nó đã giúp phục hiện những quá khứ bị lấp khuất, liên quan đến những điều ông Mười nói về những người lính Việt Nam Cộng hòa trên chiếc máy bay trực thăng bị bắn hạ tại rừng rậm Svay Rieng, tháng Năm năm 1970.

DUYÊN KỲ NGỘ

Năm 1976 ngược về 1966.

Tôi vào Sài Gòn làm việc ở Cục Báo chí và Xuất bản miền Nam tháng Mười Một năm 1975, trụ sở ở 96 Đồng Khởi (đường Tự Do cũ), quận Nhất. Tại sao từ một thành viên Thanh niên Xung phong, nghề nghiệp thợ bậc Năm sửa chữa ô tô vận tải lâm nghiệp, đang lưu động ở rừng núi khắp các tỉnh miền Bắc, bỗng nhiên nhảy tót vào một cơ quan không dính gì với nghề ở tận Sài Gòn? Nguyên nhân, tôi bắt đầu viết văn vào tháng Năm năm 1970 (sau này, tôi mới biết là cùng tháng và năm anh Khôi hy sinh ở chiến trường miền Nam), với những truyện ngắn xuất hiện trên tuần báo Văn nghệ của Hội Nhà văn Việt Nam và Tạp chí Văn nghệ Quân đội. Hồi đó, cả miền Bắc chỉ có hai tờ này ở cấp trung ương, in các sáng tác văn học của các nhà văn, nhà thơ. Văn tôi hay dở với người đọc thế nào, tôi không biết, nhưng được in ở nơi trang trọng, rồi lại được vinh danh là cây bút trẻ của giai cấp công nhân, cùng lứa với hàng loạt các cây bút xuất thân hoặc gần gũi thợ thuyền đang nổi tiếng hơn mình như: Tô Ngọc Hiến, Lý Biên Cương, Nguyễn Sơn Hà, Hoàng Văn Lương, Trần Nhuận Minh, Lê Hường, Chử Văn Long… ở Quảng Ninh; Trần Tự, Nguyên Bình, Chu Văn Mười, Hoàng Hưng ở Hải Phòng; Đoàn Trúc Quỳnh, Lưu Nghiệp Quỳnh, Trần Dũng, Đỗ Bảo Châu, Tùng Điển, Phạm Ngọc Chiểu… ở Hà Nội, là sướng rồi. Có lẽ nhờ vậy, vào tháng Bảy năm 1975, tôi được nhà xuất bản Lao động mời đi trại viết tổ chức cho các cộng tác viên ở Đồ Sơn, Hải Phòng. Tôi và Trần Dũng, cùng chỉ là cây bút trẻ, được đi cùng xe với hai nhà văn đàn anh là Lê Phương và Ma Văn Kháng. Trần Dũng cậy mình kiêm lái xe, đưa cả vợ là Lễ đi cùng. Năm người ngồi trên chiếc "Com-măng-ca" GAT 67 dã chiến cổ lỗ,

màu rêu, do Liên Xô sản xuất từ Thế chiến thứ hai. Chạy theo đường Quốc lộ 5 từ Hà Nội đi Hải Phòng có hơn trăm cây số, nhưng đường vừa chật vừa xấu. Các cầu Phú Lương, Lai Vu trên đường bị Mỹ đánh bom sập, phải đi bằng cầu phao, còn các cầu khác chỉ đi được một chiều, muốn qua phải xếp hàng chờ xe ngược chiều đi hết mới đến lượt mình, nên chạy chậm như rùa.

Trần Dũng bảo anh Lê Phương xem tử vi, phán quá khứ, hiện tại tương lai của từng người để giết thời gian. Mấy năm đó, tử vi, kinh dịch, bói toán đang bị coi là mê tín dị đoan. Những người từng làm nghề này từ chế độ cũ, nếu không vào trại cải tạo, cũng bị coi là "phó thường dân", do chính quyền địa phương quản thúc, nhưng trong giới văn nghệ sĩ, người có khả năng này vẫn túm năm tụm ba tán ở xa lông phòng khách cơ quan hay quán nước chè vỉa hè. Như Lê Phương, Hồng Đăng, Nguyễn Nguyên Bảy, Lê Khánh Trường, Lê Dưỡng Hạo… thì "tiếng thầm vang xa", được coi như thánh. Anh Lê Phương, tên tuổi đang nổi như cồn, thuộc loại này. Khi xem cho tôi, anh phán: "Cậu sắp bỏ nghề. Đi chuyến trại viết này về, sẽ có người từ phương xa đến gặp… Người này sẽ đưa cậu đi hướng Nam, bằng tàu thủy. Có thể là Sài Gòn". Năm đó, miền Nam vừa giải phóng được hai tháng, Sài Gòn đang là điểm đến đầy cám dỗ của nhiều người miền Bắc, nhưng muốn vào phải được chọn lọc qua rất nhiều cửa, nên anh Ma Văn Kháng, vợ chồng Trần Dũng và tôi cùng cười phá, coi đó là chuyện Lê Phương tán cho vui. Đến Đồ Sơn, tôi cũng quên ngay lời "tiên tri" này.

Sau trại viết, tôi trở về đoàn xe, đang đóng tại lâm trường Hương Sơn, Hà Tĩnh, thì được phòng tổ chức Công ty Ô tô Lâm sản báo phải về công ty gấp. Về đến Hà Nội, vào phòng tổ chức, tôi gặp anh Thanh Bình mặc quân phục Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, đầu đội mũ tai bèo, cổ quấn khăn rằn. Thanh Bình quê Cà Mau, học sinh miền Nam tập kết ra Bắc năm 1954, tốt nghiệp Khoa Văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội, là biên tập viên nhà xuất bản Thanh niên, đang biên tập tập truyện ngắn

đầu tay Tôi vẫn về nhà máy cũ của tôi, thì nhận lệnh vào Nam. Anh mới đi cuối năm 1973 nên chúng tôi là chỗ quen biết. Anh bảo:

- Ngay tức khắc, cậu phải theo tôi đến gặp người này.

Tôi hỏi:

- Để làm gì?

Anh nói:

- Cứ đến gặp sẽ biết.

Tôi với anh cùng ngồi trên chiếc xe Jeep Mỹ, cắm cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng chạy từ công ty tôi ở Văn Điển về đến số 10 Nguyễn Cảnh Chân, gần quảng trường Ba Đình, gặp ông Nguyễn Linh, Cục trưởng Cục Báo chí và Xuất bản miền Nam, trực thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam, đang ra Hà Nội họp. Cuộc trò chuyện diễn ra rất ngắn gọn. Đại để, theo ông Nguyễn Linh, văn học miền Nam sau giải phóng sẽ có các lực lượng viết ở sẵn đô thị, địa phương từ trước, lực lượng từ chiến khu về, và lực lượng từ văn nghệ quân đội. Mỗi lực lượng đều có những đặc điểm, ưu thế cảm xúc và cách nhìn của mình về xã hội thời bình, nên ông muốn đưa một số nhà văn miền Bắc, chưa từng viết tác phẩm về chiến tranh, thâm nhập vào miền Nam, để thêm một cách nhìn và cảm xúc khác, hy vọng sẽ góp phần làm phong phú không khí văn học ở vùng đất mới. Ông đã đưa được hai nhà văn Lưu Nghiệp Quỳnh và Phạm Gia Thanh vào rồi. Tiếp theo, ông sẽ chọn và đưa vào một số nữa. Còn tôi nghĩ sao? Đương nhiên, tôi chẳng có lý do gì để mất cơ hội ngàn năm có một. Nhưng tôi thật sự bàng hoàng nhớ đến lời anh Lê Phương, tôi vốn tưởng anh chỉ tán cho vui, nào ngờ lại thành sự thật, và chính xác đến từng milimét. Mọi thủ tục để tôi chuyển công tác vào Sài Gòn chỉ diễn ra chưa đầy ba tháng và tôi cũng vào Sài Gòn bằng chuyến tàu thủy Thống Nhất, xuất phát từ cảng Hải Phòng, như anh Lê Phương nói.

Nghe tôi kể chuyện gặp anh Thanh Bình và ông Nguyễn Linh, Trần Dũng cười sằng sặc:

- Sao mày dễ tin thế? “Bói” chính xác đến tận chân tơ kẽ tóc như thế

thì chắc chắn hai cha Lê Phương và Thanh Bình đã gặp nhau trước khi gặp mày.

Vào thời điểm hai thằng siêu vô thần gặp nhau lúc đó, tôi tin ngay Trần Dũng nói đúng. Nhưng dù anh Lê Phương có biết trước rồi tán cho vui đi nữa, thì điều quan trọng nhất với tôi là mình đã đột nhiên được đặt chân lên vùng đất mới, điều mà bất cứ ai chọn nghề cầm bút cũng đều mong muốn.

Tôi làm việc ở Cục Báo chí và Xuất bản miền Nam đến cuối năm 1976 thì vào một buổi sáng, khoảng chín giờ, cô nhân viên trực văn phòng lên báo có người tên Danh Quỳnh xin gặp, đang chờ dưới phòng khách.

Sau một thoáng sững sờ, tôi bật vội khỏi ghế, đi như chạy xuống phòng khách. Người đang ngồi chờ tôi ở xa lông chính là bác Danh Quỳnh. Bác mặc bộ com lê màu ghi sáng bằng loại vải mềm đắt tiền mang nét sang ngầm, mắt đeo kính râm nhạt, gương mặt không già đi, nhưng trầm lặng rất nhiều so với hồi hai mươi năm trước ở ngõ Tư Đường, Trần Nhật Duật, Hà Nội.

Thấy tôi vào, bác chậm rãi đứng dậy, và cười một cách chừng mực.

Tôi xúc động bước lại, ôm chặt bác:

- Cháu nghĩ bác không còn trong nước.

Bác Quỳnh nói:

- Bác ở trại cải tạo ra cách đây một tuần. Sau khi tĩnh tâm và hồi phục, việc đầu tiên là bác đến gặp cháu.

- Làm sao bác biết cháu làm việc ở đây?

- Danh Huyền cho bác biết. Trước hết, bác chúc mừng cháu đã tiến lên chứ không phải lùi lại như định mệnh.

Tôi hiểu hàm ý sâu xa của lời chúc, nhưng cảm xúc được gặp lại bác như một người thân quý sau gần hai chục năm xa cách mười phần hạ xuống chỉ còn lại năm khi nghe bác nhắc tới Danh Huyền. Có lẽ bác nghĩ tôi và Huyền vẫn là chỗ thân thiết.

Thực ra, từ năm 1966 đến nay, đúng mười năm, chúng tôi không còn

liên hệ với nhau, bởi cơn giận vô bờ bến khi Huyền đột ngột phản bội anh Khôi, cưới họa sĩ Bá Vân...

Thời gian đó, tôi đang làm thợ ở xưởng sửa chữa ô tô thuộc Ty Lâm nghiệp sơ tán trong rừng Thác Cát, Hoành Bồ, Quảng Ninh, thì chị Tâm viết thư ra bảo chuẩn bị thu xếp thời gian, để cuối năm về quê dự đám cưới anh Khôi. Bốn chị em tôi lúc đó ở bốn nơi. Chị Tâm và chồng là anh Nghiệp theo trường Đại học Nông nghiệp 2 sơ tán ở Việt Yên, Hà Bắc. Anh Khôi theo đội Khảo sát Thủy lợi 2, đóng ở Khoái Châu, Hưng Yên. Thằng Vinh đi Thanh niên Xung phong đóng quân ở Quảng Bình. Còn tôi ở Quảng Ninh. Về tình cảm ruột thịt, mấy chị em đương nhiên rất gắn bó, chữ nghĩa cũng có đủ, nhưng không bao giờ viết thư cho nhau và cũng chẳng bao giờ để tâm về chuyện đó. Giờ đây bỗng nhiên có thư, lại là lá thư không đầu không đuôi. Tết năm rồi, tôi còn gặp anh Khôi ở Hưng Yên và vẫn nóng hổi vụ anh lấy xe của tôi chở Danh Huyền, cùng họa sĩ Bá Vân đạp xe về tận Hà Nội. Nếu lấy vợ, chắc chắn là lấy Huyền. Tôi mừng cho cả hai, nhưng sao lại đột ngột? Sao hai nhà cùng ở Hà Nội, lại tổ chức cưới ở nhà quê? Hồi đó, liên lạc bằng điện thoại đều phải qua bưu điện nhà nước, rất nhiêu khê, và trai gái cưới nhau là sự kiện cực kỳ trang trọng, rung chuyển cả trật tự gia giáo chứ không nhẹ tênh như thời nay, chưa kể đó còn là một đám cưới ông anh thần tượng lớn của mình. Thế là nhân Quốc khánh, được nghỉ liền với Chủ nhật, tôi đạp xe từ Hoành Bồ, Quảng Ninh về quê ở Lập Chí, Minh Trí, Kim Anh, Vĩnh Phú.

Thời gian này, bố tôi và mẹ kế cũng về quê ở. Hồi đó đất đai ở quê chưa phải tấc đất tấc vàng. Ủy ban xã, toàn bà con họ hàng xa gần, thương cho một ông già tha hương từng từ Đông Anh dẫn dân lên Phúc Yên khai phá lập nên làng Lập Chí, giờ trở về không tấc đất cắm dùi, nên cấp cho bố tôi hai sào đất cạnh đường làng, rồi cũng nhờ anh em, con cháu dựng nên ngôi nhà nhỏ ba gian, mái tranh, vách đất. Bố tôi còn được kết nạp vào tổ phụ lão trồng cây gây rừng của xã, còn mẹ kế mở

một quán nước chè, kèm bán chuối và kẹo lạc ngay đầu đường. Thấy tôi về, bố tôi hỏi:

- Về lâu không?

- Con chỉ về hai ngày.

- Hai ngày thì về làm gì.

- Con về vì nghe chị Tâm nói anh Khôi sắp cưới vợ. Có phải cưới Danh Huyền, con bác Danh Quỳnh?

Bố tôi trừng mắt:

- Thế con không biết nó lấy chồng rồi à?

Tôi choáng váng, tưởng tai mình nghe nhầm:

- Làm sao có chuyện ấy?

- Bố còn thấy như thế là phúc cho nhà ta. Việc bác Danh Quỳnh bất mãn chế độ, đưa Danh Hùng vượt biên vào Nam, bố không đánh giá xấu, thậm chí, còn thông cảm. Vì sự lựa chọn của bác ấy không khác gì hồi kháng chiến bố đưa cả nhà bỏ chiến khu về Hà Nội. Nhưng việc vợ bác ấy khác văn hóa nhà ta, thì con Huyền không ảnh hưởng nhiều cũng ảnh hưởng ít. Những nhà gia phong, văn hóa đang đi xuống, mình dính vào, sớm muộn cũng xuống theo.

- Bố có biết Huyền lấy ai?

- Bố biết nó lấy chồng từ chị Tâm. Còn nó lấy ai, bố không biết và cũng không quan tâm.

Tôi hỏi:

- Thế anh Khôi lấy ai?

Bố tôi đáp gọn lỏn:

- Lấy đứa cháu gọi u Khướu là dì ruột, ở ngay trong xã này.

Tôi ù cả tai bởi đủ thứ bất ngờ:

- Sao nhanh thế ạ?

- Các anh, các chị bây giờ theo nền giáo dục và tuyên truyền của chế độ mới, đả phá hôn nhân mai mối, lấy nhau thì phải xuất phát từ tình yêu. Vậy cứ ngồi một chỗ gõ mõ tụng kinh ở hai đầu trái đất, tình yêu nó

tự đến à? Đã phản đối mai mối lại quảng bá "Ba khoan". Khoan nhiều như thế mà không cho mai mối là khuyến khích sống độc thân, vài chục năm nữa, đất nước sẽ toàn người già.

Tôi ngơ ngác, không hiểu tại sao tự nhiên bố tôi lại hào hứng với đề tài này, nên chỉ ngồi im.

- Bố phải nói dài dòng như thế, để con khỏi ngạc nhiên khi anh Khôi quyết định lấy cháu u Khướu, hoàn toàn do mai mối, chứ không có tình yêu, tình ái gì hết. Mà đã thông qua mai mối thì vừa mắt là cưới luôn. Bố, cô và chị Tâm tán thành rồi. Họ hàng nhà mình ở quê, ai cũng mừng cho anh Khôi.

Tôi hỏi:

- Thằng Vinh biết chuyện này chưa?

- Biết rồi. Nó viết thư cho anh Khôi phản đối kịch liệt, thậm chí còn nói xấc, mặc dù nó biết bố đã đồng ý. Anh Khôi có đưa bố lá thư này. Bố đọc, nhưng vứt vào ngăn kéo. Quan điểm của bố, con cái lớn rồi, có quan điểm khác với bố mẹ là chuyện thường, nhưng nếu không đồng hành được thì đứng ra bên lề, không được có thái độ quyết liệt, xấc láo. Con cái mà quyết liệt với bố mẹ là vô đạo. Lẽ đúng mà đạo sai, thì cái được cũng không bằng cái mất. Chưa kể lẽ mà sai thì đạo sẽ mất nhiều vô kể.

Chắc thư của Vinh động chạm điều gì nhạy cảm về "đạo", bố tôi mới bỗng nhiên chia cả sự bức xúc sang tôi. Hóa ra trong thư Vinh có câu xác định ranh giới đẳng cấp: "Con trai ông bà chủ lấy con cháu người vú em là sự sỉ nhục". Vinh không ngờ điều chỉ nói riêng với anh Khôi lại đụng vào tôn chỉ thiêng liêng của ông nội, khi ông di dân từ Bắc Hồng, Đông Anh lên Phúc Yên lập ấp dân sinh Lập Chí, nhằm mục đích xây dựng một cộng đồng bình đẳng, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn, một phong trào đầu những năm 1930 thế kỷ trước, được nhiều địa chủ, quan lại trong nước hưởng ứng. Và khi bố tôi đồng ý cho anh Khôi lấy cháu u Khướu là trong ông không hề phân biệt đẳng cấp, hay cũng có thể là "không còn phân biệt" vì gia đình tôi đang hoàn toàn vô sản. Tuyên

ngôn của bố tôi không hẳn là cấm tôi phản đối, nhưng đủ cho tôi biết mình phản đối là dại, dù máu phản đối trong tôi về vụ hôn nhân này cũng bốc ngùn ngụt không kém thằng Vinh. Tình yêu giữa anh Khôi và Danh Huyền đang đẹp, thậm chí, vô cùng đẹp, bỗng nhiên vì lý do gì, cô ta quay ngoắt 180 độ, lấy người khác, thì anh Khôi cũng không thể vì thất tình mà tiện ai cũng lấy như một kẻ chán đời. Cô gái đó lại là cháu ruột u Khướu, người vú nuôi của tôi, thì tôi khác Vinh ở chỗ, tôi chỉ hơi lo vì một đằng dân Hà Nội, một đằng dân nhà quê, khó hòa hợp, chứ không kỳ thị đẳng cấp. Mấy anh em tôi đang được xã hội tôn vinh giá trị, nhưng Thanh niên Xung phong kỳ thực vẫn đang là những người lao động chân tay, mọi vinh quang nếu có thật thì có thể thuộc về tương lai. Tôi cũng khác Vinh ở chỗ, nó nghĩ gì thì nói huych toẹt, còn tôi có nghĩ đúng như nó, vẫn chỉ để trong đầu.

Nhà tôi, hồi ở quê Phúc Yên, kể từ năm 1934, do mẹ tôi thường xuyên cùng bố tôi tham gia điều hành kinh doanh ở nhiều nơi, trong đó có việc giúp các ông bên ngoại duy trì và phát triển nhà xuất bản Mai Lĩnh của gia tộc ở Hà Nội và Sài Gòn, nên chỉ về ở quê mỗi dịp sinh con. Sinh ra đứa nào, đều phải thuê một vú em nuôi nấng, để bà tiện nay đây, mai đó. Trong anh chị em chúng tôi, có một người trên và một người dưới chị Tâm mất sớm vì bệnh, các thầy tử vi, phong thủy được mời đến coi người và đất đai, đều phán: “Phải lên lễ chùa, xin đổi tên tất cả các con thành tên con vật, để đạo ôn vốn đang thù con người, không bắt tiếp”. Bố mẹ tôi nghe thầy, đổi hết tên các con thành loài chim để đánh lừa đạo ôn: Chị Tâm là Vẹt, anh Khôi là Sáo, tôi là Khướu, thằng Vinh là Yểng. Chẳng biết các thầy dựa vào đâu mà phán, nhưng giữa thời buổi mùa màng cả nước kiệt quệ trong khủng hoảng bởi lũ lụt rồi hạn hán, với hơn hai triệu người chết đói năm 1945, mấy chị em tôi, từ lúc lọt lòng, toàn bú sữa người dưng, mà không đứa nào phải đi theo đạo ôn. Sang năm đứa em con mẹ kế, các thầy lại nói: “Hạn xấu đã hết”. Nhờ vậy, các em sau này không bị dùng tên loài vật thay tên người. Nếu không, chắc

chắn với chín anh chị em, nhà tôi sẽ thành một sở thú thu nhỏ. Vì chúng tôi tên chim, nên các vú nuôi cũng được gọi theo là các tên u Vẹt, u Sáo, u Khướu, u Yểng.

U Khướu, người nuôi tôi, ở cùng xã nhưng khác thôn. Bà là vợ lẽ một quan huyện người Phù Lỗ từ năm mười bảy tuổi, đến khi ngoài hai mươi tuổi thì sinh cho ông này hai con. Người con trai tên Lộc, còn con gái tên Hằng, sinh cùng năm, cùng tháng với tôi. Do không chịu nổi đòn vũ phu thường xuyên của ông chồng già và máu Hoạn Thư của bà vợ cả, u ôm con về nhà mình, rồi được bố mẹ tôi đón về làm vú em cho tôi. Khác với những nhà khác, các vú em khi được thuê đều phải bỏ con ở nhà mình sang ở và dành hết sữa cho con chủ, bố mẹ tôi đều cho các vú mang con sang ở cùng, nên mấy anh chị em tôi đều cùng uống chung dòng sữa với con của các vú. Năm 1946, khi kháng chiến chống Pháp toàn quốc bùng nổ, bố tôi đưa cả nhà lên chiến khu Việt Bắc, vừa tản cư vừa tham gia kháng chiến, cũng đưa cả mẹ con u Khướu và u Yểng theo. Có lẽ nhờ tử tế với người làm, mà hồi cải cách ruộng đất, được các cán bộ Đội vận động hết cỡ, các vú cũng không ai đấu tố gì bố mẹ tôi.

Khi gia đình tôi ở Hà Nội, những dịp giỗ, Tết hoặc chúng tôi nghỉ hè, bố hay đưa chúng tôi về quê ít ngày. Có khi với họ hàng, chúng tôi không đi chào hết, nhưng riêng với các vú, bố không đưa chúng tôi đi thăm được thì đều nói các anh chị họ đưa đi. Khi chúng tôi lớn lên cũng là thời điểm cả nước khó khăn, kinh tế gia đình tôi eo hẹp, giỗ chạp ít đi, việc về quê thưa dần. Hào hứng với quê hương ở tôi và các em mờ nhạt, nhưng riêng anh Khôi lại không hề bớt gắn bó. Những ngày giỗ ở quê, nhiều khi chính bố tôi vì bận không về, anh cũng đạp xe chở chị Tâm hay chở bạn như Danh Hùng, Huy Lạc về dự. Đã về, thế nào anh cũng đi thăm tất cả các u. Có u như u Khướu kinh tế khá giả, còn các u khác như u Sáo, u Yểng sống trong nghèo khổ, anh vẫn thân thiết như nhau. Những lần về quê cùng anh, hai anh em đi đâu, gặp ai, tôi thấy hình như anh đều quen cả, anh quen cả làng và thuộc tên tất cả những ông bà, cô,

chú, bác, anh chị em, xuống đến lứa các em, cháu trong họ. Trong khi tôi và thằng Vinh rất khó chịu khi mình từ thành phố về, phải gọi những lứa bằng hoặc ít tuổi hơn là cô, chú, bác, thậm chí, là ông bà, còn anh thì "thưa ông, bà", xưng "cháu" ngọt xớt cả với đứa nhóc con, như anh với quê là cá với nước. Chính vì thế, khi nghe anh được u Khướu làm mối cho cô cháu, tôi chỉ bận tâm về việc, tại sao anh quá dễ dãi chứ không ngạc nhiên khi trong xã có ai đó giới thiệu cho anh một cô gái làng.

Ăn cơm trưa với bố và mẹ kế xong, tôi lẳng lặng đạp xe sang nhà u Khướu. Tuy cùng xã, nhưng nhà u đi ngược về hướng sân bay Nội Bài và giáp Quốc lộ đoạn Phúc Yên - Phù Lỗ nên cách nhà tôi tới năm, sáu kilômét, với đường làng quanh co. Nhà u là ngôi nhà ngói ba gian, áp lưng vào rặng tre dày kế bên con sông nhỏ, phía trước là sân gạch Tàu và vườn nhãn. Hồi bé, từ Hà Nội về, tôi chỉ được đến thăm u do bố hoặc anh Khôi đưa đến. Từ khi đi Thanh niên Xung phong ra Quảng Ninh, mỗi lần đi phép về Hà Nội, tôi ghé thăm u một lần. Tài sản của u, với ngôi nhà ngói và diện tích vườn vài sào ở vùng quê nghèo trung du, thời hợp tác xã, như thế thuộc loại đủ ăn. Anh Lộc, con trai lớn của u đi bộ đội từ hồi kháng Pháp, giờ là trung tá pháo binh, đóng ở tận Quảng Bình, còn chị Hằng người cùng tôi bú chung bầu sữa của u đã lấy chồng và ở bên nhà chồng tận Đa Phúc. U hiện ở cùng con dâu, vợ anh Lộc, là chị Quý và một đứa cháu nội. Nhà ở quê, muốn vào chẳng cần gọi cổng. Tôi dựng xe, đẩy cánh cổng tre nhỏ, vừa bước vào, một con chó mẹ và một lũ chó con từ trong hiên nhà đã chồm ra sủa inh ỏi.

Một cô gái trẻ, tóc đen dài và mượt, mặc chiếc áo thun cổ tròn cộc tay, quần the đen, lẳn hết hình vóc thon lẳn tràn đầy sinh lực, từ trong nhà bước ra. Đương nhiên không phải chị Quý.

- Anh hỏi ai ạ?

Tôi thận trọng:

- Hình như bà Lộc (tôi gọi u theo tên người con trai, như người làng vẫn gọi) không còn ở đây?

Cô gái nhã nhặn:

- Thưa, dì em vẫn ở. Hôm nay, em ở nhà trông nhà cho dì và chị dâu đi ăn giỗ ở làng bên. Anh là…

Tôi lúng túng:

- Ngày trước bà Lộc là u… tôi.

- À! Em biết rồi. Anh là anh Khướu, nhưng bây giờ tên là Tuấn. Anh vào nhà uống nước đi… Chiều tối, dì và chị em mới về.

Tôi hỏi dè dặt khi bước vào nhà:

- Làm sao chị biết tên tôi?

- Em nghe anh Khôi kể. Em còn biết anh đang là Thanh niên Xung phong ở vùng mỏ Quảng Ninh. Nhưng anh đừng gọi em là chị, vì em với anh sinh 1945, nhưng anh sinh ngày ba mốt tháng Năm, còn em sinh hai lăm tháng Mười Hai, kém anh những bảy tháng.

Dẫu đầu có toàn đất sét thì tôi cũng biết ngay cô gái này là ai. Cô ta lại biết rõ tên gọi ở nhà lẫn tên khai sinh cùng ngày, tháng, năm sinh của tôi, chứng tỏ phải thân thiết đến mức nào, ông anh tôi, một người vốn rất nhạy cảm từng chi tiết về lý lịch gia đình, lại dễ dãi khai báo như một kẻ dại gái với cô gái này.

Tôi nói với cô:

- Có phải bạn là Sính, vợ sắp cưới của anh tôi?

Sính rất hồn nhiên:

- Vâng. Bố anh đã sang bên này gặp dì em. Sang tháng sau, mẹ em mới từ Lai Châu về, còn anh Khôi sẽ xin nghỉ phép ở Khoái Châu, Hưng Yên, hai nhà tổ chức ăn hỏi, rồi cuối năm tổ chức cưới.

Sính ý tứ vào buồng trong, mặc thêm chiếc áo đồng phục Thanh niên Xung phong bạc cũ, rồi trở ra lăng xăng xuống bếp rót bát nước vối nóng lên mời tôi:

- Anh uống nước vối đi. Dưới bếp có cả khoai luộc, hay em mang lên cho anh ăn nhé.

Chúng tôi thân thiện rất nhanh. Nhưng vẫn phải nói, trước khi đến

mức thân thiện, tức là khi vừa bước chân vào sân, thoạt thấy Sính ở thềm cửa, tôi đã bỏ phiếu ủng hộ anh Khôi, vì cả sự sinh động lẫn sinh lực ở cô đều nằm ra ngoài những so sánh để kỳ thị về ranh giới thành thị, nông thôn hay giàu nghèo, xấu đẹp, mặc dù gương mặt cô chỉ ở mức khỏe khoắn, dễ nhìn, chứ không đẹp như Danh Huyền. Tôi hỏi:

- Bạn biết nhiều về anh Khôi chưa?

- Anh Khôi ở tận Hưng Yên, nên em mới gặp vài lần, nhưng ông bà bên nhà thì em nghe dì Lộc kể nhiều. Dì Lộc dạy em, lấy chồng thì phải chọn bố mẹ trước khi chọn chồng, vì bố mẹ ăn ở phúc đức thì con cái tử tế theo, mình về làm dâu sẽ không khổ. Đầu tiên, dì Lộc định dấm em cho anh. Dì nói dì thương anh hơn anh Khôi, vì anh bú dì từ lúc lọt lòng, nhưng anh lại "to đầu mà dại". Anh và chị Hằng bú chung vú dì, nhưng khi bị chị ấy tranh giành, chỉ biết ngồi khóc, nên em lấy anh, lúc khó khăn, sợ anh chẳng biết làm gì, nên dì mới chọn anh Khôi. Chỉ gặp anh Khôi lần đầu, em đã chấp nhận ngay.

- Còn tình yêu?

- Em đồng ý, anh ấy cũng đồng ý thế là yêu nhau rồi còn gì.

- Bạn quên bây giờ đang phong trào "Ba khoan" à?

- Hồi ở đơn vị Thanh niên Xung phong, trăm phần trăm là con gái mới lớn, đứa nào cũng rừng rực, vậy mà quanh năm suốt tháng, hết đại đội trưởng, đến chính trị viên tuyên truyền "Ba khoan", cứ như đang đói lại bị cấm ăn, giờ về quê như chim sổ lồng. Ở quê mình, hai mươi tuổi mà chưa chồng bị coi là gái ế, nên vừa có anh Khôi, em chộp luôn.

- Còn việc thi đại học?

- Anh tưởng em không thích học đại học à? Nhưng học là chuyện suốt đời. Sau này, chồng con rồi học cũng được, không học ở nhà nuôi con, cùng lắm bắt con học thay mình để nó có tương lai, cũng chẳng sao, nhưng lấy chồng là chuyện ngàn năm có một. Tất nhiên không có anh Khôi sẽ có người khác, nhưng nhỡ người sau không bằng người trước, lại vớ phải thằng vũ phu hay vô tích sự, thì khổ cả đời.

Do chiều tối u Khướu và chị Quý mới về, nên tôi và Sính có thừa thời gian trò chuyện, mà người khai thác tất nhiên là tôi. Bố Sính là bộ đội hồi chống Pháp, hy sinh trong chiến dịch Biên giới 1950. Năm 1953, mẹ cô đi bước nữa, lấy một đồng đội cũ của chồng, đang hoạt động tiễu phỉ[9*] tận Lai Châu. Do tình hình trên đó phức tạp, không an toàn, bà để con ở quê cho chị ruột là u Khướu nuôi. Sính học hết lớp mười ở Phúc Yên năm 1963, tức cùng lứa tốt nghiệp phổ thông với tôi, thì đi Thanh niên Xung phong, trở thành y tá của đơn vị, đóng quân tại tuyến lửa Vĩnh Linh. Thay vì đi bốn năm theo chế độ mới rồi được chuyển ngành, nhưng nhờ thành tích xuất sắc trong công tác, lại là con liệt sĩ, Sính được về sớm một năm để thi vào đại học. Thời gian cô nghỉ ở nhà, chính là nhà u Khướu, để học thi, u Khướu và chị Quý nảy ra ý làm mối cho anh Khôi, khi biết anh Khôi bị người yêu chia tay, đang đau khổ thất tình. Vì lý do gì họ đến với nhau thì biết rồi, còn vì sao họ cùng quyết định lấy nhau nhanh như chảo chớp, thì suy nghĩ ban đầu của tôi, rằng vì thất tình mà khiến anh Khôi quyết định lấy Sính ngay, có vẻ đã bị lung lay. Vì với một cô gái như Sính, thì ông anh tôi, người luôn rất tỉnh táo trước các em, dẫu không thất tình chắc chắn cũng bị đổ.

9 Tiễu phỉ: đánh dẹp giặc cướp ở vùng rừng, núi.*

Buổi tối, sau khi u Khướu và chị Quý về, tôi ở lại ăn cơm, rồi đạp xe về nhà ở Lập Chí. Bố tôi có lẽ chờ ở tôi sự phản đối quyết liệt như thằng Vinh, nên hỏi lạnh nhạt:

- Thế nào?

Do đồng tình chấp nhận ngay cô gái sắp là chị dâu mình thì có khi không phải đạo, nên tôi đáp ngắn gọn:

- Con thấy cũng được.

Thực tình, trong chuyện này, tôi chỉ càng thấy thương anh Khôi. Gặp Sính rồi, tôi biết anh lấy cô cũng là có tình cảm, chứ không chỉ cốt lấy cho xong một phần đời, như một sự phẫn chí khi biết Danh Huyền lấy Bá Vân.

Tôi trở ra Quảng Ninh với quyết tâm cao độ sẽ viết thư chửi cho cả Danh Huyền lẫn Bá Vân một trận… Tôi đã viết rồi lại bỏ, xé bỏ rồi lại viết, hàng chục lần… Đầu tiên là sự phẫn nộ, sự thóa mạ, sự sỉ nhục, rồi mức độ cay độc mỗi lúc một tăng dần với cả hai người, nhưng chưa lá thư nào được gửi đi thì tôi nhận được thư anh Khôi.

"Gửi Tuấn!

Bố nói em về quê, gặp cả Sính và tỏ ra ủng hộ anh. Anh rất mừng. Nhưng anh cũng biết em đang bị bất ngờ. Bất ngờ về Danh Huyền và Bá Vân. Rồi bất ngờ về anh với Sính. Đây là hai câu chuyện dài, viết thì không sao nói đủ, nên anh chỉ cần em hiểu và tin anh đã có lựa chọn đúng trên đường đi của mình. Khi nào gặp nhau như hồi em đến thăm anh ở Hưng Yên, có nhiều thời gian tâm sự, anh sẽ nói kỹ hơn.

Anh yêu Danh Huyền tha thiết, nhưng đường đi của anh còn đầy chông gai, nên không được phép làm cho Huyền khổ hơn, khi mà Huyền đã đang quá khổ rồi. Anh tin Huyền sẽ hạnh phúc bên anh Bá Vân, vì anh Vân còn yêu Huyền hơn cả anh. Anh muốn em cũng nghĩ về hai người như anh nghĩ.

Còn anh với Sính lại giống như duyên số. Anh quyết định lấy vợ chỉ để anh và Huyền cùng dứt tình. Phải dứt tình, Huyền mới có thể an tâm trong tổ ấm mới. Nhưng u Khướu lại bất ngờ đưa đến cho anh một người bạn đồng hành, nên anh tự an ủi: Có lẽ mình ở hiền nên gặp lành… Hôm hai anh em ở Hưng Yên, em nói chưa quan tâm đến tình yêu, nếu đến hôm nay vẫn vậy thì thật là đáng tiếc. Phải yêu đi, em sẽ hiểu anh hơn. Đám cưới anh và Sính, nhất định em phải về dự.

Anh của em, Nguyễn Minh Khôi."

Nhận được thư anh Khôi, tôi xé hết những lá thư đầy những lời cay nghiệt dành cho Danh Huyền và Bá Vân.

Nhưng cuộc đời, nhất là trong chuyện tình duyên và hôn nhân, không ai học được chữ ngờ, dù mọi chuyện tưởng đã tốt đẹp tới 99,9 phần trăm.

Ở Quảng Ninh, tôi nhẹ nhõm chỉ chờ có tin báo về ngày giờ đám cưới anh Khôi và Sính là lập tức lao về quê. Nhưng rồi ngày tháng cứ trôi qua, sự háo hức nguội dần, chuyển sang sốt ruột, và tôi linh tính có sự không hay xảy ra, khi đến Tết Nguyên Đán vẫn không thấy tin tức gì. Song tôi chỉ đoán có thể vì lý do nào đấy, như do Mỹ ném bom miền Bắc, nên đám cưới bị hoãn lại đến sang năm.

Ngày hai mươi chín Tết, tôi đạp xe từ Quảng Ninh về Việt Yên, Hà Bắc, ăn Tết với gia đình chị Tâm đang ở sơ tán theo trường đại học. Năm đó, trời cũng rét đậm như năm tôi về Hưng Yên định ăn Tết với anh Khôi, nhưng rồi sự cố dạy võ Judo cho đội tuyển điền kinh học sinh tỉnh, đã khiến anh ăn Tết trong tù, còn tôi lủi thủi trên đường trở lại Quảng Ninh. Nhớ lại Tết năm trước, khiến trong tôi linh tính mung lung về một cái Tết nhiều lo âu đang chờ mình ở phía trước, mặc dù, trong mấy năm đó, gia đình nhỏ của chị Tâm là nơi ổn định nhất trong gia đình chúng tôi.

Vợ chồng chị Tâm và hai cháu Cương, Nga, cũng như nhiều gia đình giáo viên của trường đều ở phân tán trong nhà dân, phải vừa đi vừa hỏi thăm cả buổi, tôi mới tìm đúng nhà. Hai chị em vừa tay bắt mặt mừng, tôi đã hỏi ngay:

- Chuyện đám cưới anh Khôi với Sính thế nào?

Chị Tâm ngạc nhiên:

- Em chưa biết cái Sính lấy người khác rồi à?

Tôi bàng hoàng đến bủn rủn cả người:

- Làm sao có chuyện đó được. Hôm em về quê, đến nhà u Khướu, gặp ngay Sính, thấy mọi chuyện vẫn tốt đẹp mà?

Đến nhà chị Tâm, tưởng sẽ lập tức tu hết ngay một chai nước rồi thoải mái nằm thẳng cẳng ra giường, sau hành trình hai trăm kilômét đạp xe rã rời từ Hoành Bồ, Quảng Ninh về Việt Yên, Hà Bắc, không ngờ tin động trời từ chị, khiến tôi quên cả mệt nhọc, ngồi thừ bên bàn nước. Chị Tâm kể:

- Bố với cô đã lập một đoàn họ nhà trai gồm vợ chồng chú Lương, vợ chồng chú Nhọ, các cô Lãm, cô Xuyến, vợ chồng chú Sửu, cô Nhụ, vợ chồng chú Nghiêm từ Hà Nội, rồi anh chị cũng từ Hà Bắc về, vợ chồng chú Hân từ Thụy Hà, Đông Anh sang, gần hai chục người, kéo nhau sang nhà u Khướu làm lễ ăn hỏi. Bên đó hơn hai chục người, mẹ cái Sính và chồng cũng từ Lai Châu về. Mọi chuyện diễn ra vui vẻ ấm cúng, vì hai nhà cùng xã, quen biết nhau cả. Ngày cưới tính là ba mươi tháng Mười Hai dương lịch, đúng ngày Chủ nhật, cách Tết Tây hai ngày… Không ai ngờ tay Phó Chủ tịch huyện Kim Anh có đứa cháu tên là Tre, thương binh hỏng một mắt và muốn ghép cái Sính cho cháu mình, hắn biết chuyện Sính sẽ lấy Khôi nên tìm cách phá. Điều đáng buồn là nhiều người trong xã, kể cả mẹ cái Sính cũng ủng hộ.

Tôi hỏi:

- Sính thì sao?

- Làm sao chị biết được. Khi quyết định, họ không cho cái Sính ở nhà u Khướu nữa. U Khướu chỉ biết khóc, sang xin lỗi bố và cô.

- Còn anh Khôi?

- Khôi nó đi bộ đội rồi, em cũng không biết à?

Tôi ngơ ngẩn:

- Trời ơi là trời. Trong nhà xảy ra bao nhiêu chuyện động trời, sao em không hề hay biết?

- Còn thằng Vinh thì sao?

- Thằng Vinh từ đầu đã phản đối chuyện này, lại đang ở tận tuyến lửa Vĩnh Linh, còn em ở Quảng Ninh, nên bố bảo khi nào cưới hãy báo về.

Anh rể Phạm Thế Nghiệp nghe tin tôi về, sốt sắng bắt ngay con gà trống thiến của nhà, cắt tiết để đãi em vợ, coi như ăn Tết sớm. Hai cháu Cương, Nga thấy có chú cùng mừng rối rít. Nhưng tôi không lòng dạ nào vui. Chị Tâm đưa cả xấp gần chục lá thư anh Khôi viết từ khi nhập ngũ cho tôi xem. Hóa ra đơn vị anh đóng ở vùng rừng núi Mai Siu, ngay trong tỉnh Hà Bắc.

Sáng hôm sau, ba mươi Tết, thay vì ở lại ăn Tết với nhà chị Tâm, tôi đạp xe thẳng đến Mai Siu. Trời lạnh, gió buốt. Đoạn Quốc lộ trải nhựa hơn bốn chục cây số không là gì với sức trẻ, nhưng bắt đầu rẽ vào đường lâm nghiệp xuyên rừng trải cấp phối[10*] đỏ, lên dốc, xuống đèo quanh co, mặt đường nhiều đoạn bị xe chở gỗ cày nát, những khúc qua suối, đi bằng đường ngầm phải xuống vác xe, nước ngập đến hông. Ngày Tết, mọi hoạt động trong rừng đều nghỉ. Đường không bóng xe, bóng người, cứ hun hút, hun hút như trong rừng có ma. Có lúc, tôi đã tính quay về. Nhưng ngồi nghỉ một lúc, thôi thúc gặp bằng được anh Khôi lại khiến tôi tiếp tục nhẫn nại vào sâu trong rừng. Thật kỳ lạ, nơi đóng quân của bộ đội, mà đi mãi không thấy một bóng lính như thường thấy ở những nơi khác.

[10] Cấp phối: loại vật liệu dùng để trải đường, với các thành phần gồm đất, cát, sỏi, đá... được trộn theo tỉ lệ nhất định.*

Phải quá trưa, khi vừa đói vừa mệt, tôi mới tới một trạm gác nhỏ, mái tranh thô sơ. Một anh lính đeo bên vai khẩu AK, đứng bên trong. Tôi lên tiếng chào:

- Xin lỗi đồng chí.

Tôi đưa cho anh lính trẻ tấm chứng minh thư của tôi và chiếc phong bì, chỗ người gửi có ghi tên Nguyễn Minh Khôi và số hòm thư, còn người nhận là Nguyễn Thị Minh Tâm, nói rõ:

- Tôi là em anh Khôi, muốn vào thăm anh ấy.

Anh lính xem kỹ mấy thứ tôi đưa, nhìn tôi chăm chăm, chừng như tạm an tâm, rồi mới nói:

- Hôm nay Tết mới cho người lạ vào… Nhưng hiện giờ doanh trại chỉ có bộ phận hậu cần, còn tất cả đang đi tập hành quân dã ngoại.

- Tết cũng phải tập?

- Trừ mùng Một, còn lại tập hết. Giờ đồng chí đi vào hai cây số nữa mới đến doanh trại. Nếu đói thì báo trực ban để các đồng chí ấy đưa xuống nhà bếp ăn cơm, rồi qua phòng tiếp tân nghỉ ngơi. Chiều đồng chí

Khôi về sẽ gặp.

Tôi đạp xe không phải hai mà đến năm cây số mới đến chỗ người lính gác gọi là doanh trại, gồm rất nhiều những nhà lán ẩn kín trong rừng lim mà nếu đi trên đường không để ý, chỉ tưởng là loại nhà lá của những người sơn tràng[11*] dựng tạm để ở trong thời gian khai thác gỗ.

[11] Sơn tràng: nghề khai thác rừng thủ công.*

Tôi còn đang ngơ ngác nhìn quanh để tìm người hỏi thăm thì một đoàn bộ đội, vai vác súng AK hoặc CKC, lưng đeo ba lô nặng trĩu, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, nối nhau theo hàng dài mấy trăm con người, từ con đường mòn trên núi đổ xuống, đến đường lớn chạy qua doanh trại, được nghỉ, nên dồn lại thành bốn hàng dọc. Tôi nhận ngay ra người đứng giữa trong bốn người hàng đầu chính là anh Khôi, và anh cũng nhận ra tôi.

Người chỉ huy hô:

- Giải tán.

Đoàn quân mấy trăm người đồng thanh vang dội núi rừng:

- Giải phóng miền Nam.

Tiếng hô vừa dứt, anh Khôi chạy ngay đến gặp tôi, hơi thở vẫn còn hổn hển:

- Làm sao em biết anh ở đây?

Tôi nhìn anh, ứa nước mắt. Tôi cao một mét bảy mươi, còn anh cao một mét sáu mươi bảy, năm ngoái ở Hưng Yên, anh còn vạm vỡ, có da có thịt, nên hai anh em đứng cạnh nhau, tôi chỉ nhỉnh hơn anh chút đỉnh, giờ anh gầy xọp, đen đúa, bộ quân phục màu rêu mới tinh lại rộng thùng thình, khiến anh nhỏ thó trước tôi.

- Em đến chỗ chị Tâm, mới biết anh đi bộ đội. - Tôi trút hết bức xúc. - Anh bị gọi đi nghĩa vụ quân sự, hay xung phong?

- Anh xung phong.

- Có phải vì thất tình với Danh Huyền và cái Sính?

- Chuyện dài lắm. Hiện tại anh đang là trung đội phó, còn trung đội

trưởng đang bị ốm, nên bây giờ anh phải vào với anh em, phổ biến việc chỉ nghỉ ăn Tết ngày mùng Một và kế hoạch luyện tập tiếp theo, rồi báo cáo đại đội có em đến, tiện báo cơm luôn. Xong việc, anh em mình sẽ có suốt một đêm ở phòng tiếp tân.

Dứt lời, anh tất bật đi như chạy theo đơn vị về khu lán trại trong rừng.

Tối hôm đó, anh Khôi và tôi thức suốt đêm trong bóng tối. Vì lý do bảo mật doanh trại, không chỉ anh em tôi, mà cả sư đoàn tổ chức đón giao thừa cũng không đèn đuốc. Anh kể:

- Ai biết chuyện cũng đều nói như em. Vì thất tình với Danh Huyền nên mới lấy vội Sính, một cô gái quê. Rồi chuyện với Sính không thành, lại thất tình, mới xung phong đi bộ đội. Tất nhiên chuyện với Danh Huyền là chuyện buồn, không chỉ buồn mà còn đau. Rất, rất đau. Nhưng cơn đau buồn qua rồi, lòng anh lại yên bình. Anh nói vậy, em có tin không?

Tôi đáp xẵng:

- Không.

- Một người có sắc, có tài như Huyền, người vốn đã phải chịu khổ rất nhiều từ khi bác Danh Quỳnh và anh Danh Hùng vượt biên vào Nam, xứng đáng được hưởng những điều tốt đẹp. Nếu lấy anh, Huyền sẽ chỉ khổ thêm, vì tương lai của anh chưa xác định, nhưng biết chắc là đường đi sẽ còn nhiều chông gai. Anh khổ bao nhiêu cũng được, vì mình sẵn sàng chịu trách nhiệm về con đường đã chọn, còn Huyền thì sao? Huyền vẫn nói: “Khổ mấy em cũng chịu đựng cùng anh”. Nhưng anh không thể để người khác, nhất là người yêu, người vợ phải chịu khổ thay mình, chưa kể hai vợ chồng cùng khổ, thì con cái sẽ khổ theo.

Tôi ngắt lời anh:

- Lúc thành công, thành đạt thì sao?

- Nếu biết chắc ngày mai hay sang năm thành đạt thì chẳng có gì phải bàn, nhưng đường anh chọn là con đường đồng hành với hoàn cảnh đất

nước. Sự nghèo nàn lạc hậu chắc chắn sẽ còn kéo dài. Bây giờ lại bắt đầu cuộc chiến tranh chống Mỹ và thống nhất đất nước… Bác Hồ nói: Năm năm, mười năm, hoặc lâu hơn nữa… Trong khi anh Bá Vân cùng nghề với Huyền, cùng nổi tiếng và đặc biệt cũng rất yêu Danh Huyền.

Tôi lại cắt ngang:

- Và Danh Huyền cũng yêu Bá Vân? Yêu nhanh và cưới cũng rất nhanh?

Anh Khôi thoáng lúng túng:

- Điều này, anh không bình luận. Nếu không tuyệt đối hóa những quan niệm về đạo đức và tình cảm, mọi chuyện đều dễ giải thích. Huyền từng yêu anh, sau đó lại yêu và cưới anh Bá Vân cũng có sao đâu. Chính anh đã thông cảm và chúc mừng cả hai một cách rất thật lòng khi thấy trước Huyền sẽ có một gia đình đầm ấm với Bá Vân hơn là sống với anh.

Tôi cười nhạt:

- Nếu thật lòng như vậy, sao anh chọn và cưới Sính nhanh thế?

- Điều này, anh viết trong thư cho em rồi. Lúc đầu, khi chưa biết Sính, anh đã quyết định lấy ai đó thật nhanh, để Danh Huyền sớm quên anh đi. Còn dính vào Sính là sau này. Từ ngày bố về quê sống, anh vẫn về quê thăm bố và cô mỗi khi tiện dịp. Ở quê không chỉ các u, mà các cô, bác thấy anh chưa vợ, đều có ý làm mối cho con nhà này, nhà khác. Trong những người nhiệt tình như vậy có u Khướu. U còn đưa cả Sính sang nhà chơi cả ngày, nấu cơm cho bố và cô. Khi bố và cô đồng tình, anh vẫn không biết chuyện và không biết mặt Sính. Phần vì cả năm anh mới rẽ về nhà vài lần, phần vì anh coi vụ mai mối cho trai gái ở quê lấy nhau là chuyện lỗi thời, lạc hậu mà các bà, các chị cố duy trì cho vui xóm làng là chính. Nhưng vào một đêm, đang ngủ dưới thuyền ở Khoái Châu, anh mơ thấy mẹ mình… Em có bao giờ nằm mơ thấy mẹ?

Tôi thanh minh:

- Có lẽ do mẹ mất lúc em mới ba tuổi, chưa kịp biết gì, nên em chưa bao giờ mơ thấy mẹ.

- Còn anh, rất là lạ. Mỗi năm có một ngày giỗ mẹ, bố tính theo ngày âm lịch, trong khi đời sống hằng ngày, anh chỉ quan tâm đến ngày dương lịch, nên không để ý giỗ mẹ vào ngày âm. Vậy mà năm nào cũng vậy, đêm trước ngày giỗ, mẹ luôn hiện về trong giấc ngủ của anh. Lần này, mẹ đặt tay lên trán anh, và nói: "Ngày mai, về quê, con nhớ đến nhà u Khướu. Ở đó có đứa con gái tuổi Dậu, do u làm mối cho con, cậu và mợ cũng đồng ý, bởi nó là đứa sẽ ăn đời ở kiếp với con…". Anh giật mình thức giấc, nghĩ có lẽ do ngày nghĩ đêm mơ, vì đúng là mình đang có ý định lấy vợ. Hôm sau là ngày giỗ, anh xin nghỉ việc sớm ở đội khảo sát để đạp xe về quê. Trên đường về, sực nhớ tới giấc mơ đêm trước, thay vì về thẳng nhà, anh lại rẽ vào nhà u Khướu. Khi dừng xe ở cổng, anh thấy một cô gái đang quét sân. Mấy con chó trong nhà u thấy người lạ, nhâu nhâu chồm ra sủa inh ỏi. U Khướu từ trong nhà nói vọng ra: "Sính ơi! Ra cổng xem có ai đến kìa". Đó là lần đầu tiên anh biết Sính, người con gái đúng là tuổi Dậu như mẹ nói trong giấc mơ. Thật kỳ lạ, chỉ thoạt nhìn là anh chịu ngay. Từ đó, thứ Bảy nào, anh cũng về nhà u Khướu. Càng tiếp xúc với Sính, anh càng thấy Sính sẽ chính là người đồng hành, người sẽ đồng cam cộng khổ với mình suốt cuộc đời như mẹ nói. Từ đó anh cũng nhận ra, anh với Danh Huyền chỉ có yêu thương, yêu thương và yêu thương, nhưng có thể sẽ khó đồng hành. Người đồng hành với Danh Huyền hợp hơn chính là Bá Vân. Anh Bá Vân rất yêu thương Huyền. Chỉ cần Huyền yêu thương lại là họ sẽ có hạnh phúc.

- Như vậy, anh lấy vợ theo sự sắp xếp của bố mẹ và u Khướu, chứ không có tình yêu?

- Bề ngoài có vẻ đúng như thế, nhưng dù anh vô thần trăm phần trăm thì khi nằm ngẫm nghĩ thật kỹ những tình tiết khiến hai đứa gặp nhau, anh cho là duyên số thì đúng hơn.

- Nếu là duyên số, sao cuộc hôn nhân lại không thành?

Anh Khôi thở dài:

- Đã tin vào duyên số, thì phải suy luận bằng kiến thức tâm linh với

biết bao điều bí ẩn ngoài hiểu biết của mình. Cuộc hôn nhân tưởng quá thuận lợi này rút cục lại thất bại thảm hại hơn cuộc tình với Danh Huyền. Nhưng bình tĩnh lại, anh nghĩ người chồng của Sính, là Nguyễn Vũ Tùng mà báo chí và đài phát thanh đang ca ngợi là một anh hùng từ chiến trường miền Nam ra, anh ấy xứng đáng có người vợ như Sính hơn anh, mặc dù sự tan vỡ của anh với Sính có một sự can thiệp tàn bạo, khiến hai đứa ban đầu đều đau khổ.

Tôi nói:

- Em thấy anh không quá đau khổ và tuyệt vọng vì sự đổ vỡ cả hai cuộc tình rất gần nhau thì em cũng mừng, nhưng liệu có phải vì quá mải mê với lý tưởng, thành ra quá tỉnh táo trong tình cảm, dẫn đến chuyện anh thiếu quyết tâm trong tình yêu?

- Nếu lý tưởng lớn hơn tình yêu tức chuyện chung lớn hơn chuyện riêng, là đạo lớn hơn đời. Còn ngược lại là đời lớn hơn đạo. Em chọn vế nào?

Tôi rất muốn nói: "Em sẽ chọn sự hài hòa giữa đạo và đời. Đời thiếu đạo sẽ thành hoang dại, mà đạo thiếu đời cũng như cây thiếu đất", nhưng tôi ngồi im, vì nhận thức đó tôi cũng copy trong sách, thấy có lý thì nhớ, chứ sách tôi cũng đọc ít hơn anh ngàn lần. Còn yêu, anh có những hai cuộc tình, trong khi tôi đang hăm hở trung thành tuyệt đối với phong trào "Ba khoan", đến tưởng tượng về một em sẽ sinh cho mình mười một đứa con trai cũng chưa dám, mà tranh luận để chứng tỏ học trò đúng hơn thầy, có khi thành trái đạo, là điều tôi không muốn. Thấy tôi ngoan ngoãn khuất phục, anh có vẻ không hài lòng vì mất đà hiếu thắng:

- Anh biết thừa, em và thằng Vinh cũng sẽ nghĩ như nhiều người rằng anh Khôi vì hai quả thất tình sấm sét, lẽ ra phải chán đời tự tử hay rượu chè bê tha để giải khuây, phá đời, sao lại xung phong nhập ngũ để vào chiến trường… Nghĩ như vậy, hóa ra đội quân chống Mỹ cứu nước là bước đường cùng của những kẻ bế tắc, trong đó có thất tình?

- Anh quên cả em và thằng Vinh cùng có đơn xin nhập ngũ từ khi Mỹ bắt đầu ném bom Vịnh Hạ Long?

- Nhưng nói anh nhập ngũ sau hai vụ thất tình là chuyện hoàn toàn khác… Thực tế, sau khi rời trại giam ở Hưng Yên, anh đã nộp đơn xin nhập ngũ, và tỉnh đội Hưng Yên đã đồng ý nhận anh với điều kiện bên Khảo sát Thủy lợi cho đi. Lúc đó, Danh Huyền chưa cưới anh Bá Vân, còn khi quyết định lấy Sính, anh có kể Sính nghe mình sẽ nhập ngũ. Sính nói: "Nếu vậy, cưới xong, em cũng xin nhập ngũ. Bao giờ đánh thắng giặc Mỹ, thống nhất đất nước, hai đứa mới về sinh con". Trong "Ba khoan", mình đã vi phạm "khoan yêu, khoan cưới", thì cùng đi đánh Mỹ để thực hiện "khoan đẻ", chứ hai đứa ở gần nhau khó giữ, mà vi phạm cả "khoan đẻ" thì đừng hòng được kết nạp vào Đảng. Sự thật như thế. Tức là không hề có chuyện thất tình rồi mới đi lính.

- Tại sao anh không thanh minh?

- Chuyện thất tình, chuyện đi lính, chưa là gì so với chuyện anh với Sính, hai họ đã làm lễ ăn hỏi, hai đứa đã ra Ủy ban xã đăng ký kết hôn rồi, nhưng thằng cha chủ tịch xã họp Ủy ban, đưa ra bằng chứng, nói anh là tội phạm hình sự vừa ngồi tù ở Hưng Yên, rồi bố là Nguyễn Hữu Lược, em ruột Nguyễn Hữu Đang, trùm Nhân văn Giai phẩm phản động, nên tuyên bố hủy đăng ký kết hôn, để Sính lấy cháu ruột hắn. Anh mà viết vụ này lên báo hay nộp đơn kiện về tội vu cáo, lẽ phải nhất định sẽ thuộc về mình, nhưng anh quyết định nghiến răng cho qua, để yên ổn trong quân đội, yên ổn vào chiến trường, rồi thời gian sẽ xác định chân lý thuộc về ai. Oan này rõ ràng đau hơn oan Thị Kính, mà anh còn không thanh minh, thì oan "thất tình phải đi lính" chẳng nghĩa lý gì.

Nghe đến đây, tôi càng thấy thương anh và càng thấy mãi mãi mình không hiểu hết về anh mình. Ngay cả việc vừa gặp, anh đã nhận ngay ra Sính là người đồng hành, rồi so sánh với Danh Huyền, tôi cũng kinh ngạc đến sững sờ. Trong khi tôi chỉ đơn giản với nhận xét Sính khỏe mạnh, hồn nhiên nhưng không đẹp bằng Danh Huyền, thì anh nghĩ rằng

“Huyền chỉ có yêu thương, yêu thương và yêu thương”… còn Sính thì vô cùng đơn giản: “Nếu anh nhập ngũ, cưới xong, em cũng xin nhập ngũ. Bao giờ đánh thắng giặc Mỹ, thống nhất đất nước, hai đứa mới về sinh con”. Một cô gái thực sự hồn nhiên trong bất kỳ hoàn cảnh của chồng, có thể vào nơi gian khổ, thậm chí, vào chỗ chết cũng như đi chơi, sẽ là người suốt đời đồng hành với anh tôi, một người chỉ chọn nơi gian khổ, lấy việc hy sinh vì người khác làm lẽ sống.

Đêm hôm đó, hai anh em vừa trò chuyện vừa nướng sắn. Một đồng đội của anh ghé vào đưa một cây mía, khoe một cô gái người Dao vào đơn vị chơi giao thừa, tặng anh hai cây. Một người nữa nghe anh Khôi có thằng em đến thăm, liền tặng một con chuột to bằng bắp tay vừa bẫy được, đã mổ ruột làm lông sẵn. Tôi nhìn ghê cả người, còn anh nói:

- Thịt chuột nướng ngon hơn cả thịt gà, thịt lợn.

Nướng xong, anh chặt đôi con chuột, đưa tôi nửa dưới:

- Thịt chuột ngon nhất hai cái đùi. Em ăn đi.

Tuy rất nể anh, tôi cũng không dám cắn lấy một miếng:

- Nói thật là em không dám ăn.

Anh liền cho hai nửa con chuột vào cái cà-mèn Trung Quốc:

- Em không ăn, anh cũng không ăn, để lát nữa, mang về bệnh xá cho cậu bạn cùng trung đội đang sốt rét. Sốt rét, ăn thịt chuột rừng khỏi nhanh hơn uống thuốc ký-ninh.

Thì ra anh thuộc sư đoàn đặc nhiệm Mai Siu, sẽ cùng nhiều sư đoàn và trung đoàn khác thâm nhập vào miền Nam chuẩn bị cho chiến dịch Tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968. Đó là một đại chiến dịch được chuẩn bị hết sức bí mật, nên nơi đóng quân phải kín đáo tuyệt đối. Các anh không được ăn Tết, vì mọi sự ồn ào đều gây sự chú ý. Thay vì ăn Tết thì đơn vị tổ chức ăn tươi[12*] làm nhiều bữa, bắt đầu từ hai mươi ba tháng Chạp, ngày Ông Táo chầu trời. Ba mươi Tết thì liên hoan tập thể trong âm thầm. Mùng Một trở ra vẫn luyện tập. Trước ngày G lên đường vào Nam, toàn sư đoàn sẽ ăn Tết muộn…

12 Bữa ăn tươi (khẩu ngữ): Chỉ bữa ăn ngon hơn ngày thường một chút.*

Tôi hỏi:

- Vừa nhập ngũ anh đã là trung đội phó, có phải là sự tín nhiệm?

Anh nói:

- Không bàn chuyện đó nữa. Vào chiến trường, trước hết hãy làm người lính dũng cảm và mưu trí để chiến thắng kẻ địch. Thực tế, sự ác liệt của chiến trường sẽ sắp đặt mỗi người lính vào đúng chỗ của mình. Ở sư đoàn, số có trình độ kỹ thuật trung cấp như anh trở lên rất ít. Anh cũng ở trong ban huấn luyện võ thuật sư đoàn, nhưng trong lý lịch có một tháng ngồi tù ở trại giam Hưng Yên, với nhận xét: Cải tạo tốt. Anh bảo với trung tá Đoán, trưởng trại giam, một người rất hiểu biết: "Sao anh không ghi: Bị bắt oan?". Ông ta nói: "Bị bắt oan mà giam tới một tháng, để tôi đi tù à?". Hóa ra lỗi tại mình, và cũng vì cái lỗi này, anh mất luôn cả Sính. Anh kể như thế, để em hiểu từ nay anh không quan tâm mình sẽ giữ chức vụ gì, thậm chí, việc quyết tâm rèn luyện và phấn đấu trở thành một Đảng viên Cộng sản, trước đây là điều bức xúc, bây giờ anh cũng cho là lúc nào đến thì mình nhận, còn chưa đến hay không đến, mình vẫn cứ sống hết mình vì lý tưởng thì chẳng có gì phải luyến tiếc hay hối hận cả.

- Và "một xanh cỏ, hai đỏ ngực"?

- Mỗi người lính chiến đấu vì Tổ quốc để rồi hoặc hy sinh hoặc quang vinh, đều đáng được trân trọng, nhưng anh chọn chiến đấu vì Tổ quốc, rồi dù chết hay sống cũng chỉ xin làm một người lính vô danh.

- Điều này có mâu thuẫn, khi anh đang quyết tâm phấn đấu thành nhà văn, một nghề không vô danh?

- Chẳng có gì mâu thuẫn, anh chọn nghề viết văn không phải vì danh mà vì một xã hội tốt đẹp. Trước sau, anh vẫn luôn khao khát trở thành một Nguyễn Minh Khôi thật hữu ích trong thời bình. Chiến tranh dù chính nghĩa đến đâu cũng không thể đưa đến nước mạnh, dân giàu.

Do năm giờ sáng mùng Một Tết đơn vị đã phải tập trung để hành quân dã ngoại, nên từ bốn giờ, trời vẫn còn tối bưng, anh em tôi đã phải nói lời chia tay.

- Hôm nào sư đoàn chính thức lên đường vào Nam còn chưa ai biết cả, nên cơ hội anh và em gặp thêm lần nữa chắc chắn không có. Và cũng rất có thể đây là lần cuối cùng chúng ta gặp nhau... Trước khi đi, anh chỉ dặn em mấy điều: Thứ nhất, con đường của chúng ta chắc chắn sẽ còn nhiều chông gai, nên em phải giữ vững niềm tin. Thứ hai, khi có điều kiện, em phải quan tâm đến cậu và cô. Cậu đang chịu quá nhiều nỗi oan… Còn thứ ba, anh nhắc lại điều đã nói rồi, là em không được oán giận gì Danh Huyền cũng như anh Bá Vân cả.

Rồi anh ôm chặt tôi hồi lâu. Lúc rời ra, anh nói:

- Em biết vào chiến trường miền Nam, anh sợ nhất điều gì không?

- Nói thật, em chỉ sợ…

Anh cười:

- Sợ anh chết chứ gì? Yên tâm đi. Anh khó chết lắm. Nhưng anh luôn nhớ câu của Ostrovsky: “Người ta chỉ sống có một lần, phải biết sống sao ra sống, để không phải hối hận…”. Nên anh không bao giờ sợ chết mà chỉ sợ... Họ hàng nhà Mai Lĩnh bên ngoại mình ở trong Nam rất nhiều. Cùng lứa với anh em mình có anh Căn con bác Thụ, anh Cận, anh Viễn con bác Tiếp, anh Cừ con bác Năm Đần, thằng Đức con dì Diệu, rồi thằng Hưng con dì Doanh… Trên chiến trường, mình bắn Mỹ, rồi Mỹ bắn mình, là chuyện thường, nhưng nhỡ anh em ruột thịt bắn giết lẫn nhau thì thật là kinh hoàng. Chưa kể anh và anh Danh Hùng cũng có thể bắn nhau.

Tôi hỏi:

- Nếu hai anh gặp nhau ở chiến trường thì sao?

Anh Khôi bùi ngùi nói:

- Anh không tin có thần thánh, nhưng anh vẫn cầu Trời, điều anh sợ nhất đó không bao giờ xảy ra.

Lúc tiễn anh đến tận đội hình hành quân, tôi mới sực nhớ đến điều rất thiết yếu là trong quân đội chỉ có phụ cấp hàng tháng chứ không có lương, nên lúc anh ôm tôi lần cuối trước khi trở vào hàng, tôi vội hỏi:

- Trong túi anh còn tiền không?

Anh thoáng lúng túng:

- Cũng còn một ít.

Sự lúng túng đó đủ cho tôi hiểu anh cũng đang thiếu tiền hoặc đang cần tiền. Tôi móc túi áo ngực. Biết chắc mình đang có ba mươi lăm đồng, vì trước khi đi, tôi đã lĩnh tháng lương ở xưởng, tôi đưa anh ba mươi đồng, còn giữ lại năm đồng. Lúc đó tôi chỉ nghĩ, anh đi rồi, tôi còn về chỗ chị Tâm ở Việt Yên ăn Tết đến mùng Bốn rồi đạp xe về Quảng Ninh thì năm đồng sẽ đủ chi tiêu mấy ngày Tết và dùng vào việc uống nước, đề phòng xe hư dọc đường phải ghé vào hàng sửa xe, nên không lăn tăn gì.

Đoàn quân rùng rùng chuyển động trong bóng tối và không khí giá lạnh, ướt đẫm sương đêm. Đứng ngay lề đường nhìn theo đoàn quân, tôi không còn nhận ra anh mình lọt thỏm trong hàng lính đầu đội mũ tai bèo, quân phục quân giải phóng Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam, súng AK ngang ngực và ba lô nặng trĩu trên lưng. Bài hát Giải phóng miền Nam trầm hùng của Lưu Hữu Phước bất ngờ được cất lên từ lồng ngực cả sư đoàn hàng ngàn người lính: “Giải phóng miền Nam, chúng ta cùng quyết tiến bước. Diệt đế quốc Mỹ, phá tan bè lũ bán nước. Ôi xương tan máu rơi. Lòng hận thù ngút trời. Sông núi bao nhiêu năm cắt rời…”.

Cũng chỉ là chuyến luyện tập hành quân dã ngoại (anh nói địa hình Mai Siu rất giống địa hình rừng núi Trường Sơn và Tây Nguyên nên được chọn để luyện tập), vẫn chỉ là luyện tập, nhưng lại là lần cuối cùng anh em tôi gặp nhau.

Chờ cho đoàn quân mất hút, tôi bần thần rời căn cứ Mai Siu, đi ngược ra cửa rừng. Cũng đơn độc, gian nan như lúc vào. Lòng tôi nặng trĩu khi nghĩ đến con đường phía trước của anh không đơn giản chỉ có sự hào

hùng… Mỗi người lính vì Tổ quốc có thể hy sinh, nhưng để trở thành một nhà văn, sự lựa chọn của anh liệu có là cái giá quá đắt?

Rời Mai Siu, tôi trở về nơi sơ tán của trường Đại học Nông nghiệp 2 ở Việt Yên, Hà Bắc ăn Tết với gia đình chị Tâm. Mùng Bốn Tết, hết nghỉ lễ, thay vì theo đường Phả Lại trở lại Quảng Ninh, tôi lại đạp xe lên Hà Nội. Chuyện anh Khôi đi bộ đội vẫn bứt rứt, ám ảnh. Thời điểm đó, một cán bộ kỹ thuật giỏi và hoàn cảnh gia đình như anh Khôi chưa phải nhập ngũ, nên tôi quyết định về Hà Nội tìm anh Huy Lạc để hỏi cho ra lẽ. Hà Nội lạnh nhưng nắng đẹp, không khí Tết vẫn tràn từ nội thành ra những con đường ngoại ô. Giữa trưa, tôi về đến khu tập thể Kim Liên. Cả khu nhà bốn tầng, nhà nhà vẫn mở tung cửa, vẫn nhộn nhịp người đi thăm viếng nhau và trẻ con vẫn chơi đùa, đốt pháo.

Riêng nhà anh Lạc, ở lan can trước cửa chỉ treo một chiếc đèn lồng đỏ nhập từ Trung Quốc và cắm lá quốc kỳ, còn cửa đang đóng im ỉm. Tôi ngờ anh chị đi chúc Tết ở đâu. Nhưng đã mất công đi từ Hà Bắc về, cứ phải gõ cửa cho khỏi xui. Không ngờ anh Lạc có nhà. Trời đang rét và đang Tết, nhưng anh vẫn quần đùi, áo đông xuân cộc tay cổ tròn như lần tôi gặp trước, và tay anh cũng đang cầm chiếc đũa cả cháy đen. Vừa thấy tôi, nét mặt đang cau có của anh bỗng rạng rỡ:

- Ồ! Xin chào phóng viên báo Nhân dân. Hôm nay Tết, nên vứt bộ đồ bảo hộ lao động vào sọt rác rồi hả?

Do không chuẩn bị đón nhận câu nói đùa mà với tôi là nhạy cảm, nên tôi nói thẳng:

- Em về gặp anh chỉ để hỏi một câu thôi?

- Lại về anh Khôi em chứ gì? Bây giờ, đang tết nhất và anh đang vui, nên chuyện anh Khôi để lại sau.

Anh vào nhà mang ra hai chiếc ghế cóc bằng thứ gỗ phế liệu tự đóng, đặt ở đoạn hành lang ngay trước cửa căn hộ:

- Em ngồi đi. Hôm nay, anh xin lỗi vì không thể để em vào nhà. Em chịu khó ngồi đây một lát, rồi mình cùng xuống quán bia hơi ở cổng khu

tập thể cạn ly chúc mừng năm mới. Từ mùng Ba nó đã mở rồi.

Tôi thắc mắc:

- Nhà anh đang có chuyện gì?

- Đang chiến tranh. - Anh ngồi xuống chiếc ghế đối diện, chắn ngang lối hành lang công cộng với vẻ hào hứng. - Chị em đang căm thù anh hơn căm thù đế quốc Mỹ ném bom Vĩnh Linh.

- Nhưng sao trông anh vui vẻ vậy?

- Vui vì chị em có thai ngoài kế hoạch. Trước khi cưới nhau, chị em bắt anh cùng hô khẩu hiệu quyết tâm thực hiện "Ba khoan", đến ba mươi lăm tuổi mới đẻ. Để dành thời gian phấn đấu cho Chủ nghĩa Xã hội, chị bắt anh phải dùng bao cao su. Anh được giáo dục từ Trung Quốc, phải luôn đặt phụ nữ lên mây xanh, nên "nhất vợ, nhì trời", năm mươi lăm tuổi đẻ cũng được, nhưng thế quái nào, hai tháng nay, chị em lại có thai và thai nó lại hành nằm ệp giường suốt hai tháng trời. Hễ mệt quá hay nhờ thuốc an thần ngủ thiếp đi thì thôi, chứ mở mắt ra là chửi anh là Mã Giám Sinh, là đồ ác bá. May anh dùng bao cao su Trung Quốc do chính chị em mua, chứ bao Liên Xô, Tiệp Khắc hay Đông Đức, chắc chắn chị em phải đòi chính phủ cắt đứt quan hệ ngoại giao với họ.

Nghe kể tình trạng của chị, tôi lo lắng thật sự, nhưng cũng cố tỏ ra mình không thuộc hạng ú ớ:

- Liệu chị có bệnh gì không?

- Chẳng bệnh hay thần kinh gì hết. Hình như đám con ông, cháu cha, đứa nào ốm nghén cũng điên như vậy, chứ con nhà thường dân chửa đẻ như gà có làm sao đâu. Do sự cố này mà Tết nhà anh không hoa đào, pháo nổ, không thịt, cá, giò, chả, không kẹo, mứt, bánh chưng. Thậm chí, cơm, cháo cũng không nốt, vì trừ gạo rang cháy khét, còn ngửi mùi gì sư tử Hà Nội cũng nôn lăn, nôn lộn. Đến bữa, anh muốn ăn thì xuống báo cơm tập thể, còn ở nhà, hai vợ chồng chỉ ăn gạo rang, uống nước gạo rang, khổ hơn chế độ cơm trại giam của anh Khôi em ở Hưng Yên chục lần. Lúc em gõ cửa là anh đang rang gạo cho chị.

- Giờ em hiểu vì sao anh lại vui khi "chiến tranh" xảy ra.

- Không riêng anh mà cả nhà anh và nhà chị đều vui. Anh là con trai trưởng, nên ông bà, bố mẹ đều mong có cháu. Ai cũng bảo có thai mà nôn ọe mật xanh, mật vàng, chắc chắn sẽ sinh con trai, đương nhiên nó sẽ giống tính anh, chứ ra đứa con gái giống mẹ thì…

Anh đứng dậy, hé cửa vào trong nhà, láo liên nghe ngóng, rồi quay ra cười với tôi:

- Thuốc an thần ngấm rồi… Bây giờ, anh em mình xuống bia hơi, vừa chúc mừng năm mới, vừa chúc mừng anh sắp được làm bố một thằng Lạc con, sau đó, sẽ nói đến chuyện anh Khôi em.

Tôi vừa thoáng nhân nhượng thì từ trong nhà bỗng vọng ra tiếng thét như xé họng:

- Thằng ác bá đâu. Mày bỏ tao ở đây một mình, để đi với con nào rồi hả?

Huy Lạc không hề tỏ ra bối rối:

- Thuốc an thần theo đơn bác sĩ, mua ở cửa hàng dược dành riêng cho cán bộ cao cấp, sao tan nhanh thế? - Rồi anh chậm rãi đứng dậy. - Em chịu khó chờ ở đây mấy phút, anh vào dí một viên nữa cho chị ngủ tiếp, rồi mình xuống bia hơi. Từ trong Tết đến giờ, phải hầu vợ ná thở, một hớp rượu, một ngụm bia cũng không dám uống.

Tiếng chị Linh Xuân, vợ anh Lạc, vẫn sa sả vọng ra:

- Trời ơi là trời! Tôi có làm gì nên tội đâu mà ông trời bắt tôi khổ thế này. Thằng ác bá đâu? Tao biết thừa mày chỉ yêu chiếc Volga của bố tao chứ chẳng yêu gì tao… Một thằng dám bỏ người yêu để lấy người không yêu như mày dám làm tất cả những chuyện trời không dung, đất không tha, nên chắc chắn mày đã chọc thủng bao cao su để tao có thai, chứ hàng Trung Quốc không đời nào có thứ kém chất lượng… Trời ơi! Sao ông trời bất công, không bắt bọn đàn ông mang thai để chúng nó hiểu đẻ đứa con khổ thế nào?

Huy Lạc nhìn tôi, lắc đầu:

- Trí thức mà điên, nói năng kinh khủng hơn hàng tôm hàng cá, anh nghe quen như nghe hát rồi, em đừng để tâm nhé. Anh phải vào với sư tử Hà Nội một lúc.

- Anh đừng bận tâm về em nữa. Em về gặp nhanh anh chỉ để hỏi một câu: Anh Khôi không thuộc diện đi bộ đội, sao các anh lại để anh ấy đi?

Lạc vẫn tỏ ra bình thản với cơn tam bành của vợ, hỏi lại tôi:

- Thế anh Khôi không nói gì với em à?

- Nói về chuyện gì?

- Sau hôm cùng em đi Hưng Yên, anh trở về thu xếp để anh em trong đoàn mười cán bộ ưu tú của ngành, sang Đông Đức học hai năm. Vì anh không muốn một người xuất sắc như anh Khôi hướng nhiệt tình và khát vọng vào nghề viết văn. Một nghề mà triệu người mới có một người. Và vinh quang có thể đến với những người tài năng thật sự, những người gặp thời hoặc gặp may, nhưng nhà văn Việt Nam từ xưa tới nay, chưa thấy ai giàu có bằng nghề. Anh đang chờ Tổng Cục trưởng và Bộ Ngoại giao duyệt xong danh sách, sẽ báo cho anh em lên đường, thì báo Tiền phong chọn đăng loạt đơn xung phong nhập ngũ vào chiến trường miền Nam chống Mỹ cứu nước của thanh niên khắp nơi, trong đó có anh Nguyễn Minh Khôi.

- Xưởng em chỉ mua báo Nhân dân, nên em không biết.

- Anh biết thừa nguyên nhân chính vụ nhập ngũ này từ hai quả thất tình choáng váng. Người khác bị đòn sấm sét như thế chắc chắn phải vỡ tim, đột quỵ, nên anh em chọn con đường cầm súng, trút căm thù lên đầu giặc Mỹ là một cách giải tỏa có thể thông cảm được, nhưng đất nước đang cần những người như anh em đi học, để sau này hòa bình phục vụ đất nước, chứ chưa cần anh ấy ra chiến trường. Anh báo cáo việc này lên Tổng Cục trưởng để tìm cách không cho anh Khôi nhập ngũ. Ông ấy nói: “Cậu tưởng tôi uống mật gấu hay sao mà xui tôi lôi nó ra khỏi làn sóng thanh niên cả nước đang hừng hực tình nguyện nhập ngũ? Chưa nói đến chuyện đám báo chí biết, nó tương lên một bài, thì cả tôi

lẫn cậu chỉ có đường về làm phó thường dân".

- Thằng ác bá kia đang ở đâu mà để bà một thân, một mình khốn khổ, khốn nạn thế này? - Tiếng chửi trong nhà lại vọng ra.

- Anh nói vậy, em hiểu rồi. Anh vào với chị đi. Em xin vừa chúc Tết, vừa chúc mừng anh, và anh cũng cho em gửi lời chúc chị mẹ tròn con vuông.

Lạc vẫn chưa chịu vào nhà ngay, tiếp tục vui vẻ:

- Nhất định anh sẽ chuyển lời vào lúc chị hết cơn điên, nhưng anh vẫn sẽ giới thiệu em là kỹ sư trưởng vùng mỏ Quảng Ninh. Còn về anh Khôi em, dù bất cứ hoàn cảnh nào, anh em thành công hay thất bại trên đường đời, anh Lạc vẫn mãi mãi là người bạn tốt và vẫn yêu quý anh em. Những năm qua, thế hệ trẻ Việt Nam, trong đó có anh Khôi, anh và em cùng đọc nghiến ngấu Thép đã tôi thế đấy. Cuốn tiểu thuyết tuyệt vời ở chỗ nó phù hợp với tâm lý tuổi trẻ thời khát khao lý tưởng cách mạng, nhưng mỗi người, tùy trình độ, cảm xúc, sẽ tiếp cận nó ở góc độ khác nhau. Anh Khôi em thì quyết trở thành "thép đã tôi trong lửa đỏ và nước lạnh". Còn anh, đọc đến ba lần, lần nào đến cuối tác phẩm, thấy Ostrovsky cho Pavel bị mù, đương nhiên đó là mù vì bệnh, nhưng anh vẫn giật mình... Vì thế, anh không chọn con đường trở thành sắt thép. Anh và anh Khôi khác nhau ở chỗ đó... - Anh thân tình vỗ vai tôi. - Thôi, tạm biệt.

Lạc đã vào nhà, định khép cửa lại thôi và quay ra, mặc Linh Xuân vẫn đang la hét, anh nói:

- Anh quên chưa nói nốt với em chuyện này. Vụ anh Khôi thất tình lần sau, anh không rõ, nên không bình luận, nhưng vụ với Danh Huyền, thì cả anh Khôi và em đều không nên trách Huyền. Với tình yêu, sự chung thủy luôn được đặt lên hàng đầu, nhưng tình yêu không phải thứ bất biến. Bình tâm và sáng suốt nhìn nhận đúng điều này thì chưa chắc Danh Huyền nó không chung thủy.

Dứt lời, anh lại trở vào nhà. Và đóng cửa.

Trong nhà Lạc bỗng im ắng một cách khác thường, thay vì đi dọc hành lang, xuống cầu thang để rời khỏi khu nhà, tôi tò mò lại gần cửa sổ, nhìn vào trong phòng, thấy anh Lạc đang bồng vợ từ phòng ngủ ra xa lông phòng khách:

- Anh đã nói với em cả trăm lần, nếu biết trước phụ nữ có thai, vì bị ốm nghén mà từ nàng tiên biến thành quỷ dữ rồi mới ra người mẹ vĩ đại, anh thà bị tử hình còn hơn để em có thai. Còn vụ bao cao su bị sự cố, nếu em nhất định tin hàng Trung Quốc chất lượng tốt, thì đây là ý trời, chứ anh thề là anh hoàn toàn vô tội.

Tôi lấy làm lạ khi thấy Linh Xuân chỉ ôm chặt cổ Lạc đầy ngoan ngoãn và tin cậy chứ không gào thét, chửi bới như trước đó mấy phút.

Rời nhà Huy Lạc, rồi rời khu tập thể Kim Liên, đi giữa một Hà Nội vẫn tràn ngập không khí Tết, tôi vẫn không sao xóa đi được hình ảnh về vợ chồng Lạc. Một anh Lạc ma mãnh lọc lõi, chắc chắn là thủ phạm vụ làm mất uy tín chất lượng bao cao su Trung Quốc, tương phản một cách nghiệt ngã với anh Khôi của tôi. Từ lâu, tôi không ưa, thậm chí, dị ứng với mẫu người như Lạc, nhưng sao không thể ghét anh. Liệu có phải do anh biết thích nghi với muôn mặt của đời sống khi bình lặng, khi bão giông của gia đình và xã hội một cách thoải mái như người đi trên những chiếc thuyền buồm, chỉ cần biết nắm đúng hướng gió thì đi xuôi, đi ngang hay đi ngược sông, biển đều vẫn tiến về phía trước?

Tối mịt hôm đó, tôi đạp xe gần hai trăm kilômét từ Hà Nội về đến xưởng cơ khí ở Thác Cát, Hoành Bồ, Quảng Ninh, do không dừng nghỉ chân uống nước, xe đạp không bị hư dọc đường, trong túi tôi vẫn còn nguyên năm đồng. Điều này đã khiến tôi dằn vặt suốt đời, lẽ ra, tôi phải đưa anh Khôi hết cả ba mươi lăm đồng...

NGƯỜI LÍNH TÌNH BÁO VÔ DANH

Năm 1976.

Khi hai cuộc chiến tranh chống Pháp và Mỹ kéo dài từ năm 1946 đến năm 1975 chấm dứt, hòa bình được lập lại, đất nước thống nhất, toàn dân đều thở phào nhẹ nhõm và vui mừng. Nhưng khi bình tâm lại sau cảm xúc đó là phải đối diện với hiện thực đời sống: Ở Sài Gòn và miền Nam, có bao nhiêu người phấn khởi tự hào trong chiến thắng, cũng có bấy nhiêu người sống trong lo âu. Bác Danh Quỳnh và số người có hoàn cảnh tương tự như bác thuộc loại ở giữa hai trạng thái. Nếu gọi là buồn vui lẫn lộn thì chỉ đúng theo nghĩa đen.

Sau hôm đến tìm tôi ở Cục Báo chí và Xuất bản miền Nam, tại 96 Đồng Khởi, bác và tôi trở nên thân thiết. Điều gì dẫn đến sự thân thiết này? Bác sinh năm 1920, còn tôi, 1945. Hai mươi năm trước, cùng ở phố Trần Nhật Duật, Hà Nội, tôi chỉ là đứa nhóc con, học cùng lớp với Danh Huyền, và chầu rìa bên anh Danh Hùng do anh là bạn thân với anh Khôi, trong khi bác là chỗ quen quý với bố tôi, nên từ bác đến tôi là một khoảng rất xa, đã vậy còn cộng thêm hai mươi năm xa cách. Và sự xa cách này còn thăm thẳm hơn khi trước đó hai miền Nam - Bắc là hai cực đối đầu một mất một còn toàn diện cả về chính trị, kinh tế, lẫn văn hóa xã hội mà khi bước chân vào Sài Gòn, tôi nhận ngay ra khoảng cách khác biệt này còn lớn hơn tôi tưởng. Đã đành làm nghề tình báo, hoàn cảnh nào thì bác vẫn là người bên ta, nhưng để đủ uy tín và hoàn thành nhiệm vụ, bác vẫn phải sống đời sống thượng lưu như đối phương cùng tầng lớp. Không bao giờ tôi nghĩ mình có thể thành tri kỷ của người đứng đầu nhóm cố vấn đặc biệt của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu về chiến lược lật đổ chính quyền Cộng sản Bắc Việt.

Bác không gặp tôi thường xuyên, có lẽ vì tế nhị, cũng có lẽ nghĩ tôi bận, nên hạn chế làm phiền. Một, hai tuần, bác mới dè dặt gọi điện thoại cho tôi vào chiều muộn:

- Giờ này, cháu có bận không?

Dù bận đến đâu, tôi cũng nói đang rảnh, để gặp bác. Nhiều nhà văn có quan điểm phải dành tối đa thời gian để viết, còn tôi luôn dành tối đa thời gian để nghe và nhìn. Có những người, mình sống cả đời bên họ vẫn không thể ra nhân vật nhưng có người chỉ gặp một lần đã thấy ngay mình dành cả đời viết về họ cũng không hết. Một trong những người đó chính là bác Quỳnh, một con người ánh mắt lúc nào cũng thăm thẳm, trầm và sâu lắng. Mỗi lần đến chỗ tôi bằng chiếc Volkswagen đời cũ, do bác tự lái, bác thường rủ tôi sang mấy quán cà phê nhỏ bên đường Thái Lập Thành kế bên cơ quan tôi. Nhưng cũng có hôm, bác nói: "Hôm nay, mình đi ăn tối đã". Bác hay đưa tôi đến mấy quán sân vườn món ăn Bắc, quen, vắng khách, trên đường Hai Bà Trưng hoặc trong hẻm quanh đường Nguyễn Huệ. Uống hay ăn đều là phụ. Hai bác cháu ngồi bên nhau hàng giờ, thậm chí có hôm ngồi đến khuya. Và tôi sớm nhận ra bác là một chiến binh lớn nhưng đang cực kỳ cô đơn trong không khí chiến thắng. Ngay ngày đầu tiên gặp nhau, bác đã hỏi:

- Anh Khôi cháu hy sinh năm nào? Ở đâu?

Tôi hỏi lại:

- Làm sao bác biết?

- Danh Huyền mới vào đây thăm bác. Nó cũng hỏi thăm về cháu.

Tôi tránh đụng vào Danh Huyền:

- Anh Khôi cháu hy sinh năm 1970, ở miền Đông Nam Bộ.

Bác Quỳnh thở nhẹ:

- Danh Hùng cũng tử trận năm 1970, nhưng ở Svay Rieng, bên Campuchia. Như vậy có thể cùng chiến dịch nhưng hai anh em không đến nỗi phải bắn chết nhau.

Tôi hỏi:

- Sao bác lại để anh ấy đi lính?

- Cháu có tin chính bác khuyến khích nó đi? - Rồi với vẻ bâng khuâng, bác lạc sang chuyện khác. - Từ ngày giải phóng đến giờ, do vẫn phải tiếp tục nhận nhiệm vụ nên bác chưa thể ra Hà Nội, nhưng nghe Danh Huyền vào kể toàn chuyện buồn. Đã đành chiến tranh phải ác liệt, phải hy sinh, mất mát, nhưng bác không ngờ cái giá phải trả cho sự an toàn của người lính tình báo lại đắt như thế. Hồi trước 1945, bác dạy Triết học, còn bác gái dạy Anh, Pháp văn, cùng trường trung học Thăng Long, Hà Nội. Cuối 1946, khi kháng chiến chống Pháp bùng nổ, từ trung đoàn bảo vệ thủ đô, bác được chọn tham gia công tác tình báo. Nhờ từng là võ sư Judo, bác được lệnh mở võ đường Nhu Việt để hợp pháp hóa cơ sở tình báo trong lòng địch, còn bác gái bỏ nghề dạy học, mở một quán bar, mà hồi đầu, người Hà Nội rất ngứa mắt, khi thấy lính Pháp ra vào dập dìu với gái Việt, nên gọi là nhà thổ với sự khinh miệt, cùng trên đường Lý Thái Tổ. Năm 1954, sau hiệp định Genève, miền Bắc hoàn toàn giải phóng, bác gái được biên chế dạy ở trường Đại học Sư phạm, Hà Nội, thì năm 1957, bác được lệnh vượt tuyến vào Nam, với một đời sống mới hoàn toàn. Phần gia đình ở miền Bắc thế nào, bác hoàn toàn cách biệt. Đương nhiên phải như vậy. Nhưng nghĩ và nhớ thì làm sao mất được. Những lúc thương nhớ, bác chỉ nghĩ vợ con mình đang chịu chung những gian khổ bởi đời sống kinh tế khó khăn của đồng bào miền Bắc, rồi đến giai đoạn Mỹ ném bom miền Bắc..., tất cả bác đều qua những thông tin báo chí hoặc tình báo. Chỉ đến khi nghe Danh Huyền vào kể, bác mới choáng váng. Một thằng cha Danh Quỳnh phản động vượt tuyến vào Nam theo địch, thì biệt thự ở ngõ Tư Đường đương nhiên bị tịch thu, cả nhà chuyển về khu ổ chuột ở ngõ Liên Trì, vợ bị đuổi khỏi trường đại học. Danh Hoàng, tốt nghiệp bác sĩ loại giỏi, đang làm việc ở bệnh viện Bạch Mai, lập tức bị điều lên một bệnh viện heo hút trên Lai Châu, lấy vợ y tá người Thái, rồi có con trên đó. Một lần bọn phỉ vùng ngã ba biên giới Việt - Trung - Lào từ Trung Quốc tràn sang tấn công vào bệnh viện, giết

hết các bác sĩ, y tá. Chúng giết mất của Danh Hoàng đứa con gái. Bác gái phải đón đứa con trai còn sống sót của Danh Hoàng là Danh Huy về Hà Nội nuôi. Danh Vũ, em Danh Hùng, anh Danh Huyền, tốt nghiệp lớp mười, đi Thanh niên Xung phong trong Hà Tĩnh, cực quá chịu không nổi, bỏ về, không hộ khẩu, không tem phiếu, mấy năm trời đi đẩy xe bò chở đất hết ở công trường công viên Hồ Bảy Mẫu sang công trường đường Thanh Niên, giờ mang một hòm đồ nghề, ngồi lề đường bơm vá xe, vợ thì làm công nhân ở hợp tác xã sản xuất dép nhựa. Bác gái sau mấy năm đầu sống bằng nghề đan len do chị Tâm cháu nhận việc giùm, từ khi Mỹ leo thang chiến tranh, ném bom ra Bắc, đan len không có việc, thì xin rửa chén bát cho mấy hàng phở, hàng cơm trong phố. Trải qua hai chục năm chiến tranh, từ sống đến chết hay từ giàu xuống nghèo, đều là những đau khổ có thể chấp nhận được, nhưng từ thượng lưu xuống hạ lưu là vấn đề văn hóa, quả là vết trọng thương không cách nào hàn gắn …

Tôi kể cho bác Quỳnh nghe trường hợp của nhà văn Phạm Gia Bình, bạn đi Thanh niên Xung phong cùng lứa với tôi ở Quảng Ninh. Hồi đi học, tôi ở Chu Văn An 3A học buổi sáng thì Bình học buổi chiều ở Chu Văn An 3B, với bản lý lịch được chính quyền thị xã Hưng Yên ghi: “Bố: Địa chủ cường hào gian ác. Anh: Trung úy quân đội Pháp, theo địch vào Nam năm 1954. Hai chị là gian thương ở Hà Nội”, Bình học giỏi nổi tiếng cả hai trường, nhưng không có cửa vào đại học. Tôi chơi thân với Bình từ ngày cùng ra Quảng Ninh, mỗi lần về Hà Nội vẫn ghé vào nhà Bình, một ngôi nhà hai tầng cũ kỹ, nhỏ hẹp, rộng ba mét, sâu mười mét, có tới bốn hộ ở chung trong phố nhỏ Nguyễn Trung Trực. Vậy nên tôi biết rất rõ bố Bình là một thầy lang nổi tiếng ở thị xã Hưng Yên, đưa gia đình lên Hà Nội từ năm 1948, còn hai chị là Dần và Sửu có mẹt bán hàng khô ở chợ Đồng Xuân. Năm 1973, sau hiệp định Paris, người anh của Bình trong đoàn cán bộ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam được ra Bắc dự tập huấn, cả nhà mới biết anh là tình báo Việt Minh thâm nhập vào

quân đội Pháp, từ trước 1945. Nhờ sự công khai này mà lý lịch gia đình Bình được thay đổi. Đang cùng làm thợ với tôi ở công ty Ô tô Lâm sản Hà Nội, anh được nhận về làm phóng viên báo Lao động, được kết nạp vào Đảng Cộng sản và thành hội viên Hội Văn nghệ Hà Nội. Nhưng hai chị của anh vì bản lý lịch xấu mà chuyện chồng con, gia đình cực kỳ bi kịch, nên sự thay đổi quá trễ của bản lý lịch không cải thiện được gì, vì cả hai đều ngoài bốn mươi tuổi. Còn Bình chỉ công tác ở báo Lao động được năm năm, đủ thời gian ra đời một tập truyện ngắn, kịp được vinh danh là cây bút trẻ nhiều triển vọng, trước khi mất do vết thương vùng gan vì bị trúng bom Mỹ trong dịp đi thử xe ở cầu Tràng Bạch, Mạo Khê năm 1969, tái phát. Kể xong chuyện của Bình, tôi hỏi bác Danh Quỳnh:

- Tại sao không có một quy chế ngầm ưu đãi thân nhân các cán bộ tình báo hoạt động trong lòng địch?

Bác Quỳnh nói:

- Khi chiến thắng rồi, hòa bình rồi nhìn lại những mất mát mới thấy quá nhiều nỗi đau, rồi quá nhiều sự xót xa với bao nhiêu điều "giá như", còn thực tế lại không đơn giản như vậy. Người Mỹ và chính quyền Sài Gòn đang thất bại, ta thường nghĩ họ yếu kém, nhưng thực ra, họ rất mạnh. Riêng về đặc vụ và phản gián, bác là người cùng hội cùng thuyền, nên biết rất rõ, từ đầu não đến các mạng lưới nhân viên của họ đều được đào tạo và rèn luyện rất bài bản ở Mỹ, Đức, Anh, Israel,… là những trung tâm tình báo hàng đầu thế giới. Trong hàng ngũ lãnh đạo của họ không chỉ có những người giàu kinh nghiệm, những cố vấn nước ngoài sừng sỏ mà còn có cả những người bỏ phe ta theo họ. Sở dĩ ta thắng được họ là ở ưu thế ứng biến, khả năng nắm bắt thời cơ và lòng dân. Chứ thực tế, ta hiểu họ thế nào, họ cũng hiểu ta không kém, vì thế, một chút ưu đãi thân nhân các cán bộ tình báo từ hậu phương, dù kín đáo đến đâu, họ cũng đọc thấy hết, mà đã bị nghi ngờ hay lộ diện thì cái giá phải trả trong cuộc đối đầu này không chỉ một sinh mạng của nhà tình báo, mà bao nhiêu công phu, kế hoạch dàn dựng cho những mục đích

lớn sẽ đổ vỡ hết, tức đồng nghĩa với thất bại toàn cục. Đây là một vết thương ai đau người ấy chịu, chứ không nên mổ xẻ ra để trách hoàn cảnh.

Một dịp ra Hà Nội làm báo cáo tổng kết về công việc của mình những năm trong lòng địch, bác có nhiều thì giờ gần bác gái, khi vào Sài Gòn, bác kể với tôi đã làm được một việc là xin cho Danh Vũ chân tập sự phóng viên chụp ảnh của báo Thể dục Thể thao, và vợ anh đã bỏ nghề công nhân hợp tác xã dép nhựa, vào làm lao công ở một trường tiểu học, thuộc biên chế nhà nước.

Tôi hỏi:

- Còn bác gái?

- Mấy anh ngoài đó hứa sẽ thu xếp đưa bác gái trở lại trường Đại học Sư phạm và giải quyết truy lãnh lương suốt những năm bị nghỉ việc. Bác về nói thì bác gái bảo: "Phải nhận lại bao nhiêu tiền để lành vết thương không bao giờ lành?". Bác từ chối nhận truy lãnh, nhưng trước đó đã nhận dịch sách văn học Pháp, do Vinh, em cháu đang làm ở nhà xuất bản Văn hóa mang đến đặt dịch.

Tôi ngạc nhiên:

- Làm sao em cháu biết bác gái?

- Bác gái có kể. Một hôm, bố cháu từ Phúc Yên ra, đến nhà nói rằng dịp ra Hà Nội, cháu có kể cho bố về hoàn cảnh của bác. Bố cháu đã tìm đến bác gái xin lỗi vì đã có sự hiểu lầm trong thời gian dài. Biết bác gái đang thất nghiệp, bố cháu là chỗ quen biết cũ với giám đốc nhà xuất bản Văn hóa nên đã nhờ giúp đỡ. Ông giám đốc cử Vinh đến. Tiện đây, bác cũng cảm ơn cháu và chị Tâm cháu đã giúp bác gái từ hồi đan len.

- Chuyện bố cháu và Vinh giúp bác gái nằm ngoài ý định của cháu, còn vụ đan len, chị cháu là chính, cháu chỉ là chân chạy giao len cho bác, rồi nhận áo về cho chị.

- Nhưng hôm nay, bác gặp cháu để nói chuyện về cháu với Danh Huyền.

Tôi nói lảng:

- À… Cháu với Danh Huyền lâu lắm không gặp nhau.

- Bác với cháu đã là chỗ thân tình, sao cháu không nói thẳng là lâu nay hai đứa cùng tránh mặt nhau? Từ ngày gặp cháu, những lần bác đụng đến Danh Huyền, cháu đều lái khéo sang chuyện khác. Hai lần Huyền vào đây, bác đánh tiếng để hai đứa gặp nhau, cháu đều nói bận đi tỉnh. Bác đoán hai đứa có vướng mắc chứ hoàn toàn không nghĩ có chuyện với Khôi. Chuyến ra Hà Nội vừa rồi, nghe bác gái kể, bác mới biết Huyền và Khôi yêu nhau, rồi vì Huyền lấy Bá Vân mà Khôi xung phong đi bộ đội. Bác hỏi Huyền. Nó nói Tết năm 1966, Bá Vân còn đạp xe chở nó lên Hưng Yên thăm Khôi. Tiếp theo, Khôi bị bắt oan ở công an Hưng Yên, ăn Tết xong, nó cũng lên trại giam thăm. Biết Khôi tự nguyện ở lại trại giam thâm nhập thực tế để viết văn, nó cũng thông cảm. Nhưng khi Khôi nói, trở về đoàn khảo sát, sẽ viết đơn xin nhập ngũ để vào chiến trường chống Mỹ cứu nước, Huyền nó mới phản đối: “Cứu nước là trách nhiệm chung của mọi thế hệ, nhưng anh đừng quên mình đang bị phân biệt đối xử. Em chơi với anh từ hồi học tiểu học, nên cũng biết mọi việc làm tốt của anh đều bị người ta hiểu sai, thậm chí, bị kết tội, là sao?”. Khôi cãi: “Nhưng sau đó, người ta hiểu đúng, nên nếu như trước sau mình vẫn sống hết mình vì mọi người, thì mọi sự hiểu lầm và phân biệt đối xử đều nhất thời”. Huyền nói: “Nhưng chiến trường là nơi có thể chết”. Khôi nói: “Nếu chết vì Tổ quốc thì chẳng có gì phải hối tiếc”. Huyền bật khóc: “Anh không hối tiếc, nhưng em không muốn mất chồng, con em không muốn mất cha… Anh có nghĩ vào chiến trường, anh sẽ bắn nhau với bố em và anh Danh Hùng, bạn thân của anh?”. Khôi nói: “Anh lại nghĩ không thể có chuyện đó, vì anh tin chắc bố em và anh Danh Hùng không theo bọn xâm lược Mỹ”. Hai bên cãi nhau. Khôi mắng: “Vì bị phân biệt đối xử mà em lấy quan điểm chính trị để đánh giá nhân cách, nghĩ bố em và anh Danh Hùng vượt tuyến vào Nam là theo địch, thì chính em theo địch, chứ bố em và anh Danh Hùng không như thế”. Danh Huyền về nhà vẫn

còn khóc mãi. Hai hôm sau, Bá Vân đến nhà an ủi Huyền. Hóa ra Khôi về Hà Nội, kể hết với Vân. Khôi nói: "Huyền quá yêu tôi nên mới ngăn cản và mọi lý lẽ cũng không nằm ngoài tình yêu đó. Nhưng chiến tranh có thể kéo dài mười năm, hai mươi năm hoặc lâu hơn nữa. Chưa kể, tôi cũng có thể bỏ xác ở chiến trường, nên nếu đã bị ngăn cản quyết liệt rồi mà mình vẫn đi, để Huyền ở hậu phương, trở thành nàng chinh phụ góa bụa thì tôi có tội. Nên trước khi đi, tôi muốn nhờ cậu chăm sóc Huyền, vì tôi biết cậu cũng yêu Huyền, đồng thời có điều kiện chăm sóc Huyền tốt hơn tôi". Bá Vân chuyển cho Huyền lá thư của Khôi cũng viết đại để như thế. Một lá thư chân thành với tình yêu nguyên vẹn, nhưng đó là thứ tình cảm gia trưởng. Không phải thứ gia trưởng bề trên, cũng không phải thứ gia trưởng phân biệt đẳng cấp hay đàn ông coi thường phụ nữ, mà là của loại người coi trọng lý trí hơn tình cảm. Khôi đã quên mất Huyền cũng có lòng tự ái. Thế là chuyện gì đến phải đến. Nhưng khi đến rồi, nó cứ âm ỉ trong lòng Huyền sự hối hận, nhất là khi biết tin Khôi hy sinh.

- Quan hệ cụ thể giữa Danh Huyền với anh Khôi và anh Bá Vân, giờ nghe bác nói, cháu mới biết. Nhưng cháu cũng chỉ thật sự không muốn gặp lại Huyền từ khi anh Khôi mất.

- Huyền nói với bác, nó với cháu chẳng lạ gì nhau, vì hai đứa từng học với nhau từ năm lớp một, nên cứ để cho cháu tức giận, như vậy nó còn nhẹ lòng hơn một sự thông cảm hay thương cảm. Nó kể không ít lần họp mặt văn nghệ sĩ ở Hà Nội và Sài Gòn, hai đứa đụng mặt nhau, nhưng cháu làm như không biết nó.

- Trời! Sao nó không kể là nó cũng làm như không biết cháu?

Bác Quỳnh bật cười:

- Hai đứa mãi mãi là những đứa trẻ, có khi lại tốt hơn. Bác lúc nào cũng nghĩ mình đã già, chuyện gì cũng cứ phải rành rẽ.

Tôi và bác cứ trẻ già tri kỷ như thế cho đến một hôm, bác đến cơ quan gặp tôi, vẫn trên chiếc xe cổ lỗ.

- Hôm nay, bác đến để đón cháu về nhà bác.

Tôi ngạc nhiên:

- Sao lại có chuyện bất ngờ này ạ?

- Bác và cháu gặp nhau hơn một năm nay, có bao giờ cháu thắc mắc: Sao chưa bao giờ ông này kêu mình về nhà?

- Cháu chỉ nghĩ đơn giản, gặp nhau thân mật ngoài quán là một kiểu của người Sài Gòn.

- Bác ở Sài Gòn hơn hai chục năm, nhưng vẫn chưa quên mình là người Hà Nội. Ngày đầu tiên đến gặp cháu ở đây, bác đã kể với cháu về người vợ thứ hai của bác và cũng ngỏ ý với cô ấy sẽ mời cháu đến nhà ăn cơm. Lời ngỏ ý đó, mãi đến hôm nay, sau hơn một năm, cô ấy mới đồng ý.

Tôi vui vẻ ra xe cùng bác. Nhà bác ở đường Võ Tánh (nay là đường Nguyễn Trãi), từ bùng binh tượng Phù Đổng Thiên Vương rẽ vào chừng năm chục mét. Một căn nhà mặt tiền, một trệt, hai lầu, cũ kỹ, cùng lối kiến trúc với dãy vài chục căn tương tự, có lẽ còn bỡ ngỡ với năm đầu của chế độ mới nên phần lớn đều đóng cửa.

Ra đón chúng tôi là một phụ nữ chỉ khoảng hơn bốn chục, gương mặt đẹp đoan trang, lạnh lùng, mặc đồ đầm, ngực trái có đính băng tang màu đen nhỏ. Thoạt nhìn, tôi đã thấy ngay sẽ khó về cách xưng hô, bởi nữ chủ nhà quá trẻ, trong khi xưng hô theo bác Quỳnh phải là "bác" xưng "cháu".

- Đây là Tuấn, anh vẫn kể với em. Còn đây là Hoàn Trân, bà xã bác.

Người phụ nữ nhìn tôi thận trọng và chờ chồng giới thiệu, giờ mới hơi mỉm miệng và thoáng gật đầu.

Tôi khẽ chào lại:

- Bác ạ!

Hoàn Trân nói giọng miền Nam:

- Kêu tôi là chị được rồi.

Tôi lúng túng thanh minh:

- Vì cháu vẫn coi bác Quỳnh là bác.

Hoàn Trân nhếch miệng cười nhạt:

- Như vậy là anh đẩy cái khó sang tôi.

Tôi đang khó xử thì bác Quỳnh nói:

- Hoàn Trân không hơn tuổi cháu bao nhiêu, nhưng gọi là chị thì khó cho cả bác lẫn cháu, nên gọi là cô đi.

Cô Hoàn Trân đi trước. Bác Quỳnh đưa tôi đi qua phòng khách chỉ có bộ xa lông đệm mút bọc nỉ cũ và giá gỗ cao xếp đầy sách, chắn ngang lối lên cầu thang, rồi vào phòng ăn liền bếp ở phần trong tòa nhà bề ngang rộng bốn mét, sâu chừng hai mươi mét. Trên bàn ăn đã bày sẵn bát đũa và món ăn mà chỉ ngửi mùi, tôi đã biết là bún chả và nem cua bể. Bác Quỳnh hỏi:

- Lần đầu tiên đến đây, cháu cảm giác thế nào? Có khác nhiều so với hồi nhà bác ở ngõ Tư Đường, Trần Nhật Duật, Hà Nội?

Tôi nói:

- Cháu rất ngạc nhiên khi không chỉ bác mà phần lớn các quan chức cao cấp và tướng lĩnh Sài Gòn mà cháu tiếp xúc phỏng vấn, đều ở những căn nhà có phần khiêm tốn.

Bác Quỳnh xuề xòa, không ra đùa, không ra thật:

- Thế cháu không biết người trong Nam khác người ngoài Bắc mình ở chỗ luôn coi thường cái nhà à?

Cô Hoàn Trân mời tôi ngồi vào bàn ăn, rồi ra xách chiếc cặp lồng trên kệ bếp:

- Anh và Tuấn cứ ăn, còn em sang nhà má.

Bác Quỳnh thoáng vẻ không hài lòng. Cô Hoàn Trân nói thêm:

- Nhưng mời má qua đây rất không tiện.

- Thôi được rồi. Em cứ sang với má, rồi về đây. Anh và Tuấn sẽ ngồi uống rượu chờ. Anh không muốn mời khách ăn cơm mà chủ nhà kiêm đầu bếp vắng mặt.

Cô Hoàn Trân có vẻ miễn cưỡng với cách giải quyết ấy, nhưng vẫn dịu

giọng với tôi:

- Tuấn cứ tự nhiên. Tôi dân Nam, gần hai chục năm nay cố gắng tập nấu theo lối Bắc nhưng vẫn cứ bị anh Quỳnh chê, nếu không vừa miệng, Tuấn cũng thông cảm nhé.

Bác Quỳnh ra đóng cửa cho vợ, rồi quay vào, mở tủ lấy ra chai rượu vang Pháp và hai chiếc ly pha lê:

- Nhà bà ở bên đường Ngô Tùng Châu cách đây mấy bước. Do bà ở một mình, mọi khi ăn trưa, ăn tối vẫn đón bà sang đây. Còn thái độ của cô Hoàn Trân, bác mong cháu thông cảm.

- Chắc cô có chuyện buồn?

- Không chỉ buồn mà còn căm giận. Căm giận bác.

Bác Quỳnh rót rượu ra hai chiếc ly, rồi nâng ly về phía tôi:

- Nào, chúc mừng cháu đến chơi nhà bác. - Bác nhấp rượu rồi bắt đầu kể. - Từ tháng Ba năm 1975, việc mất Ban Mê Thuột quá nhanh và bất ngờ đã khiến nhiều người thuộc giới chóp bu trong chính quyền Sài Gòn linh cảm thấy sự sụp đổ toàn diện, chứ không phải chờ đến lúc lần lượt mất Huế rồi Đà Nẵng. Là người phía bên mình, nằm vùng ngay bên Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, đương nhiên bác vui mừng, nhưng em ruột Hoàn Trân là Hoàn Vương, trung tá lực lượng đặc biệt lại tử trận khi lên cứu ứng Ban Mê Thuột. Nghe tin, Hoàn Trân và mẹ cùng chết ngất. Bác cũng lặng đi mấy ngày… Thực tình, khi biết Hoàn Vương bị điều lên Tây Nguyên, bác rất muốn can vì biết chắc Vương đi vào chỗ chết, nhưng không thể… Ba của Hoàn Trân, một tướng có uy tín, nghỉ hưu cuối năm 1973, sau khi hiệp nghị Paris ký kết, vì đinh ninh chiến tranh chấm dứt, mình từ giã binh nghiệp đúng lúc. Lúc mất Xuân Lộc, ông gọi bác sang nhà nói: “Miền Nam mình thua rồi. Nếu Sài Gòn rơi vào tay cộng sản, loại chống cộng như con chắc chắn lãnh tử hình. Đại tá Đỗ Văn Ri, chánh Văn phòng Không lực, là chỗ bạn bè, vừa báo đã thu xếp cho ba một xuất đi Mỹ bằng đường hàng không, ba nói sẽ nhường cho con. Ông Ri đồng ý. Vậy con liên lạc ngay với ông ấy để đi càng sớm càng tốt”. Bác hỏi: “Ba

thì sao?". Ông nói: "Ba sẽ đi đường biển. Con quên đất Nam Bộ của ba ba bề là biển à?". Sáng ngày ba mươi tháng Tư năm 1975, khi quân Giải phóng vào đến cửa ngõ Sài Gòn, ông mặc binh phục, gọi cận vệ đưa xe Jeep đến đón. Mẹ Hoàn Trân hỏi: "Ông đi đâu?", ông nói: "Tôi vào sân bay. Nếu tình hình thuận lợi, sẽ quay lại đón bà". Lúc đó, bác đang ở trong dinh Độc Lập. Trước khi rời gia đình, ông gọi điện cho bác. Lần đầu tiên, ông đổi cách xưng hô, gọi bác là "anh" với giọng cố kìm: "Tại sao tôi tạo điều kiện cho anh, anh lại không đi?". Bác trả lời: "Con rất cảm ơn ba. Nhưng con không thể bỏ chạy". Ông thở hắt: "Tôi quý anh ở lòng trung thành. Tuy nhiên, anh cũng cần biết điều tối thiểu, mình phải sống để vợ con mình sống theo, còn mình chết thì vợ con mình có sống cũng như chết". Dứt lời, ông cúp máy. Ông đi chừng hai giờ thì người cận vệ quay lại nhà, báo tin ông không vào sân bay mà đến văn phòng Bộ Tổng Tham mưu, rút súng lục tự sát trước mặt các sĩ quan để chết như một người lính trên chiến trường. Cháu biết trong chuyện này, bác đau nhất ở đâu không? An Dương Vương khi mất thành Cổ Loa, trước khi tự sát còn biết Mỵ Châu vì tình mà dại dột, còn cha Hoàn Trân, đến khi chết vẫn tin bác là người đồng hành.

Tôi nói:

- Cháu xin chia buồn cùng bác và cô Hoàn Trân.

Bác Danh Quỳnh thở dài:

- Chưa hết. Năm 1957 cùng Danh Hùng vượt tuyến vào Nam, được hơn một năm bác được lệnh phải lấy vợ và có gia đình, để không còn dính dáng với miền Bắc. Từ ngày nhận nhiệm vụ mới, bác chỉ có một liên lạc duy nhất là cô Hải Liên, giáo viên lịch sử trường trung học Marie Curie, người Hải Phòng, gia đình vào Nam từ năm 1940. Bác và Hải Liên có cảm tình với nhau, nên bác đề xuất sẽ lấy cô ấy. Đồng chí cấp trên nói: "Lấy như vậy khác gì lạy ông, tôi ở bụi này. Phải lấy một người có dây mơ rễ má với bên địch, gốc miền Nam càng tốt". Để có vỏ bọc cực kỳ an toàn, vụ mai mối đưa sang tận Mỹ. Nhân một dịp sang Mỹ nghiên cứu

nghiệp vụ, bác được thu xếp gặp một phụ nữ khác, nhưng duyên số thế nào lại quen Hoàn Trân, con gái tướng Hoàn Phương, đang học ngành tài chính bên đó. Về nước, Hoàn Trân làm việc ở Việt Nam Thương Tín Ngân hàng. Bác và cô ấy có hai con, một trai, một gái. Hoàn cảnh như vậy, cháu thử nghĩ liệu bác có vui được khi khoe với vợ thực ra mình là ai sau ngày chiến thắng?

Bác Quỳnh kể tiếp:

- Sáng ba mươi tháng Tư năm 1975, Dinh Độc Lập chỉ còn Tổng thống mới Dương Văn Minh và nội các thành lập vội vàng của ông, nhưng bác và một số chức sắc thời ông Thiệu vẫn ở lại, chờ lệnh sẽ đầu hàng quân Giải phóng. Riêng bác cũng chờ thêm một lệnh cấp trên, với cảm xúc nôn nao và hình dung mình sẽ ra công khai trong vinh quang thế nào, lúc đó thì nhận được điện thoại của Hải Liên: "Tuy chúng ta chiến thắng tuyệt đối, nhưng tình hình vẫn phức tạp, với những diễn biến khó lường, nên trên chỉ đạo anh vẫn tiếp tục giấu mình cho đến khi có lệnh mới?". Thế là bác về nhà để đi trình diện Ủy ban Quân quản, rồi cùng các tướng lĩnh và quan chức cao cấp chính quyền Sài Gòn, những người không nơi trốn chạy, vào trại cải tạo trên Sông Bé, đến cuối tháng Mười năm 1975, mới được "tự do". Trong năm tháng bác ở trại, Hoàn Trân phải bán nhà để có tiền đi thăm nuôi. Cũng trong năm tháng cực kỳ hoảng loạn và bế tắc, gia đình em trai Hoàn Phước, vợ và ba con của Hoàn Vương trốn ra Vũng Tàu, theo một đường dây tổ chức vượt biên. Tàu ra đến vùng biển quốc tế, bị hải tặc Thái Lan tấn công, gần trăm người bị cướp và bị giết, ném xác xuống biển. Còn trước khi bác "tự do" một tháng, Hoàn Trân đã gửi hai con theo một đường dây vượt biên khác bằng đường cảng Hải Phòng qua Hồng Kông.

Đúng lúc đó, có tiếng chuông gọi cửa.

Bác Quỳnh nói:

- Hoàn Trân về.

Bác ra mở cửa, rồi cùng Hoàn Trân vào bàn ăn. Cô Hoàn Trân nhìn đồ

ăn vẫn còn nguyên, nói:

- Em đã bảo anh và Tuấn ăn trước rồi kia mà?

Bác Quỳnh rót rượu ra ly cho vợ:

- Tuấn đã như người nhà, ngồi chờ cũng có sao đâu. Anh vừa kể cho Tuấn vụ anh vào trại cải tạo và em phải đi thăm nuôi.

Cô Hoàn Trân bỗng nóng nảy một cách bất ngờ:

- Phải nói thẳng đấy là những ngày điên loạn và nhục nhã nhất của đời em.

Bác Quỳnh vội xua tay:

- Thôi thôi… Những chuyện này vẫn khiến em xúc động, thì anh xin lỗi, rồi chúng ta chuyển đề tài để bữa ăn bớt căng thẳng.

Tôi nói:

- Cháu thông cảm với cô mà bác.

Cô Hoàn Trân không bớt đi chút bức xúc nào:

- Nhục nhã nhất không phải chuyện Việt Nam Cộng hòa thua Cộng sản, mà là chỉ sau khi từ trại cải tạo về anh mới cho em biết anh thật sự là ai. Việc đó khiến em kinh hoàng. Hóa ra trong khi em lấy anh từ tình cảm thật thì anh lấy em theo lệnh cấp trên. Vì em là con kẻ thù thì sự an toàn cho cái vỏ bọc của anh sẽ cao hơn. Đã không tình cảm, thì lúc ngủ với em là anh làm nhiệm vụ hay chỉ nhằm thỏa mãn nhục dục? Để ngụy biện cho chuyện này, anh hay nói đến quy luật nghiệt ngã của chiến tranh. Thế lúc đưa xác Hoàn Vương từ Ban Mê Thuột về, trong đám tang của nó, anh chấm nước mắt là đau buồn thật hay nước mắt cá sấu? Còn đám tang lạnh lẽo và vội vàng của ba vào ngày một tháng Năm năm 1975, anh đang nghĩ mình là con rể hay đang mừng thầm vì thêm một tên địch bị loại khỏi vòng chiến? Nếu biết sớm anh là Việt cộng, không đời nào em để cả nhà Hoàn Phước và vợ con Hoàn Vương vượt biên rồi chết thảm ngoài biển. Em cũng không bỏ cả trăm cây vàng gửi hai con lặn lội ra tận Hải Phòng, qua Hồng Kông, vì chúng hoàn toàn có thể chết mất xác như hai nhà Hoàn Phước, Hoàn Vương…

Bác Quỳnh thở dài:

- Thôi được. Em đã quyết nói rồi thì cứ nói hết. Anh tin Tuấn sẽ biết nghe và hiểu cho cả hai chúng ta.

Cô Hoàn Trân quay sang tôi:

- Tuấn thử nghĩ kỹ coi. Chẳng có thứ chiến tranh nào không ác liệt, không chết chóc cả, nhưng tôi xin các người cả hai phe, đừng dùng nó để ngụy biện cho việc khiến những người chẳng dính gì đến chiến tranh bị chết lây. Tôi dứt ruột bán như cho căn nhà bốn tầng ở Hai Bà Trưng được có bốn cây vàng, đi thăm anh ấy năm lần trong năm tháng và hết sạch. Hết lòng dồn thương yêu cho người chồng thất thế đang bị đày đọa, nhưng hóa ra anh ấy ở tù vì nhiệm vụ mới. Tự nhiên tôi thấy thương hại cái thân mình, rồi thương cho cả ba má và các anh chị em trong nhà, khi người ta sống giả, còn mình lại thương thật suốt một thời gian dài. Nhưng hôm rồi, theo anh ấy ra Bắc, được gặp người vợ và gia đình anh ấy ở Hà Nội, tôi mới thấy sự mất mát của mình chẳng là gì. Vợ và các con anh ấy phải hy sinh cả hiện tại lẫn tương lai suốt gần hai chục năm chỉ để đảm bảo an toàn cho anh ấy.

Hoàn Trân bỗng gay gắt hơn:

- Nếu Danh Hùng học kinh tế ở Mỹ thì đã không chết thảm, mất xác ở Campuchia.

Ánh mắt bác Quỳnh bỗng tối đi. Giọng Hoàn Trân như dòng điện đang thông bỗng bị đoản mạch, tắt phụt. Dường như cô nhận ra, cảm xúc quá đà mình đã đụng vào điều không nên nói. Rồi cô quay sang tôi:

- Tôi thành thật xin lỗi Tuấn. Tôi đã câm lặng với anh ấy suốt từ hôm đón anh ấy từ trại cải tạo về, và thề sẽ câm lặng đến lúc chết, nhưng rồi vẫn không giữ được. - Cô bật khóc. - Trong chưa đầy một năm, liên tiếp mất cha, mất anh, rồi mất lần lượt em trai, em dâu, chị dâu, bốn đứa cháu, liệu mẹ cô và cô có còn là một người bình thường?

Cô nghẹn ngào nói với chồng:

- Em xin lỗi. Đúng ra em không nên nói gì, vì em biết anh vẫn đau khi

đụng đến Danh Hùng… Và em cũng không muốn mất nốt anh vì những cơn điên giận.

Bác Danh Quỳnh xúc động:

- Anh mới là người phải xin lỗi và chịu ơn những hy sinh của em cho anh. Nhân có Tuấn ở đây, anh nói lại: Tình yêu của anh với em và hai con, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng là tình yêu thật. Sự quý trọng của anh với ba má và các anh chị em bên gia đình em, trong bất cứ hoàn cảnh nào, cũng là tình cảm thật, dù hai bên đối lập về chính kiến. Vừa rồi, em trót nhắc đến Danh Hùng, lại im bặt vì sợ đụng vào sự nhạy cảm của anh, nhưng tiện đây, anh cũng kể với em và Tuấn, điều anh chưa từng kể với ai về Danh Hùng.

Bác Quỳnh nhìn tôi:

- Nói thật với cháu, từ ngày Danh Hùng mất, bất cứ lúc nào bác cũng nhớ đến nó… Ông thầy đầu tiên đưa bác vào nghề tình báo dạy rằng: "Người chiến sĩ tình báo sống trong lòng địch, nhất định phải có ý chí thép, nhưng cũng nhất định không được để mất cảm xúc về tình yêu thương con người. Chỉ có điều khi khóc, nhớ để nước mắt chảy vào trong". Vậy mà mỗi lúc nghĩ về cái chết của Danh Hùng, nước mắt bác vẫn chảy ra ngoài. - Giọng bác Quỳnh ngậm ngùi. - Năm 1954, hòa bình lập lại ở miền Bắc, bác như người lính hoàn thành nhiệm vụ, thở phào nhẹ nhõm bởi được chấm dứt cuộc sống hai mặt trong lòng kẻ thù bề ngoài tưởng yên bình, thực tế vẫn thường xuyên căng thẳng, quyết liệt, vì chỉ một chút sơ sảy, là bị lộ, là đón nhận cái chết, kéo theo bao nhiêu tổn thất với nhiều người hy sinh, có khi cả một chiến dịch thất bại. Nhưng từ năm 1954 đến 1957, miền Bắc thời hậu chiến vẫn đủ thứ ngổn ngang phức tạp. Hậu quả chiến tranh cũng có, nghèo nàn lạc hậu cũng có, ấu trĩ non kém cũng có và đương nhiên có không ít sai lầm, khiến những người vững tin và từng trải cũng phải động não rất nhiều mới không bị phân tâm giữa lý tưởng và thực tế. Đúng lúc đó, một đồng chí cấp trên trực tiếp gặp bác nói: "Tình hình chính trị miền Nam ngày

càng phức tạp. Người Mỹ bắt đầu nhảy vào. Chính quyền Ngô Đình Diệm đang quyết liệt củng cố quyền lực bằng cách đàn áp những lực lượng đối lập, trong đó có việc chống cộng, trả thù những người theo Việt Minh trong kháng chiến chống Pháp. Đồng thời, chúng thành lập những lực lượng ngầm, lợi dụng tình hình bất ổn và khó khăn kinh tế, từng bước âm mưu chiếm lại miền Bắc". Như vậy, chuyện đến năm 1956, theo Hiệp định Genève, tiến hành tổng tuyển cử hai miền, thống nhất đất nước, chắc chắn sẽ không diễn ra. Suốt tám năm sống trong lòng địch ở Hà Nội, bác quá hiểu tình hình, nên đồng tình với nhận định như vậy. Đồng chí cấp trên nói: "Chúng ta không thể ngồi im, chờ tình hình thật xấu mới đối phó. Để không bị động, riêng mặt trận tình báo, ta sẽ phải đánh người thâm nhập trong lòng địch. Nếu chúng tôi chọn đồng chí thì sao?". Là người lính luôn hết mình vì nhiệm vụ, đương nhiên bác không từ chối. Thậm chí, bác còn hăng hái xung phong dấn thân vào nhiệm vụ mới. Một vụ án phản động được dựng lên, bác bị bắt, rồi vượt ngục, sau đó, tìm cách vượt tuyến vào Nam. Nhưng do hồi Cách mạng tháng Tám, rồi kháng chiến toàn quốc, bác có mấy năm tham gia Việt Minh, đến giữa năm 1947 mới bỏ kháng chiến về Hà Nội. Giờ vào Nam, đối mặt với lực lượng phản gián của CIA và đặc vụ của chính quyền Ngô Đình Diệm, toàn hàng cao thủ, liệu dàn dựng của vụ án có qua mắt được họ? Thế là chính bác đề xuất khi vượt tuyến vào Nam sẽ đưa theo một đứa con cho vụ việc được tự nhiên. Năm đó, Danh Hoàng vừa tốt nghiệp bác sĩ, đang làm việc ở bệnh viện Bạch Mai, Danh Huyền là con gái và Danh Vũ cùng còn nhỏ, nên bác quyết định chọn Danh Hùng. Hùng đang năm cuối trung học cùng anh Khôi cũng là đứa lanh lợi, thông minh và rất hiểu bác. Vào Sài Gòn, bác làm việc trong bộ phận chịu chỉ đạo trực tiếp của ông Ngô Đình Nhu, cố vấn thân cận của Tổng thống Ngô Đình Diệm, chuyên theo dõi và phân tích tình hình nội bộ giới lãnh đạo miền Bắc. Đồng thời, bác cũng thu xếp cho Danh Hùng sang Mỹ du học ngành tài chính để sau này có cơ hội đóng góp cho đất nước thời hòa bình. Mọi

chuyện tưởng thuận lợi thì giữa năm 1959, nghi ngờ có sự tạo phản trong chính quyền, hai anh em ông Diệm quyết liệt thẳng tay thanh trừng nội bộ. Những người từng tham gia Việt Minh, trong đó có bác, bị lọt vào tầm ngắm. Một số người có con du học ở Mỹ theo những ngành dân sự, muốn xóa tan nghi ngờ, chứng tỏ mình theo phe tổng thống, chống cộng tuyệt đối, liền chuyển con sang ngành quân sự. Bác bay sang Mỹ, nói tình hình với Danh Hùng. Để an toàn cho bố, Hùng chấp nhận chuyển sang học quân sự, chuyên ngành trực thăng vũ trang. Khi về nước với hàm trung tá, bác thu xếp cho Hùng được ở trường huấn luyện. Kết quả, bác vẫn giữ nguyên được vỏ bọc đến tận thời Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Nhưng cái giá phải trả cho tính toán tưởng khôn ngoan này lại cực đắt. Giữa năm 1970, để trả đũa cuộc tấn công Mậu Thân 1968 của ta, quân Mỹ hỗ trợ tối đa cho quân lực Việt Nam Cộng hòa tổ chức tấn công tổng lực nhằm quét sạch toàn bộ căn cứ quân Giải phóng dọc biên giới Tây Nam với Campuchia. Để dồn toàn lực cho cuộc tổng tấn công, nhiều sĩ quan thuộc các trung tâm huấn luyện, trong đó có Danh Hùng, bị điều ra mặt trận. Do biết trước kế hoạch của địch, chúng ta vừa đánh vừa rút sang bên kia biên giới, nhử địch tràn qua sẽ phản đòn. Các trận chiến vô cùng ác liệt, hai bên cùng thiệt hại lớn. Danh Hùng cố tránh né không được, khi tấn công một căn cứ trong rừng gần biên giới Nam Tây Nguyên, nó cùng bốn đồng đội đã chết mất xác ở phía bắc Svay Rieng do trực thăng bị bắn hạ. Mỗi lần nghĩ về sự ra đi của Danh Hùng, bác không bao giờ quên được ánh mắt và lời nói rất buồn của nó khi về nhà chia tay bác để dấn thân vào chiến dịch: “Con luôn tin tưởng và nghe lời bố. Con cũng sẵn sàng chết để bảo vệ bố. Nhưng chúng ta đang theo Mỹ có thể là một sai lầm”. Bác bảo: “Đừng quên con được chính Mỹ đào tạo”. Danh Hùng nói: “Nhờ Mỹ đào tạo con mới biết, họ là người chơi cờ, còn chúng ta chỉ là những quân cờ”. Tức là, ngay cả lúc chết trong cuộc chiến, nó cũng không biết bố nó là ai. - Bác Quỳnh kín đáo chấm nước mắt. - Những năm sau, bác và gia đình bốn đồng đội

của Danh Hùng thuê rất nhiều người sang Svay Rieng tìm hài cốt, nhưng không sao tìm được. Rồi để càng lâu, việc tìm kiếm càng khó hơn, khi vùng này do Khơ me Đỏ kiểm soát… Bác như người mất hồn suốt thời gian dài. Sự ra đi của Danh Hùng đã góp phần củng cố niềm tin về bác trong chính quyền Việt Nam Cộng hòa, nhưng đó là nỗi đau không sao kể xiết khi chính bác, ngay từ đầu, đã dùng con trai mình làm con tin, rồi nó chết để cho mình được sống.

Chuyện đến đây dù là tâm sự chân tình với tôi, vừa nhằm đồng cảm với bức xúc của cô Hoàn Trân, nhưng giọng đau buồn của bác Quỳnh vẫn làm không khí trầm lắng. Tôi cố nghĩ để nói mấy lời chia sẻ, nhưng không nghĩ ra. Bác Quỳnh dường cũng nhận ra điều ấy, nên nói dung hòa:

- Cháu được chứng kiến cảm xúc của cô Hoàn Trân và tâm sự của bác hôm nay cũng có cái tốt cho một nhà văn, về cái giá của hòa bình cũng đầy đau thương và nước mắt từ nhiều phía thế nào. - Rồi bác xuề xòa, - bây giờ nên tập trung vào chủ đề ẩm thực. Chứ chỉ mải nói chuyện, rồi chấm đũa chút chút cho có lệ, đồ ăn nguội hết. Bún chả và nem cua bể mà ăn nguội mất hết chất Hà Nội.

Thực ra, lúc bắt đầu ăn, tôi đã phát hiện ra nước chấm bị ngọt và nem cua bể có mùi nước dừa, là hai thứ tôi rất dị ứng từ khi bước chân vào Sài Gòn, nhưng vẫn xuýt xoa:

- Lúc nãy vừa ăn cháu đã thấy đúng hương vị Hà Nội mình rồi.

Nhà tình báo vĩ đại rạng rỡ hẳn với vợ:

- Đấy, em thấy không? Anh mà khen, em bảo khéo nịnh, chứ một người gốc Hà Nội, lại là một nhà văn thuộc tầng lớp sành văn hóa ẩm thực nhất thủ đô mà khen thì em ra Hà Nội mở nhà hàng được rồi. Cháu còn nhớ ở mặt phố đối diện cột đồng hồ, đầu ngõ Tư Đường nhà bác, có hàng bún chả, nem cua bể Bà Lạng, ngon nổi tiếng? Hôm nay, bác bảo cô Hoàn Trân làm món này mời cháu là để chúng ta cùng sống lại những kỷ niệm một thời. Nào, đụng ly rồi cùng ăn cho hết để cô Hoàn Trân hài

lòng.

Chúng tôi cười nâng ly. Và dù biết người nọ cần ăn để người kia hài lòng, nhưng ai nấy vẫn chỉ nhấm nháp cho phải phép…

Nhưng hóa ra, đấy lại là bữa ăn cuối cùng của tôi với bác Danh Quỳnh ở Việt Nam. Vì hai tháng sau, bác đến Cục Báo chí và Xuất bản miền Nam chào tôi để cùng cô Hoàn Trân xuất cảnh qua Mỹ. Tôi hỏi:

- Ý kiến của bác gái ngoài Hà Nội thế nào?

Bác nói:

- Cả Hoàn Trân cũng nhất trí đưa bác gái theo, nhưng bác ấy nhất định ở lại, vì còn mồ mả các cụ và vợ chồng Danh Hoàng ở quê, còn vợ chồng Danh Vũ và cháu Danh Huy, con Danh Hoàng ở Hà Nội, lại còn Danh Hùng chưa biết ở đâu trên đất Campuchia.

Không thấy bác nhắc đến Danh Huyền, tôi hỏi:

- Ý kiến Danh Huyền thế nào?

Bác Quỳnh:

- Danh Huyền và hai con đi theo bác. Nhưng nó bỏ chồng rồi, cháu không biết à?

Tôi lại hỏi bác:

- Cho đến nay, bác vẫn thuộc biên chế quân đội. Việc đi thế này có phải xin phép?

- Đương nhiên là có. Và không ai cho đi.

Bác nghẹn ngào như đang bị đứt từng khúc ruột. Phải một lúc, giọng bác mới trở lại bình thường:

- Chuyện không đơn giản, thậm chí, rất rắc rối. Nhiều người nghĩ hành động của bác là bất mãn, là tiêu cực, có người còn cho là đầu hàng địch, tìm nhiều cách làm công tác tư tưởng, rồi hứa sẽ tăng hàm, tăng lương và quyền lợi, để bác nghĩ lại. Khổ nỗi đây lại là chuyện càng thanh minh, người ta càng không tin, nhất là đối với người làm nghề tình báo bạc đầu sống hai mặt, có lúc còn ba, bốn mặt. Ra đi là phải buông bỏ hết, bác cũng đau, cũng tiếc lắm chứ… Rất may, cuối cùng cũng có hai người

trực tiếp lãnh đạo cụm tình báo chiến lược đã hiểu bác và bảo lãnh cho đi. Bây giờ chiến thắng và hòa bình rồi, bác có lộ tên, hai anh ấy chắc cũng chẳng trách bác sai nghiêm luật, đó là anh Năm Xuân (Mai Chí Thọ) và anh Mười Hương (Trần Quốc Hương).

Hôm tôi tiễn bác và cô Hoàn Trân ở sân bay Tân Sơn Nhất, bác bùi ngùi cầm tay tôi:

- Bác đã hiến cả đời cho đất nước, nay đất nước đã hòa bình, thống nhất, giờ ra đi, bác không có gì hối hận. Đời bác chỉ mang nợ hai người phụ nữ, hai món nợ quá lớn, không biết đến bao giờ mới trả hết. Món nợ thứ nhất, tuy bác gái ở Hà Nội đã tuyên bố xóa hết nợ nhưng bác cứ vẫn mang nó sang kiếp sau. Còn món nợ thứ hai với cô Hoàn Trân, bác sẽ ráng trả trọn trong kiếp này. Nếu có điều gì khiến bác vẫn đau đáu trước khi đi chính là hơn năm nay, dù vẫn tiếp tục nhờ nhiều người tìm kiếm, bác vẫn không biết hài cốt Danh Hùng đang ở đâu. Đây không phải là nợ mà là tội, vì chính bác đã đẩy nó vào chỗ chết.

Tôi quyết định nói với bác điều tôi định nói từ lâu:

- Cháu dự định sẽ viết một cuốn sách về cuộc đời hoạt động đầy bi tráng của bác, nay cháu xin phép bác trước, để bác không bị bất ngờ.

Bác Quỳnh lắc đầu:

- Bác cảm ơn cháu đã quan tâm, nhưng bác cũng xin cháu đừng viết. Từ ngày miền Nam giải phóng, một số nhà báo, đài truyền hình trong nước và nước ngoài cũng tìm gặp bác để phỏng vấn và viết bài, cũng đã có nhà văn muốn viết sách về bác. Nhưng bác nghĩ cả cuộc đời mình đã sống âm thầm, đến họ tên cũng đổi họ tên người khác để làm một người lính vô danh, thì đến chết bác cũng nguyện làm một người vô danh, nên bác đều từ chối hợp tác. Bác đã bàn với bác gái và cô Hoàn Trân, nếu bác đi trước, hai người sẽ đặt trên mộ bác tấm bia có khắc dòng chữ: "Người lính vô danh". Còn trường hợp tìm được mộ Danh Hùng, thì cho bác và Danh Hùng nằm cạnh nhau, lúc đó, hãy khắc tên bác trên tấm bia.

Một người đáng kính và đáng quý như bác Danh Quỳnh muốn thế, thì

tôi không thể làm trái. Còn về chuyện ông Mai Chí Thọ bảo lãnh cho bác Danh Quỳnh sang Mỹ thì năm 1982, khi đang là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông Thọ có mời nhà văn Nguyễn Quang Sáng, nhạc sĩ Trịnh Công Sơn và tôi ra Vũng Tàu ba ngày cùng với môt trăm thanh niên công nhân xuất sắc đạt danh hiệu "Cánh tay Vàng" thành phố. Vào buổi tối, lúc chỉ có bốn người trà dư tửu hậu, nói chuyện trên trời dưới bể tại Bạch Dinh, trước là nơi nghỉ mát của vua Bảo Đại, tôi hỏi ông Mai Chí Thọ về chuyện ông bảo lãnh cho bác Danh Quỳnh đi Mỹ.

Đầu tiên, ông thận trọng hỏi: "Danh Quỳnh nào?", rồi hỏi: "Làm sao biết Danh Quỳnh?". Đó là tính thận trọng rất tự nhiên của một người làm chính trị trước các nhà văn, nhà báo. Khi nghe tôi kể nguồn gốc sự quen thân của tôi với bác Danh Quỳnh, ông mới nói: "Người làm nghề tình báo, khi hoạt động trong lòng địch, muốn thích nghi hoàn cảnh để hoàn thành nhiệm vụ phải ráng sống muôn mặt. Sự đau khổ này còn lớn hơn chuyện sống chết. Khi hy sinh, họ phải chết những hai lần. Cái chết thứ hai là cái chết vô danh, vì đó là cái chết chỉ mình họ biết. Đấy là lý do vì sao tôi và anh Mười Hương bảo lãnh cho anh Danh Quỳnh, có biệt danh cuối cùng là Tám Giao. Giao là tên vợ đầu của anh ấy, còn Tám là số người ruột thịt của anh ấy, gồm hai người vợ, bốn đứa con vợ trước, hai đứa con vợ sau. Bảo lãnh cho anh ấy, chúng tôi không chỉ bảo lãnh cho sự trung thành và trong sạch của một người lính với sự nghiệp của mình, mà còn bảo lãnh cho một con người chân chính đúng nghĩa".

MÃI LÀ BA TRONG MỘT

Năm 2015.

Nghĩa trang liệt sĩ Phước Long, kể từ mười lăm tháng Giêng năm 2010 đã thành nơi quen thuộc với gia đình tôi. Mỗi lần đi thăm, quan điểm của tôi là chỉ ngày giỗ hai mươi ba tháng Năm và ngày Thương binh Liệt sĩ hai mươi bảy tháng Bảy thì sắm đủ lễ, còn các ngày khác, nhang, nến thì thắp đủ, các thứ khác như trái cây, vàng mã, bia, rượu chỉ tượng trưng. Nhưng vợ tôi nhất định đã lên mộ là phải đầy đủ:

- Mình đơn giản còn nhà khác người ta chu đáo thì anh Khôi sẽ tủi thân.

Có một lời dặn của thầy Lư mà chúng tôi ghi âm lại: "Mỗi lần thăm mộ, đã khấn bác Khôi phải nhớ khấn vợ bác ấy là y tá Minh, và mỗi lần đốt vàng mã, gửi đủ đồ cho bác Khôi, phải nhớ gửi cho bác Minh mớ bồ kết để gội đầu, một bộ đồ đẹp, đôi dép cao gót. Hôm trước, thay vì gửi đôi giày bata lại gửi nhầm dép cao gót, nhưng bác ấy lại thích, vì bây giờ hết chiến tranh, bác ấy đi gặp gỡ bạn bè, hội ngộ nhiều hơn hành quân".

Đã tin rồi thì thầy Lư bảo gửi thứ gì, chúng tôi gửi thứ ấy, nhưng vẫn không hết băn khoăn. Thực tế, anh Khôi chưa từng có vợ. Chuyện thương binh có thể cưới y tá tại bệnh xá đang sơ tán trong rừng giữa lúc hai bên giao tranh ác liệt, tất cả các cựu binh từng tham chiến ở Svay Rieng năm 1970, khi được chúng tôi hỏi, đều trả lời không thể. Có người còn khôi hài: "Nếu có, chỉ ở trong tiểu thuyết và phim truyền hình nhiều tập". Về chuyện này, tôi cũng tham khảo một số người ít nhiều hiểu biết về thế giới tâm linh, trong đó có Thanh Vân.

Vân nói:

- Việc đốt vàng mã, gửi đồ cho người âm thực ra rất thoáng. Mình gửi

vàng, đô-la, tiền Việt, tiền âm phủ, gửi cả nhà lầu, ô tô, máy bay, điện thoại di động hay máy vi tính… đều được, vì người này không dùng sẽ nhường người khác, chẳng ai dùng thì để đấy, cũng không sợ chật âm phủ hay thiên đường. Nhưng khấn chính xác đã gửi những đồ này, đồ kia, cho người này, người nọ mà không gửi hoặc không trúng, lại là chuyện nghiêm trọng, vì vong rất hay buồn và tự ái. Để vong buồn và tự ái thì việc thờ cúng mất thiêng, hậu quả khôn lường.

Tôi nói:

- Nếu thầy Lư chỉ một lần nói đến người vợ tên Minh có thể là nhầm, nhưng cậu ta nói rất nhiều lần, chắc phải có cơ sở?

Vân bảo:

- Thế giới tâm linh thuộc cõi âm, còn thầy thuộc cõi dương, nếu có nhầm cũng là chuyện bình thường. Giờ chỉ có hai cách. Hoặc anh chị lại ra Hà Nam nhờ thầy Lư gọi hồn lần nữa. Hoặc mỗi lần đi Phước Long gặp anh Khôi, anh chị cứ gửi đồ cho chị Minh, nhưng nói là làm theo lời thầy dặn. Với lại, tại sao anh chị cứ nhất định nghĩ họ lấy nhau ở bệnh xá trong rừng? Nhỡ anh chị ấy làm lễ cưới ở cõi âm thì sao? Đã có tình yêu không biên giới, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, thì hoàn toàn có thể có tình yêu không phân biệt âm dương.

Chúng tôi cùng bật cười cho rằng "Vân bói" chỉ tán cho vui. Nhưng nếu anh Khôi có vợ tên Minh đúng như thầy Lư nói, lại không hề cưới nhau ở cõi dương, thì việc họ cưới nhau ở cõi âm như Thanh Vân nói không phải chuyện đùa.

Từ ngày tìm được mộ anh Khôi, và chuyện thờ cúng anh được chăm chút, việc làm ăn của vợ chồng tôi và các con có nhiều thuận buồm xuôi gió, nên mọi vướng mắc về tâm linh, trong đó có vụ người vợ tên Minh, ngày càng bớt đi những nghi ngại, cho đến lúc mọi nghi ngại không còn được ai nhắc đến. Tức mặc nhiên chúng tôi tin anh đã có một gia đình ở cõi âm.

Một hôm, vào ngày giỗ anh Khôi hai mươi ba tháng Năm, cả nhà, gồm

vợ chồng tôi, ba cháu Thuận Ánh, Minh Trí, Tuấn Phúc, hai con rể Việt Hưng, Vĩnh Phúc, bốn cháu ngoại, vợ chồng Vân, Dật, cậu Hùng, thêm anh Căn con bác Thụ, trưởng họ Đỗ Mai Lĩnh ở Sài Gòn, người cùng học với anh Khôi hồi tiểu học ở trường Đỗ Hữu Vị, Hà Nội, kéo nhau lên Phước Long. Những ngày lễ, ngày Tết, nghĩa trang thường rất đông, nhưng ngày thường nghĩa trang rất yên vắng.

Do chúng tôi đã quá quen thuộc nơi đây nên xe vừa vào cổng, ông Tư Quảng quản trang đã từ trong dãy nhà tiếp tân ra đón:

- Sao hôm nay nhà mình lên trễ thế?

Tôi nói:

- Tụi tôi đã cố ý đi sớm, nhưng đoạn xa lộ Đại Hàn bị tắc đường khá lâu.

Theo thông lệ, sau khi xuống xe, đoàn chúng tôi chia đôi. Đám trẻ xách đồ lễ đi thẳng đến mộ bác Khôi, còn đám già: vợ chồng tôi, vợ chồng Vân, Dật, cậu Hùng và bác Căn đến đặt lễ ở đài tưởng niệm. Chúng tôi làm lễ xong, rời đài tưởng niệm, đến mộ anh Khôi, cả nhà mới cùng làm giỗ. Khi chúng tôi đang bày lễ ở đài tưởng niệm thì điện thoại của tôi reo, là số của con gái tôi.

- A lô! Chuyện gì thế con?

Thuận Ánh báo:

- Có ai đã đặt lễ rất lớn trên mộ bác Khôi... Mình vẫn để nguyên hay dọn đi ạ?

Tôi ngạc nhiên, hỏi vợ:

- Mộ anh Khôi ở đây và ngày giỗ của anh hôm nay chỉ riêng nhà mình biết. Vậy ai nhỉ?

Chúng tôi cùng đưa mắt nhìn quanh khu nghĩa trang bao la đang nắng chói chang, vắng lặng, không một bóng người.

Cô Vân nói:

- Ông Tư Quảng nói ở nghĩa trang này có nhiều điều bí ẩn nên chỉ có thể giải thích đồ lễ ấy là do sự có mặt của các vong hồn.

Dật lắc đầu:

- Đó là vào ban đêm. Còn đây đang giữa ban ngày.

Chúng tôi lặng lẽ làm lễ nhanh ở đài tưởng niệm, rồi kéo nhau đến phần mộ của anh Khôi. Trên ngôi mộ ốp gạch men màu mận chín, cạnh bình sứ trắng cắm nhành hoa hồng đỏ bằng giấy như tất cả các mộ khác là một bình gốm mộc Bát Tràng, cắm bó hoa lay ơn lớn hai màu đỏ trắng, tươi nguyên. Lùi xuống dưới bình hoa là chiếc đĩa sứ lớn đặt chùm nhãn lồng Hưng Yên. Bó nhang lớn trên bát nhang vẫn đang cháy dở. Bốn chén nến đang cháy mới chỉ cạn chừng một phần ba. Chứng tỏ người đến viếng rời nghĩa trang chưa lâu. Mọi người cùng nín lặng trong một cảm xúc lạ lùng. Riêng tôi linh cảm thấy một sự quen thuộc mà tôi đã quên từ lâu... Bình gốm mộc không men, hoa lay ơn hai màu đỏ trắng và nhãn lồng Hưng Yên, là mối liên hệ không bao giờ phai mờ giữa Danh Huyền và anh Khôi, mặc dù Hưng Yên chính là nơi kết thúc mối tình. Nhưng Huyền đã theo bác Quỳnh sang Mỹ từ năm 1977. Hay Huyền vừa về nước? Dẫu đúng Huyền về nước, làm sao cô biết mộ anh Khôi ở đây nếu không tìm hỏi tôi? Tôi trình bày những nghi vấn này với vợ. Vợ tôi nói:

- Liệu có thể từ Mỹ, chị ấy nhờ dịch vụ trong nước đặt đồ lễ?

- Vấn đề là mộ anh Khôi ở đây chỉ có nhà mình biết.

Gia đình tôi cùng đứng lặng, không ai dám động vào những đồ lễ trên mộ. Đúng lúc đó, ông Tư Quảng từ ngoài cổng đi vào. Tôi hỏi:

- Bác có biết ai đã đặt đồ lễ lên mộ anh tôi sáng nay không?

Ông Tư Quảng ngạc nhiên:

- Tôi tưởng bà ấy là người nhà của các bác? Vào ngày giỗ bác Khôi năm trước bà ấy cũng đến đây, nhưng vào buổi chiều. Hôm đó, bà ấy cũng đặt hoa dơn[13*] trắng đỏ trong bình gốm mộc, cũng đĩa nhãn lồng Hưng Yên. Thấy cái bình đẹp, tôi vẫn trưng ở phòng tiếp tân. Năm trước bà ấy đi một mình, còn năm nay bà ấy đi với hai cậu thanh niên.

[13] Tên gọi khác của hoa lay ơn.*

- Bà ấy đến đây bằng xe gì?

- Từ Sài Gòn lên đây, chắc bằng xe hơi. Những người đi quen thường tự ý đẩy cổng cho xe vào trong sân, còn người lạ vẫn đậu xe ngoài cổng, đi bộ vào. Cả hai lần, bà ấy đều để xe ở ngoài.

- Bác có nhớ hình dáng bà ấy thế nào?

- Tuổi chắc cũng trong ngoài bảy mươi, dáng đi còn khỏe, nhưng mặt mũi thì do nhìn xa nên tôi không thấy kỹ.

Tôi nói với mọi người:

- Chín mươi chín phẩy chín phần trăm là Danh Huyền rồi. Việc này kiểm tra cũng dễ thôi. - Tôi lấy điện thoại di động. - Gọi ra Hà Nội, nhờ Vinh đến thăm bác Quỳnh gái là ra ngay.

Cô Vân nói:

- Không phải chị Danh Huyền mà là vong chị Minh thì sao? Vong cũng biết thừa anh Khôi thích cái gì sẽ tặng cái đó. - Cô hỏi ông Tư Quảng. - Hôm trước, bác có kể ở đây vẫn có chuyện vong thắp nhang và tặng quà cho nhau?

Ông Tư Quảng đáp:

- Tôi nói ở đây có nhiều chuyện kỳ lạ, chỉ có thể giải thích là do vong hiển linh, chứ không nói đã nhìn thấy.

Tôi tạm dẹp ý định gọi điện thoại ra Hà Nội cho Vinh, nhưng lại gọi cho Thanh Vân, kể lại chuyện đồ lễ nghi của Danh Huyền và chuyện khó xử của chúng tôi.

Thanh Vân nói:

- Chị Vân nói đúng. Vong cũng có thể có sản phẩm giống trăm phần trăm với chị Danh Huyền. Đã không cúng thì thôi mà đã cúng thì tối kỵ sự nhầm lộn. Nếu em ở trên đó, chỉ nhìn là biết ngay đồ cúng của ai. Nhưng vì chuyện này mà giờ cúng bị sai lệch, bác Khôi cũng sẽ giận, nên theo em, trước hết cứ để nguyên đồ cúng đang có, anh chị thắp nhang thưa lại với bác Khôi mọi chuyện, xin phép được dọn lễ đi, rồi hãy làm lễ giỗ của mình. Một mặt ở Sài Gòn, em sẽ cùng lúc thắp nhang xin thần

linh cho thấy các anh chị trên ấy, thuận thì thôi, nếu có gì sai sót, em sẽ báo.

Chúng tôi thực hiện theo đúng lời Thanh Vân và chuyện dọn lễ cũ thay lễ mới diễn ra êm thấm. Sau đó, do trời quá nóng, vụ dọn lễ diễn ra quá lâu, nên thay vì tổ chức ăn uống dưới bóng hàng cây sao, nâng ly cùng bác Khôi và đồng đội như mọi khi, chúng tôi quyết định kéo nhau về thành phố Đồng Xoài, vào một nhà hàng máy lạnh…

Chúng tôi ăn sắp xong thì có điện thoại của Thanh Vân:

- Anh chị còn ở nghĩa trang không?

- Vì ở đấy quá nóng, đoàn có mấy đứa trẻ con, nên anh chị kéo cả về Đồng Xoài. Ăn xong sẽ về thẳng Sài Gòn.

Thanh Vân nói:

- Khi anh chị khấn xin phép bác Khôi, có thấy hai ngọn nến đang cháy ở cạnh tấm bia bỗng nhiên tắt phụt?

- Lúc đó anh tưởng do gió.

- Vậy đúng là bác Khôi "Ok". Còn bây giờ anh chị, nếu không mình anh cũng được, quay trở lại nghĩa trang Phước Long ngay.

- Để làm gì?

- Vì bác Khôi sắp có khách. Em nói chắc chắn đấy.

Tôi buột miệng:

- Em có biết là ai?

- Em không biết. Hai người. À… Chắc chắn là ba người.

Vợ tôi nhắc:

- Anh phải hỏi kỹ lại. Khách nào? Thân thiết đến đâu? Bây giờ trở lại Phước Long gần năm mươi kilômét, trong khi giờ này, anh và em cùng hết hơi rồi.

Tôi đáp cộc:

- Nếu vậy em về với mọi người, còn anh trở lại nghĩa trang. Chuyện tâm linh không được coi trọng thì hậu quả khôn lường.

Vợ chồng tôi mượn chiếc Toyota bốn chỗ của Dương Trọng Dật, quay

trở lại nghĩa trang liệt sĩ Phước Long. Lúc này khoảng hơn ba giờ chiều, trời vẫn nắng gay gắt. Thấy cổng mở sẵn, xe chúng tôi chạy thẳng vào con đường nhựa lớn dẫn thẳng đến đài tưởng niệm. Nghĩa trang vẫn vắng lặng mênh mông nhưng phần nào bớt nóng. Ông Tư Quảng từ dãy nhà tiếp tân đi ra.

- Hai bác quên gì mà quay lại?

Tôi hỏi:

- Từ lúc chúng tôi đi, có ai đến viếng mộ anh tôi không?

- Không thấy ai cả. Nói chung, trừ Chủ nhật và ngày lễ là đông khách, còn ngày thường, chỉ có số ít thân nhân liệt sĩ đến vào ngày giỗ như các bác.

Vợ tôi nói với tôi:

- Anh gọi hỏi lại Thanh Vân xem?

Tôi đã định bấm điện thoại, nhưng lại phân vân:

- Lần thứ nhất, từ nghĩa trang anh đã gọi điện rồi. Còn lúc ở nhà hàng, Vân gọi điện cho anh. Nhưng đến đây không có khách, anh lại ngờ thuộc chuyện tâm linh. Biết đâu vong anh Khôi muốn thử lòng mình?

- Làm gì có chuyện vong biết gọi điện thoại?

Tôi lúng túng quay qua ông Tư Quảng:

- Nói thật với chú, trên đường về, có người gọi điện thoại nói có khách đến viếng anh Khôi nên chúng tôi mới quay lại. Hóa ra chẳng có ai. Dính vào mấy vụ tâm linh bây giờ sinh tẩu hỏa nhập ma, không rõ người hay ma gọi điện cho mình nữa.

Ông Tư Quảng sực nhớ:

- À… Cách đây chừng nửa giờ, có người gọi điện thoại hỏi thăm đường đến nghĩa trang. Ông ta nói, chừng một giờ nữa sẽ đến viếng người bạn là liệt sĩ, nên tôi mới mở sẵn cổng. Thế thì chắc chắn là người mà người gọi cho bác nói đến rồi.

Vợ tôi nói:

- Người nào thì mình cũng cứ vào thắp nhang xin anh Khôi phù hộ,

để nếu khách có thật cũng không bị vong chỉ sai đường.

Vợ chồng tôi đi về phía mộ anh Khôi, đang chuẩn bị thắp nhang thì từ ngoài cổng, một chiếc siêu xe Mercedes đen bóng, chạy vào. Ba người, hai phụ nữ một già, một trẻ cùng thuộc loại mình dây, cao lêu nghêu, và một người đàn ông rời khỏi xe.

Ông Tư Quảng sốt sắng ra đón khách rồi chỉ về phía vợ chồng tôi đang đứng bên mộ anh Khôi.

Vợ tôi nheo mắt hướng về phía họ:

- Ai thế nhỉ?

Tôi cũng cố chống mắt lên nhìn:

- Hai phụ nữ có vẻ giới showbiz. - Rồi tôi lắc đầu. - Anh không quen.

Từ chỗ xe đậu vào chỗ chúng tôi đang đứng, cách xa chừng hai trăm mét và mắt chúng tôi đều là bốn con mắt người già. Khi họ xăm xăm tới gần, người đàn ông hét lên:

- Chào phóng viên báo Nhân dân kiêm kỹ sư trưởng cơ khí vùng mỏ Quảng Ninh.

Tôi suýt ngất xỉu khi nhận ra đó là anh Huy Lạc. Lần cuối cùng gặp anh là dịp Tết 1966, tôi đạp xe từ chỗ chị Tâm ở Hà Bắc về nhà anh ở khu tập thể Kim Liên, để hỏi anh về chuyện anh Khôi nhập ngũ. Từ đó đến nay, ngót nghét năm mươi năm anh em không gặp nhau. Phần vì hai người làm hai công việc quá khác nhau, phần vì tôi khó hòa hợp với tính cách ranh mãnh của anh và càng dị ứng với vụ anh bỏ Kim Hà để lấy Linh Xuân, con gái một thứ trưởng, nhằm thuận đường thăng tiến, khiến Kim Hà phẫn uất nhảy cầu Thê Húc ở Hồ Gươm tự tử. Tuy nhiên, những thông tin về anh đến tai tôi lại rất nhiều. Năm 1968, anh là Cục trưởng trẻ nhất ở Tổng cục Thủy lợi, đánh đùng một cái lại nhảy về Thanh Hóa làm Trưởng Ty Thủy lợi, rồi lên Phó Chủ tịch tỉnh. Đến khi được điều về làm Phó Chủ tịch Thành phố Hải Phòng, tương lai mà anh hình dung lờ mờ lúc trước giờ hiện ra rõ nét, thế là thư tố cáo, đơn kiện gửi các ngành, các cấp bỗng nhiên nhiều như bươm bướm. Một tờ báo

làm hẳn phóng sự điều tra nhiều kỳ chuyện Kim Hà có thai với Lạc, tự tử ở cầu Thê Húc vì bị Lạc bỏ rơi để lấy cô vợ con thứ trưởng, rồi vụ lợi dụng uy tín tổng cục trưởng, đưa phóng viên báo Nhân dân giả lên Hưng Yên giải cứu nhân viên N.M.K "phạm tội" hiếp dâm gái vị thành niên, ở công an Hưng Yên. Tin động trời nhất là Lạc bị bắt và khởi tố, với khả năng sẽ bị tử hình, bởi tội danh nhận hối lộ hàng trăm tỉ để cố ý làm trái trong vụ nhượng hàng ngàn héc-ta đất quy hoạch nông nghiệp của tỉnh cho doanh nghiệp tư nhân trá hình nhà nước, khiến nhà nước thiệt hại hàng trăm tỉ. Sự ồn ào chỉ nguội đi khi vụ Lạc về Hải Phòng không thành, đồng thời với việc miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Bẵng đi một thời gian dài, từ năm 1986, khi đất nước khởi phát phong trào đổi mới, Huy Lạc lại được báo chí nhắc đến là một trong những doanh nghiệp tư nhân tiên phong đầu tiên của thời kỳ đổi mới, đầu tư các dự án đô thị hiện đại, khu du lịch và sân gôn ở nhiều tỉnh. Mấy năm nay, vợ chồng anh lại nổi tiếng là "vua từ thiện", với mỗi đợt phát động quyên góp mỗi người đều góp riêng hàng chục tỉ, trong khi các doanh nghiệp, các tập đoàn, ngân hàng tên tuổi lẫy lừng chỉ chia cho quỹ "Người nghèo" từ một đến vài tỉ. Còn bây giờ, anh đang đứng ngay trước mặt tôi.

Anh cười ha hả ôm chầm lấy tôi:

- Tết Nguyên Đán 1965, tức cách đây năm mươi năm, anh giới thiệu với chị chú, chú là kỹ sư cơ khí vùng mỏ Quảng Ninh, còn giới thiệu với Vũ Cang, Trưởng Ty công an Hưng Yên chú là phóng viên báo Nhân dân, khiến chú khó chịu và tự ái, cho anh là thằng bốc phét. Giờ chú chịu anh là bậc thầy về tâm linh, khi nhìn thấy tương lai của từng người trước mấy chục năm chưa?

Cô gái trẻ cao kều đứng bên cạnh anh cười giễu:

- Nhà văn đâu phải là kỹ sư cơ khí và phóng viên báo đảng.

- Nhưng sai số mấy phần trăm, ông của con vẫn là người, còn nói đâu trúng đó trăm phần trăm, ông đã là thánh. Mà trong thời buổi ai cũng

nghĩ mình là thánh, có khi ông còn cố ý nói sai để được làm người. - Rồi anh giới thiệu cô gái với tôi. - Nó là Linh Hoa, cháu ngoại, con lớn đứa con gái đầu của anh chị, cao một mét bảy mươi. Hồi anh lấy chị, ai cũng nói bóng nói gió, bao nhiêu bồ câu không chọn lại chọn con sếu vườn. Có biết đâu anh đã nhìn thấy trước thế kỷ hai mươi mốt là thế kỷ của phụ nữ cao một mét bảy mươi lăm trở lên. Năm đứa con gái nhà anh, có đứa cao tới một mét tám mươi, nên lũ cháu ngoại, đứa nào cũng chiều cao lý tưởng. Con này hiện đang là trợ lý tập đoàn cho ông ngoại, còn khi cùng đi chơi như hôm nay, nó ăn lương lái xe. Chị Linh Xuân đã làm bà nhưng vẫn cao, nên chắc em chưa quên.

Tôi nói với Linh Xuân:

- Em không thể quên được vụ chị bị thai hành, rồi lớn tiếng chửi anh là đồ ác bá, phá vỡ kế hoạch "Ba khoan" làm chị hết đường thăng tiến. Chắc bốn đứa sau không bị?

Linh Xuân cười nhẹ:

- Vẫn… Tức là vẫn chửi, nhưng vẫn đẻ…

Tôi hỏi Lạc:

- Làm sao anh biết anh Khôi ở đây, cùng ngày giỗ của anh ấy?

- Sao em hỏi ngớ ngẩn? - Anh lấy điện thoại di động trong túi, lướt một loạt hình ảnh trên màn hình, rồi chìa tôi xem. - Cả thế giới đều biết chứ đâu phải mình anh.

Trên màn hình điện thoại di động của Lạc hiện lên tấm bia đá đen khắc tên Nguyễn Minh Khôi… rồi đến ngôi mộ, sau đó, mở rộng ra toàn cảnh nghĩa trang liệt sĩ Phước Long…

- Em thấy sợ sức lan truyền của công nghệ thông tin thời hiện đại chưa? Một nhóm trẻ nick name Vô Danh đã làm cái việc đáng nể, cập nhật danh sách liệt sĩ ở từng nghĩa trang liệt sĩ trên toàn quốc lên Facebook. Danh Huyền từ Mỹ đọc được thông tin này đã email cho anh. Năm ngoái sang Mỹ, anh gặp cả ba mẹ con Huyền, bác Quỳnh và cô Hoàn Trân. Hai anh em hẹn gặp nhau ở đây vào buổi sáng. Nhưng chuyến bay

của anh không may bị hoãn… Thế sáng nay, nó đến đây chưa?

- Đến rồi, nhưng không gặp. Do bọn em đến trễ, Huyền đã đi rồi.

- Hình như nó còn giận chú đấy. Anh bảo nó, "chúng mày đừng có như trẻ con, cùng đầu hai thứ tóc rồi mà chuyện gì cũng để bụng mà giận với hờn". Nó bảo chú giận nó thì có.

Tôi chỉ vợ mình, định giới thiệu, Lạc ngăn lại:

- Mấy năm nay, anh đang xoay sang nghiên cứu sâu về tâm linh, giờ để anh nói về vợ chú, xem tài đọc quá khứ vị lai qua nhân tướng của anh siêu thế nào. - Rồi anh nhìn vợ tôi. - Em là Đỗ Thị Thanh, bút danh Hà Phương. Quê gốc Nam Định nhưng lớn lên ở Thanh Hóa. Tốt nghiệp khoa Ngữ văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội, khóa 12, năm 1971, rồi vào miền Nam làm phóng viên chiến trường, làm nhà thơ. Kết thúc chiến tranh, với tiểu sử như thế, nếu không kém khôn ngoan và thêm một chút gặp thời, em có thể làm đến Chủ tịch Quốc hội hay Phó Chủ tịch nước, được chồng con hầu hạ đến hơi thở cuối cùng, nhưng lấy phải thằng Tuấn, một thằng lười việc nhà, có số vợ con hầu hạ lớn hơn, nên mệnh em đảo ngược, chỉ còn biết tối ngày hầu hạ chồng con. Anh nói sai, cho em tát ba cái vào mặt.

Tất cả cùng cười ồ. Ông Tư Quảng mê tít sự ồn ào của Lạc:

- Chắc ngày xưa anh Hai cũng là lính?

Lạc thân mật quàng vai Tư Quảng:

- Chú nói vậy là xúc phạm đến vong linh các liệt sĩ ở đây. Ngày xưa, tức hồi chiến tranh, tất cả các liệt sĩ, trong đó có anh Khôi bạn anh, đều là lính đúng nghĩa thiêng liêng của người lính hy sinh vì Tổ quốc, còn ngày nay, tất cả chúng ta, kể cả những người lính còn sống, đều chỉ là dân, tất nhiên không kể những đứa quên mất mình là dân. Chú thứ mấy?

- Em thứ tư. Dạ! Tư Quảng.

- Tư Quảng này! Vừa vào cổng, thấy chú, anh đã biết ngay chú là quản trang, tức quan to nhất ở đây. Tuy lần đầu tiên đến đây, nhưng anh là

dân, nên tối nay, anh là chủ. Anh chị và cháu ngoại anh từ Hà Nội vào muốn làm giỗ bạn anh là Nguyễn Minh Khôi đang có mặt ở đây, nên em phải để cho anh toàn quyền.

- Thưa, anh Hai cứ thoải mái. Ở đây, các đoàn thể và gia đình thân nhân liệt sĩ vẫn thường đến làm lễ tưởng niệm hoặc làm giỗ, nên ban quản lý dành hẳn khu tiếp tân, có thể bày cả chục bàn, đầy đủ đèn, quạt, amply, sân khấu… Lát nữa cúng xong ở đây, ta kéo vào trong đó…

- Không được. Sau khi gọi điện cho chú, anh đã đến đây, đứng ngoài cổng nhìn toàn cảnh nơi đây, nên anh quay lại thị trấn Phước Bình đặt cửa hàng dựng nhà bạt và cửa hàng nấu tiệc, họ nhận sẽ tới đây ngay bây giờ. Nhà bạt sẽ dựng ở đầu dãy mộ anh Khôi. Từ đây ra đến dãy hàng cây sao hơn chục mét, thừa rộng rãi. Còn tiệc anh đặt ba bàn, nhưng nhà anh ba, vợ chồng anh Tuấn hai, thêm chú, chỉ có sáu, như vậy thừa hơn hai bàn, dành cho anh Khôi và các đồng đội. Anh sẽ bảo mấy em tiếp viên nhà hàng bày hết lên các mộ, mời các vong liệt sĩ. Khi nào tan tiệc, các anh, chị rút lui, chú chịu khó chạy qua mấy nhà hàng xóm, nhờ thu dọn chiến trường để anh Khôi và các bạn anh ấy khỏi buồn.

Ông Tư Quảng băn khoăn:

- Dựng sạp ở ngay bên mộ, lại bày tiệc đến khuya, ở đây chưa làm bao giờ, nên em phải gọi điện báo cáo với mấy anh trên tỉnh. Đụng đến vong linh liệt sĩ, mình vô ý một chút, dân địa phương nghĩ mình nhậu nhẹt bên mộ liệt sĩ, thành lớn chuyện, nên mấy anh trên tỉnh cũng sợ. Xin lỗi! Anh Hai hiện làm chức gì để em báo cáo…

- Mấy anh trên tỉnh sợ hay chính chú sợ? Vừa rồi anh đã nói anh chỉ là phó thường dân, nhưng hai vợ chồng chú Tuấn làm gì, chú biết không?

Tư Quảng:

- Nhà bác Tuấn năm nào cũng lên đây mấy lần đã thành chỗ quen thân, nhưng chưa bao giờ em hỏi hai bác làm gì. Ở đây, khách thập

phương rất đông, quan chức lớn nhỏ, người giàu, người nghèo, dân thường đủ cả… Để tôn trọng tự do của khách, em chỉ nhìn phong thái, cách ăn mặc và xe cộ mà đoán, chứ không tò mò hỏi người đó là ai.

- Thế thì vợ chồng anh bay từ Hà Nội vào, rồi ngồi con siêu xe kia, chú đoán anh làm chức gì? Hồi miền Bắc chưa có xe tư bản, hàng Bộ trưởng mới được đi công tác bằng xe Volga Liên Xô, anh đã ngồi nó đi xem đá bóng ở sân Hàng Đẫy và uống bia hơi ở vỉa hè Cổ Tân rồi.

Thấy Tư Quảng cười cười như đang thưởng thức những câu nói đùa, Lạc chỉ vào vợ chồng tôi:

- Chú Tuấn đây trước khi nghỉ hưu làm Giám đốc Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh. Còn cô Phương, vợ chú ấy làm Phó Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam. Hồi chiến tranh, cô ấy là phóng viên chiến trường, từng là sếp của người sau này là cán bộ cấp cao Thành ủy Hà Nội, chú có tin không? - Lạc đưa điện thoại của mình cho Tư Quảng. - Giờ chú gọi điện cho Bí thư Tỉnh ủy hay Chủ tịch tỉnh Bình Phước nói tối nay nhậu ở đây có những ai đi.

Tư Quảng xua tay:

- Thôi, khỏi gọi. Ngồi với các bác toàn bậc công thần, mà phải xin phép cấp trên thì em đúng là vô ý.

Đúng lúc đó, hai chiếc hòm của cửa hàng dựng lều bạt và nhà hàng làm tiệc từ thị trấn Phước Bình nối nhau nhấn còi ngoài cổng nghĩa trang. Tư Quảng vội tất tả đi về phía cổng.

Lạc cười hể hả vỗ vai tôi:

- Chú thấy thế nào? Hồi gặp chú ở Hưng Yên, anh có nói "Được việc là trên hết". Giờ gần năm mươi năm trôi qua, anh vẫn "Được việc là trên hết", đúng không?

Rồi anh nói với vợ tôi:

- Thằng Tuấn nó quá quen với việc anh một tấc đến trời, miễn là được việc, còn do em chưa quen, sợ em bị sốc, nên anh chừng mực, chứ không anh còn nói phét hơn nữa cho thằng Tư Quảng lé mắt chơi. Em

nên nhớ, với một xã hội bình ổn, thì đạo lý là số một, pháp lý là số hai, tâm lý đứng thứ ba, nên người giỏi luôn được trọng dụng, còn những thằng khôn lỏi như anh chỉ đứng hạng bét. Còn xã hội bất ổn, đạo lý lộn xộn, pháp lý lỏng lẻo, thì tâm lý lại đứng thứ nhất. Chính nhờ khôn ngoan mà cuộc đời sóng gió cỡ nào, anh vẫn luôn đi đúng đường.

Linh Hoa:

- Ông ngoại khôn ngoan sao không dám giới thiệu ông Tuấn là nhà văn?

- Con ơi! Thiên hạ bây giờ chỉ sợ báo chí, truyền hình, chứ chẳng ai sợ nhà văn. Chưa kể muốn giới thiệu ông Tuấn là nhà văn, lại phải thêm động tác hỏi trước: "Ông, bà có đọc sách không? Rồi ông, bà thích nhà văn nào?"… Nhỡ họ chỉ thích ghiền Facebook, hay có đọc, lại chỉ mê văn Chu Lai, thì việc giới thiệu ông Tuấn sẽ phải dài lê thê, trong khi phương châm sống của ông là hạn chế tối đa động tác thừa. Thôi! Bây giờ trong khi chờ dựng nhà bạt và bày đồ ăn, chúng ta sẽ làm lễ cúng đồng chí Nguyễn Minh Khôi và hơn bốn ngàn đồng đội đã hy sinh cho Tổ quốc hòa bình, thống nhất hôm nay.

Thấy hai nhân viên cửa hàng lều bạt sau khi dựng xong lều, ra xe mang vào chiếc võng xếp, mở khung thép, đặt chiếc võng gần bàn ăn, tôi hỏi Huy Lạc:

- Anh tính ngủ luôn ở đây hay sao mà thuê cả võng?

Lạc nháy mắt cười:

- Bí mật quân sự.

Mặc dù lần đầu đến nghĩa trang này, nhưng vợ chồng anh Lạc và cháu gái rất chủ động, thuần thục trong việc bày lễ, hành lễ ở đài tưởng niệm ở trung tâm nghĩa trang và phần mộ anh Khôi. Trong khi vợ chồng tôi quan niệm mình sống đơn giản thế nào thì đến với việc thờ cúng thần linh, tổ tiên cũng đơn giản như vậy, thì Lạc, Linh Xuân, Linh Hoa lại rất bài bản, cầu kỳ, từ cách dâng nhang, thắp nhang đến cách quỳ vái, khi khấn thì cùng đọc cả bài kinh Phật một cách thành khẩn và mê tín, liên

tục có câu "A Di Đà Phật", chứng tỏ cặp vợ chồng có điểm xuất phát siêu vô thần từ Đại Cách mạng Văn hóa Trung Quốc đã có thâm niên đến với các đền chùa và nhập vào thế giới tâm linh, nên chuyên nghiệp hơn chúng tôi rất nhiều.

Tối hôm đó, vợ chồng tôi, vợ chồng Huy Lạc, cháu Linh Hoa và Tư Quảng ngồi trong nhà bạt rộng chừng mười hai mét vuông, đèn điện sáng trưng, kề ngay đầu dãy mộ anh Khôi. Lạc bày thêm hai chiếc bát, hai đôi đũa, hai ly rượu hai bên chỗ anh ngồi:

- Bát này là của Nguyễn Minh Khôi, lát nữa mình đụng ly, thế nào cậu ấy cũng về. Còn bát này cho Danh Hùng. Tuy hài cốt cậu ấy còn ở đâu đó bên Campuchia, nhưng biên giới cũng gần đây thôi, nên có Khôi, có Lạc, chắc chắn cũng sẽ có Danh Hùng.

Tôi nói:

- Người trong đội tìm kiếm hài cốt liệt sĩ ở Svay Rieng xác định năm hài cốt lính Việt Nam Cộng hòa trên chiếc máy bay trực thăng bị bắn rơi ở Svay Rieng đã được họ chuyển về đây, nhưng chôn ở một nơi khác.

Lạc nói:

- Bác Danh Quỳnh và Danh Huyền biết chuyện này chưa?

- Khi em biết thông tin này thì bác Quỳnh và Danh Huyền đã sang Mỹ từ năm 1977. Nhân Huyền về chuyến này, nhất định em sẽ gặp để nói, nhưng vẫn là chuyện còn nước còn tát, mò kim đáy biển, vì chưa chắc chiếc trực thăng bị bắn rơi ấy đã có anh Danh Hùng, và người cung cấp thông tin này cũng không biết nơi chôn năm người lính trên trực thăng ở Việt Nam.

Anh Lạc nói:

- Cầu trời cho Danh Hùng cũng đang ở đất mẹ. Nếu có trên chiếc trực thăng ấy, chắc chắn tối nay cậu ấy cũng về.

Hai cô tiếp viên nhà hàng đã bày hết các món ăn lên bàn:

- Con mời các bác, các cô và chúc các bác, các cô ngon miệng ạ.

Trên bàn toàn những món ăn ngày Tết của miền Bắc. Lạc nói:

- Tuấn, Phương này! Hai đứa có biết tại sao anh đặt nhà hàng làm những món Bắc không?

Vợ tôi nói:

- Vì phần lớn liệt sĩ ở nghĩa trang này quê ở các tỉnh miền Bắc.

- Chỉ đúng mười phần trăm. - Rồi anh hỏi tôi. - Chú có đọc truyện ngắn Giấc mơ của anh Khôi in trên báo Nhân dân số Tết năm 1964 không?

Từ năm 1964 đến buổi tối chúng tôi ngồi ở nghĩa trang Phước Long năm 2015 đã năm mươi mốt năm… Chất vấn bất ngờ của Lạc, khiến tôi cố nhớ cũng chỉ mang máng dịp Tết năm 1965, tôi từ Quảng Ninh đến thăm anh Khôi ở Hưng Yên, lúc cùng ở dưới thuyền ở thị xã, anh có lục trong ba lô ra chồng sách báo cũ in những bài của anh trên các báo Tiền phong, Lao động, Thiếu niên Tiền phong, Nhân dân. Tờ báo Tết có truyện ngắn của anh, tôi có đọc. Giấc mơ viết về một tổ Khảo sát Thủy lợi bị đói ở trong rừng Hương Sơn, Hà Tĩnh vào mấy ngày Tết, nhưng ở báo nào cũng như chi tiết thế nào và tên nhân vật ra sao, tôi hoàn toàn không nhớ.

- Em có đọc, nhưng thú thật là chỉ nhớ mang máng nội dung. - Tôi nói với Lạc.

- Chú thật thà như vậy với anh không có vấn đề gì, nhưng anh Khôi chú đang ngồi ngay đây sẽ buồn đấy. Tác phẩm của ông anh mà thằng em cũng là nhà văn lại không nhớ… Xin thưa, các món đang có trên bàn này: Cá chép kho riềng, thịt gà luộc chấm muối chanh, canh miến măng khô chân giò, giò lụa, giò mỡ, nem, dưa chua, cà pháo, bánh chưng, rượu Làng Vân…, là đủ các món Khôi kể trong Giấc mơ. Hồi đội khảo sát của anh Khôi đóng quân ở Hương Sơn, Hà Tĩnh, giáp biên giới Lào vào ngày mùng Một Tết, do tiếp phẩm về xuôi mua hàng Tết bị lạc đường, bốn anh em trực đơn vị trong rừng sâu đói mờ mắt, nằm mơ thấy được ngồi uống rượu Làng Vân và ăn đủ các món trên, một thằng còn mơ được vợ ở quê lên thăm, đang vuốt ve, hôn hít, bỗng nghe tiếng gừ gừ, mở mắt

thấy con hổ đang liếm mặt… Tất cả cuống cuồng mò dậy, hóa ra bữa cỗ ngày mùng Một Tết chỉ là giấc mơ, nhưng ai nấy vẫn mừng hơn cả ăn Tết vì con hổ chỉ hít ngửi qua loa, khi biết toàn thịt cá trong mơ, nguẩy mông rời khỏi lán, bỏ vào rừng. Nên hôm nay, với các món này, anh tin chắc anh Khôi sẽ hiện, đấy cũng là lý do vì sao chúng ta phải nhất định ăn tại đây chứ không ăn trong nhà tiếp tân.

Lạc ra hiệu cho hai cô gái tiếp tân:

- Các cháu rót rượu đi.

Nói đến đây, Lạc bật khóc hu hu, nước mắt đầm đìa, giơ chai rượu:

- Đây là rượu Làng Vân, anh mang từ Hà Nội vào. Tất cả đều phải uống và uống hết chai này, nếu không Minh Khôi và Danh Hùng sẽ giận. Mà giận, sẽ chẳng ai về. Hu hu hu… Khôi ơi! Hùng ơi! Chúng mày đang ở đâu, về với tao đi.

Tư Quảng nói:

- Em nói điều này, các bác tin hay không thì tùy. Ở đây không chỉ các nhà ngoại cảm gọi được vong về mà nhiều đêm, các vong còn tự về hành quân rồn rập, có khi còn đốt lửa ca hát, đọc thơ, nhảy múa, vụ một hai người về trò chuyện, có khi nức nở khóc vì nhớ nhà, nhớ quê thì nhiều.

Vợ tôi hỏi:

- Chú nhìn thấy tận mắt hay chỉ ngủ mê?

- Ngủ mê thì tôi kể làm gì? Mỗi lần vong về, mình thức giấc nhưng vẫn nằm im thì các vong vẫn hiện suốt đêm, còn chỉ cựa mình gây tiếng động là các vong biến mất. Không chỉ tôi ở nghĩa trang này, mà nhiều nghĩa trang liệt sĩ lớn ở các nơi trong nước đều có hiện tượng như vậy. Thương lắm.

Huy Lạc trở lại giọng bình thản:

- Nào, chúng ta cùng cạn chén với Minh Khôi, Danh Hùng và các liệt sĩ.

Chờ mọi người đụng ly và nhấp môi, Lạc uống một hơi cạn luôn ly của mình:

- Ai không tin là quyền của họ, riêng tôi tin, thậm chí, rất tin. Quan điểm của tôi, điều gì mình chưa biết, chưa hiểu đến nơi đến chốn thì đừng bận tâm tranh cãi nó có hay không, mà nên xử thế nào hợp đạo lý giữa người sống với người đã khuất, rồi điều tưởng không có sẽ là có. Còn người sống xử với nhau không hợp đạo lý thì có cũng là không. Tôi với Minh Khôi, Danh Hùng là ba trong một từ hồi lớp một ở Hà Nội. Khi lớn lên, mỗi thằng một ngả, nhưng vẫn ba trong một, tôi tin hai đứa vẫn đang ngồi bên tôi, nên tôi cạn hai ly này. - Anh lần lượt cầm và uống cạn hai ly dành cho anh Khôi và Danh Hùng. - Vì chúng ta là ba trong một nên coi như chúng mày đã uống rồi.

Lạc lại bật khóc hu hu:

- Tao nói đúng không hai thằng? Sao chúng mày không nói?

Tôi phát hoảng, nói với Linh Xuân:

- Sao anh ấy vừa uống đã say?

Linh Xuân:

- Không sao đâu. Ở nhà, thậm chí ở công ty, anh ấy vẫn rượu vào là nhớ đến bạn, rồi đều khóc như thế.

Tư Quảng nói:

- Nhiều người từ chiến trường về hay có tật giống anh Hai, các nhà ngoại cảm nói đây là hiện tượng thoát hồn.

Lạc chìa chiếc ly cạn về phía cô gái tiếp tân:

- Rót tiếp cho bạn bác đi cháu.

Tôi vội can:

- Cháu đừng rót. - Rồi tôi lo lắng hỏi Linh Xuân. - Chị có đưa anh ấy đi khám tổng quát thường xuyên không? Em nghi anh ấy có vấn đề sức khỏe.

Linh Xuân đáp:

- Hồi năm 1969, bên quân đội trưng dụng anh ấy hai năm vào chiến trường, vào bộ phận tư vấn địa hình để đặt ống dẫn dầu vào tận miền Nam. Khi trở ra anh ấy bị sốt rét ác tính, được chữa khỏi rồi, nhưng từ

đấy mắc thứ bệnh không giống ai, cứ uống rượu vào là toàn gặp những bạn bè đã khuất.

Linh Hoa nói:

- Hai người mà ông con hay nhớ đến nhiều nhất là ông Minh Khôi và ông Danh Hùng.

Huy Lạc lớn tiếng:

- Hai ông ấy với ông là ba trong một, ông không nhớ thì ông là thằng phản bạn à?

Chờ cô gái rót đầy ba ly rượu, Lạc lại lần lượt cạn hết, nét mặt dại đi, mắt nhìn quanh ngơ ngáo, rồi lại bật khóc:

- Hai thằng nó vẫn giận tôi những chuyện cũ nên cùng không về.

Linh Xuân quá hiểu tính chồng, nên nói nhẹ nhàng:

- Chỉ có anh mới hay nhớ dai những chuyện cũ, chứ bạn anh chắc chắn quên lâu rồi.

- Chính chúng nó đang nhắn trên Facebook với anh đây này. Hồi Danh Hùng với Minh Khôi học đệ Lục, còn anh đệ Thất, ở Chu Văn An, nó yêu Hoa Duyên cùng lớp anh. Hoa Duyên hỏi anh về Danh Hùng, anh nói: "Muốn tình yêu chung thủy, bền vững thì đừng ngu dính vào những thằng đẹp trai nhiều tài", nhưng anh không hề chỉ đích danh Danh Hùng. Không ngờ về sau chuyện không thành, Danh Hùng quá đau khổ vì thất tình đã bỏ học, theo bố vượt tuyến vào Nam, làm anh day dứt suốt đời. Nếu anh không chọc gậy bánh xe, nó với Hoa Duyên thành vợ thành chồng, không đời nào nó vào Nam đi lính Việt Nam Cộng hòa rồi chết thảm ở Campuchia. Hu hu hu… Trên đời này ngu nhất là đâm đầu vào can bọn trai gái yêu nhau. Hu hu hu…

Linh Hoa an ủi:

- Thế thì tại ông day dứt chứ đâu phải ông Danh Hùng thù ông.

- Ông đã nói ông ấy và ông Khôi đang nhắn chửi ông trên Facebook mà con không tin à?

Linh Xuân nháy mắt với cháu:

- Con cứ để ông ngoại trách nốt chuyện ông Khôi đi. - Chị bảo chồng, - anh nói tiếp đi cho nhẹ lòng.

- Thằng Khôi không thù mà nó khinh anh chuyện lấy em. Thằng này đã khinh ai thì khinh dai lắm. Sau này, anh với nó cùng đoàn khảo sát, anh ở trên đoàn, nó ở dưới đội, nhưng nó coi anh còn dưới mức người dưng.

Anh Lạc bỗng chỉ vào mặt tôi:

- Tuấn! Cả mày cũng khinh tao trong chuyện tao bỏ Kim Hà, lấy Linh Xuân để thuận đường danh vọng, đúng không?

Bị hỏi bất ngờ, tôi lúng túng:

- Hồi đó, em cũng hơi buồn.

- Buồn cái gì? Hồi đó, hai anh em mày có nhổ vào mặt tao, tao cũng không trách. Chuyện này, chính Linh Xuân còn khinh tao hơn rác.

- Em khinh anh bao giờ?

- Năm lần có thai, bị thai hành, cả năm lần, em chửi anh thế nào, anh còn nhớ như in. Hôm nay, nhân có đủ mặt hai bà cháu, vợ chồng thằng Tuấn và vong hồn thằng Khôi, anh kể những điều cay đắng bao nhiêu năm nay chôn sâu, giấu kỹ trong lòng. Hồi đó, anh và em cùng học ở Đại học Quảng Châu, Trung Quốc. Hai hòn đá vôi, đá cuội cùng xa Tổ quốc, đặt cạnh cũng còn yêu nhau nữa là anh với em đều lẳng lơ có hạng. Nhưng anh đã có Kim Hà, xinh đẹp hơn em, tốt nghiệp Đại học Sư phạm ở Hà Nội, đang dạy ở Trưng Vương. Tương lai Kim Hà đang rực rỡ, đánh đùng một cái, lại ra cầu Thê Húc nhảy xuống Hồ Gươm tự tử, nhưng thần Kim Quy thương tình, không cho em ấy chết. Một chị Dậu trong Tắt đèn của Ngô Tất Tố nhảy xuống sông Hồng, chắc chắn sẽ được bưng bít thông tin vì sợ làm xấu chế độ, nhưng đây lại là cô giáo dạy trường Trưng Vương nổi tiếng. Cô giáo này chưa chồng đã có thai, nhà ở đê Yên Phụ rất gần Hồ Tây, Hồ Trúc Bạch, lại còn xuống tận Hồ Gươm thiêng liêng ở trung tâm thủ đô, nơi vua Lê Lợi trả gươm cho thần Kim Quy, để tự tử. Toàn những chuyện nhạy cảm, nằm ngoài phạm vi bi kịch tình

cảm, không đưa tin không được. Thế là các báo Nhân dân, Tiền phong, Lao động, Phụ nữ, Hà Nội mới, đua nhau mổ xẻ. Công an quận Hoàn Kiếm coi đây là vụ hình sự có ảnh hưởng chính trị, nên quyết liệt mở cuộc điều tra, thẩm vấn nhiều người thân và nhân chứng, cuối cùng rút ra kết luận: "Thằng Huy Lạc đang làm luận án Phó Tiến sĩ ở Trung Quốc, đã bỏ Kim Hà nhà nghèo, yêu Linh Xuân, con gái Thứ trưởng, khiến Kim Hà uất ức tuyệt vọng tìm đến cái chết. Nếu đúng vậy, tội hình sự không biết sẽ xử thế nào, nhưng tội đạo đức, chắc chắn sẽ bị đuổi về nước, và vết nhơ sẽ được thông báo về tận địa phương, rồi ghi trong lý lịch sang tận kiếp sau". - Anh quay sang tôi, giọng anh quyết liệt. - Nhưng tao đâu phải loại bị oan lại ngậm tăm chịu đòn như Thị Kính. Trước khi phản pháo, tao viết thư về nước hỏi Kim Hà. Thư đi chừng một tháng thì một thằng Phó Tiến sĩ lạ hoắc học ở Tiệp Khắc về, dắt theo ông bố làm lớn, cũng lạ hoắc, sang tận trường tao ở Quảng Châu. Hóa ra thằng mất dạy đó làm cho Kim Hà có thai, định quất ngựa truy phong. Hồi đó, kinh tế đất nước còn nghèo, nhưng chuyện đạo đức vẫn giữ truyền thống cực kỳ nghiêm khắc. Nếu sự thật chuyện Kim Hà tự tử vỡ lở, không những thằng mất dạy bị tan tành sự nghiệp, mà bố nó vì tai tiếng, đường công danh cũng suy vong, nên hai cha con ngã giá sẽ tặng tao chiếc mô tô Java Tiệp Khắc, để tao biến thành Thị Kính, còn thằng mất dạy sẽ cưới Kim Hà. Những năm đó, du học sinh từ Trung Quốc về chỉ mang được chiếc xe đạp Phượng Hoàng, cuốn Mao Tuyển và tinh thần Đại Cách mạng Văn hóa trong đó có phong trào "Ba Khoan". Còn đám du học ở Đông Đức, Tiệp Khắc thuộc đẳng cấp cao hơn hẳn, về nước mang toàn mô tô Mokick, Java và nền văn minh "ăn cơm trước kẻng", khiến các trinh nữ thủ đô đua nhau học tập Thị Màu, ngồi phía sau nệm xe, dạng đùi, ôm eo các chàng Java, Mokick sáng rực đường phố Hà Nội ngàn năm văn vật toàn xe đạp. Vụ dùng chiếc Java làm đồ đánh đổi danh dự, tao chỉ muốn đập vào mặt cả hai cha con, nhưng nghĩ thằng mất dạy cuối cùng cũng chịu cưới Kim Hà, nên tao chấp nhận làm Thị Kính miễn phí. Chuyện

này xảy ra trước khi tao và Linh Xuân chính thức yêu nhau hai năm, làm sao tao lại thành thằng tham vàng bỏ ngãi, khiến Kim Hà tự tử? Thằng mất dạy và Kim Hà bây giờ có ba con đều đã lấy chồng, lấy vợ, vẫn coi tao là ân nhân. Khôi ơi là Khôi, tao tưởng mày đã là thánh thì phải sáng suốt hơn người thường, sao đến nay, mày vẫn vì chuyện này mà không chịu gặp tao? Hu hu hu…

Linh Xuân vỗ về chồng:

- Em yêu và ở với ông chồng tội phạm đến hết trứng rồi mới biết đó là người lương thiện, thì anh trách anh Khôi làm gì, khi đến hôm nay anh mới thanh minh.

Linh Hoa nói:

- Tại ông cứ lúc đùa, lúc thật, lúc nhìn nhận rất giỏi, lúc trí nhớ lẫn lộn, đến chúng con rất yêu ông mà cũng có lúc nghi ngờ, thì ông Khôi và ông Danh Hùng đến giờ vẫn giận, con thấy ông cũng nên thông cảm.

Linh Xuân nghiêm nghị:

- Con không được nói ông như vậy.

Anh Lạc lắc đầu:

- Không. Nó nói thật đấy. Tụi trẻ bây giờ ưa nói thật, đừng ngăn cản chúng. Nhưng con phải lưu ý, có sự thật đúng và có sự thật không đúng. Ví dụ, ông chưa bao giờ nhận mình là giỏi cả. Vừa rồi, ông vẫn nói với ông Tuấn, ông chỉ là kẻ khôn ngoan, hay nói một cách châm biếm, chỉ là thằng khôn lỏi. Người giỏi thật sự phải là hai ông Nguyễn Minh Khôi và ông Danh Hùng đang nằm trong mộ. Tất cả các cuộc chiến tranh chống ngoại xâm của đất nước ta, những người giỏi phải nằm trong mộ nhiều lắm. Người giỏi và người khôn khác nhau thế nào? Người giỏi là người cả nền nhà lẫn mái nhà đều bền vững, có thể làm thủ lĩnh, đứng đầu thiên hạ lâu dài, còn người khôn thường biết chớp thời cơ, chỉ nên làm quân sư, dù có lúc gặp thời lên làm thủ lĩnh thì cũng sớm thất thế, vì thiên hạ chỉ quy phục người giỏi chứ không quy phục người khôn. - Anh quay sang tôi. - Cuộc đời anh may mắn có nhiều thầy giỏi. Thầy dạy chữ

vỡ lòng của anh với anh Khôi là thầy Tạo quê Phúc Yên, ở trường Đỗ Hữu Vị, nhưng một trong những thầy dạy đạo cho anh là ai, em biết không? Chính là anh Khôi và anh Danh Hùng. Hồi đó, anh rất mê thần tượng tướng cướp rừng xanh Robin Hood trong tiểu thuyết của Alexandre Dumas, chuyên cướp của người giàu chia cho người nghèo. Thế là trong trường, những đứa nào con nhà giàu, nay bị mất com pa, mai bị mất bút máy, mất mũ, có đứa còn mất tiền. Thầy giáo nào phạt đánh học sinh một thước kẻ, lập tức xe đạp bị vặn mất chuông hoặc mất đèn. Cả trường thầm thì ca ngợi một Robin Hood giấu mặt và đoán già đoán non là Huy Lạc. Anh vô cùng sung sướng, tự hào với vai người hùng giấu mặt luôn tranh đấu cho sự công bằng, bênh thiện, diệt ác. Chuyện này hồi cùng học, em biết rồi. Nhưng em chưa biết, anh Khôi em và anh Danh Hùng đã nện cho anh một trận nhừ tử. Anh Khôi nói: "Mày thương người nghèo, người yếu thế, thì bỏ tiền túi ra chia cho người ta, chứ lấy của người này chia cho người khác, mày là tội phạm chứ không phải anh hùng". Lúc đó, anh thua phải chịu, chứ không phục Minh Khôi và Danh Hùng. Nhưng càng về sau, chuyện đời, chuyện đạo ngấm đủ vào người, anh mới thấy anh Khôi và Danh Hùng rất đúng. Giờ anh chị làm được bao nhiêu cũng dành cho các quỹ từ thiện chính là theo chân lý của anh Khôi: "Muốn thương những người nghèo và người yếu thế, hãy bỏ tiền túi của mình ra chia sẻ". Anh chỉ thêm phần sau: "Muốn giúp được nhiều cho những người nghèo và người yếu thế, mình phải biết cách làm ra nhiều tiền, dù mình chỉ là phó thường dân".

Linh Hoa ranh mãnh nháy mắt với vợ tôi, rồi nói với ông ngoại:

- Nhưng hiện ông vẫn đang đứng đầu thiên hạ nhỏ là nhà mình và thiên hạ vừa là tập đoàn Linh Huy do ông sáng lập.

- Lại là một sự thật nhưng không đúng rồi. Cái thiên hạ nhỏ này, dưới ông bà là năm cô con gái, dưới năm cô con gái là mười một đứa cháu gái, trong đó có cháu, đàn ông trong nhà chỉ có ông và năm chàng rể. Nếu dân chủ bỏ phiếu thì ai là thủ lĩnh thực sự? Còn cái thiên hạ vừa là

tập đoàn Linh Huy, vì biết trước vượng nghiệp của người khôn không thể lâu dài, ông đang từng bước bàn giao hết cho con cháu quản lý, để hai năm nữa, khi thực sự được nghỉ ngơi, ngồi vuốt râu, cùng bà làm khán giả xem thiên hạ lớn là đất nước sẽ đi tới đâu. Con thấy ông vẫn khôn đấy chứ. Này, thế hệ trẻ các con luôn thích nói sự thật, nhưng có những sự thật đúng và có cả sự thật sai. Cái đúng ở đây không phải chỉ đúng sự việc mà còn đúng đạo lý, đúng pháp lý và cả đúng lúc.

Vợ tôi cười:

- Còn sự thật sai? Vì em nghĩ, đã sai thì không còn là sự thật.

- Em định bênh con Linh Hoa hả? Sự thật sai là lúc mới gặp, anh đã đọc vanh vách tên tuổi lý lịch của em, chính xác trăm phần trăm, vậy sai ở chỗ nào? Ở chỗ anh nghe nhiều người kể về em từ lâu nhưng lại bốc phét là anh biết điều đó là nhờ thông thạo tâm linh.

Mọi người cười ồ cùng hướng về Linh Hoa.

Huy Lạc với tay xoa đầu cháu:

- Con thấy các ông bà đang cười rộng lượng với sự ấu trĩ của đại diện thế hệ trẻ chưa?

Linh Xuân:

- Mọi người cười vì nó đã lừa được ông ngoại ra khỏi sự ám ảnh bởi "mối thù" của hai ông Minh Khôi và ông Danh Hùng.

- Làm sao lừa được…

Huy Lạc bỗng vịn bàn đứng dậy:

- Anh biết thế nào hai anh ấy cũng về. Lúc đầu, hai thằng không về do mình nói chuyện đời, chẳng dính líu gì đến chúng nó, còn bây giờ chúng nó về là do mình nói chuyện đạo.

Linh Xuân vội đứng dậy đỡ chồng. Tôi cũng đỡ một bên vai Lạc.

- Chú làm ơn cùng tôi dìu anh ấy ra võng.

Huy Lạc bỗng lảo đảo, lắc lư, miệng lẩm bẩm:

- Tôi biết thế nào các cậu cũng đến mà. Vợ chồng tôi từ Hà Nội vào đây mà các cậu vẫn giận oan tôi là không thể chấp nhận…

Tư Quảng phải tham gia, ba chúng tôi mới đưa được Lạc nằm gọn xuống chiếc võng gấp, ngay từ đầu đã được đặt trong lều bạt.

- Chúng mình có sang kiếp sau cũng vẫn ba trong một. Đó là sự thật… Sao các cậu không OK đi? Chúng mình mãi mãi là ba trong một. OK đi…

Tiếng lầm bầm nhỏ dần theo cái miệng chỉ còn mấp máy. Rồi Lạc ngoẹo đầu lịm đi.

Thấy Linh Xuân và cháu Linh Hoa có vẻ điềm tĩnh, vợ tôi nói:

- Vừa rồi, chị để anh ấy uống quá nhiều. Với người lớn tuổi lại từng bị sốt rét ác tính, không chủ quan được đâu.

Linh Xuân nói:

- Chị quen nhiều bác sĩ giỏi. Các anh ấy đều nói đây là trường hợp hội chứng chiến tranh, nhiều cựu chiến binh thường mắc phải, khi các anh ấy hồi tưởng, cứ để tự nhiên, rồi sẽ tự tan cơn… Em an tâm đi. Chị hiểu bệnh anh ấy mà.

Tư Quảng nói:

- Tôi cũng có những lúc nhớ đồng đội đã khuất, nhớ chiến trường đẫm máu ở biên giới phía Bắc, thế là bốc hỏa lên, nhưng hết cơn nhớ lại trở về bình thường, nên các bác sĩ gọi là bệnh chưa chắc đã đúng.

Lời Tư Quảng khiến tôi sực nhớ đến bữa ăn cơm hến tại quán Bình An, ở Huế, với nhà văn Nguyễn Quang Hà và Quốc Toản, hai cựu chiến binh cùng sư đoàn Mai Siu với anh Khôi. Bữa ăn đó, Quang Hà nói cấm uống rượu, nhưng rồi Toản vẫn mang rượu đến, để rồi mới hai ly đã nằm lăn ra võng để gặp các đồng đội hy sinh. Quang Hà cũng bảo: “Các bác sĩ ở Hà Nội, Huế và cả nước ngoài chữa cho Toản, đều nói đó là hội chứng chiến tranh của riêng cựu chiến binh Việt Nam, chỉ khi chết mới chấm hết”.

Đúng lúc đó, điện thoại di động của tôi reo. Nguyễn Thế Vinh gọi từ Hà Nội.

Tôi ra khỏi lều bạt, nói nhỏ:

- Anh đang ở chỗ anh Khôi.

- Em đã đến nhà bác Quỳnh gái.

- Thế nào?

- Đúng là sáng nay bà Danh Huyền cùng hai đứa con vào viếng mộ anh Khôi, rồi phải bay ra ngay vì ông Bá Vân đang nằm cấp cứu ở bệnh viện.

- Anh ấy có vợ mới rồi kia mà?

- Bỏ lâu rồi. Bỏ hai lần rồi. Chuyện dài lắm, khi nào anh ra, em sẽ kể, nhưng chuyện này còn kinh hoàng hơn. Sau khi em bấm chuông, bác Quỳnh ra mở cửa, nói bà Danh Huyền không có nhà. Lúc theo bác vào phòng khách, em suýt chết ngất khi thấy hai thằng con sinh đôi của bà Danh Huyền ngồi ở xa lông cùng giống anh Khôi như ba giọt nước.

- Tại sao có chuyện đó?

- Bác Quỳnh nói, đó là nguyên nhân khiến ông Bá Vân với bà Danh Huyền bỏ nhau. Và không phải tự nhiên, bà Danh Huyền vào viếng anh Khôi lại đưa hai đứa theo.

- Thôi thôi… Chú đừng nói thêm nữa. Hiện anh chị vẫn đang ở bên mộ anh Khôi với vợ chồng anh Huy Lạc, cũng suýt nữa vỡ tim khi anh ấy tin chắc thấy anh Khôi hiện về. Nay thêm chuyện giật gân này chắc anh đột quỵ luôn. Có thể ngay ngày mai, anh sẽ bay ra để nhìn nhận mọi chuyện ở trạng thái bình tĩnh. Mặt khác, anh cũng rất cần gặp Danh Huyền về một chuyện khác.

Và sau cuộc gặp gỡ vợ chồng anh Huy Lạc trong ngày giỗ anh Khôi tại nghĩa trang liệt sĩ Phước Long, tối hôm đó, tôi làm thêm được việc, khi cùng về Sài Gòn, đã gửi anh chị năm cuốn nhật ký của anh Khôi mà vợ chồng tôi không cách nào đọc được, để chị Linh Xuân tìm người có chuyên môn trong viện của chị, giúp phục hồi những nội dung anh Khôi đã viết trong nhật ký.

SỰ THẬT KHÓ TIN

Năm 2015.

Mười một giờ ba mươi phút đêm hôm đó, vợ chồng tôi và vợ chồng anh Huy Lạc cùng cháu Linh Hoa mới trở về Sài Gòn trên Quốc lộ 13 thăm thẳm tối mờ, thênh thang và vắng ngắt. Hành trình suốt một ngày dài quá sức đối với những người ở tuổi bảy mươi. Sáng, từ Sài Gòn đi nghĩa trang Phước Long một trăm bảy mươi hai kilômét. Suốt buổi sáng đến quá trưa trong trời nắng như đổ lửa cùng gia đình làm giỗ anh Khôi ở nghĩa trang. Hơn năm mươi kilômét trở về Thành phố Đồng Xoài, vừa ăn trưa xong, chưa kịp nghỉ, lại phải chạy hơn năm mươi kilômét quay lại nghĩa trang Phước Long, gặp vợ chồng Huy Lạc đến gần nửa đêm, với toàn chuyện xúc động nghẹt thở muốn vỡ tim, tưởng trên đường về, hai vợ chồng phải nằm lịm trên xe …

Nhưng vợ tôi bỗng hỏi:

- Anh đang thức hay ngủ?

- Mệt quá, nhưng chỉ lim dim, chứ không sao ngủ được.

- Vì chuyện gì?

- Vụ Vinh nói hai đứa con trai sinh đôi của Danh Huyền giống anh Khôi như ba giọt nước.

- Em cũng đang nghĩ về chuyện ấy. Anh có hỏi chú Vinh, hai đứa khoảng bao nhiêu tuổi?

- Vừa nghe anh đã choáng, nên quên không hỏi.

- Hoặc chú Vinh trông gà hóa cuốc, nói quá lên cho giật gân, hoặc anh Khôi trước khi vào chiến trường, đã gặp Danh Huyền chia tay, và chuyện đó đã xảy ra.

- Anh Khôi vào Nam năm 1967, là năm phong trào “Ba khoan” ở miền

Bắc đang ở cao trào, với lại những năm đó, trai gái Hà Nội yêu nhau, vẫn "nam nữ thụ thụ bất thân". Ngày nay bị coi là cổ hủ, lạc hậu, còn hồi đó gọi là trong sáng, đến muốn cầm tay nhau cũng run lẩy bẩy không dám. Chưa kể anh Khôi rất "Bolshevik" trong chuyện này.

- Anh Khôi "Bolshevik" nhưng bà Danh Huyền không thì sao? Bà ấy là họa sĩ. Con gái Hà Nội là nghệ sĩ thì từ hồi Hồ Xuân Hương, chưa yêu đã "nam nữ thụ thụ hữu thân". Đằng này lại là yêu sắp cưới, rồi anh Khôi đang là tráng sĩ ra đi có thể mãi mãi không trở về.

- Anh nghĩ Danh Huyền không phải như thế, nhất là thời điểm đó, Huyền đã là vợ anh Bá Vân.

- Anh nhớ trong *Thép đã tôi thế đấy* có chi tiết Pavel ở trong tù, cô gái trẻ cùng phòng giam, có cảm tình với anh, không muốn mất trinh tiết vào tay bọn Bạch vệ, đã tình nguyện dâng hiến cho anh.

- Nhưng Pavel khước từ.

- Pavel ở Nga năm 1917, thời Cách mạng tháng Mười, thì khước từ, nhưng Pavel Việt Nam, năm 1967, sẽ nghĩ cô gái kia khao khát dâng hiến để có được giây phút hạnh phúc trước khi hứng nhận đau khổ ô nhục trong tay bọn Bạch vệ, và nếu chỉ coi đây là chuyện thể xác, mà khước từ để giữ thanh cao cho mình, sẽ là sự ích kỷ, thậm chí, nhẫn tâm.

- Tóm lại, em đồng tình với việc Danh Huyền đã có chồng, phạm luật với người yêu cũ là anh Khôi, vì anh ấy có thể chết trong chiến trường, là có thể thông cảm? Nhưng hệ quả chuyện này là đẻ ra hai thằng con trai. Và vì vậy, hôn nhân giữa Bá Vân với Danh Huyền đổ vỡ?

- Đây lại là sự hy sinh khác. Bá Vân đương nhiên rất đau buồn, nhưng em nghĩ Danh Huyền sẽ không hối hận.

- Có một điều anh vẫn băn khoăn. Nếu chuyện xảy ra năm 1967, hai thằng con trai sẽ sinh năm 1968, đương nhiên chúng sẽ là cháu ruột anh. Bố còn sống, cụ sẽ rất mừng, vì một trong hai đứa sẽ là cháu đích tôn. Nhưng như vậy đến năm nay hai đứa phải đều bốn mươi bảy tuổi. Danh Huyền dám đưa chúng về tận Phước Long viếng bố, lẽ nào không

công khai với gia đình mình?

- Ở tuổi ấy, chúng đều có vợ, có con. Sẽ không bình thường nếu bà Danh Huyền chỉ đưa hai đứa về.

Sự bế tắc của cuộc trao đổi bổ sung vào sự mệt mỏi khiến lời qua, tiếng lại loãng dần, hai vợ chồng cùng ngủ thiếp trên xe. Lúc về tới nhà, cậu lái xe đánh thức, mở mắt nhìn đồng hồ, đã hơn ba giờ sáng.

Hai hôm sau, vợ chồng tôi bay ra Hà Nội.

Bác Quỳnh gái không còn ở ngõ Liên Trì, mà ở một căn hộ khá khang trang ở tầng mười bốn, khu chung cư Trung Hòa - Nhân Chính hiện đại, mới xây dựng. Ra mở cửa là một người giống hệt anh Khôi, áo thun cộc tay, quần short jean, nhưng chỉ ở lứa ngoài ba mươi, chứ không ngoài bốn mươi như vợ chồng tôi "tư duy logic". Tuy nhiên, chỉ riêng sự giống anh Khôi đến kỳ lạ, cũng khiến đường đời dày dạn như chúng tôi phải lúng túng như đang sống trong chuyện hoang đường.

- Bác là bác Tuấn trong Thành phố Hồ Chí Minh ra?

Riêng chuyện sẽ có cả một thế hệ trẻ ra đời sau chiến tranh, không còn gọi Thành phố Hồ Chí Minh là Sài Gòn, cũng đủ cho chúng tôi thấy nếu quá lưu luyến với quá khứ, cũng chẳng có cách nào kéo lùi được tương lai.

Tôi hỏi:

- Cháu là con mẹ Danh Huyền?

- Dạ! Mời hai bác.

- Mẹ cháu đâu? Hôm qua, trước khi ra, bác có gọi điện cho mẹ cháu.

- Mẹ cháu có nói. Nhưng sáng nay, mẹ cháu và em cháu phải vào bệnh viện với bố cháu, nên bảo cháu ở nhà đón hai bác. Gần trưa, mẹ cháu sẽ về.

- Bà cháu đâu?

- Bà cháu đang ở nhà cậu Danh Vũ ngay bên cạnh. Để cháu kêu bà về ngay bây giờ.

Tiện chiếc điện thoại di động thông minh đang cầm, cậu ta nhấn số

luôn:

- A lô, bà! Bác Tuấn ra rồi.

Chưa đầy nửa phút sau, bác Quỳnh gái ở tuổi trong ngoài chín mươi đã hấp tấp bước vào phòng:

- Đâu! Tuấn đâu?

Cả bác lẫn tôi cùng sững lại. Bác vẫn còn nhiều nét không thể mất theo thời gian và lịch sử của các bà, các mẹ Hà Nội để tôi nhận ra, còn tôi thì có lẽ đã nằm ngoài hình dung của bác. Tôi xa bác từ năm 1960, khi lên học cấp ba ở trường Chu Văn An, cũng là thời điểm chấm dứt chân chạy giao len, rồi nhận áo do bác đan, mang về cho chị Tâm. Từ đó đến nay, năm 2015, hai bác cháu mới gặp nhau. Cả hai cùng bị thần thời gian và bụi đời làm bạc tóc. Tuy nhiên, sau phút ngỡ ngàng, bác run rẩy khóc òa, ôm chầm lấy tôi:

- Con ơi! Tuấn môi cong, đầu to ơi! Nhìn thấy con, sao bác chỉ mong được sống lại những ngày rất đẹp của các con hồi ở ngõ Tư Đường, Trần Nhật Duật.

Chừng nửa tiếng sau, Danh Huyền và con trai thứ hai về. Vừa bước vào nhà, nhìn thấy tôi, Huyền đã vui vẻ:

- Trời ơi! Chào Tuấn, Phương. Chúng mình cùng đã già hết rồi.

Tôi nói:

- Nhưng tính tình vẫn như trẻ con. Tại sao vào Sài Gòn, cậu không đến nhà tớ?

Lần đầu tiên gặp vợ tôi nhưng Huyền như quen thân từ lâu:

- Phương có công nhận chồng em vẫn trẻ con nên mới chưa chi đã giận? - Rồi Huyền nói. - Tớ chỉ ở Sài Gòn được buổi sáng, đinh ninh sẽ gặp vợ chồng cậu ở nghĩa trang Phước Long, nhưng khi anh Lạc ra, mới biết các cậu lên trễ.

- Điện thoại đâu? Nếu được báo trước một hôm, thì sáng sớm tớ cũng có mặt ở Phước Long được.

- Cậu quên chúng ta vẫn đang giận nhau à?

Tôi bước lại ôm chặt Huyền một lúc mới rời ra:

- Cho tớ xin lỗi. - Rồi tôi nói với vợ. - Mơ ước từ ngày cùng học lớp một đến nay, gần bảy mươi năm, anh mới lần đầu tiên được ôm bạn gái đấy.

- Cậu là nhà văn mà không biết chuyện này, càng thanh minh càng lạy ông tôi ở bụi này à.

Bác Quỳnh:

- Đúng như hồi chúng nó còn ở ngõ Tư Đường.

Hai thằng bản sao hình ảnh anh Khôi chỉ đứng cười lạc lõng với thế hệ già.

Danh Huyền nói:

- Chúng nó sẽ không bao giờ hiểu được thế hệ chúng ta, nên bây giờ phải đuổi chúng đi. - Rồi Huyền giới thiệu vợ chồng tôi với hai con. - Bác Tuấn là em ruột bác Khôi, hôm qua mẹ nói với các con rồi. Còn đây là bác Phương, vợ bác Tuấn. Cả hai bác đối với nhà ta đều như người nhà.

Hai đứa cùng khoanh tay lễ phép với chúng tôi một cách rất châu Á:

- Con chào hai bác.

Danh Huyền nói tiếp:

- Hai bác còn ở Hà Nội vài ngày nên sẽ còn gặp mẹ và các con, nhưng bây giờ sang chuyện người lớn, và bố ở trong bệnh viện đang cần các con, nên hai đứa dắt nhau vào bệnh viện với bố đi.

Hai bản sao của anh Khôi như chim sổ lồng, chào vội chúng tôi rồi vọt luôn khỏi nhà.

Bác Quỳnh biết ý, nói với chúng tôi:

- Bác biết các con sẽ nói chuyện gì, nên bác về bên Danh Vũ. Nhưng trưa nay, hai đứa cùng sang ăn cơm bên đó đấy.

Tôi nói đùa:

- Bọn cháu càng lớn tuổi càng xấu tính, nên có ai mời là quen ăn nhiều và kén đồ ngon, bác sẽ tốn tiền đấy.

- Này, thời đan len và rửa bát cho hàng cơm, hàng phở nhặt từng

đồng qua lâu rồi. Bây giờ, ăn đã có vợ chồng Danh Vũ lo. Bệnh, thuốc bổ và đi du lịch có vợ chồng Danh Huy và con anh Danh Hoàng bao. Còn đãi bạn học cũ và sinh hoạt trong hội dưỡng sinh, bác có lương hưu và tiền dịch sách.

Tôi thân mật quàng vai bác:

- Cháu hỏi thật, có lúc nào bác buồn về một thời quá khứ đầy thua thiệt?

- Nếu nói đó là một thời vui vẻ hay tự hào là nói dối. Nhưng đất nước hòa bình, thống nhất rồi thì thua thiệt của mình chẳng nghĩa lý gì so với nhiều người, nhiều gia đình khác. Mình thì cuối cùng, chồng vẫn trở về. Mặc dù sau gần hai chục năm xa cách, cả hai đều trở thành đồ cổ, rồi chồng mình đã thuộc về người đàn bà khác, nhưng tình nghĩa vẫn còn thì tâm mình vẫn yên bình. - Rồi bác cười. - Cũng có một lúc nào đó thoáng buồn, bác cứ đổ hết tội cho chiến tranh, giống như các tác phẩm văn học nước ta trong thời kỳ đổi mới.

- Bác vẫn dành thời gian đọc sách?

- Đọc chứ. Một ngày của người già cũng hai mươi tư giờ như người trẻ. Ngủ tối đa chỉ được năm giờ, ăn uống, tắm rửa tối đa hai giờ, còn thừa những mười bốn giờ thì dành thời gian để đọc, xem ti-vi, giao lưu con cháu, bạn bè, thích việc gì làm việc đó, cũng là phương pháp dưỡng sinh, vừa để cho ngũ quan, đầu óc phải vận động, không lười biếng, vừa giải trí và nạp kiến thức để mình không bị lỗi thời trong đời sống hiện đại luôn biến động khôn lường. Cháu nên nhớ các cháu và Danh Huyền cùng già rồi đấy. Cháu có biết người già cần phải biết mình già để làm gì không? Để biết mình đang thật sự là ai, để không cay cú với quá khứ thời trẻ của mình và khe khắt với thời trẻ của thế hệ sau mình.

Vợ tôi đứng dậy, ôm bác Quỳnh, nói trong xúc động:

- Con sợ chính chúng con đang "cay cú" với hiện tại của mẹ. Thời trẻ của chúng con cũng trải qua chiến tranh, nên bây giờ chúng con luôn nghĩ mình phải được gì, trước khi biết mình mất gì. Còn mẹ rõ ràng đã

mất quá nhiều, nhưng vẫn nghĩ những kẻ được nhiều phải là người khác.

Danh Huyền tiễn mẹ ra cửa, cẩn thận khóa chốt, rồi quay vào xa lông với vợ chồng tôi, sự vui vẻ tắt phụt. Tôi hiểu ra sự vui vẻ vừa rồi của cô là để dành cho mẹ, chứ không phải cho chúng tôi:

- Tôi biết vợ chồng cậu ra đây về chuyện gì? Chắc Vinh đã cho các cậu biết về hai thằng con tớ?

Tôi nói:

- Đó là chuyện chúng tớ rất cần biết, nhưng chuyện này nói qua điện thoại cũng được.

- Thế thì ra làm gì?

Tôi nói:

- Có cơ sở để tớ ngờ rằng hài cốt anh Danh Hùng đang ở Việt Nam chứ không còn ở Campuchia, nên phải ra gặp cậu để bàn trực tiếp.

Danh Huyền thoáng sững sờ:

- Cơ sở đó thế nào?

- Ông Mười Cao, người trong đội quy tập hài cốt liệt sĩ từ khu bệnh xá và căn cứ tỉnh ủy Phước Long tại khu rừng ở Svay Rieng bên Campuchia hiện đang sống ở Phú Quốc, nói chắc chắn đã khai quật năm ngôi mộ lính Việt Nam Cộng hòa trên một chiếc trực thăng bị bắn rơi trong khu vực, về Việt Nam. Do ông này không phải người đưa đi chôn nên không biết rõ địa điểm.

- Có gì để căn cứ một trong năm người đó là anh Danh Hùng?

- Bác Quỳnh nói anh Danh Hùng được Mỹ đào tạo là sĩ quan trực thăng vũ trang. Năm 1970, anh ấy cũng tham gia chiến dịch tổng tấn công của quân Mỹ và Việt Nam Cộng hòa, trên toàn tuyến biên giới Tây Nam phần miền Đông Nam Bộ. Tìm hiểu qua những người tham gia chiến dịch, bác cũng biết chiếc máy bay có mặt anh Danh Hùng bị bắn rơi ở khu vực bệnh xá và căn cứ của tỉnh ủy Phước Long ở rừng Svay Rieng. Suốt từ năm 1970, sau khi chiến dịch chấm dứt, rồi sang cả thời

miền Nam được giải phóng, bác đã nhờ và thuê người đi tìm hài cốt ở khu vực này, nhưng không được.

Danh Huyền rất bình tĩnh:

- Nếu chỉ một chiếc trực thăng bị bắn rơi thì khả năng một trong năm người mất là anh Danh Hùng rất sát, nhưng nhỡ hơn một chiếc bị rơi thì sao?

- Bác Quỳnh nói những chiếc khác, trước khi rút quân, đều được phía Mỹ và Việt Nam Cộng hòa kịp đưa người bị thương và chết về căn cứ.

Danh Huyền nhắm nghiền mắt và ngửa mặt, lặng đi. Hai giọt nước mắt ứa từ hai khóe mắt rồi lăn xuống má.

- Bây giờ, Tuấn tính sao?

- Trên máy bay trước và sau khi bị bắn rơi chỉ có năm người hay hơn? Cứ cho năm người được chôn, rồi hài cốt được đưa về Việt Nam, là chính xác, thì vẫn có thể có người thứ sáu, thứ bảy, hay hơn nữa bị tan xác, bị biến dạng, thành than, khi máy bay bị cháy hoặc vì những lý do khác không được chôn cất, trong đó có anh Danh Hùng? Như vậy sai số sẽ rộng ra? Đúng không?

Nước mắt trên mặt Danh Huyền bỗng đầm đìa. Cô ào sang ôm vợ tôi:

- Cho tớ ôm Phương một cái. Không ngờ các cậu đã quá tốt và quá thương anh tớ. Bố tớ mỗi lần nói đến anh Danh Hùng đều nhắc đến anh Khôi, sau đó lại nói: “Số mệnh của đất nước dẫn đến chiến tranh, rồi số mệnh chiến tranh dẫn đến anh em cùng một nhà đối địch nhau ở hai bờ chiến tuyến. Đã là số mệnh thì muốn cố tránh cũng không tránh được, nhưng suốt từ khi biết tin thằng Khôi vào chiến trường miền Nam, trong khi ở Sài Gòn, vì sự an toàn cho mình, phải đẩy Danh Hùng vào quân ngũ, bố ngày đêm chỉ cầu mong số mệnh không đẩy hai anh con đến chỗ bắn giết nhau”. Bây giờ nghe cậu phân tích, hai người chết cùng ngày hai mươi ba tháng Năm năm 1970, tại chiến dịch ác liệt ở chính vùng bệnh xá và căn cứ tỉnh ủy Phước Long ở rừng Svay Rieng, bên Campuchia… - Danh Huyền ôm mặt, nức lên. - Thế thì rõ ràng họ đã đối

địch nhau. Trời ơi! Tớ chỉ cầu mong cho hai người không nhìn thấy nhau… Bố tớ nói, đã là số mệnh thì khó tránh… nhưng tại sao ông trời lại nghiệt ngã quá! Cả anh Danh Hùng lẫn anh Khôi đều là người rất tốt mà.

Vợ chồng tôi cùng không cầm được nước mắt.

Chờ cho cơn xúc động của cả ba tạm lắng xuống, tôi nói với Danh Huyền:

- Cậu thì cầu trời cho hai anh không nhìn thấy nhau, còn tớ lại cầu trời ngược lại, vì nếu hai người nhìn thấy và nhận ra nhau thì chắc chắn sẽ không ai bắn và như vậy sẽ không ai chết, để đến hôm nay, sau gần năm mươi năm, chúng ta cùng hàng vạn, hàng triệu người dân Việt không phải lặn lội khắp nơi để tìm hài cốt người thân.

- Rồi. Cậu nói vậy thì tớ không khóc nữa.

- Vấn đề chính hôm nay, khiến chúng ta gặp nhau là còn nước còn tát để ráng tìm cho được hài cốt anh Danh Hùng.

- Bố mẹ tớ cũng đều mong như vậy. Các cụ cùng nói, không tìm được anh Hùng, thì ra đi không nhắm được mắt.

- Vậy tớ nói thẳng nhé, vợ chồng tớ tìm được hài cốt anh Khôi nhờ một nhà ngoại cảm, sau khi đã đi một ngàn lẻ một con đường khác nhưng đều thất bại.

Danh Huyền ngắt lời tôi:

- Khoan đã. Bố mẹ tớ và Danh Vũ cũng nghĩ tới con đường này. Tớ nghe nhiều người nói, rồi đọc một số tài liệu, báo chí về khả năng tìm mộ và giao lưu với người âm của các nhà ngoại cảm không chỉ Việt Nam mà cả ở nước ngoài. Tớ không nói đó là chuyện bịa và cũng không lao vào tranh luận đó là chuyện thật hay không, mà chỉ nghĩ thế giới tâm linh là nơi hàng ngàn năm nay, con người hướng về để tin sự công bằng, sự trong sáng và tươi đẹp, nơi có một ông Trời, ông Phật hay Thượng đế là tác giả nhào nặn nên các số phận ở hiền sẽ gặp lành, cả trên trời lẫn dưới đất, nhưng sao càng sống, tớ chỉ càng thấy ở hiền dường như ít

gặp lành. Cậu thấy rõ tớ, rồi cả nhà tớ hay cả nhà cậu cũng vậy… Nên nếu cậu định dẫn tớ vào con đường tâm linh để tìm anh tớ, thì đừng bàn nữa vì tớ nhất định không theo.

Vợ tôi nói:

- Kể cả việc nhà em tìm thấy anh Khôi là sự thật?

- Tớ tin nhà mình tìm thấy mộ anh Khôi là đúng, nên ba mẹ con mới vào tận Phước Long dự giỗ anh ấy. Nhưng ngay kết quả nghiên cứu của các trung tâm nghiên cứu tâm linh và tiềm năng con người nhiều năm qua cũng tổng kết sự chính xác trong việc tìm hài cốt bằng khả năng ngoại cảm chỉ đạt bảy mươi phần trăm. Như vậy ba mươi phần trăm sai số lại nằm ở anh Danh Hùng thì sao? Nhưng tớ không tranh luận về chuyện này, mà chỉ nói thế giới tâm linh thực chất là gì? Cậu là nhà văn có thể đọc tới 1001 cuốn sách về tâm linh, thì tớ, tuy chỉ biết đọc, biết viết nhưng cũng đọc 999 cuốn. Thế giới tâm linh có thiên đường nhưng cũng có địa ngục, có thiên thần nhưng cũng có quỷ dữ, và thánh thần cũng đủ thứ đẳng cấp, các vong hồn cũng có vong hồn no đủ, vong hồn đói khát không nơi cư trú… Tất cả cũng chỉ là mặt khác của đời sống cõi trần, đi theo nó sẽ gặp đủ mọi hỉ nộ ái ố như cõi trần, chứ chưa chắc đã siêu thoát hơn, nên tớ nhất định không theo.

- Tranh cãi về lĩnh vực tâm linh khi cả tớ lẫn cậu cùng chỉ cảm mà không nhận thì đến khi trái đất ngừng quay vẫn không ngã ngũ. Cậu không theo, tớ vẫn không nói cậu sai. Nhưng tìm hài cốt anh Danh Hùng, chắc chắn cậu vẫn tìm?

- Đương nhiên.

- Vậy tớ nói thế này: Chúng ta sẽ không nói chuyện tin hay không tin vào tâm linh nữa, mà vì tình bạn giữa chúng ta, cậu hãy nhắm mắt lại, nắm lưng áo tớ. Tớ đi đâu, cậu theo đó để tìm bằng được anh Danh Hùng. OK chưa?

- Cậu nói vậy thì tớ đồng ý.

- Bây giờ sang chuyện thứ hai. Chúng ta không còn thời nhóc con, học

cùng lớp ở trường Đỗ Hữu Vị và phổ thông cấp hai và ba Hà Nội nữa, mà đều là ông già, bà già rồi, nên không có gì phải ý tứ quanh co. Hồi yêu anh tớ, hai người có ngủ với nhau lần nào không?

- Cậu nhận là người già để cho mình cái quyền được hỏi câu lẩm cẩm ấy à? Thời chúng mình, về yêu thì mãnh liệt còn hơn bọn trẻ bây giờ, vì phải vượt qua biết bao rào cản, nhưng chỉ nghĩ đến chuyện cầm tay nhau, mặt đã nóng bừng bừng, làm sao dám ngủ?

- Nóng bừng bừng vì sợ hay xấu hổ thì đúng là không dám, nhưng bừng bừng vì yêu thì vẫn có thể, nhất là đứa có máu liều như cậu.

- Này! Chấm dứt chuyện này đi, không cậu lại giống như anh Bá Vân. Anh Khôi trước khi đi chiến trường đã về Hà Nội nhờ Bá Vân thay anh ấy chăm sóc tớ. Đây là sự xúc phạm, khiến tớ quyết định chia tay, cho anh ấy ra đi được thanh thản, nhưng đó là chuyện khác. Tớ nhắc lại chuyện này, để nói, tớ và anh Khôi đã ngủ với nhau rồi, thì anh Khôi là hạng người gì khi giao vợ cho Bá Vân? Thứ hai, tớ với anh Khôi chia tay năm 1967, từ đó, anh ấy ở trong Nam, còn tớ ngoài Bắc, nhưng hai thằng nhóc thì đến năm 1977 mới ra đời, chúng tớ có là thiên thần, cũng không thể có chuyện đứa bay ra, đứa bay vào, ngủ với nhau ở giữa đường được.

- Điều cậu vừa nói, ai cũng biết. Nhưng thực tế, hai đứa lại giống hệt anh Khôi, thì sẽ chẳng ai tin.

- Thôi thôi. Nếu cậu vẫn luẩn quẩn quanh mấy câu tại sao thì tớ nói thẳng là tớ cũng không biết tại sao, và từ khi hai đứa ra đời, tớ với anh Vân đã cày nát hai tiếng "tại sao" đến mức chia tay rồi. Anh ấy biết thừa tớ đến với anh ấy vẫn còn nguyên vẹn. Anh ấy cũng biết thừa đi thử ADN là chuyện vô lý, nhưng vẫn đưa hai đứa đi thử, kết quả cả hai đứa đều mang gen anh ấy. Rồi anh ấy bảo, ở với anh ấy, nhưng lòng tớ vẫn dành cho anh Khôi. Thậm chí, lúc hai đứa ngủ với nhau, nhưng cảm xúc vẫn là với anh Khôi, nên mới ra hai đứa. Chưa hết, anh ấy còn mời đủ các thứ thầy tử vi, kinh dịch, ngoại cảm tư vấn về lĩnh vực tâm linh. Mỗi

thầy phán một cách, đa số đều cho là vong anh Khôi hiện về lúc giao hợp, nên phải cúng để trục anh ấy đi.

- Có cúng không?

- Rồi. Nhiều là khác. Cúng nhiều đến mức hai đứa cứ nhìn thấy nhau là thấy anh Khôi ở giữa, nên phải ngủ riêng. Nói thêm chuyện này thì hai cậu hiểu vì sao tớ rất dị ứng với lĩnh vực tâm linh rồi chứ?

Tôi hỏi:

- Liệu có phải do những ngày giỗ anh Khôi ở nhà tớ ngoài Hà Nội, cậu vẫn đến thắp nhang?

- Toàn anh Bá Vân nhớ ngày này rủ tớ đi. Nhưng từ khi hai thằng nhóc ra đời cũng thôi rồi. Tớ rất phiền và chịu nhiều tai tiếng về chuyện này. Không biết bao nhiêu lần, tớ đã vừa khóc, vừa kêu trời: "Hãy tha cho tôi đi! Tôi không biết tại sao! Không biết tại sao! Không biết tại sao!". Và đấy cũng là lý do tớ quyết định đưa hai đứa theo bố tớ đi định cư ở Mỹ. Mẹ tớ cùng vợ chồng Danh Vũ và thằng cháu Danh Huy cũng ủng hộ.

Trưa hôm đó, vợ chồng tôi có bữa cơm vui vẻ với bác Quỳnh gái và Danh Huyền. Theo như bác Quỳnh nói lúc sáng, bữa cơm này sẽ có mặt cả mấy nhà vì đây là dịp gặp gỡ hiếm hoi khi có mẹ con Danh Huyền từ Mỹ về, và vợ chồng tôi từ Sài Gòn ra. Cuối cùng, vợ chồng Danh Vũ và vợ chồng Danh Huy cùng không có mặt với lý do làm việc thông tầm[14*], không về được. Bốn đứa cháu, con nhà Danh Vũ, Danh Huy cũng không dự vì không muốn chúng nghe chuyện người lớn. Nhưng đến Bá Ninh, Bá Giang, hai con trai Danh Huyền, bận chăm sóc bố ở bệnh viện cũng vắng, thì chúng tôi hiểu, hoặc bác Quỳnh, hoặc Danh Huyền, muốn bữa trưa này là thế giới riêng của những người trong cuộc một thời thân thương, không nên có thêm bất cứ kẻ ngoài cuộc nào. Và những người ngoài cuộc trong gia đình chắc cũng hiểu điều này. Bữa trưa đã kéo dài đến tận ba giờ chiều. Bốn chúng tôi cùng nói ít. Nhưng nước mắt lại nhiều. Riêng tôi không khóc vì như bác Quỳnh trai nói: "Nước mắt chảy vào trong".

14 Thời gian làm việc liền mạch thành một buổi, không chia thành hai buổi sáng chiều.*

Rời nhà bác Quỳnh, thay vì về khách sạn, tôi bảo Danh Huyền đưa vợ chồng tôi đến bệnh viện Bạch Mai thăm anh Bá Vân. Thoạt đầu Huyền lưỡng lự không muốn, nhưng rồi cũng đồng ý, kèm theo lời thanh minh:

- Đang là một người thất bại gặp lại bạn bè cũ, nhất là những người thành đạt, anh ấy hay tủi thân rồi gây sự, nên tớ hơi lấn cấn chứ không có ý gì.

Tôi cười:

- Tất cả chúng ta cùng đang đi trên đường, không ai dám nghĩ mình đã tới đích cả.

Bệnh viện Bạch Mai ở khu xây dựng mới, có những phòng điều trị dịch vụ hiện đại tiêu chuẩn quốc tế, không khác gì căn hộ khách sạn năm sao. Bá Vân là bệnh nhân đang được hưởng chế độ điều trị ấy.

Tôi bảo với Danh Huyền:

- Ở đây quá tốt.

Danh Huyền nói:

- Từ Mỹ về, tớ mới đưa anh ấy vào đây.

Lúc vợ chồng tôi và Danh Huyền bước vào, trong phòng chỉ có mình Bá Vân đang ngồi dạng chân trên giường nệm chuyên dụng của bệnh nhân, tay cầm bút chăm chăm phết màu lên bức tranh đang vẽ dở đặt trên giá bằng kim loại mạ kền, có thể linh động điều chỉnh phù hợp với thế ngồi của họa sĩ, đặt ngay trên giường.

Vẫn là một Bá Vân gầy nhỏ, giờ ở tuổi ngoài bảy mươi còn gầy hơn, để thêm chòm râu thưa trắng. Vẫn đầu đội chiếc mũ nồi đen, đã cũ sờn, phủ lên trên mái tóc dài, ngày xưa đen, còn ngày nay bạc. Vẫn khoác ngoài đúng chiếc áo ka-ki đen dài dơ dáy dính đầy các vệt sơn dầu xanh, đỏ… Phòng điều trị vuông vức, sang trọng diện tích khoảng bốn mươi mét vuông, đầy đủ tiện nghi. Ngoài giường chuyên dụng dành cho bệnh nhân, còn một giường nệm đôi phủ drap trắng tinh dành cho thân nhân,

một bộ xa lông bọc nỉ mốt mới nhất và cả ti-vi 50 inch, dàn nghe nhạc. Nhưng tất cả đều bị nuốt đi, át đi bởi khắp nơi treo và bày đầy các bức tranh sơn dầu đủ loại khổ, đủ kiểu khung. Trên sàn gạch men sạch bóng cũng đủ loại giấy trắng, giấy màu có hình vẽ, tờ còn nguyên, tờ bị xé hoặc vò nhàu. Nếu không ý thức trước, chắc chắn nhiều người có cảm giác bước vào nơi để tranh tồn kho của một khu triển lãm, lâu ngày không có người để mắt dọn dẹp. Hiện trạng này khiến tôi nhớ lại căn hầm của anh ở đường Hàn Thuyên, vào tháng Tám năm 1963, khi anh Khôi từ Lào Cai về Hà Nội, đưa tôi đến ngủ nhờ và tâm sự, trước khi tiễn tôi vào cuộc đời Thanh niên Xung phong.

Biết có người vào, Bá Vân dường như không quan tâm, vẫn mải mê vẽ. Danh Huyền định đánh động với Vân, nhưng tôi ra hiệu hãy tôn trọng sự tập trung sáng tác của anh. Và lúc đó, tôi mới nhận ra bàn tay cầm bút của anh run lẩy bẩy, miệng hơi méo, hai mắt cố nhướng lên sau cặp kính lão xệ xuống sống mũi, cổ nghiêng đi, cả thân người phải cứng lên, để làm chủ một cách khó khăn những quệt màu trên nền tác phẩm chưa ra hình hài. Không phải anh chỉ già yếu mà còn đang phải chịu hậu quả của ít nhất một lần căn bệnh tai biến mạch máu não. Tự nhiên tôi thấy thương cho Huyền và cũng thầm trách anh Khôi, khi anh không bao giờ nghĩ, một phụ nữ đầy sinh lực như Huyền phải sống bên một người đàn ông gầy yếu thiếu sinh khí như Bá Vân, thì dù anh cao cả và vĩ đại đến đâu, tình yêu giữa hai người đẹp đẽ đến đâu, thì Huyền cũng không thể có hạnh phúc.

Mấy chục bức tranh sơn dầu đủ mọi khổ, treo đặt khắp trong phòng hóa ra đều là những tác phẩm chưa hoàn chỉnh. Có bức, cả tranh lẫn khung, để quăng quật như đồ bỏ đi. Nhiều nhất, khoảng hơn hai chục bức là chân dung Danh Huyền hồi trẻ. Phải yêu Huyền lắm, anh mới dành quá nhiều ưu ái cho cô. Nhưng bức nào cũng khiếm khuyết. Bức thiếu tai, bức thiếu mắt, bức xong hết phần mặt, nhưng bộ răng chưa có, bức hoàn chỉnh từng chi tiết chân dung, nhưng bộ tóc vẫn ở dạng phác

thảo bằng chì đen. Số những bức tranh lập thể, thoạt nhìn màu sắc và hình khối thấy bắt mắt, nhưng cũng dễ phát hiện là những bức chưa vẽ xong.

Tôi thì thầm hỏi Danh Huyền:

- Tại sao?

Huyền thì thầm lại:

- Cố ý.

Rồi cô đi đến bên Bá Vân, vỗ nhẹ vai anh:

- Anh có khách này.

Bá Vân ngừng vẽ, ngoảnh ra, dùng cán bút đẩy mắt kính lão lên đúng tâm mắt, nhìn kỹ tôi.

Huyền hỏi:

- Anh có nhận ra ai không?

Bá Vân buông luôn cả bút lẫn bảng màu xuống giường, ấn hai tay vào nệm mới xoay được thế ngồi, quay ra đối diện với tôi:

- Trông quen quen.

Tôi nói:

- Tôi là Tuấn, em anh Khôi...

Tôi đang háo hức muốn nhắc lại kỷ niệm đẹp đã từng cùng anh Khôi ngủ lại căn hầm của anh ở Hàn Thuyên. Cũng đêm đó, anh có hành xử tuyệt vời, khi lóc cóc đạp xe đến ngõ Liên Trì, chở Danh Huyền về Hàn Thuyên, cho anh Khôi gặp Huyền, còn anh đi ngủ nhờ nhà bạn… Nhưng tôi chưa kịp mở đầu, Bá Vân đã ngắt lời một cách rất thản nhiên:

- Khi anh đang vẽ, bố mẹ đẻ, anh cũng quên, nên chú đừng nhắc anh phải nhớ thằng nào, con nào. - Anh chau mày nhìn hai vợ chồng tôi. - Đã dám đến với anh Bá Vân, hai đứa có hiểu gì về hội họa không?

Danh Huyền nói:

- Tuấn là nhà văn, còn Phương, vợ Tuấn, là nhà báo.

- Nhà văn, nhà báo bây giờ cũng đều là lũ mù họa. Nhưng chị Danh Huyền đã dẫn đến là có chọn lọc. Giờ hai đứa đi xem tranh của anh, chờ

anh vẽ thêm vài nét cho hết màu, rồi nói chuyện.

Tôi nói:

- Từ lúc vào, thấy anh mải tập trung sáng tác, Danh Huyền đã cho tụi tôi xem và giới thiệu tranh anh rồi.

- Giới thiệu thế nào?

Tôi thật thà:

- Tất cả các tranh ở đây đều được anh cố ý không hoàn thành.

Bá Vân lập tức đùng đùng nổi giận với Danh Huyền:

- Cố ý là thế nào? Cố ý bỏ đi? Cố ý dở ông, dở thằng? Hay cố ý lười biếng? Tại sao em không dám nói đây là một trường phái mới, như anh đã nói với em cả trăm lần?

Anh nói với vợ chồng tôi:

- Anh đang tâm huyết sáng tạo ra trường phái Dở dang. Tất cả những sự hoàn chỉnh, hoàn hảo trên cõi đời này đều là hoang tưởng trong giả dối và nhàm chán, trong khi thực tế đời sống toàn nhân loại, không ai, không có gì không dở dang. Như cuộc đời anh, yêu hết mình, thành vợ thành chồng rồi, nhưng trái tim người mình yêu lại thuộc kẻ khác. Đến con mình giao hợp đẻ ra, ADN rõ ràng của mình, vậy mà hình hài lại của người khác… Cho nên sự dở dang mới là chân lý sáng tạo mà loài người cần vươn tới và đi mãi không hết, còn mọi sự hoàn chỉnh đều là kết thúc, đều là cáo chung của nghệ thuật sáng tạo. Chỉ có lũ ngu và hấp hối, mới tự nhận mình là hoàn hảo.

Danh Huyền cố dịu giọng:

- Anh có thôi đi không? Sao hôm nay bỗng nhiên anh như bị ma ám thế?

Bá Vân chỉ mặt Huyền:

- Anh cho em nói lại. Anh hay là chính em đang bị ma ám?

Thấy Danh Huyền làm thinh, Bá Vân nói tiếp:

- Em cứ việc tự do ngôn luận để kết tội anh, nhưng phải nói có sách, mách có chứng. Cấm suy diễn.

Danh Huyền cố nuốt nước mắt, nhẫn nhịn:

- Em xin lỗi. Từ nay, em sẽ thừa nhận Dở dang là một trường phái mới trong hội họa. Anh ngồi vẽ tiếp đi, để em đưa Tuấn và Phương xem tranh.

Cô (thực ra là bà) bước lại khoác nách Bá Vân:

- Để em đỡ anh ngồi quay lại.

Bá Vân gạt tay Huyền:

- Không cần. Mẹ con em từ Mỹ về được hơn tháng nay… Vậy những ngày, tháng, năm, còn lại, một mình anh vẫn sống, vẫn vẽ, vẫn sáng tạo, thì ai đỡ?

Anh (thực ra là ông) chống hai tay xuống nệm, thuần thục, nâng người, xoay sang thế ngồi trực diện với giá vẽ. Đã cầm bút và bảng màu lên, nghĩ thế nào, anh lại quay qua vợ chồng tôi:

- Anh nói với hai đứa điều này, không thì lát nữa, hai đứa xem tranh xong, anh lại quên: Ngay hôm nay, anh biết thừa không chỉ người anh yêu nhất là Danh Huyền, mà cả Hà Nội, cả nước Việt Nam, thậm chí, cả thế giới, coi anh là thằng gàn, thằng bị ma ám, nhưng một trăm, một ngàn năm sau, tất cả đều sẽ phải ghi nhận trong lịch sử hội họa tên tuổi Bá Vân và trường phái Dở dang là bất tử. Vì sao? Vì mọi sự hoàn hảo, hoàn chỉnh, đều là hoang tưởng. Chỉ dở dang mới là chân lý.

Nói xong, Bá Vân lại ngay tức khắc tập trung vào bức tranh đang vẽ, như quên ngay sự có mặt của chúng tôi.

Danh Huyền như người có lỗi:

- Tuấn, Phương về được rồi. Cảm ơn hai người đã đến thăm anh ấy.

Tôi nói:

- Nhưng đã nói chuyện được gì đâu?

Huyền cười gượng:

- Thế là nhiều rồi. Vì anh ấy quên ngay ấy mà.

Lúc Huyền tiễn chúng tôi xuống thang máy, rồi ra cổng bệnh viện, vợ tôi hỏi:

- Trước khi vào bệnh viện, anh ấy ở đâu?

Huyền nói:

- Trước khi ly hôn, hai vợ chồng có ngôi nhà ở mặt tiền đường Cửa Đông. Tầng hầm ở Hàn Thuyên dùng làm kho chứa tranh. Sau hai lần đi thêm bước nữa, rồi ly hôn, anh ấy về lại căn hầm. Nói cách nào, anh ấy cũng không nghe, nên mình mua thêm nửa còn lại, khi người chủ cũ đi nơi khác.

Tôi hỏi:

- Mấy chục năm qua, anh ấy sống bằng gì?

- Lúc bắt đầu nghỉ hưu, do bán được tranh, anh ấy tuyên bố không ăn vào tiền thuế của dân, tức không nhận lương hưu. Không may chuyển sang thời tranh không bán được, rồi cũng không hợp thời, anh ấy sống rất cực. Mình từ Mỹ, phải đưa tiền, nhờ mấy người bạn đến mua tranh anh ấy cất kho, để anh ấy có tiền sống.

Vợ tôi nói:

- Anh Tuấn và em từng sang Mỹ, thấy đời sống Mỹ chẳng phải thiên đường cho tất cả mọi người. Chị cũng lớn tuổi rồi, có cần phải hy sinh cho anh ấy nhiều thế không?

Danh Huyền cười nhẹ:

- Anh ấy chưa bao giờ nghĩ xấu hay nói xấu về anh Khôi, kể cả lúc xung khắc giữa mình và anh ấy lên đến cao điểm. Rồi sau anh Khôi, mình cũng rất yêu anh ấy. Cho đến hôm nay, anh ấy vẫn chưa hết yêu mình. Chúng mình cũng đã là vợ chồng, có chung hai đứa con. Và trên hết, anh ấy từng là người thầy của mình. Từ anh Khôi và anh ấy, mình mới đi vào con đường hội họa. Tình yêu và hôn nhân giữa mình với anh Bá Vân là một kết cục buồn, rất buồn và rất đau, nhưng vẫn phải thừa nhận anh ấy là một tài năng thật sự. Đánh giá đúng về một người tài rất khó, nên cần phải rộng lượng. Mình thuộc loại ít tin ở tâm linh, nhưng đã có lúc mình nghĩ hình như anh ấy bị ma ám. Bây giờ ngẫm sâu hơn, bình tĩnh hơn, mình cho là sự nghiệp của anh ấy thất bại thảm hại bởi

sự tâng bốc quá đáng của người đời. Không biết Tuấn, Phương, cùng giới văn nghệ, có thấy điều này không?

Tôi nói:

- Thú thật, tớ ít hiểu biết về hội họa, cũng không chơi rộng với giới họa sĩ, nhưng quan điểm của tớ, đã dấn thân vào con đường nghệ thuật, nơi có bao nhiêu vinh quang, cũng có bấy nhiêu khắc nghiệt, cần phải quen và tỉnh táo trước những tâng bốc lẫn phê phán quá đáng từ đủ thứ trình độ và động cơ sạch sẽ lẫn không sạch sẽ của người đời. Đồng thời muốn đi được đường dài và sống được bằng nghề, hãy cố mà làm nhiều, nói ít. Dù Bá Vân có những nhược điểm này khác, tớ vẫn quý những người tốt đẹp của một thời.

Vợ tôi nói:

- Em với chị cùng là phụ nữ, nên em nói thẳng. Sự hy sinh và chịu đựng đau khổ vô bờ bến của người phụ nữ có thể làm nguyên liệu cho tình yêu, nhưng đừng dùng tình yêu làm nguyên liệu cho ước lệ thời thượng của đời sống hiện đại. Rồi chỉ thấy hạnh phúc trong lời thơ, tiếng hát của người đời.

Đúng lúc đó, Bá Ninh và Bá Giang, hai "bản sao" của anh Khôi từ ngoài cổng đi vào. Cả hai cùng giống hệt anh Khôi từ thần thái đến dáng đi, khiến chúng tôi chỉ thấy thương Bá Vân và không thể trách anh điều gì nếu anh vẫn không sao mặn mà với Danh Huyền và hai con. Thấy chúng tôi, cả hai chào rất lễ độ.

Danh Huyền nghiêm mặt:

- Các con đi đâu mà để bố một mình?

Bá Ninh miễn cưỡng:

- Bố đuổi chúng con đi để ngồi vẽ.

Bá Giang nói:

- Bố còn không cho các y bác sĩ vào phòng.

Nhìn hai thằng con đi khuất vào thang máy, Danh Huyền than thở:

- Các cụ ngày xưa nói: "Một giọt máu đào hơn ao nước lã". Nhưng

không rõ từ đâu, máu cứ dần loãng ra. Lần này về nước, bảo hai đứa đưa cả vợ và các con về chào bố. Tuy nghe mẹ, nhưng chúng nó nhất định chỉ về một mình. Chúng lý sự: "Gặp gỡ mà tình hình xấu đi, tốt nhất là không cho về". Chúng đã đúng, khi rõ ràng anh Bá Vân không có tình cha con với chúng. Thế thì thêm một thế hệ nữa, không chừng nước lã còn hơn máu đào.

Tối hôm đó, về khách sạn, tôi gọi điện cho Tiến sĩ Bùi Tiến Quý. Sáng hôm sau, theo đúng hẹn, vợ chồng tôi đưa Danh Huyền đến gặp anh ở Viện Khoa học Hình sự, Bộ Công an. Anh vẫn tiếp chúng tôi ở phòng làm việc, nơi chúng tôi gặp anh sáu năm trước. Mở đầu cuộc tiếp xúc, tôi nói:

- Có một điều tôi vẫn thắc mắc, sau vụ anh và cậu Lư giúp tôi tìm được mộ anh Khôi, rất nhiều lần, tôi gọi điện thoại, vừa để nói lời cảm ơn, vừa muốn hỏi thêm một số điều cần sáng tỏ, nhưng không bao giờ gọi được. Ban đầu, tôi cho rằng có thể do vấn đề kỹ thuật, cũng có thể do mình gọi vào lúc máy phía anh và cậu Lư bận hoặc tắt máy, nhưng không thể có chuyện gọi vào nhiều ngày khác nhau, với hàng chục cuộc gọi vẫn không liên lạc được.

Tiến sĩ Bùi Tiến Quý nói:

- Không phải mình anh có thắc mắc này. Đã có lúc, người trong ban nghiên cứu chúng tôi đặt nghi vấn: "Liệu có sự tham gia của các vong vào đường dây liên lạc trong công nghệ thông tin không?", vì thực tế đã có những cuộc gọi, có người nhận, có giao tiếp hẳn hoi, nhưng người nói lại không ở máy xuất phát… Cái khó của dấu hỏi này là nếu đi tới cùng để tìm cho ra kết luận thì lại là vấn đề nằm ngoài khả năng hiểu biết và kỹ thuật hiện có, nên chúng tôi chỉ dừng ở sự ghi nhận để tìm hiểu thêm, chứ không thiên về quyết tâm khám phá sự thật.

Nghe anh nói vậy, tôi đành đi vào chuyện chính của cuộc gặp gỡ:

- Bây giờ là phiền anh về trường hợp rất khó giải thích của họa sĩ Danh Huyền.

Tôi đưa ông Bùi Tiến Quý ba bức ảnh khổ 12 x 19 centimét. Một bức đen trắng chụp anh Khôi ở tuổi mười lăm, hai bức còn lại là ảnh màu, chụp Bá Ninh và Bá Giang, con trai Bá Vân và Danh Huyền cùng tuổi mười lăm. Tôi hỏi:

- Liệu có vấn đề tâm linh ở đây?

Anh Quý vừa cầm ba tấm ảnh, đã thốt lên:

- Quá giống.

Danh Huyền giải thích thêm một cách yếm thế:

- Hai cháu giờ đều đã ba mươi tám tuổi, có khác đi nhiều so với hồi còn bé.

Tiến sĩ Bùi Tiến Quý chăm chú xem kỹ từng tấm:

- Giống nhau không chỉ từng đường nét mà cả thần thái. - Rồi anh nói với Danh Huyền. - Tối qua, anh Tuấn đã nói rất kỹ với tôi qua điện thoại về trường hợp của chị. Thực tế, trên thế giới đã ghi nhận nhiều trường hợp đứa trẻ được sinh ra không giống bố hoặc mẹ là hai người quan hệ trực tiếp, mà lại giống người thứ ba ngoài cuộc hoàn toàn. Thí dụ, ở Tây Tạng, có đứa trẻ được sinh ra giống hệt đức Đạt Lai Lạt Ma, lớn lên cậu bé này chưa từng đi học đã biết đọc, biết viết, thông thuộc hết kinh Phật. Ở Ấn Độ, đất nước đạo Phật là quốc đạo, rất nhiều đứa trẻ sinh ra không giống bố mẹ mà giống Đức Phật hay Quan Âm Bồ Tát. Còn ở nước ta, tại những vùng sùng đạo Thiên Chúa, có những bé gái có gương mặt và thần thái giống Đức Mẹ Maria. Giải thích về hiện tượng này, các nhà khoa học cho rằng do ảnh hưởng rất mạnh từ đức tin của người mẹ, nhưng cũng có xu hướng cho rằng từ mối liên hệ truyền kiếp. Quan điểm này, tuy hệ quả rõ ràng nhưng phần chứng minh thì chỉ có cách quy về… tâm linh. Trường hợp của chị, tôi chỉ chia sẻ những đau khổ mà chị phải chịu đựng, chứ có giải thích cũng chỉ nói giả thiết, mà nói giả thiết thì chúng ta sẽ tranh cãi đến vô cùng, nên chuyện này, tôi xin phép chỉ ghi nhận, rồi cử chuyên gia theo sát, vừa tìm hiểu vừa nghiên cứu, chứ chưa thể có phân tích hay kết luận chính thức nào.

Danh Huyền tỏ ra thông cảm:

- Tôi hiểu. Dù sao cũng cảm ơn anh.

Tôi nói:

- Chuyện thứ hai, chúng tôi muốn nhờ cậu Nguyễn Văn Lư làm lễ gọi hồn, tìm mộ anh Danh Hùng, anh ruột chị Danh Huyền. Tôi với cậu Lư đã là chỗ quen biết, có thể nói trực tiếp, nhưng có chút vướng mắc, anh Danh Hùng là sĩ quan phía Việt Nam Cộng hòa, không biết cậu Lư có nhận giúp, nên phải hỏi ý kiến anh?

Tiến sĩ Bùi Tiến Quý đáp:

- Theo tôi, cậu Lư thuộc thế hệ trẻ, sẽ không có sự phân biệt bởi những định kiến quá khứ. Tuy nhiên, trong những người liên quan, chắc chắn sẽ có người nói ra, nói vào, khiến cậu ấy dao động. Nhưng theo tôi được biết, hai ngày nữa, cậu ấy cùng hai nhà ngoại cảm Việt Nam lên đường sang Thái Lan dự một hội nghị châu Á chuyên đề về thế giới tâm linh, không biết cậu ấy có thu xếp gặp các vị được không.

Tôi nói:

- Nếu không gặp được thì quá tiếc và đành để dịp khác. Nhưng chị Danh Huyền ở Mỹ về, lại sắp phải đi ngay, còn vợ chồng tôi vì muốn giúp Danh Huyền nên mới ra ngoài này gặp anh và cậu Lư.

- Để lát nữa tôi nói chuyện với cậu ấy. Nếu cậu ấy thu xếp được, tôi sẽ gọi cho các vị. Nhưng bàn thờ có ảnh anh Danh Hùng đặt ở Sài Gòn hay Hà Nội?

Danh Huyền nói:

- Đặt tại nhà mẹ tôi ở Hà Nội.

- Vậy từ tối nay, chị với bà chịu khó thắp nhang và cầu khấn thần linh và anh ấy phù hộ.

Lúc tạm biệt để về, Danh Huyền bắt tay Tiến sĩ Ngô Tiến Quý:

- Lúc ở nhà, tôi với Tuấn tranh luận về tâm linh, cậu ấy nói: “Chúng ta sẽ không nói chuyện tin hay không tin nữa, mà vì tình bạn giữa chúng ta, cậu hãy nhắm mắt lại, nắm lưng áo tớ. Tớ đi đâu, cậu theo đó để tìm

bằng được anh Danh Hùng". Vì thế, tôi mới theo cậu ấy đến đây gặp anh. Vậy tôi xin hỏi anh, một nhà khoa học từng nghiên cứu lâu năm về tâm linh và ngoại cảm: Nếu thế giới tâm linh có thật thì con người làm chủ số phận hay số phận làm chủ con người?

Tiến sĩ Bùi Tiến Quý cười:

- Đây là câu hỏi thuộc cõi dương, nhưng cũng đa nguyên như thế giới tâm linh, mà vì nhiều lý do, chúng ta chưa thể có một giải đáp nhất quán. Nhưng tôi tin, nếu thế hệ chúng ta còn dùng dằng trong thời kỳ khai phá, thì thế hệ con cháu chúng ta sẽ làm sáng tỏ được, để mỗi người đều có thể làm chủ được số phận của mình.

Ngay sáng hôm sau, vợ chồng tôi và Danh Huyền lấy xe hơi của công ty Danh Huy, lên đường đi Hà Nam. Bác Quỳnh gái nhất định đòi đi, thậm chí, còn muốn chúng tôi đưa cả vợ chồng Danh Vũ và Danh Huy đi cùng, vì tối qua, lúc thắp nhang trên bàn thờ, Danh Huyền không thể giấu mẹ. Nhưng chúng tôi nhất định khuyên bác ở nhà. Đụng vào lĩnh vực tâm linh, sự sáng suốt và u mê chỉ cách nhau trong gang tấc, rất dễ bị xúc động mạnh, trong khi bác quá lớn tuổi và đời bác đã quá nhiều chấn động bởi phong ba bão táp. Nhưng chúng tôi hứa sẽ kín đáo ghi âm và ghi hình đầy đủ để mang về cho bác và cả nhà xem.

Do trên xe có bản đồ định vị, nên chúng tôi trở lại thôn Đồng Mật, xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng, Hà Nam tìm đến nhà cậu Lư tương đối dễ dàng. Vẫn lối rẽ cũ từ cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ, vẫn con đường làng trải bê tông, nhưng lối vào cổng vắng vẻ, khiến chúng tôi ngờ ngợ, nghi bản đồ định vị có sự nhầm lẫn, phải dừng xe hỏi một người trong làng đang đi ngược chiều.

Vợ tôi nói:

- Lần trước đi từ khách sạn ở đường Lê Thạch, Hà Nội, hình như được anh Khôi phù hộ, nên xuống cửa đã gặp ngay cậu lái xe cùng thôn với cậu Lư, nên đầu xuôi, đuôi lọt.

Danh Huyền nói:

- Không chỉ tối qua, mà sáng hôm nay, trước khi đi, tớ với mẹ tớ cũng cùng dậy sớm thắp nhang khấn anh Danh Hùng.

Hóa ra bản đồ định vị chỉ đúng, nhưng đoạn đường rẽ chạy thẳng vào cổng nhà quen thuộc, lần trước có các xe hơi đậu và bãi để xe gắn máy, hàng quán nước chè, người đứng ngồi chờ, giờ vắng hoe. Chuyện gì đã xảy ra?

Vừa vào sân, chúng tôi đã gặp chị giúp lễ ngồi bên cậu Lư trước bàn thờ hôm chúng tôi đến gọi hồn. Chị không nhận ra chúng tôi, nhưng vẫn nhanh nhảu:

- Các bác trong Thành phố Hồ Chí Minh ra?

Tôi nói:

- Năm 2009, chúng tôi đã ra đây.

- À! Thế thì cậu Lư đang đợi các bác trên điện thờ.

- Sao hôm nay nhà không có khách?

- Thưa! Do ngày mai phải đi Thái Lan dự đại lễ, nên cậu nghỉ tiếp khách hai tuần, tính từ hôm kia. Cậu có dặn em ở đây đón rồi đưa các bác lên điện.

Theo người phụ nữ lên điện, tôi ra hiệu thêm cậu Phan, lái xe của Danh Huy, làm nhiệm vụ lén ghi âm và ghi hình, lên theo. Đến điện đã thấy cậu Lư ngồi xếp bằng tròn, tay lần tràng hạt, đang nhập tâm trước bàn thờ, đối diện với tượng Phật Bà Quan Âm.

Bốn chúng tôi tự động ngồi hàng ngang phía sau cậu. Còn người phụ nữ ra sau bàn thờ, bật thêm đèn, quạt cho điện thờ sáng hơn và bớt nóng, rồi ngồi xuống cạnh cậu Lư làm phụ lễ.

Vẫn là một cậu Lư ăn mặc giản dị: chiếc sơ mi trắng dài tay, chiếc quần tây màu ghi nhạt rộng và cũ. Gương mặt vuông vức có vẻ già dặn hơn lần gặp trước, nhưng vẫn chỉ ở lứa tuổi ba mươi. Cậu biết chúng tôi vào từ đầu, nhưng xong phần tâm niệm, mới quay lại:

- Chào các bác. Thầy Quý nói từ tối qua, nên sáng sớm, tôi đã phải dậy chuẩn bị điện thờ, để các bác đến là gọi hồn ngay, không mất công

chờ.

Tôi hỏi:

- Cậu có nhận ra vợ chồng tôi?

- Xin lỗi hai bác. Tôi chỉ ngờ ngợ chứ không nhớ. Với người cõi dương, mỗi ngày, tôi tiếp xúc hàng trăm, nên những ai lâu không gặp, trí nhớ tôi không tốt lắm.

- Hôm nay gặp lại, trước hết tôi rất cảm ơn cậu đã giúp tôi tìm được hài cốt anh tôi.

- Anh bác là liệt sĩ Nguyễn Minh Khôi hiện ở nghĩa trang liệt sĩ Phước Long?

- Tại sao lúc đang tìm, tôi gọi điện thoại cho cậu bất cứ lúc nào cũng được, nhưng sau khi xong việc, tôi muốn gọi điện cảm ơn, không cách nào gọi được?

- Nhiều người được tôi giúp cũng nói như bác, nhưng tôi hoàn toàn không biết tại sao. Nếu chuông reo vào lúc máy không bận, bất cứ ai gọi, tôi cũng đều nhấc máy.

- Hôm nay, gặp cậu, nói được lời cảm ơn, tôi cũng bớt áy náy. Bây giờ chúng ta nên ưu tiên cho bà bạn tôi, họa sĩ Danh Huyền từ Mỹ trở về.

Cậu Lư:

- Hôm qua, thầy Quý cũng nói sơ rồi.

Danh Huyền:

- Trước hết, tôi rất cảm ơn thầy đã nhận lời giúp. Song tôi cũng xin nói thật, trước khi đến đây, niềm tin của tôi vào việc tìm hài cốt những người thân nhờ khả năng của các nhà ngoại cảm gần như không có. Việc tìm hài cốt anh tôi, bố tôi đã bỏ ra mấy chục năm bằng rất nhiều con đường, đều thất vọng, nay vừa nghe lời khuyên của vợ chồng anh Tuấn, vừa không còn con đường nào khác, nên đành tìm đến thầy.

Cậu Lư nói:

- Tôi rất thông cảm với bác. Trước khi các bác đến, tôi đã chuẩn bị điện thờ đâu vào đấy. Bây giờ, để tránh lạc đề, xin bác cho tôi biết thông

tin về bác Danh Hùng.

- Thầy cần những thông tin gì?

- Tất nhiên càng nhiều càng tốt. Nếu không, chỉ cần bác cho biết họ, tên, năm sinh, quê quán, ngày mất.

Danh Huyền nói:

- Anh tôi là Nguyễn Danh Hùng, sinh năm 1942, quê quán Hà Nội, ngày mất hai mươi ba tháng Năm năm 1970. Riêng nơi mất, bố tôi nói chắc chắn ở Svay Rieng, Campuchia, nhưng hài cốt hiện ở đâu không rõ?

Cậu Lư nói:

- Không cần. Nếu hồn về trực tiếp gặp bác là tốt nhất. Hồn về chỉ gặp riêng tôi, tình hình vẫn không xấu. Nhưng vì nhiều lý do như bận ở đâu đó, như còn những khúc mắc với người đang sống, vì nơi an táng có vấn đề gì đó… khiến hồn hẹn lúc khác hoặc do buồn giận, hay đang chịu hình phạt, không về, thì coi như cuộc gọi hồn hôm nay không thành.

Danh Huyền:

- Tôi hiểu.

- Giờ xin phép các bác.

Cậu Lư xoay người ngồi quay mặt về phía bàn thờ, nhắm mắt, miệng lẩm nhẩm, tay lần tràng hạt, gương mặt biến sắc dần.

Người phụ nữ phụ lễ dường như quen với những thời khắc được thể hiện trên gương mặt thầy, lúc thắp thêm nhang, lúc chỉnh lại nến, lúc lật trang cuốn kinh đặt trên giá gỗ thấp, cạnh chiếc mõ trước mặt thầy. Tôi kín đáo ra hiệu cho cậu Phan phải thường xuyên di chuyển để lấy được nhiều góc quay có hiệu quả ở gương mặt và động tác của ông thầy.

Quá nửa tiếng, khi chúng tôi bắt đầu sốt ruột, cậu Lư mới lên tiếng, nhưng mắt vẫn nhắm:

- Bác Danh Hùng vẫn ở rất xa, nhưng anh bác là Danh Hoàng đang đứng ngay trước mặt tôi. Bác này từ Lai Châu về, hiện đang ở Hà Nội chứ không phải Sài Gòn? Bác ấy có đi cùng vợ và một đứa con gái.

Danh Huyền thất sắc, thì thầm với tôi:

- Làm sao thầy biết được?

Tôi đưa ngón tay trỏ lên miệng ra hiệu cho Danh Huyền im lặng.

Cậu Lư vẫn nói:

- Bác Danh Hoàng đang kể, bố là Danh Quỳnh, hiện đang ở rất xa, còn mẹ là Bình Giao đang ở Hà Nội… Bác Danh Hùng đến trước mặt tôi rồi... Bác ấy di chuyển và nói khó khăn vì bị thương nặng. Hai chân dập nát. - Cậu Lư nói chậm rãi như thể phiên dịch lại lời của người đang kể với cậu. - Trên máy bay trực thăng có bảy người. Bác Danh Hùng là trung tá chỉ huy, ngồi bên người lái. Khoang sau có năm người. Các máy bay trực thăng đánh vào một căn cứ Việt Cộng trong rừng. Họ đánh trả rất quyết liệt. Hai người lính trên máy bay trúng đạn rớt khỏi máy bay. Máy bay chỉ còn lại năm người, sau đó bốc cháy rơi xuống đất, rất gần khu nhà lá ẩn trong rừng rậm. Hai người bị thương trong đó có bác Hùng bò được ra khỏi máy bay. Bác chỉ kịp nhận ra những người từ trong các nhà chạy ra dập lửa và cứu người có người mặc blouse trắng, nên đoán họ đã đánh vào một bệnh xá. Ngày đó là ngày hai mươi ba tháng Năm năm 1970.

Trong khi Danh Huyền nghẹn ngào trong nước mắt thì vợ tôi thì thào:

- Đúng nơi anh Khôi điều trị và cũng đúng ngày anh Khôi mất.

Cậu Lư vẫn nói:

- Hài cốt của bác Hùng chắc chắn đã được những người lính Việt Cộng đưa về Việt Nam. Hồi được an táng ở Campuchia, do trên máy bay có định vị, nên biết điểm máy bay rơi ở đâu, từ đó dò ra được nơi an táng, nhưng từ khi đưa về Việt Nam, không biết chỗ nào. Hồi ở Campuchia, nơi an táng gần với căn cứ Việt Cộng, nên vẫn được người phía Việt Cộng khi đi thắp nhang cho người phía mình, cũng sang thắp nhang cho năm người các bác, vong hồn hai bên nhìn thấy nhau, nên bác vẫn thấy bác Khôi, người hai bên vẫn vẫy tay chào, nhưng không gặp và nói chuyện với nhau được. Từ khi về Việt Nam, không ai nhang

khói, nên rất lạnh lẽo. Tuy nhiên, lâu lâu bác và bác Khôi vẫn thấy nhau, nhưng cách xa lắm. Bác vẫy bác Khôi, mà không thấy bác Khôi vẫy lại. Không rõ tại sao. Danh Huyền cũng đang ngồi cạnh à? Trời ơi! Từ khi về Việt Nam, không hiểu sao, chỉ năm đứa chúng tôi nói chuyện được với nhau, còn với người khác, toàn như những ảo ảnh câm. Nhờ nói lại với Huyền: Danh Hùng vẫn rất yêu nó, yêu bố mẹ và các anh em.

Khi cậu Lư ngồi im, Danh Huyền bật khóc nức nở, ôm mặt chạy ra khỏi điện.

Tôi vội ra nhanh theo:

- Cậu có sao không?

Lặng đi một lúc, Huyền mới nói:

- Tớ quá yếu đuối phải không? Chúng mình quyết định không để mẹ tớ đi là đúng, vì chính tớ đầy bản lĩnh mà cũng tưởng muốn vỡ tim. Nếu giao lưu giữa người dương và người âm có thật như thế này thì rõ ràng cõi trần chúng ta có rất nhiều điều phải xem lại mình… Còn những người có khả năng như thầy Lư nên ít thôi… Thật kinh hoàng.

Tôi bảo:

- Cậu có nói ngược không thế? Tớ tưởng phải càng nhiều càng tốt chứ?

- Cậu với tớ đều cùng sống đủ lâu trên cõi đời này, sao cậu không nhận ra những gì thay đổi quá nhanh và đốt cháy giai đoạn, chưa ương đã chín, đều dẫn đến đại bi kịch?

Tôi và Danh Huyền quay vào, đúng lúc cậu Lư chuyển sang thế ngồi đối diện với khách, thần sắc trở lại bình thường.

Danh Huyền nói:

- Tôi xin lỗi đã ra ngoài một lúc vì quá xúc động.

- Tôi cũng xin lỗi các bác. Có thể do linh lực của tôi còn thiếu nên không thuyết phục được vong bác Danh Hùng gặp bác.

Tôi hỏi:

- Cậu có nhìn nhận được tình trạng anh Danh Hùng?

- Bác Hùng bị dập nát hai chân, cả ngực và bụng, bị bỏng toàn thân. Bác ấy và một người nữa ra khỏi máy bay mới chết nên xương cốt vẫn còn. Ba người chết cháy trong máy bay, hình hài biến dạng. Khả năng giao lưu của hồn với người cõi dương phụ thuộc vào trạng thái và tính cách. Bác Danh Hùng năng lực xuất sắc, tính cách thông thoáng, nhưng chỉ thuần phục người tài hơn mình, gặp được thầy cao tay hơn tôi, chắc bác ấy sẽ gần gũi và thoải mái hơn.

Danh Huyền:

- Hôm nay, với những điều tôi được nghe và chứng kiến đã là quá nhiều. Vậy, tiếp theo sẽ thế nào?

Cậu Lư:

- Bác Danh Hùng nói, hài cốt của bác hiện ở Việt Nam là chắc chắn, nhưng chính xác ở đâu, bác không biết. Hồi mới về còn ở nghĩa trang, gần một con suối, chỉ mùa mưa mới có nước, còn mùa khô thì cạn, nhưng giờ, bác ấy mất phương hướng. Trước đây, bác ấy nghĩ ông Danh Quỳnh sẽ tìm được mình, nhưng nhiều năm nay, bác ấy hết hy vọng. Nay biết được bác Danh Huyền đang tìm, bác ấy sẽ ráng tìm hiểu vị trí hài cốt, đến ngày mùng một tháng Tám âm lịch tới, tìm được hay không, bác ấy sẽ báo cho tôi. Nhưng bác ấy cũng ra điều kiện, nếu không cùng đưa được hài cốt cả bốn đồng ngũ của bác ấy cùng đi thì đừng mất công tìm bác ấy.

Danh Huyền:

- Tính cách anh Danh Hùng đúng như vậy. Chỉ phục bố, anh ấy mới chịu theo bố vào Nam, dù bố đi theo địch. Và đã xuống cõi âm rồi vẫn cứ anh Khôi, anh Khôi. - Huyền thở dài. - Hôm nay mới cuối tháng Năm âm lịch. Phải hơn hai tháng nữa mới đến hẹn...

- Đó là ngày bác Danh Hùng hẹn trả lời có tìm được nơi chôn hài cốt hay không. Nếu bác ấy không hoặc chưa tìm được thì có thể sẽ thêm một cái hẹn khác.

Rồi cậu Lư nhìn tôi:

- Lần hai bác ra đây và lần hai bác ở nghĩa trang Phước Long gọi điện cho tôi về việc tìm mộ bác Khôi, tôi nói bác Khôi có nhắc một người tên Hùng hay Phùng mà bác Tuấn biết, chính là Hùng này?

Tôi ngờ ngợ vài giây mới nhớ ra:

- Do tôi tưởng anh Khôi nói về một đồng đội tên Hùng, nên tôi nghĩ cậu nhầm lẫn, vì tôi không biết một Hùng nào cùng đơn vị của anh.

- Kinh nghiệm của riêng tôi thì vong khi suy luận có nhiều điều khác với người dương mình, nhưng họ không bao giờ nhìn nhận sai về con người, thời gian và sự việc. Bây giờ, nếu tìm được hài cốt bác Danh Hùng, thì bác Khôi đã đúng khi nhắc đến việc bác biết bác Hùng, vì rõ ràng, bác đã là cầu nối giữa cả nhà ông Danh Quỳnh.

Danh Huyền thở phào:

- Vô cùng cảm ơn thầy. Dù chưa đi đến đích nhưng tôi vẫn tin sẽ tìm được anh tôi.

Tôi nói với cậu Lư:

- Nhân cậu nói "vong không bao giờ nói sai", tôi hỏi một chuyện dù đã cho qua rồi nhưng vẫn thắc mắc, là cả hai lần nhờ tìm mộ anh Khôi, cậu đều nói khi ở bệnh xá trong căn cứ, anh tôi đã gặp người vợ là y tá tên Minh, nhưng trên thực tế, anh tôi chưa từng có vợ. Còn nếu anh cưới vợ tại chiến trường, thì trong hồ sơ liệt sĩ tại Sư đoàn 9 phải có ghi nhận chứ… Tuy nhiên, dù không tin, chúng tôi vẫn nghe cậu, mỗi lần lên Phước Long thắp nhang cho anh Khôi, khi đốt vàng mã, chúng tôi vẫn gửi quần áo, giày, dép, nữ trang và cả bồ kết cho chị ấy. Như vậy, thực hư chuyện này thế nào?

Cậu Lư trầm tư một lúc, không rõ để nhớ lại hay tìm cách lý giải, rồi mới nói:

- Giải thích chuyện này không khó, vì thực ra, tất cả lời của các nhà ngoại cảm đều từ các vong truyền lại. Trường hợp bác Khôi cũng có cái khó… Như việc tìm vong linh bác Danh Hùng là các bác đều muốn mọi thỏa thuận với nhà ngoại cảm phải rõ ràng thì mới tin. Cũng do chưa tin

ở tôi mà bác Khôi không chịu gặp người nhà. Khi các bác đến đây lần đầu, khi tôi nói lại lời bác Tuấn, hỏi vong bác Khôi: "Bác có muốn về nghĩa trang ở quê Sóc Sơn, Hà Nội?". Bác Khôi đã nói: "Tôi còn nợ đồng đội một cuốn sách, chưa viết xong, nên tôi không thể về".

- Hôm đó, cậu có truyền đạt như vậy.

- Không gặp, làm sao tôi biết bác Khôi viết văn. Nhưng những người có khí chất riêng như vậy, nói gì thì mình nghe nấy, không thể đi đến cùng được. Nhưng lần này gặp lại hai bác, tôi lại nghĩ, mấy năm qua, các bác và con cháu thường xuyên thờ phụng, thăm viếng, nhất là cũng quan tâm chăm sóc bác Minh, có khi bác Khôi nghĩ lại, tôi sẽ gọi hồn bác ấy thêm lần nữa, chắc bác ấy sẽ nói rõ về vụ bác Minh.

Vợ tôi nói:

- Nếu được như vậy thì quá tốt. Theo cậu, chúng ta nên chọn vào dịp nào?

- Nếu bình thường, ngay ngày mai cũng được, nhưng tôi sắp phải đi công chuyện. Nếu các bác không sốt ruột, để dịp gặp lại bác Danh Hùng. Có khi hai người tri kỷ, ngang tính gặp nhau, tâm lý vui vẻ, chuyện gì giấu trong lòng cũng tuôn ra hết, thì nguyên nhân từ đâu mà có y tá Minh giữa chiến trường ác liệt cũng là chuyện nhỏ.

Danh Huyền:

- Dám ông Khôi không muốn về quê chẳng phải vì nợ sách, mà là nợ tình.

Chúng tôi và cậu Lư cùng bật cười, nụ cười thoải mái tưởng gần như không bao giờ có ở ông thầy ngoại cảm trẻ.

không còn là ẩn số

Năm 2016.

Chúng tôi trở về Sài Gòn. Chuyện về việc tìm hài cốt Danh Hùng bị đời sống với bao nhiêu công việc và biến động làm nhạt đi. Sự sốt ruột hằng ngày có lẽ chỉ còn ở Danh Huyền và hai bác Danh Quỳnh. Đến một hôm, tôi nhận được điện thoại của chị Tâm từ Hà Nội:

- Chú Lương ở quê gọi điện ra báo, sắp đến ngày Thương binh Liệt sĩ hai mươi bảy tháng Bảy, Ủy ban Nhân dân xã Minh Trí họp với các ban ngành và các cụ phụ lão có uy tín ở xã nhìn nhận: Nghĩa trang liệt sĩ của xã vì nhiều lý do nên chưa có những liệt sĩ hồi đánh quân Khơme Đỏ trong chiến tranh biên giới Tây Nam sau 1975 và liệt sĩ chống quân xâm lược Trung Quốc sau năm 1979, nay tiếp tục an táng bổ sung. Rồi thời gian đi các nơi tìm hài cốt các liệt sĩ là người của xã thời chống Pháp 1946 - 1954 và chống Mỹ 1955 - 1975, thấy nhiều người chỉ còn là đất hoặc vụn xương nên đã không đưa vào nghĩa trang. Giờ các đại biểu nhất trí những trường hợp ấy cũng được quy tập tượng trưng về nghĩa trang của xã. Nhân cơ hội này chú Lương đã đặt vấn đề đưa hài cốt của Khôi từ nghĩa trang gia tộc vào nghĩa trang liệt sĩ của xã. Ủy ban xã đã đồng ý. Giờ em phải thu xếp ra Hà Nội, về quê gặp lãnh đạo xã để đưa Khôi về đó.

Tôi nói ngay:

- Chị quên đấy là mộ dỏm à? Mấy năm qua, mình lờ chuyện này đi không cho ai biết. Nếu vì lý do gì đó, chuyện lộ ra, cũng là chôn ở nghĩa trang gia tộc, các cụ biết mình bị lừa cũng tha thứ. Giờ đưa về đấy, trước hết là không tôn trọng các liệt sĩ khác là hài cốt thật, sau nữa, có ai biết, rồi tố cáo mình phạm pháp là không oan đâu.

- Chị cũng nói thật với chú Lương, nhưng chú ấy gạt phắt: “Mấy chị em chúng mày học cao mà không hiểu thế nào là tượng trưng à? Đã tượng trưng thì đất nào cũng là đất, miễn mình có lòng thành”. Rồi chú ấy nói: “Thằng Khôi, cháu tao là liệt sĩ thật, nhưng bảng đá vinh danh các liệt sĩ dựng ở đài tưởng niệm không có tên nó, mỗi lần ngày Tết, ngày lễ, có khi lãnh đạo tỉnh, rồi Trung ương về dự, trang trọng dâng hoa, dâng hương, không thấy nó trong danh sách, tao như có tội với cháu tao”. Em ở xa không biết thế nào, chứ nghe chú ấy nói, chị cũng xót cả ruột cho Khôi. Rồi chú ấy nói: “Hôm đưa hài cốt của thằng Khôi về nghĩa trang gia tộc, cả xã đều biết, lãnh đạo Ủy ban xã cùng tới dự, giờ

có điều kiện, mình không đưa về nghĩa trang liệt sĩ chắc chắn sẽ có người nghi, mà thật thà khai, 'tôi không đưa về vì đó là mộ giả', thì cả họ mình đào đất chui xuống cũng không hết nhục".

Ông chú Lương nhà tôi có một tiểu sử mà viết tiểu thuyết ngàn trang cũng không hết sự phong phú. Chú là con trai của ông Ba Bào: Nguyễn Hữu Bào, trong khi bố tôi: Nguyễn Hữu Lược, con trưởng của ông Cả Thiện: Nguyễn Duy Thiện, cùng chung ông nội Tổng Định: Nguyễn Hữu Định, người đứng đầu dòng tộc Nguyễn Duy. Hai ông Cả Thiện và Ba Bào theo cha, rời quê gốc vùng đồng bằng Thụy Hà, Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội lên mở ấp ở Lập Chí, Kim Anh, Phúc Yên, là vùng trung du, đồi và rừng nhiều hơn ruộng. Năm 1946, khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ, quân Pháp tạm chiếm, biến cả vùng thành vành đai trắng để ngăn cách với các tỉnh thuộc chiến khu Việt Bắc. Đất mới chưa kịp được giàu đã nghèo đi, nên thời cải cách ruộng đất, bi kịch đấu tranh giai cấp của dân quê tôi so với các tỉnh đồng bằng ít khốc liệt hơn nạn đói. Ông chú Lương của tôi lại có bi kịch riêng. Do từ nhỏ đã có năng khiếu bướng bỉnh, lại không thích việc đồng ruộng, nên khi được ông Ba gửi ra Hà Nội học. Chú bỏ ngang, xin tập sự rồi thành y sĩ ở bệnh viện Bạch Mai. Lúc làng quê bước vào cuộc cải cách ruộng đất long trời lở đất, ông Ba đã bệnh mất từ mấy năm trước, nhà chỉ toàn chị em gái, bỏ nhà, bỏ ruộng chạy hết về nhà chồng. Ủy ban xã cử người lên tận Hà Nội, dụ ông Lương về quê nhận lại ruộng đất, nếu không sẽ bị quy tội bỏ trốn. Thế là chàng y sĩ mới hai mươi mốt tuổi, thoát ly đồng ruộng từ năm mười hai tuổi, chẳng biết gì về cày bừa hay mùa màng, trở thành địa chủ. Mà đã địa chủ thì phải là đối tượng cho bà con nông dân đấu tố, đánh đổ. Hồi đó, Hà Nội bị Pháp chiếm. Người nhà quê ra Hà Nội làm việc, ở làng, với chín mươi phần trăm dân mù chữ, gọi những người đó là làm việc cho Tây, có người cho là sang trọng, nhưng cũng có người miệt thị. Giờ chàng là địa chủ, thì thời gian ở Hà Nội đương nhiên là tay sai cho địch, mặc dù bệnh viện Bạch Mai chỉ toàn ta. Đã là địa chủ thì phải bóc lột

bần cố nông. Địa chủ phải có cả hiếp dâm người ở gái. Cán bộ cải cách cũng là người làng, từ chiến khu về thương chàng, bảo: "Cứ thành khẩn nhận hết thì tội nhẹ, không chịu nhận, là địa chủ ngoan cố, tội càng nặng, sẽ bị xếp vào loại phản động". Chàng ngậm ngùi nhận hết. Nên quanh chàng tối đen như mực. Ruộng đất không biết làm thì không sao, vì đã được chia hết cho bà con nông dân. Nhưng đói thì đầu gối phải bò. Chàng y sĩ làm việc cho Tây, kiêm địa chủ, biến thành Thạch Sanh, hằng ngày phải vào rừng Đồng Đò, chặt củi gánh ra chợ Phúc Yên bán lấy tiền đong gạo nuôi mẹ già và mấy đứa cháu nheo nhóc, con mấy bà chị, cô em đang lang bạt tứ xứ. Hồi đó, cả xã đói, nên con gái lãnh đạo xã cũng phải vào rừng chặt củi. Cô gái này là con một Bí thư Đảng ủy xã khác, đã gặp Thạch Sanh y sĩ trong rừng. Biết hoàn cảnh của Thạch Sanh, đến chặt củi đem bán cũng vụng, nên quên bẵng quan điểm giai cấp, đem lòng yêu, thỉnh thoảng lén lấy gạo, khoai, sắn của nhà, dúi cho người tình. Ông bố và cả họ quyết liệt ngăn cấm, nhưng cô cứ yêu. Cuối cùng, nhân chính sách "sửa sai" sáng suốt của Đảng và Nhà nước, chú Lương tôi được phù phép "nâng cấp" từ thành phần địa chủ lên thành phần trung nông lớp trên yêu nước, để cuộc hôn nhân thành gần môn đăng hộ đối. Nhưng do vợ chú liên tục đẻ sáu đứa con trong thời gian ngắn, ở xã mới lập bệnh xá, đang thiếu nhân sự, nhưng người ta lại không cần y sĩ từng làm cho Tây, nên hoàn cảnh nào chú cũng đói. Hồi tôi đi Thanh niên Xung phong ở Quảng Ninh, có lần cùng chị Tâm về quê ăn giỗ, sang nhà chú thăm, thấy tối mịt chú mới mồ hôi mồ kê nhễ nhại vác một bao tải nặng, vừa về đến nhà đã ném uych xuống sân gạch, rồi ngồi bệt ở thềm, thở không ra hơi. Tôi hỏi:

- Chú vừa đi đâu về?

- Đào trộm khoai của hợp tác xã. Cả nhà đều đói rã họng, không trộm cắp lấy gì mà ăn.

- Chú không sợ bị bắt à?

- Sợ cái gì? Đang chui lủi trong ruộng, lúc đầu, thấy một bóng đen

trước mặt, sợ vãi đái, nhưng giáp mặt, hóa ra toàn người làng, thế là nhăn răng cười hì hì với nhau.

- Cả làng ăn cắp, sản lượng sẽ thấp, hợp tác xã họ phải biết chứ?

- Ồi dào. Mỗi người làm việc bằng hai, để cho chủ nhiệm mua đài, mua xe. Mỗi người làm việc bằng ba, để cho chủ tịch xây nhà, xây sân. Muốn năng suất cao để lấy thành tích, chúng nó sửa báo cáo, hơi đâu tốn công lo mất cắp lúa, khoai. Nhưng chú chỉ kể với cháu chứ trong nhà tuyệt đối không cho đứa nào biết. Các con biết bố là thằng ăn cắp thì nhà này loạn. Nếu có thêm cuộc cải cách ruộng đất lần hai, chúng nó mà tố thì mình phải nhận tội thật chứ không phải nhận tội giả như hồi lần một.

Ông chú Lương của tôi là như vậy. Không biết sáu đứa con của chú có biết tội quá khứ của bố thời cả làng đều đói, nhưng lớn lên, chúng đều lương thiện, kinh tế khá giả. Riêng với chú, nghề y sĩ thì mai một, nghề làm nông không tiến bộ, nên cuối đời, chú mở một lều sửa và bơm vá xe đạp ở mặt tiền đường làng, giữa thời xe máy nhiều hơn xe đạp. Trong khi lứa trẻ ở vùng quê nghèo chúng tôi tung cánh bay cao, bay xa đi khắp bốn phương trời, người thành công, kẻ thất bại rồi già đi ở những phương trời ấy… Mỗi khi về quê, một làng quê mỗi ngày một hiện đại hóa, đến không còn nhận ra dư ảnh của quá khứ, dù tỉnh lẻ Phúc Yên ghép tên với thủ đô Hà Nội, vẫn không bao giờ mất đi những ông bà già lứa chú Lương. Hình ảnh gian khổ của họ mãi mãi không thay đổi theo thời gian và lịch sử, nhưng tình yêu quê hương của tất cả chúng tôi cộng lại cũng không bao giờ bằng một người trong họ. Từ ngày vào Sài Gòn, mấy năm, khi có việc ở Hà Nội, tôi mới ghé về quê một lần. Ông Lương già và yếu đi nhiều, nhưng vẫn vô tư với công việc làng xã, loại công việc dân gian gọi là "ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng", và giờ đây ông được coi là một trong số ít những người già uy tín lớn ở xã, vì ngày xưa đã từng làm việc với Tây.

Nhiệt tình của ông Lương với anh Khôi, nói rộng ra là với cả gia đình

tôi, trong vụ chuyển hài cốt của anh về nghĩa trang liệt sĩ, khiến chúng tôi rất cảm động và biết ơn, nhưng không thể thực hiện. Tôi nói với chị Tâm:

- Ý của chú Lương, chị đừng nói thêm với bất cứ ai nữa. Em sẽ lên nghĩa trang liệt sĩ Phước Long, nói với ông quản trang cho lấy đất ở mộ anh Khôi, đưa về nghĩa trang liệt sĩ xã Minh Trí. Như vậy, mình vẫn làm đúng với chủ trương của xã, vừa không mang tiếng dối trá, không xúc phạm và tổn thương hương hồn anh Khôi.

Chuyện tiếp theo, chúng tôi xin phép anh Khôi được lấy đất từ mộ anh ở nghĩa trang liệt sĩ Phước Long về đặt ở mộ giả của anh tại nghĩa trang gia tộc. Sau đó, ông Lương sẽ "đạo diễn" chuyển sang nghĩa trang liệt sĩ xã Minh Trí với nghi lễ trang trọng và nhanh gọn trong nội bộ gia tộc, có sự chứng kiến của Ủy ban xã và mấy ông bà cùng trong Hội Phụ lão xã.

Ngày Thương binh Liệt sĩ hai mươi bảy tháng Bảy năm đó, một ngày nắng đẹp, được Ủy ban xã tổ chức long trọng hơn hẳn những năm trước vì tấm bảng đá hoa cương đen, chữ vàng, đặt trước đài tưởng niệm trung tâm nghĩa trang có bổ sung thêm tên của hai mươi mốt liệt sĩ mới được đưa hài cốt về, trong đó có tên anh tôi: Nguyễn Minh Khôi. Vợ chồng tôi và nhóm thân với nhau suốt từ những năm cùng cắp sách đến trường: Vợ chồng nhà văn Nguyễn Nguyên Bảy - Lý Phương Liên, họa sĩ Nguyễn Thị Hiền, chủ khách sạn Lotus, Phạm Văn Lân, bay ra từ Thành phố Hồ Chí Minh... Bạn bè đang ở Hà Nội: Vợ chồng nhà văn Chu Lai - Vũ Thị Hồng, vợ chồng nhà văn Trần Dũng, rồi các nhà văn Nguyễn Khắc Phục, Vũ Từ Trang, Chử Văn Long, Nguyễn Bảo… Các bạn học của vợ tôi thời Đại học Tổng hợp Hà Nội như Tôn Phương Lan, Nguyễn Hồng Kim… đều biết vợ chồng tôi vẫn tìm anh Khôi mấy chục năm qua, nay nghe anh được đưa về ở quê, tuy chúng tôi chỉ chủ trương làm "nội bộ", cũng kéo nhau về dự. Không khí nghĩa trang suốt buổi sáng nắng đẹp, nghi ngút mùi nhang khói. Rồi hoa. Rồi tiếng cười xen lẫn tiếng khóc,

quyện trong tình của những người đi xa, ở gần.

Về hình thức và nội dung, một ngày lễ như thế là thành công. Những người lãnh đạo địa phương và dân xã Minh Trí chúng tôi như thế là tự hào và trọn vẹn nghĩa tình với những người con mấy thế hệ của xã đã hy sinh xương máu suốt các thời chống những đội quân xâm lược hùng mạnh hàng đầu thế giới: Pháp, Nhật, Mỹ và Trung Quốc.

Trong họ tộc, ông Lương là người phấn khởi nhất, vì ông vừa góp phần tổ chức ngày lễ, vừa là người tận tình và có công lớn nhất với dòng tộc, khi đưa được cháu ông và cũng là anh tôi: Nguyễn Minh Khôi, Lập Chí, Minh Trí, Kim Anh, Vĩnh Phúc, vào bảng vàng vinh danh những người có công với nước. Ai đến, ông cũng đưa đến tấm bảng đá đen ở đài tưởng niệm, chỉ vào tên anh Khôi: "Nguyễn Minh Khôi là cháu tôi. Nó hy sinh ngày hai mươi ba tháng Năm năm 1970, ở Svay Rieng, Campuchia". Ông nói theo hồ sơ lưu trữ của Sư đoàn 9. Như vậy là sai, vì theo hồ sơ này, anh phải là: Nguyễn Duy Khôi, quê quán Thụy Hà, Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội. Tôi nói điều này với ông. Ông cười hề hề: "Nguyễn Duy Khôi với Nguyễn Minh Khôi vẫn là một, rồi Sóc Sơn (Kim Anh) cũng về Hà Nội thì sai ở chỗ nào?".

Còn vợ chồng tôi, mỗi khi đưa bạn bè đến trước tấm bia có tên anh mình, đều tự hào không kém gì ông Lương, nhưng là niềm tự hào và niềm vui không trọn vẹn, vì thực ra trong mộ chỉ có đất. Dù là đất ở ngôi mộ của anh tôi đưa từ Phước Long về. Không biết anh Khôi biết chuyện này có buồn? Và cũng không biết hồn anh ấy có về?

Quá trưa, tan lễ, sau khi tiễn khách, họ hàng, bạn bè về rồi, vợ chồng tôi còn ở lại nhờ ông Lương đưa đến gặp người quản trang, giới thiệu hai bên với nhau để chúng tôi nói lời cảm ơn và theo thói quen, tặng ông món quà nhỏ. Ông quản trang tên là Lê Văn Vầu, khoảng ngoài sáu mươi tuổi, là thương binh thời chống Mỹ, cụt chân trái, phải đi tập tễnh bằng chân giả đoạn từ đầu gối trở xuống, nhưng khá nhanh nhẹn, tính tình xởi lởi. Sau khi chú Lương giới thiệu, tôi bắt tay ông và thấy ông ít

tuổi hơn, tôi gọi ông là "chú":

- Buổi sáng đã gặp chú rồi, nhưng thấy chú bận tiếp khách, bây giờ mới có dịp nói chuyện. Trước hết là cảm ơn chú đã hằng ngày chăm sóc cho các liệt sĩ ở nghĩa trang, trong đó có anh tôi.

Vợ tôi nói tiếp:

- Sau là chúng tôi, những đứa con quê hương ở xa về, có chút quà, tặng chú gọi là có trước có sau.

Vợ tôi đưa ra tấm phong bì. Ông Vầu nói:

- Tôi biết trong phong bì có tiền và tôi lúc nào cũng cần tiền, nên rất cảm ơn. Nhưng tôi mà nhận, đêm nay, thế nào đám đồng đội trong mộ cũng lên vặn cổ. Hai bác cất đi cho.

Ông Lương cười xuề xòa:

- Hai cháu nó đã có lòng, chú cứ nhận, coi như tiền chè thuốc. Bây giờ trong đồng đội của chú ở nghĩa trang có thằng Nguyễn Minh Khôi, cháu tôi, hễ có đứa nào lời ra tiếng vào về chuyện nhỏ này, nó sẽ can.

Ông Vầu vẫn nhất định không nhận:

- Tiện mồm, tôi nói vậy, chứ chẳng ai nói ra nói vào, lòng mình cũng xấu hổ. Cụ là người có công từ ngày đầu xây dựng nghĩa trang, còn tôi là người đêm nào cũng ngủ với anh em ở đây. Ban ngày thức dậy làm việc này việc nọ không sao, nhưng tối đến, cứ đặt lưng xuống giường là các liệt sĩ lại hiện về. Ai bị trúng đạn ở đâu, tình trạng thương tật thế nào, tôi thấy hết. Toàn người trong xã. Quá nửa là con cháu và bạn bè. Lứa cùng quê nhưng đi xa như bác Khôi, cỡ gần một nửa, không quen nhưng ở lâu rồi cũng thành thân. Càng ở lâu, tôi càng thấy mình còn sướng hơn họ vì chỉ bị mất có một chân. Tôi biết tôi không nhận thì hai bác ấy buồn, nên nhờ cụ nói giúp cho hai bác ấy thông cảm.

Ông Lương liền cầm tấm phong bì từ tay vợ tôi:

- Chú không nhận thì tôi nhận thay chú.

Rồi ông nói với vợ chồng tôi:

- Hai cháu an tâm. Chú sẽ có cách để chú ấy nhận sau.

Tôi nói riêng với chú Lương:

- Trước khi tìm thấy anh Khôi ở nghĩa trang Phước Long, vợ chồng cháu đã đi hơn chục nghĩa trang liệt sĩ ở Sài Gòn và các tỉnh miền Đông Nam Bộ, giờ đến đây nữa, đều thấy các quản trang là cựu chiến binh như sống chung với các linh hồn liệt sĩ. Các cụ và lãnh đạo Ủy ban có quan tâm đến điều này?

Ông Lương nói:

- Biết rồi. Quan tâm rồi. Cũng cho đi khám đủ cả bác sĩ Tây y rồi thầy thuốc Đông y rồi. Người nói là dấu hiệu tâm thần. Người cho là hội chứng chiến tranh. Người nói mê tín dị đoan. Nhưng chỉ có các cựu chiến binh mới chịu ở lâu và do có tình nghĩa sâu nặng với những người đã khuất, nên họ chu đáo với từng ngôi mộ. Điều quan trọng là người ta vẫn sức khỏe bình thường, hoàn thành tốt nhiệm vụ và việc không vất vả, lại không xin chuyển thì nếu chuyện giao lưu giữa người dương và người âm có thật, nghĩ cho cùng, cũng tốt chứ sao.

Tôi hỏi:

- Vậy chú có tin không?

- Nói thật với các cháu. Hồi trẻ, chú chẳng tin cái gì. Chúa, Phật, thánh thần chú cũng chẳng tin. Muốn kiếm đủ miếng ăn đút miệng, mình phải tin mình. Muốn sống nên người, vẫn phải tin kính bố mẹ. Niềm tin này, các cụ gọi là giữ đạo. Chú chỉ vì từ nhỏ đã chống lại bố mẹ, bỏ quê hương lên Hà Nội, đạo không ra đạo, đời không ra đời, nên suốt đời lận đận, lúc về già, ngộ ra chân lý, cố gắng sửa thì đã muộn. Còn việc có tin chuyện giao lưu giữa người dương với người âm hay không, theo chú: tin thì có, không tin thì không có. Như chú, chỉ chục năm gần đây, khi ngủ mới hay gặp hương hồn các ông bà và cả bố, mẹ cháu từ ngoài mộ gia tộc đi vào.

Chia tay với chú Lương, vợ chồng tôi chưa về mà ở lại chụp hình ngôi mộ anh Khôi và một số hình ảnh nghĩa trang, để về Sài Gòn chia sẻ với anh em, con cháu. Trong nghĩa trang còn một số gia đình vẫn ở lại lưu

luyến với người thân trong mộ.

Khi đứng trước tấm bảng đá hoa cương đen khắc tên ba trăm mười lăm liệt sĩ, người của xã hy sinh trong các cuộc chiến tranh, chúng tôi cùng đọc lại tên từng người. Do lúc sáng, khách đông, lại nhiều bạn bè, chúng tôi đến trước tấm bảng nhiều lần, nhưng chỉ đọc lướt trong trạng thái vui vẻ và thấy tên anh mình là chính. Giờ chỉ có hai vợ chồng, cùng với sự tĩnh tâm, chúng tôi mới đọc kỹ tên từng người, kèm theo ngày sinh, quê quán, đơn vị, chức vụ, ngày mất, nơi mất... Hóa ra trong danh sách có cả tên Nguyễn Xuân Trường, bộ đội địa phương Tây Ninh, hy sinh năm 1974, trong trận đánh ở Dầu Tiếng, con bác Thao, chị ruột bố tôi. Hồi đầu giải phóng, thằng Hà, con anh Trường bỏ mấy tháng vào miền Nam quyết tâm tìm mộ bố, có ghé vào nhà tôi nhờ giúp đỡ nhưng vô vọng. Một số tên khác, do thời gian dính líu với quê quá ít, tôi chỉ thấy quen quen trong linh cảm, chứ không biết chính xác là ai.

Tôi nói với vợ:

- Lát nữa, có chú Lương ở đây, phải nhờ chú ấy nói những ai trên bảng là họ hàng. Đúng là mình cũng đơn giản và vô tình, nên chỉ chú tâm vào anh Khôi. Lúc còn sống vì nhiều lý do xa cách không biết nhau đã đành, nhưng để người cùng dòng tộc với mình nằm dưới mộ, mình đến viếng tận nơi, nào hoa, nào nhang và khấn cúng long trọng, mà vẫn không biết ai với ai, là dở.

Một linh tính khác thường khiến mắt chúng tôi cùng dừng lại trước cái tên Lê Thị Sính. Vợ tôi phát hiện ra trước, đọc:

- Sinh năm 1945, y tá, hy sinh ngày hai mươi ba tháng Năm năm 1970 tại Campuchia. Như vậy cùng ngày mất và nơi hy sinh với anh Khôi.

Đúng lúc đó, ông Vầu, từ chỗ mấy gia đình còn ở lại phía bên trong nghĩa trang đi ra.

Tôi hỏi ông:

- Chú có biết về liệt sĩ Lê Thị Sính?

Ông Vầu nói:

- Bà này là con cụ Thái, cháu ruột cụ Lộc, suýt nữa là chị dâu của tôi.

Cái tên Sính dính đến "cụ Lộc", tức u Khướu, vú nuôi của tôi, khiến tôi biết ngay đây là ai. Trong tôi như có dòng điện chạy loang khắp cơ thể. Chuyện đã qua quá nhiều năm, đã trôi vào quên lãng từ lâu, nhưng khi điểm nhạy cảm của ký ức được chạm vào, nỗi nhớ thức dậy rất nhanh. Đó là ngày hai, tháng Chín năm 1966, khi biết tin anh Khôi sẽ cưới vợ ở quê, tôi đã đạp xe từ Quảng Ninh về quê gặp bố tôi hỏi cho ra lẽ, rồi sang nhà u Khướu, và bất ngờ gặp chính cô Sính này.

Tôi cố trấn tĩnh, hỏi ông Vầu:

- Chú cho tôi biết kỹ hơn về bà Sính được không?

Ông Vầu mời chúng tôi vào ngôi nhà ngói nhỏ chừng hai mươi mét vuông dành cho người quản trang, kế bên trong cổng nghĩa trang, được ngăn đôi bằng vách gỗ, phần trong có lẽ để ngủ nghỉ, phần ngoài kê bộ bàn nước nhỏ. Sau khi mời chúng tôi ngồi, ông pha ấm nước chè mới, rồi kể:

- Chuyện ông Khôi nhà bác và ông Tre nhà tôi, cùng lấy bà Sính hồi đó ly kỳ lắm. Thầy u tôi, cùng họ Nguyễn, nhưng là dòng Nguyễn Văn, theo ông bà từ Đông Anh lên đây lập nghiệp sau dòng Nguyễn Hữu của cụ Cả Định ba năm, do ở trong rừng tre, nên đặt tên con toàn tre nứa. Anh Tre là con đầu, đến tôi là Vầu, con em kế tôi là Giang, con em út là Nứa. Chiến tranh chống Mỹ xảy ra, anh Tre đi bộ đội trước, vào chiến trường miền Nam, tôi đi sau một năm, thuộc đơn vị pháo cao xạ, đóng ngay ở sân bay Đa Phúc, gần nhà. Năm 1966, anh Tre bị thương hai mắt, được điều trị ở bệnh viện quân y trên Thái Nguyên. Ông bác ruột tôi là Hạt, lúc đó là Phó Chủ tịch huyện Kim Anh, thấy bà Sính khỏe mạnh nết na, là y tá ở Thanh niên Xung phong, được xuất ngũ sớm một năm để về học đại học, liền nhờ người làm mối cho ông Tre. Ông Tre người cùng làng, để ý bà Sính từ hồi chưa nhập ngũ, yêu đương chưa tới, nhưng chắc cũng có đong đưa nên đồng ý ngay. Khi bà mối bên này sang ngỏ lời, bà

Sính từ chối, vì đã có ông Khôi. Cụ Lộc biết chuyện, gặp và nói thẳng với cụ Hạt là bà Sính đã làm lễ ăn hỏi, đăng ký kết hôn với ông Khôi, con cụ Cả Lược, ngày cưới cũng chọn rồi. Thế là từ làm mối chuyển sang ép duyên. Trong họ, có người khui ra ông Cả Lược có đủ thứ chuyện xấu về chính trị ngoài Hà Nội, nên bị áp về quê quản thúc, ai nghe cũng sợ. Chưa kể hồi đó, cái dớp "trâu ta ăn cỏ đồng ta" còn nặng nề. Nhà cụ Cả Lược bỏ quê từ lâu, mới về được mấy năm, nên vẫn bị coi là "trâu đồng ngoài", thế là cả họ bên này tìm cách đăng ký kết hôn cho ông Tre và bà Sính.

Vợ tôi nói:

- Đã hủy đăng ký kết hôn của bà Sính với ông Khôi chưa?

- Ồi trời! Hồi đó phép vua thua lệ làng. Ông Mầm, em ruột ông Hạt, chú ruột tôi, là Chủ tịch xã Minh Trí cho gọi cụ Lộc và bà Sính lên Ủy ban nói: "Ông Khôi ở bên Hưng Yên là tội phạm, lập lò võ huấn luyện bọn thanh niên bất mãn, âm mưu gây dựng lực lượng quân sự, nhằm lật đổ chính quyền, bị công an Hưng Yên bắt, vừa được tạm tha. Lãnh đạo xã bên này do mất cảnh giác, đã cho bà Sính đăng ký kết hôn, nên giấy đăng ký kết hôn không hợp pháp". Bà Sính cậy mình là y tá Thanh niên Xung phong từ chiến trường về, bướng bỉnh: "Tôi hiểu anh Khôi hơn các ông, các bà, nên các ông nói không hợp pháp, tôi vẫn cứ lấy". Cụ Lộc thì nói: "Tôi nhà quê ít học, chẳng hiểu thực hư ra sao. Để tôi gọi con tôi đang đóng quân ở Quảng Bình về nói chuyện với các chú. Chứ hai họ đã làm lễ ăn hỏi, đã đăng ký kết hôn rồi. Giờ thất tín là có tội với ông bà, tổ tiên". Sự việc chỉ được dứt khoát khi cụ Thái, mẹ bà Sính từ Lai Châu về, quyết định bà Sính phải lấy ông Tre. Người nuôi không bằng người đẻ nên cụ Lộc phải chịu. Thế là bà Sính cùng lúc có hai đăng ký kết hôn, người trong xã còn đặt câu vè cho trẻ con hát "Hai ông mà lấy một bà. Đẻ ra con chuột hay là con dơi?", "Một bà mà lấy hai ông. Đẻ ra cắc ké, kỳ nhông không đầu". Mặc người chê trách, kẻ gièm pha, thầy u tôi vẫn háo hức chuẩn bị lễ cưới.

Mọi chuyện đâu vào đấy, thầy tôi mới viết thư báo tin ngày cưới cháu đích tôn cho cụ nội tôi. Cụ là người cùng lứa cụ Cả Thiện, bố ông Lược; cụ Ba Bào, bố ông Lương. Hồi kháng chiến chống Pháp, người ta kéo nhau lên chiến khu Việt Bắc, thì cụ đưa cả nhà ra quê vợ tận Trà Cổ, Móng Cái. Nhận được tin, cụ mừng lắm, đưa cả nhà về quê sớm để dự đám cưới. Ông Tre từ bệnh viện quân y Thái Nguyên được đón về. May mà bệnh viện họ cứu được một mắt. Tôi đóng quân gần nhà, cũng về. Trong cuộc họp gia đình trước ngày cưới, khi biết cháu dâu tương lai suýt là con dâu cụ Cả Lược, cụ nội tôi truy hỏi đầu đuôi. Hồi đó, vì nhiều lý do, làng xã ta xảy ra quá nhiều sai lầm, nhưng cái chất thật thà như đếm người nhà quê vẫn còn nhiều. Cụ Hạt, Phó Chủ tịch huyện, cụ Mầm, Chủ tịch xã và thầy tôi phấn khởi thay nhau kể công họ Nguyễn Văn nhà mình đã thắng lợi lớn trong cuộc chiến giành giật nàng dâu vàng từ tay họ Nguyễn Duy. Nghe xong, cụ nội tôi cầm cả ấm tích cổ, đập xuống nền gạch, vỡ tan tành, định hét lên nhưng do cứng hàm, cụ chỉ lắp bắp: "Phản phúc, phản phúc… Đồ phản phúc…". Tiếng lắp bắp lịm dần. Rồi cụ bất tỉnh. Cả nhà hết hồn, xúm lại võng cụ đi bệnh viện thị xã Phúc Yên. Sáng hôm sau, được đưa về nhà, tuy vẫn còn mệt, cụ vẫn gọi thầy u tôi lại, nói: "Tối qua, chúng mày có hiểu vì sao, tao mắng chúng mày cho con cướp vợ của con cụ Cả Lược là phản phúc không?".

Ở làng quê tôi, chỉ khi tức giận đến cạn tàu ráo máng, bố mẹ mới "mày, tao" với con cái, còn bình thường vẫn gọi "anh, chị" hay gọi theo tên. Thấy thầy u tôi đứng im, cụ nói tiếp: "Nguyễn Hữu hay Nguyễn Văn vẫn cùng họ Nguyễn, không nhường nhịn được nhau cũng cấm không được thù ghét nhau… Chưa kể cụ Cả Định là người lập ra cái làng này, là người dọn cỗ, dòng Nguyên Văn nhà mình lên sau chỉ việc ngồi ăn. Nếu không loạn lạc, sau khi cụ ấy khuất, dân làng phải lập đền thờ tôn cụ ấy làm Thành hoàng. Ngày nay đền không ở trên đất, vẫn còn ở trong đầu, trong lòng, đó là đạo. Trong đầu, trong lòng đứa nào không có đạo, tức là vô phúc, là phản phúc".

Ông Tre cũng có mặt ở đó, nói: "Ở quân y viện, con tưởng cô Sính chưa có ai, nên đồng ý. Tối qua về đây mới biết cô ấy đã nhận ăn hỏi bên cụ Cả Lược. Con không biết và cũng không gặp anh Khôi bao giờ, nhưng anh ấy cũng là bộ đội đang đóng tại Mai Siu. Lấy cô Sính là cướp vợ của đồng đội, con xin rút lui".

Cụ nội tôi vẫn chưa hết bức xúc: "Bây giờ chúng mày đang phá đền chùa, coi chuyện tâm linh là mê tín dị đoan nhưng tao vẫn nói. Chúng mày mà ép thằng Tre và con Sính cưới nhau, thế nào cũng có ngày cụ Cả Định về vặn cổ".

Nhưng chuyện không thành thì họ Nguyễn Văn ê chề như quân Pháp thua Việt Minh ở Điện Biên Phủ. May thay, ông Lộc con cụ Lộc lại từ Quảng Bình về. Ông ấy nghĩ ra cách đơn giản nhất là cho bà Sính nhận lệnh đột xuất nhập ngũ vì chiến trường đang cần nhiều y tá, bác sĩ. Việc nước quan trọng hơn việc nhà, nên đám cưới buộc phải hoãn lại là có lý, có tình. Chuyện thủ tục, ông Lộc cùng trong quân đội, lại là trung tá, chỉ lên huyện đội Kim Anh nói mấy câu là xong. Cả họ Nguyễn Văn hơi hụt hẫng nhưng cùng thở phào, như Mỹ và Việt Nam ký được hiệp định hòa bình Paris 1973.

Tôi hỏi:

- Khi bổ sung đợt hài cốt liệt sĩ mới vào nghĩa trang, các vị Ủy ban xã có chú ý ngày hy sinh và nơi mất của bà Sính và ông Khôi, cùng hai mươi ba tháng Năm năm 1970 và cùng ở Campuchia?

Ông Vầu:

- Biết thì có biết, nhưng chú ý chắc không. Vì người cùng xã, chết cùng một nơi, cùng một ngày, ở mặt trận, đâu phải chuyện hiếm. Nhưng cái chính là chuyện một bà, hai ông xảy ra năm 1966. Hài cốt liệt sĩ hy sinh ở Svay Rieng, Campuchia được đưa về nghĩa trang Phước Long năm 1982, không có tên ông Khôi. Giấy báo tử của ông Khôi ghi năm 1977, an táng ở Mặt trận miền Đông Nam Bộ. Giấy báo tử của bà Sính ghi năm 1980, an táng ở Campuchia, đến năm 1982, hài cốt được đưa

về Việt Nam, mới báo lại ở Phước Long, nhưng tên là Lê Thị Minh. Xã báo lên huyện, huyện báo lên tỉnh, tỉnh báo lên Bộ Quốc phòng: Xã Minh Trí không có Lê Thị Minh. Chuyện này, mãi về sau, khi ông Lộc, con cụ Lộc giải ngũ, trong lúc trà dư, tửu hậu, kể ra, mọi người mới vỡ lẽ. Khi ông Lộc đề xuất với chỉ huy Huyện đội Kim Anh cho bà Sính lệnh nhập ngũ để hoãn cưới, Huyện đội đồng ý, nhưng về sau lại sợ dòng họ Nguyễn Văn của cụ Hạt thế lực đang mạnh, sẽ kiện tụng lôi thôi, nên bàn thêm với ông Lộc và bà Sính đổi tên. Bà Sính liền đổi tên là Lê Thị Minh. Có người nói chữ Minh gần với chữ Sính, dễ sửa. Cũng nhiều người nói Minh là tên đệm của ông Nguyễn Minh Khôi. Chuyện này thực hư thế nào, chỉ bà Sính còn sống, chịu nói ra mới biết. Cũng vì vụ khác tên này, mà mấy đời Ủy ban xã cử người vào Phước Long nhận hài cốt bà Sính đều thất bại. Khi biết Lê Thị Sính và Lê Thị Minh là một, Ủy ban xã lập một đoàn hơn chục người trong đó có cả cụ Thái mẹ bà Sính, ông Lộc, ông Tre và tôi vào nhận hài cốt. Phía phòng Thương binh và Xã hội Phước Long cũng tổ chức bàn giao trang trọng.

Vợ tôi hỏi ngang:

- Ông Tre cũng có mặt trong đoàn?

- Đã có vợ và ba con, nhưng ông ấy nói: “Tao vẫn yêu bà Sính, lại cùng là cựu chiến binh, đã đăng ký kết hôn. Bản đăng ký kết hôn, tao vẫn giữ. Chỉ vì chiến tranh chống Mỹ là trên hết, mà không ở với nhau. Giờ chồng đi tìm vợ là phải đạo, đứa nào không cho tao đi, tao sẽ kiện lên tận Trung ương”. Lúc vào nghĩa trang Phước Long, đến trước mộ gắn tấm bia có tên Lê Thị Minh hẳn hoi. Bên giao, bên nhận có mặt đầy đủ, lúc mở nắp tiểu, trong lọ Penicillin chứa tờ giấy ghi tên liệt sĩ lại là Võ Thanh Nam, ngày mất trùng với bà Sính, nhưng quê quán tận Mỹ Tho. Nguyên nhân vì sao lẫn lộn? Năm đó, hai người Tỉnh đội Phước Long trực tiếp chuyển hài cốt liệt sĩ từ Campuchia về cũng có mặt. Người thì nói, lúc đưa được hài cốt lên, đang làm thống kê thì bọn tàn quân Khơme Đỏ tấn công. Người lại nói, từ lúc đào mộ đến lúc đưa về được

Việt Nam, đều mưa tầm tã, đội đi tìm hài cốt ít người, phần nhiều là lính trẻ… Nhưng cũng có ông già nhà gần nghĩa trang nói, nhiều liệt sĩ thương đồng đội, không muốn về quê, cố ý gây ra lẫn lộn, nên phải cúng… Giờ chỉ còn cách đào hết hơn hai chục ngôi mộ thuộc loại "chưa biết tên" lên, chắc chắn sẽ tìm ra bà Sính, nhưng đó là chuyện không thể… Đến năm nay, sau cả nửa thế kỷ, xương bao nhiêu liệt sĩ mình đã biến thành đất, thì đất nào cũng thiêng, mới nhất trí mang đất về thờ, để ít nhất tên liệt sĩ cũng được ghi nhận trên bảng vàng tưởng niệm ở nơi chôn rau cắt rốn…

Rồi ông Vầu hít sâu, thở nhẹ:

- Nhưng cũng nhờ vậy, mới biết được chuyện ghê gớm, cuối cùng, bà Sính đã tìm được ông Khôi ở tận nơi cùng trời, cuối đất. Khi biết được hai ông bà ở cùng một nơi, hy sinh cùng một ngày, đi tìm hiểu, mới biết thêm bà Sính là lính địa phương, biên chế thuộc Tỉnh đội Phước Long, nên khi mất, có tên trong danh sách liệt kê. Còn ông Khôi và một số lính thuộc bộ đội chủ lực đang hành quân qua, hoặc bị thương được gửi tạm điều trị, chưa kịp được bệnh xá ghi nhận, thì địch tấn công. Thế là địch đến thì cùng đánh, nhưng hy sinh thì những người này, trong đó có ông Khôi, thuộc loại "chưa biết tên".

Nghe đến đây, có thể coi là đoạn kết cuộc trò chuyện của người quản trang già, một cựu binh đã bỏ lại một chân trong cuộc chiến bảo vệ vùng biên giới phía Bắc Tổ quốc vào năm 1979, nước mắt của vợ chồng tôi cùng chảy vào trong.

Chiều muộn hôm đó, về lại Hà Nội, tôi gọi điện thoại cho Tiến sĩ Bùi Tiến Quý. Kinh nghiệm gọi điện thoại cho những người liên quan đến lĩnh vực ngoại cảm, tôi ngại nhất là vụ không bắt máy, vì nghi có sự can thiệp của lực lượng vô hình. Rất may, chuông vừa reo, anh Bùi Tiến Quý bắt máy ngay:

- Xin chào.

- Chúng tôi vừa dự lễ nhân ngày Thương binh Liệt sĩ hai mươi bảy

tháng Bảy, ở quê ra. Nếu anh rảnh, chúng ta gặp nhau được không?

Tiến sĩ Bùi Tiến Quý, có lẽ luôn giữ nguyên tắc của một công chức mẫu mực:

- Ngày mai là Chủ nhật. Có chuyện gì, để thứ Hai mời anh chị đến gặp tôi ở viện.

- Nhưng chiều mai chúng tôi đã bay về Sài Gòn.

Lưỡng lự giây lát, anh nói:

- Vậy sáng mai, bảy giờ rưỡi, chúng ta gặp nhau ở cà phê Thủy Tạ. Ngồi ở đó, có thể trông sang đền Ngọc Sơn, giữa Hồ Hoàn Kiếm.

Sáng hôm sau, tại cà phê Thủy Tạ, vợ chồng tôi thay nhau kể lại cho anh Bùi Tiến Quý nghe về chuyện nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Lư hẹn gặp lại Danh Huyền sau khi có tin từ anh Danh Hùng. Chuyện này, tuy chưa kết thúc, nhưng chúng tôi tin sẽ có kết quả tốt như vụ tìm thấy hài cốt anh Khôi. Còn nghi ngờ cuối cùng về vụ anh Khôi không hề có vợ, nhưng thầy Lư hai lần xác định anh Khôi gặp vợ ở chiến trường, cũng đã có đáp số, khi chúng tôi cùng về quê hôm trước. Hai người có yêu thương nhau, có lễ ăn hỏi giữa hai gia đình, có cả đăng ký kết hôn trước khi cả hai cùng ra chiến trường. Và thật vô cùng kỳ lạ, từ năm 1966, xã Minh Trí, huyện Kim Anh, tỉnh Vĩnh Phúc, quê tôi, đến năm 2016, đã biến thành huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Qua không biết bao nhiêu khóa lãnh đạo Ủy ban xã, bao nhiêu thứ hồ sơ lưu trữ bị hủy, bị thất lạc vì nhiều lý do chính dáng và không chính đáng, nhưng hai bản lưu đăng ký kết hôn của bà Lê Thị Sính với ông Nguyễn Minh Khôi và ông Nguyễn Văn Tre vẫn còn. Chúng tôi xin mua lại hai bản đăng ký đã ố vàng, chữ viết bằng mực xanh và hình dấu đỏ của chính quyền xã đều phai nhạt, để lưu niệm. Chủ tịch xã bốn mươi mốt tuổi, tức ra đời đúng năm 1975, tên Tuệ, cũng họ Nguyễn, nhưng là Nguyễn Quang, không băn khoăn gì nhiều, tặng luôn. Kể xong chuyện, tôi đưa Tiến sĩ Bùi Tiến Quý xem hai bản đăng ký kết hôn đã cẩn thận ép plastic trong suốt, rồi hỏi:

- Anh nghĩ về chuyện này thế nào?

Nhà khoa học nghiên cứu lâu năm về thế giới tâm linh, tắt máy ghi âm, ngắm nghía hai vật chứng "lịch sử":

- Hai bản đăng ký này đều không còn hợp pháp, không hiểu sao lại được lưu ở văn phòng của Ủy ban cấp xã từ 1966 đến 2016, chỉ có thể nói vui là cuối cùng nó cũng không vô ích. - Anh chau mày suy nghĩ cả phút, mới nói tiếp. - Có thể đời sống trên cõi dương phong phú nhiều lần hơn cõi âm. Nhưng câu trả lời chính xác có lẽ vẫn phải để thế hệ sau chúng ta, với đủ thứ kỹ thuật khảo nghiệm hiện đại hơn hiện nay, giải đáp. Hiện tại, tôi chỉ ghi nhận và tiếp tục nghiền ngẫm.

TRỞ VỀ

Năm 2016.

Vợ chồng tôi về Sài Gòn, sau đó vài ngày thì nhận được điện thoại của Danh Huyền:

- Thầy Lư vừa báo anh Danh Hùng hẹn đúng ngày mùng một đầu tháng Tám âm lịch sẽ chỉ nơi an táng hài cốt.

Nhìn số điện thoại, tôi biết Huyền đang gọi từ Hà Nội:

- Cậu lại mới về à?

- Không. Chỉ hai thằng con đi, chứ tớ vẫn ở Hà Nội để chăm sóc anh Vân. Tớ đã báo sang Mỹ cho bố. Bố tớ rất xúc động, nói sẽ bay về ngay.

Tôi hỏi:

- Hai tháng vừa rồi, cậu có giục giã gì cậu Lư hay ông Bùi Tiến Quý?

- Tuyệt đối không. Thực ra, ở bên Mỹ, bố tớ sốt ruột từng ngày, liên tục hỏi thăm, nhưng tớ nhất định lấy sự kiên nhẫn chờ đợi làm thước đo chữ tín với thế giới tâm linh.

Tôi nói đùa:

- Cậu và tớ cùng không tin trên cõi dương này quá nhiều, giờ gây ô nhiễm cái "máu nghi ngờ" sang cả cõi âm, không chừng anh Danh Hùng giận không về.

- Nhưng hiện tại, tớ vẫn đang tin thầy Lư.

Cả hai đứa cùng lứa ngoài bảy mươi tuổi, vẫn "cậu cậu", "tớ tớ", nhưng trước sau, tôi chỉ gọi Nguyễn Văn Lư, chàng thanh niên ở tuổi ba mươi là "cậu", lấp lửng giữa đẳng cấp "cậu thầy" và hàng "cậu em". Trong khi Danh Huyền vẫn gọi Lư là "thầy" với giá trị thật. Có thể ở thời điểm này, Danh Huyền đã tin hoặc sợ thế giới tâm linh hơn tôi.

Vụ đi Phước Long theo thông báo của thầy Lư, vợ chồng tôi và Danh

Huyền đã nhất trí chỉ làm trong phạm vi hẹp, vì việc tìm hài cốt người mất tích bằng năng lực ngoại cảm vẫn chưa hợp pháp. Song lý do chính vẫn là chuyện nhạy cảm: Anh Danh Hùng và bốn người đồng đội là lính Việt Nam Cộng hòa, cho đến bây giờ vẫn bị nhiều người coi là "ngụy". Thực tế, chiến tranh đã chấm dứt gần nửa thế kỷ, người ở hai phía đều về đời sống hằng ngày, đã là một. Những đối địch hay mặc cảm đã dẹp sang một bên để hòa đồng, nhưng sự mất mát ở nhiều người trong cuộc chiến vẫn còn là vết thương đã lên da, nhưng lúc trái nắng, trở trời lại đau nhức. Trong khi bên "thắng cuộc" nhiều ông bà, bố mẹ, anh em vẫn đau buồn dìu dắt nhau đi khắp đất nước tìm hài cốt con em, thì việc tìm hài cốt của những người lính bên "thua cuộc", tuy không còn phải giấu giếm, cũng không dám gây ồn ào. Tôi và Danh Huyền nhất trí phía nhà tôi chỉ có hai vợ chồng, còn nhà Huyền, thêm hai bác Quỳnh và cô Hoàn Trân. Việc thành hay không sẽ tính sau. Cả hai đều chỉ trời, chỉ đất, thề giữ kín hành trình như bí mật quốc gia.

Chủ trương là vậy, nhưng chuyện hệ trọng, lại pha màu sắc ly kỳ, huyền bí, giữa thời công nghệ thông tin hiện đại, làm sao giấu được. Đầu tiên là lũ con cháu trong nhà, con gái, con trai, con rể đều ở tuổi ba mươi, bốn mươi. Rồi lứa các em của hai vợ chồng như Vân, Dật, Dung, Liên, Lợi, Nga, Thắng, Hòa, lũ cháu thì hàng chục đứa biết bác Danh Hùng là bạn bác Khôi. Rồi đám hội đồng hương Hà Nội "hẹp": Vợ chồng nhà văn Nguyễn Nguyên Bảy, Lý Phương Liên, họa sĩ Nguyễn Thị Hiền, Thanh Vân, Phạm Văn Lân, vợ chồng Nguyễn Kim Đan, bạn học hồi cấp hai và cấp ba từ Pháp về, vợ chồng Tôn Gia Khai cùng đoàn Thanh niên Xung phong Hà Nội ra Quảng Ninh… biết chuyện đều đòi đi: "Danh Hùng cũng là dân Hà Nội, tại sao chúng tớ lại không đi". Cuối cùng là Thuận Ánh, con gái tôi, tổng cộng mười lăm người.

Trước ngày hẹn ba ngày, nhà Danh Huyền tôn trọng "bí mật quốc gia", chỉ có bác Danh Quỳnh, cô Hoàn Trân từ Mỹ về, bác Quỳnh gái và Danh Huyền từ Hà Nội vào. Đám vợ chồng Bá Ninh, Bá Giang, vợ chồng hai

con của bác Danh Quỳnh và cô Hoàn Trân, muốn về nhưng đều không cho về. Đám vợ chồng Danh Huy, Danh Vũ và các con thì bác Quỳnh gái không cho vào. Tôi phải xin lỗi Danh Huyền vì không hiểu sao, hai vợ chồng tôi cùng quyết giữ bí mật, mà vẫn có quá nhiều người biết. Danh Huyền cười nói:

- Vợ chồng cậu không lộ thì chỉ có anh Khôi hoặc anh Danh Hùng là thủ phạm.

Chơi với nhau từ hồi học lớp một đến nay, hai mái đầu cùng đã bạc, lần đầu tiên, tôi không bị Danh Huyền lườm nguýt. Trước khi xuất phát một ngày, bác Danh Quỳnh đưa đến nhà tôi bốn người khách lạ. Bác giới thiệu ông Hoàng Văn Dạo, tám mươi sáu tuổi, anh Hoàng Văn Du, năm mươi tám tuổi, là bố và em trai thiếu úy Hoàng Minh San; cụ bà Phạm Thị Chi, tám mươi hai tuổi, là mẹ của trung sĩ Trần Thiện Ý, cùng cháu ngoại Thu Hoài, hai mươi ba tuổi. San và Ý đều cùng anh Danh Hùng có mặt trên chiếc trực thăng bị bắn rơi ngày hai mươi ba tháng Năm năm 1970 ở Svay Rieng, Campuchia. Thì ra, từ năm 1970, khi còn hoạt động trong lòng Sài Gòn, bác Danh Quỳnh vẫn lặng lẽ liên hệ với bốn gia đình đồng đội của Danh Hùng, giúp tìm cho được hài cốt của cả năm người. Bác nói với tôi:

- Bác xin lỗi, vì đưa thêm mấy người bà con của đồng đội Danh Hùng vào đoàn mà không nói trước với cháu. Người thân của bốn người, khi bác liên hệ, chỉ gặp được có hai. Hai người còn lại, trung úy Nguyễn Hồng Thiên là con một, ông bà già ở Vĩnh Long đều qua đời và gia đình đại úy Phạm Phú Soái, không thấy liên hệ lại.

Rồi bác nói thêm:

- Hôm nay, bác chỉ đưa mấy bà con lên Sài Gòn sớm đến giới thiệu với cháu để cháu khỏi bất ngờ, khi ngày mai xuất phát, có thể sẽ có thêm vài người nữa.

Vợ tôi nói:

- Thực ra chúng cháu cũng sơ ý khi chỉ chú ý vào một anh Danh

Hùng.

Sáng sớm hôm sau, trước giờ xuất phát, mới năm giờ, trời vừa hưng hửng, số thân nhân bốn người lính Việt Nam Cộng hòa trên máy bay trực thăng cùng anh Danh Hùng, không phải vài người như bác Danh Quỳnh nói, mà tới bốn chiếc xe Mercedes loại mười sáu chỗ ngồi, chật kín khách, đậu nối đuôi trước cổng nhà tôi.

Tôi hỏi Danh Huyền:

- Ai đã lộ ra?

Danh Huyền:

- Chỉ có bố tớ. Đã dặn cụ tuyệt đối bí mật rồi, vậy mà…

Tôi chỉ còn nước nói vui:

- Cuối cùng nhà tình báo vĩ đại, từng hy sinh tất cả để giữ đủ thứ bí mật đảm bảo cho chiến thắng nước Mỹ, về già thì cũng có điểm yếu.

Nhóm khách miền Tây xuống xe, quá nửa ở lứa ông già, bà cả và lứa trung niên, phần còn lại là đám trai thanh, gái lịch. Cả hai thế hệ đều ăn mặc như đi dự đại lễ ở đền chùa, nhà thờ hoặc đi du lịch Thái Lan, Hàn Quốc. Nhóm khách mới này, vừa chạm chân xuống đất đã coi ngay những người đến trước như người nhà, chào bác, chào cô chú, chào em rối rít. Hai bên xuề xòa vui vẻ.

Hai người quay camera gồm một nam, một nữ, với hai máy quay đời mới nhất, từ trên hai xe, chia nhau đón đầu đám đông một cách rất chuyên nghiệp, để thu hình đoàn đi ở nhiều góc quay, làm tăng sự chú ý của dân hàng phố.

Một cô chân dài, trong bộ áo váy thời trang, son phấn hơi đậm, dẫn theo một gã cỡ bốn mươi tuổi, tóc đầu đinh người thấp đậm, đi thẳng vào cổng nhà tôi, hỏi cậu bảo vệ bằng câu trống không:

- Ông Hai Danh Quỳnh đâu?

Bác Danh Quỳnh cùng bác gái và cô Hoàn Trân đứng ngay cổng:

- Tôi đây.

Cô gái reo:

- Ôi! Con chào ông. Con là Diệu Hòa, ở Vĩnh Long, là cháu của chú Ba Nguyễn Hồng Thiên, người đã tử trận trên máy bay trực thăng cùng với chú Danh Hùng bên Campuchia.

Rồi cô chỉ vào gã đầu đinh đi cùng:

- Đây là anh Phạm Phú Minh Dân, ở Cần Thơ, em ruột của đại úy Phạm Phú Soái, cùng chết với chú Ba của con. Đoàn của con có sáu mươi hai người, nghe nói hôm nay có vụ nhà ngoại cảm sẽ tìm được hài cốt chú Ba con và những người cùng trên máy bay hồi chiến tranh bằng lễ gọi hồn, ai cũng muốn đi coi. Con phải gạt bớt lại, nếu không gần trăm người theo con lên đây.

Phạm Phú Minh Dân gập người lễ phép dùng hai tay bắt chặt tay bác Danh Quỳnh:

- Con chào ông Hai.

Hai chiếc camera lập tức hướng về cuộc tiếp xúc giữa Minh Dân và bác Danh Quỳnh. Diệu Hòa nói tiếp về Minh Dân với bác Danh Quỳnh:

- Thưa ông! Anh Minh Dân đang là Tổng Giám đốc Tập đoàn Xuất khẩu Hải sản Minh Phương.

Bác Danh Quỳnh nhíu mày:

- Có phải ông nội cháu là Phương Minh?

- Thưa! Đúng ạ. Ông không biết con, nhưng con nghe kể về ông từ lâu. Ông nội con là Phạm Phú Minh Phương, còn ba con là Phạm Phú Minh Cường, thiếu tướng thời Việt Nam Cộng hòa, từng cùng trong trại cải tạo với ông hồi đầu giải phóng.

Bác Danh Quỳnh như sực nhớ ra:

- À… Tôi nhớ rồi.

Minh Dân vui vẻ hẳn:

- Ba con kể, hồi ở trại cải tạo trên Sông Bé, nhờ có ông trong ban đại diện, biết khi mềm khi rắn với cán bộ quản lý trại, mà các tướng tá bên mình, nhiều người được về sớm. Ba con là tướng do Mỹ đào tạo trăm phần trăm, nhưng chỉ phải ở trại có một năm.

Bác Quỳnh có ý nói lảng:

- Giờ ba cháu khỏe không?

- Ba con vẫn khỏe. Lẽ ra hôm nay, ba con cũng lên gặp ông, nhưng mắc đám giỗ bên thông gia, nên nhờ con chuyển lời hỏi thăm ông và có lời mời ông về quê con chơi. Nếu ông thu xếp được, con sẽ đưa ông về đợt này.

Bác Danh Quỳnh điềm đạm:

- Rất cảm ơn. Để xong vụ gọi hồn này, rồi tôi tính.

- Nhưng ông này…

Minh Dân ra hiệu cho hai camera hướng về bác Danh Quỳnh, rồi nói tiếp:

- Đây là chuyện cũ, mà giờ ở trong nước hay nói theo lời Thủ tướng Võ Văn Kiệt, "Khép lại quá khứ để vươn tới tương lai", nhưng về ông, ba con và những người bạn bè cũ gặp nhau, người thì nói ông là Việt Cộng nằm vùng, người lại nói ông là thân cận của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, còn con là thế hệ chẳng dính gì chiến tranh, nhưng muốn biết sự thật. Ông có thể cho con biết thực sự ông thuộc phe nào?

Bác Danh Quỳnh cười:

- Đã khép lại quá khứ vươn tới tương lai rồi, cháu còn tò mò làm gì?

- Lịch sử chỉ có một sự thật. Ba con đã coi ông là ân nhân thì chúng con càng phải nhìn đúng về ông. Hồi trong trại cải tạo, thấy ông quan hệ tốt với cán bộ quản lý, nhiều người nghi ông là Việt Cộng nằm vùng, nhưng khi thấy ông đưa cả nhà đi Mỹ, thì lại khinh.

- Tại sao khinh?

- Ba con, sau khi cải tạo về, thuộc diện HO, do chính phủ Mỹ bảo lãnh, được đưa cả nhà xuất cảnh, nhưng ba con tuyên bố nghỉ chơi với Mỹ. Lúc có lợi thì hùng hùng hổ hổ đưa cả vạn lính sang, lúc bất lợi thì bỏ rơi đồng minh, chạy lấy người. Nếu quyết chạy, ba con đã chạy trước khi Sài Gòn thất thủ, nhưng ba con chọn ở lại để ra trình diện. Những người cũng nghĩ như ba con, đã không phục ông, khi nghe tin ông sang Mỹ.

Bác Quỳnh chỉ mỉm cười:

- Ba cháu và các bạn ba cháu nghĩ thế là đúng đấy.

Thấy camera chú ý quá nhiều vào cuộc tiếp xúc, bác Danh Quỳnh tỏ ra thận trọng:

- Camera này là của ai?

Minh Dân cởi mở:

- Thưa! Của con. Vụ hơn bốn chục năm mới tìm được hài cốt người thân mất tích trong chiến tranh, mang nhiều ý nghĩa, nên con đưa mấy em đi quay, trước hết là lưu làm tư liệu, nhưng cũng có thể đưa lên đài truyền hình. Xin tự giới thiệu với ông, ngoài kinh doanh chế biến và xuất khẩu hải sản, con còn là nhà hợp tác và tài trợ cho nhiều hãng sản xuất phim truyện truyền hình về đề tài chiến tranh.

Cô Hoàn Trân hỏi:

- Có điều kiện gì không?

Minh Dân:

- Con chỉ có điều kiện trung thực, khách quan và hấp dẫn. Vừa rồi, con hỏi ông thực ra ông thuộc bên nào, cũng không ngoài ba nguyên tắc ấy.

Bác Danh Quỳnh vẫn chỉ mỉm cười, có thể là thản nhiên, cũng có thể là độ lượng. Còn tôi thấy thương bác. Nói rõ bác là ai với Minh Dân chẳng khó khăn, nhưng vấn đề không phải sự thật là gì, mà là sự thật dùng làm gì? Nếu quá khứ đã trôi đi quá xa, và nó từng được yêu ghét thế nào trong mỗi người với vận mệnh đất nước, mới cần phải rõ ràng đen trắng, còn với thân phận từng cá nhân, hãy cứ để nó êm ả trong phẳng lặng còn hơn là dậy sóng.

Trong đoàn chúng tôi còn có nhà ngoại cảm bán chuyên nghiệp. Nhà văn Nguyễn Nguyên Bảy và cô em nghệ sĩ múa Thanh Vân. Vân "bói" nhận nhiệm vụ lo đồ lễ, sau đó, sẽ có bài cầu khấn thần linh. Còn Nguyễn Nguyên Bảy, có năng khiếu và tham vọng làm lãnh tụ đám đông từ hồi còn học tiểu học ở Hà Nội, chưa ai bầu, đã xung phong làm "Tổng

tư lệnh" của đoàn. Anh và Lý Phương Liên đến trễ, vừa có mặt ở nhà tôi, thấy đông người tập trung, đã hỏi:

- Xuất phát sẽ là bao nhiêu xe?

Thuận Ánh nói:

- Xe mười sáu chỗ có bốn chiếc, xe bảy chỗ có sáu chiếc và xe bốn chỗ có năm chiếc ạ.

Nguyễn Nguyên Bảy lớn tiếng:

- Không được. Đi đông như thế sẽ cản trở giao thông, rồi người đến trước, người đến sau, thế nào cũng có người lạc đường. Chưa kể nơi an táng mấy chục năm qua yên tĩnh, êm ả, mình rầm rầm đi lên gây ồn, dân địa phương tò mò kéo đến lộn xộn, các vong hồn cảnh giác không hiện, là kiếm củi cả năm thiêu trong một giờ. Bây giờ tất cả dồn hết lên hai xe buýt cho nhanh gọn.

Minh Dân:

- Xe đoàn cháu đã trót lên rồi, chú để đoàn cháu đi tự do.

Nguyễn Nguyên Bảy trừng mắt:

- Cậu định đảo chính tôi đấy hả? Trừ một xe bảy chỗ lên đó để cơ động, còn các xe khác bỏ lại, dồn hết người lên hai xe buýt.

Nhiều người thắc mắc:

- Xe buýt đâu?

- Tôi có thằng cháu chủ hãng xe du lịch. Gọi một tiếng, chỉ nửa giờ, mười chiếc cũng có.

Đúng là chỉ chưa đầy nửa giờ sau, hai chiếc xe buýt sang trọng loại bốn mươi lăm chỗ ngồi đã đậu ngay trước cổng nhà tôi.

Mọi người vui vẻ lên xe. Chẳng có ai đứng ra thu xếp, nhưng nhóm bạn bè, gia đình tôi lại lên một xe. Hai bác Danh Quỳnh, cô Hoàn Trân và ruột thịt các cựu binh Việt Nam Cộng hòa lên xe sau. Do vợ tôi ngồi cùng Danh Huyền ở xe trước, tôi chuyển xuống ngồi với hai bác Danh Quỳnh và cô Hoàn Trân ở xe sau.

Trước khi lên xe, Danh Huyền mới như sực nhớ, nói với tôi:

- Tuấn này! Tớ quên mất, hôm thầy Lư gọi cho tớ, có nói muốn tìm anh Danh Hùng, phải gặp một người tên Tư Bông.

Cái tên Tư Bông khiến tôi giật nảy, không tin ở tai mình, nên hỏi lại:

- Gặp ai?

- Tớ nghe rõ là Tư Bông.

Tôi nói dứt khoát:

- Đây là con siêu lừa. Quên nó đi. - Nhưng tôi lại chột dạ. - Tớ tin chắc là cậu nghe nhầm. Để khi lên nghĩa trang, chờ cậu Lư liên lạc, tớ sẽ hỏi lại.

Tôi đỡ Danh Huyền lên xe trước, còn tôi trở lại lên xe sau.

Trời còn sớm. Chưa đến giờ cao điểm nên đường từ Sài Gòn theo Quốc lộ 13 lên Bình Phước khá thông thoáng. Nhưng một trăm bảy mươi hai kilômét vẫn là quãng đường dài. Những người già trên xe, sau chặng đầu háo hức đều lim dim mắt. Tôi ngồi cạnh bác Danh Quỳnh nhưng sẵn thói quen tận dụng mọi cơ hội khai thác những người mới gặp để tìm ra nhân vật, nên trò chuyện với Minh Dân về chuyện chế biến và xuất khẩu hải sản của các doanh nghiệp miền Tây. Bọn trẻ trên xe, sau một hồi hào hứng tự phát, có đứa phát hiện trên xe có micro và dàn karaoke, liền xin phép lái xe, rồi rủ nhau hát. Thế là suốt dọc đường vang rộn lời ca: "Cùng mắc võng trên đường Trường Sơn. Hai đứa ở hai đầu xa thẳm. Đường ra trận mùa này đẹp lắm. Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây", rồi "Năm anh em trên một chiếc xe tăng. Như năm bông hoa nở cùng một cội. Như năm ngón tay trên một bàn tay. Đã xung trận cả năm người như một…", "Ai đã từng đi qua sông Cửu Long Giang, Cửu Long Giang sóng trào nước xoáy…".

Cái mệt của người già cộng sự điềm tĩnh của nhà tình báo, khiến bác Quỳnh đã lim dim trên xe. Bác chắc hẳn cũng chú ý đến lời và nhịp điệu của bài hát mà tôi tin chắc những ngày sống trong vai thân cận Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, bác không bao giờ dám nghe, dù là nghe lén. Bác hỏi nhỏ:

- Những bài hát này thường xuyên dạy ở trường à?

Tôi nói:

- Theo cháu biết là không. Đây là những bài mà bọn trẻ rất hay hát ở các đám cưới, những tụ điểm sinh hoạt tập thể. Bây giờ ở trong nước, khi vui vẻ lạc quan, họ hay chọn những bài có tiết tấu nhộn nhịp, hào hùng, còn khi ưu tư, tình cảm, họ hát những bài bolero và những bản tình ca buồn của các nhạc sĩ Sài Gòn xưa.

Bác Quỳnh nói:

- Bác hỏi thế vì nghe chúng hát, bác bỗng thấy thời gian với tuổi già thật đáng sợ. Nếu ôm nặng quá khứ để ưu tư quá hay bay bổng quá, đều lỗi thời lạc lõng và biến động của đời sống hiện đại sẽ không đồng hành với mình.

Hai chiếc xe buýt chở chúng tôi đến cổng nghĩa trang liệt sĩ Phước Long lúc bảy giờ bốn mươi lăm phút. Cổng nghĩa trang đã mở rộng sẵn. Một đám đông già trẻ chừng ba bốn chục người đứng rải rác ở khoảng trống rộng trước cổng.

Hai con gái, một con trai, hai con rể của tôi lên Phước Long trước từ sớm, cùng quản trang Tư Quảng đã đón sẵn ở cổng.

Tôi rất ngạc nhiên khi thấy có mặt Huy Lạc. Vợ chồng tôi vừa xuống xe, còn hoa mắt trước cái nắng chói chang, anh Lạc đã ùa đến:

- Chào phóng viên báo Nhân dân kiêm kỹ sư cơ khí vùng mỏ Quảng Ninh. - Anh cũng hồn nhiên ôm cả vợ tôi. Rồi anh cười ha ha với tôi. - Chú có ngạc nhiên không?

Tôi hỏi:

- Sao anh đi một mình?

- Nếu thế, chú phải chúc mừng anh có lúc cũng thoát khỏi xiềng xích mới phải.

Anh chỉ nhóm thanh niên đang đứng phía sau mình:

- Đây là ba thằng con rể và hai thằng sắp con rể, cùng nhất trí với anh nói dối chị vào Bình Phước nhờ ông thầy Đông y nổi tiếng, vừa cúng,

vừa cắt thuốc để vợ đẻ con trai, nên mới vào được đây, không có vợ đi cùng.

Tôi quay ra hỏi Danh Huyền:

- Cậu lộ cho anh ấy hả?

Danh Huyền cười:

- Chúng mình có còn thời trẻ con nữa đâu mà cứ phải chơi ú tim.

Anh Lạc nói:

- Đừng có trách Danh Huyền. Anh với Danh Hùng và anh Khôi nhà chú đã là ba trong một, Danh Huyền nó không lộ, anh cũng tự biết bằng thần giao cách cảm. Bây giờ, vụ tìm Danh Hùng đến đâu rồi?

Tôi chưa kịp trả lời, Lạc đã quay ra ôm chầm bác Danh Quỳnh, tay bắt mặt mừng với bác Quỳnh gái và cô Hoàn Trân. Khi sự niềm nở lắng xuống, anh mới quay lại tôi:

- Thế nào? Thầy ngoại cảm vào chưa?

Tôi nói:

- Nhà ngoại cảm hẹn đúng giờ, sẽ từ Hà Nam gọi hồn rồi truyền đạt vào.

Lạc trợn mắt:

- Chú đang nói đùa hay đang gặp bọn siêu lừa? Nghe cứ như các thầy bà giới tâm linh bây giờ cũng theo kịp công nghệ thông tin hiện đại có khả năng truyền hình trực tiếp.

Vợ tôi nói:

- Việc tìm hài cốt anh Danh Hùng được hay chưa được em không dám nói trước, nhưng vụ tìm anh Khôi, đúng là cậu Lư từ Hà Nam nhìn nhận được hết địa điểm, toàn cảnh nghĩa trang và ngôi mộ anh Khôi.

Lạc hạ giọng:

- Mấy năm nay, anh cũng có nghe đồn, nhưng đây là lần đầu tiên anh nghe chuyện này từ cái miệng vô thần của hai vợ chồng em.

Đúng lúc đó, nhà văn Nguyễn Nguyên Bảy từ trong nghĩa trang đi ra.

Huy Lạc reo:

- Ô! Mày cũng lên à?

Nguyễn Nguyên Bảy:

- Tao là "Tổng tư lệnh" vụ gọi hồn này. Mày từ sân bay Tân Sơn Nhất lên thẳng đây hả?

Hóa ra đất Hà Nội cũng chật. Huy Lạc và Nguyễn Nguyên Bảy biết nhau từ hồi đá bóng vỉa hè, thời học cấp hai.

- Tao vừa đằng vân, vừa độn thổ để có mặt ở đây đúng giờ, việc gì phải đi máy bay. Hai thằng Danh Hùng, Minh Khôi với tao là một, nên chúng nó ở châu Nam Cực, tao cũng đến. Bây giờ, vụ này đến đâu rồi?

- Xong hết rồi. Mày chỉ việc làm khán giả. Khi nào thấy hài cốt Danh Hùng nhớ rưng rưng nước mắt, chứ trái tim lũ quan văn chúng mày khô khan lắm.

Biết Nguyễn Nguyên Bảy nhầm, Huy Lạc không đính chính:

- Rồi. Mình tập trung ở đây rồi đi đâu?

- Đi đâu, phải chờ nhà ngoại cảm từ Hà Nam hướng dẫn vào, nhưng theo thằng Tuấn, khả năng sẽ từ đường Quốc lộ rẽ vào rừng cao su vài chục cây số nữa.

- Địa điểm đã biết chưa? Địa hình địa vật thế nào? Việc khai quật ra sao?

- Mày tưởng tao là nhà ngoại cảm hả?

- Tao biết mày là "Tổng tư lệnh" rồi. Nhưng tao làm nghề khảo sát địa hình. Đi hàng trăm người thế này vào rừng mà không chuẩn bị gì, vào đấy nhìn nhau tắm suối à? Nhỡ phải đào xới lâu, phải chờ đến chiều thì sao?

- Đám con thằng Tuấn lo ăn trưa, ăn chiều, nước uống rồi.

- Bây giờ đang cuối mùa mưa. Lại quá nửa là người già. Nắng quá thì nóng, mà mưa xuống thì bệnh, mày đã kêu dựng mấy cái nhà bạt chưa?

- Này, này, này… Mày tưởng chúng ta đang tổ chức đi du lịch trải nghiệm để quảng cáo trên ti-vi hả? Xin thưa, chúng ta đang đi tìm hài cốt người thân. Mấy chục năm nay, tao chưa từng thấy vụ tìm hài cốt

nào giống như đi du lịch Vũng Tàu hay Phú Quốc. Thằng Danh Hùng và chiến hữu của nó từ năm 1970 đến nay, gần năm mươi năm, nằm trong lòng đất đen, nắng mưa, nóng lạnh dãi dầu, không thương, lại đi áy náy cho người đi tìm, cùng lắm là một ngày mưa nắng. Đã nói mọi chuyện đâu vào đấy rồi, mày còn vẽ nhà bạt, nhà tôn, chỉ để giải quyết khâu oai.

Hà Nội, quê tôi được hình thành nhờ đất lành chim đậu, không do tranh giành, lấn chiếm mà nên, đã tạo cho người Hà Nội xưa một truyền thống tự nhiên, hợp thì ở, không hợp thì đi, dù ở bất cứ đâu cũng không tranh giành, đấu đá và không có máu cạnh tranh nhằm đứng đầu thiên hạ. Cứ ba người phụ nữ khác tính nhau trở lên thì thành chợ Đồng Xuân, khi chỉ còn hai người thì lại là chị em thân thiết. Còn ba người đàn ông trở lên thì thành tri âm, tri kỷ, nhưng khi chỉ còn hai người, nhất định phải có một người giỏi hơn. Hai bên to tiếng không ai chịu ai, đến nỗi họa sĩ Nguyễn Thị Hiền phải dí dỏm lên tiếng:

- Đúng ra trước khi đi, chúng ta thành lập hội đồng, sẽ không mất công tranh luận.

Có sự tham gia của phụ nữ, kẻ luôn thấm nhuần nền văn hóa đại cách mạng Trung Quốc "nhất vợ, nhì trời" là Lạc, đành xuống nước:

- Rồi. Cậu có lý. Tôi nhất trí không thuê nhà bạt nữa.

Minh Dân, ông chủ trẻ miền Tây Nam Bộ thấy hai ông già Hà Nội hơn thua, liền ra hiệu cho hai camera thu hết vào ống kính, rồi chờ cho cuộc đấu tạm ngưng, bước đến bắt tay Huy Lạc. Trong tích tắc, hai bên đã "chú chú, con con", thân tình như quen biết nhau từ lâu.

Đúng lúc đó, Danh Huyền vừa reo, vừa huơ chiếc điện thoại thông minh:

- Thầy Lư gọi rồi.

Huy Lạc nói như ra lệnh:

- Nhấn khuếch âm lớn lên cho mọi người cùng nghe.

Cả trăm người trong nghĩa trang và ngoài cổng, xúm lại vây quanh Danh Huyền.

Nguyễn Nguyên Bảy cáu kỉnh hét:

- Không được khuếch âm. Tất cả chú ý! Thế giới của vong là thế giới vô thanh, vô ảnh, không ồn ào khoa trương như cõi dương mình, nên chỉ mình Danh Huyền nghe, rồi truyền lại. Thứ hai, từ thời điểm này, ai không tin thì để trong lòng, hoặc rời cuộc chơi, tuyệt đối không nói ra lời những nghi kỵ, bất đồng, gây chia rẽ âm dương.

Huy Lạc ấm ức nói nhỏ vào tai tôi:

- Nói như nó thì cõi âm cũng không có dân chủ à?

Danh Huyền chăm chú nghe điện thoại từ Hà Nam, rồi quay sang nói gì đó với Nguyễn Nguyên Bảy. "Tổng tư lệnh" lại lớn tiếng:

- Nhà ngoại cảm nói, muốn biết mộ Danh Hùng phải gặp người tên Khôi, tức Nguyễn Minh Khôi, nên chúng ta phải vào đặt lễ ở đài tưởng niệm nghĩa trang này và mộ Nguyễn Minh Khôi, rồi mới lên đường.

Đa số coi đó là chuyện phải lẽ, nhưng nhóm thân nhân những người lính Việt Nam Cộng hòa tử trận, từ miền Tây lên, có vẻ ngơ ngác:

- Sao kỳ vậy?

- Hài cốt của nhà mình có ở đây đâu?

Minh Dân bức xúc hỏi Danh Huyền:

- Cô có nghe nhầm không đấy?

Bản lĩnh có thừa như nhà văn Nguyễn Nguyên Bảy cũng tỏ ra lúng túng, bảo Danh Huyền:

- Cô hỏi lại thầy Lư coi.

Danh Huyền nói:

- Thầy Lư có giải thích: "Anh Nguyễn Minh Khôi biết hướng chôn hài cốt anh Danh Hùng". Mình qua đây, không rẽ vào anh ấy nói một lời là vô ý, nhỡ anh ấy tự ái làm khó.

Nguyễn Nguyên Bảy nói:

- Tóm lại lòng tự ái của người âm cũng lớn bằng quả núi. Giờ mời tất cả vào đài tưởng niệm và mộ ông Khôi, đặt lễ, để đúng chín giờ ba mươi phút xuất phát. Nên nhớ với cõi âm, sai một ly đi ngàn dặm, không có vụ

giờ cao su, càng chậm trễ càng văn minh như cõi dương mình.

Nhóm "bên thắng cuộc" và số dân địa phương theo lệnh Nguyễn Nguyên Bảy một cách thoải mái, nhẹ nhõm, trong khi nhóm "bên thua cuộc", vẫn có phần lấn cấn.

Bác Danh Quỳnh tinh ý, nhận ra điều nhạy cảm này, nói với tôi:

- Cháu cần phải thông cảm. Có những nhà như nhà cô Hoàn Trân rất nhiều mất mát, nên mình cũng phải tôn trọng những đau buồn không dễ quên của họ.

Một ông già ở tuổi ngoài bảy mươi bỗng đứng ra nói với đám đông:

- Đứa nào không muốn vào thì ở ngoài. Dưới cõi âm, lính hai bên đã ăn chung, nhậu chung từ lâu, sao ở cõi dương, tụi bay vẫn trùng trình?

Minh Dân khoát tay, nói với mấy người cùng trang lứa:

- Chuyện cũ không dễ quên, nhưng chuyện mới phải nhớ. Hài cốt của năm người thân mình có phải tự bay từ Campuchia về đây đâu.

Thế là sự ngần ngại giây lát được tan đi. Tất cả kéo nhau vào khu vực đài tưởng niệm và phần mộ anh Khôi.

Thanh Vân là người chủ trì việc đặt lễ và hành lễ. Cô không quên khấn to việc cảm ơn và xin anh Khôi chỉ dẫn việc tìm hài cốt anh Danh Hùng và bốn đồng đội theo danh sách bác Danh Quỳnh thu thập được từ hồi 1970.

Xong lễ, trời đang nắng bỗng đổ mưa. Mọi người nhốn nháo chạy ra xe để tránh mưa. Người thì nói đó là do hồn thiêng các liệt sĩ phù hộ. Người lại lo lắng, chắc có gì sơ sót nên ông trời nổi giận.

Rất kỳ lạ. Đúng lúc đó, cậu Lư gọi điện vào cho Danh Huyền:

- Xong lễ rồi, ra Quốc lộ, rẽ phải. Đi thẳng đến một ngã ba, tôi sẽ chỉ tiếp.

Lúc rời nghĩa trang, vợ chồng tôi, cùng hai bác Danh Quỳnh, cô Hoàn Trân, vợ chồng Nguyễn Nguyên Bảy, anh Huy Lạc cùng lên ngồi xe đầu với Danh Huyền và Nguyễn Thị Hiền, vừa vì nôn nóng, vừa muốn chính mình đến đích trước trong cuộc tìm kiếm. Tất cả đều quên ngồi xuống

ghế, cùng nhấp nhổm vây quanh Danh Huyền, người độc quyền sử dụng chiếc điện thoại di động, nhận tin từ cậu Lư.

- A lô, - tiếng cậu Lư rất nhỏ từ điện thoại di động.

- Tôi nghe đây. - Danh Huyền đưa tay ra hiệu cho mọi người im lặng. - Xe đã rời nghĩa trang rồi.

- Hôm trước, tôi nói tìm một người tên Tư Bông. Đã gặp chưa?

Danh Huyền đưa mắt có ý hỏi tôi. Tôi khẽ xua ngón tay. Danh Huyền hiểu ý, nói vào điện thoại:

- Cả anh Tuấn và tôi không gặp được người này. Nhưng có sao không ạ?

Tiếng trả lời của cậu Lư không rõ.

Nguyễn Nguyên Bảy, sốt ruột, quên cả lệnh "cấm" của chính mình, bảo Danh Huyền:

- Em nhấn loa ngoài đi.

Danh Huyền:

- Chính anh nói kiêng mà?

- To quá thì mới kiêng.

Huy Lạc cười khẩy, nói nhỏ vào tai tôi:

- "Tổng tư lệnh" mà tiền hậu bất nhất.

Chiếc xe vừa đến ngã tư giao nhau giữa đường nhựa Quốc lộ và đường đất đỏ tỉnh lộ.

- Rẽ đây được chưa?

Danh Huyền vừa nói vào điện thoại, vừa nhấn phím khuếch âm. Tiếng của cậu Lư từ Hà Nam át cả tiếng máy ô tô, nhưng chẳng ai sợ xúc phạm vong linh:

- Ngã ba chứ không phải ngã tư.

Người trên xe ai nấy ngạc nhiên:

- Làm sao ông ấy biết là ngã tư?

- Rõ ràng Danh Huyền không nói.

Nguyễn Nguyên Bảy:

- Suỵt! Tôi đã dặn tuyệt đối không nói ra mồm sự nghi ngờ kia mà.

Nhưng rồi chính anh lại hỏi tôi:

- Ông thầy này độ bao nhiêu tuổi, có học trường lớp nào không?

Để củng cố niềm tin của Nguyễn Nguyên Bảy, hạn chế phân tâm vào lúc cần đồng tâm nhất trí, tôi nói:

- Cũng cỡ tuổi chúng mình. Nghe đâu tu ở tận Ấn Độ.

Trong xe yên tĩnh trở lại. Bên ngoài vẫn là tiếng mưa rào rạt.

Xe sắp đến ngã ba, người lái xe cho xe giảm tốc độ. Bên kia đường, góc ngã ba là căn lều không vách của ông già với thùng đồ sửa xe, tôi đã thấy lần trước. Vẫn ông già ấy đang loay hoay với chiếc xe gắn máy của một ông khách đang ngồi chờ.

- Rẽ phải. Rồi đi thẳng. - Tiếng cậu Lư từ điện thoại di động của Danh Huyền phát ra không khác gì tiếng một hướng dẫn viên trong bản đồ định vị.

Đây chính là con đường đất đỏ đi vào xóm dân cư, trong đó có dãy chuồng bò của gia đình Tư Bông. Vợ tôi kéo tay tôi, nói riêng:

- Nhỡ Tư Bông mà cậu Lư nói với Danh Huyền là Tư Bông này?

Tôi gạt đi:

- Không thể có chuyện ấy.

Nhưng rồi, tôi nắn lại:

- Nếu đúng, chắc chắn cậu ấy sẽ bảo xe dừng lại trước nhà cô ta.

Ba chiếc xe nối đuôi nhau đi vào con đường xuyên qua khu dân cư. Một số dân trong các nhà, thấy xe lạ, kéo nhau ra cửa với ánh mắt tò mò. Xe chạy đến cổng ngôi nhà có dãy chuồng bò, chính nhà của gia đình Tư Bông. Cổng nhà đang mở rộng. Ba con chó từ trong nhà lao ra thi nhau sủa ông ổng. Thằng bé chừng bốn, năm tuổi cũng phóng ra nhìn đoàn xe. Một phụ nữ vội lao ra theo, bế thốc thằng bé lên, rồi đứng ngóng theo xe. Tôi nhận ra đó chính là Tư Bông, nhưng hình ảnh cô ta và đứa con chẳng để lại trong tôi điều gì, ngoài thoáng nghĩ: “May mà cuối cùng mình cũng nhận ra đó là một con siêu lừa”.

Qua khu dân cư, xe bắt đầu đi giữa hai bên là rừng cao su bạt ngàn kéo dài đến tận chân dãy núi đất trải lên thẳng vùng cao nguyên. Đường đất đỏ được quy hoạch thẳng, rộng, nhưng do mưa dày hạt mờ mịt và đường trơn ướt nên xe buộc phải đi chậm, khiến càng đi càng thăm thẳm, không biết lúc nào mới đến đích. Gần một tiếng đi giữa rừng cao su. Trời bất ngờ hửng nắng.

Tiếng cậu Lư lại từ điện thoại của Danh Huyền:

- Rẽ phải vào con đường dọc con suối cạn, khoảng hai trăm mét là nghĩa trang. Bên bờ suối có một cái miếu. Đặt lễ rồi làm lễ cúng thần linh và các vong hồn, trong đó có bác Hùng. Rồi đợi tin tôi.

Ba chiếc xe rẽ phải. Đường từ đây hẹp lại nhưng vẫn thuộc loại đường quy hoạch ngang, dọc trong rừng cao su, nên dễ đi. Người lái xe căn trên đồng hồ báo cây số, đúng hai trăm mét thì dừng lại. Từ trên xe nhìn xuống và nhìn bao quanh, ngay bên bờ suối là một chuồng bò hai khoang, trong có bốn con bò đực đang trệu trạo nhai cỏ, còn cách bờ suối khoảng ba trăm mét theo con đường mòn dọc lề rừng cao su chỉ thấy ngôi nhà tôn ba gian lúp xúp. Cả người lái xe và Danh Huyền cùng nói:

- Không thấy nghĩa trang và cái miếu nào cả?

"Tổng tư lệnh" Nguyễn Nguyên Bảy nói:

- Ông thầy nói hai trăm mét, thì mình cứ xuống xe đúng chỗ hai trăm mét. Còn nghĩa trang và cái miếu nằm ở đâu, đi bộ vài chục bước cũng tìm được.

Tất cả lục tục xuống xe. Từ sáng sớm, rời Sài Gòn, lên đến nghĩa trang Phước Long tuy mệt, vẫn còn chút hào hứng, nhưng từ nghĩa trang vào sâu trong rừng cao su mấy chục cây số, lại gần trưa, cả già lẫn trẻ đều bải hoải. Đã vậy, trời đang nắng bỗng đổ mưa. Rồi đang mưa bỗng gắt nắng. Ngột ngạt rất khó chịu. Nhiều người tản vào trong rừng cao su, tránh được nắng, sự ngột ngạt lại tăng lên. Tràn ra khoảng trống duy nhất có gió thoáng là con đường đất đỏ chạy giữa bìa rừng và dòng suối

cạn, người có dù dùng dù, người có mũ nón, dùng mũ nón. Cái đói và khát bắt đầu đánh tiếng.

Đúng lúc đó, bốn chiếc xe thùng vận tải chạy vào, đậu nối sau hai chiếc xe buýt của đoàn. Cả chục thanh niên mặc đồng phục nhảy từ thùng xe xuống. Một phụ nữ đẫy đà khoảng ngoài ba chục, rời ca bin chiếc xe đi đầu. Tôi nhận ra là cô chủ tiệm nhà bạt cơ động ở thị trấn Phước Bình đã bao việc dựng nhà bạt ở nghĩa trang Phước Long, do Huy Lạc thuê hôm giỗ anh Khôi. Trước trăm con mắt chú ý vào mình, cô chỉ đảo nhanh đôi mắt đã nhận ra Huy Lạc đang đứng với Nguyễn Nguyên Bảy và Minh Dân ở giữa đường, liền đi nhanh lại, nói với Huy Lạc:

- Trong rừng, cây dày lại mưa ướt, dựng nhà không tiện đâu chú.

Huy Lạc:

- Dựng ngay trên đường đi. Đường rẽ vào đây là đường nhánh, không có xe đâu mà sợ.

- OK!

Cô chủ cửa hàng nhà bạt quay ra nói với đám thợ lắp ráp đang đứng chờ bên dãy xe:

- Lắp ngay trên đường.

Nguyễn Nguyên Bảy càu nhàu với Huy Lạc:

- Đã nhất trí không lều liếc gì, sao cậu vẫn rắc rối?

- Nhưng cậu thấy trái ý "Tổng tư lệnh" là có lý chưa? Bây giờ không có nhà bạt, hàng trăm con người ở vào đâu lúc mưa, lúc nắng? Tôi đảm bảo với cậu tình hình này, có khi đến chiều chưa về được.

Hai người Hà Nội chưa kết thúc cuộc thi ai giỏi hơn ai, thì sáu nhà bạt loại lớn đã lắp xong. Mọi người mừng rỡ kéo nhau vào nhà bạt tránh nắng, rối rít khen tổng tư lệnh Nguyễn Nguyên Bảy biết nhìn xa trông rộng.

Một chiếc xe thùng vận tải nữa, từ ngoài đường lớn chạy vào đậu nối đuôi bốn chiếc xe của cửa hàng lều bạt. Gần chục nam, nữ nhân viên mặc đồng phục nhà hàng tiệc cưới nhảy xuống xe.

Nguyễn Nguyên Bảy:

- Lại thêm xe quái nào nữa?

Minh Dân:

- Nhìn thấy trước phải ăn chiều ở đây, nên con có nói với chú Huy Lạc để con kêu nhà hàng ở Phước Bình mang tiệc vào nấu. Coi như mình ăn dã ngoại, mừng tìm thấy hài cốt thân nhân các cựu chiến binh.

Nguyễn Nguyên Bảy:

- Vụ ăn uống, ngay từ đầu, tôi đã nói, đám con nhà Tuấn, Phương lo rồi, cậu không nghe hay cậu muốn cướp quyền tôi?

- Thưa! Con có nghe. Nhưng nhà chú Tuấn lo bữa trưa, còn con lo bữa chiều.

- Hừ! Thế thì cậu phải trao đổi với tôi, chứ sao lại trao đổi với ông Huy Lạc? Cậu làm trùm tập đoàn kinh tế lớn mà không biết điều tối thiểu, đám đông nào cũng chỉ có một người đứng đầu à?

Trong khi đó, đám thanh niên trai gái của cả bên "thắng cuộc" lẫn bên "thua cuộc" đã hòa làm một, theo lệnh Nguyễn Nguyên Bảy chạy túa đi khắp nơi, có đứa còn qua cả con suối cạn sang vạt rừng nguyên sinh bên kia suối, để tìm nghĩa trang và cái miếu theo lời cậu Lư. Cuối cùng đều lần lượt quay trở lại chỗ đậu xe, đứa nào cũng thở hổn hển:

- Chỉ toàn rừng cao su. Không thấy nghĩa trang nào.

- Chúng con hỏi mấy người chăm sóc cây, họ nói trong vòng bán kính mười kilômét, tính từ ngã ba ngoài kia, không hề có nghĩa trang.

- Miếu thờ càng không có.

- Không có nghĩa trang thì làm sao có miếu?

Hai nhà ngoại cảm không chuyên nghiệp Nguyễn Nguyên Bảy và Thanh Vân đầy phân vân.

Thanh Vân nói:

- Theo linh cảm của em, khu vực này âm khí khá nhiều và khá nhiễu, nên thầy Lư nói có nghĩa trang và miếu thờ là có lý.

Nguyễn Nguyên Bảy:

- Nhưng chúng ta đang đứng đúng chỗ ông ta chỉ, không chệch một mét.

Đang bế tắc thì Huy Lạc từ ngôi nhà tôn trong vườn cây cuối con đường mòn nhỏ, đi ra cùng với một người đàn ông và một phụ nữ, khoảng ngoài bốn chục tuổi, cùng mặc đồng phục bảo hộ lao động công nhân cao su. Từ xa, anh đã nói:

- Có Sơn thần, Thổ địa đây rồi.

Đưa hai người đến chỗ chúng tôi đứng cạnh chuồng bò, bên bờ suối cạn, anh nói:

- Đây là chú Thân và cô Dậu. Hai vợ chồng cùng làm bảo vệ rừng cho chủ trang trại. Ở đây có miếu và nghĩa trang hay không để họ nói.

Nguyễn Nguyên Bảy mừng rỡ, quên cuộc đua ai giỏi với Huy Lạc, hỏi người bảo vệ rừng:

- Miếu và nghĩa trang nằm ở đâu, chú em?

Người chồng nói:

- Chắc các ông, các bác nghe người ta chỉ lộn, chứ tụi tôi ở đây từ lúc có rừng cao su này, chưa bao giờ thấy nghĩa trang hay cái miếu nào. Đây toàn là đất mới khai hoang, không có dân làm sao có miếu và nghĩa trang.

Người vợ nói:

- Bên rừng cao su từ thời Tây có nghĩa trang, nhưng cách đây mấy chục cây số.

Tất cả cùng sững sờ.

Tôi nói với Danh Huyền:

- Cậu thử hỏi cậu Lư xem.

Rồi không chờ Huyền bấm máy, chính tôi dùng điện thoại của mình gọi cho cậu Lư:

- A lô!

- Chào bác!

Tôi nói:

- Xe dừng đúng chỗ cậu chỉ, nhưng người dân ở đây nói, khu này là rừng cao su mới trồng hai chục năm nay, chưa từng có nghĩa trang và miếu thờ vì không có dân ở.

Cậu Lư lặng đi cả chục giây, rồi nói:

- Khu vực đó, từ sáng đã khi mưa, khi nắng, thiên khí nhiễu nhòa, khó nhìn nhận, nhưng tôi nghĩ vong không nhầm… Hiện giờ, tình hình còn xấu hơn… Nếu thật chắc chắn, các bác cho tôi xin lỗi, để đón ngày thuận trời, tôi sẽ hẹn các bác sau.

Tôi như bị điểm đúng huyệt tắc thở, ngưng tim. Đám đông đứng quanh tôi, toàn những gương mặt từng trải, lõi đời, nghe lời cậu Lư qua phím khuếch âm, cùng lặng đi như bộ phim đang chiếu bị đứng hình.

"Tổng tư lệnh" Nguyễn Nguyên Bảy cố bình tĩnh, nhắc tôi:

- Ông nói với ông thầy, hiện chúng ta đang tập trung ở đây hàng trăm người. Giờ hoãn sang ngày khác, phải kéo nhau hơn hai trăm cây số như đoàn quân thất trận trở về, chỉ có khóc.

Tôi nói với mọi người:

- Tôi đã có kinh nghiệm với các nhà ngoại cảm. Những trường hợp bất thành này đều từ quan hệ với các vong, chứ chính họ cũng không muốn.

Tôi nhấn số điện thoại cho Tiến sĩ Bùi Tiến Quý ở Hà Nội. Rất may, chuông vừa reo, anh đã đáp ngay:

- Chào anh. Tình hình tốt chứ?

Tôi nói:

- Chúng tôi đang rơi vào tình trạng dở khóc, dở mếu, nên buộc phải cầu cứu anh, xem có cách nào tác động với cậu Lư. Hiện tại, chúng tôi hơn trăm người, từ Mỹ về, Hà Nội vào, miền Tây Nam Bộ, Sài Gòn lên, tập trung cả ở một rừng cao su trên Phước Long, thì cậu Lư từ Hà Nam gọi vào báo hoãn đến ngày khác.

Tiến sĩ Bùi Tiến Quý im lặng.

Tôi nói thêm:

- Tôi rất thông cảm những phát sinh từ thế giới tâm linh, mà các nhà ngoại cảm nhiều khi cũng không lường hết, nhưng bị rơi vào hoàn cảnh này đúng là sống dở, chết dở. Là người thông hiểu hơn chúng tôi trong lĩnh vực này, anh có thể trao đổi thêm với cậu Lư, tìm ra một lối thoát ngay trong ngày, có thể muộn đến tối cũng được, nhưng đừng để sang ngày khác.

Tiến sĩ Bùi Tiến Quý nói:

- Tôi sẽ nói chuyện ngay với cậu Lư. Anh em viện tôi cũng chọn vụ cậu Lư tìm hài cốt anh Danh Hùng và đồng ngũ làm đề tài giám định, nên chúng tôi cùng có trách nhiệm theo sát. Nhưng tôi biết chắc là khó. Tối hôm qua, khi nghe tôi hỏi về vụ này, cậu Lư lưỡng lự rồi nói, do trót hẹn đành theo, chứ có nhiều dấu hiệu không thuận. Tôi hiểu dấu hiệu này thuộc phía các vong. Các nhà ngoại cảm bị vướng với các vong đều rất khó gỡ.

Tôi nói:

- Có cần cầu cứu thêm nhà ngoại cảm khác? Tốn kém bao nhiêu, chúng tôi cũng chịu hết.

Im lặng một lúc, Tiến sĩ Bùi Tiến Quý nói:

- Tuy ở Hà Nội, nhưng tôi cũng hình dung đủ hoàn cảnh của các bác, các cô, các anh chị, trong ấy... Theo tôi, thông tin về sự trục trặc này, các anh đừng lộ ra vội, để tôi gặp cậu Lư xem. Cách phổ biến mà tôi biết là cậu ấy sẽ gọi hồn thêm lần nữa. Nếu hồn lên, kết quả thuận lợi, tôi sẽ báo các anh, coi như không có chuyện gì xảy ra. Nếu hồn không lên, đành chấp nhận vụ này thất bại… Gần hai chục năm nghiên cứu về thế giới tâm linh, riêng vụ tìm hài cốt bằng ngoại cảm, Việt Nam có khoảng hai chục nhà ngoại cảm xuất sắc, nhưng tổng kết lại, sự chính xác trong việc tìm mộ mất tích chỉ đúng bảy mươi phần trăm. Ba mươi phần trăm sai số, thuộc về chủ quan nhà ngoại cảm chỉ năm phần trăm, còn lại là lý do khách quan. Tôi rất không muốn sự sai số rơi vào trường hợp của mình, nhưng nếu không may, cũng mong các anh thông cảm.

Cúp máy với Tiến sĩ Bùi Tiến Quý, tôi thừ ra như người mất hồn. Đứng quanh vợ chồng tôi đang là Danh Huyền, bác Danh Quỳnh trai, Nguyễn Nguyên Bảy, Huy Lạc, Minh Dân, Dương Trọng Dật, Nguyễn Thị Hiền, những người mà từ điểm xuất phát Sài Gòn, suốt hành trình tới điểm đến là rừng cao su này, tự thấy mình có trách nhiệm trong chuyến đi và cũng muốn chia sẻ gánh nặng tổ chức, cùng chung nỗi lo với vợ chồng tôi. Trong khi đó, từ khi sáu nhà bạt được dựng suốt mặt đường trải từ đầu ngã ba đến dãy chuồng bò, đám đầu bếp và tiếp viên nhà hàng đặt các bếp ga, chế biến đồ ăn ngay trên bờ suối cạn, mùi thức ăn ngào ngạt trong gió, khiến không khí háo hức, bồi hồi, xen lẫn tò mò của buổi đi tìm hài cốt giảm bớt, nhường chỗ cho bầu không khí của bữa tiệc ngoài trời, không ai chú ý tình hình đang cực kỳ bi đát. Nếu có đôi người chú ý đến trục trặc thì cũng nghĩ chuyện đó đã có người lo rồi. Thực ra, lòng những người đang lo cùng chúng tôi đều như lửa đốt. Nếu như cuộc trao đổi giữa Tiến sĩ Bùi Tiến Quý ở Hà Nội và cậu Lư ở Hà Nam không thành, tức là hồn anh Danh Hùng không hiện, thì cuộc chơi giải tán, chắc chắn không ai nuốt nổi miếng cơm.

Nguyễn Nguyên Bảy, Huy Lạc và Minh Dân trở nên thân thiết với nhau từ lúc nào, thường xuyên đứng tụm ba, trao đổi, chốc chốc lại hỏi tôi:

- Có tin từ ông Bùi Tiến Quý hay thầy Lư chưa?

Bác Danh Quỳnh là người luôn lặng lẽ và điềm tĩnh, bỗng bước đến bên tôi:

- Chuyện tổ chức chuyến đi là của vợ chồng cháu và Danh Huyền. Giờ phát sinh trục trặc, bác nghĩ là không may. Nhưng cháu và Danh Huyền thử nghĩ lại từ đầu xem mình có sơ sót gì không? Theo kinh nghiệm của bác, những người làm nghề tâm linh đã thuộc loại có "thương hiệu" như thầy Lư, thường không mấy khi sai. Mà họ không sai, có khi mình sai.

Nguyễn Nguyên Bảy đứng gần đó, thêm vào:

- Bác nói có lý. Các ông, các bà trí thức, nghệ sĩ bây giờ hầu hết là tâm

linh tập sự, mới chuyển từ vô thần sang, cứ trục trặc một chút là nghi thầy, chứ không tiên trách kỷ, hậu trách nhân.

Vợ tôi nói:

- Vụ nhờ cậu Lư tìm hài cốt anh Khôi, thắp nhang, cầu khấn thế nào thì vụ này nhà em cũng thắp đủ, khấn đủ.

Danh Huyền bỗng chột dạ:

- Có chi tiết này… Hôm từ Hà Nam, gọi điện vào lần đầu, rồi lúc xuất phát ở nghĩa trang liệt sĩ Phước Long, thầy Lư đều nói, muốn gặp anh Danh Hùng phải tìm người tên Tư Bông…

Nguyễn Nguyên Bảy gắt gỏng:

- Trời ơi! Sao bây giờ bà mới nói?

Danh Huyền đưa mắt cho tôi. Tôi nói:

- Tư Bông là một con siêu lừa, nên tôi cho là cậu Lư đã có sự nhầm lẫn.

Vợ tôi kể tóm tắt vụ vì sao chúng tôi biết Tư Bông, rồi bị cô ta lừa ra Huế tìm hài cốt anh Khôi ở một ngôi mộ dỏm, đưa về nghĩa trang gia tộc ở Sóc Sơn. Mọi người nghe xong, cùng lặng đi, dường như đồng tình với việc tôi trái ý cậu Lư là có lý. Minh Dân hỏi:

- Tại sao chú không báo công an bỏ tù con siêu lừa này, vì để tự do, nó sẽ còn lừa không biết bao nhiêu người.

- Khi chuyện xảy ra, chúng tôi rất phẫn nộ, đã ra Hà Nội báo công an truy bắt cô ta, nhưng rất bất ngờ, cô ta lại ở cách nghĩa trang liệt sĩ Phước Long, có hơn một cây số, và từ vụ lừa của cô ta mới dẫn dắt đến việc tìm ra mộ anh Khôi, nên chúng tôi bỏ qua vụ tố cáo.

Nguyễn Nguyên Bảy hỏi.

- Ông đến nhà cô ta chưa?

- Đương nhiên đến rồi.

Huy Lạc nói:

- Thật khó tin là có quá nhiều sự trùng hợp ngẫu nhiên.

Nguyễn Nguyên Bảy:

- Bây giờ, là sự trùng hợp ngẫu nhiên hay có sự sắp xếp vô hình nào đó, thì trước mắt cứ theo định hướng của thầy. Đây có thể là chuyện cầu may, nhưng cứ đến nhà con siêu lừa này đã.

Nguyễn Nguyên Bảy, Huy Lạc, Minh Dân, Danh Huyền, Thanh Vân, Nguyễn Thị Hiền, cùng vợ chồng tôi trưng dụng chiếc Toyota bảy chỗ của Dương Trọng Dật, chạy ngược ra nhà Tư Bông ở xóm dân cư gần Quốc lộ. Lúc đi vào, do trời mưa, đường lạ, tưởng xa, nhưng khi trở ra, trời nắng, đường quen, hơn chục kilômét, chỉ chạy mười lăm phút. Đến dãy chuồng bò ngoài mặt đường, cổng nhà Tư Bông mở rộng, người lái xe cho xe chạy thẳng vào sân. Lũ chó trong sân thấy khách lạ, nhâu nhâu sủa ầm ĩ. Tư Bông đang đứng bên ngoài chuồng bò, thả cỏ vào máng. Thấy có khách, cô ta rời chuồng bò xuống sân, nét mặt đầy lo lắng. Chỉ khi nhận ra vợ chồng tôi, sự lo lắng từ cô mới bớt đi.

Vợ tôi nói với Tư Bông:

- Chúng tôi được thầy ngoại cảm chỉ chỗ chôn hài cốt người bà con ở nghĩa trang, gần một ngôi miếu, nằm bên bờ suối cạn tít trong kia. Nhưng khi vào đến suối cạn, không thấy nghĩa trang và ngôi miếu. Vợ chồng chú bảo vệ ở đó nói vùng này chưa bao giờ có nghĩa trang và ngôi miếu, nên chúng tôi phải quay ra hỏi cô.

Tư Bông thất sắc:

- Cô chú cũng biết sau vụ lừa cô chú ra Huế tìm hài cốt bác Khôi, rồi anh Năm Được bị vong quật chết, con đã bỏ nghề rồi.

Nguyễn Nguyên Bảy:

- Nghề thì cô bỏ, nhưng nghĩa trang và ngôi miếu nằm ở đâu, cô cũng biết chứ?

Tư Bông:

- Con xin nói thật, xóm này là dân kinh tế mới, từ đây trở ra, thì con rành, còn từ đây trở vào chỉ dân trồng cao su mới thông thuộc. Ở đây mấy chục năm, chưa bao giờ con vào đến suối cạn.

Minh Dân móc túi, dúi vào tay Tư Bông hai tờ năm trăm ngàn đồng:

- Đừng quanh co nữa. Bây giờ em lên xe đưa các bác, các anh vào nghĩa trang, anh sẽ thưởng thêm.

Tư Bông thả hai tờ tiền xuống bàn:

- Chú có thưởng mười tờ, con cũng không dám nhận. Sự thật, con chưa từng biết nghĩa trang ấy ở đâu. Nếu các bác, các cô chú muốn tìm, con đưa cô chú vào xóm những người làm cao su.

Tôi nói với Nguyễn Nguyên Bảy:

- Chắc cô ta nói thật.

Thanh Vân chợt lên tiếng:

- Nhưng thầy Lư không nói sai. Bây giờ, mọi người ra ngoài hết, để mình em nói chuyện với cô ta.

Nguyễn Nguyên Bảy nói nhỏ:

- Anh cũng cho là con quái này đang làm giá để đòi thêm tiền. Em cứ thẳng thừng ngã giá với nó… Thà giá nào mình cũng theo còn hơn tay trắng về không.

Chúng tôi đưa mắt cho nhau, cùng bỏ ra sân, để một mình Thanh Vân ở lại bên bàn nước với Tư Bông.

Người ra cổng đầu tiên là Nguyễn Thị Hiền. Đúng lúc đó, một bà già tuổi ngoài bảy mươi đạp chiếc xe đạp cà tàng, tay cầm một xấp vé số, thấy trong nhà có khách, từ ngoài đường rẽ vào. Hai bên trao đổi, bà già chào khách mua vé số, còn Nguyễn Thị Hiền đồng ý mua. Sau đó là trò chuyện, hỏi thăm. Chúng tôi cùng đứng trong sân, không ai để ý. Bỗng Nguyễn Thị Hiền reo lên:

- Mọi người ơi! Bà cụ này nói ở trong xóm dân cao su cũng có một Tư Bông khác.

Chúng tôi cùng ùa hết ra cổng.

Nguyễn Thị Hiền kể:

- Lúc tôi mua vé số, bà cụ hỏi: “Các bác chắc từ thành phố lên?”. Tôi nói: “Chúng tôi lên đây tìm hài cốt người bạn ở nghĩa trang trong rừng cao su, nhưng vào trong đó, không tìm thấy nghĩa trang, nên quay ra tìm

cô Tư Bông để hỏi thăm". Bà ấy nói: "Nghĩa trang trong rừng cao su, mà hỏi con nhỏ dân kinh tế mới này làm sao nó biết". Tôi nói: "Nhưng có người mách Tư Bông này biết". Bà ấy bảo: "Trong khu dân cao su có ông Tư Bông 'máy xúc', có khi là ông ấy".

Nguyễn Nguyên Bảy vội hỏi bà già:

- Ông ấy độ bao nhiêu tuổi?

- Cỡ tuổi tôi. Hồi trước, ông ấy làm máy xúc, đã nghỉ hưu trên dưới chục năm, nhưng nói Tư Bông máy xúc, ai cũng biết.

Nguyễn Nguyên Bảy chau mày, rồi quyết đoán:

- Có thể Tư Bông mà thầy Lư nói chính là ông này.

Anh nói với bà bán vé số:

- Bây giờ, tụi tôi mời bác lên xe, để bác dẫn vào trong xóm dân cao su, chỉ nhà ông Tư Bông, rồi xe lại đưa bác về đây.

Bà già nói:

- Giúp các bác, tôi đi cũng được, nhưng không cần đâu. Các bác cứ chạy vào thẳng đường, đến khúc rẽ vào khu dân cao su, hỏi nhà ông Tư Bông "máy xúc" ở đâu, là có người chỉ.

Minh Dân:

- Nếu đúng người tụi con cần tìm, thì má đúng là cứu tinh của bọn con. Bây giờ, biếu má chút quà trả ơn là xúc phạm má quá, nên con sẽ mua hết xấp vé số này, để hôm nay má về nhà nghỉ sớm cho khỏe.

Anh cầm luôn xấp vé số từ tay bà già, rồi dúi vào chiếc túi bà đeo bên vai hai tờ năm trăm ngàn đồng:

- Thế là xong rồi nghe má.

Bà già gỡ chiếc túi ra khỏi vai:

- Để tôi phải đếm coi bao nhiêu tiền. Hễ nhiều là tôi trả lại. Tôi làm nhiều, ăn nhiều, làm ít ăn ít chứ nhất nhất không lấy không của ai.

Minh Dân thân mật khoác vai bà già:

- Má ơi! Má không xin, mà con cũng không cho. Đây là con biếu má mà.

- Nếu chú nói vậy, thì tôi lên xe đưa các bác, các chú vào tận nhà ông Tư Bông, để không ai nợ ai.

Chỉ mười phút sau, xe chúng tôi đã rẽ vào khu dân cao su, đậu trước cánh cổng kiểu rào gỗ, chỉ cao cỡ hơn một mét.

Bà bán vé số đứng ngoài đường gọi với vào:

- Ông Tư à! Có khách từ thành phố lên đây tìm Tư Bông, có phải là ông không?

Từ cửa ngôi nhà một tầng, lợp tôn cũ kỹ, cách cổng chừng ba chục mét, một ông già khăn đóng, áo dài đen, vóc dáng còn nhanh nhẹn, đứng ngóng ra ngoài đường, nhận diện khách, rồi mới đi ra cổng.

Bà bán vé số hỏi:

- Ông đang định đi đâu?

Ông Tư Bông mở rộng cổng, vừa nói:

- Đêm qua, có ông thần báo mộng, hôm nay nhà có khách. Đám con cháu thấy tôi áo quần chỉnh tề, chờ suốt từ sáng, chúng nó còn giễu tôi hoang đường, mê tín… Chờ đến hơn hai giờ, tôi bắt đầu nghĩ: Hay mình hoang đường thật… Hóa ra thần báo đúng.

Ông niềm nở với chúng tôi:

- Mời các quý vị.

Rồi ông đưa chúng tôi vào nhà.

Nhà ông Tư thuộc loại nhà gạch ba gian, mái tôn, khá rộng, được xây hàng loạt, mỗi nhà cách nhau khoảng năm mươi mét, trên diện tích quy vuông chừng hai trăm mét vuông, theo quy hoạch của nông trường. Phía trước mỗi nhà ra đến cổng là khoảng đất trống, có nhà dùng làm sân, có nhà để làm vườn, có nhà thì trồng rau.

Gian giữa nhà ông Tư, dùng để đặt bàn thờ, phía trước là bộ xa lông gỗ gụ, mặt bàn lót kính. Nhìn giá trị bàn thờ, bộ xa lông và đèn quạt trong phòng, biết ông thuộc dạng có kinh tế ổn định.

Bước vào nhà, Nguyễn Nguyên Bảy và Thanh Vân vừa thấy bàn thờ, đã chắp tay vái. Rồi Thanh Vân nói với ông Tư:

- Con xin phép được thắp nhang.

Ông Tư Bông:

- Cô để tôi thắp nhang cảm ơn thần báo mộng, rồi ông và cô hãy thắp.

Ông ta lấy nhang châm lửa. Tất cả chúng tôi đều rút nhang theo ông, Nguyễn Nguyên Bảy và Thanh Vân, rồi cùng hướng về bàn thờ.

Do xa lông không đủ chỗ ngồi, ông Tư Bông phải sang phòng bên, có lẽ là phòng ngủ, lấy đủ ghế để mời khách:

- Mời các quý vị. Để tôi lấy nước. Ở trên này chỉ có nước lá vối.

Nguyễn Nguyên Bảy, vừa ngồi xuống chiếc ghế đối diện với ông Tư, đã nói:

- Xin phép ông cho tôi được vào chuyện ngay. Sáng nay, đoàn chúng tôi hơn trăm người đã vào đến ngã ba đụng với con suối cạn. Nói thẳng ra là chúng tôi được một nhà ngoại cảm đang ở ngoài Hà Nam chỉ vào tìm hài cốt của năm người lính Việt Nam Cộng hòa, tử trận từ hồi trước giải phóng, được chôn ở đây. Nhà ngoại cảm nói ở chỗ gặp suối cạn sẽ có ngôi miếu và một nghĩa trang, nhưng vào đến nơi, chúng tôi tìm không thấy. May sao có bà già bán vé số chỉ đến ông. Liệu ông có thể giúp chúng tôi.

Chúng tôi cùng hồi hộp hướng vào Tư Bông, chỉ sợ ông ta nói không biết.

Ông Tư Bông trịnh trọng:

- Thưa quý vị! Vụ này, tôi biết… Từ năm 1982, khi hài cốt năm người lính Việt Nam Cộng hòa được đội tìm kiếm hài cốt Tỉnh đội Phước Long đưa về nghĩa trang, chuyện này công khai, ai cũng biết, nhưng không ai nhang khói cho họ, nên thanh minh năm nào, cha tôi và tôi vẫn thắp nhang cầu thần linh chỉ dẫn cho thân nhân của họ đến tìm.

Nguyễn Nguyên Bảy:

- Ở khu chúng tôi vừa vào?

- Thưa, chính chỗ đó. Nghĩa trang là tên gọi từ xưa. Hơn hai chục năm nay, nó đã thành rừng cao su, chỉ người già ở đây mới nhớ, nhưng cái

miếu vẫn còn.

Huy Lạc:

- Chúng tôi không thấy cái miếu nào.

Nguyễn Nguyên Bảy càu nhàu:

- Cậu đừng có ngắt lời. Cứ để bác ấy kể tiếp.

Ông Tư Bông:

- Cái miếu ấy, tôi cam đoan vẫn còn. Trước giải phóng, từ cái miếu trở vào toàn vùng núi đất, là đồn điền cao su của các chủ người Pháp. Còn từ miếu trở ra đến quốc lộ, trước là rừng tự nhiên, sau là đất hoang để ngăn hoạt động du kích Việt Minh xâm nhập vào các thị trấn, thị xã. Sang thời Việt Nam Cộng hòa vùng này tiếp tục bỏ hoang. Quân Mỹ còn rải chất độc phát quang, để ngăn hoạt động của quân Giải phóng. Hoàn cảnh như vậy, nên từ những năm 1930, 1940, phu đồn điền chết đều chôn ở chỗ ngã ba suối cạn, lâu năm thành nghĩa địa. Có nghĩa địa, dù là nghĩa địa tế bần, vẫn phải có miếu thờ là như vậy. Đến năm miền Nam giải phóng, Nhà nước lập nông trường, cũng chỉ trồng và khai thác từ nghĩa trang trở vào, như hồi Pháp thuộc. Từ năm 1990, có chủ trương cho tư nhân thuê đất mở rộng diện tích trồng cao su nên vùng đất từ nghĩa trang ra Quốc lộ mới được khai phá. Tôi trước là thợ cạo mủ, sau được đi học lái máy xúc. Toàn bộ vùng này do đội cơ giới hơn hai chục chiếc máy ủi, máy xúc của chúng tôi ngày đêm san bằng. Cái nghĩa trang bỏ hoang ấy, trước khi san lấp, ông chủ cũng cho cúng khấn ở miếu xin phép Thổ công, Thổ địa. Nhưng lúc khai quật, do chôn quá lâu ngày, quan tài toàn bằng gỗ tạp nên cả xương cũng biến thành đất, thế là san bằng hết. Riêng hài cốt năm anh em lính Việt Nam Cộng hòa đựng trong tiểu sành, mới chôn năm 1982, tôi và mấy anh em đội máy xúc xin được di đi chỗ khác. Xin cũng phải xin lén, chuyển cũng phải chuyển lén vì năm đó, dính vào lính chế độ cũ, chính quyền vẫn chưa thông cảm.

Nguyễn Nguyên Bảy:

- Khoan đã. Đào được tiểu rồi, các bác có mở nắp?

- Nói thật, vì tò mò và muốn biết bên trong có gì, chúng tôi cũng mở nắp một chiếc.

Danh Huyền:

- Tình trạng hài cốt thế nào?

- Không còn nhiều. Tất cả đều được bọc trong tấm ni lông xanh bạc màu, nặng chừng vài kilogam. Dây buộc ngoài là dây dù như thể gói bánh chưng. Đất đổ từ đáy lên chừng nửa tiểu, rồi đặt bọc hài cốt lên trên. Chính tay tôi gỡ dây cái bọc ra. Xương nâu đen có lẫn đất, có miếng vẫn còn hình dáng. Tôi lại buộc dây như cũ. À! Xin lỗi! Lồng vào sợi dây buộc là sợi dây chuyền đeo hai tấm thẻ bài đã xỉn gỉ, nhưng lau sạch thì rõ ra là bằng thép inox. Có khắc họ tên và nhiều chữ số…

Danh Huyền sốt sột:

- Bác có nhớ tên gì?

- Tôi chỉ biết vậy, chứ không chú ý ghi nhận, mà có ghi nhận cũng lâu rồi, làm sao nhớ. Tối về, tôi kể với ông già. Ba tôi nói: “Không biết thì không có tội. Giờ biết rồi mà bỏ người ta không chốn nương thân, sau này, mình chết, xuống cõi âm, ông trời cũng bắt mình như người ta. Bây giờ mình mày không lo được thì đưa tao vào đấy, tao tính… Họ là lính Việt Nam Cộng hòa, được là vua, thua là giặc, nhưng cũng toàn người Việt mình”. Tôi chạy xe gắn máy chở ông vào khu nghĩa trang. Ông thắp nhang, khấn ở miếu một hồi, rồi đi hai trăm bước, dọc bờ suối cạn vào bên trong, lúc dừng bước, cạnh gò đất lùm cao như nấm mộ, ông nói: “Chỗ này được rồi”. Nhưng khi kiểm tra kỹ mới biết ông đang đứng trúng ổ mối hoang lớn, đất rắn như đá. Tôi nói: “Chỗ này ngay bờ suối, cạnh đường đi, đất lại rắn, mình phải chôn những năm cái tiểu…”. Ba tôi nói: “Ngay bờ suối, cạnh đường đi, thì gia đình người ta mới dễ tìm. Còn đất rắn, mày không biết xịt nước cho mềm ra à?”. Tối hôm đó, nghe lời ông già, tôi huy động hơn chục đứa anh em, con cháu, vào khu nghĩa trang, di táng năm chiếc tiểu hài cốt năm người lính Việt Nam Cộng hòa vào đúng chỗ ba tôi chỉ.

Nghe đến đây, tất cả chúng tôi cùng thở phào.

Nguyễn Nguyên Bảy:

- Trước hết, chúng tôi vô cùng cảm ơn bác và gia đình. Bây giờ chúng tôi đưa bác vào khu nghĩa trang, bác có nhận ra chỗ an táng năm hài cốt những người lính Việt Nam Cộng hòa?

- Làm sao tôi lại không nhận ra nơi chính tay tôi chôn?

Minh Dân:

- Nếu ông thân sinh ra bác còn sống, con xin được lạy tạ ơn ông.

Ông Tư Bông:

- Tôi nói, xin quý vị đừng kêu tôi mê tín dị đoan. Ông già tôi bị bệnh thấp khớp di chứng vào tim, đi đủ thứ thầy thuốc Đông y, Tây y, ai cũng nói ổng không sống quá sáu mươi lăm tuổi, nhưng cuối cùng một trăm lẻ hai tuổi, ổng mới đi, mà đi rất nhẹ nhàng. Ai biết chuyện cũng nói là nhờ vụ ổng chu đáo với người đã khuất. Còn nhà tôi, từ vụ đó, kinh tế trở nên khá giả, con cái đứa nào cũng làm ăn thuận lợi. Trong khi mấy người can dự vào vụ phá nghĩa trang để trồng rừng cao su thì số phận đều không ra gì.

Tin chắc vụ tìm được hài cốt anh Danh Hùng trúng trăm phần trăm, tôi đi ra sân, định bấm điện thoại gọi cho Tiến sĩ Bùi Tiến Quý, thì điện thoại di động của tôi reo. Thật bất ngờ - chính là Tiến sĩ Bùi Tiến Quý.

- Trời! Tôi đang định gọi cho anh.

- Xin lỗi! Đoàn các anh đã rời Phước Long về Thành phố Hồ Chí Minh chưa?

- Đúng ra, chúng tôi về rồi. Nhưng khi ngồi kiểm lại toàn bộ quá trình lên Phước Long theo định hướng của cậu Lư, chúng tôi thấy sót một chi tiết. Khi cậu ấy bảo muốn gặp anh Danh Hùng, phải tìm một người tên Tư Bông, chúng tôi đã không nghe theo. Giờ tìm được người đó, và chính ông ta đã an táng hài cốt anh Danh Hùng và bốn đồng ngũ. Ngay bây giờ, ông ta sẽ đưa chúng tôi đến chỗ đó.

Tiến sĩ Bùi Tiến Quý hơi lặng đi, rồi nói:

- Cậu Lư cũng vừa gọi điện cho tôi, nói thiên khí trên Phước Long đang thoáng rồi, nhờ tôi báo các anh đừng về vội. Sau khi nghe anh kể về tình hình trên Phước Long, tôi có gọi cho cậu Lư. Cậu ấy nói: "Tình hình trên đó rất phức tạp. Nghĩa trang và ngôi miếu trên đó bị nhiễu vong từ nhiều năm, họ muốn phá không cho bác Danh Hùng về…". Lẽ nào, ở trong đó các anh gặp được người tên Tư Bông thì việc cậu Lư gọi hồn anh Danh Hùng cũng thoáng ra?

Rồi ông Quý nói thêm:

- Vụ này, đối với tôi cũng có những bất ngờ, nên có gì mới, anh nhớ liên lạc ngay với tôi.

Tôi cúp máy với Tiến sĩ Bùi Tiến Quý cũng là lúc ông Tư Bông cùng cả hội khách từ trong nhà đi ra. Tất cả lên xe, rời khu xóm công nhân cao su, ra đường lớn rẽ trái đi về ngã ba suối cạn. Quãng đường chừng bảy kilômét. Lúc này đã hơn ba giờ chiều, trời giữa mưa và nắng không còn gay gắt, nên đội quân hơn trăm người đứng ngồi trong và ngoài những nhà bạt thanh thản, ung dung như đang trong cuộc cắm trại dã ngoại, không ai biết mà cũng không mấy ai quan tâm đến việc mấy người cầm đầu chúng tôi vừa trải qua một hành trình cân não thế nào.

Chiếc Toyota bảy chỗ ngồi dừng ở đầu ngã ba. Chúng tôi buộc phải xuống xe vì dãy nhà bạt được dựng suốt mặt đường lối rẽ phải.

Ông Tư Bông, đứng chống nạnh, nheo mắt nhìn bao quát xung quanh:

- Tôi là dân cả đời sống ở đây, nhưng chỉ vài tháng không đi là thay đổi không nhận ra.

Nguyễn Nguyên Bảy:

- Nhưng nghĩa trang và cái miếu, ông vẫn nhớ chứ?

Ông Tư Bông giải thích:

- Lúc ở nhà, tôi đã nói rồi. Toàn bộ mấy héc-ta rừng cao su bên phải đường này trước đây là nghĩa trang, chỉ những người dân cao su thế hệ tôi mới nhớ, chứ lứa bốn chục tuổi trở xuống, đâu có biết. Còn cái miếu

cũng ở ngay đây thôi.

Ông Tư Bông dẹp đi những bỡ ngỡ ban đầu, nhập lại với những hình ảnh của quá khứ, đi thẳng đến bờ suối cạn, rẽ phải, theo dọc dãy nhà bạt, vừa đi vừa nói:

- Đường thì mở rộng ra. Rừng cao su đẹp hơn. Nhưng suối cạn vẫn vậy, nên có thay đổi thì với những người cũ chúng tôi cũng không lạ.

Đi quá chỗ chuồng bò chừng hai mươi mét, ông bỗng sững lại, ngơ ngác:

- Ủa! Cái miếu đâu rồi?

Nhìn quanh quẩn một lúc, ông nói:

- Cái miếu lẽ ra ở chỗ này.

Huy Lạc:

- Liệu có bị phá mất?

- Đố đứa nào dám phá miếu.

Rồi ông xem kỹ vùng đất mà ông nghĩ của cái miếu:

- Nếu bị phá, vẫn phải còn cái móng. Không lẽ Thổ công, Thổ địa hay ma quỷ làm nó biến mất?

Đúng lúc đó, anh nhân viên bảo vệ từ ngôi nhà tôn đi đến:

- Con chào ông Tư.

- Ủa! Mày làm gì ở đây?

- Con làm bảo vệ ở đây suốt từ hồi tụi thằng So nói rừng cao su có ma, không dám ở, ông Tư quên rồi à?

- Thằng So nghỉ cũng gần hai chục năm. Sao mày ở được lâu vậy?

- Có thờ có thiêng, có kiêng, có lành. Vợ chồng con chưa bao giờ thấy một bóng ma.

- Thế cái miếu thờ ở chính chỗ này, sao giờ, tao không thấy?

- Ông Tư nhớ nhầm cái miếu ở đâu, chứ từ hồi con ở đây, chưa thấy cái miếu nào, nên con phải đi mua một cái miếu thờ nhỏ đặt gần bàn thiên ở trước căn nhà bảo vệ.

Ông Tư Bông hơi ngẩn ra, rồi quả quyết:

- Tao tin chắc ở đây có cái miếu.

Rồi ông thanh minh với chúng tôi:

- Tôi tính sẽ thắp nhang cầu khấn thần linh phù hộ ở miếu, rồi ra chỗ an táng hài cốt. Nhưng giờ thì vụ cái miếu tính sau, mình ra chỗ hài cốt thắp nhang rồi khai quật luôn.

Ông nói với gã bảo vệ:

- Mày điện thoại cho đứa nào ở gần, chở dụng cụ tới, giúp các quý vị ở đây khai quật mấy ngôi mộ.

Ông Tư Bông xăm xăm đi trước. Bọn tôi hồi hộp và lặng lẽ đi theo. Nhiều người lúc đầu không chú ý, nay bắt đầu quan tâm, thành hai, ba chục người bám theo Tư Bông.

Điện thoại của tôi bỗng reo. Tôi cầm máy, nhận ra người gọi chính là cậu Lư.

- Ồ! Xin chào. Trước hết, tôi xin lỗi có sự hiểu lầm về người tên Tư Bông mà cậu nhắc hôm gọi hồn anh Danh Hùng.

Cậu Lư nói:

- Không có gì đâu, thầy Quý vừa nói các bác vẫn ở nghĩa trang trong rừng cao su Phước Long?

Tôi nói:

- Hiện giờ ông Tư Bông đang dẫn chúng tôi đến chỗ chôn hài cốt anh Danh Hùng do chính tay ông ấy chôn.

- Thế thì tốt rồi. Nếu có chuyện gì trục trặc, bác cứ gọi điện thoại cho tôi.

- Thực ra, hiện tại chưa hẳn thuận lợi. Do địa hình, địa vật thay đổi quá nhiều so với hồi chôn hài cốt, nên ông Tư Bông cũng có những lúng túng nhất định. Ví dụ, khu nghĩa trang nay đã thành rừng cao su, rồi cái miếu làm mốc để đánh dấu chỗ chôn nay không còn.

Cậu Lư nói:

- Nghĩa trang bị san bằng nhưng không hề được bốc hài cốt, nói không còn, thực ra là còn. Cái miếu người ta đã phá đi để làm chuồng

bò. Bác đã thấy chuồng bò ở trên bờ suối cạn, ngay cạnh con đường đất đỏ? Miếu tuy mất nhưng nền vẫn còn.

Tôi sững sờ:

- Ở ngoài đó, chính cậu thấy, hay hồn anh Danh Hùng thấy?

- Tôi vẫn chỉ người trần mắt thịt thôi mà bác. Ông Tư Bông nhớ đúng chỗ chôn hài cốt thì thôi… Nếu ông ấy nhớ không đúng, nhờ bác nhắc, từ cạnh ngang nền ngôi miếu, đi dọc bờ suối vào bên trong ba trăm bước, trên có cây sung, đào sâu xuống ba mươi phân là đến nắp tiểu.

Tôi chữa lại:

- Ông Tư Bông nói từ cái miếu đến chỗ chôn hài cốt hai trăm bước chân. Bên trên có trồng khóm tre.

- Bác cứ để ông Tư Bông theo ý ông ấy, lúc nào trục trặc, bác nói ý tôi cũng được.

Cúp máy với cậu Lư, tôi đi nhanh để theo kịp Tư Bông.

- Bác Tư này! Nhà ngoại cảm vừa nói với tôi, nền chuồng bò ta vừa đi qua, chính là nền cũ của cái miếu.

Ông Tư Bông hơi ngẩn ra, rồi xăm xăm đi trở lại chuồng bò. Tiện trong tay có cây xẻng nhỏ, ông đâm mấy nhát xuống góc nền chuồng bò. Góc nền được tô bằng lớp hồ non vỡ ra, lộ bên dưới là mặt của loại gạch cổ mà ngày nay không còn.

Nguyễn Nguyên Bảy hỏi:

- Có đúng nền miếu?

Ông Tư Bông ngơ ngẩn:

- Ông thầy ngồi tận ngoài Bắc, làm sao biết cái nền miếu có từ những năm 1930, lại nằm dưới chuồng bò?

Nguyễn Nguyên Bảy:

- Rồi. Chuyện này xét sau, để nhường cho việc tìm đúng nơi chôn hài cốt.

Ông Tư Bông vẫn bần thần:

- Nếu ông thầy ở đây, tôi phải vái sống ông ấy.

Rồi ông nói tiếp:

- Tìm trúng cái nền miếu thì chỗ chôn hài cốt dễ rồi.

Dứt lời, ông sải bước, vừa đi vừa đếm. Một số người trong chúng tôi cũng vừa đi vừa đếm theo.

Đúng hai trăm bước, ông Tư Bông dừng trước một bãi tre gai dài rộng như rừng bao suốt dọc bờ suối cạn:

- Chỗ này, chính tôi đã trồng khóm tre, bây giờ nó thành cả bãi thế này.

Minh Dân nói:

- Bứng cả bãi tre khủng này, phải kêu máy xúc.

Huy Lạc:

- Làm cả đêm chưa chắc đã xong.

Nguyễn Nguyên Bảy:

- Biết chắc hài cốt ở đây rồi thì ba ngày cũng ở.

Ông Tư Bông bỗng thiếu tự tin, nói với tôi:

- Từ một khóm tre, giờ thành rừng ở chỗ khác là tự nhiên, nhưng ở đây, nhỡ nó là tre ma thì sao? Hay bác thử hỏi thầy ngoại cảm xem ý thầy thế nào?

Tôi nói:

- Thực ra ông thầy bảo, từ nền miếu đi vào trong ba trăm bước, trên bờ suối cạn có một cây sung, mới là chỗ chôn hài cốt.

Ông Tư Bông nói:

- Vô lý. Vô lý. Hai trăm bước chân là ý ông già tôi, chứ không phải ý tôi. Với lại hai trăm bước với ba trăm bước cách nhau rất xa… Tôi không nghĩ mình nhớ sai… Nhưng bãi tre này có dọn cũng phải để mai mới kêu được máy xúc. Ông thầy này rõ ràng là thiêng, nên cứ thử theo thầy trước đã.

Ông chủ động vừa đi vừa đếm bước chân, đến đúng chỗ cây sung thì dừng lại:

- Ba trăm bước là chỗ này.

Nhiều người đi theo cùng nói:

- Đúng ba trăm bước.

- Đúng chỗ cây sung.

Một số người nhìn cây sung đường kính thân chừng hai mươi centimét:

- Cây sung non này không thể cùng thời gian chôn hài cốt.

- Nhiều nhất là mười năm tuổi.

Tôi bảo:

- Cậu Lư nói chỉ đào sâu ba mươi phân là thấy nắp tiểu.

Ông Tư Bông nhìn đám cỏ tranh và cây dại rậm rì từ gốc sung lan khắp bờ suối cạn, nói với đám thanh niên trong xóm đi theo ông:

- Mỗi đứa cùng tao thắp một cây nhang, xin phép thần linh và hương hồn năm ông ở đây, rồi hãy phát quang, đào đất.

Lúc này, cả đoàn đã biết việc khai quật, kéo hết đến chỗ cây sung, đứng vòng trong, vòng ngoài. Nhiều người cũng chắp cây nhang đang cháy giữa hai bàn tay, nhưng nhiều người làm dấu thánh của đạo Thiên Chúa. Một số người thì quỳ phục, ngửa mặt lên trời cầu Thánh Allah. Lúc này tôi mới nhận ra chỉ hơn trăm thân nhân của năm người lính Việt Nam Cộng hòa, đã theo năm dòng đạo. Đương nhiên mỗi dòng đều chỉ tôn thờ một "Thượng đế" của mình. Tôi rất muốn gọi điện thoại hỏi Tiến sĩ Bùi Tiến Quý hoặc cậu Lư, về phát sinh bất ngờ này, có khiến việc gọi hồn không thuận? Nhưng thấy không kịp, nên tôi ghé tai nhà ngoại cảm không chuyên, kiêm "Tổng tư lệnh" Nguyễn Nguyên Bảy:

- Liệu mỗi người cầu một "Thượng đế" thế kia, có dẫn đến sai lạc?

Nguyễn Nguyên Bảy:

- Ông không tin thầy Lư à?

- Không phải không tin, mà vụ tìm hài cốt này, tôi thật sự ú ớ… như lâm vào ma trận.

- Tại vì ông chuyện gì cũng cứ phải giải thích chứng minh rồi mới tin, chứ tôi quá quen với việc nhìn nhận từ niềm tin. Cũng giống như quanh

chúng ta, mỗi người một Thượng đế, nhưng mỗi bộ hài cốt được tìm thấy chỉ có của một gia đình, thì họ theo đạo nào cũng có sao đâu. Ở đây có năm bộ hài cốt, người trực tiếp chôn chỉ một nơi, còn ông thầy ngồi ở tận Hà Nam lại chỉ nơi khác. Nhưng trước khi có đáp số, mình nên tin ai? Nhiều người sẽ tin ông Tư Bông vì ông ấy có đủ bằng chứng không thể chối cãi. Còn tôi và nhiều người khác lại tin thầy Lư, chỉ đơn giản ông ấy là thầy có tín nhiệm.

Đám thanh niên trong xóm nhà ông Tư Bông ào ào, cắt chặt đám cây cỏ dại, trong chốc lát đã phát quang diện tích chừng ba chục mét vuông từ cây sung xuống hết bờ suối cạn, rồi dùng cuốc, thuổng xắn xuống đất. Phần trên chừng nửa gang tay nhờ trận mưa đất mềm, có chỗ còn nhão, dễ đào, nhưng xuống sâu hơn, lớp đất đỏ ba-dan bắt đầu rắn như đá.

Người trong đoàn bắt đầu hồi hộp.

Ông Tư Bông lẩm bẩm:

- Tôi ngờ ông thầy sai.

Nguyễn Nguyên Bảy hỏi:

- Sao bác lại không tin mình nhớ đúng?

- Vì ông thầy đã nói đúng cái nền miếu, còn tôi đã từng thấy cái miếu mà lại không biết nó ở đâu… Nhưng giờ, tôi tin chắc năm bộ hài cốt ở bãi tre.

Rồi ông nói với đám thanh niên:

- Ông thầy bảo chỉ đào ba mươi centimét, thì đào trước một hố nhỏ, quá ba mươi centimét một chút, không thấy thì về bãi tre cho đỡ mất công.

Đám thanh niên thấy có lý, liền chỉ để hai người dùng thuổng, xà beng đào trước một hố tròn đường kính chừng bốn mươi centimét. Để đất mềm, một cậu còn múc nước ở vũng đọng dưới suối đổ vào.

Bỗng từ đáy hố phát ra tiếng "cạch", do lưỡi thuổng xấn vào một vật rắn. Ông Tư Bông reo:

- Hình như đụng nắp tiểu.

Hai tay camera của Minh Dân vội lao đến, hết quay toàn cảnh lại cận cảnh vào đám đông đang vây quanh khu vực khai quật.

Miệng hố được cả đám thanh niên tập trung nhanh chóng khui rộng ra. Năm nắp tiểu sành, nắp nọ cách nắp kia cách nhau ba mươi centimét đúng như cậu Lư nói.

Ông Tư Bông run rẩy:

- Chắc chắn tôi không chôn dày thế này.

Nhưng rồi, ông như bị hút xuống chỗ năm chiếc tiểu. Những thân nhân của bốn người lính Việt Nam Cộng hòa, từ hồi hộp căng thẳng chuyển sang òa khóc, gào thét. Một số người giằng lấy xà beng và thuổng của đám thanh niên, tự cậy nắp tiểu người nhà mình. Có nắp chỉ bẩy nhẹ, bật ra ngay, nhưng cũng có nắp phải mất công… Cuối cùng, các nắp tiểu được mở ra hết. Những gói ni lông bọc hài cốt vẫn còn nguyên hình dáng lúc bọc, nhưng đều bị nuốt vào số đất đổ vào nửa thể tích tiểu, đụng mạnh để nhấc lên là đất mủn ra. Rất may trên các gói ni lông đều buộc sợi dây chuyền lồng theo hai tấm thẻ bài màu nâu xỉn. Cầm tấm thẻ bài lên, kéo theo cả sợi dây dù buộc gói hài cốt, khiến nó có chiều hướng bung ra, nên những người đang xúc động vội vàng phải chùng tay lại.

Ở trên bờ nhiều người nhắc:

- Gỡ thẻ bài nhè nhẹ không bung hết hài cốt.

- May quá, vẫn còn nguyên thẻ bài. Lau sạch đi để biết hài cốt nào của ai?

Phạm Phú Minh Dân nhảy từ trên bờ xuống, đón miếng thẻ bài từ tay một thanh niên vừa gỡ ở một gói hài cốt trong chiếc tiểu ở giữa, lau vào quần, rồi đọc lớn:

- Nguyễn Danh Hùng! Ông nội ơi! Con trai nội đây rồi.

Bác Danh Quỳnh đã bủn rủn từ lúc nhìn thấy nắp tiểu lộ ra, vừa nghe Minh Dân nói, lập tức bất tỉnh. May bác Quỳnh gái và cô Hoàn Trân như đoán trước việc sẽ xảy ra, đứng hai bên đỡ kịp, khiến ông chỉ khuỵu

xuống chứ không ngã lăn xuống đống đất vừa được hắt lên.

Huy Lạc và Nguyễn Nguyên Bảy lao đến khiêng bác Quỳnh ra đường.

- Lái xe đâu? - Nguyễn Nguyên Bảy la lớn. - Đưa bác ấy đi bệnh viện nào gần nhất.

Người lái xe của Lạc nhanh nhảu chạy tới:

- Để mình em đỡ bác ấy được rồi.

Huy Lạc hét xuống chỗ Danh Huyền đang đứng bên chiếc tiểu đựng hài cốt Danh Hùng:

- Danh Huyền! Để anh Danh Hùng đấy anh lo. Em lên đưa bố đi bệnh viện. Nhớ nói với giám đốc bệnh viện, đây là bậc lão thành cách mạng, anh hùng lực lượng vũ trang thời chống Mỹ.

Không rõ do cơn đột quỵ chỉ thoáng qua, hay liều thuốc "nổ" của Lạc vượt quá sức từng trải của nhà tình báo, khiến bác Quỳnh tỉnh táo lại, mở mắt, xua tay:

- Không cần phải đi bệnh viện đâu. Tôi chỉ nằm một lúc là hết thôi.

Nhờ mỗi bộ hài cốt đều buộc theo dây chuyền có hai tấm thẻ bài bằng thép không gỉ, khắc tên, đơn vị, quê quán, nhóm máu mà cả năm gia đình đều nhanh chóng nhận đúng hài cốt người thân của mình, nhưng dù rất ý thức nhẹ tay, nâng niu, tất cả xương đều vụn lẫn một màu nâu đen với đất. Từ năm 1970 đến năm 2016, những bốn mươi sáu năm, gần nửa thế kỷ...

Ai nấy đều muốn rước hài cốt người thân mình về quê. Nhưng thầy Lư nói: "Bác Danh Hùng bảo cả năm anh em đều nhất trí, thời gian họ sống cùng nhau, chết cùng nhau còn nhiều hơn thời gian sống trên quê hương mình, nên họ vẫn muốn ở cùng một nơi. Hãy gửi cả năm bộ hài cốt vào ngôi chùa Xá Lợi ở quận 9, Sài Gòn".

Nhà văn Nguyễn Nguyên Bảy thì khuyên: "Tìm được hài cốt nhờ thầy, thì an táng ở đâu cũng nên nghe lời thầy. Mỗi nhà sẽ lấy một phần đất trong tiểu mang về an táng tại quê nhà, ý nghĩa cũng không mất".

Cuộc tìm kiếm chính xác hài cốt anh Danh Hùng và bốn đồng ngũ,

nhờ những tấm thẻ bài trong các tiểu, không có ai nghi ngờ vai trò của nhà ngoại cảm Nguyễn Văn Lư và Tiến sĩ Bùi Tiến Quý, nhưng vẫn để lại trong lòng những người trong cuộc, trong đó có tôi, một thắc mắc: "Tại sao ông Tư Bông và những người làm chứng tin chắc năm bộ hài cốt được chôn một nơi, mà nhà ngoại cảm lại chỉ đúng ở một nơi khác?". Tất nhiên sẽ có nhiều giả định được đặt ra, nhưng chắc chắn sẽ là những cuộc tranh luận không bao giờ đến đích, nếu có ai đó hỏi: "Bằng chứng đâu?". Vì thế, tôi không có ý định khai thác những cuộc tranh cãi bất tận này.

CHỮA LÀNH

Năm 2016.

Vụ tìm được hài cốt anh Danh Hùng và bốn đồng ngũ, trừ những trục trặc không đáng có ban đầu, phần sau hoàn toàn thuận lợi, kết thúc bằng bữa ăn tự chọn do Minh Dân đặt nhà hàng ở thị xã Phước Bình phục vụ, ai nấy vui vẻ, thân thiện, không còn ít nhiều khoảng cách như lúc bắt đầu gặp nhau. Hơn chín giờ tối, cả đoàn mới rời nơi khai quật. Sự phấn chấn bù cho sự mệt mỏi và căng thẳng gần suốt một ngày. Bọn trẻ trên xe lại cao hứng bật karaoke hát những bài *Chiếc gậy Trường Sơn, Tiểu đoàn 307…*

Lúc về qua nghĩa trang liệt sĩ Phước Long, bác Danh Quỳnh nói với tôi:

- Các cháu cứ đưa đoàn về trước, hai bác với cô Hoàn Trân và Danh Huyền ghé vào nghĩa trang, đến mộ Minh Khôi thắp nhang cảm ơn, vì không có Khôi, bác cũng chẳng bao giờ gặp được Danh Hùng. Xong việc, các bác sẽ tìm khách sạn ở Phước Long nghỉ, sáng mai mới về Sài Gòn.

Bác Quỳnh gái nói thêm:

- Đến giờ này, không chỉ các bác mà những người lớn tuổi trong đoàn đều thấm mệt, nên mọi người cứ về. Các bác phải ghé thăm Khôi, vì chắc chắn sẽ không bao giờ có dịp nào lên lại đây nữa.

Ý định của bác Quỳnh hoàn toàn chính đáng, khiến tôi rất xúc động, nhưng nhìn vào trong nghĩa trang rộng mênh mông, chỉ duy nhất có máng neon ngoài cổng sáng đèn, còn bên trong tối âm u, cánh cổng lớn đã khóa xích, dãy nhà tiếp tân cũng im lìm, không chừng ông Tư Quảng quản trang đã ngủ. Đường Quốc lộ trống vắng, thỉnh thoảng mới có chiếc ô tô chạy qua, đầy bất an… Thả bốn người già xuống cổng nghĩa

trang, trong đó Danh Huyền trẻ nhất cũng bảy mươi tuổi, rồi cả đoàn đi luôn thì có gì đó không phải. Nhưng cùng ở lại để sáng mai mới về đến Sài Gòn thì lại không phải với bao người già cả khác. Tôi lúng túng, đi xuống chỗ Huy Lạc ngồi thì thầm điều khó xử với anh. Nghe xong, anh nói:

- Chuyện này dễ mà.

Rồi anh kéo tôi đi lên, cùng ngồi xuống hai chiếc ghế cạnh bác Danh Quỳnh:

- Thằng Tuấn vừa nói sẽ để các bác xuống nghĩa trang Phước Long với thằng Khôi, nhưng cháu thấy không nên, vì cõi dương mình, chuyện này là bình thường, với cõi âm, lại là kiêng kỵ, vì trên xe mình đang chở năm bộ hài cốt. Lúc khai quật, mình đã khấn sẽ đưa về chùa Xá Lợi ở quận 9, Sài Gòn, nay lại ghé vào nghĩa trang Phước Long, trước hết là sai lời khấn, sau là nhỡ thằng Khôi nó rủ thằng Danh Hùng ở lại thì sao?

Bác Danh Quỳnh:

- Cháu nói vậy, bác hiểu rồi.

Huy Lạc lại nói tiếp:

- Bàn thờ nhà thằng Tuấn cũng có ảnh thằng Khôi. Về Sài Gòn, bác thắp nhang ở bàn thờ nhà thằng Tuấn là bác muốn gặp thằng Khôi bao lâu, muốn tâm sự gì cũng được.

Tôi sợ bác phật ý, nhưng bác lại cười nhẹ với Lạc:

- Lẽ ra bác phải rành cõi âm hơn cháu mới phải.

Không rõ bác thừa nhận Lạc nói đúng hay bác chỉ nhân nhượng để tránh phiền mọi người. Còn tôi, thú thật, tôi cũng không biết Lạc nói đúng hay là nói lấy được, vì một kẻ siêu vô thần như anh làm gì có chuyện tin ở cõi âm.

Hơn mười hai giờ đêm, sau khi ghé chùa Xá Lợi gửi hài cốt, cả đoàn mới về đến nhà tôi ở Gò Vấp, Sài Gòn. Vì nhóm người miền Tây lên, nhà nào cũng có xe chờ sẵn, nên việc chia tay, tuy quyến luyến nhưng cũng nhanh chóng.

Hai bác Quỳnh và cô Hoàn Trân vẫn không quên việc thắp nhang cảm ơn anh Khôi, nên vợ chồng tôi phải đưa hai bác, cô Hoàn Trân và Danh Huyền lên bàn thờ trên lầu bốn. Mọi chuyện xong đâu đấy, chúng tôi mới tiễn bốn người xuống, để ra xe về khách sạn.

Lúc đi từ trong nhà ra cổng, Danh Huyền cố ý để vợ tôi cùng ba người lớn đi trước, còn cô đi chậm lại với tôi:

- Lúc ở nghĩa trang Phước Long và vừa rồi, trước bàn thờ anh Khôi, có mặt bố mẹ và cô Hoàn Trân, tớ không dám nói, chứ bất cứ lúc nào có một mình, tớ luôn nói là tớ vô cùng hối hận và thành thật xin lỗi anh Khôi. Nếu không vì thói tự ái nhỏ mọn của tớ, anh Khôi vẫn ở ngoài Bắc và đường đi của một người sống chân tình và xuất sắc như anh ấy, chắc chắn sẽ tới đích. Rồi tớ hứa nhất định sẽ là vợ anh ấy ở kiếp sau. Nếu lúc nào thắp nhang cho anh Khôi ở bàn thờ hay nghĩa trang, tớ nhờ cậu nhắc lại với anh ấy lời của tớ.

Thật ra, tôi rất muốn nói với Danh Huyền: "Trong chuyện tình này, anh Khôi quyết định đi bộ đội trước khi chia tay với cậu, rồi anh ấy nghĩ cậu sẽ có hạnh phúc với anh Bá Vân hơn với anh ấy, nên cố ý đẩy cậu về phía Bá Vân, chứ cậu không hề có lỗi", như lúc đầu, tôi cũng nghĩ vậy. Nhưng rồi, tôi quyết định không nói điều này, dù cũng thương cô bạn học từ thời lớp một của tôi vô hạn. Tôi biết Danh Huyền vẫn còn rất nặng tình với anh Khôi, nhưng nặng tình có khi chỉ ở với nhau một kiếp, còn nặng nợ thì cái tình cứ phải theo nhau hết kiếp này sang kiếp khác, nên không nói có khi lại tốt hơn là nói. Tôi hỏi sang chuyện khác:

- Ra Hà Nội, rồi cậu qua Mỹ luôn chứ?

- Lẽ ra bố tớ và cô Hoàn Trân qua Mỹ luôn. Nhưng cô Hoàn Trân bắt bố tớ phải ở lại với mẹ tớ ít nhất là qua Tết, còn tớ sẽ ở lại Việt Nam hai tháng để chăm sóc anh Bá Vân đủ phác đồ điều trị của bệnh viện. Khi anh ấy ra viện, tớ mới qua Mỹ…

Danh Huyền cười nhẹ:

- Lịch sử nhà tớ gắn chặt với lịch sử chìm nổi của đất nước, nên bố tớ

phải yêu hai người đàn bà ở hai phe đối nghịch, còn tớ phải yêu hai người đàn ông hai tầng lớp khác nhau.

- Còn hai đứa con cậu thì sao? - Tôi hỏi.

Danh Huyền nói:

- Chúng cũng có hai người bố. Nhưng chúng sòng phẳng hơn. Với bố Vân, chúng đều hoàn thành trách nhiệm vật chất của những đứa con. Còn với bố Khôi, chúng vẫn thờ và tin chắc đó mới chính là bố mình. Mọi kết quả thử ADN, mọi phân tích của các chuyên gia khoa học, tâm lý tớ nhờ tư vấn cho chúng, rồi cả những giãi bày chân tình hay lý giải tâm linh của tớ đều không thay đổi được niềm tin của chúng. Tuổi trẻ bây giờ là như thế. Chúng nhất định không tin những gì chúng không muốn tin. Để đến cuối đời, mẹ chúng rút ra kết luận: Dành cả đời để thuyết phục người khác tin mình, khi người ta đã có đức tin khác, là chỉ tự mình làm khổ mình suốt đời.

Tôi dừng lại, ôm Danh Huyền:

- Sang kiếp sau, chúng mình vẫn mãi mãi học cùng lớp, vì thời chúng ta, chỉ toàn lườm nguýt, mà vẫn tin nhau.

Vợ tôi cũng lùi lại, ôm Danh Huyền rất lâu:

- Em cũng mãi mãi yêu chị.

Đứng nhìn đến lúc chiếc xe chở hai bác Quỳnh, cô Hoàn Trân và Danh Huyền khuất ở đầu ngã ba, còn lại hai vợ chồng. Cùng lên phòng. Cả hai đều mệt mỏi rã rời, nếu buông mình xuống giường là thả lỏng, nhắm mắt ngủ say như chết… Thế là ngay cả thủ tục của nền văn minh khá giả là vào toilet rửa qua mặt mũi, rồi thay đồ ngủ, cũng bị bỏ qua. Đang lập tức lịm vào giấc ngủ, bỗng sực nhớ đến lời nhờ nhắn với anh Khôi của Danh Huyền, tôi vội vàng chồm dậy.

Vợ tôi hốt hoảng tỉnh theo:

- Có chuyện gì thế?

- Danh Huyền có nhờ anh nhắn với anh Khôi chuyện kiếp sau… - Nhưng rồi, do quá mệt, tôi chặc lưỡi, lại nằm lăn ra giường. - Thôi để

sáng mai lên cũng được.

Đến lượt vợ tôi ngồi dậy, làu bàu:

- Chuyện tâm linh, không nhớ thì thôi, đã nhớ đến mà không thực hiện là thất tín. Chưa kể chị Danh Huyền phải trăn trở lắm mới nhờ mình… Nếu anh mệt thì em với anh cùng lên. Nhưng anh chịu khó lên trước. Do suốt ngày bụi bặm, em phải sạch sẽ một chút, nếu không, các cụ lại mắng con dâu vô lễ.

Phòng ngủ của chúng tôi ở lầu một, bàn thờ ở lầu bốn, lên xuống bằng thang máy, không mất công sức gì, nhưng khi đứng trước bàn thờ, đối diện với bố, mẹ, mẹ kế và anh Khôi, những que nhang của hai bác Danh Quỳnh, cô Hoàn Trân và Danh Huyền vẫn đang cháy dở, mùi khói nhang tỏa nồng trong phòng, tôi bỗng hoa mắt khi thấy anh Khôi như bước ra khỏi tấm ảnh gắn trên bàn thờ.

Tôi lờ đờ mở mắt và vô cùng sửng sốt khi thấy mình đang nằm trong một phòng điều trị của Bệnh viện Quân y 175. Cô y tá mặc blouse trắng, ngồi bên giường, vừa rút mũi kim tiêm khỏi cánh tay tôi.

- Sao tôi lại ở đây? - Tôi lờ đờ hỏi cô y tá.

- Lúc quá nửa đêm, cô gọi xe của bệnh viện đưa chú đến phòng cấp cứu… Chú có hiện tượng đột quỵ do quá mệt hoặc quá xúc động.

Đúng lúc đó, vợ tôi và đám con trai, gái và hai thằng con rể từ ngoài vào, vợ tôi cười hỏi:

- Tỉnh chưa?

Tôi giật mình khi thấy chiếc đồng hồ gắn trên tường chỉ một giờ ba mươi lăm phút:

- Đã trưa rồi kia à?

- May mà đến bệnh viện vẫn ở trong giờ vàng. Bác sĩ nói trễ hai tiếng nữa là anh đi luôn đấy.

- Bác sĩ xác định anh bệnh gì?

- Bệnh chính của tất cả chúng ta là luôn tưởng mình vẫn còn trẻ...

- Không rõ mình bất tỉnh khi nào, nhưng anh mơ thấy mình sống rất

hạnh phúc khi cưới Ngọc Ly, mối tình đầu, hồi còn là Thanh niên Xung Phong ở Quảng Ninh. Cô ấy to khỏe, cao một mét sáu lăm, đẻ cho anh mười một thằng con trai, để anh thành lập đội bóng đá do anh là huấn luyện viên, đá thắng cả đội tuyển Việt Nam…

Vợ tôi cũng to khỏe nhưng chỉ cao một mét năm mươi bảy, đẻ có ba đứa con, cáu kỉnh:

- Thôi thôi… Lúc nào khỏe, anh muốn nhớ đến ai thì nhớ, nhưng hiện giờ, đừng quên mình đang bệnh, nên giấc mơ nào cũng hão huyền. Sáng nay, biết anh nằm ở đây, hai bác Quỳnh, cô Hoàn Trân và Danh Huyền cũng vào thăm. Rồi anh Nguyễn Nguyên Bảy, Thanh Vân cũng vào. Ai cũng nói, tin hay không tin vào tâm linh là quyền tự do của mỗi người, nhưng lụy vào tâm linh sẽ mất sáng suốt, mất tự tin. Anh Nguyễn Nguyên Bảy còn nói tâm linh và tâm thần nhiều khi trên cùng một sợi dây, rất dễ nhầm lẫn.

Tôi bỗng có cảm giác những lời của vợ tôi cứ ong ong u u như chuội khỏi tai mình, những ánh mắt lo âu của các con đang hướng về mình bỗng mờ nhòa:

- Sao mắt anh lại hoa, tai anh nghe không rõ?

- Bác sĩ vừa nói y tá tiêm thêm cho anh một mũi an thần để kéo dài thêm thời gian nghỉ ngơi của não bộ, vì kết quả phân tích mẫu máu, anh thuộc loại bệnh nhân phản xạ nhạy cảm, chưa phục hồi hẳn rất dễ tái phát dẫn đến mãn tính.

Tôi thiếp đi, nhưng ngay lập tức lại thấy anh Khôi đang từ xa đi đến. Anh mặc bộ đồ quân giải phóng, đầu đội mũ tai bèo, tay cầm khẩu tiểu liên AK 47… Nhưng lúc đến gần, không phải anh Khôi mà là anh Danh Hùng. Danh Hùng đang mặc quân phục sĩ quan Việt Nam Cộng hòa, đầu đội mũ sắt, tay xách khẩu AR.15, từ trong chiếc máy bay trực thăng bước ra… Hai người không đi về phía tôi mà đi ngược chiều nhau. Rồi anh Khôi và Danh Hùng nhìn thấy nhau… Một phụ nữ mặc đồ blouse trắng bỗng xuất hiện giữa họ. Tôi nhận ra đó chính là Sính, cô y tá

Thanh niên Xung phong cùng xã Minh Trí, người mà bố tôi và gia đình u Khướu đã làm lễ ăn hỏi cho anh Khôi, và hai người đã đăng ký kết hôn ở Ủy ban xã, nhưng chuyện hôn nhân không thành… Bối cảnh dẫn đến sự gặp nhau của họ ở vùng rừng núi Svay Rieng, Campuchia, giáp biên giới với nam Tây Nguyên, Việt Nam. Tất cả đang diễn ra như trong một bộ phim câm. Họ đang nói với nhau điều gì, súng từ nòng súng của họ đều khạc đạn, những chiếc máy bay gầm rú, những trái bom rơi… nhưng đều không âm thanh. Tôi cũng nói với họ nhiều điều, nhưng cũng không thành tiếng. Cuối cùng cả ba đều trúng đạn nhưng không phải do họ bắn nhau. Anh Khôi nát một chân, chị Sính chạy ra dìu anh Khôi, trúng thêm một viên đạn vào đầu. Hóa ra Danh Hùng không từ dưới đất mà đang ngồi trên một chiếc trực thăng. Chiếc máy bay của Danh Hùng bốc cháy… rơi xuống cánh rừng. Danh Hùng như một ngọn đuốc lửa, thoát ra khỏi cửa máy bay, thấy anh Khôi trong vòng tay của Sính. Họ kịp nhìn thấy nhau trước khi từ giã cõi đời.

Tôi giật mình choàng dậy. Bộ phim câm biến mất… Vợ tôi đứng ngay cạnh tôi bên giường bệnh. Và người đứng cạnh vợ tôi chính là bác Danh Quỳnh. Hay lại bắt đầu trích đoạn một bộ phim câm khác?

Tôi đã nằm viện hơn tuần lễ, đã khỏe lên nhiều nhưng vẫn còn mơ màng.

Vợ tôi hỏi:

- Anh đã tỉnh hẳn chưa?

Tôi cố gượng ngồi dậy.

Bác Danh Quỳnh nói:

- Cháu còn mệt thì cứ nằm.

- Tại cháu vẫn tưởng trong mơ, chứ thực ra, cháu thấy trong người bình thường rồi.

Tôi rời hẳn khỏi giường, bắt chặt hai tay bác:

- Bác đi một mình?

- Cô Hoàn Trân đưa bác gái đi siêu thị và đến thăm nhà mấy người bà

con, nên hôm nay, bác được tự do.

- Vậy bác cứ chơi ở đây đến tối, rồi xuống căn tin ăn cơm với vợ chồng cháu. Đây tuy là bệnh viện, nhưng bệnh nhân còn tự do hơn ở nhà.

- Thế là quan niệm tự do giữa cháu và bác luôn khác xa nhau. Bác chỉ được tự do đến lúc hai bà vợ nhấn máy báo hết giờ. Lúc sáng đến thăm, thấy cháu nằm mê man và nói sảng, bác rất lo, nên chiều nay, bác phải vào lại. Với lại, nhân Minh Dân gọi điện từ Cần Thơ hỏi thăm tình hình cháu để nó lên thăm, bác cũng hẹn luôn sẽ cùng gặp nó ở đây.

- Cháu lấy làm lạ ở chỗ bác thuộc kiểu nhân vật cả hai phe đều quý.

- Khi nhân cách lớn hơn chính kiến, thì người ta sẽ coi nhẹ chính kiến. Hôm nay, bác đến cũng để nói cho cháu biết, sau khi qua Mỹ, bác và cô Hoàn Trân sẽ sớm trở lại Việt Nam và dành đoạn đời cuối của mình trên mảnh đất miền Nam, nên cháu chuẩn bị tinh thần làm hàng xóm của bác.

- Còn Danh Huyền?

- Tuy không còn là vợ chồng, nó vẫn thương và có trách nhiệm với Bá Vân. Nó rất muốn đưa Bá Vân qua Mỹ, nhưng Vân không chịu, trong khi nó đã có công việc ổn định ở Mỹ và nhất là nó vẫn phải theo con và lũ cháu.

Vợ tôi nhanh nhảu gọi căn tin của bệnh viện mang cà phê lên phòng. Chúng tôi và bác Quỳnh cùng ra ngồi ở xa lông. Vợ tôi mời bác uống cà phê, rồi nói theo thói quen phỏng vấn, một thứ bệnh nghề nghiệp của dân làm báo:

- Hồi đầu giải phóng, giữa lúc đất nước ca khúc khải hoàn trong hòa bình và chiến thắng quân xâm lược, mà mình cũng là người góp phần, bác quyết định rời Việt Nam qua Mỹ, với những lý do theo bác là chính đáng. Nay lại quyết định rời Mỹ trở về Việt Nam, liệu bác có ngược lại với lý do ra đi trước đây?

Bác Danh Quỳnh cười mỉm:

- Khi bác quyết định qua Mỹ là năm 1977, nay quyết định trở về Việt Nam là năm 2017. Những bốn mươi năm. Đủ để mọi sự đổi thay đều có lý do chính đáng. Nhưng vấn đề ở đây không phải là thời gian mà là lịch sử của một đời người. Cuộc đời bác, phần người lính, bác là một người lính đã hoàn thành nhiệm vụ với Tổ quốc, phần công dân, bác cũng xong nghĩa vụ, khi sự đóng góp của mình, dù rất nhỏ, cũng cùng toàn dân đưa đất nước đến hòa bình, thống nhất và chiến thắng ngoại xâm. Nhưng về phần con người, bác vẫn mang nợ rất nhiều những người đã giúp, thậm chí, đã hy sinh để bác hoàn thành nhiệm vụ và còn sống đến hôm nay - trong đó, có ba người mà sống đến muôn kiếp sau, bác vẫn không trả hết nợ, đầu tiên là bác gái…

Bác bỗng đột ngột hỏi:

- Cháu thân thiết với gia đình bác từ hồi còn ở Trần Nhật Duật, Hà Nội, tức từ những năm 1950, bác hỏi thật, cháu có biết tên bác gái?

Tôi lúng túng, cười gượng:

- Cháu vẫn quen như mọi người, gọi là bác Quỳnh gái.

Bác Quỳnh thở nhẹ:

- Bác cắt ngang hỏi thế, không phải để trách cháu, mà chỉ để nói người phụ nữ Việt Nam sau khi lấy chồng, đã bị sự vô tình của đời sống và lễ giáo, làm mất cả tên. Rồi chỉ đến khi chết, cái tên mới được khắc lên bia mộ. Tên bác gái là Bình Giao. Phan Thị Bình Giao. Hôm nay, bác nói, cháu mới biết, đúng không?

Bác Quỳnh nghẹn ngào rồi nói tiếp:

- Bình Giao không chỉ mất tên vì sự vô tình của đời sống, mà còn mất cả cuộc đời cho sự an toàn của bác.

Tôi ngậm ngùi:

- Cháu xin lỗi hai bác, vì chính cháu cũng vô tình.

Bác Quỳnh im một lát để trấn tĩnh, rồi nói tiếp:

- Người phụ nữ thứ hai, bác nợ đến kiếp sau, là Hoàn Trân. Đại bi kịch gia đình của Hoàn Trân, cháu biết rồi. Nhiều đêm đang ngủ say, bác

bỗng giật mình tỉnh giấc bởi câu hỏi lúc nào cũng trăn trở: Không lộ mình là điệp viên, vừa là giữ đúng nghiêm luật bảo mật, vừa an toàn cho nhiệm vụ trọng đại, ở góc độ người lính, chẳng có gì đáng trách, nhưng lại chứng tỏ không tin những người thân yêu nhất của mình. Mà sự kinh khủng nhất đối với tình yêu, tình cảm, lại là không tin nhau... Đã không tin nhau, thì khi vui, mười phần không chắc còn lấy một, còn khi đau khổ chỉ một cũng đau đớn lên ngàn lần. Đó chính là điều bác nợ bác gái và cô Hoàn Trân. Nhưng cuối cùng, bác gái và cô Hoàn Trân cũng biết bác là ai, trong khi Danh Hùng, chủ nợ lớn thứ ba của bác, đến chết vẫn không biết bố là bạn hay thù. Cả Minh Khôi mà bác coi như con, đến chết cũng không biết bác là bạn hay thù. Có lúc ngồi tại Dinh Độc Lập, thân cận với Tổng thống Thiệu, bác nghĩ nếu Khôi và Hùng gặp nhau ở chiến trường thì sao? Rồi xa hơn, nhỡ Khôi và bác cũng gặp nhau thì sao? Có khi chẳng bao giờ gặp nhau, nhưng ở hai bờ đối nghịch, nghĩ về nhau lại đáng sợ hơn gặp nhau thực.

Tôi chỉ ngồi lặng thấm ngấm niềm tâm sự của bác.

- Từ khi tìm thấy Danh Hùng, bác mới quyết định về lại Việt Nam, và sẽ ở Phước Long đến cuối đời, để còn sống ngày nào, bác còn gần gũi với Danh Hùng và Minh Khôi ngày ấy, để lúc ra đi, bác sẽ gặp và nói cho cả hai biết bác là ai. Bác gái và cô Hoàn Trân cũng tán thành lựa chọn của bác. Tuổi càng cao, càng ưa sống tĩnh, có khi ở gần với người đã khuất để sống lại với quá khứ lại hợp hơn với hiện tại đang ngày càng thuộc về một thế hệ khác.

Vợ chồng tôi cùng lặng đi trước tâm sự buồn đến buốt lòng của người lính già. Bác Quỳnh nói tiếp:

- Tiện đây, bác cũng nói thêm với vợ chồng cháu chuyện này. Mấy ngày ở Sài Gòn, bác đã nhờ mấy người quen liên hệ được với chủ sở hữu rừng cao su - nơi mà chúng ta tìm thấy hài cốt Danh Hùng và bốn đồng ngũ, để mua lại mười héc-ta. Ông ta đã đồng ý cắt lại cho bác. Phần lên đó ở, khi nào về hẳn Việt Nam, bác sẽ tính. Còn trước mắt, bác muốn

phục hồi cái nghĩa trang mà chủ đất đã san bằng để trồng cao su, và phục hồi cái miếu mà người ta biến thành chuồng bò. Việc này, bác cũng tìm được người lo, nhưng trong lúc bác chưa về, bác muốn nhờ vợ chồng cháu để mắt tới.

Đúng lúc đó, Huy Lạc xuất hiện ở cửa phòng, thấy tôi ngồi với bác Danh Quỳnh, anh reo lớn:

- A! Mặt mũi tỉnh như sáo thế kia mà tin ra Hà Nội là chú bị đột quỵ đang nằm liệt giường chờ chết, nên tôi vừa bay ra, đã phải bay vào ngay.

Anh ùa vào, ngồi cạnh bác Danh Quỳnh:

- Cháu tưởng bác đang đi xem đất để mua trang trại trên Phước Long?

- Làm sao cháu biết nhanh thế?

- Bác tưởng chỉ mình bác là điệp viên siêu đẳng? Cháu là dân buôn đất nên chỉ ngửi thấy mùi đất đỏ ở bác là biết ngay bác tính mua đất ở "Tình đất đỏ miền Đông". Xin lỗi bác và vợ chồng Tuấn, cháu từ Hà Nội vào, không chỉ một mình như hôm lên Phước Long tìm Danh Hùng, mà đi với hai cái xiềng xích. Và đã nói trăm lần, dân Sài Gòn không như dân Hà Nội là khách đến nhà cứ phải có quà, vậy mà đã đến cổng bệnh viện, cả bà vợ lẫn "bà cháu" cùng chùn lại: "Đến thăm người bệnh mà đi tay không chỉ có đồ keo kiệt", thế là hai "bà" xua cháu lên trước, vậy mà đến giờ vẫn mất tăm.

Phải nửa tiếng sau, mới thấy Huy Lạc hai tay kéo hai chiếc va ly, kèm theo túi ni lông đựng đầy xoài, cùng Linh Xuân và cô gái trẻ được Lạc gọi là "bà cháu" cao một mét bảy lăm, bước vào phòng:

- Đây là cụ Danh Quỳnh, bố của ông Danh Hùng, còn đây là ông Tuấn và bà Phương, đều lần đầu con gặp, nhưng tiểu sử từng người, ông đã kể cho cả nhà nhiều đến mức đứa ngu nhất trong nhà mình cũng thuộc lòng, nên không cần nói thêm. Còn vợ cháu thì cả bác và vợ chồng Tuấn đều biết, riêng "bà" này là Linh Mai, cháu ngoại, con gái đứa con út của cháu.

Vợ tôi bật cười:

- Sao anh lại gọi cháu là "bà".

- Thế thằng Tuấn chưa kể em biết anh chị được đào tạo giữa cuộc Đại Cách mạng Văn hóa ở Trung Quốc à? Cả thế giới sang thế kỷ hai mươi mốt vẫn còn phải nai lưng, mỏi mồm, đấu tranh cho bình đẳng giới, thì ở Trung Quốc những năm 1950, 1960 thế kỷ trước đã "nhất vợ, nhì trời". Khi về nước, anh đang mừng mình sắp thoát nạn, thì Việt Nam đã vượt Trung Quốc "nhất con, nhì vợ, ba trời". Cả hệ thống tuyên truyền, cả một nền giáo dục cổ xúy cho việc tôn vinh và ưu tiên con cái. Chúng học cấp ba, thậm chí, đại học, các bậc bố mẹ cũng phải đưa đến tận trường, đón về tận nhà. Mà con ở đây là con gái. Chứ con trai sinh ra chỉ để làm chồng, thuộc đối tượng đấu tranh bình đẳng giới. Còn ông trời bị coi là đối tượng mê tín dị đoan, nên chỉ được xếp vào ca dao, tục ngữ, nên chị mới đẻ cho anh một lúc năm "bà". Năm "bà" này lại đẻ mười một "bà" cháu gái. Anh hốt hoảng, tống tất cả đi học ở những nước nam giới vẫn chưa bị coi rẻ. Riêng "bà" cháu này, nhất định không đi. Anh bảo, nếu ở trong nước, "bà" đi làm người mẫu hay vận động viên bóng chuyền, để cả nhà ăn theo sự sớm nổi tiếng của "bà", lại đỡ mất công mài váy trên ghế giảng đường đại học. "Bà" ấy nói: "Con quyết định ở trong nước, theo học ngành khảo cổ". Anh tưởng nó khùng. Cả nhà dân chủ bỏ phiếu, phe anh chỉ có một phiếu, lại còn mang tiếng bảo thủ vì không biết tôn trọng tự do của thế hệ trẻ. Bây giờ "bà" ấy còn đang tập tọng theo nghề của chú, với vài truyện ngắn đăng trên các báo và tham gia vào nhóm biên kịch phim truyền hình nhiều tập của VTV, toàn nghề của nhà nghèo…

Linh Xuân hỏi:

- Nhưng anh có biết nó theo anh vào đây làm gì?

- Đương nhiên nó muốn đi thăm ông Tuấn. Anh bảo nó: Bố mẹ với ông Tuấn là chỗ tình cảm, còn với con, nên nhớ ông ấy không phải đồ cổ. Nhưng em đã ủng hộ nó.

- Thế thì, em cần nói anh rõ, nó nhất định đòi vào để nói cho ông bà Tuấn biết nó đã đọc năm cuốn nhật ký của ông Khôi như thế nào.

Huy Lạc hơi ngẩn ra:

- Năm cuốn đó, chú Tuấn nhờ em chứ có nhờ nó đâu?

- Anh quên em có nói với anh, nhưng anh bảo bọn trẻ bây giờ không biết chiến tranh là gì, bắt chúng nó nuốt thứ thức ăn mà chúng không đói, không cảm xúc, sẽ không có khả năng tiêu hóa, thậm chí, chúng còn khạc ra...

Huy Lạc lắc đầu với bác Danh Quỳnh và vợ chồng tôi:

- Thêm một bằng chứng cho bác và vợ chồng Tuấn thấy nhà Huy Lạc, đàn ông luôn luôn yếu thế, đúng với tinh thần Đại Cách mạng Văn hóa Việt Nam: "Nhất con, nhì vợ…". - Rồi anh nói với Linh Mai. - Con định nói gì với ông Tuấn về mấy cuốn nhật ký của ông Khôi thì nói đi.

Linh Mai:

- Ông bà Tuấn đang tiếp cụ Danh Quỳnh, nên chuyện của con nói sau cũng được.

Bác Danh Quỳnh cười:

- Cụ chỉ đến thăm ông Tuấn bệnh, và trò chuyện cũng xong rồi. Giờ chính cụ cũng muốn nghe một người ở thế hệ con đã đọc nhật ký của ông Khôi, một người lính trong cuộc chiến tranh chống Mỹ thế nào?

- Vậy con xin cảm ơn cụ. Nhưng trước khi nói về nhật ký ông Khôi, con xin cụ số điện thoại, địa chỉ email và xin phép cụ cho con được từ nay thường xuyên liên lạc với cụ.

Bác Danh Quỳnh:

- Để làm gì?

Huy Lạc:

- Này! Con có đang mắc bệnh nghề nghiệp, thấy ai cũng tưởng đối tượng khảo cổ?

Linh Mai:

- Ông vẫn thường xuyên kể với cả nhà về những người bạn thân thiết

của ông từ hồi đi học trong đó có ông Khôi, ông Danh Hùng, bà Danh Huyền, và cụ Danh Quỳnh, bây giờ, chúng con kế thừa sự thân thiết đó, sao ông lại nghĩ con mắc bệnh nghề nghiệp?

Bác Danh Quỳnh bật cười:

- Cụ cũng bỏ phiếu ủng hộ con.

Vợ chồng tôi và Linh Xuân cũng cười theo.

- Rồi! - Huy Lạc không chút tự ái, thậm chí còn ngầm tự hào về cháu. - Thiểu số tuy đúng nhưng cũng phải phục tùng đa số và rất có thể tất cả ngồi đây, chỉ mình ông Huy Lạc là đồ cổ cũng nên.

Linh Mai:

- Con quan tâm đến cụ Danh Quỳnh còn vì trong nhật ký và tiểu thuyết của ông Khôi có nhắc nhiều đến hai cụ với tình cảm và sự kính trọng.

Huy Lạc:

- Tiểu thuyết nào?

- Khi đưa cho con năm cuốn sổ tay của ông Khôi, bà cũng nói đó là năm cuốn nhật ký. Nhưng thực sự chỉ có một cuốn là nhật ký, còn bốn cuốn kia là tiểu thuyết.

Linh Xuân thanh minh với chồng:

- Cả năm cuốn, em nhận từ chú Tuấn đều trong tình trạng bong tróc bìa, lỏng gáy, các trang vừa viết bằng bút chì, vừa viết bằng bút máy, chữ nhỏ li ti, nhiều lần ướt nước, rồi phơi khô, giấy thì ố vàng, chữ thì mờ bạc, em đã nhờ bộ phận phục hồi của viện em tìm cách sao chép lại, được trang nào hay trang đó, rất may Linh Mai và mấy đứa bạn trong tổ khảo cổ hăng hái nhận làm, nên em giao luôn cho nó. Chính chúng nó đã phát hiện ra bốn trong năm cuốn là tiểu thuyết.

Huy Lạc hỏi Linh Mai:

- Con tin chắc bốn trong năm cuốn là tiểu thuyết?

Linh Mai:

- Thực sự những chữ, những dòng hoặc những trang có thể đọc được

hoặc hiểu ngay chỉ chiếm hai mươi phần trăm, vì phần lớn chữ đều quá nhỏ và mờ nhòe, ông Khôi lại viết tắt, viết tiếng lóng, nhiều trang viết bằng tiếng Anh hoặc tiếng Nga, nội dung là những ý nhạy cảm, con đoán có thể ông không muốn người khác đọc, cũng có thể đây chỉ là bản nháp, sau này viết lại sẽ kỹ hơn, nhưng cũng có thể ông luyện ngoại ngữ, nhưng dù động cơ gì thì đều không khó nhận ra đó là tiểu thuyết, chứ không phải nhật ký.

Tôi nóng ran cả người, vừa vì ngượng khi mình, một nhà văn, giữ năm tác phẩm của anh mình, người anh đi thẳng vào chiến trường chấp nhận cả cái chết để đạt được khát vọng trở thành nhà văn, mà mình lại rất vô tình, vừa mừng khi nhận ra cuối cùng, anh cũng đi tới đích.

- Trước hết, ông vô cùng cảm ơn con. Nếu con phục hồi những cuốn tiểu thuyết này thì sẽ mất bao lâu? - Tôi hỏi Linh Mai.

- Về thời gian, con không thể nói trước, vì chắc chắn sẽ mất rất nhiều công phu. Nhưng huy động cả những người nhiều kinh nghiệm, kèm theo kỹ thuật hiện đại, phần đọc được nhiều nhất cũng chỉ bốn mươi phần trăm. Phần còn lại, theo con, chỉ có cách nhờ nhà văn nào cùng thời và hiểu được văn ông Khôi, phỏng chế.

Tôi nói với Linh Mai:

- Con giúp phục hồi được bốn mươi phần trăm thì ông sẽ đọc và cố gắng làm nốt phần còn lại, để công bố tác phẩm cho ông Khôi. Nếu ông kém tài, làm dở, chắc ông Khôi cũng sẽ rộng lượng bỏ qua.

Vợ tôi nói với bác Danh Quỳnh:

- Trong chuyện này, bọn con cũng phải vô cùng cảm ơn anh Huy Lạc và chị Linh Xuân. Khi nhận năm cuốn sổ từ Hà Nội mà bà chị anh Tuấn cất trong một hộp khảm trai, chúng cháu đã trách chị ấy vô tình, nhưng mang về Sài Gòn, chúng cháu không cách nào đọc nổi, cũng cất lại vào hộp, để trên bàn thờ, thì anh Lạc và chị Xuân vào. Chính chị Xuân đòi mang ra Hà Nội…

Bác Danh Quỳnh cười, nói với Huy Lạc:

- Nhà cháu theo đúng tinh thần Cách mạng Văn hóa Việt Nam: Nhất con, nhì vợ, ba trời là quá đúng còn gì. Chính bác cũng có nỗi lo thế hệ trẻ sẽ bị đời sống hiện đại lôi cuốn dẫn đến ngày càng vô tình với quá khứ lịch sử của cha ông, nhưng có khi chính chúng ta đang mắc thứ bệnh lo xa.

Rồi bác nói với Linh Mai:

- May con không nghe ông ngoại, đi theo nghề người mẫu hoặc cầu thủ bóng chuyền. Nếu không, nền văn học Việt Nam sẽ thiếu mất các tác phẩm của nhà văn Nguyễn Minh Khôi. Cụ lấy làm tiếc là hôm nay mới biết con. Nếu không, hôm tìm mộ ông Danh Hùng, cụ đã bảo ông bà con đưa con vào Phước Long.

Huy Lạc cười:

- May mà nó không vào. Lúc ra Hà Nội, vợ cháu kể lại vụ tìm mộ ông Danh Hùng, cả nhà ai cũng cảm động, riêng nó lạnh tanh: "Nếu có mặt ở đó, con sẽ không làm như vậy".

Linh Xuân cau mặt:

- Chuyện riêng trong nhà, anh kể ra làm gì?

Bác Danh Quỳnh nói:

- Chuyện riêng trong nhà nhưng lại đụng đến chuyện chung nhiều nhà, kể ra có sao đâu?

Huy Lạc hỏi cháu:

- Ông theo Cách mạng Văn hóa Trung Quốc: Nhất vợ, nhì trời - bà không cho ông tự do ngôn luận, ông sẽ tuân lệnh vợ. Nhưng theo Cách mạng Văn hóa Việt Nam, "Nhất con, nhì vợ…", con muốn ông nói không?

Linh Mai quay sang bác Danh Quỳnh:

- Nếu ông sợ bà, để con nói. Ý của con, nếu khiến cụ bất đồng, con xin lỗi cụ trước. Vụ cụ và các ông, bà tìm được hài cốt ông Danh Hùng và bốn người lính đồng ngũ, con thấy đó là điều tuyệt vời. Nhân đây, con cũng xin chúc mừng cụ. Nhưng cả trăm người từ Hà Nội vào, từ miền Tây và Sài Gòn lên đều biết cái miếu bị người ta phá bỏ để biến thành

chuồng bò, rồi cả một nghĩa trang bị san bằng để biến thành rừng cao su, lại vẫn để nguyên trạng sau khi tìm được ông Danh Hùng, con thấy thế là vô tình.

Bác Danh Quỳnh và vợ chồng tôi cùng lặng đi, khiến không khí tiếp xúc như căng lên.

Linh Xuân trách chồng:

- Em đã nói đây là chuyện riêng trong nhà rồi mà.

Huy Lạc vội thanh minh với bác Danh Quỳnh:

- Ở Hà Nội, cháu đã mắng nó. Đó là lịch sử để lại. Rừng cao su trên nghĩa trang, và chuồng bò trên nền miếu cũ đã nhiều năm thuộc về chủ đất. Mình lên đó chỉ có một mục đích tìm mộ ông Danh Hùng. Những chuyện khác không phải việc của mình. - Anh nói với Linh Mai. - Con nên nhớ, nguyên tắc "không phải việc của mình thì không làm" là kim chỉ nam suốt sự nghiệp của ông bà. Nhờ tuyệt đối tôn trọng nguyên tắc này mà đời ông bà có được thành công hôm nay.

Linh Mai định mở miệng cãi thì Linh Xuân lườm nhẹ:

- Con đừng cãi nữa. Bà cũng tán thành phương châm sống của ông.

Bác Danh Quỳnh:

- Con không dám cãi thì cụ cãi thay con. Đúng là do lịch sử để lại nên cái miếu có từ những năm 1930 giờ đã trở thành chuồng bò và nghĩa địa có từ năm đó cũng đã biến thành rừng cao su xanh tốt. Và dù chủ sở hữu là ai, thì sự thiêng liêng của ngôi miếu vẫn còn, những vong hồn nơi nghĩa địa vẫn không mất. Không phải trước khi khai quật mộ của Danh Hùng và đồng ngũ, chúng ta cũng đã làm lễ cúng vong hồn? Nhưng rõ ràng chỉ cúng thôi không đủ. Chúng ta đã rất vô tình khi nghĩ những gì do lịch sử để lại thì trút hết trách nhiệm cho lịch sử, còn mình, không phải việc của mình thì không làm.

Linh Mai:

- Con cảm ơn cụ đã nói thay con.

Huy Lạc tiếp lời:

- Nghe bác nói, chính cháu cũng giật mình. - Rồi anh nói với Linh Mai. - Nghe cụ nói, ông tự nhận ra mình là người luôn tiến về phía trước, nên đã có lúc quên ngoảnh lại phía sau. May mà trong các con, cháu của ông đã có đứa theo ngành khảo cổ là con. Nhận ra sai mới khó, chứ sửa sai trong lúc mình tiềm lực mạnh thì dễ ợt. Ngay bây giờ, không, ngay ngày mai, ông bà sẽ cùng con lên lại Phước Long, làm việc với chủ sở hữu rừng cao su, mua lại đất rừng trên đó, để phục hồi cái nghĩa trang và xây lại ngôi miếu. Con chịu đi không?

Linh Mai nhìn bác Quỳnh:

- Ý cụ thế nào ạ?

Bác Quỳnh cười:

- Đó là ý của cháu mà.

Anh Huy Lạc nói với bác Quỳnh:

- Ý của ai thì đây cũng là cách dễ giải quyết nhất. Năm 1977, bác qua Mỹ mang theo cả nhìn nhận về đất nước Việt Nam thời hậu chiến, với hiện thực đầy đủ hỉ, nộ, ái, ố, để năm nay, 2016, sau bốn mươi năm, bác trở về, chứng kiến một đất nước biết bao nhiêu thay đổi, nhưng thay đổi nhiều nhất là gì, thưa bác?

Bác Quỳnh chỉ cười mỉm. Cái cười của nhà tình báo lão luyện, có khi chẳng mang nội dung gì, nhưng người tiếp xúc lại tin chắc bác đọc được hết lòng dạ của mình. Nên không đợi bác Quỳnh trả lời, Huy Lạc đã nói tiếp:

- Đó là trước đây, người giàu phải sống trong sợ hãi. Người ta sợ làm giàu, đua nhau chạy trốn khỏi sự giàu có như trốn dịch hạch, trốn đại họa. Đang làm chủ nhưng phải nghèo đi để trở thành người làm thuê. Lúc đang làm thuê cho nhà nước, cháu xin nghỉ ngang để ra làm chủ doanh nghiệp tư nhân, bố cháu sợ hãi đến đột quỵ, mắng chửi cháu cả năm trời… Nhưng bây giờ, rõ ràng đất nước sau một trăm năm biến động, đã có bước tiến xa, khi các ông bà chủ có mặt ở khắp nơi. Các chủ trang trại sở hữu vài trăm, thậm chí, vài nghìn héc-ta đất là bình

thường. Và Việt Nam ta không chỉ có hàng triệu ông chủ lớn nhỏ, mà còn có cả các tỉ phú thuộc tốp hàng đầu thế giới.

Mặt Linh Xuân thản nhiên như không, có lẽ vì chị đã quá quen với khẩu khí của chồng. Bác Danh Quỳnh chỉ cười cười. Còn vợ chồng tôi cố xăm xoi thật kỹ nét mặt Lạc, để xác định xem đột nhiên anh có vẻ hơi lạc đề với dụng ý gì. Chơi với anh nhiều năm, hồi đầu tôi rất dị ứng với kiểu không biết lúc nào là đùa lúc nào là thật trong nói năng, ứng xử của anh. Nhưng là đùa hay thật, thì kết quả vẫn là được việc và chẳng hại ai cả, nên tôi chuyển sang thích cái tính này ở anh lúc nào không biết. Điều anh đang nói về hiện trạng người giàu của đất nước trăm năm qua hoàn toàn đúng sự thật, nhưng phần suy luận lại là sự thật không nhiều người quen nghe, nên có vẻ anh đang nói đùa.

Nhưng rồi Lạc không đi xa hơn mà quay lại điểm xuất phát, khi nói tiếp với bác Quỳnh:

- Cháu lạc đề về sự thay đổi của đất nước thời gian bác đi xa, chỉ để nói: Bây giờ, chuyện mua cả một cánh rừng hàng chục héc-ta, đối với người trong nước như cháu, không phải chuyện vi phạm pháp luật, nên chuyện này, bác hãy nhường cho cháu lo.

Bác Quỳnh cười, nói:

- Thực ra, việc mua này bác đã tiến hành rồi, và Danh Huyền cùng với Danh Huy bỏ tiền, chứ không phải bác.

Máy điện thoại của bác Quỳnh bỗng reo chuông. Bác cầm máy:

- A lô! Ông đang ngồi với chú Tuấn rồi. Con cứ lên.

Bác cúp máy, nói với tôi:

- Phạm Phú Minh Dân đến.

Vợ tôi đứng dậy, định ra mở cửa, thì Linh Mai đã nhanh nhảu:

- Bà để con.

Linh Mai vừa mở cửa, Minh Dân đã xuất hiện. Sự thoải mái và trẻ trung từ cách ăn mặc lẫn phong thái, khiến anh không hề có vẻ ngoài của một ông chủ lớn. Đi cùng anh là cô gái, người quay camera hôm lên

Phước Long. Vừa vào phòng, cô đã tác nghiệp luôn bối cảnh và những người đang có mặt. Còn Minh Dân ào ào khi vừa thấy bác Quỳnh:

- Trước khi hỏi thăm bệnh chú Tuấn, con phải kịch liệt lên án ông.

Bác Quỳnh cười mỉm đùa lại:

- Lên án chuyện gì?

- Thứ nhất, ông là Việt Cộng nằm vùng thứ dữ, sao hôm gặp ở nhà chú Tuấn, ông vẫn giấu?

Bác Quỳnh vẫn cười mỉm:

- Ông không giấu, mà lúc đó, con hiểu ông là ai cũng không quan trọng. Còn tội đáng lên án thứ hai?

- Con vừa lên Phước Long để mua rừng cao su trồng đè lên nghĩa trang và con suối cạn trên bờ có chuồng bò, để phục hồi lại nghĩa trang và cái miếu như trước, vì đó từng là nơi cư ngụ của anh Hai con và đồng đội, nhờ địa điểm này, con tìm được hài cốt anh Hai con. Nhưng chủ sở hữu nói có người đặt cọc mua rồi. Con hỏi ai mua, thì hóa ra là ông.

Bác Quỳnh thú vị:

- Vì biết trước con sẽ mua, nên ông đặt cọc trước, chỉ để con lên sau, ông tăng giá gấp đôi, con dám theo không?

Minh Dân cười lớn:

- Ha ha ha… Con mua đất theo giá trị tâm linh mà ông chỉ tính theo giá bất động sản thị trường để bán cho con là ông lỗ rồi. Nhưng con nói vui thôi. Về việc phục hồi nghĩa trang và cái miếu, ông và con, hai tư tưởng lớn gặp nhau, con không để ông làm một mình đâu.

Lúc này, anh mới phát hiện trong phòng ngoài những người quen, còn có người lạ là Linh Mai:

- Ủa! Cô bé xinh đẹp này là ai? Cho anh bắt tay em một cái.

Huy Lạc:

- Cháu thử đoán đi?

Minh Dân ngắm kỹ Linh Mai:

- Hao hao giống cô Linh Xuân. Diễn viên thì không phải vì cao quá

khổ. Em là người mẫu hay cầu thủ bóng chuyền từ Hà Nội vào hả?

Linh Mai cười:

- Thưa anh! Em là cầu thủ bóng chuyền đội nữ Bộ Tư lệnh Thông tin.

- Chúc mừng em đã chọn đúng nghề. Nhưng tại sao em lại lạc vào nơi chẳng ai có máu thể thao thế này?

- Em là cháu ngoại ông Huy Lạc và bà Linh Xuân.

- Rồi. Ông là tỉ phú, bà nhà khoa học, sao lại để em lêu lổng chơi bóng chuyền? Nếu vào giới showbiz, anh cam đoan em sẽ vừa kiếm được nhiều tiền hơn, vừa nhanh nổi tiếng hơn.

Đúng lúc đó, từ ngoài cửa xuất hiện một đám khách.

Minh Dân vẫy họ:

- Vào đây. Tất cả vào đây.

Tôi rất ngạc nhiên khi bước vào phòng toàn những gương mặt quen thuộc với tôi trong giới điện ảnh: Đạo diễn Đinh Đức Liêm, và các diễn viên Trương Ngọc Ánh, Hà Xuyên, Kim Khánh, Quyền Linh, Chi Bảo, từng đóng những bộ phim do tôi là tác giả kịch bản.

Minh Dân cởi mở lần lượt giới thiệu chủ, khách với nhau xong, rồi thưa với bác Quỳnh và chúng tôi:

- Chắc ông và cô chú ngạc nhiên khi con đưa các bạn này đến đây? Nguyên hôm cùng ông và các cô chú lên Phước Long, con bắt đầu tìm hiểu kỹ về từng nhân vật trong đoàn. Ông là ai? Bà Hoàn Trân, bà Bình Giao là ai? Chú Danh Hùng? Cô chú Huy Lạc, Linh Xuân là ai? Chú Tuấn, bác Nguyễn Minh Khôi là ai? Cuộc đời các ông bà và các cô chú, cộng thêm màn tìm hài cốt người thân bằng phương pháp ngoại cảm, rõ ràng là một bộ phim truyền hình đẹp, chắc chắn sẽ hút khán giả và hút nhiều quảng cáo, nên con về chào Đài Truyền hình Vĩnh Long và Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh. Cả hai đài đều sẵn lòng hợp tác. Nên con quyết định mời đạo diễn Đinh Đức Liêm làm đạo diễn bộ phim này. Anh Đinh Đức Liêm đã đề xuất Chi Bảo sẽ đóng vai ông, Hà Xuyên vai bà Bình Giao, Trương Ngọc Ánh vai bà Hoàn Trân. Kim Khánh vai cô Danh

Huyền. Bộ ba trong một thì Quyền Linh sẽ đóng vai chú Danh Hùng. Chú Nguyễn Minh Khôi và Huy Lạc, con đang tìm diễn viên. Cô Linh Xuân, chú Tuấn, cô Phương, anh Đinh Đức Liêm và con sẽ đều chọn những diễn viên xứng đáng và ăn khách…

Đạo diễn Đinh Đức Liêm nói với tôi:

- Em đề xuất biên kịch bộ phim là vì em và anh từng hợp tác nhiều phim, nhưng cậu ấy chưa chịu.

Minh Dân:

- Không phải chưa chịu mà không chịu. Con mong chú thông cảm vì con chủ trương không chọn thế hệ từng sống trong chiến tranh, mà muốn tác giả kịch bản là những người không biết chiến tranh là gì. Để xem thế hệ này nhìn nhận về chiến tranh thế nào, vì người xem từ nay trở đi chính là những người đồng hành với họ, và một trăm, một nghìn năm sau, về loại đề tài chiến tranh và lịch sử, muốn giữ cách nào, vẫn thuộc về các tác giả hậu sinh, nên bắt đầu từ hôm nay, mình giao cho họ làm, cũng không sợ sớm.

Linh Mai nói:

- Nếu vậy, anh chọn em đi.

Đạo diễn Đinh Đức Liêm nói:

- Linh Mai là một biên kịch thực sự đấy.

Phạm Phú Minh Dân chau mày ngắm Linh Mai một lần nữa:

- Ngay từ đầu, anh đã nói ông bà để em lêu lổng ở sân bóng chuyền là một sai lầm rồi mà. Vấn đề còn lại là khả năng của em có đáp ứng được yêu cầu của bộ phim, tức là yêu cầu của anh không? Nhưng đạo diễn Đinh Đức Liêm đã giới thiệu, anh đồng ý nhận em vào vòng tuyển chọn.

Anh chìa tay về phía Linh Mai. Linh Mai cũng bắt chặt tay Minh Dân:

- Em hy vọng sẽ hợp tác tốt được với anh.

Tôi hỏi bác Danh Quỳnh:

- Bác có đồng ý cho họ làm phim về mình?

- Chúng có hỏi ý kiến tôi đâu? Nhưng nếu được hỏi, tôi cũng không

phản đối.

- Trái với quan điểm trước của bác là không muốn bất cứ ai nói hay viết về mình.

Bác Quỳnh cười:

- Vì giờ đây bác nhận ra quyền nhìn nhận về lịch sử và quá khứ chưa chắc đã thuộc về những người làm nên lịch sử, nên có phản đối cũng vô ích.

Huy Lạc nói với Minh Dân:

- Cháu có chọn con Linh Mai viết kịch bản bộ phim này hay không là việc của hai đứa, nhưng nhất định phải cho chú hùn vốn.

Gò Vấp – TP. Hồ Chí Minh.

Nguyễn Mạnh Tuấn

DẤU ẤN NGUYỄN MẠNH TUẤN

Từ khoảng giữa năm 1975, đất nước từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, Nguyễn Mạnh Tuấn nằm trong số ít nhà văn từng bước dứt khỏi dòng văn chương miêu tả thuần túy, chuyển sang dòng văn chương lý giải hiện thực xã hội cùng những biến động không hề suôn sẻ của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa. Những tác phẩm của ông nâng số phận con người lên thành bối cảnh xã hội, với những phản ánh trung thực, kèm theo dự báo và kiến nghị. Nhà văn từng chia sẻ*: "... Với tôi cái gì nhìn không ra là không viết. Nhà văn không chỉ phải có vốn sống một cách đơn thuần mà phải có kiến thức để nhìn cuộc sống một cách sâu sắc, không dừng lại ở mức miêu tả cuộc sống mà phải lý giải nó*[15*]". Các tác phẩm theo khuynh hướng mới này được đa số bạn đọc đón nhận nồng nhiệt, nhưng cũng chịu nhiều phản ứng trái chiều, nên tùy hoàn cảnh ra đời và quan điểm xuất bản, tùy tài năng và bản lĩnh nhà văn mà có người thành công, có người thất bại. Riêng Nguyễn Mạnh Tuấn, với bộ ba tiểu thuyết *Những khoảng cách còn lại* (1980), *Đứng trước biển*(1982), *Cù lao tràm* (1984) đã thật sự tạo nên sóng gió trên văn đàn và đời sống xã hội. Hai tiểu thuyết *Yêu như là sống* (1990), *Phần hồn* (1994), với lối viết nhiệt huyết, khách quan, trung lập, giàu sức thuyết phục, đã nhanh chóng chinh phục đông đảo bạn đọc cả nước.

[15] Trích bài phỏng vấn đăng trên trang điện tử Mai vàng, thuộc tờ báo Người Lao động.*

Từ khoảng năm 2000 trở đi, vì nhiều lý do, sự nổi tiếng này có phần lắng xuống, nhất là khi ông chuyển ưu tiên sang lĩnh vực sân khấu và điện ảnh, tập trung viết kịch bản cho phim điện ảnh và truyền hình

nhiều tập.

Trong lĩnh vực điện ảnh, tên tuổi Nguyễn Mạnh Tuấn cũng để lại dấu ấn với các kịch bản phim điện ảnh: *Biển sáng, Xa và gần, Cơn lốc đen, Lưới trời, Sinh mệnh, Lối rẽ trái trên đường mòn, Tử hình, The Girl with No Number (Big Foot, Mỹ, sản xuất), Trúng số… và gần đây nhất là Hợp đồng bán mình* (2020).

Với phim truyền hình, ông được xếp vào hàng tác giả "phủ sóng toàn quốc", với những bộ phim lớn: *Hậu họa, Huyền sử thiên đô, Thái sư Trần Thủ Độ* (Đài Truyền hình Việt Nam); *Làng cát, Động cát đỏ* (Đài Truyền hình Thuận Hải); *Đồng tiền xương máu, Người đàn bà yếu đuối, Blouse trắng, Hướng nghiệp, Nghề báo…* (Đài Truyền hình Thành phố Hồ Chí Minh); *Dấu chân tròn trong lũ* (Đài Truyền hình Vĩnh Long); *Ấp ba nhà* (Đài Truyền hình Hậu Giang); *Nữ binh huyền thoại, Luật ngư trường* (Đài Truyền hình Kiên Giang);*Ninh Thạnh Lợi – Đất và lửa* (Đài Truyền hình Bạc Liêu)…

LINH ỨNG

NGUYỄN MẠNH TUẤN

FIRST NEWS

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 347 Đội Cấn - Quận Ba Đình - TP. Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860752

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập: Vũ Thị Thu Ngân

Trình bày: Văn Đông

Bìa:FirstNews

Thực hiện liên kết:

CÔNG TY TNHH VĂN HÓA SÁNG TẠO TRÍ VIỆT (First News)

Địa chỉ: 11H Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. HCM

In 4.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty Cổ phần In Khuyến Học Phía Nam.

(Lô B5-8, đường D4, KCN Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. HCM).

XNĐKXB số 2383-2021/CXBIPH/7-74/DT ngày 30/6/2021.

QĐXB số 1397/QĐXB/NXBDT cấp ngày 30/07/2021.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV/2021. ISBN: 978-604-331-734-3.